"Tuyệt diệu... xuất sắc nhờ tính đơn giản và sức thuyết phục của nó." — Steven Levitt, đồng tác giả *Freakonomics*

NGUỒN GỐC CỦA
QUYỀN LỰC, THỊNH VƯỢNG, VÀ NGHÈO ĐÓI

TẠI SAO CÁC QUỐC GIA THẤT BẠI

Sản Phẩm SÁCH HAY 2013

DARON ACEMOGLU VÀ JAMES A. ROBINSON

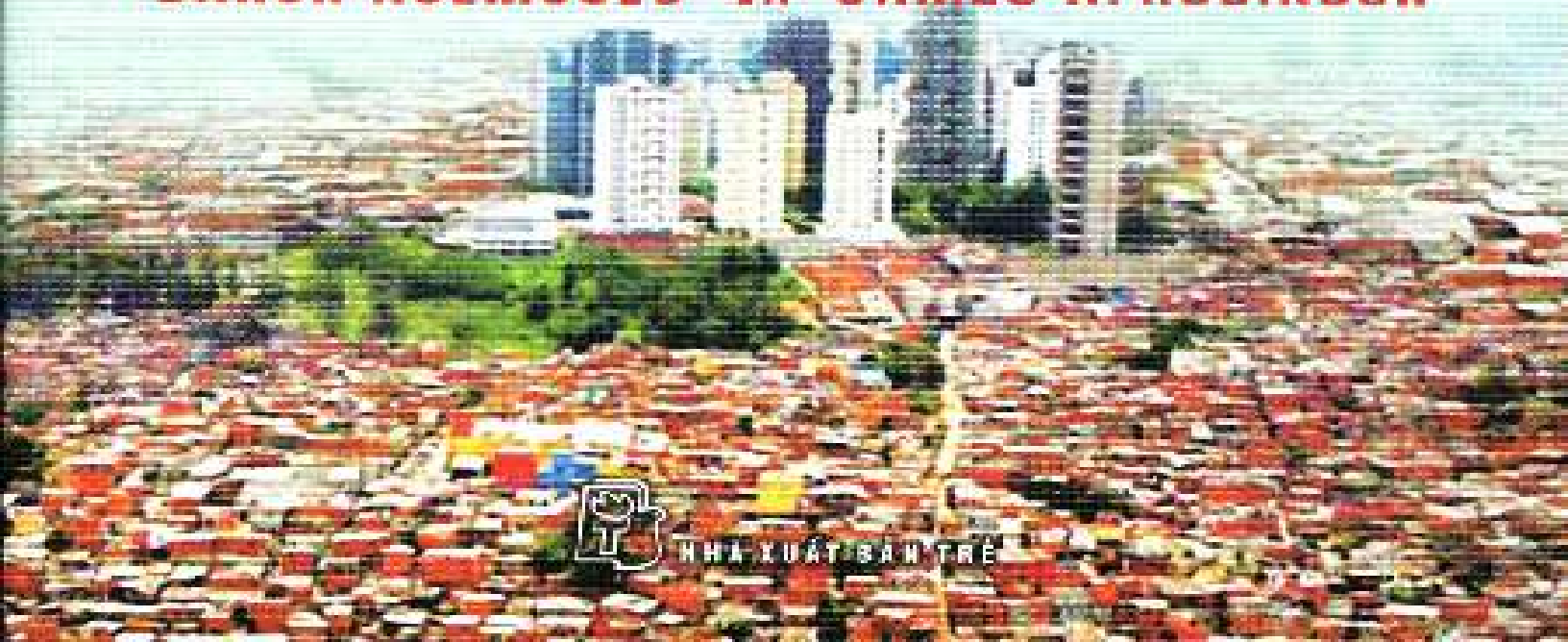

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

THÔNG TIN EBOOK

Tên sách: Tại Sao Các Quốc Gia Thất Bại - Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói
Nguyên tác: Why Nations Fail: The Origins of Power, Prosperity and Poverty
Tác giả: Daron Acemoğlu, James A. Robinson
Người Dịch: Trần Thị Kim Chi
Thể loại: Chính trị
Nhà Xuất Bản Trẻ © 2013
The Happiness Project #9-NF
TVE-4U *Read Freely - Think Freedom*
Thực hiện: Bún, Bơ, Banycol
Hoàn thành: 07/2015

https://thuviensach.vn

DỰ ÁN HẠNH PHÚC

The Happiness Project #9-NF

Hạnh phúc luôn tồn tại xung quanh chúng ta, điều quan trọng ta phải biết nắm bắt, kéo nó về phía mình để đem lại an lành cho bản thân, cho cuộc sống! Cuốn sách này là một niềm vui nhỏ bé chúng tôi muốn dành tặng đến bạn, người đọc ạ!

"*Hãy nhớ rằng không có hạnh phúc trong sự sở hữu hay sự thâu nhận, mà chỉ có trong sự trao tặng. Hãy mở rộng vòng tay - Hãy chia sẻ - Hãy ghì ôm. Hạnh phúc là một loại nước hoa, mà khi bạn rưới lên những người khác, thế nào cũng có một vài giọt dính trên người bạn.*" Og Madino

https://thuviensach.vn

TRUY TÌM CĂN NGUYÊN THỊNH VƯỢNG

Tại sao có những quốc gia giàu có, thậm chí là rất giàu có, trong khi có những quốc gia nghèo đói, thậm chí là rất nghèo đói? Để trả lời cho câu hỏi này, hai tác giả Daron Acemoglu và James S. Robinson đã dẫn dắt người đọc tham gia chuyến hành trình xuyên không gian và thời gian đến với những quốc gia, những nền văn minh tự cổ chí kim, từ các đế chế của quá khứ như Aztec, Inca, Maya, La Mã, Venice... cho đến các quốc gia đương đại như Mỹ, Anh, Châu Âu, Zimbabwe, Congo, Triều Tiên...

Với lượng thông tin dồi dào, kiến thức uyên bác và những phân tích sắc sảo, các tác giả lần lượt điểm lại và phản bác các lý thuyết phổ biến hiện tại về sự phồn vinh của một quốc gia. Liệu có phải một quốc gia chìm đắm trong đói nghèo là vì vị trí địa lý của nước đó không (Thuyết địa lý)? Hay các yếu tố văn hóa như tôn giáo, tính cách dân tộc, giá trị đạo đức xã hội .v..v. đã quyết định số phận đất nước như thế (Thuyết văn hóa)? Hay chỉ vì giới lãnh đạo không biết phải làm gì để đưa đất nước đi lên (Thuyết vô minh)? Câu trả lời của tác giả là rất dứt khoát: tất cả đều không phải.
Tập trung vào đối tượng nghiên cứu là các thể chế, cơ cấu tổ chức quốc gia, các tác giả đã tóm lược tất cả các thể chế của các quốc gia, bất kể khu vực nào, thời đại nào, ý thức hệ nào vào chỉ 2 loại: thể chế chiếm đoạt và thể chế dung hợp.
Thể chế chiếm đoạt (extractive institution) là một hệ thống tổ chức xã hội được giới lãnh đạo thiết kế nhằm mục đích chiếm đoạt thành quả lao động của người dân bằng cách tước đoạt quyền sở hữu của người dân, cấm đoán hoạt động kinh tế tư nhân, thu tóm quyền lực chính trị, loại bỏ các quyền tự do cá nhân, giáo dục nhằm mục đích tạo ra người tuân phục. Trong thể chế chiếm đoạt, chỉ nhà độc tài hay giới lãnh đạo là trở nên giàu có vô hạn vì đã chiếm đoạt được hầu hết thành quả lao động của người dân, còn phần lớn

https://thuviensach.vn

nhân dân sẽ chìm sâu vào đói nghèo và lạc hậu. Thể chế chiếm đoạt một khi đã hình thành thì sẽ có xu hướng tồn tại cho đến mãi mãi dù cho có thay đổi chính quyền, một vòng xoáy đi xuống sẽ hình thành khi chính quyền mới tiếp tục duy trì và tăng cường tính chiếm đoạt hơn cả chính quyền cũ, làm cho đất nước càng nghèo khổ hơn nữa.

Ngược lại, thể chế dung hợp (inclusive institution) lại tổ chức xã hội theo hướng tạo ra sự phát triển bằng cách khuyến khích người dân mưu cầu hạnh phúc và tài sản cho bản thân, quyền lực chính trị được phân tán và chịu sự giám sát từ nhiều phía, tôn trọng các quyền tự do cá nhân, giáo dục tập trung đào tạo ra con người tự chủ. Vì tạo ra động lực làm việc, động lực để sáng tạo, các thể chế dung hợp luôn mang đến sự thịnh vượng cho toàn bộ nhân dân, cho đất nước. Người dân một khi đã được nếm trải mùi vị của dân chủ, của tự do và thịnh vượng thì họ sẽ làm mọi cách để giữ lấy điều đó, từ đó tạo ra một vòng xoáy đi lên, đưa đất nước ngày càng tiến lên theo hướng dân chủ hơn, tự do hơn và thịnh vượng hơn.

Tóm lại, theo các tác giả, không phải quốc gia đó ở đâu, có nền văn hóa nào hay trình độ giới lãnh đạo mà chính việc có loại thể chế nào mới là yếu tố then chốt quyết định sự thịnh vượng của một quốc gia. Nói cách khác, chính sự khác biệt về thể chế mới là đường ranh giới của đói nghèo và phồn vinh chứ không phải là Bức tường Berlin (Đông Đức và Tây Đức) hay Vĩ tuyến 38 (Bắc Triều Tiên và Hàn Quốc). Tuy thế, tác giả cũng nói rõ rằng, nếu có một điều gì đó tệ hại nhất thì đó không phải là một thể chế chiếm đoạt mà là một sự hỗn loạn vô chính phủ, nơi mà chiến tranh giữa chính phủ và các phe phái liên miên không dứt như Sierra Leone, Somalia, Congo. Vì thế, trước khi nói đến sự thịnh vượng, người ta phải nói đến hòa bình và ổn định.

Đi sâu vào phân tích đặc điểm của từng loại thể chế, tác giả cho rằng tuy thể chế chiếm đoạt triệt tiêu động lực lao động, triệt tiêu sức sáng tạo nên thường mang đến sự đói nghèo và lạc hậu nhưng không phải thể chế chiếm đoạt không thể đem lại sự phát triển, điển hình là Liên Xô trước đây và Trung Quốc ngày nay. Liên Xô từ năm 1928 đến 1970 đã tập trung đào tạo nhân lực, tập trung các nguồn lực kinh tế để phát triển công nghiệp nặng và

https://thuviensach.vn

đã có những thành công rực rỡ. Ưu thế của thể chế chiếm đoạt là quyền lực tập trung vào một hay một số nhỏ người nên khả năng điều phối các nguồn lực của quốc gia có thể diễn ra nhanh chóng và triệt để, từ đó tạo ra những mũi nhọn trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, không phải lúc nào việc tập trung nguồn lực cũng đưa các nguồn lực đến đúng chỗ, thường thì nhà độc tài hay giới lãnh đạo sẽ sử dụng hết các nguồn lực đó để làm giàu cho cá nhân mình, bất chấp sự cùng khổ của nhân dân (ví dụ như ở Ai Cập, Zimbabwe, Bắc Triều Tiên...).

Ngoài ra, thể chế chiếm đoạt còn có thể tạo ra sự phát triển bằng cách cho phép tồn tại một phần nào đó sự dung hợp, ví dụ như Trung Quốc từ thập niên 1980 đến nay. Về cơ bản Trung Quốc vẫn là một thể chế chiếm đoạt (không cho sở hữu đất đai, tập trung quyền lực chính trị, kiểm soát các quyền tự do cá nhân) nhưng Trung Quốc vẫn cho phép sự phát triển của kinh tế tư nhân, cải cách giáo dục, cho phép người dân sử dụng internet (một công cụ nguy hiểm đối với các chính quyền chuyên chế).

Nhưng điểm yếu chí tử của sự tăng trưởng dưới thể chế chiếm đoạt nằm ở tính bền vững của tăng trưởng. Vì không có sự sáng tạo nên dù vận dụng các nguồn lực khéo léo đến thế nào thì cũng có một giới hạn cho sự phát triển. Đó chính là lý do tại sao Liên Xô sụp đổ về kinh tế sau thập niên 1970. Chỉ thể chế dung hợp mới có thể khuyến khích người dân cải tiến cái cũ, sáng tạo ra cái mới, từ đó mở rộng quy mô các nguồn lực hiện tại, tạo ra nhiều của cải hơn. Vì thế, sự dung hợp là không thể thiếu trong tiến trình phát triển của đất nước.

Vậy, thể chế dung hợp có phải là tối ưu tuyệt đối hay không? Rất tiếc là không có gì là hoàn hảo cả. Chính sức sáng tạo khi được giải phóng hoàn toàn sẽ liên tục cho ra những thành quả mà một vài trong số chúng mang tính thay thế đối với cái hiện tại, tạo nên sự đe dọa đối với quyền lực của giới lãnh đạo, thậm chí đôi khi còn mang đến sự hỗn loạn, tác giả gọi đây là sáng tạo phá hủy. Máy dệt sợi đã làm thay đổi cấu trúc kinh tế, từ đó dẫn đến sự phân phối lại quyền lực chính trị. Máy in tước đoạt độc quyền tri thức của giới quý tộc và tăng lữ. Internet giúp con người vượt qua mọi rào cản, phổ biến tri thức, phân bổ lại quyền lực.... Vì sự sáng tạo phá hủy này

https://thuviensach.vn

mà thể chế dung hợp luôn bị những nhà độc tài, những chính quyền chuyên chế, hoặc thậm chí một bộ phận dân chúng ngăn cản phát triển. Tuy nhiên, nếu không dám mạo hiểm với phá hủy sáng tạo cũng đồng nghĩa với sẽ không có phát triển. Con đường đến với sự thịnh vượng đâu phải là con đường bằng phẳng.

Tới đây thì các tác giả đã hoàn chỉnh các bộ phận cho lý thuyết của mình, cho lời giải thích cho câu hỏi "Tại sao có những quốc gia giàu có và những quốc gia nghèo đói?". Lý thuyết này đề cao tác dụng của dân chủ, tự do, xem đó là biểu hiện của một thể chế dung hợp - nguồn cơn của sự thịnh vượng - và lên án những thể chế chiếm đoạt - nguồn cơn của sự nghèo đói trên thế giới. Qua đó tác giả cũng vạch rõ mục đích của các chính quyền chuyên chế chỉ là muốn duy trì quyền lực, thâu tóm tài sản quốc gia và thành quả lao động của nhân dân nhằm vụ lợi cho một nhóm người có đặc quyền, bỏ mặc phần còn lại của đất nước trong lạc hậu và nghèo đói.

Từ tựa của cuốn sách là một câu hỏi ("*Tại sao các quốc gia thất bại?*"), các tác giả trong quá trình giải đáp câu hỏi này đã làm nhiều hơn chỉ là trả lời câu hỏi. Từ một lời giải thích, tác giả đã đưa ra một mục tiêu; từ một mục tiêu, người dân ở các quốc gia sẽ có được một lộ trình để đưa đất nước mình tiến tới sự thịnh vượng. Vì vậy, có thể xem đây là cuốn sách kinh tế - chính trị mang ý tưởng kích động nhất từng được xuất bản ở Việt Nam, người đọc sau khi kết thúc cuốn sách không khỏi nghĩ tới việc tạo nên một vòng xoáy đi lên ở đất nước mình, đưa Việt Nam thoát khỏi lạc hậu, tiến lên phồn vinh.

Banycol - Happiness Project

https://thuviensach.vn

GIỚI THIỆU

Sách được dịch và xuất bản sang tiếng Việt với sự hỗ trợ một phần về tài chính của Phòng Thông tin Văn hóa, Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

BÌA GẬP:

Được viết một cách hấp dẫn và thông minh, quyển sách Tại sao các quốc gia thất bại giúp giải đáp câu hỏi từng gây bối rối cho các chuyên gia qua nhiều thế kỷ: Tại sao một số nước giàu còn nhiều nước khác lại nghèo, bị chia rẽ giữa phồn vinh và nghèo khó, mạnh khỏe và bệnh tật, no đủ và đói kém?

Phải chăng lý do nằm ở văn hóa, thời tiết hay các yếu tố địa lý? Hay là do tình trạng thiếu hiểu biết về những chính sách đúng đắn?

Câu trả lời đơn giản là "không". Không nhân tố nào trong số này có tính quyết định hay định mệnh. Bởi vì nếu thế, làm sao ta giải thích được lý do khiến Botswana trở thành một trong những nước tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong khi những quốc gia châu Phi khác như Zimbabwe, Congo và Sierra Leone chìm đắm trong đói nghèo và bạo loạn?

Daron Acemoğlu và James Robinson chứng minh một cách dứt khoát rằng chính những thể chế kinh tế và chính trị do con người tạo ra là nguyên nhân căn bản của sự thành công (hay không thành công) về kinh tế. Chỉ cần đơn cử một trong những ví dụ thú vị: đất nước Triều Tiên có thành phần dân tộc đồng nhất rõ rệt, thế mà dân chúng Bắc Triều Tiên thuộc nhóm nghèo nhất thế giới trong khi những người anh em Nam Triều Tiên của họ lại nằm trong số những người giàu nhất. Miền nam đã hun đúc nên một xã hội tạo ra được các động cơ khuyến khích, ban thưởng cho sự đổi mới sáng tạo, và cho phép mọi người tham gia vào các cơ hội kinh tế. Thành công kinh tế này được duy trì nhờ chính phủ trở nên có trách nhiệm giải trình và đáp ứng nhanh chóng trước đại đa số quần chúng. Đáng buồn thay, người dân

https://thuviensach.vn

miền bắc phải chịu đựng hàng thập niên đói nghèo, đàn áp chính trị, và những thể chế kinh tế vô cùng khác biệt. Sự khác biệt giữa hai miền nam bắc là do hệ thống chính trị đã tạo ra các quỹ đạo thể chế hoàn toàn khác nhau.

Dựa vào 15 năm nghiên cứu sâu sắc, Acemoğlu và Robinson đã sắp xếp những bằng chứng lịch sử phi thường từ Đế chế La Mã, các thành bang Maya, Venice thời Trung cổ, Liên Xô, châu Mỹ La-tinh, nước Anh, châu Âu, Hoa Kỳ và châu Phi để xây dựng một lý thuyết mới về kinh tế chính trị rất thích hợp cho những câu hỏi lớn của ngày hôm nay như:

- Trung Quốc đã xây dựng một cỗ máy tăng trưởng có tính chuyên quyền. Liệu đất nước này có tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao như thế và sẽ chế ngự phương Tây?
- Phải chăng những năm tháng huy hoàng nhất của nước Mỹ đã lùi vào quá khứ? Phải chăng nước Mỹ đang chuyển từ một vòng xoáy đi lên, trong đó những nỗ lực của giới quyền thế nhằm củng cố sức mạnh đã bị kháng cự, sang một vòng xoáy đi xuống làm giàu và trao quyền cho một nhóm thiểu số ít ỏi?
- Đâu là con đường hữu hiệu nhất giúp đưa hàng triệu người thoát khỏi hố sâu đói nghèo và đi tới thịnh vượng? Phải chăng là bằng lòng nhân đạo nhiều hơn của các nước phương Tây giàu có? Hay là bằng cách học lấy bài học hóc búa từ những ý tưởng đột phá của Acemoğlu và Robinson về sự tương tác giữa các thể chế kinh tế và chính trị có tính dung hợp?

Quyển sách Tại sao các quốc gia thất bại sẽ thay đổi cách thức chúng ta nhìn và hiểu thế giới.

DARON ACEMOĞLU được phong danh hiệu Giáo sư Killian chuyên ngành Kinh tế học ở Viện Công nghệ Massachusetts (MIT). Năm 2005, ông được tặng Huân chương John Bates Clark dành cho những nhà kinh tế học dưới 40 tuổi được công nhận là đã có những đóng góp quan trọng nhất cho kho tàng tư tưởng và tri thức kinh tế.

JAMES A. ROBINSON là nhà khoa học chính trị và nhà kinh tế học, được phong danh hiệu Giáo sư David Florence về Chính phủ tại Đại học

https://thuviensach.vn

Harvard. Là chuyên gia nổi tiếng thế giới về châu Mỹ La-tinh và châu Phi, ông từng làm việc ở Botswana, Mauritius, Sierra Leone và Nam Phi.

BÌA 4:

“Tại sao các quốc gia thất bại là một quyển sách tuyệt diệu. Acemoğlu và Robinson đã nhằm vào một trong những vấn đề quan trọng nhất trong khoa học xã hội - một câu hỏi giày vò các nhà tư tưởng hàng đầu qua nhiều thế kỷ - và đã mang lại lời giải đáp xuất sắc nhờ tính đơn giản và sức thuyết phục của nó. Là sự hòa quyện nhuần nhuyễn giữa lịch sử, khoa học chính trị và kinh tế học, quyển sách này sẽ làm thay đổi cách tư duy của chúng ta về phát triển kinh tế. Tại sao các quốc gia thất bại là một quyển sách mà bạn phải đọc”.

—STEVENT LEVITT, đồng tác giả của tác phẩm Kinh tế học hài hước (Freakonomics)

“Có ba lý do khiến bạn sẽ yêu thích quyển sách này: Nó nói về sự chênh lệnh thu nhập quốc gia trong thế giới hiện đại, có lẽ là vấn đề lớn nhất của thế giới ngày nay. Nó lại càng thêm sống động với những câu chuyện kỳ thú làm cho bạn trở nên cuốn hút trong những bữa tiệc cocktail - như lý do gì khiến Botswana thịnh vượng còn Sierra Leone thì không. Và nó rất dễ đọc. Cũng như tôi, bạn không tránh khỏi sẽ đọc quyển sách một mạch từ đầu đến cuối, rồi đọc đi đọc lại thêm nhiều lần nữa”.

—JARED DIAMOND, tác giả của những tác phẩm bán chạy nhất từng đoạt giải Pulitzer như Súng, vi trùng và thép (Guns, Germs and Steel) và Sụp đổ (Collapse)

“Một quyển sách hấp dẫn và vô cùng dễ đọc. Và kết luận là một tin vui: các thể chế ‘chiếm đoạt’ chuyên quyền như những thể chế đang thúc đẩy tăng trưởng ở Trung Quốc ngày nay nhất định sẽ kiệt sức. Không có những thể chế dung hợp được hình thành trước tiên ở phương Tây thì sẽ không thể có tăng trưởng bền vững, vì chỉ có một xã hội thực sự tự do mới có thể đem

https://thuviensach.vn

đến sự đổi mới thực thụ cũng như hệ quả tất yếu của nó sự phá hủy sáng tạo".
—NIALL FERGUSON, tác giả của tác phẩm Đồng tiền lên ngôi (The Ascent of Money)

"Trước đây, một triết gia người Xcốt-len ít ai biết đến đã viết một quyển sách về những điều làm các nước thành công và những điều khiến họ thất bại. Quyển sách Sự thịnh vượng của các quốc gia (The Wealth of Nations) đến ngày nay vẫn còn được đọc. Với cùng tinh thần sáng suốt và tầm nhìn lịch sử bao quát như thế, Daron Acemoğlu và James Robinson đã trả lời câu hỏi tương tự cho thời đại của chúng ta. Sau hai thế kỷ nữa, cháu chắt chút chít của chúng ta cũng sẽ vẫn đọc Tại sao các quốc gia thất bại".
—GEORGE AKERLOF, giải Nobel kinh tế năm 2001

"Quyển sách Tại sao các quốc gia thất bại thật hay trên nhiều phương diện đến mức tôi không chắc có thể kể hết ra được. Nó giải thích về những miền đất rộng lớn trong lịch sử loài người. Dù ở châu Á, châu Phi hay châu Mỹ, nó đều thông thuộc như nhau. Nó công bằng cho cả cánh tả lẫn cánh hữu cũng như mọi xu hướng trung dung. Nó không nện thẳng cánh mà cũng chẳng lăng mạ cốt để lôi cuốn sự chú ý. Nó vừa làm sáng tỏ quá khứ vừa trao cho chúng ta một cách thức mới để tư duy về hiện tại. Chính quyển sách hiếm có trong kinh tế học này sẽ thuyết phục độc giả rằng hai tác giả muốn đem lại những điều tốt đẹp nhất cho những con người bình thường. Nó mang lại cho các học giả những tháng năm tranh luận, cho những độc giả bình thường những năm tháng chuyện trò bên bàn ăn theo kiểu 'các bạn có biết không…' Nó có những mẩu chuyện vui mà ta luôn luôn đón nhận. Nó là một quyển sách xuất sắc và bạn nên mua ngay, qua đó khuyến khích các tác giả tiếp tục sự nghiệp của mình".
—CHARLES C. MANN, tác giả của 1491 và 1493

https://thuviensach.vn

ĐỀ MỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

LỜI TỰA CHO BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT NAM

LỜI KHEN NGỢI DÀNH CHO *Tại sao các quốc gia thất bại*

LỜI NÓI ĐẦU

Tại sao người Ai Cập tràn ngập quảng trường Tahrir để hạ bệ Hosni Mubarak và điều đó có ý nghĩa gì đối với nhận thức của chúng ta về nguyên nhân của thịnh vượng và đói nghèo

1 RẤT GẦN NHAU MÀ RẤT KHÁC NHAU

Nogales bang Arizona và Nogales bang Sonora có cùng thành phần dân cư, cùng văn hóa và địa lý. Tại sao thành phố này giàu còn thành phố kia nghèo?

2 NHỮNG LÝ THUYẾT KHÔNG THUYẾT PHỤC

Các nước nghèo không phải vì yếu tố địa lý hay văn hóa, hay vì các nhà lãnh đạo đất nước không biết chính sách nào sẽ làm giàu cho dân chúng

3 TẠO RA THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO

Sự thịnh vượng và đói nghèo được quyết định bởi các động cơ khuyến khích hình thành từ các thể chế như thế nào, và nền chính trị sẽ quyết định đất nước sẽ có những thể chế như thế nào

4 NHỮNG KHÁC BIỆT NHỎ VÀ NHỮNG THỜI ĐIỂM QUYẾT ĐỊNH: SỨC NẶNG CỦA LỊCH SỬ

https://thuviensach.vn

Các thể chế thay đổi như thế nào thông qua xung đột chính trị, và quá khứ định hình hiện tại ra sao

5 "TÔI ĐÃ NHÌN THẤY TƯƠNG LAI, VÀ NÓ ĐANG CHẠY TỐT": TĂNG TRƯỞNG TRONG CÁC THỂ CHẾ CHIẾM ĐOẠT

Điểm chung của Stalin, vua Shyaam, cuộc Cách mạng thời kỳ đồ đá mới, và các thành bang Maya là gì, và điều này giúp giải thích tại sao tăng trưởng kinh tế hiện nay của Trung Quốc không thể kéo dài

6 PHÂN HÓA THỂ CHẾ

Cách thức tiến hóa của các thể chế theo thời gian, thường là phân hóa một cách từ từ

7 BƯỚC NGOẶT THỂ CHẾ

Cuộc cách mạng chính trị năm 1688 đã làm thay đổi thể chế ở Anh và dẫn đến Cách mạng công nghiệp như thế nào

8 KHÔNG PHẢI TRÊN LÃNH ĐỊA CỦA CHÚNG TA: CÁC RÀO CẢN PHÁT TRIỂN

Tại sao giới quyền thế chính trị ở nhiều nước chống đối Cách mạng công nghiệp

9 ĐẢO NGƯỢC SỰ PHÁT TRIỂN

Chủ nghĩa thực dân châu Âu đã làm bần cùng hóa nhiều nơi trên thế giới như thế nào

10 TRUYỀN BÁ SỰ THỊNH VƯỢNG

Một vài nơi trên thế giới đi theo những lộ trình thịnh vượng khác với nước Anh ra sao

https://thuviensach.vn

11 VÒNG XOÁY ĐI LÊN

Các thể chế khuyến khích sự phồn vinh tạo ra những vòng lặp phản hồi tích cực giúp ngăn chặn nỗ lực của giới quyền thế nhằm lũng đoạn thể chế như thế nào

12 VÒNG XOÁY ĐI XUỐNG

Các thể chế tạo ra đói nghèo cũng tạo ra những vòng lặp phản hồi tiêu cực và tồn tại dai dẳng ra sao

13 TẠI SAO CÁC QUỐC GIA NGÀY NAY THẤT BẠI

Chung quy vẫn là thể chế, thể chế và thể chế

14 PHÁ KHUÔN

Một vài nước đã thay đổi quỹ đạo kinh tế như thế nào thông qua thay đổi thể chế

15 TÌM HIỂU SỰ THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO

Thế giới có thể khác nhau đến mức nào và hiểu biết về điều này có thể giúp ta giải thích lý do khiến hầu hết các nỗ lực chống đói nghèo đều thất bại ra sao

LỜI CẢM ƠN

TÀI LIỆU VÀ NGUỒN TRA CỨU

PHẦN HÌNH ẢNH

https://thuviensach.vn

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bức tranh cách biệt giàu nghèo nổi lên rõ rệt trong thế giới toàn cầu hóa hiện nay. Tìm kiếm học thuyết lý giải được sự thịnh vượng hay đói nghèo của các nước - từ đó xây dựng một mô hình phát triển - là đề tài đã có rất nhiều nhà kinh tế học theo đuổi kể từ khi nền kinh tế hàng hóa hình thành sau Cách mạng công nghiệp ở Anh lần đầu tiên, cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19.

Từng có nhiều luận thuyết về cách biệt giàu nghèo dựa trên giả thuyết do địa lý, do văn hóa, do sự thiếu hiểu biết (giả thuyết vô minh). Giờ đây, *Tại sao các quốc gia thất bại* trình bày luận thuyết của hai nhà kinh tế học Daron Acemoğlu và James A. Robinson, lập luận rằng nguồn gốc của đói nghèo và thịnh vượng của các nước là do thể chế. Hơn 600 trang sách (ấn bản tiếng Việt) này là công trình đồ sộ mà hai tác giả dày công nghiên cứu lịch sử kinh tế - chính trị toàn cầu, từ thời tìm ra Tân thế giới cho đến nay. Những sự kiện và dữ liệu lịch sử tinh tế, tỉ mỉ, cho thấy những chương đen tối nhất cũng như huy hoàng nhất của xã hội loài người thời cận đại và hiện đại, công trình nhằm tập hợp lập luận cho giả thuyết giải thích cách biệt giàu nghèo là do thể chế. Những lập luận này chỉ rõ: dù có yếu tố ngẫu nhiên lịch sử, có sức hút mạnh mẽ của vòng xoáy đi xuống từ thể chế chiếm đoạt này sang thể chế chiếm đoạt khác, có yếu tố quyết định của thời cơ và cá nhân lãnh đạo, nhưng thịnh vượng hay đói nghèo không phải là định mệnh, không phải là số phận mặc định với bất cứ quốc gia hay dân tộc nào. Những thể chế dung hợp về chính trị và kinh tế đã đưa nhiều quốc gia đến sự thịnh vượng ngày nay, và vẫn đang tiếp tục theo quỹ đạo vòng xoáy đi lên.

Vì những giá trị đáng xem xét đó của công trình này, Nhà xuất bản Trẻ cân nhắc và giới thiệu *Tại sao các quốc gia thất bại* trên cơ sở tôn trọng đầy đủ quan điểm của các tác giả - những quan điểm trong sách không phải

https://thuviensach.vn

là quan điểm của nhà xuất bản - để bạn đọc thận trọng nghiên cứu và rút ra những hiểu biết đúng đắn cho riêng mình.

https://thuviensach.vn

LỜI TỰA CHO BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT NAM

TẠI SAO CÁC QUỐC GIA THẤT BẠI

DARON ACEMOĞLU VÀ JAMES A. ROBINSON

VIỆT NAM là một trong những thành công về kinh tế trong 30 năm qua. Mặc dù hiện nay, với mức thu nhập bình quân đầu người khoảng 3.400 đô-la theo sức mua tương đương, tuy chưa phải là một nước giàu, song Việt Nam đã đạt được những thành tích giảm nghèo nổi bật: chỉ trong vòng ba thập kỷ, biến một quốc gia trong đó tình trạng nghèo là phổ biến trở thành một quốc gia với tỷ lệ nghèo chỉ còn khoảng 10% theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới. Bản thân thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam đã tăng gấp 10 lần trong giai đoạn này.

Tại sao vào thời điểm năm 1980, Việt Nam lại nghèo như vậy? Tại sao sau đó Việt Nam lại phát triển nhanh chóng? Các nhà kinh tế học và các nhà khoa học xã hội đã đưa ra nhiều cách giải thích khác nhau cho những sự kiện kiểu này. Một số người cho rằng sự thành công kinh tế của một quốc gia hoặc khu vực được xác định bởi vị trí địa lý hay điều kiện sinh thái của nó. Các học giả này đặc biệt quan tâm đến việc một quốc gia có nằm trong khu vực nhiệt đới hay không. Theo họ, vì Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới giữa hạ chí tuyến và xích đạo nên tiềm năng kinh tế nội tại của nó chỉ có giới hạn. Nhưng sự thay đổi sâu sắc trong quỹ đạo kinh tế của việt Nam trong 30 năm qua không hề liên quan tới sự thay đổi vị trí địa lý. Một số người khác sẽ lập luận rằng văn hóa của một dân tộc, các chuẩn mực xã hội, các giá trị hay đạo đức làm việc sẽ quyết định sự thành công hay thất bại về kinh tế. Nhưng một lần nữa, văn hóa Việt Nam đã không thay đổi kể từ thập niên 1980 trở lại đây. Cuối cùng, nếu bạn tham dự các lớp kinh tế phát triển ở các khoa kinh tế học hàng đầu thế giới, bạn sẽ được

https://thuviensach.vn

học là chúng ta đơn giản không biết tại sao Việt Nam đã nghèo trong gần suốt lịch sử của mình nhưng gần đây lại tăng trưởng nhanh chóng. Có lẽ là do cuối cùng Việt Nam cũng có được những nhà kinh tế học tài ba, hoặc nhờ đổi mới tư duy, hoặc đơn giản chỉ là do may mắn.

Cuốn sách này cung cấp các công cụ thích hợp để hiểu tại sao Việt Nam đã từng rất nghèo và tại sao tình trạng nghèo này bắt đầu thay đổi từ thập niên 1980. Nó cũng giúp chúng ta hiểu được liệu những thay đổi diễn ra ở Việt Nam trong ba thập niên vừa qua có bền vững hay không. Lịch sử trì trệ và sự tăng trưởng gần đây ở Việt Nam không xuất phát từ các nguyên nhân địa lý hay văn hóa mà xuất phát từ những quy tắc - hay thể chế - mà bản thân xã hội Việt Nam đã tạo ra. Để thành công về kinh tế, xã hội cần phải tạo ra được một tập hợp các thể chế kinh tế có thể thúc đẩy tài năng, kỹ năng, sự sáng tạo và năng lượng của người dân, và những năng lực này được phân phối một cách rộng rãi trong toàn xã hội, nhờ đó tạo thành một đặc tính quan trọng - tính dung hợp - của tập hợp thể chế kinh tế có khả năng tạo ra sự thịnh vượng. Tính dung hợp của tập hợp thể chế này tạo ra các cơ hội bình đẳng về kinh tế cho tất cả mọi người, đem lại cho họ quyền sở hữu tài sản, quyền tiếp cận với thị trường, cơ hội giáo dục và bình đẳng trước pháp luật. Chẳng hạn như lịch sử nghèo đói của Việt Nam trong thời phong kiến hoặc dưới thời Pháp thuộc có thể được giải thích bằng thực tế là các thể chế kinh tế trong những thời kỳ này không có tính dung hợp mà có tính tước đoạt: những thể chế được thiết kế để hạn chế cơ hội, để tạo ra ân sủng và độc quyền cho một vài nhóm thiểu số và bắt đa số còn lại phải trả giá. Họ dập tắt cơ hội của nhiều người, trao đặc quyền cho một số thiểu số trong giới quyền thế bản địa hay cho thực dân Pháp.

Nhưng tại sao trong lịch sử Việt Nam, giống như phần lớn thế giới, lại tồn tại các thể chế kinh tế có tính chiếm đoạt? Có thể thấy điều này rõ nhất khi xem xét trường hợp của thực dân Pháp. Với công nghệ quân sự ưu việt và sự thống trị chính trị, người Pháp đã có thể áp đặt một tập hợp các quy tắc tạo đặc quyền cho chính họ và tay sai. Vì vậy, chìa khóa để nhận biết

https://thuviensach.vn

một thể chế kinh tế có tính dung hợp hay chiếm đoạt nằm ở bản chất của chính trị và quyền lực chính trị. Trong nhà nước thuộc địa Pháp, quyền lực chính trị đã được phân phối trong phạm vi hẹp, và nhà nước được sử dụng để ủng hộ các lợi ích đặc biệt - do vậy thể chế chính trị có tính chiếm đoạt. Người Việt Nam, mặc dù chiếm đa số, nhưng đã bị trục xuất ra khỏi địa hạt quyền lực chính trị và bị tước đoạt cơ hội kinh tế. Điều này trên thực tế cũng đã từng tồn tại, ngay cả trước khi thực dân Pháp xuất hiện, chỉ khác là quyền lực được trao cho giới quyền thế trong nước chứ không phải nước ngoài.

Trong cuốn sách này, chúng tôi chứng minh rằng trong hầu hết mọi trường hợp, một nước sở dĩ nghèo là do họ có các thể chế kinh tế chiếm đoạt, bắt nguồn từ các thể chế chính trị chiếm đoạt. Còn các nước giàu sở dĩ giàu là bởi vì họ có các thể chế chính trị dung hợp, với nhà nước mạnh và có trách nhiệm giải trình, và quyền lực chính trị được phân phối một cách rộng rãi, và nhờ đó tạo ra các thể chế kinh tế dung hợp.

Để trở nên giàu có, một nước nghèo phải chuyển đổi từ các thể chế chiếm đoạt sang dung hợp. Trong địa hạt kinh tế, đây chính là căn nguyên tạo ra tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam gần đây. Sau khi đánh đổ chế độ thực dân và thống nhất đất nước, Việt Nam đã tạo ra một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung trong đó nhà nước sở hữu toàn bộ đất đai và hầu hết các ngành công nghiệp. Tuy nhiên, các thử nghiệm với nền kinh tế chỉ huy trong thập niên 1970 và đầu thập niên 1980 đã cho thấy những hạn chế kinh tế nghiêm trọng của mô hình này. Trong khi đó, quá trình chuyển đổi của Trung Quốc dưới thời Đặng Tiểu Bình cho thấy rằng sự ra đời của các tổ chức kinh tế dung hợp hơn đã tạo ra tăng trưởng kinh tế trong khi vẫn giữ được quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản. Chính sách Đổi mới của Chính phủ Việt Nam từ năm 1986 được đưa ra nhằm chuyển nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Chính sách kinh tế Đổi mới đã đem lại những khuyến khích có tính thị trường, giải tán nông nghiệp tập thể, loại bỏ kiểm soát giá cả hàng nông

https://thuviensach.vn

sản, và cho phép nông dân tiêu thụ hàng hóa của họ trên thị trường. Giống như Trung Quốc, phong trào chuyển sang các thể chế dung hợp này đã thành công và bắt đầu phát huy những tài năng tiềm ẩn to lớn nhưng chưa được giải phóng của người dân. Những cải cách này cùng với những cải cách sau đó đã khuyến khích việc thành lập doanh nghiệp tư nhân và đầu tư nước ngoài. Như vậy, tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam từ thập niên 1980 đã được thúc đẩy bởi phong trào chuyển sang các thể chế kinh tế dung hợp hơn, mặc dù quá trình chuyển đổi này vẫn còn một chặng đường dài trước mắt. Việt Nam sẽ phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách một cách toàn diện nếu muốn duy trì được đà tăng trưởng hiện nay và gia nhập hàng ngũ những quốc gia giàu mạnh nhất thế giới.

LỜI KHEN NGỢI DÀNH CHO *Tại sao các quốc gia thất bại*

"Acemoğlu và Robinson đã có những đóng góp quan trọng cho cuộc tranh luận về lý do khiến những nước tuy diện mạo có vẻ giống nhau song lại có sự phát triển kinh tế và chính trị hết sức khác nhau. Bằng nhiều ví dụ lịch sử có tính bao quát, họ cho chúng ta thấy sự phát triển thể chế, đôi khi dựa vào những hoàn cảnh hết sức tình cờ, đã đem lại những hệ quả to lớn. Độ mở của xã hội, sự sẵn lòng chấp nhận phá hủy sáng tạo, và tinh thần thượng tôn pháp luật tỏ ra có ý nghĩa quyết định đối với phát triển kinh tế".

—Kenneth J. Arrow, giải Nobel kinh tế, 1972

"Quyển sách quan trọng và sâu sắc này cùng với các ví dụ lịch sử trong đó giúp khẳng định lập luận rằng các thể chế chính trị dung hợp ủng hộ cho các thể chế kinh tế dung hợp là nhân tố then chốt để đạt được sự thịnh vượng bền vững. Quyển sách này nhìn lại cách thức các chế độ tốt đẹp hình thành và đưa đến một vòng xoáy đi lên như thế nào, trong khi các

https://thuviensach.vn

chế độ tồi tệ vẫn nằm trong vòng xoáy đi xuống. Đây là một phân tích quan trọng không thể bỏ qua".

—Peter Diamond, giải Nobel kinh tế, 2010

"Đối với những người nghĩ rằng vận mệnh kinh tế của một đất nước được xác định bởi yếu tố địa lý hay văn hóa, Daron Acemoğlu và Jim Robinson gửi đến họ những tin tức không mấy tốt lành. Chính những thể chế do con người tạo ra, chứ không phải vị trí của đất nước hay đức tin của tổ tiên, quyết định việc một quốc gia sẽ nghèo hay giàu. Là một sự tổng hợp xuất sắc công trình nghiên cứu của các nhà lý thuyết từ Adam Smith cho đến Douglass North với các nghiên cứu thực nghiệm gần đây của các nhà sử học kinh tế, Acemoğlu và Robinson đã viết nên một quyển sách thuyết phục và vô cùng đáng đọc".

—Niall Ferguson, tác giả của *Đồng tiền lên ngôi* (The Ascent of Money)

"Acemoğlu và Robinson - hai trong số những chuyên gia hàng đầu thế giới về phát triển - phơi bày lý do tại sao không phải yếu tố địa lý, bệnh tật hay văn hóa giúp giải thích tại sao một số nước giàu trong khi những nước khác lại nghèo, mà đúng hơn, đó là vấn đề thể chế và chính trị. Quyển sách dễ lĩnh hội này mang lại những hiểu biết thú vị cho các chuyên gia cũng như độc giả phổ thông".

—Francis Fukuyama, tác giả của *The End of History and the Last Man* và *The Origins of Political Order*

"Hai trong số các nhà kinh tế học xuất sắc và uyên bác nhất thế giới bàn về vấn đề gay cấn nhất: tại sao một số nước thì giàu và những nước khác lại nghèo? Được viết bằng những tri thức sâu sắc về kinh tế học và lịch sử chính trị, đây có lẽ là nhận định thuyết phục nhất được đưa ra hiện nay rằng 'các thể chế là quan trọng'. Một quyển sách kích thích, phong phú thông tin và hoàn toàn mê hoặc".

https://thuviensach.vn

—Joel Mokyr, giáo sư Nghệ thuật và khoa học Robert H. Strotz, và giáo sư Kinh tế và lịch sử, Đại học Northwestern

"Hãy tưởng tượng ta đang ngồi quanh bàn lắng nghe Jared Diamond, Joseph Schumpeter và James Madison suy ngẫm về hơn hai trăm năm lịch sử chính trị và kinh tế. Hãy tưởng tượng họ đang dệt các ý tưởng thành một khung lý thuyết mạch lạc dựa vào việc kiềm chế sự chiếm đoạt, đẩy mạnh sự phá hủy sáng tạo và xây dựng các thể chế chính trị định hình quyền lực, và bạn bắt đầu nhìn thấy cống hiến của quyển sách sâu sắc và hấp dẫn này".

—Scott E. Page, Đại học Michigan và Viện Santa Fe

"Trong quyển sách bao trùm nhiều vấn đề một cách kinh ngạc này, Acemoğlu và Robinson đặt ra một câu hỏi đơn giản nhưng quan trọng, tại sao một số nước trở nên giàu có trong khi những nước khác mãi nghèo? Câu trả lời cũng đơn giản - vì nền chính trị đã xây dựng nên những thể chế chính trị có tính dung hợp hơn. Điều ấn tượng về quyển sách này là tính sinh động và rõ ràng trong văn phong, nét tao nhã của lập luận, và sự phong phú đáng kể của chi tiết lịch sử. Đây là một quyển sách phải đọc giữa thời điểm chính phủ các nước phương Tây phải đạt được một nguyện vọng chính trị nhằm giải quyết cuộc khủng hoảng nợ với tỷ lệ bất thường".

—Steven Pincus, giáo s ư Lịch sử và Nghiên cứu khu vực và quốc tế Bradford Durfee, Đại học Yale

"Không chỉ là một quyển sách hấp dẫn và thú vị mà còn là một quyển sách thật sự quan trọng. Nghiên cứu hết sức sáng tạo mà các giáo sư Acemoğlu và Robinson đã thực hiện, và đang tiếp tục thực hiện, về cách thức các áp lực kinh tế, chính trị và các chọn lựa chính trị cùng tiến hóa và ràng buộc lẫn nhau, và cách thức các thể chế ảnh hưởng đến sự tiến hóa đó, vô cùng cần thiết để ta tìm hiểu về thành công và thất bại của các xã hội và quốc gia. Và ở đây, trong quyển sách này, tri thức ấy được trình bày dưới

https://thuviensach.vn

một hình thức hết sức dễ hấp thu, quả thật là lôi cuốn. Ai đã cầm quyển sách này lên và bắt đầu đọc sẽ thấy khó lòng đặt xuống".

—Michael Spence, giải Nobel kinh tế, 2001

"Quyển sách thú vị và dễ đọc này tập trung vào sự tiến hóa của mối liên kết phức tạp các thể chế chính trị và kinh tế, theo những chiều hướng tốt và xấu. Quyển sách đạt được sự cân bằng tinh tế giữa lôgic của hành vi kinh tế và chính trị và sự thay đổi chiều hướng hình thành từ các biến cố lịch sử ngẫu nhiên, lớn và bé, vào 'những thời điểm quyết định'. Acemoğlu và Robinson trình bày nhiều ví dụ lịch sử cho thấy sự thay đổi đó có thể thiên về những thể chế thuận lợi, tích cực đổi mới và thành công kinh tế, hoặc là hướng tới những thể chế có tính áp chế và cuối cùng là suy tàn hay đình trệ. Thật tài tình khi họ có thể tạo ra cả sự phấn khích và suy tưởng như thế".

—Rober Solow, giải Nobel kinh tế, 1987

https://thuviensach.vn

LỜI NÓI ĐẦU

QUYỂN SÁCH NÀY đề cập đến sự khác biệt to lớn về thu nhập và mức sống giữa những nước giàu trên thế giới như Hoa Kỳ, Anh và Đức, với những nước nghèo như vùng hạ Sahara ở châu Phi, Trung Mỹ và Nam Á.

Khi chúng tôi viết những dòng này, Bắc Phi và Trung Đông đang rung động bởi phong trào cách mạng nhân dân Ảrập ("Mùa xuân Ảrập") khởi nguồn từ cuộc Cách mạng Hoa Nhài mà thoạt đầu được châm ngòi bởi cơn phẫn nộ của quần chúng trước việc tự thiêu của người bán hàng rong Mohamed Bouazizi vào ngày 17/12/2010. Ngày 14/1/2011, tổng thống Zine El Abidine Ben Ali, người từng cai trị đất nước Tunisia suốt từ năm 1987, đã bị phế truất, nhưng nhiệt huyết cách mạng chống lại ách thống trị của các nhóm quyền thế đặc ân ở Tunisia vẫn không nguội đi mà ngày càng sôi sục và lây lan sang phần còn lại của Trung Đông. Hosni Mubarak, nguyên tổng thống từng cai trị Ai Cập với bàn tay thép gần 30 năm, bị trục xuất vào ngày 11/12/2011. Vận mệnh của chế độ ở Bahrain, Libya, Syria và Yemen vẫn chưa ngã ngũ khi chúng tôi viết xong phần mở đầu này.

Cội rễ của bất mãn ở những nước này nằm ở cảnh đói nghèo của họ. Mức thu nhập bình quân của người Ai Cập xấp xỉ 12% so với người Mỹ, còn tuổi thọ thì kém hơn 10 năm; 20% dân số Ai Cập sống trong cảnh bần cùng. Cho dù những sự khác biệt này rất đáng kể, nhưng chúng vẫn chẳng đáng là bao so với chênh lệch giữa Hoa Kỳ và những nước nghèo nhất thế giới như Bắc Triều Tiên, Sierra Leone và Zimbabwe, những nơi có hơn một nửa dân số sống trong đói nghèo.

Tại sao Ai Cập lại nghèo đến thế so với Mỹ? Những yếu tố ràng buộc nào khiến người Ai Cập không thể trở nên thịnh vượng hơn? Phải chăng đói nghèo của Ai Cập là không thể cứu vãn, hay hoàn toàn có thể xóa bỏ

https://thuviensach.vn

được? Cách thức tự nhiên để bắt đầu suy nghĩ về điều này là thử nghe những điều mà chính bản thân người dân Ai Cập nói về những vấn nạn mà họ đang phải đương đầu và tại sao họ lại vùng lên chống lại chế độ Mubarak. Noha Hamed, một người lao động 24 tuổi đang làm việc cho một công ty quảng cáo ở Cairo, trình bày rõ ràng quan điểm của cô khi tham gia biểu tình ở quảng trường Tahrir: "Chúng tôi khốn khổ vì tham nhũng, áp bức và nền giáo dục yếu kém. Chúng tôi sống trong một hệ thống tham nhũng buộc phải thay đổi". Một người khác trên quảng trường, Mosaab El, sinh viên khoa dược 21 tuổi, bày tỏ sự đồng tình: "Tôi hy vọng rằng đến cuối năm chúng tôi sẽ có một chính phủ được bầu, nền tự do phổ cập sẽ được áp dụng và chấm dứt nạn tham nhũng từng chiếm lĩnh đất nước này". Những người phản kháng trên quảng trường Tahrir đồng thanh nói về tham nhũng của chính phủ, việc chính phủ không thể cung cấp các dịch vụ công, và cách biệt giàu nghèo về cơ hội trên đất nước họ. Họ đặc biệt than phiền về sự áp bức và tình trạng thiếu vắng các quyền chính trị. Như Mohamed ElBaradei, nguyên giám đốc Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế viết trên mạng Twitter ngày 13/1/2011: "Tunisia: áp bức + thiếu công lý xã hội + bác bỏ các kênh thay đổi trong hòa bình = một quả bom hẹn giờ". Người Ai Cập và người Tunisia đều cho rằng các vấn nạn kinh tế của họ có nguyên nhân cơ bản là do không có các quyền chính trị. Khi những người phản kháng bắt đầu trình bày những đòi hỏi của họ một cách hệ thống hơn, 12 nhu cầu đầu tiên tức thời được đưa ra bởi Wael Khalil, vị kỹ sư phần mềm và người viết blog này đã nổi lên như một trong những nhà lãnh đạo phong trào cách mạng Ai Cập, tất cả đều tập trung vào sự thay đổi chính trị. Những vấn đề như tăng tiền lương tối thiểu xem ra chỉ nằm trong số những nhu cầu chuyển đổi có thể được thực hiện về sau.

Đối với người Ai Cập, những yếu tố kềm hãm họ bao gồm một nhà nước tham nhũng và bất lực, và một xã hội trong đó họ không thể sử dụng tài năng, hoài bão, sự khéo léo và những gì họ đã học được. Nhưng họ cũng nhận ra rằng gốc rễ của những vấn đề này là chính trị. Tất cả những chướng ngại kinh tế mà họ phải đối mặt đều bắt nguồn từ cách thức thế lực chính trị

https://thuviensach.vn

ở Ai Cập đã phát huy và độc quyền hóa như thế nào bởi một nhóm đặc quyền. Họ hiểu, đó là điều đầu tiên phải thay đổi.

Vững tin vào điều đó, thế nhưng những người phản kháng ở quảng trường Tahrir lại có quan điểm khác xa với hiểu biết chung về chủ đề này. Khi lập luận về lý do khiến một đất nước như Ai Cập nghèo, hầu hết giới học thuật và những người bình luận nhấn mạnh vào các yếu tố hoàn toàn khác nhau. Một số người khẳng định rằng đói nghèo của Ai Cập chủ yếu là do yếu tố địa lý, do đất nước chủ yếu là sa mạc và thiếu mưa, đất đai và khí hậu không thuận lợi cho nông nghiệp. Những người khác nêu lên các đặc điểm văn hóa của dân Ai Cập có thể trở thành trở ngại đối với sự thịnh vượng và phát triển kinh tế. Họ lập luận, người Ai Cập thiếu kiểu đạo đức làm việc và đặc điểm văn hóa đã từng giúp người dân những nước khác trở nên thịnh vượng, và thay vào đó, họ chấp nhận những đức tin Hồi giáo không thích hợp cho sự thành công về kinh tế. Cách giải thích thứ ba, phổ biến trong giới các nhà kinh tế và các nhà bình luận chính sách, là dựa vào quan niệm cho rằng những người cai trị Ai Cập chỉ đơn thuần không biết những điều cần thiết để làm cho nước họ phồn vinh, và đã đi theo những đường lối chính sách và chiến lược không đúng đắn trong quá khứ. Trường phái này cho rằng, giá như những người cai trị đất nước nhận được những lời khuyên đúng đắn từ những cố vấn đúng đắn, thì đất nước sẽ thịnh vượng. Đối với giới học thuật và các nhà bình luận này, sự kiện Ai Cập được cai trị bởi những nhóm quyền thế tập trung vun vén cho cơ ngơi riêng của họ bằng tổn thất của xã hội dường như chẳng liên quan gì khi người ta tìm hiểu về các vấn nạn kinh tế của đất nước.

Trong quyển sách này, chúng tôi sẽ lập luận rằng, chính những người Ai Cập ở quảng trường Tahrir, chứ không phải hầu hết các nhà học thuật và giới phê bình, đã đúng. Thật vậy, Ai Cập nghèo chính là vì đất nước bị cai trị bởi một nhóm quyền thế tập trung, và những nhóm này đã tổ chức xã hội để phục vụ cho quyền lợi riêng của họ trong khi đại đa số quần chúng nhân dân phải trả giá. Quyền lực chính trị tập trung trong một nhóm nhỏ, được

https://thuviensach.vn

sử dụng để tạo ra tài sản khổng lồ cho những người nắm giữ quyền lực, chẳng hạn như gia sản tích lũy 70 tỉ USD của nguyên tổng thống Mubarak. Những người thiệt thòi là người dân Ai Cập, và họ quá hiểu điều đó.

Chúng tôi sẽ chứng minh rằng, cách lý giải đói nghèo của người Ai Cập, cách lý giải của nhân dân, hóa ra lại là một cách giải thích tổng quát về lý do tại sao các nước nghèo lại nghèo. Bất kể đó là Bắc Triều Tiên, Sierra Leone hay Zimbabwe, chúng tôi sẽ chứng minh rằng các nước nghèo họ nghèo vì cùng một lý do như Ai Cập. Những nước như Anh và Mỹ trở nên giàu có vì người dân nước họ lật đổ giới quyền thế, những người kiểm soát quyền lực, và tạo ra một xã hội trong đó các quyền chính trị được phân phối rộng rãi, trong đó chính phủ có trách nhiệm giải trình và phải đáp ứng trước công dân, và trong đó đại đa số quần chúng có thể tranh thủ các cơ hội kinh tế. Chúng tôi sẽ chứng minh rằng, để tìm hiểu lý do tại sao có tình trạng cách biệt giàu nghèo như thế trong thế giới ngày nay, ta phải đào sâu vào quá khứ và tìm hiểu các yếu tố động học lịch sử của các xã hội. Ta sẽ thấy rằng, lý do khiến nước Anh giàu hơn Ai Cập là vì vào năm 1688, nước Anh đã có một cuộc cách mạng làm biến đổi nền chính trị và nhờ đó chuyển hóa nền kinh tế. Nhân dân đã đấu tranh và giành được nhiều quyền chính trị hơn, và họ sử dụng những quyền ấy để mở rộng cơ hội kinh tế của họ. Kết quả là một quỹ đạo kinh tế và chính trị khác cơ bản so với trước và đạt đến đỉnh cao trong cuộc Cách mạng công nghiệp.

Cuộc Cách mạng công nghiệp và những công nghệ mà cuộc cách mạng đó mang lại đã không lan được tới Ai Cập vì nước này lúc bấy giờ đang chịu sự kiểm soát của Đế chế Ottoman, cũng cai trị Ai Cập hệt như cách của gia đình Mubarak sau này. Sự cai trị của Ottoman ở Ai Cập bị Napoleon Bonaparte lật đổ vào năm 1798, nhưng sau đó đất nước lại rơi vào sự kiểm soát của thực dân Anh, và cũng giống như Ottoman, gần như không quan tâm gì đến sự thịnh vượng của Ai Cập. Dẫu rằng Ai Cập đã tống khứ đế chế Ottoman và đế quốc Anh, và đến năm 1952, lật đổ cả nền quân chủ, thế nhưng đất nước không có được những cuộc cách mạng như

https://thuviensach.vn

cách mạng 1688 ở Anh, và thay vì chuyển biến chính trị cơ bản ở Ai Cập, họ lại đưa một nhóm quyền thế khác lên cầm quyền, và nhóm này cũng không quan tâm gì đến việc mang lại phồn vinh cho những người dân thường, chẳng khác gì Ottoman và Anh trước kia. Hậu quả là, cơ cấu cơ bản của xã hội vẫn không thay đổi, và Ai Cập vẫn nghèo.

Trong quyển sách này, chúng ta sẽ tìm hiểu xem những diễn biến ấy tự tái diễn như thế nào theo thời gian và vì sao đôi khi những diễn biến ấy lại thay đổi, như ở Anh năm 1688 và ở Pháp với cuộc cách mạng năm 1789. Điều này sẽ giúp chúng ta tìm hiểu xem liệu tình hình ở Ai Cập ngày nay có thay đổi hay không và liệu cuộc cách mạng lật đổ Mubarak có dẫn đến một hệ thống thể chế mới, có thể mang lại thịnh vượng cho những người dân thường Ai Cập hay không. Ai Cập đã có những cuộc cách mạng trong quá khứ mà không đem lại thay đổi nào, vì những người làm cách mạng chỉ đơn thuần tiếp quản sự thống trị từ những người bị họ hạ bệ và tái tạo một hệ thống tương tự. Quả thật, người dân thường khó mà đạt được quyền lực chính trị thực sự và thay đổi cách thức xã hội vận hành. Nhưng điều này là một việc khả thi, và ta sẽ tìm hiểu xem việc ấy đã xảy ra ở Anh, Pháp và Hoa Kỳ, cũng như ở Nhật Bản, Botswana và Brazil như thế nào. Về cơ bản, đó là sự chuyển đổi chính trị theo một cách thức cần thiết để một xã hội nghèo nàn trở nên giàu có. Có những bằng chứng cho thấy điều này xem chừng đang xảy ra ở Ai Cập. Reda Metwaly, một người phản kháng khác trên quảng trường Tahrir, lập luận: “Giờ đây bạn thấy người Hồi giáo và người Cơ đốc giáo sát cánh với nhau, giờ đây bạn thấy già trẻ lớn bé đều kề vai nhau, tất cả đều mong muốn cùng một điều”. Ta sẽ thấy rằng một phong trào rộng lớn như thế trong xã hội là một phần then chốt của những gì từng xảy ra trong những cuộc chuyển đổi chính trị khác. Nếu ta biết khi nào và tại sao việc chuyển đổi đó xảy ra, ta sẽ ở vào vị thế tốt hơn để đánh giá khi nào ta có thể dự kiến những phong trào như thế sẽ thất bại như đã từng thất bại trong quá khứ và khi nào ta có thể hy vọng chúng sẽ thành công và cải thiện cuộc sống của hàng triệu người.

https://thuviensach.vn

1. RẤT GẦN NHAU MÀ RẤT KHÁC NHAU

KINH TẾ HỌC VỀ RIO GRANDE

THÀNH PHỐ NOGALES bị chia cắt bởi một bờ rào. Nếu bạn đứng bên bờ rào ấy và nhìn về phương bắc, bạn sẽ thấy Nogales của bang Arizona thuộc địa phận hạt Santa Cruz. Thu nhập của một hộ gia đình bình quân ở đó vào khoảng 30 nghìn USD một năm. Hầu hết các thanh thiếu niên đều đến trường, và đa số người trưởng thành đều tốt nghiệp trung học phổ thông. Bất chấp mọi ý kiến về sự bất cập của hệ thống y tế Hoa Kỳ, dân chúng ở đây tương đối khỏe mạnh và có tuổi thọ cao theo tiêu chuẩn toàn cầu. Nhiều người sống trên 65 tuổi và được tiếp cận với hệ thống bảo hiểm y tế Medicare. Đó mới chỉ là một trong nhiều dịch vụ được chính phủ cung cấp mà hầu hết mọi người xem là đương nhiên, như điện, điện thoại, hệ thống thoát nước, y tế công cộng, mạng lưới đường sá kết nối họ với các thành phố khác trong khu vực và phần còn lại của Hoa Kỳ, và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, luật pháp và trật tự trị an. Người dân Nogales bang Arizona có thể thực hiện các hoạt động hàng ngày mà không lo sợ về tính mạng hay an ninh và không e ngại về trộm cắp, tước đoạt hay những thứ khác có thể đe dọa việc đầu tư vào kinh doanh và nhà ở của họ. Quan trọng không kém, người dân Nogales bang Arizona đương nhiên cho rằng, với toàn bộ tính chất phi hiệu quả và tham nhũng đôi khi vẫn có, chính phủ là đại diện của họ. Họ có thể bỏ phiếu thay thế thị trưởng, các hạ nghị sĩ và thượng nghị sĩ; họ đi bầu trong các cuộc bầu cử tổng thống để xác định ai sẽ lãnh đạo đất nước. Nền dân chủ đã trở thành bản tính bẩm sinh của họ.

Đời sống ở phía nam bờ rào, tuy chỉ cách vài bước chân nhưng rất khác biệt. Mặc dù Nogales thuộc bang Sorona là một khu vực tương đối trù

https://thuviensach.vn

phú của Mexico, thu nhập hộ gia đình bình quân ở đây chỉ vào khoảng 1/3 so với Nogales thuộc bang Arizona. Hầu hết người trưởng thành ở Nogales bang Sorona không có bằng trung học phổ thông, và nhiều thanh thiếu niên không đến trường. Các bà mẹ phải lo lắng về tỷ lệ tử vong sơ sinh cao. Điều kiện y tế công cộng yếu kém có nghĩa là sẽ không ngạc nhiên khi thấy người dân Nogales bang Sorona không thọ như những người láng giềng phương bắc. Họ cũng không được tiếp cận nhiều tiện ích công cộng. Đường sá xuống cấp ở phía nam bờ rào. Luật pháp và trật tự lại còn tệ hơn. Tỷ lệ tội phạm cao, và thành lập doanh nghiệp là một hoạt động đầy rủi ro. Chẳng những bạn có nguy cơ bị cướp bóc, mà việc xin đủ các loại giấy phép và hối lộ đủ mọi cấp chỉ để thành lập doanh nghiệp không thôi đã là một nỗ lực chẳng dễ dàng. Người dân Nogales bang Sorona mỗi ngày phải sống với các chính khách tham nhũng và kém năng lực.

Trái với những người láng giềng phương bắc, nền dân chủ là một trải nghiệm mới đối với họ. Mãi đến những cuộc cải cách chính trị năm 2000, Nogales bang Sorona, cũng như phần còn lại của Mexico, vẫn chịu sự kiểm soát đầy tham nhũng của đảng Cách mạng thể chế (PRI).

Làm thế nào hai nửa của một vùng đất mà thực chất là cùng một thành phố lại có thể khác nhau đến thế? Chẳng có sự khác biệt gì về địa lý, khí hậu, hay các loại bệnh tật phổ biến trong vùng, vì không có gì ngăn cản mầm bệnh không qua lại giữa Hoa Kỳ và Mexico. Lẽ dĩ nhiên, điều kiện y tế rất khác nhau, nhưng điều này không liên quan gì đến môi trường bệnh tật; đó là vì người dân phía nam biên giới sống với điều kiện vệ sinh yếu kém và thiếu sự chăm sóc y tế tươm tất.

Nhưng biết đâu dân chúng rất khác nhau. Có thể nào người dân Nogales bang Arizona là con cháu của dân di cư từ châu Âu, trong khi người dân phía nam là hậu duệ của những người Aztec? Không phải vậy. Nguồn gốc của người dân ở hai bên biên giới khá giống nhau. Sau khi Mexico giành được độc lập từ Tây Ban Nha vào năm 1821, vùng đất xung

https://thuviensach.vn

quanh “Los dos Nogales” trở thành một phần của bang Vierja California thuộc Mexico và điều này được giữ nguyên ngay cả sau cuộc chiến tranh Mexico - Mỹ năm 1846-1848. Quả thật, mãi đến sau khi nước Mỹ mua đất của Mexico trong doanh vụ Gadsden Purchase năm 1853 thì biên giới Hoa Kỳ mới mở rộng đến vùng này. Chính viên trung úy N. Michler trong khi khảo sát biên giới đã lưu ý sự tồn tại của “thung lũng Los Nogales nho nhỏ”. Ở đây, ở hai bên biên giới, hai thành phố đã mọc lên. Người dân Nogales bang Arizona (Hoa Kỳ) và Nogales bang Sonora (Mexico) có chung tổ tiên, tận hưởng thực phẩm và âm nhạc như nhau, và ta sẽ mạnh dạn nói rằng, họ có cùng “văn hóa”.

Lẽ dĩ nhiên, có một cách giải thích hết sức đơn giản và hiển nhiên về sự khác biệt giữa hai nửa của Nogales mà bạn có thể dự đoán từ nãy đến giờ: chính là do đường biên giới phân chia hai vùng đất này. Nogales bang Arizona thuộc về Hoa Kỳ. Người dân nơi đây được tiếp cận với các thể chế kinh tế của nước Mỹ, cho phép họ tự do chọn lựa nghề nghiệp, hấp thu nền giáo dục và các kỹ năng, và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ tốt nhất, nhờ vậy có tiền lương cao hơn. Họ cũng được tiếp cận các thể chế chính trị cho phép họ tham gia vào quá trình dân chủ bầu chọn người đại diện, và thay thế những người đại diện có hành vi sai trái. Đổi lại, các chính khách cung ứng những dịch vụ cơ bản (từ y tế công cộng cho đến đường sá, luật pháp và an ninh trật tự) mà người dân yêu cầu. Người dân Nogales bang Sorona không được may mắn như thế. Họ sống trong một thế giới khác được xác lập bởi những thể chế khác. Các thể chế khác nhau này tạo ra những động cơ hết sức khác nhau đối với người dân ở hai thành phố Nogales cũng như các nghiệp chủ và các nhà kinh doanh muốn đầu tư ở đó. Các động cơ hình thành bởi các thể chế khác nhau của hai thành phố Nogales và hai đất nước chính là lý do chủ yếu của những khác biệt về thịnh vượng kinh tế ở hai bên biên giới.

Tại sao các thể chế của Hoa Kỳ lại thuận lợi cho thành công kinh tế hơn hẳn so với các thể chế của Mexico hay phần còn lại của châu Mỹ La-

https://thuviensach.vn

tinh? Câu trả lời cho câu hỏi này nằm ở cách thức các xã hội khác nhau hình thành trong thời kỳ thuộc địa trước đây. Khi ấy, sự phân hóa về thể chế đã xảy ra với những hệ quả và tác động kéo dài cho đến tận ngày nay. Để tìm hiểu sự phân hóa này, ta phải bắt đầu ngay từ khi thành lập các thuộc địa ở Bắc Mỹ và châu Mỹ La-tinh.

SỰ RA ĐỜI CỦA BUENOS AIRES

Vào đầu năm 1516, nhà thám hiểm Tây Ban Nha Juan Díaz de Solís giong buồm đến cửa sông phía bờ đông Nam Mỹ. Lội vào bờ, de Solís xác lập vùng đất này thuộc về Tây Ban Nha, đặt tên con sông là Río de la Plata, "Dòng sông bạc" là do người dân địa phương sở hữu nhiều bạc. Các thổ dân địa phương phía bên kia cửa sông - người Charrúas ở nơi mà hiện nay là đất nước Uruguay, và người Querandí ở vùng đồng bằng về sau được gọi là người Pampas ở đất nước Argentina hiện đại - tỏ thái độ thù địch với những người mới đến. Thổ dân địa phương vốn là những người săn bắn hái lượm sống thành từng nhóm nhỏ mà không có người nắm quyền chính trị tập trung. Thực tế là, chính một nhóm người Charrúas đã đánh de Solís bằng gậy cho đến chết khi ông thám hiểm lãnh địa mới mà ông ra sức chiếm về cho Tây Ban Nha.

Năm 1534, vẫn đầy lạc quan, người Tây Ban Nha đưa một nhóm di dân đầu tiên từ Tây Ban Nha đến dưới sự lãnh đạo của Pedro de Mendoza. Họ thành lập một thành phố nhỏ trên vùng đất thuộc Buenos Aires trong cùng năm đó. Nơi ấy lẽ ra là một miền đất lý tưởng cho người châu Âu. Buenos Aires, hiểu sát nghĩa là "không khí trong lành", là nơi có khí hậu ôn hòa dễ chịu. Thế nhưng thời gian lưu lại nơi đây của những người Tây Ban Nha đầu tiên thật là ngắn ngủi. Họ không đến để tìm kiếm khí hậu trong lành, mà để khai thác tài nguyên và cưỡng bức lao động. Tuy nhiên, thổ dân Charrúas và Querandí không gia ơn cho họ. Người dân bản xứ từ chối cung cấp lương thực cho người Tây Ban Nha và không chịu làm việc khi bị bắt. Họ tấn công những người mới định cư bằng cung tên. Người Tây Ban

https://thuviensach.vn

Nha đói khát, vì họ không dự trù sẽ phải tự cung cấp lương thực cho mình. Buenos Aires không phải như những gì họ hằng mơ tưởng. Họ không thể ép buộc thổ dân cung ứng sức lao động. Nơi đây không có vàng hay bạc để khai thác, và bạc mà de Solís nhìn thấy thật ra đến từ mọi ngõ ngách từ nhà nước Inca ở vùng núi Andes, xa mãi về phía tây.

Người Tây Ban Nha, trong lúc vật lộn để sống còn, cũng bắt đầu tổ chức những đoàn người thám hiểm nhằm tìm một vùng đất mới có thể mang lại tài nguyên phong phú hơn và người dân dễ chế ngự hơn. Năm 1537, một trong những đoàn thám hiểm này, dưới sự lãnh đạo của Juan de Ayolas, thâm nhập ngược lên thượng nguồn sông Paraná, tìm một lộ trình đến vùng đất của những người Inca. Trên đường đi, họ gặp thổ dân Guaraní với cuộc sống định cư tĩnh tại và một nền kinh tế nông nghiệp dựa vào ngô và sắn. De Ayolas ngay lập tức nhận ra rằng Guaraní là một cơ hội hoàn toàn khác so với người Charrúas và Querandí. Sau những xung đột ngắn ngủi, người Tây Ban Nha khống chế sự chống đối của thổ dân Guaraní và thành lập một thành phố nhỏ, Nuestra Señora de Santa María de la Asunción, mà ngày nay vẫn là thủ đô của Paraguay. Những người đi chinh phục kết hôn cùng các công nương Guaraní và nhanh chóng ổn định cuộc sống như một tầng lớp quý tộc mới. Họ điều chỉnh các hệ thống lao động cưỡng bức và cống nạp hiện hữu của Guaraní trong đó chính bản thân họ nắm quyền chỉ huy. Đây là một kiểu thuộc địa mà họ muốn thiết lập, và trong vòng bốn năm, Buenos Aires bị bỏ rơi khi toàn bộ người Tây Ban Nha từng định cư ở đó bỏ đến thành phố mới.

Mãi cho đến năm 1580, Buenos Aires, “Paris của Nam Mỹ”, một thành phố với các đại lộ rộng lớn theo kiểu châu Âu dựa vào tài sản nông nghiệp trù phú của người Pampas, mới được hình thành và có người định cư trở lại. Việc từ bỏ Buenos Aires và sự chinh phục thổ dân Guaraní phơi bày lôgic thuộc địa hóa châu Mỹ của người châu Âu. Những người Tây Ban Nha đầu tiên, và như ta sẽ thấy, cả thực dân Anh sau này, đều không hề quan tâm đến việc tự mình cày bừa trên mảnh đất ấy; họ muốn những

https://thuviensach.vn

người khác làm điều đó cho họ, còn họ chỉ muốn cướp bóc của cải, bạc vàng.

TỪ CAJAMARCA…

Các cuộc thám hiểm của de Solís, de Mendoza và de Ayolas được tiến hành theo dấu chân của những cuộc thám hiểm nổi tiếng hơn sau khi Christopher Columbus lần đầu tiên nhìn thấy một trong những hòn đảo của quần đảo Bahamas vào ngày 12/10/1492. Quá trình bành trướng và thuộc địa hóa châu Mỹ của người Tây Ban Nha bắt đầu một cách nghiêm túc bằng việc thâm nhập Mexico của Hernán Cortés vào năm 1519, đoàn thám hiểm Francisco Pizarro đến Peru một thập niên rưỡi sau đó, và đoàn thám hiểm của Pedro de Mendoza đến Río de la Plata chỉ hai năm sau. Suốt một thế kỷ tiếp theo, Tây Ban Nha chinh phục và thuộc địa hóa hầu hết miền trung, tây và nam Nam Mỹ, trong khi Bồ Đào Nha chiếm lĩnh từ Brazil cho đến miền đông.

Chiến lược thuộc địa hóa của Tây Ban Nha hết sức hữu hiệu. Chiến lược đó được Cortés hoàn thành trước tiên ở Mexico, dựa vào quan sát rằng cách tốt nhất để người Tây Ban Nha vượt qua sự chống đối là thu phục người cầm đầu thổ dân. Chiến lược này giúp người Tây Ban Nha giành được của cải tích lũy của người cầm đầu và cưỡng bức người dân bản xứ cống nạp phẩm vật và lương thực. Bước kế tiếp là biến chính họ trở thành tầng lớp thế lực mới trong xã hội bản xứ và giành quyền kiểm soát việc thu thuế, cống nạp và lao động cưỡng bức hiện hữu.

Khi đoàn thám hiểm của Cortés đến thủ đô Tenochtitlan vĩ đại của người Aztec vào ngày 8/11/1519, họ được vua Aztec Moctezuma tiếp đãi theo lời khuyên của các cố vấn của nhà vua rằng nên chào đón người Tây Ban Nha trong hòa bình. Những gì xảy ra sau đó được mô tả tường tận theo tài liệu sưu tập sau năm 1545 của linh mục dòng Francisco Bernardino de Sahagún trong bộ sách nổi tiếng Florentine Codices.

https://thuviensach.vn

Ngay lập tức họ [người Tây Ban Nha] bắt giữ Moctezuma… rồi tất cả các khẩu súng cùng nổ vang… Nỗi sợ hãi tràn ngập. Cứ như thể mọi trái tim đều ngừng đập. Ngay trước khi trời dần tối, người ta hoảng loạn, kinh ngạc, sợ hãi và bàng hoàng.

Và ngay sau đó khi trời vừa rạng sáng, mọi thứ mà người Tây Ban Nha yêu cầu được công bố: bánh ngô trắng, gà tây nướng, trứng, nước, gỗ, củi, than… Việc này thật ra là họ buộc Moctezuma phải ra lệnh.

Và khi người Tây Ban Nha đã ổn định, họ yêu cầu Moctezuma phải giao nộp tất cả của cải của thành phố… một cách nôn nóng, họ tìm kiếm vàng. Rồi ngay sau đó Moctezuma đưa người Tây Ban Nha đi. Họ đi xung quanh ông… mọi người đều tóm chặt lấy ông.

Và khi họ đi đến nhà kho, một nơi được gọi là Teocalco, ngay sau đó những món đồ rực rỡ được mang ra; chiếc quạt lông chim đuôi seo, các đồ trang trí, những chiếc khiên, những chiếc đĩa bằng vàng… những chiếc lưỡi liềm mũi bằng vàng, những dải băng nẹp chân bằng vàng, những dải băng nẹp tay bằng vàng, những dải băng quấn trước trán bằng vàng.

Ngay khi ấy vàng được tháo ra… ngay lập tức họ châm lửa, thiêu cháy… tất cả những thứ quý giá. Tất cả đều cháy. Và người Tây Ban Nha đúc vàng thành từng thỏi… Họ đi khắp nơi… Họ thâu tóm mọi thứ, tất cả những gì họ tìm thấy mà họ cho là tốt.

Ngay sau đó họ đi đến kho riêng của Moctezuma… ở nơi được gọi là Totocalco… người ta mang đến tài sản riêng của Moctezuma… tất cả mọi thứ quý giá; những chiếc vòng cổ có mặt dây chuyền, những dải đeo tay với những chùm lông chim đuôi seo, những dải băng đeo tay bằng vàng, những chiếc vòng đeo tay, những dải băng bằng vàng đính vỏ ốc… và những chiếc vương miện kết ngọc lam, biểu tượng của người thống trị. Họ thâu tóm toàn bộ.

https://thuviensach.vn

Việc chinh phục người Aztec bằng quân đội hoàn tất vào năm 1521. Cortés, trên cương vị thống đốc tỉnh Tân Tây Ban Nha, khi đó bắt đầu phân chia nguồn lực quý giá nhất, người dân bản xứ, thông qua thành lập hệ thống cai trị được gọi là *encomienda*. Hệ thống này xuất hiện lần đầu tiên ở Tây Ban Nha vào thế kỷ 15 như một phần của việc tái chinh phục miền nam đất nước từ người Moors, người Ảrập từng định cư ở đó trong và sau thế kỷ thứ 8. Ở Tân Thế giới, hệ thống này có một hình thức tàn bạo hơn: một nhóm người dân bản xứ được phân bổ cho một người Tây Ban Nha đứng đầu được gọi là *encomendero*. Người dân bản xứ phải cống nạp cho *encomendero* phẩm vật và sức lao động, đổi lại, *encomendero* sẽ có trách nhiệm hoán cải họ thành các giáo dân Thiên chúa giáo.

Tài liệu sống động về sự vận hành hệ thống *encomienda* còn truyền lại cho chúng ta ngày nay là từ Bartolomé de las Casas, tu sĩ dòng Dominic vốn là một trong những người chỉ trích hệ thống thuộc địa Tây Ban Nha đầu tiên và kịch liệt nhất. De las Casas đến đảo Hispaniola của Tây Ban Nha vào năm 1502 với một đội thuyền do tân thống đốc Nicolás de Ovando chỉ huy. Ông ngày càng vỡ mộng và lo lắng trước cách đối xử bóc lột và tàn bạo đối với người dân bản xứ mà ông phải chứng kiến hằng ngày. Năm 1513, ông làm đức cha tuyên úy trong cuộc chinh phục Cuba của người Tây Ban Nha, thậm chí còn được bổ nhiệm làm *encomienda* vì sự phục vụ của ông. Tuy nhiên, ông từ bỏ tước vị và bắt đầu một chiến dịch bền bỉ nhằm cải cách các thể chế thuộc địa của Tây Ban Nha. Nỗ lực của ông lên đến đỉnh cao trong quyển sách *Một giải thích ngắn cho sự hủy diệt người Anh-điêng* (A Short Account of the Destruction of the Indies), viết vào năm 1542, như một đòn tấn công khinh miệt vào tính chất dã man trong sự cai trị của người Tây Ban Nha. Về hệ thống cai trị *encomienda*, ông từng viết như sau trong trường hợp Nicaragua:

Mỗi người định cư chiếm cứ một cơ ngơi trong thành phố được phân cho họ, bố trí thổ dân đến làm việc cho họ, chiếm lấy nguồn lương thực vốn dĩ khan hiếm của thổ dân cho bản thân họ, và thôn tính đất đai vốn thuộc sở

https://thuviensach.vn

hữu và là nơi làm việc của người bản xứ, nơi họ trồng trọt các sản phẩm theo truyền thống. Người định cư đối xử với toàn bộ thổ dân - người quyền quý, người già, phụ nữ và trẻ em - như thành viên trong hộ gia đình họ, và bắt những người này lao động suốt ngày đêm, không được nghỉ ngơi vì bất kỳ nguyên nhân nào, để phục vụ lợi ích riêng của người định cư.

Đối với việc chinh phục New Granada, hiện nay là đất nước Colombia, de las Casas tường thuật toàn bộ chiến lược hành động của người Tây Ban Nha:

Để đạt mục đích lâu dài là thâu tóm toàn bộ vàng hiện có, người Tây Ban Nha triển khai chiến lược thông thường là phân chia thành phố và người dân bản xứ giữa họ với nhau… rồi sau đó, họ đối xử với người bản xứ như nô lệ. Người chỉ huy đoàn thám hiểm sẽ bắt giữ vua của toàn lãnh thổ làm tù nhân trong sáu hay bảy tháng, đòi hỏi một cách trái phép ngày càng nhiều vàng ngọc hơn từ nhà vua… Vua hoảng sợ đến mức, trong nỗi lo lắng muốn được giải thoát khỏi sự kiểm soát của những người hành hạ mình, phải chấp thuận yêu cầu rằng ông sẽ chất đầy vàng trong một tòa nhà rồi giao nộp cho họ; vì mục đích đó, ông cử người đi tìm vàng, và từng chút một, họ đưa vàng về cùng với nhiều đá quý. Nhưng ngôi nhà vẫn chưa được chất đầy, và người Tây Ban Nha cuối cùng tuyên bố rằng họ sẽ xử ông tội chết vì thất hứa. Người chỉ huy, như một người đại diện cho luật pháp, ra lệnh xét xử nhà vua và chính thức buộc tội nhà vua, phạt ông bằng cách tra tấn nếu ông vẫn không tôn trọng cam kết. Họ tra tấn ông bằng cách bắt “đi tàu bay giấy”, đốt mỡ động vật dưới bụng ông, ghim chặt cả hai chân ông vào cọc bằng móc sắt và ghim cổ ông vào một móc sắt khác, rồi với hai người giữ hai tay ông, họ bắt đầu đốt đế dưới chân ông. Thỉnh thoảng, người chỉ huy sẽ đến xem và nhắc đi nhắc lại rằng họ sẽ tra tấn ông từ từ cho đến chết trừ khi ông giao nộp thêm vàng, và trên thực tế họ đã làm như thế, nhà vua cuối cùng chết trong nỗi đau đớn cực độ mà họ bắt ông phải chịu.

https://thuviensach.vn

Chiến lược và thể chế chinh phục hoàn tất ở Mexico nhanh chóng được áp dụng cho những nơi khác dưới thời đế quốc Tây Ban Nha. Không nơi nào các chiến lược và thể chế này được thực hiện hữu hiệu bằng cuộc chinh phục Peru của Pizarro. Như de las Casas bắt đầu trong tài liệu của ông:

Năm 1531, lại một kẻ đại gian ác khác cùng đoàn tùy tùng đến thám hiểm vương quốc Peru. Hắn bắt đầu với dự định bắt chước chiến lược và chiến thuật mà những nhà thám hiểm đồng liêu đã thực hiện tại những nơi khác ở Tân thế giới.

Pizarro bắt đầu trên bờ biển gần thành phố Peruvian của người Tumbes và tiến về phía nam. Ngày 15/11/1532, ông đến thành phố núi Cajamarca, nơi vua Inca Atahualpa cắm trại cùng các binh lính. Ngày hôm sau, Atahualpa, người vừa đánh bại em trai mình là Huáscar trong cuộc tranh tài giành quyền kế vị vua Huayna Capac mới băng hà, đi cùng đoàn tùy tùng đến nơi người Tây Ban Nha cắm trại. Atahualpa bị kích động vì tin tức về những hành động hung bạo mà người Tây Ban Nha gây ra, như vụ xâm phạm một ngôi đền Thần Mặt trời Inti. Những gì xảy ra sau đó ai cũng biết. Người Tây Ban Nha giăng bẫy và giật bẫy. Họ giết binh lính bảo vệ và tùy tùng của Atahualpa, có lẽ lên đến hai nghìn người, và bắt giữ nhà vua. Để được tự do, Atahualpa phải cam kết cống nạp một gian phòng chất đầy vàng và hai gian phòng như thế chất đầy bạc. Ông đã làm điều đó nhưng người Tây Ban Nha bội ước và siết cổ ông cho đến chết vào tháng 7/1533. Tháng 11 năm đó, người Tây Ban Nha thâu tóm thủ đô Cusco của người Inca, và giới quý tộc Inca ở đây bị đối xử hệt như Atahualpa, bị cầm tù cho đến khi họ cống nạp vàng bạc. Khi không thỏa mãn những đòi hỏi của người Tây Ban Nha, họ bị thiêu sống. Các kho báu nghệ thuật vĩ đại của Cusco, như đền thờ Thần Mặt trời, bị bóc gỡ vàng và nấu chảy thành vàng thỏi.

https://thuviensach.vn

Cho đến lúc này, người Tây Ban Nha tập trung chú ý vào người dân của đế chế Inca. Cũng như ở Mexico, dân chúng bị phân vào các *encomienda*, mỗi người trong đoàn người chinh phục của Pizarro sẽ được phân công phụ trách một *encomienda*. *Encomienda* là thể chế chính dùng để kiểm soát và tổ chức lao động trong giai đoạn thuộc địa ban đầu, nhưng chẳng bao lâu hệ thống này nhường bước trước một hệ thống khác vững mạnh hơn. Năm 1545, một người dân địa phương tên Diego Gualpa đi tìm một đền thờ bản xứ trên vùng núi Andes ở nơi mà ngày nay là Bolivia. Anh bị một luồng gió mạnh hất tung xuống mặt đất và ngay trước mặt anh là một vỉa quặng bạc. Đây là một phần của rặng núi bạc khổng lồ mà người Tây Ban Nha đặt tên là El Cerro Rico, có nghĩa là "Ngọn đồi giàu có". Xung quanh nơi ấy mọc lên thành phố Potosí, mà vào thời hoàng kim năm 1650 có dân số lên đến 160 nghìn người, lớn hơn cả Lisbon hay Venice lúc bấy giờ.

Để khai thác bạc, người Tây Ban Nha cần thợ mỏ - rất nhiều thợ mỏ. Họ phái đến đây một tổng trấn, viên chức thuộc địa người Tây Ban Nha Francisco de Toledo, với nhiệm vụ chính là giải quyết vấn đề lao động. De Toledo đến Peru vào năm 1569, trải qua năm năm đầu tiên đi khắp nơi và tìm hiểu nhiệm vụ mới. Ông cũng được phân công nhiệm vụ điều tra toàn bộ dân số trưởng thành. Để tìm người lao động cần thiết, trước tiên de Toledo di dời gần như toàn bộ thổ dân, tập trung họ vào những thành phố mới gọi là *reducciones* - hiểu sát nghĩa là 'thu gọn' - giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc bóc bột lao động của vương triều Tây Ban Nha. Sau đó ông sửa đổi và điều chỉnh một thể chế lao động Inca gọi là *mita*, theo ngôn ngữ Quechua của người Inca có nghĩa là "vòng quay". Theo hệ thống *mita*, người Inca sử dụng lao động cưỡng bức để điều hành các trang trại được thiết kế nhằm cung cấp lương thực cho các đền thờ, giới quý tộc và quân đội. Đổi lại, giới quyền thế của Inca đảm bảo an ninh và cứu đói. Trong tay của de Toledo, hệ thống *mita*, đặc biệt là *mita* ở thành phố Potosí, trở thành cơ chế bóc lột sức lao động lớn nhất và nặng nề nhất trong thời kỳ thuộc địa Tây Ban Nha. De Toledo xác lập một địa bàn hoạt động khổng lồ, chạy

https://thuviensach.vn

từ miền trung của Peru ngày nay và bao trùm phần lớn Bolivia thời hiện đại. Vùng này bao trùm khoảng hai trăm nghìn dặm vuông. Trong địa bàn hoạt động này, 1/7 nam giới, những người mới đến ở trong các *reducciones*, bị buộc phải lao động trong các hầm mỏ ở Potosí. Hệ thống cai trị *mita* của thành phố Potosí tồn tại suốt thời kỳ thuộc địa và chỉ bị bãi bỏ vào năm 1825. Bản đồ 1 trình bày địa bàn hoạt động của hệ thống *mita* bao trùm một phần đế chế Inca vào thời điểm bị người Tây Ban Nha đô hộ. Bản đồ này minh họa phạm vi bao trùm của hệ thống cai trị *mita* lên vùng đất trung tâm của đế chế, kể cả thủ đô Cusco.

Bản đồ 1: Đế chế Inca, mạng lưới đường sá Inca, và địa bàn hoạt động của hệ thống cai trị *mita* để khai thác khoáng sản (p. 34)

https://thuviensach.vn

Điều ấn tượng là, bạn vẫn còn thấy di sản của *mita* ở Peru ngày nay. Hãy xem sự khác biệt giữa các tỉnh Calca và Acomayo nằm kế bên. Dường như không có gì khác nhau giữa các tỉnh này. Cả hai đều ở vùng núi cao, và dân cư hai tỉnh đều là hậu duệ của người Inca nói tiếng Quechua. Thế nhưng Acomayo nghèo hơn nhiều, dân chúng tiêu dùng ít hơn khoảng 1/3 so với người dân Calca. Dân chúng biết điều này. Ở Acomayo, họ hỏi những người nước ngoài gan dạ: "Bạn có biết người dân ở đây nghèo hơn những người ở Calca ngoài kia không? Tại sao bạn còn muốn đến đây làm gì?" Gan dạ là vì, so với Calca, thật khó để đến được tỉnh Acomayo từ thủ đô Cusco, khu vực trung tâm cổ của đế chế Inca. Đường đến Calca được lát phẳng, trong khi đường đến Acomayo ở trong tình trạng đổ nát kinh khủng. Để đi qua Acomayo, bạn cần một con ngựa hay một con la. Ở Calca và Acomayo, người dân trồng cùng những loại hoa màu như nhau, nhưng ở Calca, họ bán hoa màu ra chợ lấy tiền. Còn ở Acomayo, dân chúng tự cung tự cấp. Sự khác biệt rõ rệt đối với mọi người và đối với dân chúng sống ở đó, có thể được hiểu như sự khác biệt thể chế giữa hai nơi này - sự khác biệt thể chế với cội nguồn lịch sử từ thời de Toledo và kế hoạch bóc lột người lao động bản xứ hữu hiệu của ông. Sự khác biệt lịch sử giữa Acomayo và Calca là ở chỗ, Acomayo nằm trong địa bàn hoạt động của hệ thống cai trị *mita* của thành phố Potosí. Còn Calca thì không.

Ngoài việc tập trung lao động và hệ thống cai trị *mita*, de Toledo còn hợp nhất *encomienda* vào một loại thuế thân, một số lượng bạc cố định mỗi người trưởng thành phải nộp mỗi năm. Đây là một cơ chế khác được thiết kế để bắt buộc dân chúng phải tham gia thị trường lao động và giúp các chủ đất Tây Ban Nha giảm tiền công. Một thể chế khác, được gọi là *repartimiento de mercancias,* cũng trở nên phổ biến dưới thời de Toledo. Hình thành từ động từ *repartir* trong tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là phân phối, *repartimiento* hiểu sát nghĩa là "sự phân phối hàng hóa", liên quan đến việc bán hàng hóa cưỡng bức cho người địa phương với mức giá do người Tây Ban Nha ấn định. Cuối cùng, de Toledo áp dụng *trajin* - có nghĩa là "gánh nặng" - sử dụng người bản xứ thay thế động vật để mang

https://thuviensach.vn

vác hàng hóa, như rượu, lá coca, hay hàng dệt may trong công việc kinh doanh của giới quyền thế Tây Ban Nha.

Xuyên suốt thế giới thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ, các thể chế và cơ cấu xã hội tương tự cũng nổi lên. Sau giai đoạn cướp bóc và thèm khát vàng bạc ban đầu, người Tây Ban Nha xây dựng một mạng lưới thể chế được thiết kế nhằm bóc lột người bản xứ. Toàn bộ hệ thống *encomienda*, *mita*, *repartimiento* và *trajin* được thiết kế để đẩy mức sống thổ dân xuống mức tồn tại tối thiểu và qua đó giành lấy toàn bộ thu nhập thặng dư cho người Tây Ban Nha. Họ đạt được điều này bằng cách chiếm đoạt đất đai, cưỡng bức lao động, trả tiền công thấp cho dịch vụ lao động, áp thuế cao, và tính giá hàng hóa cao mà thậm chí còn không được mua một cách tự nguyện. Cho dù các thể chế này tạo ra nhiều của cải cho vương triều Tây Ban Nha và làm cho những người chinh phục và hậu duệ của họ trở nên giàu có, chúng cũng biến châu Mỹ La-tinh thành một châu lục cách biệt giàu nghèo nhất trên thế giới và phá hủy nhiều tiềm năng kinh tế của nơi này.

…CHO ĐẾN JAMESTOWN

Khi người Tây Ban Nha bắt đầu chinh phục châu Mỹ vào thập niên 1490, nước Anh là một cường quốc châu Âu nhỏ đang phục hồi từ ảnh hưởng tàn phá của cuộc nội chiến, cuộc chiến Hoa hồng. Đất nước bấy giờ không ở vào vị thế tranh thủ cướp bóc bổng lộc và vàng bạc cũng như khai thác cơ hội bóc lột các dân tộc bản địa châu Mỹ. Gần 100 năm sau, vào năm 1588, sự thất bại thảm hại của Hạm đội Spanish Armada trong nỗ lực của nhà vua Tây Ban Nha Philip II nhằm xâm chiếm nước Anh, đã làm dấy lên những làn sóng rung động khắp châu Âu. Chiến thắng của nước Anh, mặc dù là một sự may mắn, đã báo hiệu quyết tâm ngày càng tăng của nước này trên biển mà cuối cùng sẽ giúp họ tham gia vào việc xâm chiếm thuộc địa.

https://thuviensach.vn

Vì thế, không phải ngẫu nhiên mà người Anh bắt đầu công cuộc thuộc địa hóa Bắc Mỹ đúng vào lúc đó. Nhưng họ là người đến sau. Họ chọn Bắc Mỹ không phải vì nơi này hấp dẫn, mà vì đó là tất cả những gì còn sót lại. Những phần "đáng mơ ước" của châu Mỹ, nơi có đông đảo người dân bản xứ để bóc lột và nơi có các mỏ vàng mỏ bạc, bấy giờ đã bị chiếm cứ hết. Người Anh nhận lấy những gì còn lại. Khi cây bút người Anh và cũng là nhà nông nghiệp học Arthur Young thảo luận về nơi sản xuất "các sản phẩm lương thực", qua đó ông muốn nói tới các hàng hóa nông sản có thể xuất khẩu, ông nhận xét:

Nhìn tổng thể, xem ra việc sản xuất lương thực của các nước thuộc địa giảm dần giá trị khi người ta càng đi xa mặt trời. Ở vùng West Indies, nơi nóng nhất, mỗi đầu người làm ra 8 bảng 12 hào 1 xu. Ở các thuộc địa phía nam châu lục, mỗi đầu người làm ra 5 bảng 10 hào. Ở các thuộc địa miền trung là 9 hào 6,5 xu. Ở các vùng định cư phía bắc chỉ có 2 hào 6 xu. Thước đo này chắc chắn cho ta thấy bài học quan trọng nhất - tránh thuộc địa hóa các vùng phía bắc.

Nỗ lực đầu tiên của người Anh để thiết lập một thuộc địa ở Roanoke, Bắc Carolina, từ năm 1585 đến 1587, là một sự thất bại hoàn toàn. Năm 1607, họ thử lại một lần nữa. Vào cuối năm 1606, ba con tàu *Susan Constant*, *Godspeed* và *Discovery*, dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Christopher Newport, khởi hành đến Virginia. Những người đi chinh phục, dưới sự bảo trợ của Công ty Virginia, tiến vào vịnh Chesapeake và ngược dòng lên một con sông mà họ đặt tên là sông James, theo tên vua Anh James I đang cầm quyền. Ngày 14/5/1607, họ thành lập vùng định cư Jamestown.

Cho dù những người định cư trên các con tàu thuộc sở hữu của Công ty Virginia là người Anh, họ tuân theo một mô hình thuộc địa hóa chịu ảnh hưởng nặng nề của khuôn mẫu thuộc địa hóa do Cortés, Pizarro và de Toledo thiết lập. Kế hoạch ban đầu của họ là bắt giữ người đứng đầu địa

https://thuviensach.vn

phương và sử dụng ông như một phương thức để chiếm đoạt lễ vật cống nạp và cưỡng bức dân chúng lao động sản xuất lương thực và tạo ra của cải cho họ.

Lần đầu tiên đổ bộ lên Jamestown, thực dân Anh không biết rằng họ đang ở trên lãnh thổ của liên minh Powhatan gồm khoảng 30 chính thể trung thành với một nhà vua được gọi là Wahunsunacock. Thủ đô của Wahunsunacock đặt tại thành phố Werowocomoco, chỉ cách Jamestown 20 dặm. Kế hoạch của thực dân là tìm hiểu thêm về vị trí phương hướng của mảnh đất này. Nếu không thể dụ dỗ người dân bản xứ cung cấp lương thực và lao động, chí ít thực dân cũng có thể trao đổi với họ. Quan niệm tự mình làm việc và trồng cây lương thực dường như không tồn tại trong tâm trí thực dân. Đó không phải là điều mà những người chinh phục Tân thế giới đã làm.

Wahunsunacock nhanh chóng nhận thức được sự hiện diện của thực dân và xem xét dự định của họ một cách đầy hoài nghi. Ông đảm nhiệm một vùng đất vốn là một đế chế khá lớn ở Bắc Mỹ. Nhưng ông có nhiều kẻ thù và thiếu sự kiểm soát chính trị tập trung áp đảo đối với người Inca. Wahunsunacock quyết định xem thử dự định của người Anh là gì, thoạt đầu ông phái các sứ giả đến nói rằng ông muốn có mối quan hệ bằng hữu với họ.

Khi mùa đông năm 1607 trôi qua, những người định cư ở Jamestown bắt đầu cạn kiệt lương thực, và người lãnh đạo được bổ nhiệm vào hội đồng cai trị thuộc địa, Edward Marie Wingfield là một người hay do dự và không quyết đoán. Tình thế được ứng cứu nhờ vào thuyền trưởng John Smith, người có những ghi chép là một trong những nguồn thông tin chính về sự phát triển thuộc địa ban đầu. Ông này vốn có một tính cách thú vị và kích động hơn bình thường. Chào đời ở vùng nông thôn Lincolnshire nước Anh, ông trở thành một người lính đánh thuê, bất chấp mơ ước của cha là cho ông đi làm kinh doanh. Thoạt đầu, ông chiến đấu cùng quân đội Anh ở Hà

https://thuviensach.vn

Lan, sau đó tham gia lực lượng Áo phục vụ ở Hungary chống lại quân đội của Đế chế Ottoman. Ông bị bắt ở Romania, bị bán làm nô lệ và phải làm công việc đồng áng. Một ngày kia, ông xoay sở để khống chế chủ nô, đánh cắp quần áo và ngựa rồi trốn thoát đến biên giới nước Áo. Smith gây vạ trong cuộc hành trình đến Virginia rồi bị bỏ tù trên con tàu *Susan Constant* do nổi loạn sau khi bất tuân mệnh lệnh của Wingfield. Khi con tàu cập bến Tân thế giới, kế hoạch là đưa ông ra xét xử. Tuy nhiên, quả là nỗi kinh hoàng tột độ đối với Wingfield, Newport và những kẻ chinh phục quyền thế khác khi họ mở niêm phong mệnh lệnh, họ nhận ra rằng Công ty Virginia đã chỉ định Smith làm thành viên hội đồng cai trị để cai quản Jamestown.

Khi Newport giong buồm trở về Anh để lấy thêm người và hàng hóa tiếp tế, còn Wingfleld thì không quyết đoán về những gì nên làm, chính Smith là người đã cứu thực dân. Ông phát động một loạt thương vụ trao đổi để bảo đảm nguồn cung lương thực. Trong một lần mua bán này, ông bị bắt dưới tay Opechancanough, một người em trai của Wahunsunacock, và được đưa đến trước mặt nhà vua ở Werowocomoco. Ông là người Anh đầu tiên gặp Wahunsunacock, và chính trong lần gặp gỡ đầu tiên đó, theo một vài tài liệu, mạng sống của Smith chỉ được cứu thoát bằng sự can thiệp của Pocahontas, con gái Wahunsunacock. Được thả tự do ngày 2/1/1608, Smith quay về Jamestown, lúc bấy giờ vẫn còn thiếu hụt lương thực một cách ngặt nghèo, cho đến khi Newport kịp thời quay về từ Anh sau đó trong cùng ngày.

Thực dân Anh ở Jamestown không học hỏi được gì nhiều từ kinh nghiệm ban đầu này. Khi năm 1608 trôi qua, họ tiếp tục tìm kiếm vàng và kim loại quý. Xem ra họ vẫn không hiểu rằng để sống còn, họ không thể dựa vào người dân địa phương nuôi sống họ thông qua cưỡng bức hay trao đổi. Chính Smith là người đầu tiên nhận ra rằng mô hình thuộc địa hóa từng phát huy tác dụng tốt đối với Cortés và Pizarro không thể áp dụng ở Bắc Mỹ. Chỉ đơn giản là tình huống cơ bản quá khác biệt. Smith nhận xét rằng, không như người Aztec và Inca, người dân Virginia không có vàng. Quả

https://thuviensach.vn

thật, ông ghi trong nhật ký: “Bạn phải biết, thực phẩm là toàn bộ của cải của họ”. Anas Todkill, một trong những người định cư đầu tiên để lại một quyển nhật ký lớn, bày tỏ nỗi thất vọng của Smith và những người khác về những gì hé lộ qua sự thừa nhận này:

“Không chuyện trò, không hy vọng, không làm việc, mà là đào vàng, lọc vàng, chở vàng”.

Khi Newport quay về Anh vào tháng 4/1608, ông mang theo một lô đồng thau, khoáng sản cũng có màu vàng. Ông quay lại vào cuối tháng 9 với mệnh lệnh từ Công ty Virginia là phải kiểm soát người dân bản xứ chặt chẽ hơn. Kế hoạch của họ là ban thưởng cho Wahunsunacock với hy vọng sẽ chiêu dụ ông thuần phục vua Anh James I. Họ mời ông đến Jamestown, nhưng Wahunsunacock vẫn hết sức ngờ vực thực dân Anh, và không có ý định mạo hiểm để bị bắt. John Smith ghi chép lại phúc đáp của Wahunsunacock: “Nếu vua của các ông tặng quà cho tôi, tôi cũng là một vì vua, và đây là đất đai của tôi… Cha ông phải đến với tôi, chứ không phải tôi đến với ông ấy, tôi sẽ không đến pháo đài của ông, mà cũng sẽ không cắn miếng mồi câu như thế”.

Nếu Wahunsunacock không “cắn miếng mồi câu như thế” thì Newport và Smith sẽ phải đến Werowocomoco để làm lễ tấn phong. Chung quy sự kiện xem ra là một thất bại hoàn toàn, với điều duy nhất bộc lộ rõ rệt là quyết tâm của Wahunsunacock rằng đã đến lúc cắt đứt với thực dân. Ông ra lệnh cấm vận thương mại. Jamestown không thể trao đổi hàng hóa tiếp tế được nữa. Wahunsunacock sẽ bỏ đói họ.

Newport giong buồm một lần nữa về Anh vào tháng 12/1608. Ông mang theo một lá thư do Smith viết, nài nỉ các giám đốc Công ty Virginia thay đổi cách suy nghĩ về thuộc địa. Không có triển vọng gì để làm giàu nhanh chóng bằng cách bóc lột Virginia theo đường lối của Mexico và Peru. Không có vàng hay kim loại quý, và không thể cưỡng bức người dân bản xứ làm việc hay cung cấp lương thực. Smith nhận ra rằng nếu muốn có

https://thuviensach.vn

một thuộc địa vững chắc, chính những người đi chinh phục sẽ phải làm việc. Do đó, ông van xin các giám đốc gửi sang đúng người: “Khi các ông lại cử người sang đây, tôi tha thiết mong các ông gửi sang khoảng ba mươi người thợ mộc, người làm ruộng, làm vườn, ngư dân, thợ rèn, thợ nề và những người đào bứng cây, với trang bị tốt, còn hơn là 1.000 người như những người chúng tôi đang có”.

Smith không muốn có thêm một thợ kim hoàn nào nữa. Một lần nữa, Jamestown sống sót là nhờ vào khả năng xoay sở của ông. Ông tìm cách lừa phỉnh và ức hiếp các nhóm thổ dân để họ trao đổi hàng hóa với ông, và khi họ không đồng tình, ông chiếm lấy những gì ông có thể chiếm được. Quay trở lại vùng định cư, ông chịu toàn bộ trách nhiệm và đặt ra quy luật “ai không làm việc thì không được ăn”. Jamestown sống sót qua mùa đông thứ hai.

Công ty Virginia vốn dĩ là một doanh nghiệp hoạt động vì lợi nhuận, và sau hai năm thảm họa, xem ra không có chút hơi hướng lợi nhuận nào cả. Các giám đốc công ty quyết định rằng họ cần một mô hình cai trị mới, họ thay thế hội đồng cai trị bằng một thống đốc duy nhất. Người đầu tiên được bổ nhiệm vào vị trí này là Ngài Thomas Gates. Lưu ý đến một vài khía cạnh cảnh báo của Smith, công ty nhận thấy họ cần phải thử một điều đó gì mới mẻ. Nhận thức này được dẫn dắt bởi các sự kiện diễn ra vào mùa đông 1609-1610 - cái gọi là “mùa đông chết đói”. Phương thức cai trị mới không có chỗ cho Smith, vốn đã bất mãn quay về Anh vào mùa thu năm 1609. Không có tài tháo vát của ông, và với sự bóp nghẹt nguồn cung lương thực của Wahunsunacock, những người đi chinh phục ở Jamestown đã phải bỏ mạng. Trong số 500 người bước vào mùa đông, chỉ có 60 người còn sống sót đến tháng 3. Tình cảnh tuyệt vọng đến mức họ buộc phải ăn thịt đồng loại.

“Điều gì đó mới mẻ” được Gates và cấp phó của ông, Ngài Thomas Dale, áp dụng ở thuộc địa là chế độ làm việc khắc nghiệt tàn bạo đối với

https://thuviensach.vn

những người Anh định cư - lẽ dĩ nhiên không áp dụng đối với giới quyền thế điều hành thuộc địa. Chính Dale là người ban hành "Luật thiêng liêng, đạo lý và thượng võ", trong đó có các điều khoản:

- Không nam giới hay phụ nữ nào được bỏ trốn từ thuộc địa sang phía người dân bản xứ, vi phạm sẽ bị phạt tử hình.

- Bất kể ai trộm cướp trong vườn, công cộng hay tư nhân, hay trong vườn nho, hay lấy trộm bắp ngô, đều bị phạt tử hình.

- Không một thành viên nào của thuộc địa được bán hay lấy bất kỳ hàng hóa nào của đất nước này cho một thuyền trưởng, thủy thủ hay chủ tàu để họ chở ra khỏi thuộc địa nhằm mục đích sử dụng riêng, vi phạm sẽ bị phạt tử hình.

Công ty Virginia lập luận, nếu không thể khai thác bóc lột được người dân bản xứ, có lẽ họ có thể làm điều đó với chính những người đi định cư. Mô hình phát triển thuộc địa mới giúp Công ty Virginia sở hữu toàn bộ đất đai. Nam giới được bố trí ở trong các lán trại, và được cấp khẩu phần do công ty ấn định. Các nhóm lao động được tuyển chọn, mỗi nhóm được giám sát bởi một đại diện công ty. Hệ thống cũng gần giống như luật quân đội, với sự hành quyết là biện pháp trừng phạt đầu tiên. Như một phần của các thể chế mới của thuộc địa, điều khoản đầu tiên vừa nêu trên là quan trọng. Công ty đe dọa tử hình những người nào bỏ trốn, ứng với cơ chế lao động mới, việc bỏ trốn sang sống với thổ dân trở thành một phương án ngày càng hấp dẫn hơn đối với những người đi định cư bị bắt buộc phải lao động. Phương án khả dĩ khác, ứng với mật độ dân số thấp ngay cả của người bản xứ ở Virginia ngày ấy, là triển vọng sống một mình ở biên giới ngoài tầm kiểm soát của Công ty Virginia. Khả năng đối phó của công ty trước các phương án này thì có hạn. Công ty không thể ép buộc những người Anh định cư làm việc với khẩu phần ít ỏi.

https://thuviensach.vn

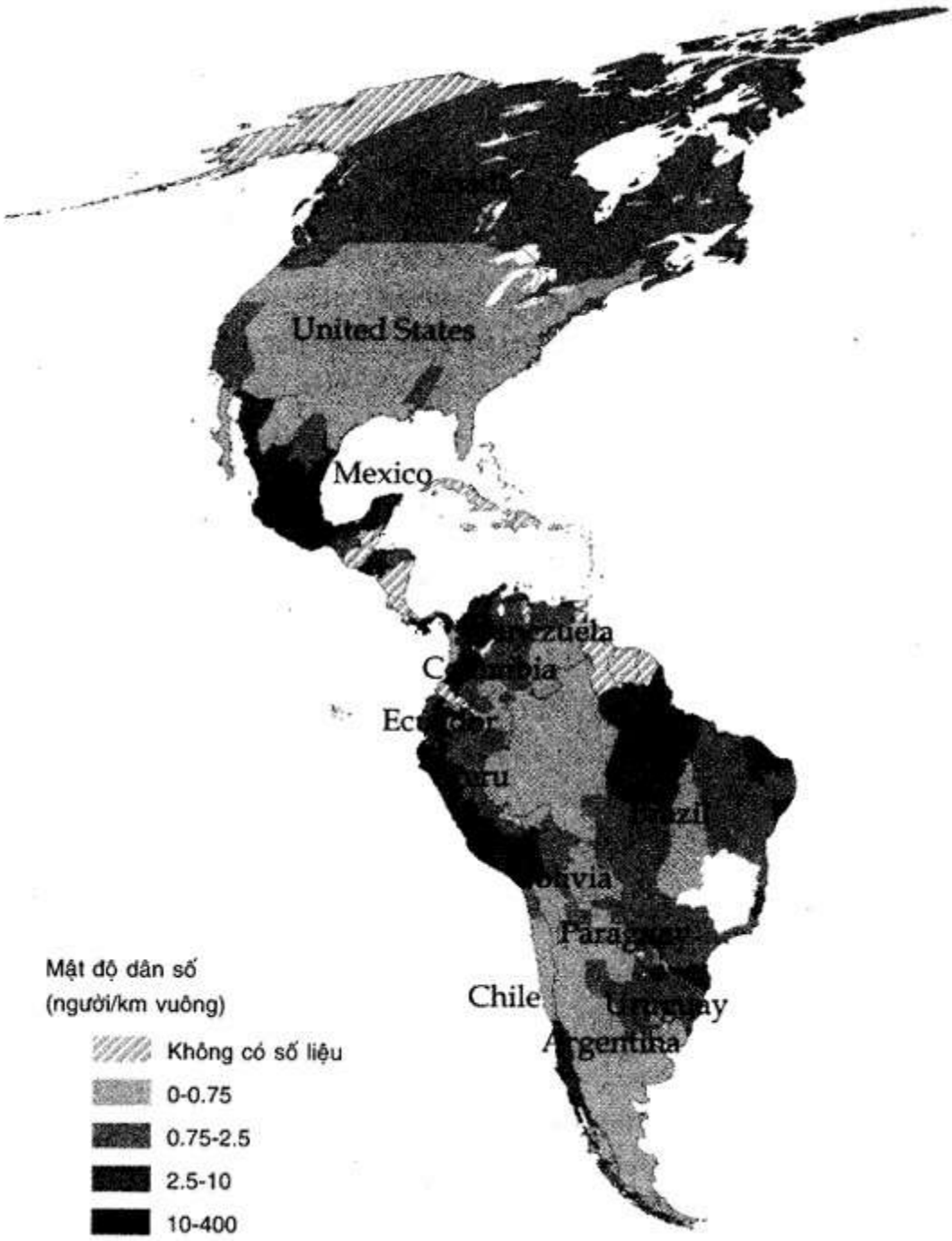

Bản đồ 2: Mật độ dân số ở châu Mỹ năm 1500 (p. 44)

Bản đồ 2 trình bày ước lượng mật độ dân số ở các vùng khác nhau của châu Mỹ vào thời điểm người Tây Ban Nha chinh phục vùng đất này. Mật độ dân số ở Hoa Kỳ, ngoài những khoảnh nhỏ, nhiều nhất cũng chỉ đến 3/4 người trên một km^2, ở miền trung Mexico hay Peru thuộc vùng núi Andes,

https://thuviensach.vn

mật độ dân số lên đến 400 người trên một km^2, cao hơn gấp 500 lần. Những gì người ta có thể làm ở Mexico hay Peru đều bất khả thi ở Virginia.

Phải mất một thời gian Công ty Virginia mới nhận ra rằng mô hình thuộc địa hóa ban đầu không phát huy tác dụng ở Virginia, và phải mất một thời gian nữa, họ mới thấm thía thất bại của "Luật thiêng liêng, đạo lý và thượng võ". Bắt đầu từ năm 1618, một chiến lược hoàn toàn mới mẻ được áp dụng. Vì không thể ép buộc thổ dân cũng như những người định cư, phương án duy nhất là tạo cho họ các động cơ khuyến khích. Năm 1618, công ty bắt đầu "hệ thống cấp đất theo đầu người"; cấp cho mỗi nam giới định cư 50 mẫu đất và thêm 50 mẫu nữa cho mỗi thành viên gia đình và cho toàn bộ người phục vụ mà gia đình mang đến Virginia. Những người định cư được cấp nhà và được giải thoát khỏi các hợp đồng ràng buộc, và vào năm 1619, một cơ quan lập pháp được thành lập, thực chất trao cho mọi nam giới trưởng thành một tiếng nói trong luật pháp và thể chế cai quản thuộc địa. Đó là khởi điểm của nền dân chủ ở Hoa Kỳ.

Phải mất 12 năm Công ty Virginia mới học xong bài học đầu tiên rằng những gì từng phát huy tác dụng đối với người Tây Ban Nha ở Mexico cũng như ở Trung và Nam Mỹ sẽ không có tác dụng ở phương bắc. Thời gian còn lại của thế kỷ 17 chứng kiến một loạt cuộc vật lộn của công ty với bài học thứ hai: phương án duy nhất để một thuộc địa có thể đứng vững về mặt kinh tế là xây dựng những thể chế mang lại động cơ khuyến khích cho những người định cư đầu tư và tích cực làm việc.

Khi Bắc Mỹ phát triển, giới quyền thế của nước Anh hết lần này đến lần khác ra sức thiết lập các thể chế giới hạn nghiêm ngặt các quyền kinh tế và chính trị đối với mọi người, ngoại trừ một ít dân cư đặc quyền của thuộc địa, như người Tây Ban Nha đã làm. Thế nhưng trong mọi trường hợp, mô hình này đều bị đổ vỡ, như từng xảy ra ở Virginia.

Một trong những nỗ lực tham vọng nhất được bắt đầu chẳng bao lâu sau khi công ty Virginia thay đổi chiến lược. Năm 1632, mười triệu mẫu đất

https://thuviensach.vn

ở mạn trên vịnh Chesapeake được vua Anh Charles I cấp cho Cecilius Calvert, lãnh chúa Baltimore. Hiến chương Maryland cho phép lãnh chúa Baltimore hoàn toàn tự do thành lập một chính phủ theo bất kỳ đường lối nào ông muốn, với điều VII quy định rằng Baltimore sẽ có "quyền lực tự do hoàn toàn và tuyệt đối để cai quản tỉnh nhà một cách tốt đẹp và hạnh phúc, trên tinh thần chung của sự ban bố này, để ban hành, thực hiện và duy trì luật pháp theo bất kỳ hình thức nào".

Baltimore vạch ra một kế hoạch chi tiết để thành lập một xã hội trang viên, biến thể Bắc Mỹ của phiên bản nông thôn nước Anh thế kỷ 17 lý tưởng hóa. Đất được chia ra thành nhiều lô rộng hàng nghìn mẫu, được điều hành bởi các lãnh chúa. Các lãnh chúa sẽ tuyển mộ tá điền - những người lao động trên những mảnh đất này và phải nộp tô cho giới quyền thế - những người có đặc quyền kiểm soát đất đai. Một nỗ lực tương tự khác được thực hiện sau này vào năm 1663, với việc thành lập Carolina của tám chủ sở hữu đặc quyền, trong đó có Ngài Anthony Ashley Cooper. Ashley Cooper cùng với thư ký của ông, nhà triết học Anh vĩ đại John Locke, soạn thảo Hiến pháp cơ bản của Carolina. Văn kiện này, cũng như Hiến chương Maryland trước đó, là bản phác thảo cho một xã hội có tôn ti thứ bậc của giới đặc quyền dựa vào sự kiểm soát của một tầng lớp thế lực có đất. Phần mở đầu văn kiện lưu ý: "Việc cai quản tỉnh nhà sẽ được thực hiện theo cách phù hợp nhất với chế độ quân chủ mà chúng ta đang sống và tỉnh này là một phần trong đó; và chúng ta sẽ tránh dựng nên một nền dân chủ cho đa số".

Các điều khoản của Hiến chương cơ bản phác thảo một cơ cấu xã hội cứng nhắc. Ở dưới đáy cơ cấu đó là các trang viên, với điều khoản 23 quy định: "Tất cả con cái của trang viên sẽ là trang viên, và cứ thế áp dụng cho mọi thế hệ". Phía trên trang viên, những người không có thế lực chính trị, là các chủ đất lớn và nhỏ (*landgrave* và *cazique*) tạo thành tầng lớp quý tộc. Các chủ đất lớn được cấp mỗi người 48 nghìn mẫu đất, và các chủ đất nhỏ được cấp mỗi người 24 nghìn mẫu. Các chủ đất lớn và nhỏ đều có đại diện

https://thuviensach.vn

trong quốc hội, nhưng họ chỉ được phép tranh luận những biện pháp đã được phê duyệt trước bởi tám người chủ sở hữu đặc quyền ban đầu.

Hệt như các nỗ lực áp đặt luật lệ hà khắc ở Virginia đã từng thất bại, các kế hoạch xây dựng cùng một loại thể chế như vậy ở Maryland và Carolina cũng chịu chung số phận với những lý do tương tự. Trong mọi trường hợp, xem ra người ta không thể ép buộc những người định cư vào một khuôn khổ xã hội tôn ti thứ bậc cứng nhắc, bởi lẽ đơn giản là có quá nhiều phương án mở ra cho họ ở Tân thế giới. Thay vào đó, họ cần phải được khuyến khích làm việc. Và chẳng mấy chốc, họ đòi hỏi các quyền tự do kinh tế và chính trị nhiều hơn. Ở Maryland cũng thế, những người định cư khăng khăng đòi hỏi đất đai riêng, và họ buộc lãnh chúa Baltimore phải thành lập một cơ quan lập pháp. Năm 1691, cơ quan lập pháp thuyết phục nhà vua công bố Maryland là một thuộc địa của nhà vua, qua đó bãi bỏ các đặc quyền chính trị của lãnh chúa Baltimore và các chủ đất lớn của ông. Cuộc chiến tranh kéo dài tương tự cũng diễn ra ở hai miền Carolina, một lần nữa các chủ đất cũng thua cuộc. Nam Carolina trở thành một thuộc địa của nhà vua vào năm 1729.

Cho đến thập niên 1720, toàn thể 17 thuộc địa ở vùng đất mà sau này sẽ trở thành Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đều có cơ cấu cai trị tương tự như nhau. Trong tất cả các trường hợp, họ đều có một thống đốc, và một tổ chức lập pháp dựa vào sự bầu chọn của các chủ sở hữu tài sản nam giới. Đó không phải là những nền dân chủ; phụ nữ, nô lệ và những người không có tài sản không được bỏ phiếu. Nhưng các quyền chính trị lại rất phổ cập so với các xã hội khác lúc bấy giờ. Chính các cơ quan lập pháp và các nhà lãnh đạo này đã kết hợp lại tạo thành Quốc hội lục địa đầu tiên vào năm 1774, khúc dạo đầu của nền độc lập ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Các cơ quan lập pháp này tin rằng họ có quyền xác định tư cách thành viên và quyền thu thuế riêng. Điều này, như ta biết, đã gây rắc rối cho chính phủ thuộc địa Anh.

https://thuviensach.vn

CÂU CHUYỆN VỀ HAI BẢN HIẾN PHÁP

Giờ thì rõ ràng là chẳng phải ngẫu nhiên khi Hoa Kỳ, chứ không phải Mexico, ban hành và thực thi một hiến pháp tuân theo các nguyên tắc dân chủ, phân định giới hạn cho việc sử dụng quyền lực chính trị, và phân phối quyền lực đó rộng rãi trong xã hội. Văn kiện mà các đại biểu soạn thảo ở Philadelphia vào tháng 5/1787 là kết quả của một quá trình lâu dài được khởi động bằng sự ra đời của cơ quan lập pháp ở Jamestown năm 1619.

Sự tương phản giữa quá trình lập hiến diễn ra vào thời điểm độc lập của Hoa Kỳ và quá trình diễn ra sau đó một chút ở Mexico thật là sâu sắc. Vào tháng 2/1808, quân đội Pháp của Napoleon Bonaparte xâm lược Tây Ban Nha. Đến tháng 5, họ chiếm Madrid, thủ đô Tây Ban Nha. Đến tháng 9, vua Tây Ban Nha Ferdinand bị bắt và buộc phải thoái vị. Hội đồng hành chính quốc gia, được gọi là Hội đồng Trung ương, thay ông cầm quyền trong cuộc chiến chống Pháp. Hội đồng nhóm họp lần đầu ở Aranjuez, nhưng lui về miền nam khi đối đầu với quân Pháp. Cuối cùng, họ đến cảng Cádiz, dù bị bao vây bởi lực lượng Napoleon nhưng vẫn trụ vững. Ở đây, Hội đồng thành lập một quốc hội, gọi là Cortes. Năm 1812, Cortes soạn thảo cái mà sau này trở thành Hiến pháp Cádiz, kêu gọi thành lập một nền quân chủ lập hiến dựa trên quan niệm chính quyền là cơ quan quyền lực thể hiện ý chí của nhân dân. Hiến pháp cũng kêu gọi chấm dứt các đặc quyền đặc lợi và thực hiện sự bình đẳng trước pháp luật. Các yêu cầu này bị giới quyền thế Nam Mỹ ghét cay ghét đắng trong khi họ vẫn còn đang cầm quyền trong một môi trường thể chế định hình bởi hệ thống cai trị *encomienda*, lao động cưỡng bức và quyền lực tuyệt đối dành cho họ và nhà nước thuộc địa.

Sự sụp đổ nhà nước Tây Ban Nha với sự xâm lăng của Napoleon tạo ra một cuộc khủng hoảng hiến pháp xuyên suốt châu Mỹ La-tinh thuộc địa. Người ta tranh cãi về việc liệu có công nhận thẩm quyền của Hội đồng Trung ương hay không, và đáp lại, nhiều người châu Mỹ La-tinh bắt đầu

https://thuviensach.vn

thành lập hội đồng riêng của họ. Chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi họ bắt đầu nhận thức triển vọng trở nên hoàn toàn độc lập với Tây Ban Nha. Tuyên bố độc lập đầu tiên diễn ra ở La Paz, Bolivia năm 1809, cho dù nhanh chóng bị đập tan bởi quân đội Tây Ban Nha từ Peru cử đến. Ở Mexico, thái độ chính trị của giới quyền thế được định hình bởi cuộc khởi nghĩa Hidalgo năm 1810 dưới sự lãnh đạo của một linh mục, Cha Miguel Hidalgo. Khi quân đội Hidalgo đánh bại Guanajuato vào ngày 23/9, họ giết viên thống sứ cai quản thuộc địa, rồi bắt đầu giết người da trắng một cách vô tội vạ. Tình hình giống như một cuộc chiến tranh giai cấp hay xung đột chủng tộc hơn là một phong trào giành độc lập, và điều đó khiến toàn bộ giới quyền thế hợp nhất lại để chống trả. Nếu độc lập cho phép tham gia chính trị phổ cập, thì ngay cả giới quyền thế địa phương, chứ không chỉ người Tây Ban Nha, sẽ chống lại điều đó. Hậu quả là, Hiến pháp Cádiz, vốn mở đường cho sự tham gia chính trị phổ cập, bị giới quyền thế Mexico xem xét một cách hết sức hoài nghi; họ không bao giờ công nhận tính hợp pháp của hiến pháp đó.

Năm 1815, khi đế quốc châu Âu của Napoleon sụp đổ, vua Tây Ban Nha Ferdinand VII quay lại cầm quyền và Hiến pháp Cádiz bị hủy bỏ. Khi vương triều Tây Ban Nha bắt đầu ra sức giành lại các thuộc địa châu Mỹ, họ không gặp trở ngại gì với những người Mexico trung thành. Thế nhưng năm 1820, một đội quân Tây Ban Nha vốn tập hợp ở Cádiz để khởi hành đến châu Mỹ nhằm giúp khôi phục lại thẩm quyền của người Tây Ban Nha đã nổi dậy chống đối vua Ferdinand VII. Chẳng bao lâu, các đơn vị quân đội khắp đất nước tham gia cùng họ, và Ferdinand VII buộc phải khôi phục Hiến pháp Cádiz và triệu tập Quốc hội Cortes. Quốc hội lần này thậm chí còn triệt để hơn so với khi soạn thảo Hiến pháp Cádiz; họ đề xuất bãi bỏ tất cả các hình thức cưỡng bức lao động. Quốc hội cũng tấn công vào các đặc quyền - ví dụ như quyền của quân đội được xét xử tội phạm trong các tòa án riêng. Cuối cùng, đứng trước việc ban hành các văn kiện này ở Mexico, giới quyền thế ở đó quyết định rằng tốt hơn họ nên hoạt động riêng lẻ và tuyên bố độc lập.

https://thuviensach.vn

Phong trào độc lập này do Augustín de Iturbide, vốn là một sĩ quan trong quân đội Tây Ban Nha, lãnh đạo. Ngày 24/2/1821, ông công bố Kế hoạch Iguala - tầm nhìn của ông về một đất nước Mexico độc lập. Bản kế hoạch khắc họa một nền quân chủ lập hiến với hoàng đế Mexico, và hủy bỏ những điều khoản của Hiến pháp Cádiz mà giới quyền thế Mexico cho là đe dọa đến vị thế và các đặc quyền của họ. Kế hoạch này nhận được sự ủng hộ ngay tức thời, và Tây Ban Nha nhanh chóng nhận ra rằng họ không thể ngăn chặn một điều tất yếu. Nhưng Iturbide không chỉ tổ chức cho Mexico ly khai. Nhận ra môi trường quyền lực tuyệt đối, ông nhanh chóng chớp lấy thời cơ quân đội yểm trợ để tuyên bố chính mình là hoàng đế, một vị trí mà nhà lãnh đạo vĩ đại của nền độc lập Nam Mỹ Simón Bolivar mô tả là "nhờ ân đức của Chúa và của lưỡi lê". Iturbide không bị ràng buộc bởi những thể chế chính trị như đã ràng buộc các tổng thống Hoa Kỳ; ông nhanh chóng trở thành một kẻ độc tài, và đến tháng 10/1822, ông bãi bỏ quốc hội được phê chuẩn theo hiến pháp, và thay thế bằng một hội đồng cố vấn do ông tuyển chọn. Dù vậy, Iturbide không trụ được lâu, kiểu sự kiện này sẽ lặp đi lặp lại hết lần này đến lần khác ở Mexico thế kỷ 19.

Hiến pháp Hoa Kỳ bấy giờ không tạo ra một nền dân chủ theo các tiêu chuẩn hiện đại. Việc ai được bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử còn phụ thuộc vào quyết định của mỗi bang. Trong khi các bang miền bắc nhanh chóng trao quyền bỏ phiếu cho tất cả nam giới da trắng bất kể thu nhập và tài sản của họ là bao nhiêu, các bang miền nam chỉ làm điều đó một cách từ từ. Không bang nào trao quyền bỏ phiếu cho phụ nữ hay nô lệ, và khi quy định hạn chế về tài sản và của cải được bãi bỏ đối với nam giới da trắng, thì quy định về quyền bỏ phiếu theo sắc tộc, công khai tước quyền bầu cử của người da đen, được ban hành. Lẽ dĩ nhiên, chế độ nô lệ được xem là hợp hiến khi Hiến pháp Hoa Kỳ được soạn thảo ở Philadelphia, và cuộc đàm phán nhớp nhúa nhất liên quan đến việc phân chia số ghế trong hạ viện giữa các bang. Số ghế này được phân bổ trên cơ sở dân số của các bang, nhưng các đại biểu quốc hội của các bang miền nam lúc bấy giờ yêu cầu phải tính cả nô lệ. Các đại biểu miền bắc bác bỏ. Họ đạt được thỏa hiệp

https://thuviensach.vn

rằng khi phân bổ số ghế cho hạ viện, một nô lệ sẽ được tính bằng 3/5 của một người tự do. Xung đột giữa miền nam và miền bắc Hoa Kỳ được kiềm chế trong quá trình lập pháp khi quốc hội thống nhất quy tắc 3/5 và các thỏa hiệp khác. Những biện pháp chắp vá khác cũng phát sinh theo thời gian - ví dụ như Thỏa hiệp Missouri, một thỏa thuận trong đó một bang ủng hộ chế độ nô lệ và một bang phản đối chế độ nô lệ luôn luôn được bổ sung vào cùng với nhau trong liên minh, để duy trì cân bằng trong Thượng viện giữa những người ủng hộ và những người chống đối chế độ nô lệ. Những biện pháp quấy quá này giúp duy trì các thể chế chính trị của Hoa Kỳ vận hành trong hòa bình cho đến khi cuộc nội chiến xảy ra giúp giải quyết triệt để cuộc xung đột theo chiều hướng thuận lợi cho phe miền bắc.

Cuộc nội chiến vô cùng đẫm máu và khốc liệt. Thế nhưng cả trước và sau chiến tranh, vẫn có những cơ hội kinh tế to lớn cho đông đảo dân chúng, đặc biệt là ở miền bắc và miền tây Hoa Kỳ. Tình hình ở Mexico rất khác. Nếu nước Mỹ có được năm năm ổn định chính trị từ 1860 đến 1865, thì Mexico trải nghiệm sự bất ổn gần như triền miên trong 50 năm độc lập đầu tiên. Điều này được minh họa rõ nhất qua sự nghiệp của Antonio López de Santa Ana.

Santa Ana, con trai của một quan chức thuộc địa ở Veracruz, nổi bật lên với tư cách một người lính chiến đấu chống Tây Ban Nha trong cuộc chiến tranh giành độc lập. Năm 1821, ông chuyển sang sát cánh với Iturbide và không bao giờ hối tiếc. Ông trở thành tổng thống Mexico lần đầu tiên vào tháng 5/1833, tuy nhiên ông tại vị chưa đến một tháng vì muốn để Valentín Gómez Farías giữ cương vị tổng thống. Vai trò tổng thống của Gómez Farías kéo dài được 15 ngày, sau đó Santa Ana cầm quyền trở lại. Tuy nhiên, thời gian tại vị của ông cũng ngắn ngủi hệt như lần trước, rồi ông lại được thay thế bởi Gómez Farías vào đầu tháng 7. Santa Ana và Gómez Farías cứ thế tiếp tục điệu luân vũ này cho đến giữa năm 1835, khi Santa Ana bị thay thế bởi Miguel Baragán. Nhưng Santa Ana không phải là một kẻ bỏ cuộc. Ông quay lại làm tổng thống vào năm 1839, 1841, 1844,

https://thuviensach.vn

1847, và cuối cùng từ năm 1853 đến 1855. Tổng cộng, ông làm tổng thống 11 lần, trong những lần đó ông chịu trách nhiệm về việc mất các vùng đất Alamo và Texas cũng như cuộc chiến tranh tàn khốc Mexico - Hoa Kỳ, dẫn đến việc mất thêm những vùng đất mà sau này trở thành bang New Mexico và Arizona của Mỹ. Từ năm 1824 đến 1867, có đến 52 đời tổng thống ở Mexico, hiếm có ai trong số đó lên cầm quyền theo bất kỳ một quy trình phê chuẩn hợp hiến nào.

Hệ lụy của tình trạng bất ổn chính trị chưa từng thấy này đối với các khuyến khích và thể chế kinh tế thật là hiển nhiên. Bất ổn dẫn đến các quyền sở hữu tài sản không bảo đảm. Bất ổn cũng làm suy yếu nghiêm trọng nhà nước Mexico, khiến nhà nước có rất ít thẩm quyền và năng lực để huy động thuế cũng như cung ứng các dịch vụ công. Quả thật, cho dù Santa Ana là tổng thống Mexico, phần lớn đất nước không nằm trong sự kiểm soát của ông; điều này dẫn đến sự thôn tính Texas của Hoa Kỳ. Thêm vào đó, như ta vừa thấy, động cơ nằm đằng sau tuyên ngôn độc lập của Mexico là để bảo vệ các thể chế kinh tế phát triển trong thời kỳ thuộc địa, đã làm cho Mexico trở thành "một đất nước của bất bình đẳng", theo lời nhà thám hiểm Đức vĩ đại và nhà địa lý học về châu Mỹ La-tinh Alexander von Humbolt. Các thể chế này, đặt xã hội dựa trên sự bóc lột người dân bản xứ và tạo ra các độc quyền, đã trói chặt các động cơ khuyến khích kinh tế và sáng kiến của quần chúng nhân dân. Khi Hoa Kỳ bắt đầu trải qua cuộc Cách mạng công nghiệp vào nửa đầu thế kỷ 19, Mexico lại càng nghèo hơn.

CÓ MỘT Ý TƯỞNG, THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ KIẾM MỘT KHOẢN VAY

Cách mạng công nghiệp bắt đầu ở Anh. Thành công đầu tiên của cuộc cách mạng này là cải tiến sản xuất vải bông bằng máy móc mới chạy bằng bánh xe nước và sau đó bằng động cơ hơi nước. Cơ giới hóa sản xuất sợi bông đại trà giúp tăng năng suất người lao động, trước hết trong ngành dệt

https://thuviensach.vn

rồi sau đó trong các ngành công nghiệp khác. Đổi mới chính là động cơ của các đột phá công nghệ xuyên suốt nền kinh tế, với các nghiệp chủ và doanh nhân nôn nóng đi tiên phong trong việc áp dụng các ý tưởng mới. Sự bùng phát đầu tiên này nhanh chóng lan khắp Bắc Đại Tây Dương đến Hoa Kỳ. Dân chúng nhìn thấy những cơ hội kinh tế to lớn trong việc áp dụng công nghệ mới được phát triển ở Anh. Họ cũng như được tiếp thêm nguồn cảm hứng để tự mình phát minh, sáng chế.

Chúng ta có thể hiểu bản chất của những phát minh này bằng cách xem xét ai là người được cấp bằng phát minh. Hệ thống bằng phát minh nhằm bảo vệ quyền sở hữu ý tưởng được hệ thống hóa trong Luật Độc quyền do Quốc hội Anh thông qua năm 1623, phần nào là một nỗ lực nhằm ngăn nhà vua không được tùy ý cấp "giấy chứng nhận đặc quyền" cho bất kỳ ai nhà vua thích - mà thực chất là ban phát độc quyền kinh doanh. Điều ấn tượng nhất trong bằng chứng về việc cấp bằng phát minh ở Anh là những người được cấp bằng phát minh xuất thân từ mọi thành phần chứ không chỉ có người giàu và giới quyền thế. Nhiều người phát tài nhờ vào bằng phát minh. Đơn cử ví dụ Thomas Edison, nhà phát minh máy quay đĩa, bóng đèn điện, và nhà sáng lập công ty General Electric, hiện vẫn là một trong những công ty lớn nhất thế giới. Edison là em út trong gia đình có bảy anh chị em. Cha ông, Samuel Edison, từng làm nhiều nghề, từ cắt mái lợp nhà cho đến may đo và giữ quán rượu. Thomas Edison không đi học nhiều ở trường nhưng được mẹ dạy học tại nhà.

Từ năm 1820 đến 1845, chỉ có 19% người nhận bằng phát minh ở Hoa Kỳ có bố mẹ hành nghề chuyên môn hay xuất thân từ các gia đình địa chủ lớn. Trong cùng kỳ, có đến 40% người nhận bằng phát minh chỉ có trình độ tiểu học hay thấp hơn, giống như Edison. Hơn nữa, cũng lại như Edison, họ thường khai thác bằng phát minh của họ thông qua việc thành lập doanh nghiệp. Cũng hệt như nước Mỹ vào thế kỷ 19 có tính dân chủ chính trị nhiều hơn bất kỳ một quốc gia nào khác trên thế giới lúc bấy giờ, đất nước này cũng dân chủ hơn bất kỳ một nước nào khác trong lĩnh vực phát minh

https://thuviensach.vn

đổi mới. Điều này hết sức quan trọng để trở thành một đất nước đổi mới kinh tế nhất thế giới.

Nếu bạn nghèo nhưng bạn có một ý tưởng hay, việc lấy bằng phát minh, suy cho cùng cũng không đắt đỏ gì lắm, nhưng mới chỉ là bước ban đầu. Bước tiếp theo, sử dụng bằng phát minh ấy để kiếm tiền lại là chuyện hoàn toàn khác. Lẽ dĩ nhiên, có một cách là bán bằng phát minh cho ai đó. Đây là điều mà thoạt đầu Edison đã làm để huy động chút vốn, khi ông bán phát minh điện báo phát cùng lúc bốn tín hiệu của ông cho Western Union để lấy 10 nghìn USD. Nhưng bán bằng phát minh chỉ là một ý tưởng hay đối với những người như Edison, vốn có những ý tưởng phát minh còn nhanh hơn so với việc đưa chúng vào thực tiễn. (Ông đạt kỷ lục thế giới với 1.093 bằng phát minh được cấp ở Hoa Kỳ và 1.500 bằng phát minh trên toàn thế giới.) Cách thực tế để kiếm tiền từ một bằng phát minh là khởi sự doanh nghiệp riêng. Nhưng để thành lập doanh nghiệp, bạn cần có vốn, và bạn cần các ngân hàng cho bạn vay vốn.

Các nhà phát minh ở Hoa Kỳ một lần nữa cũng thật may mắn. Trong thế kỷ 19 đã có sự phát triển nhanh chóng hoạt động ngân hàng và trung gian tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng và công nghiệp hóa mau lẹ trong nền kinh tế. Nếu như vào năm 1818 ở Hoa Kỳ chỉ có 338 ngân hàng hoạt động với tổng tài sản 160 triệu USD, thì đến năm 1914 đã có tới 27.864 ngân hàng với tổng tài sản là 27,3 tỉ USD. Các nhà đầu tư tiềm năng ở Hoa Kỳ dễ dàng tiếp cận vốn để thành lập doanh nghiệp. Hơn nữa, sự cạnh tranh dữ dội giữa các ngân hàng và các tổ chức tài chính ở Hoa Kỳ có nghĩa là nguồn vốn này dễ tiếp cận với lãi suất tương đối thấp.

Điều này không xảy ra ở Mexico. Trên thực tế, vào năm 1910, năm bắt đầu cuộc Cách mạng Mexico, chỉ có 42 ngân hàng ở Mexico, và hai ngân hàng trong số đó kiểm soát đến 60% tổng tài sản ngân hàng. Không như ở Hoa Kỳ với sự cạnh tranh gay gắt, trên thực tế không có cạnh tranh giữa các ngân hàng ở Mexico. Tình trạng thiếu cạnh tranh này có nghĩa là các

https://thuviensach.vn

ngân hàng có thể tính lãi suất cho vay rất cao, và thường hạn chế việc cho vay trong những thành phần giàu có đặc quyền, những người này sau đó sử dụng việc tiếp cận tín dụng của họ để tăng cường kiểm soát các ngành khác nhau trong nền kinh tế.

Hình thức hoạt động của ngành ngân hàng Mexico thế kỷ 19 và 20 là hệ quả trực tiếp của các thể chế chính trị sau khi đất nước giành độc lập. Sự hỗn loạn của thời kỳ Santa Ana được nối tiếp bằng nỗ lực không thành của chính phủ Napoleon III nhằm tạo ra một chế độ thuộc địa ở Mexico dưới thời vua Maximilian từ năm 1864 đến 1867. Người Pháp bị trục xuất và một hiến pháp mới được soạn thảo. Nhưng chính phủ do Benito Júarez thành lập, và sau khi ông chết, chính phủ của Sebastián Lerdo de Tejada, chẳng bao lâu bị thách thức bởi một quân nhân trẻ tên Porfirio Díaz. Díaz là một tướng lĩnh chiến thắng trong cuộc chiến chống Pháp và ấp ủ tham vọng quyền lực. Ông thành lập quân nổi dậy và vào tháng 11/1876 đã đánh bại quân chính phủ trong cuộc chiến Tecoac. Tháng 5 năm đó, ông tự bầu mình làm tổng thống. Ông tiếp tục cai trị Mexico theo đường lối ngày càng độc đoán và không nao núng cho đến khi bị lật đổ trong cơn bộc phát cách mạng 34 năm sau.

Cũng như Iturbide và Santa Ana trước ông, Díaz bắt đầu sự nghiệp như một vị chỉ huy quân đội. Con đường sự nghiệp từ quân đội bước vào chính trường như vậy chắc chắn cũng đã được biết tới ở Hoa Kỳ. Vị tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ, George Washington cũng là một vị tướng lĩnh thành công trong cuộc chiến tranh giành độc lập. Ulysses S. Grant, một trong những vị tướng Liên minh chiến thắng trong cuộc nội chiến, trở thành tổng thống năm 1869, và Dwight D. Eisenhower, chỉ huy tối cao của Lực lượng đồng minh ở châu Âu trong Thế chiến thứ hai, là tổng thống Hoa Kỳ từ năm 1953 đến 1961. Tuy nhiên, không như Iturbide, Santa Ana và Díaz, không ai trong các quân nhân này dùng vũ lực để lên cầm quyền. Mà cũng không ai dùng vũ lực để tránh phải chuyển giao quyền lực. Họ tuân theo hiến pháp. Cho dù Mexico đã có hiến pháp vào thế kỷ 19, thế nhưng hiến

https://thuviensach.vn

pháp không giúp mang lại sự hạn chế đối với những gì Iturbide, Santa Ana và Díaz có thể làm. Những người này chỉ có thể bị tước đoạt quyền lực theo cùng một cách thức như khi họ chiếm quyền lực: thông qua sử dụng vũ lực.

Díaz vi phạm các quyền sở hữu tài sản của nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tước đoạt những vùng đất đai rộng lớn, và ông ban bố độc quyền và đặc ân cho những người ủng hộ ông trong mọi ngành nghề, kể cả ngân hàng. Hành vi này chẳng có gì mới mẻ. Đây chính là điều thực dân Tây Ban Nha đã làm, và cũng là điều Santa Ana đã làm theo chân họ.

Lý do khiến Hoa Kỳ có một ngành ngân hàng tốt hơn hẳn cho sự thịnh vượng kinh tế của đất nước không liên quan gì đến sự khác biệt về động cơ của những người sở hữu ngân hàng. Thật vậy, động cơ lợi nhuận, vốn là nền tảng của bản chất độc quyền của ngành ngân hàng ở Mexico, cũng tồn tại ở Hoa Kỳ. Nhưng động cơ lợi nhuận này được phân phối một cách khác nhau do các thể chế khác biệt triệt để của Hoa Kỳ. Các chủ ngân hàng đứng trước các thể chế kinh tế khác nhau, những thể chế bắt họ chịu sự cạnh tranh gay gắt hơn nhiều. Và điều này chủ yếu là do bản thân những chính khách soạn thảo luật lệ cho ngân hàng cũng đứng trước những động cơ khuyến khích vô cùng khác biệt, được hun đúc bởi các thể chế chính trị khác nhau. Quả thật, vào cuối thế kỷ 18, ngay sau khi hiến pháp Hoa Kỳ đi vào hoạt động, một hệ thống ngân hàng có vẻ tương tự như hệ thống ngân hàng của Mexico bắt đầu nổi lên. Các chính khách ra sức thiết lập các ngân hàng nhà nước độc quyền, để họ có thể trao cho bạn bè và đối tác của họ nhằm đổi lấy một phần lợi nhuận độc quyền. Các ngân hàng cũng nhanh chóng cho các chính khách, những người giám sát họ, vay tiền, hệt như ở Mexico. Nhưng tình hình này không trụ được lâu ở Hoa Kỳ, vì những chính khách cố gắng tạo ra các ngân hàng độc quyền vẫn phụ thuộc vào quá trình bầu cử và tái bầu cử, chứ không như ở Mexico. Tạo ra các ngân hàng độc quyền và cho các chính khách vay tiền là một doanh vụ béo bở đối với các chính khách, nếu họ có thể thoát được. Tuy nhiên, điều này đặc

https://thuviensach.vn

biệt không tốt đối với người dân. Không như ở Mexico, ở Hoa Kỳ, dân chúng có thể kiểm tra các chính khách và tống khứ những người nào sử dụng chức vụ để làm giàu cho bản thân hay xây dựng độc quyền cho các thân hữu của mình. Vì thế, độc quyền ngân hàng sụp đổ. Sự phân phối đại trà các quyền chính trị ở Hoa Kỳ, nhất là so với Mexico, bảo đảm sự tiếp cận tài chính và nguồn vốn một cách công bằng. Điều này, đến lượt mình, bảo đảm rằng những người có ý tưởng và phát minh có thể hưởng lợi từ đó.

SỰ THAY ĐỔI BỊ CHI PHỐI BỞI QUÁ KHỨ

Thế giới đã thay đổi từ thập niên 1870 đến 1880. Châu Mỹ La-tinh không phải là ngoại lệ. Các thể chế do Porfirio Díaz thiết lập không giống hệt như các thể chế của Santa Ana hay nhà nước thuộc địa Tây Ban Nha. Nền kinh tế thế giới bùng phát trong nửa sau thế kỷ 19, và các phát minh trong ngành giao thông vận tải, như tàu chạy bằng động cơ hơi nước và đường sắt, dẫn đến sự mở rộng đáng kể hoạt động thương mại quốc tế. Làn sóng toàn cầu hóa này có nghĩa là những nước giàu tài nguyên như Mexico - hay nói đúng hơn là giới quyền thế ở những nước này - có thể làm giàu cho bản thân bằng cách xuất khẩu nguyên vật liệu và tài nguyên thiên nhiên sang các nước công nghiệp ở Bắc Mỹ hay Tây Âu. Díaz và các thân hữu của ông nhận thấy họ đang sống trong một thế giới khác, luôn tiến hóa không ngừng. Họ nhận ra rằng Mexico cũng phải thay đổi. Nhưng điều đó không có nghĩa là nhổ bật gốc rễ các thể chế thuộc địa và thay thế bằng những thể chế tương tự như của Hoa Kỳ. Thay vì thế, đó là sự thay đổi "bị chi phối bởi quá khứ" (path-dependent) chỉ dẫn đến một giai đoạn tiếp theo của những thể chế vốn đã làm cho phần lớn châu Mỹ La-tinh trở nên nghèo đói và bất bình đẳng.

Toàn cầu hóa làm cho không gian rộng mở của châu Mỹ - "các biên giới mở" - trở nên quý giá. Thông thường các biên giới này chỉ mở một cách tưởng tượng, vì nơi đây được chiếm cứ bởi những người dân bản xứ bị tước quyền sở hữu một cách thô bạo. Dầu sao đi nữa, sự tranh giành

https://thuviensach.vn

nguồn tài nguyên quý giá mới mẻ này là một trong những quá trình xác lập châu Mỹ vào nửa sau thế kỷ 19. Việc mở cửa biên giới quý giá bất ngờ này không dẫn đến các quá trình song hành ở Hoa Kỳ và châu Mỹ La-tinh, mà dẫn đến sự phân hóa hơn nữa, được định hình bởi sự khác biệt thể chế hiện hữu, nhất là những thể chế liên quan đến việc ai được tiếp cận đất đai. Ở Hoa Kỳ, một loạt luật lệ, từ Luật Đất đai năm 1785 cho đến Luật Homestead năm 1862, đã trao quyền tiếp cận đất đai biên giới một cách rộng rãi. Mặc dù người bản địa bị gạt ra bên lề, điều này đã tạo ra một biên giới bình đẳng và năng động về kinh tế. Tuy nhiên, các thể chế chính trị ở hầu hết các nước châu Mỹ La-tinh tạo ra một kết quả hết sức khác. Đất biên giới được phân cho giới quyền thế chính trị và những người có của cải và quan hệ, làm cho họ càng trở nên có thế lực hơn.

Díaz cũng bắt đầu bãi bỏ nhiều di sản thể chế thuộc địa cụ thể làm cản trở thương mại quốc tế mà ông dự đoán có thể làm giàu cho ông và phe cánh của ông. Tuy nhiên, mô hình của ông vẫn không phải là loại mô hình phát triển kinh tế mà ông đã thấy ở phía bắc Rio Grande, mà là mô hình của Cortés, Pizarro và de Toledo, trong đó giới quyền thế sẽ giàu sụ trong khi những người còn lại bị gạt ra ngoài. Khi giới quyền thế đầu tư, nền kinh tế sẽ tăng trưởng đôi chút, nhưng sự tăng trưởng kinh tế đó luôn luôn trở nên đáng thất vọng. Và sự tăng trưởng đó cũng đạt được bằng tổn thất của những người không có quyền trong trật tự mới này, như người Yaqui bang Sonora, thuộc vùng sâu vùng xa của Nogales. Từ năm 1900 đến 1910, khoảng 30 nghìn người Yaqui bị trục xuất, thực chất là bị biến thành nô lệ, và bị bắt đi làm việc ở các đồn điền cây thùa sợi ở Yucantán. (Sợi của cây thùa sợi là một mặt hàng xuất khẩu giá trị, vì có thể sử dụng làm dây thừng và dây chão.)

Thể chế có hại cho tăng trưởng ở Mexico và châu Mỹ La-tinh tồn tại dai dẳng đến tận thế kỷ 20 được minh họa rõ rệt qua sự kiện là, tương tự như hồi thế kỷ 19, diễn biến thể chế dẫn đến tình trạng đình trệ kinh tế và bất ổn chính trị, nội chiến và bạo loạn khi các băng nhóm tranh giành

https://thuviensach.vn

quyền lực. Díaz cuối cùng mất quyền lực vào tay lực lượng cách mạng vào năm 1910. Cách mạng Mexico được tiếp nối bằng những cuộc cách mạng khác ở Bolivia 1952, Cuba 1959 và Nicaragua 1979. Trong khi đó, nội chiến triền miên nổ ra ở Colombia, El Salvador, Guatemala và Peru. Việc tước đoạt hay đe dọa tước đoạt tài sản tiếp tục một cách mau lẹ, với các cuộc cải cách (hay nỗ lực cải cách) ruộng đất ở Bolivia, Brazil, Chile, Colombia, Guatemala, Peru và Venezuela. Cách mạng, tước đoạt và bất ổn chính trị xảy ra cùng với chính phủ quân sự và các kiểu chế độ độc tài khác nhau. Cho dù cũng có sự chuyển hóa dần dần hướng tới nhiều quyền chính trị hơn, mãi tới những năm 1990, phần lớn các nước châu Mỹ La-tinh mới trở thành các nền dân chủ, và thậm chí khi ấy, họ vẫn chìm đắm trong tình trạng bất ổn.

Sự bất ổn này đi kèm với đàn áp và giết chóc tràn lan. Báo cáo của ủy ban chân lý và hòa giải dân tộc năm 1991 ở Chile xác định rằng đã có 2.279 người bị giết vì những nguyên nhân chính trị trong thời kỳ độc tài Pinochet từ năm 1973 đến 1990. Khoảng 50 nghìn người bị tù đày và tra tấn, và hàng trăm nghìn người bị mất việc làm. Báo cáo của Ủy ban Xác minh lịch sử Guatemala năm 1999 xác định tổng cộng 42.275 nạn nhân có danh tính, cho dù những người khác cho rằng có đến 200 nghìn người đã bị tàn sát ở Guatemala từ năm 1962 đến 1996, và 70 nghìn người bị giết hại dưới thời tướng Efrain Ríos Montt, người đã thực hiện những tội ác này mà không bị trừng phạt đến mức ông có thể tranh cử tổng thống vào năm 2003; may thay, ông đã không đắc cử. Ủy ban quốc gia về nhân sự mất tích ở Argentina nêu lên số người bị quân đội giết hại ở đó là 9 nghìn người từ năm 1976 đến 1983, cho dù ủy ban lưu ý rằng con số thực tế có thể cao hơn. (Ước lượng của các tổ chức nhân quyền thường đưa ra con số 30 nghìn người.)

TRỞ THÀNH TỈ PHÚ

https://thuviensach.vn

Tác động lâu dài của cách tổ chức xã hội thuộc địa và di sản thể chế của các xã hội này tạo nên sự khác biệt hiện nay giữa Hoa Kỳ và Mexico, và vì thế cũng định hình sự khác biệt giữa hai phần của Nogales. Sự tương phản giữa cách thức Bill Gates và Carlos Slim trở thành hai người giàu nhất thế giới - Waren Buffett cũng là một đối thủ - giúp minh họa những áp lực đã phát huy tác dụng. Sự vươn lên của Gates và Microsoft thì ai cũng biết, nhưng cương vị một người giàu nhất thế giới của Gates và nhà sáng lập một trong những công ty đổi mới công nghệ nhất đã không ngăn được Bộ Tư pháp Mỹ tiến hành vụ kiện dân sự chống lại công ty Microsoft vào ngày 8/5/1998, cho rằng Microsoft đã lạm dụng thế lực độc quyền. Vấn đề bất hòa cụ thể là cách thức Microsoft ràng buộc trình duyệt web Internet Explorer của họ với hệ điều hành Windows. Chính phủ theo dõi Gates một thời gian, và ngay từ đầu năm 1991, Ủy ban thương mại liên bang đã bắt đầu tìm hiểu liệu Microsoft có đang lạm dụng thế lực độc quyền về hệ điều hành máy tính hay không. Tháng 11/2001, Microsoft đạt được một thỏa thuận với Bộ Tư pháp. Hoạt động của công ty đã được khống chế, cho dù án phạt thấp hơn so với đòi hỏi của nhiều người.

Ở Mexico, Carlos Slim không kiếm tiền bằng phát minh đổi mới. Thoạt đầu ông đạt thành tích nổi trội trong các doanh vụ thị trường cổ phiếu, trong việc mua rồi tân trang lại những doanh nghiệp không có lời. Doanh vụ táo bạo chính của ông là thôn tính Telmex, công ty độc quyền viễn thông Mexico được tổng thống Carlos Salinas tư nhân hóa vào năm 1990. Chính phủ tuyên bố dự định bán 51% cổ phiếu kiểm soát (20,4% tổng số cổ phiếu) của công ty vào tháng 9/1989 và nhận hồ sơ dự thầu vào tháng 11/1990. Cho dù Slim không bỏ giá thầu cao nhất, một tập đoàn do ông lãnh đạo Grupo Carso đã trúng thầu. Thay vì trả tiền cổ phiếu ngay lập tức, Slim xoay sở trì hoãn việc thanh toán, dùng chính cổ tức của Telmex để trả tiền mua cổ phiếu. Doanh nghiệp một thời là độc quyền nhà nước giờ trở thành độc quyền của Slim, và nó mang lại lợi nhuận khổng lồ.

https://thuviensach.vn

Những thể chế kinh tế làm cho Carlos Slim trở nên giàu có như hiện nay vô cùng khác biệt so với các thể chế ở Hoa Kỳ. Nếu bạn là một nghiệp chủ Mexico, các hàng rào cản trở việc thành lập doanh nghiệp sẽ đóng vai trò quan trọng ở mỗi giai đoạn trong sự nghiệp của bạn. Những rào cản này bao gồm giấy phép tốn kém mà bạn phải kiếm được, những tệ nạn quan liêu mà bạn phải vượt qua, các chính khách và những doanh nghiệp đang hoạt động sẽ ngáng đường bạn, và nỗi khó khăn khi đi tìm nguồn tài trợ từ một khu vực tài chính thường móc ngoặc với các doanh nghiệp mà bạn đang phải cạnh tranh. Những rào cản này hoặc là không thể vượt qua, ngăn bạn bước vào những hoạt động làm ăn béo bở, hoặc sẽ là người bạn vĩ đại nhất của bạn, giúp bạn giữ khoảng cách an toàn với các đối thủ cạnh tranh khác. Lẽ dĩ nhiên, điểm khác biệt giữa hai tình huống là ở chỗ bạn quen biết những ai và có thể ảnh hưởng đến những người nào, cũng như có thể hối lộ cho ai. Carlos Slim, một người tài năng và tham vọng xuất thân từ thành phần di dân Libăng tương đối khiêm tốn, đã trở thành bậc thầy trong việc tìm kiếm những hợp đồng độc quyền; ông xoay sở để độc quyền hóa thị trường viễn thông béo bở ở Mexico, rồi mở rộng tầm ảnh hưởng đến phần còn lại của châu Mỹ La-tinh.

Cũng có những người từng phản đối công ty độc quyền Telmex của Slim, nhưng họ không thành công. Năm 1996, Avantel, nhà cung ứng dịch vụ điện thoại đường dài, kiến nghị lên Ủy ban Cạnh tranh Mexico yêu cầu kiểm tra xem Telmex có một vị thế chi phối trên thị trường viễn thông hay không. Năm 1997, ủy ban tuyên bố rằng Telmex có thế lực độc quyền đáng kể về dịch vụ điện thoại địa phương, các cuộc gọi đường dài quốc gia, và các cuộc gọi đường dài quốc tế, cùng những dịch vụ khác. Nhưng nỗ lực của các cơ quan điều tiết ở Mexico không đi đến đâu. Một lý do là vì Slim và Telmex có thể sử dụng cái gọi là *recurso de amparo*, hiểu sát nghĩa là "chống án để bảo vệ". *Amparo* thực chất là một kiến nghị, lập luận rằng một luật cụ thể nào đó không áp dụng cho bạn. Ý tưởng về *amparo* có từ hiến pháp Mexico năm 1857 và thoạt đầu là nhằm bảo vệ tự do và các quyền cá nhân. Tuy nhiên, trong tay của Telmex và các doanh nghiệp độc

https://thuviensach.vn

quyền khác, quy định này trở thành một công cụ ghê gớm để củng cố thế lực độc quyền. Thay vì bảo vệ quyền lợi của dân chúng, *amparo* mang lại một lỗ hổng trong sự bình đẳng trước pháp luật.

Slim kiếm tiền từ nền kinh tế Mexico phần lớn nhờ vào các mối quan hệ chính trị của ông. Khi mạo hiểm tiến vào Hoa Kỳ, Slim đã không thành công. Năm 1999, tập đoàn Grupo Carso của ông mua lại doanh nghiệp bán lẻ máy tính CompUSA. Trước lúc đó CompUSA đã nhượng quyền cho công ty Dịch vụ COC để bán hàng hóa của họ ở Mexico. Slim ngay lập tức vi phạm hợp đồng này bằng dự định thiết lập chuỗi cửa hàng riêng để không phải cạnh tranh với COC. Nhưng COC kiện CompUSA ra tòa án Dallas. Không có quy định *amparo* ở Dallas nên Slim thua kiện và bị phạt 454 triệu USD. Luật sư của COC, Mark Werener sau đó nhận xét rằng "thông điệp của phán quyết này là, trong nền kinh tế toàn cầu hiện nay, các doanh nghiệp phải tôn trọng luật pháp Hoa Kỳ nếu họ muốn đến đây". Khi Slim phải phụ thuộc vào các thể chế của Hoa Kỳ, chiến thuật kiếm tiền thông thường của ông không còn tác dụng nữa.

HƯỚNG TỚI MỘT LÝ THUYẾT VỀ CÁCH BIỆT GIÀU NGHÈO TRÊN THẾ GIỚI

Chúng ta sống trong một thế giới bất bình đẳng. Sự khác biệt giữa các nước cũng tương tự như sự khác biệt giữa hai phần của Nogales, chỉ khác là trên quy mô rộng lớn hơn. Ở những nước giàu, dân chúng giàu có hơn, sống lâu hơn và có học vấn cao hơn. Họ cũng được tiếp cận với nhiều thú vui và chọn lựa trong cuộc sống hơn, từ các kỳ nghỉ cho đến con đường sự nghiệp, mà người dân những nước nghèo chỉ có thể mơ ước. Dân chúng ở những nước giàu cũng được lái xe trên những con đường không có ổ gà, và họ có nhà vệ sinh, điện và nước máy trong nhà. Chính phủ nước họ thông thường cũng không tùy tiện bắt bớ hay xâm hại họ; trái lại, chính phủ cung ứng các dịch vụ như giáo dục, y tế, đường sá, luật pháp và an ninh trật tự.

https://thuviensach.vn

Một điều cũng đáng kể nữa là: dân chúng được bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử và có tiếng nói trong đường lối chính trị của đất nước.

Những điểm khác biệt to lớn về cách biệt giàu nghèo trên thế giới thật là hiển nhiên đối với mọi người, ngay cả đối với những người ở các nước nghèo cho dù nhiều người không được tiếp cận với truyền hình hay internet. Chính nhận thức và thực tế khác biệt này đã thôi thúc nhiều người vượt sông Rio Grande hay Địa Trung Hải một cách bất hợp pháp để có cơ hội trải nghiệm mức sống và vận hội ở các nước giàu. Tình trạng cách biệt giàu nghèo này không chỉ gây ra hệ lụy đối với cuộc sống của dân chúng ở các nước nghèo, mà còn dẫn đến bất bình và oán hận, với những hệ lụy chính trị to lớn ở Hoa Kỳ và những nơi khác. Tìm hiểu lý do tại sao sự khác biệt này tồn tại và nguyên nhân của chúng là trọng tâm của quyển sách này. Phát triển nhận thức này không chỉ là mục đích, mà còn là bước đi đầu tiên để xây dựng những ý tưởng tốt đẹp hơn về cách thức cải thiện cuộc sống của hàng tỷ người vẫn còn sống trong đói nghèo.

Tình trạng cách biệt giàu nghèo ở hai bên bờ rào Nogales chỉ là bề nổi của tảng băng. Cũng như ở những nơi khác ở miền bắc Mexico được hưởng lợi từ hoạt động thương mại với Hoa Kỳ, cho dù không phải toàn bộ hoạt động đó đều là hợp pháp, người dân Nogales vẫn thịnh vượng hơn so những người Mexico khác vốn có thu nhập hộ gia đình bình quân hàng năm chỉ vào khoảng 5.000 USD. Sự thịnh vượng tương đối này của Nogales bang Sonora hình thành từ các nhà máy công nghiệp chế tạo *maquiladora* trong các khu công nghiệp; trong đó khu công nghiệp đầu tiên được Richard Campbell, Jr., một nhà sản xuất rổ từ California, xây dựng. Doanh nghiệp thuê đất đầu tiên trong khu công nghiệp này là Coin-Art, một công ty sản xuất dụng cụ âm nhạc thuộc sở hữu của Richard Bosse, người sở hữu công ty sáo và kèn saxophone Artley ở Nogales bang Arizona. Tiếp bước Coin-Art là Memorez (hệ thống dây máy tính); Avent (y phục bệnh viện); Grant (kính mát); Chamberlain (nhà sản xuất thiết bị mở cửa ga-ra cho Sears); và Samsonite (va-li). Đáng lưu ý, tất cả đều là các doanh nhân và

https://thuviensach.vn

doanh nghiệp gốc Hoa Kỳ, sử dụng vốn và bí quyết công nghệ của Mỹ. Do đó, sự thịnh vượng hơn của Nogales bang Sonora so với phần còn lại của Mexico là xuất phát từ bên ngoài.

Sự khác biệt giữa Mỹ và Mexico không đáng kể so với sự khác biệt giữa Mỹ với các nước khác trên thế giới. Một người Mỹ bình quân giàu gấp bảy lần so với một người Mexico trung bình và gấp 10 lần so với người Peru hay Trung Mỹ. Một người Mỹ trung bình cũng thịnh vượng gấp 20 lần so với một người dân hạ Sahara châu Phi, và gần 40 lần so với những người sống ở những nước châu Phi nghèo nhất như Mali, Ethiopia và Sierra Leone. Và không chỉ Mỹ, có một nhóm nước giàu tuy không đông nhưng hiện đang ngày một nhiều hơn - chủ yếu ở châu Âu và Bắc Mỹ, cùng với Úc, Nhật Bản, New Zealand, Singapore, Hàn Quốc và Đài Loan - nơi dân chúng tận hưởng cuộc sống rất khác với cuộc sống ở phần còn lại của quả địa cầu.

Lý do khiến Nogales bang Arizona giàu hơn nhiều so với Nogales bang Sonora thật đơn giản; đó là do những thể chế rất khác nhau ở hai bên biên giới tạo ra những động cơ khuyến khích hết sức khác nhau cho người dân ở hai vùng. Hoa Kỳ cũng giàu hơn nhiều so với Mexico hay Peru do cách thức các thể chế kinh tế và chính trị đã định hình các động cơ khuyến khích đối với doanh nghiệp, cá nhân và các chính khách. Mỗi xã hội vận hành với một tập hợp các quy luật kinh tế và chính trị được tạo ra và thực thi bởi cả nhà nước và dân chúng. Các thể chế kinh tế sẽ định hình nên các động cơ kinh tế: động cơ khiến người ta muốn học tập, tiết kiệm và đầu tư, phát minh và áp dụng công nghệ mới… Chính quá trình chính trị sẽ định hình nên những thể chế kinh tế mà người dân đang sống trong đó, và chính các thể chế chính trị sẽ định hình nên cách thức vận hành quá trình này. Ví dụ, chính các thể chế chính trị của đất nước sẽ quyết định khả năng của dân chúng trong việc kiểm soát các chính khách và ảnh hưởng tới hành vi của họ. Điều này, đến lượt mình, sẽ quyết định liệu các chính khách có phải là đại diện của nhân dân, dù không hoàn hảo, hay là họ có thể lạm dụng quyền

https://thuviensach.vn

lực được ủy thác cho họ, hay quyền lực mà họ đã chiếm đoạt để tích lũy của cải riêng và theo đuổi chương trình hành động riêng, tác hại đến lợi ích của nhân dân. Các thể chế chính trị không chỉ bao gồm hiến pháp và nền dân chủ. Thể chế chính trị còn bao gồm sức mạnh và năng lực của nhà nước để điều tiết và quản trị xã hội. Cũng cần phải xem xét khái quát hơn những yếu tố xác định xem quyền lực chính trị được phân phối như thế nào trong xã hội, nhất là khả năng của các nhóm khác nhau cùng hành động một cách tập thể để theo đuổi mục tiêu của họ hay ngăn chặn những người khác theo đuổi mục tiêu của họ.

Vì các thể chế ảnh hưởng đến hành vi và động cơ khuyến khích trong đời sống thực tế nên chúng sẽ hun đúc nên thành công hay thất bại của các quốc gia. Nhân tài là quan trọng ở mọi cấp độ xã hội, nhưng cho dù như thế, cũng cần phải có một khung thể chế giúp chuyển hóa nhân tài thành một lực lượng tích cực. Bill Gates, cũng như những nhân vật huyền thoại khác trong ngành công nghệ thông tin (như Paul Allen, Steve Ballmer, Steve Jobs, Larry Page, Sergey Brin và Jeff Bezos) có tài năng và hoài bão phi thường. Nhưng suy cho cùng Gates đã đáp ứng với các động cơ khuyến khích. Hệ thống giáo dục ở Hoa Kỳ giúp Gates và những người như ông tiếp thu một tập hợp kỹ năng độc đáo bổ trợ cho tài năng của họ. Các thể chế kinh tế ở Hoa Kỳ giúp họ thành lập doanh nghiệp một cách dễ dàng, không phải đứng trước những rào cản không thể vượt qua. Các thể chế này cũng làm cho việc tài trợ cho các dự án của họ trở nên khả thi. Thị trường lao động Hoa Kỳ giúp họ tuyển dụng nhân sự phù hợp, và môi trường thị trường tương đối cạnh tranh giúp họ mở rộng công ty và tiếp thị sản phẩm. Các nghiệp chủ này tin chắc ngay từ đầu rằng các dự án mơ ước của họ có thể thực hiện được: họ tin tưởng vào các thể chế và tinh thần thượng tôn pháp luật mà các thể chế này đã tạo ra và họ không lo lắng gì về việc bảo đảm an toàn quyền sở hữu tài sản của họ. Cuối cùng, các thể chế chính trị giúp bảo đảm tính ổn định và liên tục. Trước hết, các thể chế chính trị giúp bảo đảm rằng sẽ không có nguy cơ một nhà độc tài nào đó sẽ lên cầm quyền và thay đổi luật chơi, tước đoạt của cải của họ, tống giam họ, hay đe

https://thuviensach.vn

dọa mạng sống và phương kế mưu sinh của họ. Các thể chế chính trị cũng bảo đảm rằng không có thế lực cụ thể nào trong xã hội có thể bẻ cong chính phủ theo một chiều hướng thảm họa về mặt kinh tế, vì quyền lực chính trị thì có giới hạn và được phân phối đủ rộng để có thể tạo ra một tập hợp thể chế kinh tế giúp hình thành các động cơ khuyến khích sự phồn vinh.

Quyển sách này sẽ cho thấy rằng, trong khi các thể chế kinh tế là quan trọng để xác định liệu đất nước sẽ nghèo hay giàu, chính chính trị và các thể chế chính trị sẽ cho ta biết đất nước có những thể chế kinh tế nào. Suy cho cùng, các thể chế kinh tế tốt đẹp của Hoa Kỳ đã hình thành từ những thể chế chính trị đã xuất hiện dần dần sau năm 1619. Lý thuyết về cách biệt giàu nghèo trên thế giới của chúng tôi sẽ cho thấy cách thức tương tác giữa các thể chế chính trị và các thể chế kinh tế trong quá trình dẫn đến đói nghèo hay thịnh vượng ra sao, và cho thấy các vùng khác nhau trên thế giới đi đến những tập hợp thể chế khác nhau như thế nào. Việc nhìn lại lịch sử châu Mỹ vừa rồi đã bắt đầu cho ta chút nhận thức về những áp lực định hình các thể chế chính trị và kinh tế. Diễn biến thể chế khác nhau ngày nay có gốc rễ sâu xa từ quá khứ, vì một khi xã hội đã tổ chức theo một đường lối nhất định, điều này sẽ có xu hướng tồn tại dai dẳng. Chúng ta sẽ thấy rằng thực tế này hình thành từ cách thức tương tác giữa các thể chế chính trị và kinh tế.

Sự tồn tại dai dẳng và các áp lực tạo ra sự tồn tại đó cũng giúp giải thích lý do khiến người ta khó lòng xóa bỏ tình trạng cách biệt giàu nghèo trên thế giới và làm cho những nước nghèo trở nên thịnh vượng. Cho dù các thể chế là yếu tố then chốt cho sự khác biệt giữa hai miền Nogales cũng như giữa Mexico và Hoa Kỳ, điều đó không có nghĩa là sẽ có sự đồng thuận ở Mexico để thay đổi thể chế. Không nhất thiết rằng xã hội sẽ xây dựng hay áp dụng những thể chế tốt nhất cho tăng trưởng kinh tế và phúc lợi nhân dân, bởi vì những thể chế khác thậm chí có thể tốt hơn cho những người kiểm soát chính trị và kiểm soát các thể chế chính trị. Giới quyền thế và những người còn lại trong xã hội thường bất đồng về những tập hợp thể

https://thuviensach.vn

chế nào nên được giữ nguyên và những thể chế nào nên thay đổi. Carlos Slim chắc sẽ không vui khi thấy các mối quan hệ chính trị của ông biến mất và các rào cản thành lập doanh nghiệp giúp bảo vệ hoạt động kinh doanh của ông sụp đổ - bất kể việc thành lập các doanh nghiệp mới sẽ làm cho hàng triệu người Mexico trở nên giàu có. Vì không có sự đồng thuận như thế, cho nên việc xã hội sẽ có những luật lệ như thế nào sẽ được xác định thông qua chính trị: ai có quyền lực và quyền lực này được thực hiện như thế nào. Carlos Slim có quyền lực để đạt được những gì ông muốn. Quyền lực của Bill Gates bị hạn chế hơn nhiều. Đó là lý do khiến lý thuyết của chúng tôi không chỉ nói về kinh tế mà còn về chính trị. Đó là lý thuyết về ảnh hưởng của thể chế đối với thành công và thất bại của các quốc gia - vì thế đó là kinh tế học về đói nghèo và thịnh vượng; đó là lý thuyết về cách thức các thể chế được quyết định như thế nào và thay đổi ra sao theo thời gian, và vì sao vẫn không thể bị thay đổi ngay cả khi các thể chế ấy dẫn đến đói nghèo và bất hạnh cho hàng triệu người - và vì thế lý thuyết của chúng tôi là chính trị học về đói nghèo và thịnh vượng.

https://thuviensach.vn

2. NHỮNG LÝ THUYẾT KHÔNG THUYẾT PHỤC

VỊ THẾ CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

CUỐN SÁCH NÀY nhằm giải thích sự cách biệt giàu nghèo (hay bất bình đẳng) trên thế giới và một số mô thức khái quát nằm đằng sau sự cách biệt giàu nghèo này. Quốc gia đầu tiên có tăng trưởng kinh tế bền vững là Vương quốc Anh (liên minh giữa nước Anh, xứ Wales và Scotland từ năm 1707). Tăng trưởng bắt đầu một cách chậm rãi trong nửa sau của thế kỷ 18 khi cuộc Cách mạng công nghiệp, dựa trên những đột phá lớn về công nghệ và ứng dụng của chúng trong các ngành công nghiệp, dần dần bám rễ. Ngay sau nước Anh, Mỹ và hầu hết các quốc gia Tây Âu cũng bắt đầu công nghiệp hóa. Sự thịnh vượng của nước Anh cũng nhanh chóng lan sang các "thuộc địa định cư" của nước này như Canada, Úc và New Zealand - những nước cho đến nay vẫn nằm trong danh sách 30 quốc gia giàu nhất thế giới. Bên cạnh đó còn có Nhật Bản, Singapore và Hàn Quốc - những quốc gia đạt tới sự thịnh vượng theo một mô thức rộng rãi hơn, mô thức mà nhờ đó nhiều vùng lãnh thổ ở Đông Á khác như Đài Loan, rồi Trung Quốc, đạt được tăng trưởng cao trong những năm gần đây.

Có một sự tương phản rõ nét giữa nhóm đầu và cuối trong phổ phân phối thu nhập của các quốc gia trên thế giới. Nhìn vào danh sách 30 quốc gia nghèo nhất hiện nay, bạn sẽ thấy hầu như tất cả đều ở vùng hạ Sahara của châu Phi. Trong danh sách này bạn cũng sẽ thấy Afghanistan, Haiti và Nepal, những nước mặc dù không ở châu Phi nhưng có nhiều điểm tương đồng quan trọng với các quốc gia châu Phi như chúng tôi sẽ giải thích sau này. Nếu ngược dòng thời gian 50 năm trở về trước, bạn sẽ thấy danh sách 30 quốc gia giàu nhất và nghèo nhất không khác đáng kể so với hiện nay.

https://thuviensach.vn

Singapore và Hàn Quốc sẽ không nằm trong danh sách các quốc gia giàu nhất, và danh sách 30 quốc gia nghèo nhất cũng có đôi chút xáo trộn, nhưng bức tranh tổng thể nổi lên sẽ nhất quán một cách đáng kinh ngạc so với những gì chúng ta thấy ngày nay. Ngược dòng thời gian 100 hay thậm chí 150 năm, một lần nữa bạn sẽ thấy danh sách nhóm nước nghèo và giàu nhất thế giới hầu như không thay đổi.

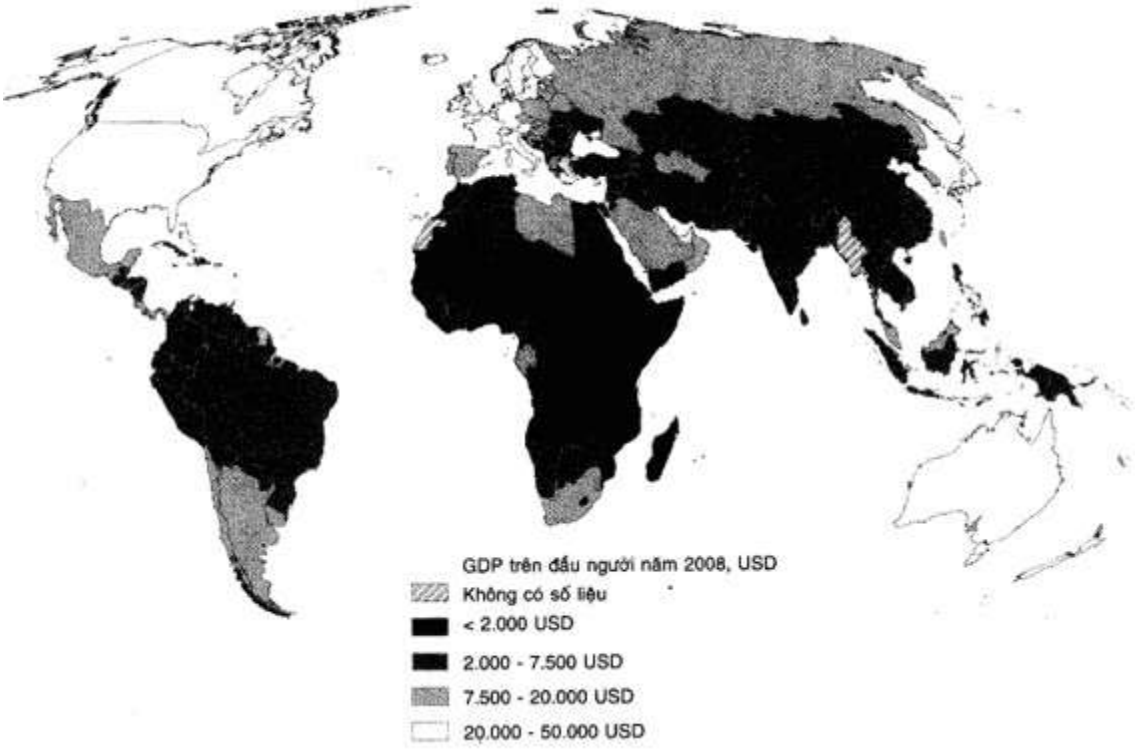

Bản đồ 3: Sự thịnh vượng trên thế giới vào năm 2008 (p.73)

Bản đồ 3 miêu tả vị thế của các quốc gia vào năm 2008. Các quốc gia được tô màu đậm nhất là những quốc gia nghèo nhất thế giới, với thu nhập (thuật ngữ kinh tế là tổng sản phẩm quốc nội, viết tắt là GDP) bình quân đầu người hằng năm dưới 2.000 USD. Hầu hết các nước châu Phi nằm trong nhóm này (cùng với Afghanistan, Haiti và một số nước Đông Nam Á như Campuchia và Lào), và bên cạnh đó còn có Bắc Triều Tiên. Các nước được tô màu trắng là những nước giàu nhất, có thu nhập bình quân đầu

https://thuviensach.vn

người hằng năm từ 20.000 USD trở lên. Trong nhóm này, chúng ta thấy những khuôn mặt quen thuộc: Bắc Mỹ, Tây Âu, Úc và Nhật Bản.

Một mô thức thú vị khác có thể nhìn thấy ở châu Mỹ. Nếu liệt kê các quốc gia ở châu Mỹ từ giàu nhất đến nghèo nhất, bạn sẽ thấy dẫn đầu là Hoa Kỳ và Canada, kế tiếp là Chile, Argentina, Brazil, Mexico và Uruguay, và có thể còn thấy Venezuela, tùy thuộc vào giá dầu cao hay thấp. Sau những nước này sẽ tới Colombia, Cộng hòa Dominica, Ecuador và Peru. Phía dưới cùng là nhóm ba nước nghèo cá biệt, bao gồm Bolivia, Guatemala và Paraguay. Dù trở lại quá khứ 50 năm, 100 năm hay 150 năm, bạn sẽ luôn thấy ba nước này ở cùng vị trí cuối bảng. Vì vậy, vấn đề không là chỉ là Hoa Kỳ và Canada là giàu hơn Mỹ La-tinh, mà còn là tồn tại một sự phân hóa rõ ràng và liên tục giữa các nước giàu và nước nghèo trong phạm vi châu Mỹ La-tinh.

Mô thức thú vị cuối cùng là ở Trung Đông, ở đó chúng ta tìm thấy các quốc gia giàu dầu mỏ như Arập Saudi và Kuwait có mức thu nhập xấp xỉ với nhóm 30 nước giàu nhất. Tuy nhiên, nếu giá dầu giảm, họ sẽ nhanh chóng rơi trở lại vị trí thấp hơn. Các nước Trung Đông ít hoặc không có dầu mỏ như Ai Cập, Jordan và Syria đều co cụm xung quanh mức thu nhập tương tự như của Guatemala và Peru. Nếu không có dầu, các nước Trung Đông sẽ đều nghèo, mặc dù không quá nghèo như những nước ở vùng hạ Sahara ở châu Phi, nhưng sẽ tương tự như các nước ở Trung Mỹ và vùng Andes.

Trong khi các mô thức giàu nghèo tồn tại dai dẳng, chúng không hề cố định hay không thể thay đổi. Đầu tiên, như chúng ta đã nhấn mạnh, hầu hết sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới hiện nay nổi lên từ cuối thế kỷ 18 theo sau cuộc Cách mạng công nghiệp. Cho đến giữa thế kỷ 18, khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia nhỏ hơn nhiều so với hiện tại, không những thế thứ bậc của các quốc gia vốn khá ổn định sau đó đã thay đổi rất nhiều nếu chúng ta tiếp tục ngược dòng lịch sử. Ví dụ như ở châu Mỹ, thứ bậc mà

https://thuviensach.vn

chúng ta thấy trong 150 năm trở lại đây hoàn toàn khác so với thứ bậc cách đây 500 năm. Thứ hai, nhiều quốc gia, chẳng hạn như phần lớn khu vực Đông Á, và gần đây là Trung Quốc, đã trải qua vài thập kỷ tăng trưởng nhanh chóng kể từ sau Thế chiến thứ hai. Tăng trưởng của nhiều nước trong số này sau đó bị đảo ngược. Ví dụ như Argentina đã phát triển nhanh chóng trong năm thập kỷ cho tới tận năm 1920, nhờ đó trở thành một trong những quốc gia giàu nhất thế giới, nhưng sau đó bắt đầu trượt dài. Ví dụ của Liên Xô thậm chí còn đáng chú ý hơn: phát triển nhanh chóng từ năm 1930 cho đến 1970, nhưng sau đó đã sụp đổ một cách nhanh chóng.

Điều gì nằm đằng sau những khác biệt lớn về đói nghèo và thịnh vượng và mô thức tăng trưởng? Tại sao các nước Tây Âu và các thuộc địa định cư của chúng bắt đầu phát triển trong thế kỷ 19, hầu như không ngoái lại phía sau? Điều gì giải thích sự "dai dẳng" trong bảng xếp hạng giàu nghèo ở châu Mỹ? Tại sao các nước hạ Sahara ở châu Phi và các quốc gia Trung Đông không thể đạt được tăng trưởng kinh tế như của Tây Âu, trong khi nhiều nước Đông Á lại trải qua những giai đoạn tăng trưởng kinh tế nhanh đến chóng mặt?

Người ta có thể nghĩ rằng thực tế chênh lệch giàu nghèo giữa các quốc gia trên thế giới to lớn, dai dẳng, và có mô thức rõ rệt như vậy thì chắc hẳn sẽ phải có một lời giải thích được chấp nhận một cách rộng rãi. Sự thực không phải như vậy. Hầu hết các giả thuyết của các nhà khoa học xã hội về nguồn gốc của đói nghèo và thịnh vượng đều không thể giải thích một cách thuyết phục về tình trạng cách biệt giàu nghèo được mô tả ở trên.

GIẢ THUYẾT ĐỊA LÝ

Một lý thuyết về nguyên nhân của sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới được chấp nhận rộng rãi là giả thuyết địa lý. Giả thuyết này cho rằng sự khác biệt lớn giữa các nước giàu và nghèo là do sự khác biệt về địa lý tạo ra. Nhiều quốc gia nghèo, chẳng hạn như những nước châu Phi, Trung

https://thuviensach.vn

Mỹ và Nam Á, nằm trong vùng nhiệt đới, bao gồm nhiệt đới cận chí tuyến bắc (tropic of cancer) và nhiệt đới cận chí tuyến nam (tropic of capricorn). Ngược lại, các nước giàu có xu hướng nằm ở các vùng ôn đới. Sự tập trung về mặt địa lý của đói nghèo và thịnh vượng đem đến cho giả thuyết địa lý một sức hấp dẫn bề ngoài, và do vậy trở thành xuất phát điểm cho lý thuyết và quan điểm của nhiều nhà chuyên môn và nhà khoa học xã hội. Nhưng sự thịnh hành của giả thuyết này không hề làm nó trở nên ít sai lầm hơn.

Ngay từ cuối thế kỷ 18, triết gia chính trị vĩ đại của Pháp Montesquieu đã ghi nhận và giải thích cho sự tập trung về mặt địa lý của sự thịnh vượng và nghèo đói. Ông lập luận rằng những người ở vùng khí hậu nhiệt đới có khuynh hướng lười biếng và thiếu tính hiếu kỳ. Kết quả là họ làm việc không chăm chỉ, thiếu sáng tạo, và đó là lý do khiến họ nghèo. Montesquieu cũng suy đoán rằng những người lười biếng có khuynh hướng được cai trị bởi những kẻ bạo chúa, cho thấy rằng vị trí nhiệt đới có thể giải thích không chỉ nghèo đói mà cả một số hiện tượng chính trị liên quan đến thất bại kinh tế, như chế độ độc tài chẳng hạn.

Lý thuyết cho rằng các nước nóng hẳn nhiên nghèo, mặc dù mâu thuẫn với những tiến bộ kinh tế nhanh chóng gần đây của các nước như Singapore, Malaysia và Botswana, vẫn còn được một số người ủng hộ mạnh mẽ, chẳng hạn như nhà kinh tế học Jeffrey Sachs. Các phiên bản hiện đại của quan điểm này không nhấn mạnh vào các tác động trực tiếp của khí hậu đối với nỗ lực làm việc hoặc tư duy, mà vào hai lập luận bổ sung: thứ nhất, các bệnh nhiệt đới, đặc biệt là sốt rét, rất có hại cho sức khỏe và do vậy cho năng suất lao động; và thứ hai, đất đai nhiệt đới hạn chế năng suất của sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, kết luận của những phiên bản mới này cũng không khác gì các phiên bản cũ: các vùng khí hậu ôn đới có lợi thế tương đối so với các vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới.

Tuy vậy, sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới không thể được giải thích bởi khí hậu, bệnh tật hoặc bất kỳ phiên bản nào của giả thuyết địa lý.

https://thuviensach.vn

Chỉ cần nghĩ về Nogales là đủ. Điều ngăn cách hai khu vực không phải khí hậu, địa lý, môi trường dịch bệnh, mà chính là biên giới giữa Mỹ và Mexico.

Nếu giả thuyết địa lý không thể giải thích sự khác biệt giữa phía bắc và nam của Nogales, hoặc giữa Bắc và Nam Triều Tiên, hoặc giữa Đông và Tây Đức trước khi bức tường Berlin sụp đổ, thì liệu nó có thể là một lý thuyết hữu ích để giải thích sự khác biệt giữa Bắc và Nam Mỹ, giữa châu Âu và châu Phi hay không? Câu trả lời đơn giản là không.

Lịch sử minh chứng rằng không có mối liên hệ giản đơn và lâu dài giữa khí hậu hay địa lý với sự thành công kinh tế. Chẳng hạn như không phải bao giờ vùng nhiệt đới cũng nghèo hơn vùng ôn đới. Như chúng ta đã thấy trong chương trước, tại thời điểm Columbus phát hiện châu Mỹ, khu vực phía nam của vùng nhiệt đới cận chí tuyến bắc và phía bắc của vùng nhiệt đới cận chí tuyến nam, mà ngày nay bao gồm Mexico, Trung Mỹ, Peru và Bolivia, đã sản sinh ra các nền văn minh vĩ đại Aztec và Inca. Những đế chế phức tạp và tập trung về mặt chính trị này đã xây dựng đường giao thông và thực hiện cứu trợ nạn đói. Người Aztec đã phát minh ra cả tiền tệ và chữ viết, và người Inca, mặc dù thiếu cả hai công nghệ chủ chốt này, đã ghi lại một lượng lớn thông tin bằng cách thắt nút dây thừng. Ngược lại, vào cùng thời đại với người Aztec và Inca, ở phía bắc và phía nam khu vực sinh sống của người Aztec và Inca, mà ngày nay bao gồm Hoa Kỳ, Canada, Argentina, Chile, chủ yếu là nơi sinh sống của nền văn minh thời kỳ đồ đá, không có tiền tệ mà cũng chẳng có chữ viết. Do đó, việc vùng nhiệt đới ở châu Mỹ đã từng giàu có hơn nhiều so với vùng ôn đới đã cho thấy "thực tế hiển nhiên" về sự nghèo đói của vùng nhiệt đới theo giả thuyết địa lý không chỉ thiếu "thực tế" mà còn không hề "hiển nhiên". Thay vào đó, sự giàu có ngày nay ở Hoa Kỳ và Canada là những ví dụ của sự "đảo chiều ngoạn mục" nếu so với trạng thái của những nước này trước khi người Âu châu tới.

https://thuviensach.vn

Sự đảo chiều này rõ ràng không liên quan gì đến vị trí địa lý, mà như chúng ta đã thấy, lại liên quan đến cách thức các khu vực này bị chiếm làm thuộc địa. Sự đảo chiều này cũng không chỉ giới hạn ở châu Mỹ. Người sống ở Nam Á, đặc biệt là ở Ấn Độ và ở Trung Quốc, đã từng giàu có hơn so với người dân ở nhiều quốc gia châu Á khác, và chắc chắn là giàu hơn người Úc và New Zealand. Điều này cũng được đảo chiều, với Hàn Quốc, Singapore và Nhật Bản nổi lên thành những quốc gia giàu nhất ở châu Á. Bên cạnh đó, Úc và New Zealand đã vượt qua hầu như tất cả các nước châu Á về sự thịnh vượng. Ngay cả vùng hạ Sahara ở châu Phi cũng có một sự đảo chiều tương tự. Gần đây hơn, trước khi bắt đầu có sự tiếp xúc mạnh mẽ của châu Âu với châu Phi, khu vực miền nam châu Phi có mật độ định cư thưa thớt nhất, đồng thời mức độ phát triển nhà nước thấp nhất và hầu như không có biện pháp kiểm soát lãnh thổ nào. Thế nhưng Nam Phi ngày nay là một trong những quốc gia thịnh vượng nhất ở vùng hạ Sahara của châu Phi. Tiếp tục ngược dòng thời gian thêm chút nữa, chúng ta cũng lại bắt gặp sự thịnh vượng ở vùng nhiệt đới. Một số nền văn minh tiền cận đại vĩ đại như Angkor ở Campuchia, Vijayanagara ở miền nam Ấn Độ, và Aksum ở Ethiopia, đã phát triển rực rỡ ở vùng nhiệt đới, cũng như các nền văn minh vĩ đại ở Thung lũng Indus của Mohenjo Daro và Harappa ở Pakistan. Với rất ít hoài nghi, lịch sử đã cho thấy rằng không hề tồn tại mối liên hệ giản đơn giữa vị trí nhiệt đới và sự thành công kinh tế.

Rõ ràng là các bệnh nhiệt đới gây ra nhiều đau khổ và nâng cao tỷ lệ tử vong trẻ em ở châu Phi, nhưng chúng không phải là lý do khiến châu Phi nghèo. Nguyên nhân chủ yếu của bệnh tật là do tình trạng nghèo đói và do các chính phủ không thể hoặc không sẵn sàng thực hiện các biện pháp y tế công cộng cần thiết để loại trừ chúng. Nước Anh vào thế kỷ 19 cũng không hề lành mạnh, song chính phủ từng bước đầu tư vào nước sạch, xử lý nước thải và sau cùng, vào dịch vụ y tế. Việc cải thiện sức khỏe và tăng tuổi thọ không phải là nguyên nhân cho sự thành công kinh tế của Anh, mà là một thành quả của những thay đổi chính trị và kinh tế trước đó. Điều này cũng đúng cho Nogales của Arizona.

https://thuviensach.vn

Phần cuối cùng trong giả thuyết địa lý là vùng nhiệt đới nghèo bởi vì nông nghiệp nhiệt đới về bản chất không hiệu quả. Đất đai nhiệt đới mỏng, không thể giữ dưỡng chất, và nhanh chóng bị những cơn mưa nhiệt đới xối xả làm xói mòn. Chắc chắn là có một phần sự thật trong lập luận này, nhưng như chúng ta sẽ thấy, yếu tố có tính quyết định giải thích tại sao nhiều nước nghèo có năng suất nông nghiệp thấp, đặc biệt ở vùng hạ Sahara của châu Phi, không phải là chất lượng đất. Đúng hơn, năng suất nông nghiệp thấp là một hệ quả của cấu trúc quyền sở hữu đất và các khuyến khích mà chính phủ và các thể chế tạo ra cho nông dân. Chúng tôi cũng sẽ cho thấy sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới không thể được giải thích bởi sự khác biệt trong năng suất nông nghiệp. Sự cách biệt giàu nghèo to lớn trong thế giới hiện đại nổi lên vào thế kỷ 19 là do sự chênh lệch về công nghệ và công nghiệp chế tạo chứ không phải do sự khác biệt trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Một phiên bản có ảnh hưởng khác của giả thuyết địa lý là của nhà sinh thái học và sinh vật học tiến hóa Jared Diamond. Ông lập luận rằng nguồn gốc của sự chênh lệch giàu nghèo giữa các lục địa bắt đầu từ thời cận đại, cách đây 500 năm, nằm ở sự khác nhau trong kho tàng các loài động thực vật, và điều này ảnh hưởng đến năng suất nông nghiệp. Ở một số nơi, chẳng hạn như Fertile Crescent ở Trung Đông, có một số lượng lớn các loài có thể được con người thuần hóa. Ở các nơi khác, chẳng hạn như châu Mỹ, những loài này không tồn tại. Việc có nhiều loài có khả năng được thuần hóa đã làm cho các xã hội dễ dàng chuyển từ săn bắn hái lượm sang đời sống nông nghiệp. Kết quả là, nông nghiệp ở Fertile Crescent phát triển sớm hơn so với châu Mỹ. Mật độ dân số tăng lên cho phép chuyên môn hóa lao động, thương mại, đô thị hóa và phát triển chính trị. Điều quan trọng là, ở những nơi mà nông nghiệp chiếm ưu thế, đổi mới công nghệ đã diễn ra nhanh hơn rất nhiều so với các phần khác của thế giới. Như vậy, theo Diamond, sự khác biệt trong kho tàng các loài động thực vật đã tạo ra sự khác biệt trong cường độ của hoạt động nông nghiệp, dẫn đến con đường thay đổi công nghệ và thịnh vượng khác nhau giữa các châu lục.

https://thuviensach.vn

Mặc dù luận thuyết của Diamond là một cách tiếp cận có trọng lượng cho vấn đề mà ông tập trung nghiên cứu, nó không thể được mở rộng để giải thích sự cách biệt giàu nghèo trong thế giới hiện đại. Ví dụ, Diamond cho rằng sở dĩ Tây Ban Nha đã có thể thống trị các nền văn minh châu Mỹ là vì họ có lịch sử hoạt động nông nghiệp dài hơn, và do đó công nghệ ưu việt hơn. Nhưng nếu thế thì chúng ta cần phải giải thích tại sao người Mexico và Peru hiện đang sống ở các vùng đất trước đây của người Aztec và Inca lại nghèo. Mặc dù việc có lúa mì, lúa mạch và ngựa kéo có thể đã làm người Tây Ban Nha giàu có hơn người Inca, nhưng khoảng cách thu nhập giữa hai nhóm người không quá lớn. Thu nhập bình quân của người Tây Ban Nha có lẽ gấp chưa tới hai lần so với công dân của Đế chế Inca. Luận thuyết của Diamond ngụ ý rằng một khi người Inca được tiếp xúc với tất cả các loài động thực vật và công nghệ (vốn là kết quả của việc có những loài này) mà trước đây họ đã không thể tự phát triển được, thì họ sẽ nhanh chóng đạt được mức sống của người Tây Ban Nha. Tuy nhiên, điều này đã không xảy ra. Ngược lại, khoảng cách thu nhập giữa Tây Ban Nha và Peru trong thế kỷ 19 và 20 còn được nới rộng thêm ra. Ngày nay, mức sống trung bình của người Tây Ban Nha cao hơn sáu lần so với người Peru. Khoảng cách về thu nhập này có mối liên hệ chặt chẽ với sự chênh lệch về công nghệ hiện đại, chứ hầu như không liên quan gì tới tiềm năng thuần hóa động vật và khai hóa thực vật hay sự khác biệt nội tại trong năng suất nông nghiệp giữa Tây Ban Nha và Peru.

Trong khi Tây Ban Nha, mặc dù với một độ trễ nhất định, đã tiếp nhận các công nghệ như đầu máy hơi nước, đường sắt, điện, cơ khí hóa và công xưởng sản xuất, thì Peru hoặc là không tiếp nhận hoặc là có tiếp nhận nhưng rất chậm chạp và không hoàn hảo. Khoảng cách công nghệ này tồn tại cho đến tận ngày nay và tự tái tạo trên một quy mô rộng lớn hơn khi các công nghệ mới, đặc biệt liên quan đến công nghệ thông tin, đang tiếp thêm nhiên liệu cho sự tăng trưởng ở các nước đã phát triển và ở một số nước đang phát triển nhanh. Luận thuyết của Diamond không nói với chúng ta tại sao các công nghệ quan trọng này lại không lan tỏa và làm cân bằng thu

https://thuviensach.vn

nhập của toàn thế giới. Luận thuyết này cũng không giải thích tại sao nửa phía bắc của Nogales lại giàu hơn hẳn so với người anh em song sinh ở nửa bên kia của hàng rào biên giới, mặc dù cả hai nửa cùng có chung một nền văn minh cách đây 500 năm.

Câu chuyện của Nogales làm nổi bật một vấn đề lớn nữa trong việc áp dụng luận thuyết của Diamond: như chúng ta đã thấy, bất chấp các nhược điểm của đế chế Inca và Aztec vào năm 1532, chắc chắn là Peru và Mexico đã thịnh vượng hơn so với những vùng đất châu Mỹ mà sau này trở thành Hoa Kỳ và Canada. Bắc Mỹ trở nên thịnh vượng hơn chính là nhờ nó đã nhiệt thành tiếp nhận công nghệ và tiến bộ của cuộc Cách mạng công nghiệp. Dân chúng được học hành và đường sắt trải dài khắp Đại bình nguyên (Great Plains) - hoàn toàn trái ngược với những gì đã xảy ra ở Nam Mỹ. Điều này không thể được giải thích bằng sự khác biệt địa lý giữa Bắc và Nam Mỹ, mà nếu có nhấn mạnh đến sự khác biệt này đi chăng nữa thì thuận lợi sẽ thuộc về Nam Mỹ chứ không phải Bắc Mỹ.

Cách biệt giàu nghèo trong thế giới hiện đại phần lớn là kết quả của tình trạng chênh lệch trong việc phổ biến và áp dụng công nghệ, và luận thuyết của Diamond có bao gồm một số lập luận quan trọng về điều này. Ví dụ, ông lập luận, theo nhà sử học William McNeill, hướng đông-tây của lục địa Á-Âu (Eurasia) cho phép cây trồng, động vật và đổi mới lan truyền từ Fertile Crescent vào Tây Âu, trong khi hướng bắc-nam của châu Mỹ giải thích tại sao chữ viết, được tạo ra ở Mexico, đã không lan truyền sang Andes hoặc Bắc Mỹ. Tuy nhiên, hướng của lục địa không thể cung cấp một lời giải thích cho sự cách biệt giàu nghèo của thế giới. Hãy thử nhìn vào châu Phi. Mặc dù sa mạc Sahara là một rào cản đáng kể cho sự di chuyển của hàng hóa và ý tưởng từ phía bắc hạ Sahara của châu Phi, những rào cản này không phải là không thể vượt qua. Người Bồ Đào Nha, và sau đó những người châu Âu khác, đã từng dong thuyền quanh bờ biển và loại bỏ sự khác biệt về tri thức vào thời điểm khi khoảng cách thu nhập còn rất nhỏ so với hiện nay. Kể từ đó, châu Phi đã không thể bắt kịp châu Âu. Trái lại,

https://thuviensach.vn

khoảng cách thu nhập giữa hầu hết các nước châu Âu và châu Phi hiện nay còn lớn hơn nhiều so với trước đây.

Cũng cần nói rõ rằng lập luận của Diamond là về sự chênh lệch giàu nghèo giữa các lục địa chứ không phải trong phạm vi của các lục địa, mà đây mới là phần cốt yếu của chênh lệch giàu nghèo trong thế giới hiện đại. Chẳng hạn như, mặc dù hướng lục địa Á- Âu có thể giải thích việc nước Anh đã làm thế nào để hưởng lợi từ những đổi mới của Trung Đông mà không cần phải phát minh lại chúng, nhưng hướng lục địa lại không giải thích được tại sao cuộc Cách mạng công nghiệp đã xảy ra ở Anh chứ không phải là ở Moldova chẳng hạn. Bên cạnh đó, như bản thân Diamond đã chỉ ra, Trung Quốc và Ấn Độ được hưởng lợi rất nhiều từ sự phong phú của các loài động vật và thực vật và từ hướng của lục địa Á-Âu. Nhưng hầu hết người nghèo của thế giới ngày nay tập trung ở hai quốc gia này.

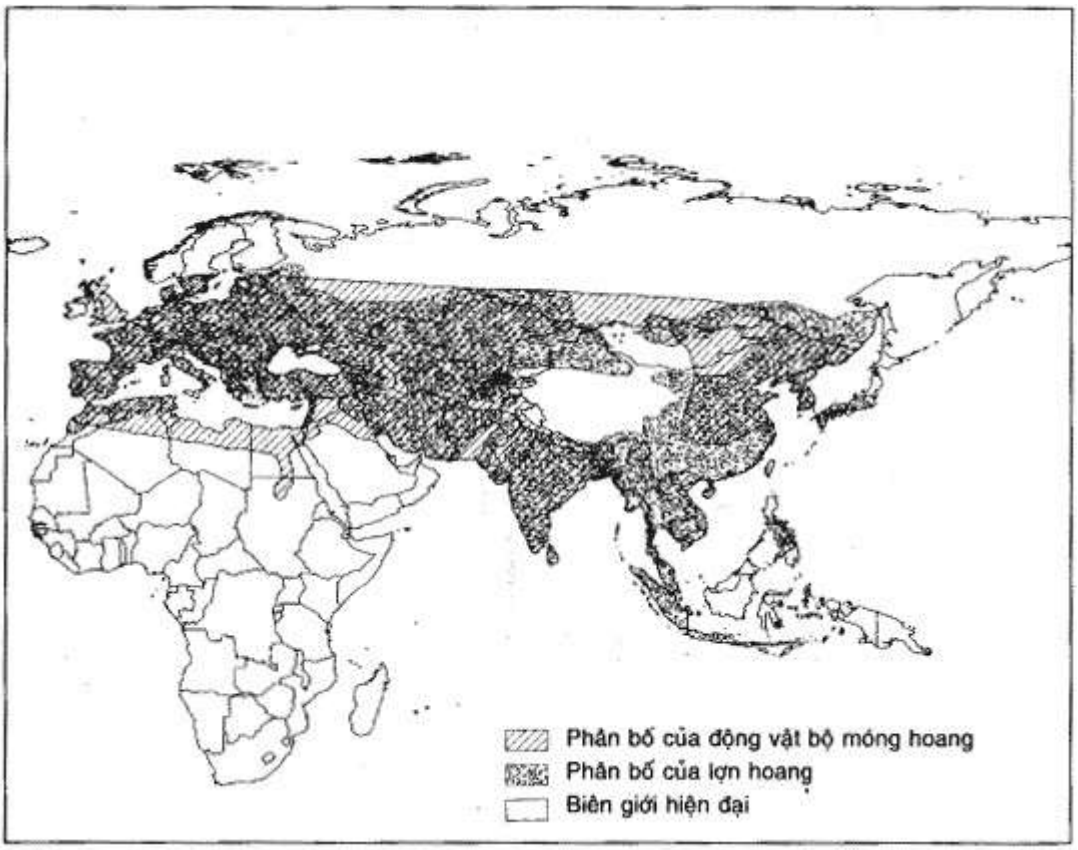

Bản đồ 4: Sự phân bố lịch sử của lợn và ngựa hoang (p.80)

https://thuviensach.vn

Trong thực tế, cách tốt nhất để xem xét phạm vi luận thuyết của Diamond là nhìn vào các biến giải riêng của Diamond. Bản đồ 4 cho thấy số liệu về sự phân bố của *Sus scrofa* - tổ tiên của loài lợn hiện đại, và bò rừng ở châu Âu - tổ tiên của bò hiện đại. Cả hai loài này phân bố rộng khắp lục địa Á-Âu và cả Bắc Phi. Bản đồ 5 cho thấy sự phân bố của một số tổ tiên hoang dã của một số cây trồng đã được khai hóa, chẳng hạn như *Oryza sativa*, tổ tiên của gạo trồng ở châu Á và tổ tiên của lúa mì và lúa mạch hiện đại. Bản đồ này cho thấy tổ tiên hoang dại của gạo đã được phân phối rộng rãi trên khắp vùng Nam Á và Đông Nam Á, trong khi tổ tiên của lúa mạch và lúa mì đã được phân bố dọc theo một vòng cung dài từ Levant, qua Iran và vào Afghanistan và cụm lại ở các nước "stan" (Turkmenistan, Tajikistan và Krgyzistan). Những loài tổ tiên này có mặt ở phần lớn của lục địa Á-Âu. Tuy nhiên, sự phân bố rộng rãi của chúng gợi ý rằng sự chênh lệch giàu nghèo ở lục địa Á-Âu không thể được giải thích bằng một lý thuyết dựa trên phạm vi xuất hiện của các loài.

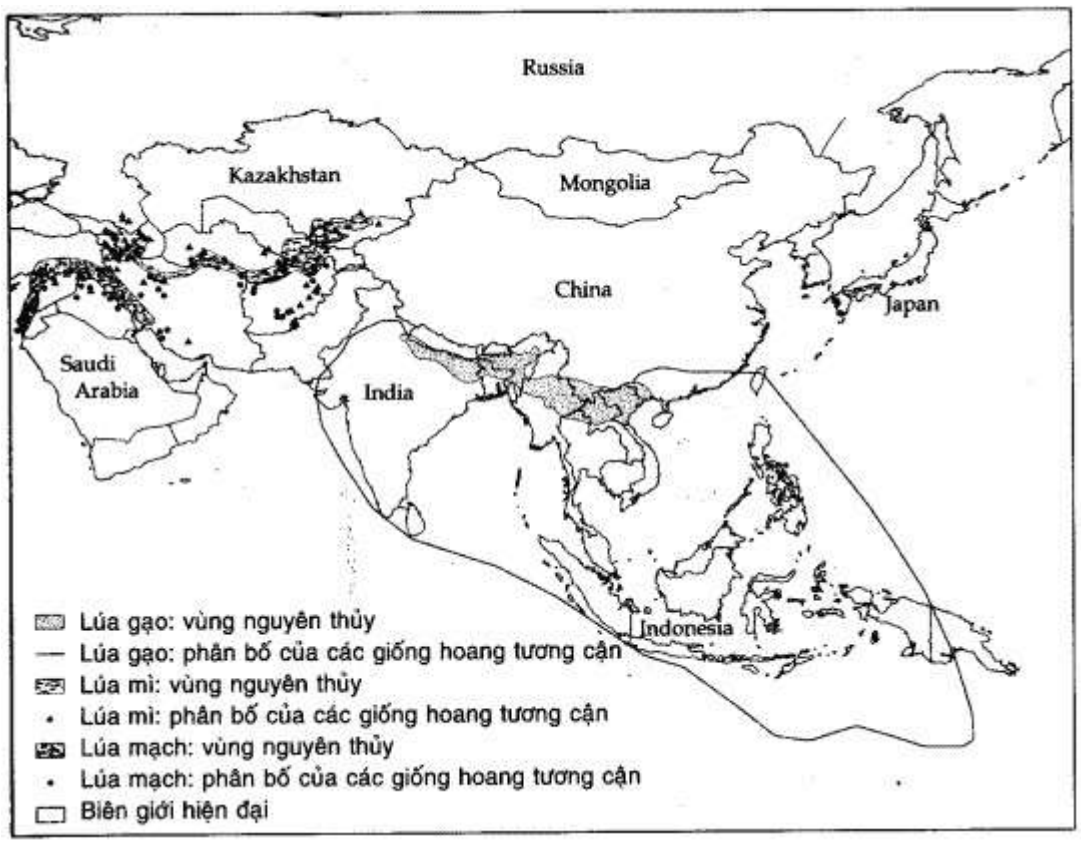

https://thuviensach.vn

Bản đồ 5: Sự phân bố lịch sử của lúa, lúa mì và lúa mạch hoang (p.83)

Giả thuyết địa lý không những không giúp giải thích nguồn gốc của sự thịnh vượng trong suốt chiều dài lịch sử thế giới, và nhìn chung không chính xác khi nhấn mạnh vào vai trò của vị trí địa lý, mà còn không thể lý giải tình trạng cách biệt giàu nghèo được mô tả ở đầu chương này. Người ta có thể lập luận rằng bất kỳ một mô thức liên tục nào, chẳng hạn như thứ bậc thu nhập ở châu Mỹ hay sự khác biệt sâu sắc và lâu dài giữa châu Âu và Trung Đông, có thể được giải thích bằng yếu tố địa lý bất biến. Nhưng điều này không phải thế. Chúng ta đã thấy rằng các mô thức về cách biệt thu nhập ở châu Mỹ hầu như không thể do các yếu tố địa lý thúc đẩy. Trước năm 1492, chính các nền văn minh ở thung lũng trung tâm của Mexico, Trung Mỹ và dãy núi Andes mới là nơi có công nghệ ưu việt và mức sống cao hơn so với Bắc Mỹ hoặc Argentina và Chile. Trong khi địa lý không thay đổi, các thể chế do thực dân châu Âu áp đặt đã tạo ra sự đảo chiều về thứ bậc thịnh vượng (“reversal of fortune”). Tương tự như vậy, địa lý cũng không giải thích được nghèo đói ở Trung Đông. Tóm lại là Trung Đông đã từng dẫn đầu thế giới trong cuộc cách mạng thời kỳ đồ đá mới, và các thị trấn đầu tiên được xây dựng ở vị trí của Iraq ngày nay. Sắt lần đầu tiên được nung chảy ở Thổ Nhĩ Kỳ, và cho đến cuối thời Trung cổ, Trung Đông là nơi năng động về công nghệ. Như chúng ta sẽ thấy trong chương 5, điều kiện địa lý của Trung Đông không làm nên cuộc cách mạng thời kỳ đồ đá mới nở rộ ở vùng này, và một lần nữa, không phải do điều kiện địa lý làm cho Trung Đông nghèo. Thay vào đó, nguyên nhân nằm ở sự củng cố và bành trướng của Đế chế Ottoman, và chính di sản thể chế của đế chế này đã khiến Trung Đông ngày nay nghèo.

Cuối cùng, các yếu tố địa lý không giúp giải thích không chỉ về sự khác biệt giữa các phần khác nhau của thế giới ngày hôm nay mà còn tại sao nhiều quốc gia như Nhật Bản hay Trung Quốc bị đình trệ trong một thời gian dài và sau đó bắt đầu một quá trình tăng trưởng nhanh chóng. Chúng ta cần một giả thuyết khác tốt hơn.

https://thuviensach.vn

GIẢ THUYẾT VĂN HÓA

Giả thuyết được chấp nhận rộng rãi thứ hai - giả thuyết văn hóa - kết nối sự thịnh vượng với nền văn hóa. Tương tự như giả thuyết địa lý, giả thuyết văn hóa cũng có một dòng truyền thừa xuất sắc, chí ít là kể từ nhà xã hội học vĩ đại người Đức Max Weber, người lập luận rằng cải cách Tin lành (còn gọi là cải cách Kháng cách - Protestant Reformation) và đạo đức Tin lành do cuộc cải cách này tạo ra đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời của xã hội công nghiệp hiện đại ở Tây Âu. Giả thuyết văn hóa hiện nay không còn phụ thuộc hoàn toàn vào tôn giáo, nhưng nhấn mạnh các hình thái khác của niềm tin, giá trị và đạo đức.

Mặc dù ngại không nói ra, song nhiều người cho rằng châu Phi nghèo là do họ thiếu đạo đức làm việc, vẫn còn tin vào phù thủy và ma thuật, hoặc chống lại các công nghệ mới của phương Tây. Nhiều người cũng tin rằng Mỹ La-tinh sẽ không bao giờ giàu có vì người dân đã túng quẫn lại còn hoang phí, và bởi vì họ bị nhiễm văn hóa "*Iberian*" hay "*mañana*" (việc hôm nay cứ để ngày mai). Tất nhiên, nhiều người đã từng tin rằng văn hóa Trung Hoa và các giá trị Khổng giáo là kẻ thù của tăng trưởng kinh tế, nhưng ngày nay tầm quan trọng của đạo đức làm việc Trung Hoa là động cơ tăng trưởng chính của Trung Quốc, Hồng Kông và Singapore được ca ngợi.

Liệu giả thuyết văn hóa có giúp chúng ta hiểu cách biệt giàu nghèo trên thế giới hay không? Vừa có vừa không. "Có" theo nghĩa là các chuẩn mực xã hội liên quan đến văn hóa, vật chất có thể khó thay đổi, và chúng đôi khi cũng hỗ trợ cho sự khác biệt về thể chế, vốn là lời giải thích của cuốn sách này cho sự cách biệt thu nhập trên thế giới. "Không" - và đây là trường hợp phổ biến - vì những khía cạnh mà giả thuyết văn hóa thường nhấn mạnh (như tôn giáo, đạo đức quốc gia, giá trị châu Phi và châu Mỹ La-tinh), không hề quan trọng cho sự hiểu biết về cách thức chênh lệch giàu nghèo của thế giới đi đến trạng thái như hiện nay và vẫn tiếp tục tồn

https://thuviensach.vn

tại. Các khía cạnh khác, như mức độ tin tưởng hay hợp tác, mặc dù quan trọng song chủ yếu là kết quả của các thể chế chứ không phải là một nguyên nhân độc lập.

Hãy quay lại trường hợp của Nogales. Như đã lưu ý, hai phía của hàng rào có chung nhiều nét văn hóa. Tuy nhiên, có thể có một số khác biệt đáng kể trong thông lệ, chuẩn mực và giá trị, mặc dù chúng không phải là nguyên nhân mà là kết quả của sự phân hóa trên con đường phát triển của hai phía. Chẳng hạn như, các cuộc điều tra cho thấy mức độ tin tưởng lẫn nhau giữa người Mexico thường thấp hơn so với người Hoa Kỳ. Sự thiếu niềm tin của người Mexico không hề là điều bất ngờ khi chính phủ của họ không thể tiêu diệt các tập đoàn ma túy hay tạo ra một hệ thống pháp lý không thiên vị. Điều này cũng đúng với Bắc và Nam Triều Tiên được chúng tôi thảo luận trong chương kế tiếp. Nam Triều Tiên là một trong những quốc gia giàu nhất thế giới, trong khi Bắc Triều Tiên đang phải vật lộn với nạn đói tái diễn và nghèo đói khốn khổ. Mặc dù "văn hóa" giữa hai miền của Triều Tiên ngày nay rất khác nhau, song nó không có vai trò gì trong việc gây ra sự phân hóa kinh tế giữa hai nửa của cùng một quốc gia trong quá khứ. Trong một thời gian dài, bán đảo Triều Tiên có chung lịch sử. Trước chiến tranh Triều Tiên, khi đất nước chưa bị chia cắt ở vĩ tuyến 38, bán đảo Triều Tiên có một sự đồng nhất chưa từng có về ngôn ngữ, sắc tộc và văn hóa. Cũng như ở Nogales, điều quan trọng là biên giới. Phía bắc là một chế độ khác, áp đặt các thể chế khác và tạo ra các khuyến khích khác. Vì vậy, bất kỳ một sự khác biệt nào về văn hóa giữa phía bắc và phía nam biên giới của Nogales hay Triều Tiên không phải là một nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt trong sự thịnh vượng, mà đúng hơn là một hệ quả của sự khác biệt này.

Thế còn châu Phi và văn hóa châu Phi thì sao? Về mặt lịch sử, hạ Sahara của châu Phi nghèo hơn so với hầu hết các vùng khác trên thế giới, và nền văn minh cổ đại của nó đã không phát minh ra bánh xe, chữ viết (với ngoại lệ của Ethiopia và Somalia), hay dụng cụ cấy cày. Mặc dù các

https://thuviensach.vn

công nghệ này không được sử dụng rộng rãi cho đến khi thực dân châu Âu chính thức xuất hiện vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, các nước châu Phi đã biết về chúng từ rất sớm. Châu Âu đã bắt đầu dong buồm xung quanh bờ biển phía tây từ cuối thế kỷ 15, và người châu Á đã liên tục dong buồm đến Đông Phi từ trước đó rất nhiều.

Từ lịch sử của Vương quốc Kongo ở cửa sông Congo, mà theo thời gian sẽ trở thành nước Cộng hòa Dân chủ Congo hiện đại, chúng ta có thể hiểu lý do tại sao các công nghệ này đã không được tiếp nhận. Bản đồ 6 cho thấy vị trí của Vương quốc Kongo cùng với một bang quan trọng khác ở trung tâm châu Phi - vương quốc Kuba, mà chúng tôi sẽ thảo luận trong phần sau của cuốn sách.

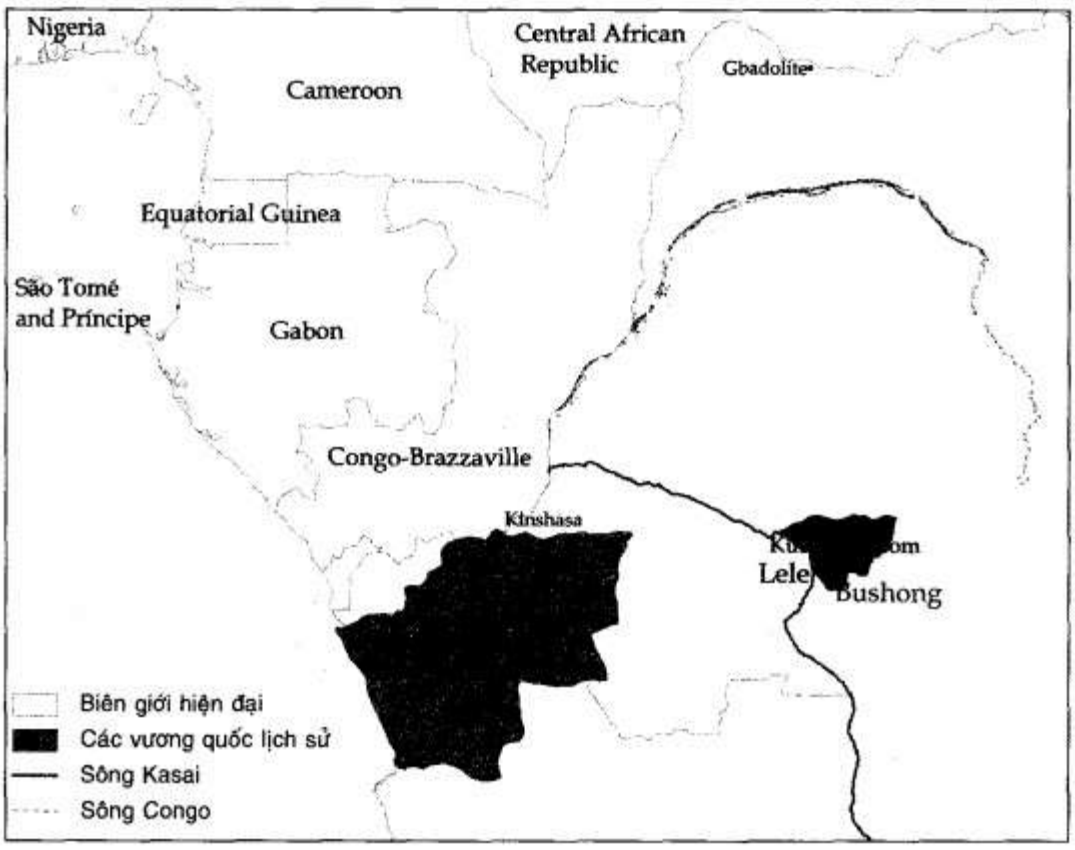

Bản đồ 6: Vương quốc Kongo, Vương quốc Kuba, người Bushong và người Lele (p.88)

https://thuviensach.vn

Kongo tiếp xúc mạnh mẽ với người Bồ Đào Nha sau chuyến thăm thăm đầu tiên của các thủy thủ Diogo Cão năm 1483. Vào thời điểm đó, theo tiêu chuẩn của châu Phi, Kongo là một chính thể tập trung cao độ, thủ đô là Mbanza có 60 nghìn dân, tức là có quy mô tương đương với thủ đô Lisbon của Bồ Đào Nha và lớn hơn London (với khoảng 50 nghìn dân vào năm 1500). Nhà vua Kongo, Nzinga a Nkuwu, cải đạo theo Công giáo và đổi tên thành João I. Tên của Mbanza sau đó được đổi thành São Salvador. Nhờ người Bồ Đào Nha, người Kongo đã biết đến bánh xe và chiếc cày. Người Bồ Đào Nha thậm chí còn khuyến khích người Kongo tiếp các phái đoàn nông nghiệp của họ vào năm 1491 và 1512. Mặc dù tất cả các sáng kiến này đều không thành công nhưng nhìn chung người Kongo không hề phản đối công nghệ hiện đại. Họ đã rất nhanh chóng tiếp nhận một phát minh quan trọng của phương Tây, đó là súng. Họ đã sử dụng công cụ mới đầy quyền năng này theo tiếng gọi của những khuyến khích của thị trường: để bắt và xuất khẩu nô lệ. Không hề có dấu hiệu nào cho thấy giá trị hay văn hóa châu Phi đã ngăn cản việc tiếp nhận các công nghệ và thực hành mới. Khi sự tiếp xúc của họ với châu Âu trở nên sâu đậm hơn, người Kongo đã tiếp nhận một số thực hành phương Tây khác như chữ viết, kiểu cách ăn mặc, và thiết kế nhà cửa. Trong thế kỷ 19, nhiều nước châu Phi cũng đã lợi dụng những cơ hội kinh tế mới do cuộc Cách mạng công nghiệp đem lại để thay đổi mô thức sản xuất của họ. Ở Tây Phi, kinh tế đã phát triển nhanh chóng nhờ vào việc xuất khẩu dầu cọ và lạc. Toàn miền nam châu Phi đã phát triển xuất khẩu sang các khu vực công nghiệp hóa và khai thác mỏ đang phát triển nhanh chóng sử dụng đồng Rand ở Nam Phi. Tuy nhiên, những thí nghiệm kinh tế đầy hứa hẹn đã bị xóa sổ không phải do văn hóa Phi châu hay sự kém năng lực của người dân châu Phi trong việc phục vụ lợi ích của riêng mình, mà đầu tiên là do chủ nghĩa thuộc địa châu Âu và sau đó là do bản thân các chính phủ châu Phi sau khi giành được độc lập.

Lý do thực sự khiến người Kongo không tiếp nhận công nghệ là bởi vì họ không có bất kỳ động cơ nào để làm như vậy. Họ phải đối mặt với rủi ro

https://thuviensach.vn

cao vì thành quả lao động của họ có thể bị tước đoạt và bị đánh thuế bởi những ông vua toàn năng, bất kể những ông vua này có cải đạo theo Công giáo hay không. Trong thực tế, không chỉ thiếu sự an toàn về tài sản. Ngay cả sự tồn tại của họ cũng rất mong manh. Nhiều người trong số họ đã bị bắt và bán làm nô lệ. Chắc chắn là môi trường này không thể khuyến khích đầu tư nhằm tăng năng suất trong dài hạn. Tương tự như vậy, các ông vua toàn năng cũng không hề có động cơ để biến việc sử dụng công cụ cày bừa trên quy mô lớn hay làm tăng năng suất nông nghiệp trở thành ưu tiên hàng đầu của mình; đơn giản là vì xuất khẩu nô lệ đem lại lợi nhuận lớn hơn nhiều.

Rất có thể là ngày nay người châu Phi ít tin tưởng nhau hơn so với người các vùng khác của thế giới. Nhưng đây là kết quả của việc duy trì những thể chế làm suy yếu quyền con người và quyền tài sản ở châu Phi trong một thời gian dài. Nguy cơ bị bắt và bán làm nô lệ trong quá khứ chắc chắn đã ảnh hưởng đến mức độ tin cậy lẫn nhau của người châu Phi.

Thế còn đạo đức Tin lành của Max Weber thì sao? Mặc dù có vẻ đúng là những nước có tôn giáo chính là Tin lành, như Hà Lan và Anh chẳng hạn, đi tiên phong trong thành công kinh tế trong thế giới hiện đại, nhưng có rất ít mối quan hệ giữa tôn giáo và thành công kinh tế. Pháp, một đất nước theo Công giáo, đã nhanh chóng bắt kịp kết quả kinh tế của người Hà Lan và người Anh vào thế kỷ 19, và nước Ý ngày nay cũng có mức độ thịnh vượng không hề thua kém những nước này. Nhìn xa hơn về phía đông, bạn sẽ thấy rằng các trường hợp thành công kinh tế của Đông Á không hề có bất kỳ liên hệ nào với bất kỳ hình thức Kitô giáo nào, và vì vậy ở đây cũng không có nhiều hậu thuẫn cho một mối quan hệ đặc biệt giữa đạo Tin lành và thành công kinh tế.

Bây giờ hãy chuyển sang Trung Đông - khu vực ưa thích của những người nhiệt thành với giả thuyết văn hóa. Các nước Trung Đông chủ yếu là Hồi giáo, và như chúng tôi đã lưu ý, các nước không sản xuất dầu mỏ trong khu vực này đều rất nghèo. Các nước sản xuất dầu mỏ giàu có hơn, nhưng

https://thuviensach.vn

của cải từ trên trời rơi xuống này đã không hề tạo ra được các nền kinh tế đa dạng hiện đại ở Ảrập Saudi hay Kuwait. Phải chăng đây là những thực tế thuyết phục chứng tỏ rằng tôn giáo có vai trò quan trọng? Mặc dù có lý, song lập luận này cũng không đúng nốt. Các nước như Syria và Ai Cập đều nghèo và dân số của họ đều chủ yếu là người Hồi giáo. Tuy nhiên, các nước này giống nhau trên những phương diện còn quan trọng hơn nhiều đối với sự thịnh vượng. Tất cả đều đã từng là địa hạt của Đế chế Ottoman, và chính đế chế này đã định hình một cách nặng nề và tiêu cực đến cách thức phát triển của các nước này. Sau khi sự cai trị của Ottoman sụp đổ, các nước Trung Đông bị nhập vào đế chế thuộc địa của Anh và Pháp, và một lần nữa, trở nên cằn cỗi hơn. Sau khi độc lập, các nước trong vùng bắt chước các nước thuộc địa cũ bằng cách phát triển chế độ chính trị độc tài với rất ít thể chế chính trị và kinh tế mà chúng tôi cho là tối quan trọng để tạo ra thành công kinh tế. Con đường phát triển này đã được định hình chủ yếu bởi sự cai trị của Ottoman và châu Âu. Mối quan hệ giữa Hồi giáo và cái nghèo ở Trung Đông phần lớn là không thật.

Vai trò của những sự kiện lịch sử này, chứ không phải yếu tố văn hóa, trong việc hình thành quỹ đạo kinh tế ở Trung Đông được thể hiện qua thực tế là những phần thuộc Trung Đông tạm thời thoát ra khỏi ách cai trị của Đế quốc Ottoman và các cường quốc châu Âu, chẳng hạn như Ai Cập vào năm 1805 và năm 1848 dưới thời Muhammad Ali, có thể bắt đầu thay đổi kinh tế nhanh chóng. Muhammad Ali cướp quyền sau sự rút lui của quân chiếm đóng Pháp ra khỏi Ai Cập dưới thời Napoleon Bonaparte. Khai thác điểm yếu trong sự cai trị của Đế chế Ottoman đối với lãnh thổ Ai Cập vào thời điểm đó, Muhammad Ali đã có thể xây dựng triều đại của riêng mình, mà dưới dạng này hay dạng khác, trị vì cho đến cuộc Cách mạng Ai Cập năm 1952 dưới sự lãnh đạo của Nasser. Cải cách của Muhammad Ali, mặc dù có tính cưỡng bức, đã mang lại tăng trưởng cho Ai Cập, với bộ máy nhà nước, quân đội và hệ thống thuế được hiện đại hóa và có sự tăng trưởng trong nông nghiệp và công nghiệp. Tuy nhiên, quá trình hiện đại hóa và

https://thuviensach.vn

tăng trưởng này đã kết thúc sau cái chết của Muhammad Ali, khi Ai Cập rơi vào ảnh hưởng của châu Âu.

Nhưng có lẽ đây là cách nghĩ sai lầm về văn hóa. Có lẽ các yếu tố văn hóa quan trọng không gắn liền với tôn giáo mà với các "nền văn hóa quốc gia" cụ thể. Có lẽ chính ảnh hưởng của văn hóa Anh mới là quan trọng và điều này giải thích tại sao các nước như Hoa Kỳ, Canada và Úc rất thịnh vượng. Mặc dù ý tưởng này thoạt nghe có vẻ hấp dẫn, song cũng không thuyết phục. Đúng là Canada và Hoa Kỳ là thuộc địa của Anh, nhưng Sierra Leone và Nigeria cũng thế. Sự khác nhau về mức độ thịnh vượng giữa các nước thuộc địa của Anh cũng giống như giữa các nước trên thế giới. Di sản của người Anh không phải là lý do cho sự thành công của Bắc Mỹ.

Còn có một phiên bản nữa của giả thuyết văn hóa: vấn đề có lẽ không phải nằm ở chỗ thuộc địa của Anh hay của một nước khác, mà là của châu Âu chứ không phải của một châu lục khác. Liệu người châu Âu có phần nào ưu việt hơn nhờ đạo đức làm việc, cách nhìn cuộc sống, các giá trị Do Thái-Kitô giáo, hay di sản La Mã? Đúng là Tây Âu và Bắc Mỹ, tràn ngập người gốc châu Âu, là nơi giàu có nhất thế giới. Phải chăng chính sự ưu việt của di sản văn hóa châu Âu là nguyên nhân gốc rễ cho sự thịnh vượng - và là nơi trú ẩn cuối cùng của giả thuyết văn hóa. Tuy nhiên, tiềm năng giải thích của phiên bản này của giả thuyết văn hóa cũng ít ỏi như những phiên bản khác. Một tỷ lệ lớn dân số của Argentina và Uruguay, lớn hơn cả Canada và Hoa Kỳ, là người gốc châu Âu, nhưng kết quả hoạt động kinh tế của Argentina và Uruguay thì còn phải phấn đấu nhiều. Nhật Bản và Singapore chưa bao giờ có nhiều hơn một nhúm cư dân gốc châu Âu, nhưng về sự giàu có họ không hề thua kém các nước Tây Âu.

Trung Quốc, mặc dù có hệ thống kinh tế và chính trị không hoàn hảo, đã tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong ba thập kỷ vừa qua. Sự nghèo đói của Trung Quốc cho đến khi Mao Trạch Đông chết không hề liên quan tới

https://thuviensach.vn

văn hóa Trung Quốc, mà là do cách tổ chức kinh tế và chỉ huy chính trị tàn khốc. Trong thập niên 1950, Mao chủ trương tiến hành *Đại nhảy vọt*, chính sách công nghiệp hóa quyết liệt mà hậu quả là nạn đói và chết đói hàng loạt. Trong thập niên 1960, Mao tuyên truyền *Cách mạng Văn hóa*, dẫn đến cuộc đàn áp đại trà đối với giới trí thức và người có học, hay bất kỳ ai mà sự trung thành với đảng có thể bị hoài nghi. Điều này một lần nữa dẫn đến sự khiếp sợ và lãng phí khủng khiếp tài năng và nguồn lực của xã hội. Tương tự như vậy, tăng trưởng của Trung Quốc hiện nay không hề liên quan đến các giá trị Trung Quốc hoặc thay đổi trong văn hóa Trung Quốc, mà nó là kết quả của một quá trình chuyển biến kinh tế nhờ các cuộc cải cách của Đặng Tiểu Bình và các đồng minh của ông, người sau cái chết của Mao Trạch Đông, từng bước từ bỏ thể chế và chính sách kinh tế tập trung, trước tiên là trong lĩnh vực nông nghiệp và sau đó là trong lĩnh vực công nghiệp.

Cũng giống như giả thuyết địa lý, giả thuyết văn hóa cũng không giúp giải thích các khía cạnh khác trong bức tranh về vị thế giữa các quốc gia hiện nay. Tất nhiên là giữa Hoa Kỳ và châu Mỹ La-tinh có sự khác biệt về niềm tin, thái độ văn hóa và các giá trị, nhưng giống như những khác biệt giữa Nogales (Arizona) và Nogales (Sonora), giữa Nam và Bắc Triều Tiên, những khác biệt này là hệ quả của sự khác biệt về thể chế và lịch sử thể chế của hai nơi. Yếu tố văn hóa nhấn mạnh cách thức nền văn hóa "Tây Ban Nha" hoặc "La-tinh" hun đúc nên Đế chế Tây Ban Nha không thể giải thích sự khác biệt ở châu Mỹ La-tinh (chẳng hạn tại sao Argentina và Chile thịnh vượng hơn so với Peru và Bolivia). Các lập luận khác về văn hóa, chẳng hạn như những lập luận nhấn mạnh vào nền văn hóa bản địa đương đại, đều không đi đến đâu. Argentina và Chile có ít người bản địa hơn so với Peru và Bolivia. Mặc dù điều này là đúng sự thật, nhưng văn hóa bản địa cũng không phải là một lời giải thích thuyết phục. Colombia, Ecuador và Peru có mức thu nhập tương đương nhau, nhưng Colombia hiện có rất ít dân bản địa, trong khi Ecuador và Peru có nhiều hơn. Cuối cùng, thái độ văn hóa, nhìn chung thay đổi rất chậm, không có khả năng giải thích cho sự tăng

https://thuviensach.vn

trưởng thần kỳ ở các nước Đông Á và Trung Quốc. Mặc dù các thể chế cũng tồn tại dai dẳng, song trong một số hoàn cảnh chúng thay đổi rất nhanh như chúng ta sẽ thấy.

GIẢ THUYẾT VÔ MINH

Lý thuyết phổ biến cuối cùng giải thích tại sao một số nước thì nghèo trong khi một số khác lại giàu là giả thuyết vô minh, khẳng định rằng sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới tồn tại bởi vì bản thân chúng ta hoặc các nhà lãnh đạo của chúng ta không biết cách làm thế nào để biến một nước nghèo trở nên giàu có. Ý tưởng này được chấp nhận bởi hầu hết các nhà kinh tế học tin vào định nghĩa nổi tiếng của nhà kinh tế học người Anh Lionel Robbins vào năm 1935, rằng "kinh tế học là một khoa học nghiên cứu hành vi của con người như một mối quan hệ giữa các mục tiêu và phương tiện khan hiếm có công dụng thay thế nhau".

Bước thêm một bước nhỏ từ định nghĩa này sẽ dẫn tới kết luận rằng khoa học kinh tế nên tập trung vào việc sử dụng tốt nhất các phương tiện khan hiếm để thỏa mãn các mục tiêu của xã hội. Thật vậy, kết quả lý thuyết nổi tiếng nhất trong kinh tế học - Định lý thứ nhất của kinh tế học phúc lợi - chỉ ra các điều kiện để sự phân bổ các nguồn lực trong một "nền kinh tế thị trường" đem lại kết quả mong đợi cho xã hội từ quan điểm kinh tế. "Kinh tế thị trường" là một thuật ngữ trừu tượng, hàm ý tình trạng trong đó tất cả các cá nhân và công ty có thể tự do sản xuất, mua và bán bất kỳ sản phẩm hoặc dịch vụ mà họ muốn. Khi những điều kiện này không hội đủ thì xuất hiện "thất bại thị trường". Những thất bại thị trường này là cơ sở cho lý thuyết về sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới, bởi vì khi càng nhiều thất bại thị trường không được giải quyết thì quốc gia sẽ càng nghèo. Giả thuyết vô minh cho rằng các nước nghèo vốn dĩ nghèo bởi vì họ có rất nhiều thất bại thị trường và bởi vì các nhà kinh tế và các nhà hoạch định chính sách không biết làm thế nào để giải quyết chúng và đã bị vướng vào những lời khuyên sai lầm trong quá khứ. Các nước giàu sở dĩ giàu vì họ đã tìm ra

https://thuviensach.vn

chính sách tốt hơn thành công trong việc giải quyết các thất bại thị trường này.

Liệu giả thuyết vô minh có thể giải thích sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới? Liệu có phải các nước châu Phi nghèo hơn so với phần còn lại của thế giới bởi vì các nhà lãnh đạo có xu hướng lặp lại cùng một quan điểm sai lầm về cách thức điều hành quốc gia của họ, và do vậy dẫn đến nghèo đói, trong khi các nhà lãnh đạo Tây Âu có thông tin hay lời khuyên tốt hơn, nhờ đó thành công hơn? Mặc dù có những ví dụ nổi tiếng về việc các nhà lãnh đạo áp dụng các chính sách tai hại bởi vì họ không biết hậu quả của chúng, sự vô minh chỉ có thể giải thích một phần nhỏ cho sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới.

Trên bề mặt, sự suy giảm kinh tế triền miên ở Ghana xảy ra ngay sau khi giành lại độc lập từ nước Anh là do sự thiếu hiểu biết. Nhà kinh tế học người Anh Tony Killick, vào thời điểm đó làm cố vấn cho chính phủ của Kwame Nkrumah, ghi lại nhiều vấn đề một cách rất chi tiết. Chính sách của Nkrumah tập trung vào phát triển công nghiệp nhà nước hóa ra rất kém hiệu quả. Killick nhớ lại:

Nhà máy sản xuất giày dép… kết nối nhà máy sản xuất thịt ở miền bắc với một xưởng thuộc da (hiện không còn nữa) ở miền nam cách xa hơn 500 dặm bằng cách vận chuyển da sống từ nhà máy thịt đến xưởng thuộc da; da sau khi thuộc xong được chuyển ngược lại nhà máy sản xuất giày dép tại Kumasi, trung tâm của đất nước và cách nhà máy thuộc da khoảng 200 dặm về phía bắc. Vì thị trường giày chủ yếu nằm ở khu vực thủ đô Accra, nên những đôi giày sau đó sẽ phải được vận chuyển thêm 200 dặm nữa để trở lại miền nam.

Ở chừng mực nào đó, Killick đã nhận xét sai khi viết rằng “vị trí bất lợi đã làm xói mòn khả năng đứng vững của nhà máy”. Nhà máy sản xuất giày dép này chỉ là một trong nhiều dự án như vậy, bên cạnh đó còn có nhà máy xoài đóng hộp tọa lạc ở nơi không trồng xoài, và có công suất dự kiến

https://thuviensach.vn

lớn hơn toàn bộ nhu cầu của thế giới cộng lại. Dòng bất tận các chương trình phát triển kinh tế phi lý không phải do Nkrumah hay các quân sư của ông thiếu thông tin hay không hiểu biết về các chính sách kinh tế phù hợp. Họ đã có những người như Killick và thậm chí cả người từng đoạt giải Nobel như Ngài Arthur Lewis, những người biết rõ rằng các chính sách là không tốt. Động cơ nằm đằng sau những chính sách kinh tế của Nkrumah chính là việc Nkrumah cần sử dụng những chính sách này để mua sự ủng hộ chính trị và duy trì chế độ phi dân chủ của mình.

Kết quả đáng thất vọng của Ghana sau khi độc lập cũng như vô số các trường hợp quản lý kinh tế yếu kém mười mươi không thể đơn giản chỉ do sự thiếu hiểu biết. Suy đến cùng, nếu sự thiếu hiểu biết là vấn đề, thì những nhà lãnh đạo có thiện chí cũng sẽ nhanh chóng tìm ra những chính sách giúp tăng thu nhập và phúc lợi cho công dân của họ, và sẽ chuyển hướng sang các chính sách đó.

Hãy xem xét sự phân hóa của Hoa Kỳ và Mexico. Việc đổ lỗi sự cách biệt này cho sự thiếu hiểu biết của các nhà lãnh đạo là rất vô lý. Không phải sự khác biệt trong kiến thức hay ý định của John Smith và Cortés đã là mầm mống cho sự phân hóa trong thời kỳ thuộc địa, và cũng không phải là sự khác biệt về kiến thức giữa tổng thống Mỹ sau này, chẳng hạn như giữa Teddy Roosevelt hay Woodrow Wilson với Porfirio Díaz đã khiến Mexico lựa chọn các thể chế kinh tế giúp giới quyền thế làm giàu trên lưng phần còn lại của xã hội vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, trong khi Roosevelt và Wilson đã làm điều ngược lại. Thay vào đó, sự khác biệt nằm ngay trong những giới hạn thể chế mà tổng thống và giới quyền thế phải chịu. Tương tự như vậy, các nhà lãnh đạo của các quốc gia châu Phi bị suy yếu trong nửa thế kỷ trước trong điều kiện quyền tài sản và thể chế kinh tế bấp bênh, đã bần cùng hóa phần lớn dân số của mình, đã để tất cả những điều này xảy ra không phải vì họ nghĩ rằng chúng là những chính sách kinh tế tốt. Họ đã làm thế bởi vì họ có thể dễ dàng phủi tay và làm giàu cho chính bản thân mình trên lưng của những kẻ khác, hoặc bởi vì họ nghĩ rằng đây là những

https://thuviensach.vn

kế sách chính trị tốt, giúp họ giữ được quyền lực bằng cách mua sự ủng hộ của các nhóm hoặc tầng lớp quyền thế.

Kinh nghiệm của thủ tướng Ghana, Kofi Busia, vào năm 1971 là một ví dụ minh họa cho mức độ lệch lạc của giả thuyết vô minh. Vào thời điểm đó, Busia đối mặt với một cuộc khủng hoảng kinh tế nguy hiểm. Sau khi lên nắm quyền vào năm 1969, giống như người tiền nhiệm Nkrumah, Busia theo đuổi các chính sách kinh tế mở rộng không bền vững và duy trì nhiều biện pháp kiểm soát giá thông qua một ủy ban tiếp thị và bằng cách định giá đồng tiền quá cao. Mặc dù Busia là đối thủ của Nkrumah và lãnh đạo một chính quyền dân chủ, nhưng ông vẫn phải đối mặt với nhiều ràng buộc chính trị như dưới thời Nkrumah. Tương tự như Nkrumah, chính sách kinh tế của Busia được thực hiện không phải vì ông "dốt nát" hay "vô minh", hay ông tin rằng chúng là những chính sách kinh tế tốt và là phương cách lý tưởng để phát triển đất nước. Các chính sách này đã được lựa chọn bởi vì chúng là những kế sách chính trị tốt, cho phép Busia chuyển giao nguồn lực cho các nhóm có thế lực về mặt chính trị, chẳng hạn như ở thành thị, nơi sự hài lòng cần được bảo đảm. Việc kiểm soát giá đã vắt kiệt sức nông nghiệp nhằm cung cấp thực phẩm giá rẻ cho các cử tri đô thị và tạo ra doanh thu để tài trợ cho chi tiêu của chính phủ. Tuy nhiên, các biện pháp kiểm soát này không bền vững. Ghana đã sớm rơi vào một loạt khủng hoảng cán cân thanh toán và khan hiếm ngoại hối. Đối mặt với những tình thế tiến thoái lưỡng nan này, ngày 27/12/1971, Busia đã ký một thỏa thuận với Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) qua đó chấp nhận phá giá mạnh đồng nội tệ.

IMF, Ngân hàng Thế giới và toàn thể cộng đồng quốc tế gây áp lực buộc Busia thực hiện những cải cách trong bản thỏa thuận. Trong khi các tổ chức quốc tế hồn nhiên không biết, Busia hiểu rất rõ rằng ông đang chơi một canh bạc chính trị khổng lồ. Hậu quả ngay lập tức của việc phá giá đồng tiền là bạo loạn và bất mãn dâng cao ở thủ đô Accra đến mức không thể kiểm soát, cho đến khi Busia bị quân đội do Trung tá Acheampong lật đổ, và ngay sau đó chính sách phá giá đồng tiền được đảo ngược.

https://thuviensach.vn

Giả thuyết vô minh khác với giả thuyết địa lý và giả thuyết văn hóa ở chỗ giả thuyết này đi kèm với một giải pháp dễ dàng để "giải quyết" các vấn đề đói nghèo: nếu sự vô minh và thiếu hiểu biết đưa chúng ta đến nông nỗi này thì những bậc cai trị và hoạch định chính sách minh triết và giàu thông tin sẽ có thể giải thoát cho chúng ta, và chúng ta sẽ phải có khả năng "thiết kế" sự thịnh vượng trên toàn thế giới bằng cách đưa ra những lời khuyên đúng và bằng cách thuyết phục các chính trị gia áp dụng các chính sách kinh tế tốt. Tuy nhiên, kinh nghiệm của Busia nhấn mạnh một thực tế là trở ngại chính cho việc thông qua các chính sách giảm bớt thất bại thị trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế không phải là sự thiếu hiểu biết của các chính trị gia mà là những khuyến khích và ràng buộc mà họ phải đối mặt từ các thể chế chính trị và kinh tế trong xã hội của họ.

Mặc dù giả thuyết vô minh vẫn chiếm vị trí tối cao trong đầu của hầu hết các nhà kinh tế học và trong giới hoạch định chính sách phương Tây - những người mà ưu tiên lớn nhất là tập trung vào việc làm thế nào để thiết kế sự thịnh vượng - nhưng nó vẫn chỉ là một giả thuyết vô dụng. Nó không giúp giải thích cả nguồn gốc của sự thịnh vượng trên thế giới lẫn tình trạng cách biệt giàu nghèo xung quanh chúng ta, chẳng hạn như tại sao một số quốc gia như Mexico và Peru, chứ không phải là Mỹ hoặc Anh, chọn các thể chế và chính sách làm bần cùng hóa phần lớn công dân của họ, hay tại sao hầu như tất cả các vùng hạ Sahara ở châu Phi và Trung Mỹ nghèo hơn so với Tây Âu và Đông Á.

Khi các quốc gia thoát ra khỏi mô thức thể chế khiến họ rơi vào nghèo đói để chuyển sang con đường đưa đến tăng trưởng kinh tế, không phải là vì các nhà lãnh đạo thiếu hiểu biết của họ đột nhiên có đầy đủ thông tin hơn, ít tư lợi hơn, hay nhận được lời khuyên từ các nhà kinh tế giỏi hơn. Trung Quốc là ví dụ về một quốc gia chuyển từ chính sách kinh tế gây ra nghèo khổ và chết đói cho hàng triệu người sang những sách khuyến khích tăng trưởng kinh tế. Nhưng như chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn ở phần sau, điều này xảy ra không phải vì Đảng Cộng sản Trung Quốc cuối cùng

https://thuviensach.vn

đã hiểu ra rằng quyền sở hữu tập thể đối với đất nông nghiệp và trong ngành công nghiệp đã tạo ra những động cơ kinh tế tệ hại. Mà là vì Đặng Tiểu Bình và các đồng minh của ông, những người tuy không ít tư lợi hơn các đối thủ của họ nhưng lại có các lợi ích và mục tiêu chính trị khác, đã đánh bại các đối thủ hùng mạnh trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc và đã đạo diễn một kiểu cách mạng chính trị làm thay đổi một cách cơ bản sự lãnh đạo và định hướng của đảng. Những cải cách kinh tế của họ đã tạo ra khuyến khích thị trường trong nông nghiệp và sau đó trong công nghiệp, là bước kế tiếp của cuộc cách mạng chính trị này. Chính chính trị, chứ không phải tư vấn chính sách tốt hơn hay hiểu biết cách thức thị trường vận hành tốt hơn, đã quyết định việc chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang khuyến khích thị trường ở Trung Quốc.

CHÚNG TÔI SẼ LẬP LUẬN RẰNG để hiểu sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới, chúng ta phải hiểu lý do tại sao một số xã hội được tổ chức theo những cách rất không hiệu quả và không như mong muốn. Các quốc gia đôi khi xoay sở thành công để có được các thể chế hiệu quả và đạt được sự thịnh vượng, nhưng than ôi, đó là những trường hợp hy hữu. Hầu hết các nhà kinh tế và các nhà hoạch định chính sách đã tập trung vào việc "ra chính sách đúng", trong khi điều thực sự cần thiết là một lời giải thích tại sao các quốc gia nghèo đã "ra chính sách sai". Chính sách sai chủ yếu không phải do văn hóa hay thiếu hiểu biết. Như chúng tôi sẽ chứng minh, các nước nghèo sở dĩ nghèo là vì những người nắm quyền lựa chọn tạo ra đói nghèo. Họ ra chính sách sai không phải do nhầm lẫn hoặc thiếu hiểu biết mà hoàn toàn có chủ đích.

Để hiểu điều này, bạn phải vượt lên trên kinh tế học và tư vấn của các chuyên gia về điều tốt nhất cần làm, và thay vào đó, nghiên cứu cách thức ra quyết định trên thực tế như thế nào, ai là người làm chính sách, và tại sao những người này lại quyết định làm những thứ họ đang làm. Đây là nghiên cứu về chính trị và các quá trình chính trị. Theo truyền thống, các nhà kinh tế đã bỏ qua chính trị, nhưng hiểu biết chính trị là điều kiện thiết yếu để

https://thuviensach.vn

giải thích sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới. Như nhà kinh tế Abba Lerner đã lưu ý trong thập niên 1970: “Kinh tế học đã đạt được danh hiệu Nữ hoàng của các khoa học xã hội bằng cách chỉ lựa chọn các vấn đề chính trị đã được giải quyết làm phạm vi nghiên cứu của nó”.

Chúng tôi sẽ lập luận rằng sự thịnh vượng phụ thuộc vào việc giải quyết một số vấn đề chính trị cơ bản. Chính vì kinh tế học giả định rằng các vấn đề chính trị đã được giải quyết nên nó không thể đưa ra được một lời giải thích thuyết phục cho sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới. Tất nhiên để giải thích sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới chúng ta vẫn cần đến kinh tế học để thấu hiểu cách thức các loại hình chính sách và tổ chức xã hội khác nhau ảnh hưởng đến khuyến khích và hành vi kinh tế như thế nào. Nhưng sự giải thích này cũng cần đến chính trị.

https://thuviensach.vn

3. TẠO RA THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO

KINH TẾ HỌC VỀ VĨ TUYẾN 38

VÀO MÙA HÈ NĂM 1945, khi Thế chiến thứ hai sắp kết thúc, chế độ thực dân Nhật Bản ở Triều Tiên bắt đầu sụp đổ. Trong vòng một tháng sau khi quân Nhật đầu hàng vô điều kiện vào ngày 15/8, đất nước Triều Tiên bị chia đôi. Miền nam được Hoa Kỳ tiếp quản. Miền bắc đi theo đường lối của Liên Xô. Nền hòa bình không dễ dàng của thời kỳ chiến tranh lạnh vỡ tan vào tháng 6/1950 khi quân đội Bắc Triều Tiên tấn công miền nam. Cho dù thoạt đầu Bắc Triều Tiên đã tiến hành những đợt xâm nhập lớn và chiếm đóng thủ đô Seoul, nhưng đến mùa thu thì họ rút lui hoàn toàn. Chính lúc đó Hwang Pyŏng-Wŏn và em trai phải ly tán. Hwang Pyŏng-Wŏn xoay sở bỏ trốn và cố để không bị sung vào quân đội Bắc Triều Tiên. Ông ở lại miền nam và hành nghề dược sĩ. Em trai ông, một bác sĩ làm việc ở Seoul chăm sóc cho các binh sĩ bị thương của quân đội Nam Triều Tiên, bị đưa ra miền bắc khi quân đội Bắc Triều Tiên rút lui. Chia ly từ năm 1950, mãi đến năm 2000 họ mới gặp lại nhau lần đầu tiên tại Seoul sau 50 năm, sau khi chính phủ hai miền cuối cùng đồng ý phát động một chương trình đoàn tụ gia đình có giới hạn.

Là một bác sĩ, em trai Hwang Pyŏng-Wŏn cuối cùng làm việc cho không quân, một công việc tốt trong một chế độ độc tài quân sự. Thế nhưng ngay cả những người có đặc quyền ở Bắc Triều Tiên cũng không khấm khá lắm. Khi anh em gặp lại nhau, Hwang Pyŏng-Wŏn hỏi thăm về cuộc sống ở phía nam vĩ tuyến 38. Ông có một chiếc ô-tô, nhưng em ông không có. “Thế em có điện thoại không?” Ông hỏi em trai. Người em đáp: “Không. Con gái em làm việc cho Bộ ngoại vụ có một chiếc điện thoại, nhưng nếu không biết mã thì anh cũng không thể gọi được”. Hwang Pyŏng-Wŏn nhớ

https://thuviensach.vn

lại, tất cả những người từ miền bắc trong cuộc đoàn tụ đều hỏi về tiền, nên ông đưa tiền cho em trai. Nhưng người em nói: “Nếu em mang tiền về, nhà nước sẽ yêu cầu em nộp lại tiền cho họ, thế nên anh cứ giữ tiền đi”. Hwang Pyŏng-Wŏn nhận thấy chiếc áo khoác của em đã mòn xơ cả chỉ, ông đề nghị: “Cởi chiếc áo đó ra và bỏ lại đây, khi quay về em hãy mặc chiếc áo này”. Người em đáp: “Em không làm thế được. Đó là áo mượn của nhà nước để đến đây”. Hwang Pyŏng-Wŏn nhớ lại khi họ tạm biệt nhau, người em trai rất dễ đau ốm và luôn luôn lo lắng như thể có người đang nghe trộm họ. Ông nghèo hơn Hwang Pyŏng-Wŏn tưởng tượng. Người em nói mình sống khá giả, nhưng Hwang Pyŏng-Wŏn nghĩ em ông trông rất yếu và gầy như que củi.

Người dân Nam Triều Tiên có mức sống tương tự như Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Đối với miền bắc, nơi gọi là Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, hay Bắc Triều Tiên, mức sống tương tự như của một nước hạ Sahara ở châu Phi, chỉ bằng khoảng 1/10 mức sống bình quân của Nam Triều Tiên. Tình trạng y tế của Bắc Triều Tiên thậm chí còn tệ hơn; tuổi thọ bình quân của người Bắc Triều Tiên thấp hơn khoảng 10 năm so với những người anh em ở phía nam vĩ tuyến 38. Bản đồ 7 minh họa một cách ngoạn mục khoảng cách kinh tế giữa hai miền Triều Tiên. Bản đồ này trình bày dữ liệu về cường độ ánh sáng vào ban đêm từ hình ảnh vệ tinh. Bắc Triều Tiên gần như hoàn toàn tăm tối do thiếu điện; Nam Triều Tiên thì rực rỡ ánh đèn.

https://thuviensach.vn

Bản đồ 7: Ảnh chụp từ vệ tinh vào ban đêm ở Nam Triều Tiên và Bắc Triều Tiên (p.101)

Sự tương phản rõ rệt này không hề xưa cũ. Trên thực tế, sự khác biệt này không tồn tại trước khi kết thúc Thế chiến thứ hai. Nhưng sau năm 1945, chính phủ khác nhau ở hai miền nam-bắc đã thực hiện những đường lối tổ chức kinh tế hết sức khác nhau. Syngman Rhee, người được đào tạo ở Đại học Harvard và Princeton, đã lãnh đạo Nam Triều Tiên, và các thể chế kinh tế và chính trị ban đầu của đất nước cũng được định hình với sự hỗ trợ đáng kể của Hoa Kỳ. Rhee được bầu làm tổng thống vào năm 1948. Được tôi luyện trong cuộc chiến tranh Triều Tiên và đối phó trước sự đe dọa của chủ nghĩa cộng sản lan sang phía nam vĩ tuyến 38, Nam Triều Tiên không có nền dân chủ. Cả Rhee và người kế nhiệm nổi tiếng không kém của ông - tướng Park Chung-Hee - đều đi vào lịch sử như những vị tổng thống độc tài. Nhưng cả hai đều cai quản một nền kinh tế thị trường, trong đó sở hữu tư nhân được công nhận, và sau năm 1961, Park chủ trương nhà nước hỗ trợ hữu hiệu cho sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, phân bổ tín dụng và trợ cấp cho những doanh nghiệp thành công.

https://thuviensach.vn

Tình hình ở phía bắc vĩ tuyến 38 thì khác. Kim Nhật Thành (Kim Il-Sung), nhà lãnh đạo phong trào kháng Nhật của những người theo chủ nghĩa cộng sản trong Thế chiến thứ hai, nổi lên như một nhà độc tài vào năm 1947, và với sự giúp đỡ của Liên Xô, đã áp dụng một hình thức kinh tế kế hoạch hóa tập trung cứng nhắc như một phần của hệ thống "Chủ thể" (*Juche*). Sở hữu tư nhân không được chấp nhận và các thị trường bị cấm đoán. Tự do bị khống chế không chỉ trên thương trường, mà trong mọi lĩnh vực đời sống của người dân Bắc Triều Tiên - ngoại trừ những người vì lý do nào đó trở thành một phần trong giới quyền thế cầm quyền xung quanh Kim Nhật Thành, và về sau là con trai ông và cũng là người kế vị Kim Chính Nhật (Kim Jong-Il).

Không ngạc nhiên khi thấy vận mệnh kinh tế của hai miền nam và bắc Triều Tiên phân hóa vô cùng sâu sắc. Nền kinh tế mệnh lệnh của Kim Nhật Thành và hệ thống Chủ thể chẳng bao lâu đã tỏ ra là một thảm họa. Mặc dù không có số liệu thống kê chi tiết, vốn được coi là bí mật quốc gia ở Bắc Triều Tiên, tuy nhiên bằng chứng hiện có xác nhận rằng những trận đói xảy ra quá thường xuyên: chẳng những sản xuất công nghiệp không cất cánh được, mà Bắc Triều Tiên thật ra còn trải qua sự sụp đổ năng suất nông nghiệp. Thiếu sở hữu tư nhân có nghĩa là gần như không ai có động cơ đầu tư hay phát huy nỗ lực để gia tăng năng suất hay thậm chí duy trì năng suất. Cơ chế bóp nghẹt và đè nén vô cùng tai hại đối với phát minh đổi mới và áp dụng công nghệ mới. Nhưng Kim Nhật Thành, Kim Chính Nhật và giới thân hữu của họ không có ý định cải tổ hệ thống hay chấp nhận sở hữu tư nhân, các thị trường, các hợp đồng tư nhân, hay thay đổi các thể chế kinh tế và chính trị. Bắc Triều Tiên tiếp tục đình trệ về mặt kinh tế.

Trong khi đó, ở miền nam, các thể chế kinh tế có tác dụng khuyến khích đầu tư và thương mại. Các chính khách Nam Triều Tiên đầu tư vào giáo dục, đạt tỷ lệ biết chữ và tỷ lệ phổ cập giáo dục cao. Các công ty Nam Triều Tiên nhanh chóng tận dụng lợi thế dân số có trình độ tương đối cao, các chính sách khuyến khích đầu tư và công nghiệp hóa, xuất khẩu và

https://thuviensach.vn

chuyển giao công nghệ. Nam Triều Tiên nhanh chóng trở thành một trong những "nền kinh tế thần kỳ" của Đông Á, một trong những quốc gia tăng trưởng nhanh nhất thế giới.

Đến cuối thập niên 1990, chỉ sau khoảng một nửa thế kỷ, sự tăng trưởng của Nam Triều Tiên và đình trệ của Bắc Triều Tiên dẫn đến khoảng cách gấp 10 lần giữa hai nửa của một lãnh thổ từng là một quốc gia thống nhất - thì hãy thử hình dung sự khác biệt mà một vài thế kỷ có thể mang lại có thể lớn đến nhường nào. Thảm họa kinh tế của Bắc Triều Tiên, làm cho hàng triệu người chết đói, đặt cạnh thành công kinh tế của Nam Triều Tiên, thật là ấn tượng: không phải văn hóa mà cũng chẳng phải yếu tố địa lý hay tình trạng thiếu hiểu biết có thể giải thích cho sự phân ly giữa Nam và Bắc Triều Tiên. Chúng ta phải nhìn vào các thể chế để tìm câu trả lời.

CÁC THỂ CHẾ KINH TẾ CHIẾM ĐOẠT VÀ DUNG HỢP

Các nước có thành công kinh tế khác nhau là do các thể chế và các quy tắc khác nhau tác động đến sự vận hành của nền kinh tế và động cơ của dân chúng một cách không giống nhau. Hãy tưởng tượng thanh thiếu niên ở Nam và Bắc Triều Tiên, và những gì họ trông đợi từ cuộc sống. Thanh thiếu niên Bắc Triều Tiên lớn lên trong đói nghèo, không có tinh thần nghiệp chủ, óc sáng tạo, hay nền giáo dục đầy đủ để chuẩn bị cho họ đón nhận những việc làm có kỹ năng. Phần lớn nền giáo dục họ nhận được ở nhà trường là sự tuyên truyền thuần túy nhằm củng cố tính chính thống của chế độ; sách vở còn thiếu, huống hồ là máy tính. Sau khi học xong phổ thông, mọi người đều phải phục vụ 10 năm trong quân đội. Các thanh thiếu niên này biết họ sẽ không được sở hữu tài sản riêng, không được thành lập doanh nghiệp hay trở nên thịnh vượng hơn, mặc dù trên thực tế nhiều người tham gia vào các hoạt động kinh tế tư nhân một cách bất hợp pháp để kiếm sống. Họ cũng biết họ sẽ không được tiếp cận một cách hợp pháp với các thị trường để có thể sử dụng kỹ năng hay thu nhập của mình nhằm mua sắm

https://thuviensach.vn

những hàng hóa họ cần và mơ ước. Họ thậm chí còn không biết chắc về loại nhân quyền nào họ sẽ được hưởng.

Những thanh thiếu niên ở Nam Triều Tiên hấp thu một nền giáo dục tốt, và đứng trước những động cơ khuyến khích họ phát huy nỗ lực và tinh thông trong những ngành nghề họ chọn. Nam Triều Tiên là một nền kinh tế thị trường, được xây dựng trên sự sở hữu tư nhân. Thanh thiếu niên Nam Triều Tiên biết rằng, nếu thành công trên cương vị một nghiệp chủ hay người lao động, ngày nào đó họ có thể tận hưởng quả ngọt từ sự đầu tư và nỗ lực của họ; họ có thể cải thiện mức sống, sắm ô-tô, mua nhà và chăm sóc sức khỏe.

Ở miền nam, nhà nước hỗ trợ hoạt động kinh tế. Vĩ thế các nghiệp chủ có thể vay tiền từ ngân hàng và các thị trường tài chính, các công ty nước ngoài có thể hợp tác với các doanh nghiệp Nam Triều Tiên, các cá nhân có thể vay thế chấp để mua nhà. Ở miền nam nói chung, bạn được tự do thành lập bất kỳ hoạt động kinh doanh nào bạn thích, ở miền bắc thì không. Ở miền nam, bạn có thể tuyển dụng lao động, bán sản phẩm hay dịch vụ và tiêu tiền trên thị trường theo bất kỳ cách nào bạn muốn, ở miền bắc chỉ có thị trường chợ đen. Các luật lệ khác nhau này là các thể chế trong đó Nam và Bắc Triều Tiên đang sống.

Những thể chế kinh tế dung hợp (inclusive institutions) như ở Nam Triều Tiên hay ở Hoa Kỳ là những thể chế cho phép và khuyến khích sự tham gia của đại đa số dân chúng vào các hoạt động kinh tế, sử dụng tốt nhất tài năng và trình độ của họ, và giúp các cá nhân thực hiện những lựa chọn họ muốn. Để có tính dung hợp, các thể chế kinh tế phải công nhận sở hữu tư nhân, phải có một hệ thống luật pháp không thiên vị, và phải cung cấp các dịch vụ công, mang lại một sân chơi bình đẳng trong đó mọi người có thể trao đổi và ký kết hợp đồng; thể chế đó cũng phải cho phép thành lập các doanh nghiệp mới và cho phép dân chúng được chọn lựa sự nghiệp của họ.

https://thuviensach.vn

SỰ TƯƠNG PHẢN giữa Nam và Bắc Triều Tiên cũng như giữa Hoa Kỳ và châu Mỹ La-tinh giúp minh họa cho một nguyên tắc tổng quát. Các thể chế kinh tế dung hợp đẩy mạnh hoạt động kinh tế, tăng trưởng năng suất và thịnh vượng kinh tế. Việc bảo đảm các quyền sở hữu tư nhân là quan trọng, vì chỉ những người được bảo đảm các quyền này mới sẵn lòng đầu tư và gia tăng năng suất. Một doanh nhân dự đoán rằng sản lượng của mình sẽ bị đánh cắp, bị tước đoạt, hay bị đánh thuế toàn bộ sẽ không có động cơ để làm việc, còn nói gì đến động cơ đầu tư hay phát minh đổi mới. Nhưng các quyền này phải tồn tại đối với đại đa số dân chúng trong xã hội.

Năm 1680, chính phủ Anh thực hiện một cuộc điều tra dân số ở thuộc địa Barbados vùng Tây Anh-điêng. Cuộc điều tra cho thấy trong tổng dân số khoảng 60 nghìn người, gần 39 nghìn người là nô lệ gốc Phi, là tài sản thuộc sở hữu của khoảng 1/3 dân số còn lại. Trên thực tế, họ chủ yếu là tài sản của 175 chủ đồn điền trồng mía lớn nhất, những người đồng thời sở hữu hầu hết đất đai. Quyền tài sản đối với đất đai và nô lệ của những chủ đồn điền mía này được bảo đảm và chế tài tốt. Nếu một chủ đồn điền muốn bán nô lệ cho một người khác, họ có thể làm điều đó và kỳ vọng tòa án sẽ cưỡng chế thi hành việc bán nô lệ hay bất kỳ một hợp đồng nào khác mà họ ký kết. Tại sao? Trong số 40 quan tòa và thẩm phán hòa giải sơ thẩm của hòn đảo này, có đến 29 người cũng là các chủ đồn điền lớn. Đồng thời, 8 quan chức quân đội cao cấp nhất là các chủ đồn điền lớn. Bất chấp các quyền sở hữu và hợp đồng được xác lập chặt chẽ, được bảo đảm và thực thi đối với giới quyền thế của hòn đảo, Barbados không có các thể chế kinh tế dung hợp, vì có đến 2/3 dân số là nô lệ, không được tiếp cận với nền giáo dục hay các cơ hội kinh tế, và không có khả năng hay động cơ khuyến khích họ sử dụng tài năng hay kỹ năng của họ. Muốn có các thể chế kinh tế dung hợp phải có các quyền sở hữu tài sản đảm bảo và cơ hội kinh tế không chỉ dành cho giới quyền thế mà cho đông đảo quần chúng trong xã hội.

Các quyền sở hữu đảm bảo, luật pháp, các dịch vụ công, tự do hợp đồng và trao đổi, tất cả đều dựa vào nhà nước - thể chế với năng lực cưỡng

https://thuviensach.vn

chế để áp đặt trật tự, ngăn ngừa trộm cắp và lừa đảo, và cưỡng chế thực thi hợp đồng giữa các bên tư nhân. Để vận hành trôi chảy, xã hội cũng cần có các dịch vụ công khác: đường sá và mạng lưới giao thông tốt để có thể lưu thông vận chuyển; cơ sở hạ tầng công để hoạt động kinh tế có thể nở rộ; và một loại hình giám sát điều tiết cơ bản nhất định để ngăn chặn lừa đảo và lạm dụng quyền hạn. Cho dù nhiều dịch vụ này có thể được cung cấp bởi thị trường và tư nhân, mức độ phối hợp cần thiết để làm điều đó trên quy mô lớn thường cản trở mọi người, ngoại trừ chính quyền trung ương. Vì thế, nhà nước tất yếu phải đan xen với các thể chế kinh tế, trên cương vị người thực thi luật pháp và trật tự, sở hữu tư nhân và hợp đồng, và trên cương vị nhà cung cấp dịch vụ công. Các thể chế kinh tế dung hợp cần có nhà nước và phải sử dụng nhà nước.

Các thể chế kinh tế của Bắc Triều Tiên hay châu Mỹ La-tinh - các hệ thống cai trị *mita*, *encomienda* hay *repartimiento* mô tả trên đây - không có những đặc tính này. Sở hữu tư nhân không tồn tại ở Bắc Triều Tiên. Châu Mỹ La-tinh thời thuộc địa có quyền sở hữu tư nhân dành cho người Tây Ban Nha, nhưng sự sở hữu tài sản của người dân bản xứ hết sức bấp bênh. Trong cả hai hình thức tổ chức xã hội này, đại đa số dân chúng không thể ra các quyết định kinh tế mà họ muốn; họ phải chịu sự áp bức đáng kể. Trong cả hai hình thức tổ chức xã hội này, quyền lực của nhà nước không được sử dụng để cung cấp các dịch vụ công then chốt giúp thúc đẩy sự phồn vinh. Ở Bắc Triều Tiên, nhà nước xây dựng một hệ thống giáo dục để đẩy mạnh tuyên truyền, nhưng không thể ngăn được nạn đói. Ở châu Mỹ La-tinh thời thuộc địa, nhà nước tập trung vào việc cưỡng bức người dân bản xứ. Trong cả hai hình thức tổ chức xã hội này đều không có một sân chơi bình đẳng, hay một hệ thống luật pháp không thiên vị. Ở Bắc Triều Tiên, hệ thống luật pháp là một nhánh của đảng cầm quyền, và ở châu Mỹ La-tinh, hệ thống luật pháp là công cụ phân biệt đối xử, chống lại đại đa số dân chúng. Chúng ta gọi các thể chế này là các thể chế kinh tế chiếm đoạt (extractive institutions), với những đặc điểm trái ngược với các thể chế kinh tế dung

https://thuviensach.vn

hợp; chiếm đoạt là vì các thể chế này được thiết kế để chiếm đoạt thu nhập và của cải từ một bộ phận xã hội và làm lợi cho một bộ phận khác.

ĐỘNG CƠ CỦA THỊNH VƯỢNG

Các thể chế kinh tế dung hợp tạo ra các thị trường dung hợp, không chỉ cho phép dân chúng tự do theo đuổi các thiên hướng nghề nghiệp trong cuộc sống theo cách phù hợp nhất với tài năng của họ mà còn mang lại một sân chơi bình đẳng, tạo cho họ cơ hội để làm điều đó. Những người có những ý tưởng tốt có thể thành lập doanh nghiệp; người lao động sẽ chọn những hoạt động có năng suất cao hơn; và những doanh nghiệp kém hiệu quả có thể được thay thế bằng những doanh nghiệp hiệu quả hơn. Hãy đối chiếu cách thức dân chúng chọn nghề trong các thị trường dung hợp so với thuộc địa Peru và Boliva chẳng hạn, ở đó trong hệ thống cai trị *mita*, nhiều người bị cưỡng bức lao động trong các mỏ bạc hay mỏ đồng, bất kể kỹ năng của họ ra sao và liệu họ có muốn làm việc như thế hay không. Các thị trường dung hợp không chỉ là các thị trường tự do. Barbados vào thế kỷ 17 cũng có thị trường. Nhưng cũng hệt như việc đất nước này không có quyền sở hữu tài sản cho mọi người ngoại trừ giới quyền thế chủ đồn điền, các thị trường ở đây cũng không có tính dung hợp; các thị trường nô lệ thật ra là một phần của các thể chế kinh tế cưỡng đoạt một cách có hệ thống đối với đại đa số dân chúng và tước đoạt khả năng chọn nghề cũng như không cho phép họ sử dụng tài năng của mình.

Các thể chế kinh tế dung hợp cũng lát đường cho hai động cơ của thịnh vượng: công nghệ và giáo dục. Tăng trưởng kinh tế bền vững gần như luôn luôn đi kèm với cải tiến công nghệ giúp dân chúng (lao động), đất đai và vốn (nhà xưởng, máy móc hiện có…) trở nên có năng suất cao hơn. Hãy nghĩ đến ông bà cụ kị của chúng ta chỉ hơn một thế kỷ trước đây không được tiếp cận với máy bay, ô-tô hay hầu hết các loại thuốc và biện pháp chăm sóc y tế mà hiện giờ ta xem là đương nhiên, ấy là còn chưa nói đến hệ thống nước máy trong nhà, máy điều hòa không khí, các cửa hàng mua

https://thuviensach.vn

sắm, radio hay phim ảnh; hay còn chưa kể đến công nghệ thông tin, người máy hay máy móc điều khiển bằng máy tính. Và nhìn lại xa hơn vài thế hệ trước đó, bí quyết công nghệ và mức sống thậm chí còn lạc hậu hơn, đến mức ta khó lòng hình dung làm thế nào đa số dân chúng lại có thể vật lộn với cuộc sống. Những cải thiện này có được là nhờ khoa học và những nghiệp chủ như Thomas Edison, những người áp dụng khoa học để tạo ra các doanh nghiệp hoạt động sinh lợi. Quá trình đổi mới này có thể đạt được nhờ vào các thể chế kinh tế khuyến khích sở hữu tư nhân, thực thi hợp đồng, tạo ra một sân chơi bình đẳng, khuyến khích và cho phép thành lập doanh nghiệp mới để có thể mang công nghệ mới đến với cuộc sống. Do đó, ta không ngạc nhiên khi thấy chính xã hội Hoa Kỳ, chứ không phải Mexico hay Peru, đã sản sinh ra Thomas Edison, và chính Nam Triều Tiên, chứ không phải Bắc Triều Tiên, ngày nay đã sản sinh ra những công ty phát minh đổi mới công nghệ như Samsung hay Hyundai.

Gắn bó mật thiết với công nghệ là giáo dục, kỹ năng, tài năng và bí quyết của lực lượng lao động được hấp thu ở nhà trường, ở nhà và trong công việc. Chúng ta ngày nay có năng suất cao hơn nhiều so với một thế kỷ trước đây, không chỉ vì công nghệ tốt hơn gắn liền với máy móc, mà còn vì người lao động có nhiều bí quyết và kỹ năng hơn. Tất cả công nghệ trên thế giới sẽ không có ích gì nếu không có những người lao động biết cách vận hành những công nghệ ấy. Nhưng ngoài khả năng vận hành máy móc còn có những kỹ năng và tài năng khác. Chính giáo dục và kỹ năng của lực lượng lao động đã tạo ra tri thức khoa học mà từ đó mới có thể tích lũy tiến bộ cũng như giúp điều chỉnh và áp dụng các công nghệ này trong mọi ngành nghề kinh doanh đa dạng. Cho dù chúng ta đã thấy trong Chương 1 rằng nhiều nhà phát minh trong thời đại Cách mạng công nghiệp và sau đó, như Thomas Edison, không phải là những người có học vấn cao, các phát minh này đơn giản hơn nhiều so với công nghệ hiện đại. Ngày nay, thay đổi công nghệ đòi hỏi phải có trình độ học vấn của nhà phát minh và của cả người lao động. Và ở đây, chúng ta thấy tầm quan trọng của những thể chế kinh tế tạo ra một sân chơi bình đẳng. Hoa Kỳ có thể sinh ra hay thu hút

https://thuviensach.vn

được từ nước ngoài những người như Bill Gates, Steve Jobs, Sergey Brin, Larry Page, Jeff Bezos và hàng trăm nhà khoa học đã tạo ra những phát minh cơ bản trong công nghệ thông tin, năng lượng hạt nhân, công nghệ sinh học và các lĩnh vực khác để từ đó các nghiệp chủ này xây dựng hoạt động kinh doanh của họ. Nguồn cung nhân tài được khai thác ở Mỹ vì hầu hết thanh thiếu niên ở đây đều được tiếp cận giáo dục theo ý muốn hay theo khả năng hấp thu của họ. Bây giờ hãy tưởng tượng một xã hội khác, như Congo hay Haiti, nơi mà phần lớn dân chúng không có phương tiện để đi học, hay nơi mà nếu dân chúng có thể xoay sở để đi học, thì chất lượng giảng dạy cũng thật đáng thương, nơi không có giáo viên đến dạy, hay thậm chí nếu họ có đến, cũng không chắc có sách vở.

Trình độ học vấn thấp của các nước nghèo là do các thể chế kinh tế không tạo ra động cơ khuyến khích phụ huynh cho con em ăn học và do các thể chế chính trị không làm cho chính phủ xây dựng, tài trợ, hỗ trợ nhà trường và hỗ trợ mong muốn của phụ huynh và học sinh. Cái giá mà những nước này phải trả cho trình độ học vấn thấp của dân chúng và sự thiếu vắng các thị trường dung hợp thật là đắt đỏ. Họ không thể huy động được nguồn nhân tài mới phôi thai của mình. Họ có nhiều Bill Gates tiềm năng và có lẽ có một hay hai Albert Einsteins hiện đang làm việc như những nhà nông lam lũ không có học vấn, bị buộc phải làm những việc họ không muốn làm hay phải giạt vào quân đội, vì họ không bao giờ có cơ hội hiện thực hóa thiên hướng nghề nghiệp trong đời.

Khả năng của các thể chế kinh tế nhằm khai thác tiềm năng của các thị trường có tính dung hợp, khuyến khích phát minh đổi mới công nghệ, đầu tư vào nhân lực, huy động nhân tài và kỹ năng của đông đảo dân chúng là vô cùng quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Giải thích lý do tại sao nhiều thể chế kinh tế không thể đáp ứng được các mục tiêu đơn giản đó là chủ đề trọng tâm của quyển sách này.

https://thuviensach.vn

CÁC THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ CHIẾM ĐOẠT VÀ DUNG HỢP

Tất cả các thể chế kinh tế đều do xã hội tạo ra. Ví dụ, các thể chế kinh tế của Bắc Triều Tiên được thực thi đối với dân chúng từ khi Đảng Cộng sản tiếp quản đất nước vào thập niên 1940, trong khi các thể chế của thuộc địa châu Mỹ La-tinh được áp đặt bởi những kẻ chinh phục người Tây Ban Nha. Nam Triều Tiên rốt cuộc có những thể chế kinh tế rất khác so với Bắc Triều Tiên vì dân chúng khác nhau với các quyền lợi và mục tiêu khác nhau, đã đi đến quyết định về cách thức cơ cấu xã hội khác nhau. Nói cách khác, Nam Triều Tiên có nền chính trị khác.

Chính trị là quá trình trong đó xã hội chọn các luật lệ để cai trị xã hội. Chính trị bao quanh các thể chế, bởi lý do đơn giản là: tuy các thể chế dung hợp có thể tốt đối với sự thịnh vượng kinh tế của một quốc gia, một số người hay nhóm người, như giới quyền thế ở Bắc Triều Tiên hay các chủ đồn điền mía đường ở thuộc địa Barbados, sẽ khấm khá hơn nhiều thông qua việc thiết lập các thể chế có tính chiếm đoạt. Khi có sự xung đột thể chế, điều xảy ra sẽ phụ thuộc vào việc những người nào hay nhóm người nào sẽ thắng thế trong trò chơi chính trị - ai có thể giành được nhiều ủng hộ hơn, thu được nhiều nguồn lực hơn, và hình thành các liên minh hữu hiệu hơn. Nói vắn tắt, việc ai thắng ai sẽ phụ thuộc vào sự phân phối quyền lực chính trị trong xã hội.

Các thể chế chính trị của xã hội là yếu tố then chốt quyết định kết quả của cuộc chơi này. Đó là những luật lệ điều khiển các động cơ khuyến khích trong chính trị. Các thể chế chính trị sẽ quyết định cách thức chính phủ được chọn như thế nào và bộ phận nào của chính phủ có quyền làm điều đó. Các thể chế chính trị sẽ quyết định ai có quyền lực trong xã hội và quyền lực đó có thể được sử dụng vào mục đích gì. Nếu quyền lực được phân phối một cách hạn hẹp trong một số ít người và không bị giới hạn, thì các thể chế chính trị có tính chất chuyên chế, điển hình như các nền quân

https://thuviensach.vn

chủ chuyên chế thống trị khắp thế giới xuyên suốt phần lớn lịch sử. Dưới các thể chế chính trị chuyên chế như ở Bắc Triều Tiên và châu Mỹ La-tinh thời thuộc địa, những người có thể sử dụng quyền lực này sẽ có khả năng thiết lập các thể chế kinh tế làm giàu cho chính bản thân họ và củng cố quyền lực trong khi xã hội phải chịu tổn thất. Trái lại, những thể chế chính trị trong đó quyền lực được phân phối rộng rãi trong xã hội và có giới hạn là những thể chế đa nguyên. Thay vì đặt vào một cá nhân duy nhất hay một nhóm thu hẹp, quyền lực chính trị được đặt vào một liên minh rộng rãi hay nhiều nhóm.

Rõ ràng có mối quan hệ mật thiết giữa tính đa nguyên và các thể chế kinh tế dung hợp. Nhưng điểm mấu chốt để hiểu lý do tại sao Nam Triều Tiên và Hoa Kỳ có các thể chế kinh tế dung hợp không phải chỉ là các thể chế chính trị đa nguyên mà còn là các nhà nước hùng mạnh và đủ tập trung của họ. Sự tương phản rõ rệt là với đất nước Somalia ở Đông Phi. Như ta sẽ thấy về sau trong quyển sách này, quyền lực chính trị ở Somalia từ lâu đã được phân phối rộng rãi - gần như đa nguyên. Trên thực tế, không có một nhà nước thực sự có thể kiểm soát hay phê chuẩn mọi hành động của dân chúng. Xã hội bị chia cắt thành nhiều bè phái đối lập không thể chế ước lẫn nhau. Quyền lực của một phe phái này chỉ được hạn chế bằng súng ống của một phe phái khác. Sự phân phối quyền lực này không dẫn đến các thể chế dung hợp, mà chỉ mang lại sự hỗn loạn, và nguyên nhân gốc rễ của nó là tình trạng thiếu tập trung chính trị và thiếu khả năng thực thi luật pháp và trật tự của nhà nước Somalia để nâng đỡ các hoạt động kinh tế, thương mại, hay ngay cả nền an ninh cơ bản của dân chúng.

Max Weber, người mà chúng ta đã gặp trong chương trước, đã đưa ra định nghĩa nổi tiếng nhất và được chấp nhận rộng rãi về nhà nước, đồng nhất nó với “độc quyền bạo lực chính thống” trong xã hội. Không có sức mạnh độc quyền và mức độ tập trung quyền lực này, nhà nước không thể đóng vai trò cưỡng chế thực thi pháp luật và trật tự, huống hồ là cung cấp các dịch vụ công hay khuyến khích và điều tiết các hoạt động kinh tế. Khi

https://thuviensach.vn

nhà nước không thể đạt được sự tập trung chính trị, xã hội chẳng mấy chốc sẽ rơi vào hỗn loạn, như ở Somalia.

Chúng ta sẽ gọi những thể chế chính trị có tính tập trung và đa nguyên là những thể chế chính trị dung hợp. Khi một trong hai điều kiện này không được đáp ứng, chúng ta sẽ gọi đó là các thể chế chính trị chiếm đoạt.

Giữa các thể chế kinh tế và các thể chế chính trị có sự hòa hợp mạnh mẽ. Các thể chế chính trị chiếm đoạt tập trung quyền lực vào tay một nhóm thiểu số quyền thế và việc sử dụng quyền lực này gần như không có giới hạn. Khi đó, các thể chế kinh tế thường được giới quyền thế này cơ cấu sao cho họ có thể bòn rút nguồn lực từ phần còn lại của xã hội. Vì thế, các thể chế kinh tế chiếm đoạt tự nhiên sẽ đi đôi với các thể chế chính trị chiếm đoạt. Trên thực tế, các thể chế kinh tế chiếm đoạt vốn dĩ phụ thuộc vào các thể chế chính trị chiếm đoạt để tồn tại. Các thể chế chính trị dung hợp sẽ phân phối quyền lực rộng rãi và có xu hướng nhổ bật gốc rễ những thể chế kinh tế tước đoạt nguồn lực từ nhiều người bằng cách dựng lên các hàng rào cản trở tham gia thị trường và ức chế sự vận hành thị trường để chỉ làm lợi cho một số ít người.

Ví dụ, ở Barbados, hệ thống đồn điền dựa vào sự bóc lột nô lệ hẳn sẽ không thể tồn tại nếu không có các thể chế chính trị giúp đàn áp và loại trừ hoàn toàn người nô lệ ra khỏi quá trình chính trị. Người ta cũng không thể hình dung nổi một hệ thống kinh tế làm bần cùng hóa hàng triệu người vì lợi ích của một nhóm quyền thế thu hẹp ở Bắc Triều Tiên nếu như không có sự thống lĩnh chính trị hoàn toàn của họ.

Mối quan hệ hòa hợp giữa các thể chế kinh tế và chính trị chiếm đoạt mang lại một vòng lặp phản hồi mạnh mẽ: các thể chế chính trị giúp giới quyền thế kiểm soát quyền lực chính trị chọn lựa những thể chế kinh tế không có các áp lực ràng buộc hay đối lập. Các thể chế này cũng giúp giới quyền thế cơ cấu các thể chế chính trị tương lai và sự tiến hóa của thể chế. Đến lượt mình, các thể chế kinh tế chiếm đoạt sẽ làm giàu cho chính giới

https://thuviensach.vn

quyền thế này, rồi của cải kinh tế và quyền lực sẽ giúp củng cố hơn nữa sự thống lĩnh chính trị của họ. Ví dụ, ở Barbados hay châu Mỹ La-tinh, thực dân có thể sử dụng quyền lực chính trị để áp đặt một hệ thống thể chế kinh tế mang lại cho họ cơ ngơi hoành tráng bằng tổn thất của phần đông dân số còn lại. Những nguồn lực mà các thể chế kinh tế này tạo ra giúp giới quyền thế xây dựng quân đội và các lực lượng an ninh để bảo vệ quyền lực chính trị độc quyền chuyên chế của họ. Ý nghĩa của quá trình này là các thể chế chính trị và kinh tế chiếm đoạt hỗ trợ lẫn nhau và có xu hướng tồn tại dai dẳng.

Trên thực tế còn có những yếu tố bổ sung cho sự hòa hợp giữa các thể chế kinh tế và chính trị chiếm đoạt. Khi giới quyền thế trong các thể chế chính trị chiếm đoạt hiện tại bị thay thế bởi những người mới thì những người mới này cũng gặp phải rất ít sự giới hạn quyền lực. Vì thế, họ có động cơ duy trì các thể chế chính trị này và tạo ra một hệ thống thể chế kinh tế tương tự, như Porfirio Díaz và giới quyền thế xung quanh ông đã làm vào cuối thế kỷ 19 ở Mexico.

Về phần mình, các thể chế kinh tế dung hợp được hun đúc trên nền tảng của các thể chế chính trị dung hợp, làm cho quyền lực được phân phối rộng rãi trong xã hội và hạn chế sự sử dụng quyền lực một cách tùy tiện. Các thể chế chính trị này cũng làm cho những người khác khó lòng chiếm đoạt quyền lực và làm xói mòn nền tảng của các thể chế dung hợp. Những người kiểm soát quyền lực chính trị không thể dễ dàng sử dụng quyền lực để thiết lập các thể chế kinh tế chiếm đoạt vì quyền lợi riêng của họ. Đến lượt mình, các thể chế kinh tế dung hợp sẽ tạo ra sự phân phối nguồn lực công bằng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tồn tại lâu dài của các thể chế chính trị dung hợp.

Chẳng phải ngẫu nhiên mà vào năm 1618, Công ty Virginia cấp đất và trao trả tự do từ các hợp đồng hà khắc của họ cho những người dân định cư mà trước đây họ từng ra sức cưỡng bức; và ngay năm sau, cơ quan lập pháp

https://thuviensach.vn

cho phép người dân định cư bắt đầu tự cai trị. Các quyền kinh tế không đi đôi với quyền chính trị sẽ không được người dân định cư tin tưởng, bởi họ đã thấy những nỗ lực cưỡng bức họ một cách bền bỉ của Công ty Virginia. Các nền kinh tế này xem ra sẽ không thể ổn định và vững chắc. Trên thực tế, sự kết hợp giữa các thể chế chiếm đoạt và dung hợp nói chung là không ổn định. Các thể chế kinh tế chiếm đoạt trong các thể chế chính trị dung hợp không thể tồn tại lâu dài được, như thảo luận của chúng ta về Barbados cho thấy.

Tương tự, các thể chế kinh tế dung hợp sẽ không hỗ trợ và không được hỗ trợ bằng các thể chế chính trị chiếm đoạt. Hoặc là chúng sẽ chuyển hóa thành các thể chế kinh tế chiếm đoạt để làm lợi cho nhóm quyền lực thiểu số đang cầm quyền, hoặc là động học kinh tế mà chúng tạo ra sẽ làm các thể chế chính trị chiếm đoạt trở nên bất ổn, mở đường cho sự vươn lên của các thể chế chính trị dung hợp. Các thể chế kinh tế dung hợp cũng có xu hướng làm giảm quyền lợi mà giới quyền thế có thể tận hưởng thông qua việc gây áp lực cho các thể chế chính trị chiếm đoạt, vì các thể chế này phải đối đầu với sự cạnh tranh trên thương trường và bị ràng buộc bởi các hợp đồng và các quyền sở hữu của phần còn lại trong xã hội.

TẠI SAO KHÔNG LUÔN LUÔN CHỌN SỰ THỊNH VƯỢNG?

Các thể chế chính trị và kinh tế, suy cho cùng là sự chọn lựa của xã hội, có thể có tính dung hợp và khuyến khích tăng trưởng kinh tế. Hoặc các thể chế đó có thể có tính chiếm đoạt và trở thành chướng ngại đối với tăng trưởng kinh tế. Các quốc gia thất bại khi họ có các thể chế kinh tế chiếm đoạt được nâng đỡ bằng các thể chế chính trị chiếm đoạt, gây trở ngại và thậm chí ngăn chặn tăng trưởng kinh tế. Nhưng điều này có nghĩa là sự chọn lựa thể chế - nghĩa là chính trị học về thể chế - là trọng tâm trong việc tìm hiểu lý do thành công và thất bại của các quốc gia. Chúng ta phải tìm hiểu xem tại sao nền chính trị của một số xã hội dẫn đến các thể chế dung

https://thuviensach.vn

hợp giúp đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, trong khi nền chính trị của rất nhiều xã hội trong suốt lịch sử đã và mãi đến ngày nay vẫn dẫn đến các thể chế chiếm đoạt gây hại cho tăng trưởng kinh tế.

Xem ra người ta có thể cảm thấy rõ ràng là mọi người sẽ có lợi trong việc tạo ra một kiểu thể chế kinh tế mang lại thịnh vượng. Vậy lẽ nào mọi người dân, mọi chính khách, và ngay cả một nhà độc tài hung hãn lại không muốn làm cho đất nước họ ngày càng giàu có?

Ta hãy quay lại với Vương quốc Kongo mà ta đã thảo luận trên đây. Dù vương quốc sụp đổ vào thế kỷ 17, tên nước vẫn được giữ lại cho quốc gia ngày nay (chỉ thay đổi từ Kongo thành Congo) mà về sau đã giành độc lập từ sự cai trị thuộc địa của Bỉ. Là một nền chính trị độc lập, Congo trải qua tình trạng sa sút kinh tế gần như triền miên và đói nghèo gia tăng dưới sự cai trị của Joseph Mobutu từ năm 1965 đến 1997. Tình trạng sa sút này vẫn tiếp tục sau khi Mobutu bị Laurent Kabila lật đổ. Mobutu tạo ra một hệ thống thể chế kinh tế có tính chiếm đoạt cao độ. Dân chúng trở nên bần cùng, nhưng Mobutu và giới quyền thế vây quanh ông, được gọi là Les Grosses Legumes (Rau Cải Lớn), trở nên giàu nứt đố đổ vách. Mobutu xây dựng cho mình một cung điện ở nơi ông ra đời, Gbadolite, phía bắc đất nước, với một sân bay đủ lớn để một chiếc phản lực siêu thanh Concord có thể hạ cánh, chiếc máy bay mà ông thường thuê từ hãng hàng không Pháp Air France để đi châu Âu. Ở châu Âu, ông mua những tòa lâu đài và sở hữu những vùng đất rộng lớn ở thủ đô Brussels của Bỉ.

Chẳng phải lẽ ra Mobutu nên xây dựng các thể chế kinh tế giúp gia tăng của cải cho người dân Congo thay vì khoét sâu thêm vào cảnh đói nghèo của họ hay sao? Nếu Mobutu xoay sở để gia tăng sự thịnh vượng của đất nước, biết đâu ông sẽ kiếm được nhiều tiền hơn, mua một chiếc Concord thay vì phải đi thuê, có nhiều lâu đài và dinh thự hơn, thậm chí cả quân đội đông đúc và hùng mạnh hơn? Đáng tiếc cho người dân nhiều nước trên thế giới, câu trả lời là không. Những thể chế kinh tế tạo ra động cơ

https://thuviensach.vn

khuyến khích tiến bộ kinh tế có thể đồng thời cũng tái phân phối thu nhập và quyền lực theo cách khiến cho nhà độc tài và những người có quyền lực chính trị khác trở nên thiệt thòi hơn.

Vấn đề cơ bản ở đây là nhất thiết sẽ có sự tranh chấp và xung đột về các thể chế kinh tế. Các thể chế khác nhau có những hệ quả khác nhau đối với sự thịnh vượng của quốc gia, cách thức phân phối sự thịnh vượng như thế nào, và ai là người có quyền lực. Sự tăng trưởng kinh tế hình thành bởi các thể chế sẽ tạo ra cả người thắng và kẻ thua. Điều này thể hiện rõ ràng trong cuộc Cách mạng công nghiệp ở Anh, đặt nền móng cho sự thịnh vượng mà ta thấy ở các nước giàu trên thế giới ngày nay. Cuộc Cách mạng công nghiệp tập trung vào một loạt thay đổi công nghệ đột phá như động cơ hơi nước, giao thông và dệt sợi. Cho dù cơ giới hóa dẫn đến sự gia tăng khổng lồ của tổng thu nhập và cuối cùng trở thành nền tảng của xã hội công nghiệp hiện đại, nó vẫn bị nhiều người chống đối kịch liệt. Không phải vì thiếu hiểu biết hay thiển cận; mà là ngược lại. Đúng hơn, sự chống đối tăng trưởng kinh tế có lôgic riêng của nó, một lôgic mạch lạc một cách đáng tiếc. Tăng trưởng kinh tế và thay đổi công nghệ đi kèm với điều mà nhà kinh tế học vĩ đại Joseph Schumpeter gọi là sự phá hủy sáng tạo. Chúng thay thế cái cũ bằng cái mới. Những lĩnh vực mới thu hút nguồn lực từ những lĩnh vực cũ. Những doanh nghiệp mới giành lấy hoạt động kinh doanh từ những doanh nghiệp lâu đời. Công nghệ mới làm cho các kỹ năng và máy móc hiện tại trở nên lỗi thời. Quá trình tăng trưởng kinh tế và thể chế dung hợp mà sự tăng trưởng kinh tế dựa vào sẽ tạo ra cả kẻ thắng lẫn người thua trên đấu trường chính trị cũng như thương trường kinh tế. Nỗi lo sợ về sự phá hủy sáng tạo thường là cội rễ của sự chống đối đối với các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp.

Lịch sử kinh tế châu Âu cho ta một ví dụ sống động về hệ quả của sự phá hủy sáng tạo. Vào đêm trước của cuộc Cách mạng công nghiệp thế kỷ 18, chính phủ hầu hết các nước châu Âu do giới quyền thế và quý tộc truyền thống kiểm soát, mà nguồn thu nhập chính của họ là từ sở hữu đất

https://thuviensach.vn

đai và đặc quyền thương mại mà họ tận hưởng nhờ vị thế độc quyền và các hàng rào cản trở sự tham gia thị trường do nhà vua đặt ra. Nhất quán với ý tưởng về sự phá hủy sáng tạo, sự lan rộng hoạt động công nghiệp, nhà máy và các thành phố đã thu hút nguồn lực từ đất đai, làm giảm đặc lợi (địa tô) từ đất, và tăng tiền công mà các địa chủ phải trả cho người lao động. Giới quyền thế cũng nhìn thấy sự xuất hiện những doanh nhân và thương nhân mới làm xói mòn đặc quyền thương mại của họ. Nói chung, họ là những người thiệt thòi về kinh tế do công nghiệp hóa. Hiện tượng đô thị hóa và sự vươn lên của tầng lớp lao động và trung lưu có ý thức xã hội cũng thách thức độc quyền chính trị của giới quý tộc có đất. Vì thế, khi cuộc Cách mạng công nghiệp lan rộng, giới quý tộc không chỉ là người thiệt thòi về kinh tế; họ cũng có nguy cơ trở thành những kẻ thua cuộc về chính trị, mất đi vị trí nắm giữ quyền lực chính trị. Với quyền lợi kinh tế và quyền lực chính trị bị đe dọa, giới quyền thế này thường tạo thành sự chống đối hùng hậu đối với công nghiệp hóa.

Giới quý tộc không phải là những người thua thiệt duy nhất do công nghiệp hóa. Tương tự như vậy, những người thợ thủ công có tay nghề tinh xảo đang được thay thế bằng máy móc cũng chống đối sự mở rộng công nghiệp. Nhiều người tổ chức lại để chống đối, gây bạo loạn và phá hoại những cỗ máy mà họ cho là chịu trách nhiệm trước tình trạng sa sút phương kế mưu sinh của họ. Họ được gọi là *Luddites,* một từ mà ngày nay trở thành đồng nghĩa với sự chống đối thay đổi công nghệ. John Kay, nhà phát minh người Anh đã phát minh ra máy dệt vào năm 1733, một trong những cải tiến đáng kể đầu tiên trong công cuộc cơ giới hóa ngành dệt, đã bị *luddittes* đốt nhà vào năm 1753. James Hargreaves, nhà phát minh máy xe sợi, một cải tiến công nghệ mang tính cách mạng trong việc xe sợi, cũng bị đối xử tương tự.

Trên thực tế, giới thợ thủ công kém hữu hiệu hơn nhiều so với giới quyền thế và địa chủ trong việc chống đối công nghiệp hóa. Không như giới quý tộc có đất, các *luddites* không có quyền lực chính trị - khả năng

https://thuviensach.vn

ảnh hưởng đến kết quả chính trị đi ngược lại mong muốn của những nhóm khác. Ở Anh, công nghiệp hóa vẫn diễn ra, bất chấp sự chống đối của *luddites*, bởi vì sự chống đối của giới quý tộc, cho dù thực tế, đã im hơi lặng tiếng. Ở Đế quốc Áo-Hung và Đế quốc Nga, nơi mà nền quân chủ chuyên chế và giới quý tộc có nhiều thứ để mất hơn, công nghiệp hóa đã bị ngăn chặn. Vì thế, nền kinh tế Áo-Hung và Nga bị chậm lại. Họ tụt lại sau các quốc gia châu Âu khác, khi tăng trưởng kinh tế ở các nước này cất cánh trong thế kỷ 19.

Bất chấp thành công và thất bại của các nhóm cụ thể, chúng ta có một bài học rõ ràng: các nhóm quyền lực thường chống lại tiến bộ kinh tế và chống lại động cơ của thịnh vượng. Tăng trưởng kinh tế không chỉ là một quá trình của nhiều máy móc tốt hơn và nhiều người có trình độ học vấn cao hơn, mà còn là một quá trình biến đổi và làm mất ổn định gắn liền với sự phá hủy sáng tạo lan rộng. Vì thế, tăng trưởng chỉ tiến lên nếu không bị ngăn chặn bởi những người thiệt thòi về kinh tế, thấy trước rằng đặc quyền kinh tế của họ sẽ mất đi, và bởi những kẻ thua cuộc về chính trị, lo sợ quyền lực chính trị của họ sẽ bị xói mòn.

Xung đột về nguồn lực khan hiếm, về thu nhập và quyền lực sẽ chuyển hóa thành xung đột về quy tắc của cuộc chơi, về những thể chế kinh tế quyết định các hoạt động kinh tế và quyết định ai sẽ hưởng lợi từ đó. Khi có xung đột, mong muốn của tất cả các bên không thể cùng được đáp ứng. Một số người sẽ bị đánh bại và thất vọng, trong khi những người khác thành công trong việc bảo toàn những kết quả họ mong muốn. Vấn đề ai là người chiến thắng trong cuộc xung đột này sẽ có ý nghĩa và tác động cơ bản đối với quỹ đạo kinh tế của đất nước. Nếu những nhóm chống lại tăng trưởng chiến thắng, họ có thể ngăn chặn tăng trưởng kinh tế một cách hữu hiệu, và nền kinh tế sẽ trì trệ.

Lôgic về lý do khiến giới quyền thế không nhất thiết muốn thiết lập những thể chế kinh tế thúc đẩy thành công kinh tế có thể dễ dàng được mở

https://thuviensach.vn

rộng cho việc chọn lựa thể chế chính trị. Trong một chế độ chuyên chế, giới quyền thế có thể thâu tóm quyền lực để thiết lập những thể chế kinh tế họ ưa thích, liệu họ có quan tâm đến việc thay đổi thể chế chính trị để làm cho thể chế trở thành đa nguyên? Nói chung là không, vì điều này sẽ pha loãng quyền lực chính trị của họ, làm cho việc cơ cấu các thể chế kinh tế phục vụ quyền lợi riêng của họ trở nên khó khăn hơn, hoặc trở nên bất khả thi. Ở đây một lần nữa ta cũng thấy nguồn gốc của xung đột. Dân chúng khốn khổ vì các thể chế kinh tế chiếm đoạt không thể hy vọng những kẻ cai trị chuyên chế tự nguyện thay đổi thể chế chính trị và tái phân phối quyền lực trong xã hội. Con đường duy nhất để thay đổi các thể chế chính trị là ép buộc giới quyền thế phải tạo ra các thể chế đa nguyên hơn.

Không có lý do gì để các thể chế chính trị tự động trở thành đa nguyên, và cũng hệt như vậy, không có xu hướng tự nhiên nào hướng tới sự tập trung chính trị. Chắc chắn sẽ có động cơ để tạo ra các thể chế nhà nước tập trung hơn trong xã hội, nhất là trong những xã hội không hề có sự tập trung chính trị. Ví dụ, ở Somalia, nếu một bè phái nào đó tạo ra một nhà nước tập trung có năng lực áp đặt trật tự trên cả nước, điều này có thể dẫn đến lợi ích kinh tế và làm cho bè phái này giàu có hơn. Điều gì cản trở hiện tượng này? Một lần nữa, rào cản chính đối với sự tập trung chính trị cũng là nỗi lo sợ thay đổi: bất kỳ bè phái, băng nhóm hay chính khách nào ra sức tập trung quyền lực vào tay nhà nước cũng sẽ tập trung quyền lực vào tay họ, và điều này có thể gặp phải sự phẫn nộ của các bè phái, băng nhóm và cá nhân khác, những đối tượng sẽ trở thành kẻ thua cuộc về chính trị trong quá trình này. Thiếu sự tập trung chính trị không chỉ có nghĩa là thiếu luật pháp và trật tự trong phần lớn lãnh thổ mà còn có nghĩa là có quá nhiều tác nhân có quyền lực đủ lớn để ngăn chặn hay tàn phá mọi thứ, và nỗi lo sợ về sự chống đối và phản ứng bạo lực sẽ cản trở nhiều người lẽ ra đã có thể trở thành những người tập trung quyền lực chính trị. Sự tập trung chính trị chỉ có thể xảy ra khi một nhóm người có quyền lực đủ lớn so với những nhóm khác để xây dựng một nhà nước. Ở Somalia, quyền lực khá cân bằng, và

https://thuviensach.vn

không một nhóm nào có thể áp đặt nguyện vọng của họ lên nhóm khác. Do đó, tình trạng thiếu tập trung chính trị cứ tồn tại một cách dai dẳng.

NỖI KHỔ TRIỀN MIÊN CỦA CONGO

Khi bàn về những áp lực khiến thịnh vượng kinh tế trở nên vô cùng hiếm hoi trong các thể chế chiếm đoạt, hay để minh họa cho sự hòa hợp giữa các thể chế kinh tế và chính trị chiếm đoạt, chắc là khó có thể tìm thấy ví dụ nào điển hình hơn và nản lòng hơn Congo. Du khách Bồ Đào Nha và Hà Lan đến Kongo vào thế kỷ 15 và 16 đã nhận xét về sự "nghèo khổ bất hạnh" ở đó. Công nghệ còn thô sơ theo chuẩn mực châu Âu, người Kongo không có chữ viết, bánh xe hay cày bừa. Lý do của sự đói nghèo này, và sự miễn cưỡng không muốn áp dụng các công nghệ tốt hơn khi họ nhận thức về chúng thể hiện rõ ràng trong các tư liệu lịch sử hiện có. Đó là do bản chất chiếm đoạt của các thể chế kinh tế của đất nước.

Như ta đã thấy, Vương quốc Kongo được cai trị bởi nhà vua ở Mbanza, sau này là São Salvador. Những vùng đất ở xa kinh đô được cai trị bởi giới quyền thế đóng vai trò thống sứ của các vùng đất khác nhau trong vương quốc, của cải của giới quyền thế này dựa vào các đồn điền nô lệ xung quanh São Salvador và bòn rút thuế khóa từ phần còn lại của đất nước. Chế độ nô lệ đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế, được giới quyền thế sử dụng để cung cấp nô lệ cho các đồn điền riêng của họ và được người châu Âu sử dụng ở ven biển. Thuế khóa có tính chất tùy tiện; thuế thậm chí được thu mỗi khi chiếc mũ của nhà vua rơi xuống. Để trở nên thịnh vượng hơn, dân chúng Kongo sẽ phải tiết kiệm và đầu tư, ví dụ như thông qua việc mua cày bừa. Nhưng họ sẽ cảm thấy không đáng để làm thế, vì bất kỳ sản lượng dôi dư nào họ sản xuất ra bằng công nghệ tốt hơn cũng đều bị nhà vua và giới quyền thế chiếm đoạt. Thay vì đầu tư để gia tăng năng suất và bán sản phẩm ra chợ, người Kongo dời làng ra xa chợ; họ cố gắng càng ở xa đường càng tốt, để đỡ bị cướp bóc và trốn khỏi tầm tay của những kẻ buôn nô lệ.

https://thuviensach.vn

Do đó, đói nghèo của Kongo là hậu quả của những thể chế kinh tế chiếm đoạt đã ngăn chặn các động cơ của thịnh vượng và thậm chí còn làm cho những động cơ này quay theo chiều ngược lại. Chính phủ Kongo cung cấp rất ít dịch vụ công cho dân chúng, thậm chí không có cả những dịch vụ cơ bản như các quyền sở hữu bảo đảm hay luật pháp và trật tự. Thậm chí ngược lại, bản thân chính phủ còn là mối đe dọa lớn nhất đối với tài sản và nhân quyền của dân chúng. Thể chế nô lệ có nghĩa là thị trường cơ bản nhất, thị trường lao động có tính dung hợp - trong đó dân chúng có thể chọn nghề nghiệp hay việc làm phù hợp nhất để mang lại một nền kinh tế thịnh vượng, không hề tồn tại. Hơn nữa, các hoạt động thương mại và trao đổi hàng hóa đường dài được nhà vua kiểm soát và chỉ dành cho những kẻ liên kết với nhà vua. Cho dù giới quyền thế nhanh chóng trở nên biết chữ sau khi người Bồ Đào Nha du nhập chữ viết, nhà vua không cố gắng truyền bá chữ viết cho đại đa số dân chúng.

Tuy nhiên, cho dù "nghèo khổ bất hạnh" lan tràn khắp nơi, các thể chế chiếm đoạt của Kongo có lôgic hoàn hảo riêng của chúng: các thể chế đó làm cho một số ít người, những người có quyền lực chính trị, trở nên rất giàu có. Vào thế kỷ 16, vua Kongo và giới quý tộc có thể nhập khẩu hàng hóa xa xỉ của châu Âu và được hầu hạ bởi nhiều tùy tùng và nô lệ.

Gốc rễ của các thể chế kinh tế của xã hội Kongo nằm ở sự phân phối quyền lực chính trị trong xã hội và vì thế cũng nằm ở bản chất của các thể chế chính trị. Ngoài mối đe dọa bạo loạn, không có gì ngăn chặn nhà vua chiếm đoạt tài sản hay ngay chính thân xác của dân chúng. Cho dù mối đe dọa này là thực tế, nó vẫn không đủ để làm dân chúng hay tài sản của họ được đảm bảo. Các thể chế chính trị của Kongo thật sự chuyên chế nên quyền lực của nhà vua và giới quyền thế thực chất là vô hạn, và cách tổ chức xã hội đã khước từ mọi thứ đối với dân chúng.

Lẽ dĩ nhiên, không khó để thấy rằng các thể chế chính trị của Kongo tương phản rõ rệt với các thể chế chính trị dung hợp, trong đó quyền lực

https://thuviensach.vn

được giới hạn và được phân phối rộng rãi. Các thể chế chuyên chế của Kongo được duy trì bằng quân đội. Nhà vua có lực lượng quân đội thường trực gồm 5.000 quân vào giữa thế kỷ 17, với lực lượng nòng cốt 500 lính ngự lâm - một lực lượng đáng gờm lúc bấy giờ. Thật dễ hiểu tại sao vua và giới quyền thế nôn nóng sử dụng súng ống của châu Âu như thế.

Không có cơ hội cho tăng trưởng kinh tế bền vững trong hệ thống thể chế kinh tế này và thậm chí các động cơ khuyến khích tạo ra tăng trưởng nhất thời cũng hết sức hạn chế. Cải cách thể chế kinh tế để cải thiện quyền sở hữu tài sản cá nhân sẽ làm cho tổng thể xã hội Kongo trở nên thịnh vượng hơn. Nhưng không chắc rằng giới quyền thế sẽ hưởng lợi từ sự thịnh vượng rộng rãi này. Thứ nhất, cải cách sẽ làm cho giới quyền thế trở thành những người thiệt thòi về kinh tế, vì nó làm xói mòn những của cải mà việc mua bán nô lệ và các đồn điền nô lệ mang lại cho họ. Thứ hai, cải cách chỉ có thể xảy ra nếu quyền lực chính trị của nhà vua và giới quyền thế bị cắt giảm. Ví dụ, nếu vua tiếp tục chỉ huy 500 lính ngự lâm, ai sẽ tin vào một thông báo rằng chế độ nô lệ đã bị bãi bỏ? Điều gì sẽ ngăn nhà vua không đổi ý sau này? Sự bảo đảm thực tế duy nhất là sự thay đổi thể chế chính trị sao cho dân chúng giành được phần nào quyền lực chính trị hiện hành, cho họ có tiếng nói đối với việc thu thuế hay những gì lính ngự lâm được làm. Nhưng trong trường hợp này, ta ngờ rằng trong danh sách ưu tiên cao của dân chúng hẳn sẽ không còn lối sống và sự tiêu dùng xa hoa của nhà vua và giới quyền thế. Trong bối cảnh đó, những thay đổi tạo ra các thể chế kinh tế tốt hơn trong xã hội sẽ làm cho vua và giới quý tộc trở thành người thua cuộc cả về chính trị cũng như kinh tế.

Sự tương tác giữa các thể chế kinh tế và chính trị 500 năm trước đây vẫn phù hợp để ta tìm hiểu lý do khiến nhà nước Congo hiện đại vẫn nghèo khổ bất hạnh mãi cho đến ngày nay. Sự thống trị của châu Âu ở vùng đất này và sâu hơn trong lưu vực sông Congo vào thời kỳ “cướp bóc châu Phi” cuối thế kỷ 19 đã dẫn đến tình trạng không đảm bảo nhân quyền, và quyền sở hữu tài sản thậm chí còn quá đáng hơn so với Kongo thời trước thuộc

https://thuviensach.vn

địa. Thêm vào đó, thời kỳ này cũng tái diễn các thể chế chiếm đoạt và chế độ chuyên chế chính trị, trao quyền và làm giàu cho một ít người bằng tổn thất của đại đa số dân chúng, cho dù số ít người bây giờ là thực dân Bỉ, nổi tiếng nhất là vua Leopold II.

Khi Congo trở nên độc lập vào năm 1960, diễn biến thể chế kinh tế, động cơ khuyến khích và kết quả hệt như thế vẫn tái diễn. Các thể chế kinh tế chiếm đoạt của Congo một lần nữa vẫn được hỗ trợ bởi các thể chế chính trị mang tính chiếm đoạt cao độ. Tình hình còn trở nên tồi tệ hơn bởi thực dân châu Âu đã tạo ra chính thể Congo từ nhiều bang và xã hội tiền thuộc địa khác nhau mà nhà nước quốc gia được điều hành từ Kinshasa gần như không có thực lực kiểm soát. Cho dù tổng thống Mobutu sử dụng nhà nước để làm giàu cho bản thân và giới thân hữu của ông - ví dụ như thông qua chương trình "Zaire hóa" vào năm 1973, liên quan đến sự sung công quyền lợi kinh tế nước ngoài - ông đứng đầu một nhà nước phi tập trung, gần như không có thẩm quyền đối với phần lớn đất nước, và phải kêu gọi sự hỗ trợ của nước ngoài để ngăn chặn các tỉnh Katanga và Kassai ly khai vào thập niên 1960. Tình trạng thiếu tập trung chính trị này, gần như đến mức làm nhà nước hoàn toàn sụp đổ, là đặc điểm chung của Congo và phần lớn vùng hạ Sahara của châu Phi.

Đất nước Cộng hòa Dân chủ Congo hiện đại vẫn nghèo vì dân chúng không có những thể chế kinh tế tạo ra những động cơ khuyến khích cơ bản để làm cho xã hội thịnh vượng. Không phải yếu tố địa lý, văn hóa hay tình trạng thiếu hiểu biết của dân chúng hay các chính khách khiến cho Congo nghèo, mà chính là các thể chế kinh tế chiếm đoạt. Suy cho cùng, những thể chế này vẫn tồn tại qua hàng thế kỷ bởi vì quyền lực chính trị vẫn tiếp tục tập trung hạn hẹp trong tay giới quyền thế, những người không có động cơ bảo đảm các quyền sở hữu cho dân chúng, cung cấp các dịch vụ cơ bản giúp cải thiện chất lượng sống, hay khuyến khích tiến bộ kinh tế. Nói đúng hơn, họ chỉ quan tâm đến việc chiếm đoạt thu nhập và duy trì quyền lực. Họ không sử dụng quyền lực này để xây dựng một nhà nước tập trung, vì

https://thuviensach.vn

làm như thế sẽ tạo ra sự chống đối và thách thức chính trị giống như việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế có thể tạo ra. Hơn nữa, cũng giống như phần lớn hạ Sahara châu Phi còn lại, tình trạng đấu đá nội bộ được châm ngòi bởi các nhóm kình địch ra sức tranh giành quyền kiểm soát các thể chế chiếm đoạt đã tàn phá sự tập trung chính trị nhà nước mà lẽ ra đã có thể tồn tại.

Lịch sử của Vương quốc Kongo, và lịch sử gần đây hơn của đất nước Congo minh họa sống động cho cách thức các thể chế chính trị quyết định các thể chế kinh tế và qua đó cũng quyết định các động cơ kinh tế và phạm vi của tăng trưởng kinh tế như thế nào. Lịch sử Congo cũng minh họa mối quan hệ cộng sinh giữa chế độ chuyên chế chính trị và các thể chế kinh tế trao quyền và làm giàu cho một số ít người bằng tổn thất của đa số.

TĂNG TRƯỞNG TRONG CÁC THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ CHIẾM ĐOẠT

Congo ngày nay là một ví dụ cực đoan, với tình trạng vô luật pháp và các quyền sở hữu cực kỳ không bảo đảm. Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp, chủ nghĩa cực đoan không phục vụ cho quyền lợi của giới quyền thế, vì nó sẽ phá hủy toàn bộ các động cơ kinh tế và gần như không còn tạo ra nguồn lực để chiếm đoạt. Chủ đề trọng tâm của quyển sách này là: tăng trưởng kinh tế và thịnh vượng đi kèm với các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp, trong khi các thể chế chiếm đoạt thường dẫn đến đình trệ và đói nghèo. Nhưng điều này không có nghĩa là các thể chế chiếm đoạt không bao giờ tạo ra tăng trưởng, mà cũng không có nghĩa là mọi thể chế chiếm đoạt được tạo ra đều như nhau.

Có hai phương thức khác nhau nhưng bổ trợ lẫn nhau, qua đó tăng trưởng vẫn có thể xảy ra trong các thể chế chính trị chiếm đoạt. Thứ nhất, ngay cả nếu các thể chế kinh tế có tính chất chiếm đoạt, tăng trưởng vẫn có thể xảy ra khi giới quyền thế có thể trực tiếp phân bổ nguồn lực vào những

https://thuviensach.vn

hoạt động có năng suất cao do chính họ kiểm soát. Một ví dụ nổi bật về kiểu tăng trưởng này trong các thể chế chiếm đoạt là vùng đảo Caribê từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18. Hầu hết dân chúng đều là nô lệ làm việc trong điều kiện khắc nghiệt ở các đồn điền, cuộc sống chỉ ở ngay trên mức tồn tại tối thiểu. Nhiều người chết vì suy dinh dưỡng và kiệt sức. Ở Barbados, Cuba, Haiti và Jamaica thế kỷ 17 và 18, chỉ có một nhóm thiểu số, giới quyền thế chủ đồn điền, kiểm soát toàn bộ quyền lực chính trị và sở hữu toàn bộ tài sản, trong đó có toàn bộ nô lệ. Trong khi nhóm đa số không có quyền hạn gì thì của cải và tài sản của giới quyền thế chủ đồn điền được bảo vệ chặt chẽ. Bất chấp các thể chế kinh tế chiếm đoạt bóc lột đại đa số dân chúng một cách dã man, những hòn đảo này vẫn nằm trong số những nơi giàu có nhất thế giới, vì họ có thể sản xuất ra đường và bán trên thị trường thế giới. Nền kinh tế đảo chỉ đình trệ khi có nhu cầu chuyển sang các hoạt động kinh tế mới, đe dọa cả thu nhập và quyền lực chính trị của giới quyền thế chủ đồn điền.

Một ví dụ khác là sự tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hóa của Liên Xô từ Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất năm 1928 cho đến thập niên 1970. Các thể chế chính trị và kinh tế có tính chiếm đoạt cao độ, và các thị trường bị ngăn cấm nghiêm ngặt. Tuy nhiên, Liên Xô vẫn có thể đạt được sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng vì có thể sử dụng quyền lực nhà nước để dịch chuyển nguồn lực đang được sử dụng một cách phi hiệu quả trong hoạt động nông nghiệp sang công nghiệp.

Kiểu tăng trưởng thứ hai trong các thể chế chính trị chiếm đoạt phát sinh khi thể chế chính trị vẫn cho phép phát triển phần nào các thể chế kinh tế dung hợp, mặc dù không hoàn toàn. Nhiều xã hội với các thể chế chính trị chiếm đoạt sẽ tránh xa các thể chế kinh tế dung hợp do lo sợ sự phá hủy sáng tạo. Nhưng mức độ nắm giữ quyền lực một cách độc quyền của giới quyền thế thì mỗi nơi mỗi khác, ở một vài xã hội, vị thế của giới quyền thế được bảo đảm đủ để họ có thể cho phép sự dịch chuyển phần nào sang các thể chế kinh tế dung hợp khi họ khá chắc chắn rằng điều này sẽ không đe

https://thuviensach.vn

dọa quyền lực chính trị của họ. Một cách khác, có thể xảy ra tình huống lịch sử trong đó một chế độ chính trị chiếm đoạt thừa kế những thể chế kinh tế tương đối dung hợp, mà họ quyết định không ngăn chặn. Bối cảnh này sẽ mở ra con đường thứ hai trong đó tăng trưởng có thể xảy ra trong các thể chế chính trị chiếm đoạt.

Công nghiệp hóa nhanh chóng của Nam Triều Tiên dưới thời tướng Park là một ví dụ. Park lên cầm quyền thông qua một vụ đảo chính quân sự vào năm 1961, nhưng ông làm điều đó trong một xã hội được Hoa Kỳ ủng hộ mạnh mẽ và với một nền kinh tế có các thể chế kinh tế thực chất là dung hợp. Cho dù chế độ của Park có tính độc đoán, họ vẫn cảm thấy đủ đảm bảo để đẩy mạnh tăng trưởng, và trên thực tế họ đã làm điều đó hết sức chủ động - có lẽ một phần là do chế độ không trực tiếp được nâng đỡ bởi các thể chế kinh tế chiếm đoạt. Khác với Liên Xô và hầu hết các trường hợp tăng trưởng trong thể chế chiếm đoạt khác, Nam Triều Tiên chuyển đổi từ các thể chế chính trị chiếm đoạt sang các thể chế chính trị dung hợp vào thập niên 1980. Sự chuyển đổi thành công này là do sự hội tụ của nhiều yếu tố.

Cho đến thập niên 1970, các thể chế kinh tế ở Nam Triều Tiên đã trở nên đủ dung hợp để có thể làm giảm một trong những lý do cơ bản của các thể chế chính trị chiếm đoạt - giới quyền thế kinh tế không được lợi gì từ sự chi phối chính trị riêng của họ hay của quân đội. Sự công bằng tương đối về thu nhập ở Nam Triều Tiên cũng có nghĩa là giới quyền thế không có gì để lo sợ từ tính đa nguyên và dân chủ. Ảnh hưởng then chốt của Hoa Kỳ, nhất là ứng với mối đe dọa từ Bắc Triều Tiên, cũng có nghĩa là người ta không thể đàn áp phong trào dân chủ mạnh mẽ đang thách thức chế độ độc tài mãi được. Cho dù vụ ám sát tướng Park năm 1979 được tiếp nối bằng một vụ đảo chính quân sự khác dưới sự lãnh đạo của Chun Do-hwan, nhưng người kế nhiệm được chọn của Chun, Roh Tae-woo, đã phát động một quá trình cải cách chính trị dẫn đến sự củng cố nền dân chủ đa nguyên sau năm 1992. Lẽ dĩ nhiên, kiểu chuyển đổi này không diễn ra ở Liên Xô.

https://thuviensach.vn

Vì thế, sự tăng trưởng của đất nước Xô viết trở nên kiệt lực, và nền kinh tế bắt đầu sụp đổ vào thập niên 1980 rồi Liên bang Xô viết hoàn toàn giải tán vào thập niên 1990.

Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc ngày nay cũng có một vài điểm chung với kinh nghiệm của cả Liên Xô và Nam Triều Tiên. Trong khi những giai đoạn tăng trưởng ban đầu của Trung Quốc được dẫn dắt bằng cải cách thị trường triệt để trong lĩnh vực nông nghiệp, cải cách trong hoạt động công nghiệp im ắng hơn. Thậm chí ngày nay, nhà nước và Đảng đóng vai trò trung tâm trong việc quyết định lĩnh vực nào và công ty nào sẽ nhận thêm vốn và sẽ phát triển - trong quá trình đó họ dựng lên rồi lại phá vỡ cơ đồ. Cũng như ở Liên Xô trong những ngày hoàng kim, Trung Quốc đang tăng trưởng nhanh chóng, nhưng đó vẫn là sự tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt, dưới sự kiểm soát của nhà nước, gần như không có dấu hiệu chuyển đổi sang các thể chế chính trị dung hợp. Sự kiện các thể chế kinh tế Trung Quốc vẫn còn xa mức độ dung hợp hoàn toàn cũng cho thấy rằng sự chuyển đổi theo kiểu Nam Triều Tiên ít có khả năng xảy ra, dù vậy, lẽ dĩ nhiên không phải là bất khả thi.

Cũng đáng lưu ý rằng sự tập trung chính trị là yếu tố then chốt cho cả hai phương thức tăng trưởng trong các thể chế chính trị chiếm đoạt. Nếu không có một mức độ tập trung chính trị nhất định, giới quyền thế chủ đồn điền ở Barbados, Cuba, Haiti và Jamaica chắc hẳn đã không thể duy trì luật pháp và trật tự cũng như bảo vệ của cải và tài sản riêng của họ. Nếu không có sự tập trung chính trị đáng kể và sự kiểm soát chặt chẽ quyền lực chính trị, giới quyền thế quân đội Nam Triều Tiên và Đảng Cộng sản Trung Quốc chắc sẽ không cảm thấy đủ an toàn để thực hiện những cuộc cải cách kinh tế đáng kể và vẫn xoay sở để giữ vững quyền lực. Và nếu không có sự tập trung chính trị như vậy, nhà nước ở Liên Xô hay Trung Quốc chắc không thể điều phối hoạt động kinh tế để đưa nguồn lực hướng tới những lĩnh vực có năng suất cao. Do đó, ranh giới phân chia chính giữa các thể chế chính trị chiếm đoạt là mức độ tập trung chính trị. Những thể chế nào không có

https://thuviensach.vn

sự tập trung chính trị, như ở vùng hạ Sahara của châu Phi, sẽ thấy khó lòng đạt được ngay cả một sự tăng trưởng hạn chế.

Cho dù có thể tạo ra ít nhiều tăng trưởng, thông thường các thể chế chiếm đoạt sẽ không tạo ra tăng trưởng kinh tế bền vững, và chắc chắn không phải là kiểu tăng trưởng đi kèm với sự phá hủy sáng tạo. Khi cả thể chế chính trị và kinh tế đều có tính chiếm đoạt, sẽ không có các động cơ khuyến khích sự phá hủy sáng tạo và thay đổi công nghệ. Trong một thời gian, nhà nước có thể tạo ra sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng thông qua việc phân bổ nguồn lực và dân chúng bằng mệnh lệnh, nhưng quá trình đó thực chất chỉ có giới hạn. Khi chạm phải giới hạn, tăng trưởng sẽ dừng lại, như đã xảy ra ở Liên Xô vào thập niên 1970. Ngay cả khi đất nước Xô viết đạt được tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, vẫn ít có tiến bộ công nghệ trong hầu hết nền kinh tế, dù vậy, bằng cách rót nguồn lực khổng lồ vào quân đội, họ đã có thể phát triển công nghệ quân sự và thậm chí vượt lên trước Hoa Kỳ trong cuộc đua không gian và vũ khí hạt nhân trong một thời gian ngắn. Nhưng tăng trưởng mà không có sự phá hủy sáng tạo và không có đổi mới công nghệ trên diện rộng sẽ không thể duy trì bền vững và sẽ đi đến một kết thúc đột ngột.

Thêm vào đó, những cách bố trí giúp nâng đỡ tăng trưởng kinh tế trong các thể chế kinh tế chiếm đoạt có bản chất mong manh - chúng có thể sụp đổ hoặc có thể dễ dàng bị phá hủy bởi sự xâu xé nội bộ mà tự các thể chế chiếm đoạt sẽ tạo ra. Trên thực tế, các thể chế chính trị và kinh tế chiếm đoạt tạo ra một xu hướng chung là đấu đá nội bộ, vì chúng dẫn đến sự tập trung của cải và quyền lực vào tay một nhóm quyền thế hẹp. Nếu một nhóm khác có thể lấn lướt và thao túng nhóm quyền thế này và giành quyền kiểm soát nhà nước, họ sẽ là người thụ hưởng của cải và quyền lực này. Vì thế, như thảo luận của chúng ta về sự sụp đổ Đế quốc La Mã và các thành phố Maya sau này sẽ cho thấy, cuộc chiến tranh giành quyền kiểm soát nhà nước quyền lực tuyệt đối sẽ luôn luôn âm ỉ, sẽ gia tăng cường độ một cách định kỳ và làm hủy hoại các chế độ này, khi nó chuyển thành nội

https://thuviensach.vn

chiến và đôi khi thành sự sụp đổ hoàn toàn của nhà nước. Ý nghĩa của điều này là: ngay cả khi một xã hội trong các thể chế chiếm đoạt thoạt đầu đạt được mức độ tập trung nhà nước nhất định, điều đó sẽ không kéo dài. Trên thực tế, đấu tranh nội bộ để giành quyền kiểm soát các thể chế chiếm đoạt thường dẫn đến nội chiến và tình trạng vô luật pháp tràn lan, dẫn đến mất sự tập trung chính trị nhà nước kéo dài như ở nhiều quốc gia hạ Sahara châu Phi cũng như một vài nước châu Mỹ La-tinh và Nam Á.

Cuối cùng, khi tăng trưởng xảy ra trong các thể chế chính trị chiếm đoạt nhưng thể chế kinh tế có những khía cạnh dung hợp, như ở Nam Triều Tiên, luôn luôn có nguy cơ là các thể chế kinh tế sẽ trở nên chiếm đoạt hơn và tăng trưởng sẽ dừng lại. Những người kiểm soát quyền lực chính trị cuối cùng sẽ nhận thấy có lợi hơn khi sử dụng quyền lực để hạn chế cạnh tranh, gia tăng phần chia của họ trong chiếc bánh phúc lợi chung, hay thậm chí đánh cắp và cướp bóc từ những người khác thay vì hỗ trợ tiến bộ kinh tế. Sự phân phối quyền lực và khả năng sử dụng quyền lực cuối cùng sẽ xói mòn chính nền tảng của thịnh vượng kinh tế, trừ phi các thể chế chính trị được chuyển đổi từ chiếm đoạt sang dung hợp.

https://thuviensach.vn

4. NHỮNG KHÁC BIỆT NHỎ VÀ NHỮNG THỜI ĐIỂM QUYẾT ĐỊNH: SỨC NẶNG CỦA LỊCH SỬ

THẾ GIỚI MÀ DỊCH BỆNH TẠO RA

NĂM 1346, DỊCH HẠCH (hay còn gọi là Cái chết đen, "Black Death") lan đến thành phố cảng Tana nơi cửa sông Don đổ ra biển Đen. Lây truyền qua bọ chét sống trên chuột, bệnh dịch tràn đến nơi này theo chân những thương nhân buôn bán dọc theo Con đường Tơ lụa, con đường thương mại xuyên Á vĩ đại. Thông qua các lái buôn Genoa, chẳng bao lâu chuột lan truyền bọ chét và dịch hạch từ Tana ra khắp Địa Trung Hải. Đầu năm 1347, dịch tràn đến Constantinople. Mùa xuân năm 1348, dịch bệnh lan khắp nước Pháp và Bắc Phi rồi vào Ý, đất nước hình chiếc ủng. Trận dịch quét sạch khoảng một nửa dân số ở bất kỳ nơi nào nó đi qua. Nhà văn Ý Giovanni Boccaccio đã tận mắt chứng kiến sự xuất hiện của bệnh dịch ở thành phố Florence. Về sau ông nhớ lại:

Ngay khi dịch hạch ùa tới, mọi sự khôn ngoan và khéo léo của con người đều vô ích… nạn dịch bắt đầu bộc lộ rõ ràng các ảnh hưởng thảm họa một cách kinh hoàng và khác thường. Nó không có hình thức như ở phương Đông, ở đó ai chảy máu mũi là điềm báo về cái chết chắc chắn. Trái lại, triệu chứng sớm nhất là sự xuất hiện các hạch sưng tấy ở bẹn hay nách, một vài hạch có hình như quả trứng trong khi những hạch khác có kích thước của một quả táo… Về sau, các triệu chứng bệnh thay đổi, và nhiều người bắt đầu thấy những đốm đen và thâm trên cánh tay, đùi và những bộ phận khác trên cơ thể… Chống lại bệnh dịch… mọi lời khuyên của bác sĩ và mọi sức mạnh của thuốc thang đều vô ích… Và trong hầu hết

https://thuviensach.vn

các trường hợp, cái chết xảy ra chỉ trong vòng ba ngày từ khi xuất hiện các triệu chứng vừa mô tả.

Dân chúng ở Anh biết bệnh dịch sắp đến và ý thức về cái chết đang lơ lửng. Vào giữa tháng 8/1348, vua Edward III yêu cầu tổng giám mục Canterbury tổ chức cầu nguyện và nhiều giám mục viết thư để các tu sĩ đọc ở nhà thờ nhằm giúp giáo dân đối phó với những gì sắp xảy ra với họ. Cha Ralph xứ Shrewsbury, giám mục xứ Bath, viết cho các tu sĩ:

Chúa trời toàn năng sử dụng sấm sét và những tai họa khác từ quyền năng của Người để trừng phạt những người con mà Người muốn cứu rỗi. Vì lẽ đó, từ khi một dịch bệnh thảm khốc từ phương Đông tràn tới vương quốc láng giềng, chúng ta hết sức lo sợ rằng, trừ khi chúng ta không ngừng dốc lòng cầu nguyện, dịch bệnh tương tự sẽ vươn những cánh tay độc hại vào vương quốc này, đánh gục và bắt mất con dân chúng ta. Do đó, chúng ta phải đến xưng tội trước Người, cùng hát khúc thánh ca.

Điều đó cũng không có tác dụng. Dịch bệnh lan truyền và nhanh chóng giết chết khoảng một nửa dân số Anh. Những tai họa như vậy có thể ảnh hưởng to lớn đến thể chế của xã hội. Cũng dễ hiểu vì sao nhiều người đã hóa điên. Boccaccio nhận xét: “Có người cho rằng phương thức đúng đắn để ngăn ngừa tai họa kinh hoàng này là hãy uống cho say, tận hưởng trọn vẹn cuộc sống, rong chơi khắp nơi ca hát vui đùa, thỏa mãn mọi khao khát của chúng ta bất kỳ khi nào cơ hội mang đến, nhún vai trước mọi việc như trước một câu chuyện đùa… và đó là lý do khiến những người phụ nữ sau khi bình phục dường như trở nên ít đạo hạnh hơn”. Thế nhưng dịch bệnh cũng có một tác động chuyển hóa về mặt xã hội, kinh tế và chính trị đối với các xã hội châu Âu thời Trung cổ.

Bước sang thế kỷ 14, châu Âu sống trong trật tự xã hội phong kiến. Cách tổ chức xã hội này xuất hiện trước tiên ở Tây Âu sau khi Đế quốc La Mã sụp đổ, dựa vào mối quan hệ tôn ti trật tự giữa nhà vua và giới lãnh chúa bên dưới vua, với tầng lớp nông dân ở dưới đáy xã hội. Vua sở hữu và

https://thuviensach.vn

ban phát đất đai cho các lãnh chúa để đổi lấy dịch vụ quân đội. Sau đó, các lãnh chúa phân bổ đất cho nông dân; đổi lại, nông dân phải cật lực làm việc không được trả công và phải chịu nhiều loại thuế khóa và lệ phí nộp phạt. Nông dân "nô lệ", hay "nông nô", bị ràng buộc với đất, không thể bỏ đi nơi khác nếu không được phép của chủ nô, vốn không chỉ là địa chủ, mà còn là quan tòa, thẩm phán và cảnh sát. Đó là một hệ thống có tính chiếm đoạt cao độ, với của cải chảy ngược từ đa số nông dân lên thiểu số lãnh chúa.

Tình trạng khan hiếm lao động do nạn dịch hạch gây ra đã làm lung lay nền tảng trật tự phong kiến. Nó khuyến khích người nông dân đòi hỏi mọi thứ phải thay đổi. Ví dụ, ở Eysham Abbey, nông dân yêu cầu phải giảm bớt nhiều khoản phạt và lao động không công. Họ nhận được những gì họ muốn, và hợp đồng mới của họ bắt đầu bằng lời khẳng định: "Vào thời điểm tử vong hay dịch bệnh xảy ra vào năm 1349, hai tá điền hiếm hoi vẫn ở lại trong điền trang, và họ bày tỏ dự định ra đi trừ khi đạo hữu Nicholas xứ Upton, khi đó là cha trưởng tu viện và chủ điền trang, phải ký kết thỏa ước mới với họ".

Những gì xảy ra ở Eysham cũng xảy ra ở mọi nơi. Nông dân bắt đầu tự giải phóng khỏi các dịch vụ lao động cưỡng bức và nhiều nghĩa vụ với lãnh chúa. Tiền công bắt đầu tăng. Nhà nước cố gắng chấm dứt tình trạng này bằng cách ban hành Luật Lao động năm 1351, được mở đầu như sau:

Vì phần lớn nhân dân, đặc biệt là người lao động và phục vụ đã chết trong nạn dịch, nên một số người, nhìn thấy thực tế của chủ nhân và tình trạng khan hiếm người phục vụ, không muốn làm việc trừ khi họ nhận được tiền công quá đáng… Chúng ta, xem xét sự bất tiện nghiêm trọng xuất phát từ tình trạng thiếu thợ cày và người lao động, xét thấy phù hợp để ra lệnh như sau: mọi đàn ông và phụ nữ trong vương quốc Anh… sẽ phải phục vụ cho người xét thấy phù hợp để tìm kiếm lao động; và người lao động sẽ nhận tiền công, chế phục, phần thưởng hay lương ở nơi họ phục vụ như đã từng được hưởng vào năm trị vì thứ 20 của nhà vua Anh [Vua Edward III

https://thuviensach.vn

lên ngôi vào ngày 25/1/1327, vì thế năm thứ 20 ở đây là năm 1347] hay năm, sáu năm trước đó.

Bộ luật này thực chất là nỗ lực nhằm cố định tiền công ở mức từng trả trước nạn dịch hạch. Điều đặc biệt quan ngại đối với giới quyền thế Anh là "sự dụ dỗ" hay nỗ lực của một lãnh chúa nhằm thu hút nông nô khan hiếm từ một lãnh chúa khác. Giải pháp là trừng phạt bằng cách bỏ tù những người lao động ra đi mà không được phép của chủ nô:

Và nếu thợ gặt, người lao động hay người phục vụ khác bất kể ở vào điều kiện hay tình trạng nào, được giữ lại phục vụ cho một chủ nô, nhưng rời bỏ công việc phục vụ nói trên trước khi kết thúc thời hạn thỏa thuận mà không được phép hay không có nguyên nhân hợp lý, người đó sẽ bị phạt tù, và không ai… được phép trả công hay được thụ hưởng tiền công, chế phục, phần thưởng hay lương nhiều hơn so với trước kia như đã quy định trên đây.

Nỗ lực của nhà nước Anh để ngăn chặn sự thay đổi thể chế và tiền công xảy ra sau nạn dịch hạch đã không có tác dụng. Năm 1381, Khởi nghĩa Nông dân nổ ra, và các cuộc bạo loạn dưới sự lãnh đạo của Wat Tyler thậm chí đã chiếm phần lớn Luân Đôn. Cho dù cuối cùng họ bị đánh bại và Tyler bị hành quyết, nhưng không còn nỗ lực nào để cưỡng chế thi hành Luật Lao động nữa. Dịch vụ lao động phong kiến lụi tàn dần, một thị trường lao động có tính dung hợp bắt đầu nổi lên ở Anh, và tiền công gia tăng.

Trận dịch xem ra đã tác động đến phần lớn thế giới, và tỷ lệ tử vong ở mọi nơi là xấp xỉ nhau. Vì thế, tác động nhân khẩu học ở Đông Âu cũng giống như ở Anh và Tây Âu. Các áp lực xã hội và kinh tế cũng diễn ra tương tự. Lao động trở nên khan hiếm và dân chúng đòi hỏi nhiều tự do hơn. Nhưng ở Đông Âu, một lôgic trái ngược đã phát huy tác dụng mạnh mẽ. Ít người hơn có nghĩa là tiền công cao hơn trong một thị trường lao động dung hợp. Nhưng điều này mang lại cho giới lãnh chúa động cơ thôi

https://thuviensach.vn

thúc họ duy trì thị trường lao động có tính chất chiếm đoạt và sự phục dịch nô lệ. Ở Anh, động cơ này cũng nổi lên, như phản ánh qua bộ Luật Lao động. Nhưng người lao động có đủ sức mạnh để đạt được yêu sách của họ. Ở Đông Âu thì không được như vậy. Sau nạn dịch, giới địa chủ Đông Âu bắt đầu chiếm lĩnh những vùng đất rộng lớn và mở rộng sở hữu, vốn đã nhiều hơn so với ở Tây Âu. Các thành phố suy yếu hơn và ít dân cư hơn, và thay vì trở nên tự do hơn, người lao động bắt đầu thấy sự tự do hiện có của họ ngày càng bị xâm phạm nhiều hơn.

Các ảnh hưởng trở nên đặc biệt rõ ràng sau năm 1500 khi Tây Âu bắt đầu có nhu cầu về các sản phẩm nông nghiệp như lúa mì, lúa mạch đen và gia súc sản xuất ở Đông Âu. Có đến 80% lúa mạch đen nhập khẩu vào Amsterdam là từ các thung lũng sông Elbe, Vistula và Oder. Chẳng bao lâu, một nửa kim ngạch thương mại bùng phát của Hà Lan là với Đông Âu. Khi nhu cầu của Tây Âu ngày càng mở rộng, giới địa chủ Đông Âu siết chặt kiểm soát lực lượng lao động để gia tăng nguồn cung. Thời kỳ này được gọi là thời kỳ Nông nô thứ hai, đặc thù và có cường độ cao hơn so với hình thức ban đầu vào đầu thời Trung cổ. Giới lãnh chúa tăng thuế đối với đất riêng của nông dân và chiếm đoạt một nửa sản lượng. Ở Korczyn, Ba Lan, toàn bộ lao động cho địa chủ vào năm 1533 đều được trả công. Nhưng đến năm 1600, gần một nửa là lao động cưỡng bức không công. Năm 1500, người lao động ở Mecklenburg, miền đông nước Đức, mỗi năm chỉ có một vài ngày lao động không công. Đến năm 1550, số ngày lao động không công là một ngày mỗi tuần, và đến năm 1600 là ba ngày mỗi tuần. Con em người lao động phải làm việc không công cho địa chủ trong vài năm. Ở Hungary, địa chủ kiểm soát hoàn toàn đất đai vào năm 1514 và quy định mọi người lao động phải làm việc không công mỗi tuần một ngày. Năm 1550, quy định này tăng lên hai ngày mỗi tuần. Đến cuối thế kỷ là ba ngày mỗi tuần. Tỷ lệ nông nô phải chịu các quy định này lên đến 90% dân số nông thôn lúc bấy giờ.

https://thuviensach.vn

Cho dù vào năm 1346 gần như không có gì khác biệt giữa Đông và Tây Âu trên phương diện thể chế chính trị và kinh tế, nhưng đến năm 1600, hai khu vực này đã trở thành những thế giới riêng biệt. Ở Tây Âu, người lao động không bị lệ thuộc vào thuế khóa, lệ phí nộp phạt, cũng như các quy định phong kiến, và trở thành thành phần then chốt của một nền kinh tế thị trường bùng phát. Ở Đông Âu, người lao động cũng tham gia vào một nền kinh tế thị trường như vậy, nhưng với vai trò nông nô bị cưỡng bức phải trồng cây lương thực và nông sản theo nhu cầu của Tây Âu. Đó là một nền kinh tế thị trường, nhưng không có tính dung hợp. Sự phân hóa thể chế này là hệ quả của một tình huống trong đó sự khác biệt giữa hai vùng thoạt đầu tưởng chừng rất nhỏ: ở Đông Âu, giới lãnh chúa được tổ chức tốt hơn đôi chút; họ có nhiều quyền hơn và sở hữu đất đai có tính cố kết hơn. Các thành phố yếu hơn và nhỏ hơn, người nông dân ít tổ chức hơn. Trong hệ thống lịch sử hùng vĩ, đây chỉ là những khác biệt nhỏ nhặt. Thế nhưng những khác biệt nhỏ nhặt giữa Đông và Tây đã mang lại những hệ quả to lớn đối với cuộc sống của dân chúng và con đường phát triển thể chế tương lai khi trật tự phong kiến bị lung lay bởi nạn dịch hạch.

Nạn dịch hạch là một ví dụ sống động về một thời điểm quyết định, một biến cố lớn hay sự tụ hợp của nhiều yếu tố đã phá vỡ thế cân bằng kinh tế và chính trị hiện hữu trong xã hội. Thời điểm quyết định này là con dao hai lưỡi có thể dẫn đến bước ngoặt hoàn toàn trong quỹ đạo của một quốc gia. Một mặt, nó có thể mở đường để phá vỡ hệ thống thể chế chiếm đoạt và giúp những thể chế dung hợp hơn xuất hiện. Mặt khác, nó có thể tăng cường sự vươn lên của các thể chế chiếm đoạt, như trong thời kỳ Nông nô thứ hai ở Đông Âu.

Tìm hiểu cách thức các thời điểm lịch sử quan trọng định hình đường lối thể chế kinh tế và chính trị như thế nào sẽ giúp chúng ta có một lý thuyết hoàn chỉnh hơn về nguồn gốc của sự khác biệt về đói nghèo và thịnh vượng. Thêm vào đó, điều này cũng giúp chúng ta tìm hiểu vị thế các nước ngày nay và giải thích lý do khiến một số quốc gia chuyển đổi sang các thể

https://thuviensach.vn

chế kinh tế và chính trị dung hợp trong khi những quốc gia khác không làm điều đó.

TẠO RA CÁC THỂ CHẾ DUNG HỢP

Nước Anh độc đáo so với các nước khác khi họ đạt được sự đột phá về tăng trưởng kinh tế bền vững vào thế kỷ 17. Những thay đổi kinh tế to lớn được dẫn đường bằng một cuộc cách mạng chính trị mang lại một tập hợp thể chế kinh tế và chính trị khác biệt, mang tính dung hợp hơn nhiều so với xã hội trước đây. Các thể chế này chẳng những có ý nghĩa sâu sắc đối với các động cơ kinh tế và sự thịnh vượng, mà còn tác động đến vấn đề ai là người gặt hái lợi ích của sự phồn vinh. Các thể chế này không dựa vào sự đồng thuận, mà đúng ra, đó là kết quả của sự xung đột mãnh liệt khi các nhóm khác nhau tranh giành quyền lực, tranh đoạt thẩm quyền của những nhóm khác và ra sức cơ cấu các thể chế nghiêng về phía mình. Đỉnh cao của các cuộc chiến tranh thể chế vào thế kỷ 16 và 17 là hai sự kiện bước ngoặt: cuộc nội chiến Anh từ năm 1642 đến 1651, và đặc biệt là cuộc Cách mạng Vinh quang năm 1688.

Cuộc Cách mạng Vinh quang đã hạn chế quyền lực của nhà vua và nhánh hành pháp, cũng như giao cho Quốc hội thẩm quyền quyết định các thể chế kinh tế. Đồng thời, Cách mạng cũng mở rộng hệ thống chính trị cho toàn thể xã hội tham gia, những người có thể phát huy ảnh hưởng đáng kể đối với đường lối điều hành nhà nước. Cuộc Cách mạng Vinh quang là nền móng để tạo ra một xã hội đa nguyên, xây dựng và tăng tốc quá trình tập trung hóa chính trị. Cuộc cách mạng này đã tạo ra hệ thống thể chế chính trị dung hợp đầu tiên trên thế giới.

Như một hệ quả, các thể chế kinh tế cũng bắt đầu trở nên dung hợp hơn. Ở Anh vào đầu thế kỷ 17 không có sự tồn tại của nô lệ mà cũng chẳng có sự hạn chế kinh tế hà khắc của thời phong kiến Trung cổ như chế độ nông nô. Tuy thế vẫn còn nhiều hạn chế đối với những hoạt động kinh tế

https://thuviensach.vn

mà dân chúng được phép tham gia. Nền kinh tế trong nước và quốc tế đều bị bóp nghẹt bởi các thế lực độc quyền. Nhà nước đánh thuế tùy tiện và thao túng hệ thống luật pháp. Hầu hết đất đai bị thâu tóm dưới những hình thức quyền sở hữu cổ xưa khiến người ta không thể mua bán và thật rủi ro khi đầu tư vào đó.

Điều này đã thay đổi từ sau cuộc Cách mạng Vinh quang. Chính phủ ban hành một hệ thống thể chế kinh tế mang lại động cơ khuyến khích đầu tư, thương mại và đổi mới. Chính phủ kiên quyết thực thi các quyền sở hữu tài sản, bao gồm việc cấp bằng phát minh về quyền sở hữu ý tưởng, qua đó mang lại sự kích thích phát minh đổi mới. Chính phủ bảo vệ luật pháp và trật tự. Điều chưa từng thấy trong lịch sử là việc áp dụng luật pháp Anh cho toàn thể mọi công dân. Việc đánh thuế tùy tiện chấm dứt, và các độc quyền bị bãi bỏ gần như hoàn toàn. Nhà nước Anh tích cực đẩy mạnh các hoạt động giao thương và thúc đẩy công nghiệp nội địa, không chỉ thông qua việc phá bỏ các hàng rào cản trợ sự mở rộng hoạt động công nghiệp mà còn trao toàn quyền cho hải quân Anh để bảo vệ quyền lợi thương mại. Thông qua việc hợp lý hóa các quyền sở hữu tài sản, chính phủ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đường bộ, kênh đào, và về sau là đường sắt, vô cùng thiết yếu để tăng trưởng công nghiệp.

Những yếu tố nền tảng này đã làm thay đổi triệt để các động cơ khuyến khích dân chúng và thúc đẩy các động lực của thịnh vượng, lát đường cho cuộc Cách mạng công nghiệp. Đầu tiên và trên hết, cuộc Cách mạng công nghiệp phụ thuộc vào những tiến bộ công nghệ to lớn giúp khai thác nền tảng tri thức đã tích lũy ở châu Âu trong những thế kỷ qua. Đó là sự cắt đứt triệt để với quá khứ, và điều này sở dĩ trở nên khả thi là nhờ vào nghiên cứu khoa học và tài năng của những cá nhân độc đáo. Toàn bộ sức mạnh của cuộc cách mạng này đều xuất phát từ thị trường; chính thị trường đã tạo ra những cơ hội lợi nhuận để công nghệ có thể được triển khai và áp dụng. Chính bản chất dung hợp của thị trường đã cho phép dân chúng đưa tài năng của mình vào những ngành nghề kinh doanh phù hợp. Điều này

https://thuviensach.vn

cũng dựa vào trình độ học vấn và kỹ năng, vì chính trình độ học vấn tương đối cao, ít nhất theo các tiêu chuẩn lúc bấy giờ, mới có thể tạo ra những nghiệp chủ có tầm nhìn để khai thác công nghệ mới cho hoạt động kinh doanh và tìm kiếm người lao động có kỹ năng để sử dụng.

Chẳng phải ngẫu nhiên mà cuộc Cách mạng công nghiệp bắt đầu ở Anh một vài thập niên sau cuộc Cách mạng Vinh quang. Những nhà phát minh vĩ đại như James Watt (phát minh ra động cơ hơi nước), Richard Trevithick (người chế tạo đầu máy xe lửa chạy bằng hơi nước đầu tiên), Richard Arkwright (người phát minh ra máy kéo sợi) và Isambard Kingdom Brunel (người phát minh ra tàu thủy chạy bằng hơi nước mang tính cách mạng) đã có thể chớp lấy thời cơ kinh tế được tạo ra bởi các ý tưởng của họ, tin chắc rằng quyền sở hữu tài sản của họ sẽ được tôn trọng, và họ sẽ tiếp cận với thị trường, nơi các phát minh của họ có thể được bán và được sử dụng để mang lại lợi nhuận. Năm 1775, ngay sau khi được gia hạn bằng phát minh về động cơ hơi nước, mà ông gọi là "động cơ lửa", James Watt viết thư cho cha ông:

Kính thưa Cha,

Sau một loạt những sự chống đối kịch hệt, cuối cùng con đã nhận được Chứng nhận của Quốc hội cấp bằng sở hữu các động cơ lửa mới cho con và những người con chỉ định, trên khắp nước Anh và các đồn điền thuộc địa trong 25 năm tới, mà con hy vọng sẽ rất có lợi cho con, vì hiện nay đã có nhu cầu đáng kể về các động cơ này.

Bức thư này bộc lộ hai điều. Thứ nhất, Watt được thúc đẩy bởi những cơ hội thị trường mà ông đã nhìn thấy trước, thông qua "nhu cầu đáng kể" ở Anh và các đồn điền thuộc địa ở hải ngoại. Thứ hai, bức thư cũng cho thấy ông đã có thể tác động đến Quốc hội để có được điều ông muốn vì Quốc hội đã đáp ứng lại các yêu cầu của các cá nhân và nhà phát minh.

https://thuviensach.vn

Tiến bộ công nghệ, động lực của doanh nghiệp để mở rộng và đầu tư, và việc sử dụng hiệu quả các kỹ năng và tài năng đều trở nên khả thi thông qua các thể chế kinh tế dung hợp đã được xây dựng ở Anh. Đến lượt mình, các thể chế kinh tế dung hợp này được hình thành trên các thể chế chính trị dung hợp.

Nước Anh xây dựng các thể chế chính trị dung hợp nhờ vào hai yếu tố. Thứ nhất là các thể chế chính trị, bao gồm một nhà nước tập quyền, giúp đất nước thực hiện bước tiến triệt để tiếp theo - mà thật ra là một bước tiến chưa từng thấy - hướng tới các thể chế dung hợp khi cuộc Cách mạng Vinh quang nổ ra. Tuy yếu tố này làm nước Anh trở nên khác biệt so với phần lớn thế giới, nó không làm đất nước trở nên khác biệt đáng kể so với các nước Tây Âu khác như Pháp và Tây Ban Nha. Quan trọng hơn là yếu tố thứ hai. Những biến cố dẫn đến cuộc Cách mạng Vinh quang đã hun đúc nên một liên minh rộng lớn và hùng mạnh, có thể áp đặt giới hạn chắc chắn đối với quyền lực của nền quân chủ và của nhánh hành pháp, những thể chế buộc phải tiếp nhận nhu cầu của liên minh này. Điều này lát đường cho các thể chế chính trị đa nguyên, mà sau đó cho phép các thể chế kinh tế đặt nền tảng cho cuộc Cách mạng công nghiệp đầu tiên phát triển.

NHỮNG KHÁC BIỆT NHỎ NHẶT CÓ Ý NGHĨA

Sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới ngày càng gia tăng sau cuộc Cách mạng công nghiệp ở nước Anh vì chỉ có một vài nơi trên thế giới áp dụng các phát minh và công nghệ mới mà những người như Arkwright, Watt và nhiều người sau đó đã tạo ra. Phản ứng của các quốc gia khác nhau trước làn sóng công nghệ này, làn sóng quyết định họ sẽ suy tàn trong nghèo đói hay đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững, chủ yếu được định hình bởi con đường phát triển thể chế khác nhau trong lịch sử của đất nước họ. Cho đến giữa thế kỷ 18, đã có những khác biệt nổi bật về thể chế chính

https://thuviensach.vn

trị và kinh tế trên khắp thế giới. Nhưng những khác biệt này xuất phát từ đâu?

Năm 1688, các thể chế chính trị của Anh tiếp tục lộ trình ngày càng trở nên đa nguyên hơn so với ở Pháp và Tây Ban Nha, nhưng nếu ta đi ngược thời gian trở về 100 năm trước đây, năm 1588, sự khác biệt này dường như không có gì đáng kể. Cả ba nước đều được cai trị bằng chế độ quân chủ chuyên chế: Nữ hoàng Elizabeth I ở Anh, Philip II ở Tây Ban Nha và Henry III ở Pháp. Cả ba nước đều đấu tranh với các hội đồng lập pháp của nhân dân - như Quốc hội Anh, Quốc hội Tây Ban Nha (Cortes) và Quốc hội phong kiến Pháp (Estates-General) - đang đòi hỏi nhiều quyền hơn và đòi kiểm soát nền quân chủ. Các hội đồng lập pháp này có quyền lực và phạm vi ít nhiều khác nhau. Ví dụ, Quốc hội Anh và Quốc hội Tây Ban Nha có quyền đối với hệ thống thuế khóa, trong khi Quốc hội phong kiến Pháp không có. Ở Tây Ban Nha, điều này không quan trọng lắm, vì sau năm 1492, vua Tây Ban Nha đã có thuộc địa châu Mỹ rộng lớn và thu lợi khổng lồ từ vàng bạc khai thác ở đó. Ở Anh thì khác. Nữ hoàng Elizabeth I kém độc lập về tài chính hơn, nên bà phải xin Quốc hội tăng thêm thuế. Đổi lại, Quốc hội yêu cầu Nữ hoàng phải nhượng bộ, cụ thể là hạn chế quyền tạo ra các hoạt động độc quyền của Nữ hoàng. Đó là sự xung đột mà Quốc hội đã dần dần chiến thắng. Ở Tây Ban Nha, Quốc hội Cortes đã thua trong cuộc xung đột tương tự. Hoạt động thương mại không chỉ có tính độc quyền, mà còn bị độc quyền hóa bởi chính nền quân chủ Tây Ban Nha.

Những điểm khác biệt này, thoạt đầu xem ra nhỏ bé, bắt đầu trở nên quan trọng hơn nhiều vào thế kỷ 17. Cho dù châu Mỹ được khám phá vào năm 1492 và Vasco da Gama đã đến Ấn Độ bằng cách đi vòng qua Mũi Hảo Vọng ở cực nam châu Phi vào năm 1498, nhưng mãi đến sau năm 1600 thì sự mở rộng thương mại thế giới mới bắt đầu diễn ra, đặc biệt là ở Đại Tây Dương. Năm 1585, quá trình thuộc địa hóa Bắc Mỹ của người Anh bắt đầu trước tiên ở Roanoke, nơi hiện nay là Bắc Carolina. Năm 1600,

https://thuviensach.vn

Công ty Đông Ấn thuộc Anh ra đời và đến năm 1602 được tiếp bước bằng Công ty Đông Ấn thuộc Hà Lan. Năm 1607, công ty Virginia thành lập khu thuộc địa Jamestown. Cho đến thập niên 1620, vùng Caribê đã trở thành thuộc địa, với Barbados bị chiếm đóng vào năm 1627. Pháp cũng bành trướng thế lực ở Đại Tây Dương, thành lập thành phố Québec năm 1608 như một thủ đô mới của nước Pháp ở nơi hiện giờ là Canada. Sự mở rộng kinh tế này có những hệ quả hết sức khác nhau đối với thể chế của Anh so với Tây Ban Nha và Pháp do những khác biệt nhỏ bé ban đầu.

Nữ hoàng Elizabeth I và những người kế nhiệm bà không thể độc quyền hóa hoạt động thương mại với châu Mỹ. Nhưng các vương triều châu Âu khác thì có thể làm được điều đó. Vì thế, trong khi ở Anh, hoạt động thương mại và thuộc địa hóa Đại Tây Dương bắt đầu tạo ra một tầng lớp thương nhân giàu có đông đúc gần như không có quan hệ với triều đình, thì điều này không xảy ra ở Tây Ban Nha hay Pháp. Các nhà buôn Anh phẫn nộ vì sự kiểm soát của triều đình và đòi hỏi thay đổi thể chế chính trị, giới hạn các đặc quyền của triều đình. Họ đóng một vai trò quan trọng trong cuộc nội chiến Anh và Cách mạng Vinh quang. Những xung đột tương tự cũng xảy ra ở mọi nơi. Ví dụ, các nhà vua Pháp cũng đứng trước cuộc bạo loạn Fronde từ năm 1648 đến 1652. Điểm khác biệt là: ở Anh, những người chống đối chủ nghĩa chuyên chế có nhiều khả năng thắng thế hơn vì họ tương đối giàu có và đông đảo hơn so với những người chống đối chủ nghĩa chuyên chế ở Tây Ban Nha và Pháp.

Các lộ trình phân hóa của xã hội Anh, Pháp và Tây Ban Nha vào thế kỷ 17 minh họa cho tầm quan trọng của sự tác động qua lại giữa những khác biệt thể chế nhỏ nhặt với các thời điểm quyết định. Vào những thời điểm quyết định, một biến cố lớn hay sự hội tụ của nhiều yếu tố sẽ làm phá vỡ thế cân bằng quyền lực chính trị hay kinh tế của một nước. Điều này có thể ảnh hưởng đến một đất nước riêng lẻ, như cái chết của chủ tịch Mao Trạch Đông vào năm 1976, mà ban đầu đã tạo ra thời điểm quyết định chỉ đối với đất nước Trung Quốc mà thôi. Tuy nhiên, thông thường, những thời

https://thuviensach.vn

điểm quyết định thường ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống các xã hội, theo kiểu như quá trình thuộc địa hóa rồi tiếp đến là phong trào giành độc lập đã ảnh hưởng đến phần lớn quả địa cầu.

Những thời điểm đó quan trọng bởi vì tồn tại những rào cản khổng lồ, vốn là kết quả của sự hòa hợp và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thể chế chính trị và kinh tế chiếm đoạt, chống lại những cải thiện có tính tiệm tiến. Sự tồn tại dai dẳng của vòng lặp phản hồi này tạo ra một vòng xoáy đi xuống. Những người hưởng lợi từ nguyên trạng là những người giàu có và được tổ chức tốt, họ có thể đấu tranh hữu hiệu chống lại những thay đổi lớn làm mất đi đặc quyền kinh tế và thế lực chính trị của họ.

Một khi thời điểm quyết định đã đến, những khác biệt nhỏ nhặt có ý nghĩa là những khác biệt thể chế ban đầu có khả năng kích động những phản hồi hết sức khác nhau. Đó là lý do khiến sự khác biệt thể chế tương đối nhỏ nhặt ở Anh, Pháp và Tây Ban Nha đã dẫn đến những lộ trình phát triển khác nhau một cách cơ bản. Các lộ trình phát triển này đã hình thành từ thời điểm quyết định được tạo ra bởi các cơ hội kinh tế dành cho người châu Âu thông qua hoạt động thương mại Đại Tây Dương.

Thậm chí nếu những khác biệt thể chế nhỏ nhặt cũng trở thành hết sức quan trọng vào những thời điểm quyết định, và không phải mọi khác biệt thể chế đều nhỏ, thì lẽ tự nhiên, những khác biệt thể chế lớn hơn sẽ dẫn đến những diễn biến càng phân hóa hơn vào những thời điểm quyết định như vậy. Trong khi sự khác biệt thể chế giữa Anh và Pháp chỉ là nhỏ nhặt vào năm 1588, sự khác biệt giữa Tây Âu và Đông Âu thì to lớn hơn nhiều. Ở Tây Âu, các nhà nước tập quyền hùng mạnh như Anh, Pháp và Tây Ban Nha đã có các thể chế hiến pháp tiềm tàng (Quốc hội Anh, Quốc hội Tây Ban Nha và Quốc hội phong kiến Pháp). Đồng thời, cũng có những điểm tương đồng cơ bản trong các thể chế kinh tế, chẳng hạn như ở các nước này không có chế độ nông nô.

https://thuviensach.vn

Ở Đông Âu thì khác. Chẳng hạn như Vương quốc Poland-Lithuanis được cai trị bởi một tầng lớp quyền thế gọi là Szlachta có nhiều thế lực đến mức họ đã tiến hành bầu nhà vua. Đây không phải là sự cai trị tuyệt đối như ở Pháp dưới thời Vua Louis XIV - Hoàng đế Mặt trời - mà là chủ nghĩa chuyên chế của giới quyền thế, các thể chế chính trị chiếm đoạt cùng một giuộc. Giới quyền thế Szlachta cai trị một xã hội, chủ yếu là xã hội nông thôn, bao gồm tầng lớp nông nô, những người không được tự do đi lại hay tự do về cơ hội kinh tế. Xa hơn về phía đông, hoàng đế Nga - Peter Đại đế - cũng tăng cường chủ nghĩa chuyên chế với cường độ cao và thậm chí còn có tính chiếm đoạt hơn nhiều so với mức độ mà vua Louis XIV có thể xoay sở đạt được. Bản đồ 8 trình bày một cách thức đơn giản để nhận thức về mức độ phân hóa giữa Đông và Tây Âu vào đầu thế kỷ 19. Bản đồ 8 cho thấy một đất nước có chế độ nông nô hay không vào năm 1800. Những nước màu tối là những nước có chế độ nông nô; những nước màu sáng không có chế độ nông nô. Đông Âu màu tối, Tây Âu màu sáng.

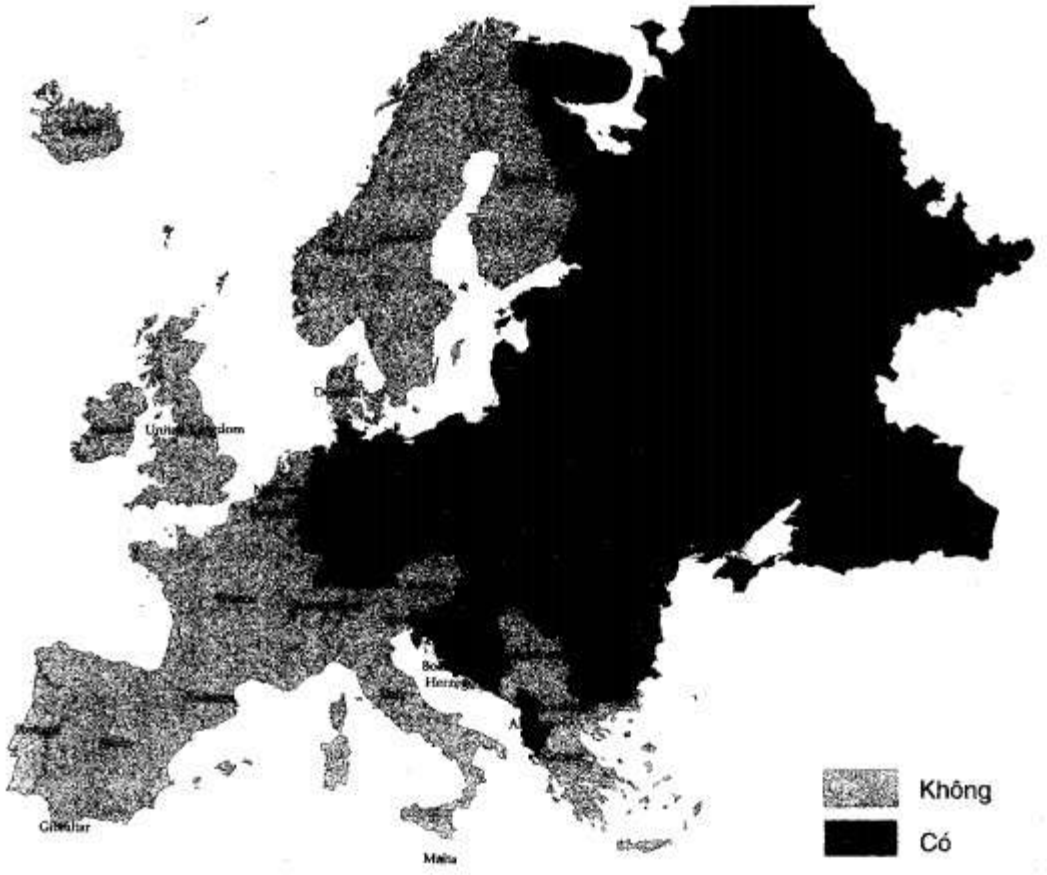

https://thuviensach.vn

Bản đồ 8: Chế độ nông nô ở châu Âu năm 1800 (p.148)

Tuy nhiên, các thể chế Tây Âu không phải lúc nào cũng khác biệt đến thế so với Đông Âu. Như ta đã thấy trên đây, cả hai vùng bắt đầu phân hóa vào thế kỷ 14 khi nạn dịch hạch bùng phát vào năm 1346. Khi ấy chỉ có những khác biệt nhỏ về thể chế chính trị và kinh tế giữa Đông và Tây Âu. Anh và Hungary thậm chí còn được cai trị bởi các thành viên của cùng một gia đình, nhà Angevins. Những khác biệt thể chế quan trọng hơn đã xuất hiện sau khi nạn dịch hạch tạo thành nền tảng để từ đó sự phân hóa đáng kể hơn giữa Đông và Tây bộc lộ dần trong các thế kỷ 17, 18 và 19.

Nhưng sự khác biệt thể chế nhỏ nhặt khơi mào cho quá trình phân hóa thoạt tiên đã bắt nguồn từ đâu? Tại sao Đông Âu có các thể chế chính trị và kinh tế khác với Tây Âu vào thế kỷ 14? Tại sao cán cân quyền lực giữa nhà vua và Quốc hội Anh khác với ở Pháp và Tây Ban Nha? Như ta sẽ thấy trong chương sau, ngay cả những xã hội ít phức tạp hơn xã hội hiện đại của chúng ta ngày nay cũng tạo ra những thể chế chính trị và kinh tế có tác động mạnh mẽ đối với cuộc sống của các thành viên trong xã hội. Điều này đúng ngay cả đối với những người săn bắn hái lượm, như ta thấy qua những xã hội còn sống sót, chẳng hạn như bộ tộc San ở đất nước Botswana hiện đại, vốn không có hoạt động nông nghiệp hay thậm chí còn không định cư lâu dài.

Hai xã hội khác nhau không thể tạo ra những thể chế như nhau; họ có tập quán khác nhau, hệ thống các quyền sở hữu khác nhau và cách thức khác nhau để chia sẻ một con thú bị giết hay những phẩm vật cướp được từ những bộ tộc khác. Một số xã hội sẽ công nhận thẩm quyền của các bậc trưởng lão, còn những xã hội khác thì không; một số xã hội sẽ đạt được mức độ tập trung hóa chính trị từ rất sớm, nhưng những xã hội khác thì không. Các xã hội không ngừng trải qua xung đột chính trị và kinh tế, được giải quyết theo những cách thức khác nhau do những khác biệt lịch sử cụ thể, vai trò của các cá nhân, hay chỉ là những yếu tố ngẫu nhiên.

https://thuviensach.vn

Những điểm khác biệt này thoạt đầu chỉ là nhỏ nhặt, nhưng tích lũy dần tạo thành một quá trình phân hóa thể chế. Cũng hệt như hai nhóm dân số riêng biệt của các sinh vật sẽ phân hóa từ từ rời xa nhau trong một quá trình lạc dòng (hay phiêu bạt) di truyền, do sự đột biến gien ngẫu nhiên tích lũy dần dần, thì hai xã hội lẽ ra là tương tự nhau cũng sẽ từ từ phân hóa xa rời nhau về mặt thể chế. Tuy nhiên, cũng như sự phân hóa gien, sự phân hóa thể chế không có một lộ trình định trước và thậm chí không nhất thiết có tính tích lũy; nhưng qua nhiều thế kỷ, nó có thể dẫn đến những khác biệt khá rõ rệt, đôi khi quan trọng. Những khác biệt tạo ra bởi sự phân hóa thể chế có hệ lụy dài lâu, vì chúng tác động đến cách thức xã hội phản ứng trước sự thay đổi tình thế kinh tế hay chính trị vào những thời điểm quyết định.

Những mô thức phân hóa phong phú về phát triển kinh tế trên thế giới phụ thuộc vào tác động qua lại giữa sự phân hóa thể chế và những thời điểm quyết định. Các thể chế chính trị và kinh tế hiện hữu - đôi khi được định hình bởi một quá trình phân hóa thể chế lâu dài và đôi khi là hệ quả của những phản ứng khác nhau trong những thời điểm quyết định trước đây - tạo ra một cái đe để trên đó rèn giũa nên những thay đổi tương lai. Nạn dịch hạch và sự mở rộng thương mại thế giới sau năm 1600 là thời điểm quyết định đối với giới quyền thế châu Âu và sự kiện này tương tác với các thể chế ban đầu khác nhau tạo thành sự phân hóa đáng kể. Vì ở Tây Âu vào năm 1346, người nông dân có nhiều quyền lực và tự trị hơn so với ở Đông Âu, nên nạn dịch hạch dẫn đến sự pha loãng chủ nghĩa phong kiến ở Tây Âu nhưng lại dẫn đến thời kỳ Nông nô thứ hai ở Đông Âu. Vì Đông và Tây Âu đã bắt đầu phân hóa từ thế kỷ 14, nên các cơ hội kinh tế mới của thế kỷ 17, 18 và 19 cũng có những ý nghĩa khác nhau một cách cơ bản đối với hai vùng. Vì năm 1600, quyền lực của triều đình Anh suy yếu hơn so với Pháp và Tây Ban Nha, nên hoạt động thương mại Đại Tây Dương đã mở đường cho sự ra đời của những thể chế mới ở Anh có tính đa nguyên hơn, nhưng đồng thời lại củng cố chế độ quân chủ của Pháp và Tây Ban Nha.

https://thuviensach.vn

LỘ TRÌNH NGẪU NHIÊN CỦA LỊCH SỬ

Kết quả của những biến cố xảy ra vào những thời điểm quyết định được định hình bởi sức nặng của lịch sử, khi các thể chế kinh tế và chính trị hiện hữu định hình cán cân quyền lực và cho ta thấy những gì khả thi về mặt chính trị. Tuy nhiên, kết quả không do lịch sử quyết định từ trước mà có tính ngẫu nhiên. Lộ trình phát triển thể chế chính xác trong những thời kỳ này phụ thuộc vào việc thế lực nào trong các thế lực đối lập sẽ thành công, nhóm nào sẽ có thể tạo thành những liên minh hữu hiệu, và nhà lãnh đạo nào sẽ có thể dàn xếp các biến cố theo cách có lợi cho mình.

Vai trò của tính ngẫu nhiên có thể được minh họa qua nguồn gốc của các thể chế chính trị dung hợp ở Anh. Chẳng những không có gì định trước chiến thắng của những nhóm đấu tranh nhằm hạn chế quyền lực của nhà vua và đòi hỏi các thể chế đa nguyên hơn trong cuộc Cách mạng Vinh quang năm 1688, mà toàn bộ lộ trình dẫn đến cuộc cách mạng chính trị này cũng chỉ là ân huệ của những biến cố ngẫu nhiên. Thắng lợi của các nhóm chiến thắng có một mối quan hệ không gì lay chuyển với thời điểm quyết định phát sinh do sự gia tăng thương mại Đại Tây Dương giúp làm giàu cho giới thương nhân và giúp họ có gan chống lại nhà vua. Nhưng một thế kỷ trước đó, chẳng ai biết chắc rằng nước Anh sẽ có khả năng chế ngự biển cả, thuộc địa hóa nhiều vùng đất ở Caribê và Bắc Mỹ, hay thâu tóm những hoạt động thương mại béo bở với châu Mỹ và phương Đông, cả Nữ hoàng Elizabeth I và vương triều Tudor trước bà đều không xây dựng được một lực lượng hải quân hùng mạnh thống nhất. Hải quân Anh dựa vào các hải thuyền tư nhân và tàu buôn độc lập, và yếu thế hơn nhiều so với đội tàu Tây Ban Nha. Tuy nhiên, lợi nhuận từ hoạt động thương mại Đại Tây Dương đã thu hút các hải thuyền tư nhân, thách thức sức mạnh độc quyền của Tây Ban Nha trên đại dương. Năm 1588, Tây Ban Nha quyết định đặt dấu chấm hết cho những thách thức đối với thế lực độc quyền của họ, cũng như chấm dứt sự can thiệp của Anh vào Hà Lan, lúc bấy giờ thuộc Tây Ban Nha nhưng đang đấu tranh giành độc lập.

https://thuviensach.vn

Vua Tây Ban Nha Philip II phái đoàn tàu Armada hùng mạnh dưới sự lãnh đạo của công tước Medina Sidonia đi thực hiện sứ mệnh này. Có vẻ như nhiều người ngay từ đầu đã kết luận rằng Tây Ban Nha dứt khoát sẽ đánh bại Anh, củng cố thế lực độc quyền trên Đại Tây Dương, và có thể hạ bệ Nữ hoàng Elizabeth I, và cuối cùng sẽ giành quyền kiểm soát quần đảo Anh. Thế nhưng sự việc đã diễn ra hoàn toàn khác. Thời tiết xấu và sai lầm chiến lược của Sidonia, người nhận trách nhiệm vào giây phút cuối cùng sau khi một vị chỉ huy nhiều kinh nghiệm hơn qua đời, đã làm cho đoàn tàu Armada Tây Ban Nha mất đi lợi thế. Dựa vào tất cả những yếu tố tình cờ này, quân Anh phá tan phần lớn đoàn tàu của một đối thủ hùng mạnh hơn họ. Đại Tây Dương giờ đây mở ra cho người Anh trong một thế trận cân bằng hơn. Nếu không có chiến thắng bất ngờ này của nước Anh, những biến cố tạo ra thời điểm chuyển đổi quan trọng và sản sinh ra các thể chế chính trị đa nguyên của nước Anh sau năm 1688 chắc chẳng bao giờ xảy ra được. Bản đồ 9 trình bày dấu vết đắm tàu của Tây Ban Nha khi đoàn tàu Armada bị săn đuổi quanh quần đảo Anh.

https://thuviensach.vn

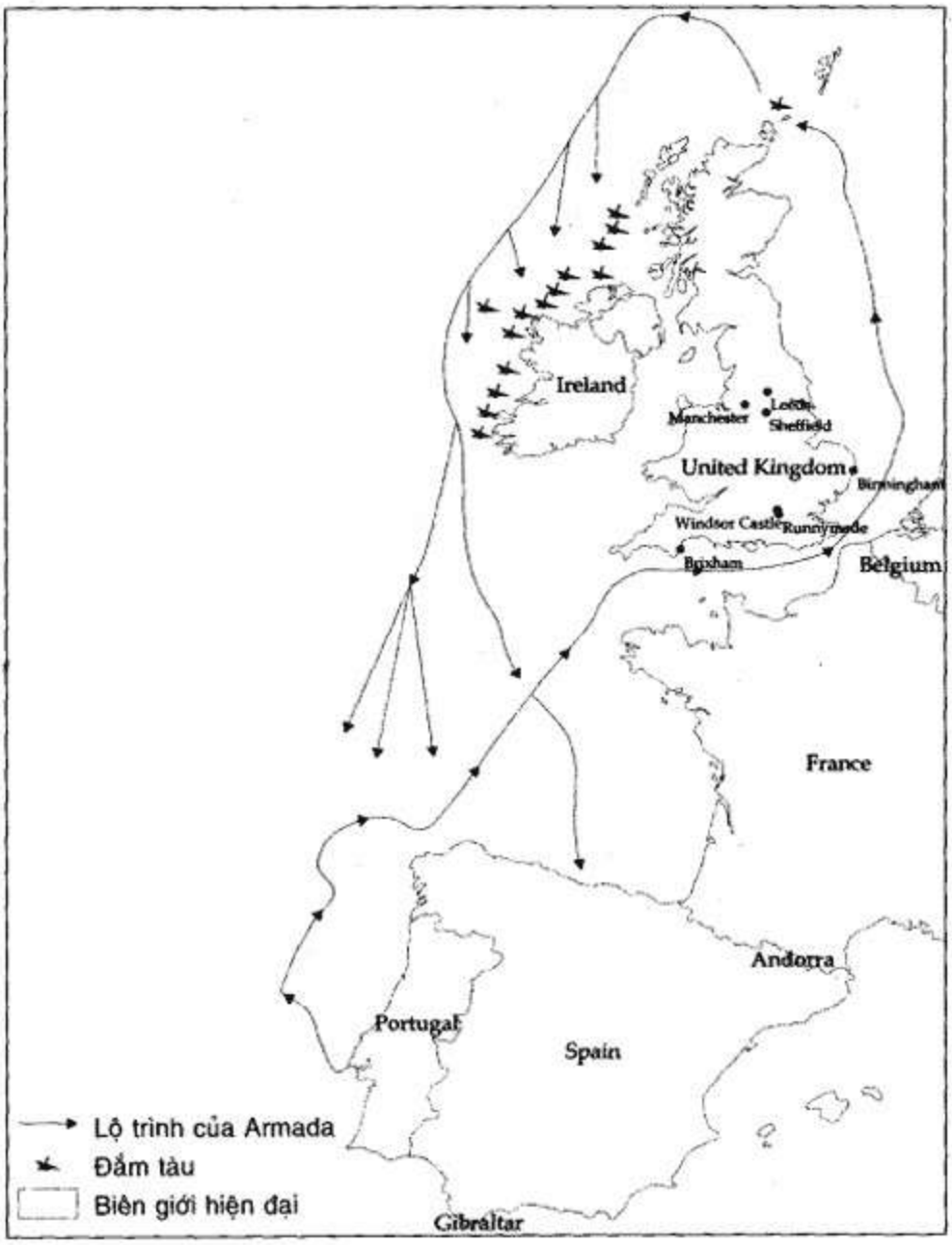

Bản đồ 9: Đội tàu Armada Tây Ban Nha, đắm tàu và những địa điểm chính tạo ra bước ngoặt (p.153)

Lẽ dĩ nhiên, vào năm 1588, không ai có thể đoán trước các hệ quả của chiến thắng đầy may mắn của Anh. Có lẽ vào thời điểm đó, không ai hiểu rằng điều này sẽ tạo ra một thời điểm quyết định dẫn đến một cuộc cách mạng chính trị lớn lao sau đó một thế kỷ.

https://thuviensach.vn

Không ai có thể tiên lượng rằng một thời điểm quyết định bất kỳ sẽ dẫn đến một cuộc cách mạng chính trị thành công hay dẫn đến sự thay đổi tốt hơn. Lịch sử đầy rẫy ví dụ về các phong trào và các cuộc cách mạng triệt để mà chỉ thay thế một chính thể độc đoán này bằng một chính thể độc đoán khác, trong một diễn biến mà nhà xã hội học Đức Robert Mitchels gọi là *quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ,* một hình thức đặc biệt độc hại của vòng xoáy đi xuống. Sự cáo chung của thời kỳ thực dân hóa vào những thập niên sau Thế chiến thứ hai đã tạo ra những thời điểm quyết định cho nhiều nước thuộc địa trước đây. Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp ở vùng hạ Sahara thuộc châu Phi và nhiều nước châu Á, các chính phủ sau độc lập chỉ đơn thuần xé ra một trang trong quyển sách của Robert Michels rồi lặp lại và thậm chí còn tăng cường sự lạm dụng quyền lực của những kẻ tiền nhiệm, thường là ra sức thu hẹp sự phân phối quyền lực, xóa bỏ các giới hạn quyền lực, và làm xói mòn các động cơ khuyến khích của thể chế kinh tế đối với đầu tư và tiến bộ kinh tế vốn đã còi cọc từ trước. Chỉ trong một số ít trường hợp, những xã hội như Botswana, thì các thời điểm quyết định mới được sử dụng để phát động một quá trình thay đổi chính trị và kinh tế lát đường cho tăng trưởng kinh tế.

Các thời điểm quyết định cũng có thể dẫn đến sự thay đổi lớn hướng tới các thể chế chiếm đoạt hơn chứ không phải là rời xa những thể chế đó. Các thể chế dung hợp, cho dù có một vòng lặp phản hồi riêng của nó, vòng xoáy đi lên, cũng có thể bị đảo chiều và trở nên dần dần có tính chiếm đoạt hơn do những thử thách xảy ra vào những thời điểm quyết định - và một lần nữa, điều này có xảy ra hay không cũng là chuyện ngẫu nhiên. Cộng hòa Venetian (Venice, Bắc Ý), như ta sẽ thấy trong chương 6, đã tiến hành những nỗ lực to lớn hướng tới các thể chế chính trị và kinh tế dung hợp từ thời Trung cổ. Nhưng trong khi các thể chế này dần dần mạnh lên ở Anh sau cuộc Cách mạng Vinh quang năm 1688, thì ở Venice, cuối cùng chúng tự chuyển hóa thành các thể chế chiếm đoạt dưới sự kiểm soát của giới quyền thế hẹp, độc quyền hóa cả các cơ hội kinh tế lẫn quyền lực chính trị.

https://thuviensach.vn

TÌM HIỂU VỊ THẾ CÁC NƯỚC

Sự vươn lên của một nền kinh tế thị trường dựa vào các thể chế dung hợp và tăng trưởng kinh tế bền vững ở nước Anh thế kỷ 18 đã làm cả thế giới dậy sóng, chí ít bởi vì điều đó cho phép nước Anh thuộc địa hóa phần lớn thế giới. Nhưng nếu như ảnh hưởng của sự tăng trưởng kinh tế của nước Anh chắc chắn đã vươn ra toàn cầu, thì các thể chế kinh tế và chính trị tạo ra sự tăng trưởng đó lại không tự động lan theo. Sự lan truyền của cuộc Cách mạng công nghiệp đã có những ảnh hưởng khác nhau đối với thế giới cũng hệt như nạn dịch hạch đã có những ảnh hưởng khác nhau đối với Đông và Tây Âu, và cũng tương tự như vậy, sự mở rộng hoạt động thương mại Đại Tây Dương đã có những ảnh hưởng khác nhau ở Anh và Tây Ban Nha. Chính các thể chế hiện hữu ở các vùng khác nhau trên thế giới sẽ quyết định tác động, và các thể chế này quả thật khác nhau - những khác biệt nhỏ đã được nhân rộng lên theo thời gian qua các thời điểm quyết định. Những khác biệt thể chế này và ý nghĩa của chúng có xu hướng tồn tại dai dẳng đến ngày nay do các vòng xoáy đi lên và đi xuống, cho dù không hoàn hảo, và là yếu tố then chốt để ta tìm hiểu tình trạng cách biệt giàu nghèo trên thế giới đã nổi lên như thế nào và bản chất vị thế các nước xung quanh ta.

Một vài nơi trên thế giới đã phát triển những thể chế rất giống như của nước Anh, mặc dù qua một lộ trình rất khác. Điều này đặc biệt đúng với một vài vùng “thuộc địa định cư” như Úc, Canada và Hoa Kỳ, cho dù các thể chế của họ chỉ mới đang hình thành khi cuộc Cách mạng công nghiệp diễn ra. Như ta đã thấy trong chương 1, một quá trình bắt đầu bằng sự ra đời của thuộc địa Jamestown năm 1607 và đạt đỉnh cao trong cuộc chiến tranh giành độc lập và việc ban hành Hiến pháp Hoa Kỳ có những đặc điểm chung giống như cuộc đấu tranh lâu dài của Quốc hội Anh chống lại triều đình, vì nó cũng dẫn đến một nhà nước tập quyền với các thể chế chính trị đa nguyên. Sau đó cuộc Cách mạng công nghiệp mới lan nhanh sang những nước này.

https://thuviensach.vn

Tây Âu, trải qua nhiều quá trình lịch sử tương tự, cũng có những thể chế giống như Anh vào thời điểm Cách mạng công nghiệp. Có những khác biệt nhỏ nhưng có hệ quả đáng kể giữa Anh và phần còn lại của Tây Âu; đó là lý do khiến cuộc Cách mạng công nghiệp xảy ra ở Anh chứ không phải ở Pháp. Cuộc cách mạng này đã tạo ra một tình huống hoàn toàn mới mẻ và một tập hợp những thử thách rất khác với các chế độ ở châu Âu; điều này đến lượt nó, đã sản sinh ra một tập hợp những xung đột mới, đạt đỉnh cao trong cuộc Cách mạng Pháp. Cách mạng Pháp là một thời điểm quyết định khác, dẫn đường cho các thể chế Tây Âu hội tụ với các thể chế của Anh, trong khi Đông Âu tiếp tục phân hóa xa hơn.

Phần còn lại của thế giới đi theo những quỹ đạo thể chế khác nhau. Thời kỳ thực dân châu Âu dọn đường cho sự phân hóa thể chế ở châu Mỹ; ở đây, trái với các thể chế dung hợp phát triển ở Hoa Kỳ và Canada, các thể chế chiếm đoạt nổi lên ở châu Mỹ La-tinh giải thích cho diễn biến cách biệt giàu nghèo mà ta thấy ở châu Mỹ. Các thể chế chính trị và kinh tế chiếm đoạt của thực dân Tây Ban Nha ở châu Mỹ La-tinh tồn tại trong một thời gian dài đã nhấn chìm vùng đất này trong đói nghèo. Tuy nhiên, Argentina và Chile khá giả hơn hầu hết các nước khác trong khu vực. Họ có ít dân bản xứ và ít khoáng sản hơn, và đã "bị bỏ qua" khi người Tây Ban Nha tập trung vào những vùng đất của các nền văn minh Aztec, Maya và Inca. Chẳng phải ngẫu nhiên mà vùng nghèo nhất của Argentina là tây bắc, vùng duy nhất của đất nước hòa nhập vào nền kinh tế thuộc địa Tây Ban Nha. Đói nghèo dai dẳng, di sản của các thể chế chiếm đoạt, cũng tương tự như những gì hình thành từ hệ thống cai trị *mita* của thành phố Potosí ở Bolivia và Peru.

Khả năng tranh thủ cơ hội hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp của các thể chế ở châu Phi là thấp nhất thế giới. Ít nhất trong một nghìn năm qua, ngoài những vùng đất nhỏ và trong những khoảng thời gian hạn chế, châu Phi vẫn tụt hậu so với phần còn lại của thế giới trên phương diện công nghệ, phát triển chính trị và sự thịnh vượng. Đó là nơi mà các nhà

https://thuviensach.vn

nước tập quyền ra đời rất muộn và rất khó nhọc. Ở những nơi đã có nhà nước tập quyền thì cũng hết sức chuyên chế như Kongo và thường cũng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi rồi sụp đổ. Châu Phi cùng chia sẻ quỹ đạo thiếu tập quyền chính trị này với những nước như Afghanistan, Haiti và Nepal, vốn cũng không thể áp đặt trật tự trên lãnh thổ nước họ và không thể tạo ra ít nhiều ổn định để đạt được đôi chút tiến bộ kinh tế. Cho dù tọa lạc ở những vùng rất khác nhau trên thế giới, Afghanistan, Haiti và Nepal có nhiều điểm chung về mặt thể chế với hầu hết các nước vùng hạ Sahara thuộc châu Phi và vì thế cũng là những nước nghèo nhất thế giới ngày nay.

Câu chuyện các thể chế châu Phi diễn biến như thế nào để trở thành hình thức chiếm đoạt như ngày nay, một lần nữa cũng minh họa cho quá trình phân hóa thể chế được đánh dấu bằng các thời điểm quyết định, nhưng lần này là với những kết quả hết sức tai hại, nhất là trong quá trình bành trướng hoạt động buôn bán nô lệ Đại Tây Dương. Đã có những cơ hội kinh tế mới cho Vương quốc Kongo khi các nhà buôn châu Âu đến nơi này. Hoạt động thương mại đường dài giúp biến đổi châu Âu cũng đã làm biến đổi Vương quốc Kongo, nhưng một lần nữa, những khác biệt thể chế ban đầu đóng vai trò quan trọng. Chủ nghĩa chuyên chế của Kongo chuyển hóa từ sự thống trị xã hội hoàn toàn, với các thể chế kinh tế chiếm đoạt thâu tóm hoàn toàn sản lượng nông nghiệp của người dân, sang nô dịch hóa quần chúng nhân dân và bán họ cho người Bồ Đào Nha để đổi lấy súng ống và hàng hóa xa xỉ cho giới quyền thế Kongo.

Sự khác biệt ban đầu giữa Anh và Kongo có nghĩa là trong khi các cơ hội giao thương đường dài tạo ra một thời điểm quyết định hướng tới các thể chế chính trị đa nguyên ở Anh, thì ở Kongo, chính những cơ hội đó lại làm triệt tiêu hy vọng đánh bại chủ nghĩa chuyên chế. Ở phần lớn châu Phi, lợi nhuận đáng kể từ sự nô dịch hóa chẳng những dẫn đến sự tăng cường nô dịch hóa hơn nữa và quyền sở hữu lại càng bấp bênh hơn cho dân chúng, mà còn dẫn đến chiến tranh khốc liệt và tàn phá nhiều thể chế hiện có. Chỉ trong vài thế kỷ, mọi quá trình tập quyền hóa nhà nước đều bị đảo ngược

https://thuviensach.vn

hoàn toàn, và nhiều nhà nước châu Phi sụp đổ tan tành. Cho dù một vài nhà nước mới, đôi khi cũng khá hùng mạnh, được hình thành để khai thác hoạt động mua bán nô lệ, các nhà nước này sống bằng chiến tranh và cướp bóc. Thời điểm quyết định khám phá ra châu Mỹ có thể giúp nước Anh phát triển các thể chế dung hợp nhưng lại làm cho các thể chế ở châu Phi thậm chí còn trở nên mang tính chiếm đoạt hơn.

Cho dù việc mua bán nô lệ nhìn chung đã chấm dứt từ sau năm 1807, chủ nghĩa thực dân châu Âu chẳng những đã đẩy lùi quá trình hiện đại hóa kinh tế mới phôi thai ở nhiều vùng thuộc Nam và Tây Phi mà còn cắt đứt khả năng cải cách thể chế bản xứ. Điều này có nghĩa là ngay cả bên ngoài những vùng như Congo, Madagascar, Namibia và Tanzania, những nơi mà cướp bóc, tàn phá và thậm chí giết chóc trên quy mô lớn đã trở thành luật, cũng ít có cơ hội để châu Phi thay đổi lộ trình thể chế của họ.

Thậm chí còn tệ hơn, cơ cấu cai trị thuộc địa đã để lại cho châu Phi vào thập niên 1960 một di sản thể chế còn độc hại và phức tạp hơn so với lúc mới bắt đầu thời kỳ thuộc địa. Sự phát triển thể chế chính trị và kinh tế ở nhiều thuộc địa châu Phi có nghĩa là thay vì tạo ra một thời điểm quyết định để cải thiện thể chế, nền độc lập đã mở đường cho các nhà lãnh đạo vô liêm sỉ tiếp quản và tăng cường sự chiếm đoạt mà thực dân châu Âu từng cai trị. Các động cơ chính trị mà cơ cấu này tạo ra đã dẫn đến một kiểu chính trị chỉ tái tạo phương thức quyền sở hữu không đảm bảo và không hiệu quả trong những nhà nước có xu hướng chuyên chế mãnh liệt nhưng thiếu thẩm quyền tập trung đối với lãnh thổ của họ.

Cuộc Cách mạng công nghiệp vẫn không lan đến châu Phi vì châu lục này đã trải qua một vòng xoáy đi xuống lâu dài của sự tồn tại dai dẳng và sự tái tạo các thể chế chính trị và kinh tế chiếm đoạt. Botswana là một ngoại lệ. Như ta sẽ thấy, vào thế kỷ 19, vua Khama, ông của vị thủ tướng Botswana đầu tiên thời kỳ sau độc lập, Seretse Khama, đã phát động thay đổi thể chế nhằm hiện đại hóa các thể chế chính trị và kinh tế của bộ lạc.

https://thuviensach.vn

Quả là hy hữu, những thay đổi này không bị hủy hoại trong thời kỳ thuộc địa, một phần do những thách thức khôn ngoan của Khama và các lãnh tụ khác đối với chính quyền thuộc địa. Sự tương tác của những thay đổi này với thời điểm quyết định giành độc lập từ sự cai trị thuộc địa đã đặt nền móng cho thành công kinh tế và chính trị của Botswana. Đây là một ví dụ khác về những khác biệt lịch sử nhỏ bé nhưng ý nghĩa.

Người ta có xu hướng xem các biến cố lịch sử như những hệ quả không thể tránh khỏi của những thế lực ăn sâu bám rễ. Trong khi ta hết sức chú trọng vào cách thức lịch sử thể chế kinh tế và chính trị tạo ra những vòng xoáy đi lên và đi xuống, thì sự ngẫu nhiên, như ta đã nhấn mạnh trong bối cảnh phát triển thể chế của Anh, luôn luôn có thể là một yếu tố. Seretse Khama, du học ở Anh vào thập niên 1940, đã đem lòng yêu Ruth Williams, một phụ nữ da trắng. Như một hệ quả, chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi đã thuyết phục chính phủ Anh cấm ông không được tham gia nhà nước thuộc địa, khi đó được gọi là Bechuanaland (chính phủ nước này thuộc về Cao ủy Nam Phi), và ông từ bỏ ngôi vua. Khi quay về nước để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống thực dân, ông thực hiện công việc này với ý định sẽ không củng cố các thể chế truyền thống mà sẽ điều chỉnh chúng theo thế giới hiện đại. Khama là một con người phi thường, không màng danh lợi cá nhân và hết lòng xây dựng đất nước. Hầu hết các nước châu Phi khác đều không được may mắn như thế. Cả hai yếu tố đều quan trọng, sự phát triển thể chế lịch sử ở Botswana và các yếu tố ngẫu nhiên giúp xây dựng thể chế thay vì bị lật đổ hay bị biến dạng như ở những nơi khác ở châu Phi.

VÀO THẾ KỶ 19, cũng không khác lắm so với ở châu Phi hay Đông Âu, chủ nghĩa chuyên chế cũng cản trở con đường công nghiệp hóa ở phần lớn châu Á. Ở Trung Quốc, nhà nước chuyên chế cao độ, các thành phố độc lập, các thương nhân và nhà công nghiệp đều không tồn tại hoặc yếu thế hơn nhiều về mặt chính trị. Trung Quốc đã từng là một cường quốc hải quân và đã có nhiều hoạt động thương mại đường dài trước châu Âu nhiều thế kỷ. Nhưng đất nước đã bế quan tỏa cảng vào một thời điểm sai lầm, khi

https://thuviensach.vn

triều đại nhà Minh quyết định rằng thương mại đường dài và sự phá hủy sáng tạo mà hoạt động này mang lại sẽ đe dọa sự thống trị của họ vào cuối thế kỷ 14 và đầu thế kỷ 15.

Ở Ấn Độ, sự phân hóa thể chế đã vận hành một cách khác biệt và dẫn đến sự phát triển một hệ thống đẳng cấp cha truyền con nối cứng nhắc đặc thù, làm hạn chế sự vận hành của thị trường và sự phân bổ lao động giữa các ngành nghề còn nghiêm trọng hơn so với trật tự phong kiến ở châu Âu thời Trung cổ. Hệ thống đó cũng chống đỡ cho một hình thức cứng rắn của chủ nghĩa chuyên chế dưới sự cai trị của các hoàng đế triều đại Hồi giáo Mông cổ Mughal. Hầu hết các nước châu Âu cũng có các hệ thống tương tự vào thời Trung cổ. Những tên họ Anglo-Saxon hiện đại như Baker, Cooper và Smith là hậu duệ trực hệ của kiểu nghề nghiệp cha truyền con nối này. Những người nhà Baker thì làm bánh, dòng họ Cooper đóng thùng, còn gia tộc Smith làm thợ rèn kim loại. Nhưng những kiểu nghề nghiệp này không bao giờ cứng nhắc như sự phân biệt đẳng cấp ở Ấn Độ và dần dần trở thành vô nghĩa trong việc dự đoán nghề nghiệp của một người. Cho dù các thương nhân Ấn Độ buôn bán trên khắp Ấn Độ Dương và ngành dệt đã phát triển, hệ thống đẳng cấp và chủ nghĩa chuyên chế Mughal là những trở ngại nghiêm trọng đối với sự phát triển các thể chế kinh tế dung hợp ở Ấn Độ. Cho đến thế kỷ 19, tình hình thậm chí còn kém hy vọng đạt được công nghiệp hóa hơn khi Ấn Độ trở thành thuộc địa, bị Anh chiếm đoạt và khai thác. Trung Quốc chưa bao giờ chính thức là thuộc địa của một cường quốc phương Tây nào, nhưng sau khi người Anh đánh bại Trung Quốc trong cuộc Chiến tranh Nha phiến từ năm 1839 đến 1842, rồi một lần nữa từ năm 1856 đến 1860, Trung Quốc đã ký kết một loạt hiệp ước ô nhục cho phép hàng xuất khẩu của châu Âu thâm nhập thị trường. Khi Trung Quốc, Ấn Độ và các nước khác không thể tranh thủ các cơ hội thương mại và công nghiệp, thì châu Á, ngoại trừ Nhật Bản, đã tụt lại đằng sau trong khi Tây Âu tiến lên phía trước.

https://thuviensach.vn

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỂ CHẾ của Nhật Bản vào thế kỷ 19 một lần nữa cũng minh họa cho sự tương tác giữa những thời điểm quyết định và những khác biệt nhỏ hình thành từ sự phân hóa thể chế. Cũng như Trung Quốc, Nhật Bản cũng được cai trị bằng chủ nghĩa chuyên chế. Dòng tộc Tougawa tiếp quản đất nước vào năm 1600 và cai trị đất nước theo chế độ phong kiến cũng cấm đoán thương mại quốc tế. Nhật Bản cũng đứng trước một thời điểm quyết định hình thành từ sự can thiệp của phương Tây khi bốn tàu chiến Hoa Kỳ dưới sự chỉ huy của Matthew C. Perry tiến vào vịnh Edo và tháng 7/1853, yêu cầu đất nước phải nhượng bộ thương mại tương tự như nước Anh đã ép được Trung Quốc sau cuộc Chiến tranh Nha phiến. Nhưng thời điểm quyết định này kết thúc rất khác ở Nhật Bản. Cho dù kế cận bên nhau và thường xuyên tương tác, cho đến thế kỷ 19, Trung Quốc và Nhật Bản đã trở nên rất phân hóa về mặt thể chế.

Tuy sự cai trị của Tokugawa ở Nhật Bản có tính chất chuyên chế và chiếm đoạt, họ chỉ kiểm soát một cách hời hợt, đồng thời nhạy cảm trước sự thách thức của những lãnh chúa phong kiến chủ yếu khác. Cho dù có những cuộc nổi loạn của nông dân và xung đột dân sự, chủ nghĩa chuyên chế ở Trung Quốc mạnh hơn, và sự chống đối kém tổ chức và kém tự trị hơn. Ở Trung Quốc, các nhà lãnh đạo các lãnh địa khác không có thế lực tương đương để có thể thách thức sự cai trị chuyên chế của nhà vua và đi tìm một đường lối thể chế khác. Sự khác biệt thể chế này, vốn chỉ là nhỏ bé so với sự khác biệt làm ngăn cách giữa Trung Quốc và Nhật Bản so với Tây Âu, nhưng đã có những hệ quả quyết định trong thời điểm quyết định hình thành từ sự xuất hiện như vũ bão của người Anh và người Mỹ. Trung Quốc tiếp tục đường lối chuyên chế sau cuộc Chiến tranh Nha phiến, trong khi sự đe dọa của Hoa Kỳ đã thắt chặt sự chống đối chế độ Tokugawa ở Nhật Bản và dẫn đến cuộc cách mạng Minh Trị Duy Tân, như chúng ta sẽ thấy trong chương 10. Cuộc cách mạng chính trị này giúp phát triển các thể chế chính trị dung hợp hơn, và các thể chế kinh tế còn trở nên dung hợp hơn nữa, đặt nền móng cho sự tăng trưởng nhanh chóng sau này của Nhật Bản, trong khi Trung Quốc suy yếu dần trong chủ nghĩa chuyên chế.

https://thuviensach.vn

Cách thức phản ứng của Nhật Bản trước mối đe dọa từ các tàu chiến của Mỹ, thông qua việc khởi động một quá trình chuyển đổi thể chế cơ bản, sẽ giúp chúng ta tìm hiểu một khía cạnh khác của vị thế các nước xung quanh ta: sự chuyển đổi từ đình trệ sang tăng trưởng nhanh chóng. Nam Triều Tiên, Đài Loan, và cuối cùng là Trung Quốc đã đạt được tỷ lệ tăng trưởng nhanh chóng từ sau Thế chiến thứ hai thông qua một lộ trình tương tự như Nhật Bản đã đi qua. Trong các trường hợp này, tăng trưởng được dẫn đầu bằng sự thay đổi có tính lịch sử về thể chế kinh tế của đất nước - cho dù không nhất thiết có sự thay đổi về thể chế chính trị, như được minh họa qua trường hợp của Trung Quốc.

Logic về cách thức các thời kỳ tăng trưởng nhanh chóng đi đến kết thúc đột ngột rồi đảo ngược như thế nào cũng có liên quan với nhau. Giống hệt như việc các bước đi quyết định nhằm hướng tới các thể chế kinh tế dung hợp có thể châm ngòi cho tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, sự chuyển hướng đột ngột của các thể chế dung hợp cũng có thể dẫn đến đình trệ kinh tế. Nhưng thông thường, sự sụp đổ tăng trưởng nhanh chóng, như ở Argentina và Liên Xô, là hệ quả của việc tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt đi đến hồi kết. Như chúng ta đã thấy, điều này có thể xảy ra do xâu xé nội bộ để tranh giành lợi lộc từ sự chiếm đoạt, dẫn đến sụp đổ chế độ, hay do tình trạng thiếu đổi mới và không có sự phá hủy sáng tạo trong các thể chế chiếm đoạt dẫn đến một ngưỡng giới hạn đối với tăng trưởng bền vững. Cách thức đất nước Xô viết đạt đến ngưỡng giới hạn này sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong chương sau.

NẾU CÁC THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ và kinh tế của châu Mỹ La-tinh trong 500 năm qua được định hình bởi thực dân Tây Ban Nha, thì các thể chế của Trung Đông được định hình bởi thực dân Ottoman. Năm 1453, người Ottoman dưới sự lãnh đạo của nhà vua Hồi giáo (Sultan) Mehmet II đã thôn tính Constantinople, biến nơi này thành kinh đô của họ. Suốt thời gian còn lại của thế kỷ đó, người Ottoman chinh phục những vùng đất rộng lớn ở Balkans và hầu hết phần còn lại của Thổ Nhĩ Kỳ. Vào nửa đầu thế kỷ

https://thuviensach.vn

16, ách cai trị của đế chế Ottoman bành trướng khắp Trung Đông và Bắc Phi. Đến năm 1566, khi vị vua Hồi giáo Sultan Süleymen I, được gọi là Hoàng đế Cao cả qua đời, đế chế của ông trải rộng từ Tunisia ở phía Tây, xuyên qua Ai Cập đến tận Mecca ở bán đảo Ảrập, và đến nơi mà giờ đây là đất nước Iraq hiện đại. Nhà nước Ottoman là nhà nước chuyên chế, trong đó nhà vua Hồi giáo gần như không có trách nhiệm giải trình và không chia sẻ quyền lực với bất kỳ ai. Các thể chế kinh tế của người Ottoman có tính chiếm đoạt cao độ. Không có sở hữu tư nhân đối với đất đai; toàn bộ đất đai thuộc sở hữu nhà nước. Thuế đất và sản lượng nông nghiệp cùng với chiến lợi phẩm từ chiến tranh là nguồn thu ngân sách chính. Tuy nhiên, nhà nước Ottoman không thống trị Trung Đông theo cùng một cách thức như họ có thể thống trị khu trung tâm ở Anatolia hay thậm chí với mức độ như nhà nước Tây Ban Nha đã thống trị xã hội châu Mỹ La-tinh. Nhà nước Ottoman liên tục bị người Ảrập du cư và các bộ lạc hùng mạnh khác ở bán đảo Ảrập gây khó khăn. Chẳng những họ không có khả năng áp đặt một trật tự ổn định trên phần lớn lãnh thổ Trung Đông mà còn không có năng lực tổ chức thu thuế. Vì thế họ "bán khoán" việc thu thuế cho các cá nhân, nghĩa là bán đứt quyền thu thuế cho những người khác, cho phép những người này được thu thuế bằng bất kỳ cách nào khả dĩ. Những người nhận khoán thuế này (tax farmers) trở nên tự trị và có quyền lực. Thuế suất trên các lãnh thổ Trung Đông rất cao, từ một nửa đến 2/3 sản lượng nông dân sản xuất ra. Phần lớn nguồn thu này được những người nhận khoán thuế giữ lại. Vì nhà nước Ottoman không thể thiết lập một trật tự ổn định ở đây, nên các quyền sở hữu tài sản không được đảm bảo, và tình trạng vô luật pháp cũng như cướp bóc tràn lan khi các băng nhóm vũ trang tranh giành quyền kiểm soát địa phương. Ví dụ như ở Palestine, tình hình thảm khốc đến mức ngay từ cuối thế kỷ 16, nông dân đã phải lìa bỏ phần lớn đất đai màu mỡ và di dời lên các vùng núi cao, giúp họ trốn tránh các băng đảng.

Các thể chế kinh tế chiếm đoạt ở các vùng đô thị của Đế chế Ottoman cũng không kém phần ngột ngạt. Hoạt động thương mại phải chịu sự kiểm soát của nhà nước, và nghề nghiệp được điều tiết chặt chẽ bởi các phường

https://thuviensach.vn

hội và các thế lực độc quyền. Hậu quả là vào thời điểm Cách mạng công nghiệp, các thể chế kinh tế của Trung Đông vẫn có tính chiếm đoạt, và kinh tế thì đình trệ.

Cho đến thập niên 1840, người Ottoman cố gắng cải cách thể chế - chẳng hạn như thông qua việc chấm dứt bán khoán quyền thu thuế và đưa các băng nhóm tự trị địa phương vào vòng kiểm soát. Nhưng chủ nghĩa chuyên chế tồn tại dai dẳng cho đến tận Thế chiến thứ nhất, và các nỗ lực cải cách bị phá hoại bởi nỗi lo sợ thông thường về sự phá hủy sáng tạo và nỗi lo sợ mất mát về kinh tế và chính trị của các nhóm quyền thế. Trong khi các nhà cải cách Ottoman nói đến việc thực hiện quyền sở hữu tư nhân đối với đất đai nhằm gia tăng năng suất nông nghiệp, song vì mong muốn giữ được sự kiểm soát về chính trị và thuế khóa nên hiện trạng vẫn được giữ nguyên. Thời kỳ thuộc địa Ottoman được tiếp nối bằng thời kỳ thuộc địa châu Âu sau năm 1918. Khi sự kiểm soát của châu Âu chấm dứt, động thái ở nơi đây cũng giống hệt như những gì chúng ta đã thấy ở vùng hạ Sahara thuộc châu Phi, với các thể chế thuộc địa chiếm đoạt được tiếp quản bởi giới quyền thế độc lập. Trong một vài trường hợp, như nền quân chủ ở Jordan chẳng hạn, giới quyền thế là sản phẩm trực tiếp của cường quốc thực dân, nhưng như chúng ta sẽ thấy, điều này lại xảy ra thường xuyên ở châu Phi. Những nước Trung Đông không có dầu mỏ ngày nay có mức thu nhập tương tự như các nước nghèo ở châu Mỹ La-tinh. Họ không khốn khổ vì các áp lực bần cùng hóa như buôn bán nô lệ, và họ được hưởng lợi từ dòng chảy công nghệ từ châu Âu trong một thời gian dài. Vào thời Trung cổ, bản thân Trung Đông cũng là một vùng tương đối tiên tiến về mặt kinh tế trên thế giới. Vì thế ngày nay nơi này không nghèo như châu Phi, nhưng đa số dân chúng vẫn sống trong đói nghèo.

o0o

TA ĐÃ THẤY RẰNG không phải các lý thuyết dựa vào địa lý, văn hóa hay sự vô minh giúp giải thích vị thế các quốc gia xung quanh ta.

https://thuviensach.vn

Những lý thuyết đó không giúp giải thích một cách thỏa đáng cho mô thức về sự cách biệt giàu nghèo rõ rệt trên thế giới: đó là quá trình phân hóa kinh tế bắt đầu với cuộc Cách mạng công nghiệp ở Anh vào thế kỷ 18 và 19 rồi lan sang Tây Âu cũng như các thuộc địa định cư của người châu Âu; sự phân hóa dai dẳng giữa các vùng khác nhau ở châu Mỹ; tình trạng đói nghèo của châu Phi hay Trung Đông; sự phân hóa giữa Đông và Tây Âu; và sự chuyển hóa từ đình trệ sang tăng trưởng và đôi khi là sự kết thúc đột ngột của một quá trình tăng trưởng nhanh chóng. Lý thuyết thể chế của chúng tôi có thể giải thích được những mô thức này một cách thỏa đáng.

Trong các chương còn lại, chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn cách thức vận hành của lý thuyết thể chế, được minh họa bằng một loạt các hiện tượng mà lý thuyết này có thể giải thích. Các hiện tượng này trải dài từ nguồn gốc của cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới cho đến sự sụp đổ của một số nền văn minh, mà nguyên nhân là do những giới hạn nội tại đối với sự tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt, hoặc do những bước tiến hạn chế hướng tới tính dung hợp đã bị đảo ngược.

Chúng ta sẽ thấy cách thức và lý do các biện pháp hướng tới các thể chế chính trị dung hợp đã được tiến hành như thế nào trong cuộc Cách mạng Vinh quang ở Anh. Chúng ta sẽ xem xét cụ thể hơn những vấn đề sau đây:

• Các thể chế dung hợp đã xuất hiện như thế nào từ sự tương tác của thời điểm quyết định do hoạt động thương mại Đại Tây Dương tạo ra và bản chất của các thể chế của nước Anh trước đó.

• Các thể chế này tồn tại dai dẳng như thế nào và được củng cố ra sao để đặt nền móng cho cuộc Cách mạng công nghiệp, một phần nhờ vào vòng xoáy đi lên và một phần nhờ vào những yếu tố ngẫu nhiên may mắn.

• Nhiều chế độ cai trị bằng các thể chế chuyên chế và chiếm đoạt đã kiên trì chống lại sự lan truyền các công nghệ mới hình thành từ cuộc Cách

https://thuviensach.vn

mạng công nghiệp ra sao.

• Chính bản thân người châu Âu đã dập tắt khả năng tăng trưởng kinh tế như thế nào ở nhiều nơi trên thế giới mà họ đến chinh phục.

• Vòng xoáy đi xuống và *quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ* đã tạo ra một khuynh hướng mãnh liệt để các thể chế chiếm đoạt tồn tại dai dẳng, và vì thế, những nơi mà cuộc Cách mạng công nghiệp không lan đến được ngay từ đầu vẫn còn tương đối nghèo.

• Tại sao cuộc Cách mạng công nghiệp và các công nghệ mới khác không lan truyền và không thể lan truyền đến những nơi trên thế giới mà cho đến tận ngày nay mức độ tập quyền tối thiểu của nhà nước vẫn chưa đạt được.

Thảo luận của chúng tôi cũng sẽ cho thấy những nơi đã xoay sở để thay đổi thể chế theo chiều hướng dung hợp hơn, như Pháp hay Nhật Bản, hay những nơi đã ngăn chặn sự thành lập các thể chế chiếm đoạt, như Hoa Kỳ và Úc, sẽ dễ lĩnh hội sự lan truyền của cuộc Cách mạng công nghiệp hơn và sẽ tiến lên phía trước. Như trường hợp nước Anh, không phải lúc nào đây cũng là một quá trình xuôi chèo mát mái, và trên hành trình này, nhiều thách thức đối với các thể chế dung hợp đã được khắc phục, đôi khi do diễn biến động học của vòng xoáy đi lên, đôi khi nhờ vào lộ trình ngẫu nhiên của lịch sử.

Cuối cùng, chúng ta cũng sẽ thảo luận sự thất bại của các quốc gia ngày nay chịu ảnh hưởng nặng nề của lịch sử thể chế nước họ như thế nào, sự tư vấn chính sách thấm nhuần các giả thuyết sai lạc và có tiềm năng gây lạc hướng ra sao, và các quốc gia vẫn còn có thể chớp lấy các thời điểm quyết định và phá vỡ khuôn khổ như thế nào nhằm cải cách thể chế và bước vào một lộ trình thịnh vượng hơn.

https://thuviensach.vn

5. “TÔI ĐÃ NHÌN THẤY TƯƠNG LAI, VÀ NÓ ĐANG CHẠY TỐT”: TĂNG TRƯỞNG TRONG CÁC THỂ CHẾ CHIẾM ĐOẠT

TÔI ĐÃ NHÌN THẤY TƯƠNG LAI

NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ THỂ CHẾ đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích sự tăng trưởng kinh tế qua các thời đại. Nhưng nếu hầu hết các xã hội trong lịch sử đều dựa vào các thể chế chính trị và kinh tế chiếm đoạt, thì phải chăng điều này có nghĩa là tăng trưởng không bao giờ xảy ra? Đương nhiên không phải vậy. Các thể chế chiếm đoạt, theo chính lôgic của chúng, phải tạo ra của cải để có thể chiếm đoạt. Một kẻ thống trị độc quyền hóa quyền lực chính trị và kiểm soát nhà nước tập quyền có thể tạo ra một hệ thống quy tắc, một mức độ luật pháp và trật tự nào đó, và có thể kích thích hoạt động kinh tế.

Nhưng tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt khác về bản chất so với tăng trưởng do các thể chế dung hợp đem lại. Khác biệt quan trọng nhất nằm ở tính bền vững của tăng trưởng, vốn đòi hỏi phải có thay đổi công nghệ, trong khi tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt thường dựa vào các công nghệ hiện có. Quỹ đạo kinh tế của Liên Xô cho ta một ví dụ minh họa sống động về cách thức thẩm quyền và động cơ khuyến khích do nhà nước tạo ra có thể đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế nhanh chóng trong các thể chế chiếm đoạt như thế nào và kiểu tăng trưởng này cuối cùng sẽ đi đến kết thúc và sụp đổ ra sao.

THẾ CHIẾN THỨ NHẤT kết thúc, các cường quốc, cả thắng và bại trận, nhóm họp trong tòa lâu đài lớn ở Versailles ngoại ô Paris để quyết

https://thuviensach.vn

định về các thông số của hòa bình. Nổi bật trong số những người tham dự là Woodrow Wilson, tổng thống Hoa Kỳ. Đáng chú ý là sự vắng mặt của Nga. Chế độ Sa hoàng đã bị lật đổ bởi lực lượng Bôn-sê-vích vào tháng 10/1917. Nội chiến diễn ra ác liệt giữa Hồng quân (Bôn-sê-vích) và Bạch vệ. Cả Anh, Pháp và Mỹ đều cử các lực lượng viễn chinh đi chiến đấu chống lại Bôn-sê-vích. Một phái đoàn dưới sự lãnh đạo của nhà ngoại giao trẻ William Bullit và cựu binh tình báo kiêm nhà báo Lincoln Steffens được phái đến Moscow gặp Lenin để cố gắng tìm hiểu ý định của Bôn-sê-vích và tìm cách đạt được thỏa thuận với họ. Steffens nổi tiếng là một nhà báo đả phá những tín ngưỡng lâu đời, phơi bày những vụ bê bối và kiên trì vạch trần những cái xấu trong chủ nghĩa tư bản ở Hoa Kỳ. Ông đến Nga vào thời điểm cách mạng. Sự hiện diện của ông nhằm làm cho phái đoàn trông có vẻ đáng tin và không quá thù địch. Phái đoàn quay về với bản phác thảo những đề nghị từ Lenin về những gì họ sẽ chấp nhận để có nền hòa bình với đất nước Xô viết vừa thành lập. Steffens sững sờ trước những gì ông xem là tiềm năng vĩ đại của chế độ Xô viết.

Ông hồi tưởng lại trong cuốn tự truyện năm 1931: “Nước Nga Xô viết là một chính phủ cách mạng với một kế hoạch cách mạng. Kế hoạch của họ không phải là chấm dứt những cái xấu như giàu và nghèo, hối lộ, đặc quyền, bạo ngược và chiến tranh bằng hành động trực tiếp, mà là tìm kiếm và loại trừ nguyên nhân gốc rễ của cái xấu. Họ đã thiết lập một nhà nước chuyên chính, được ủng hộ bởi một thiểu số được đào tạo để xây dựng và sắp xếp lại một cách khoa học các sức mạnh kinh tế trong một vài thế hệ, mà trước tiên sẽ dẫn đến một nền dân chủ kinh tế rồi mới đến một nền dân chủ chính trị”.

Từ phái đoàn ngoại giao quay về, Steffens đến thăm người bạn cũ, nhà điêu khắc Jo Davidson và thấy ông này đang tạc bức tượng bản thân của nhà tài phiệt Bernard Baruch. Baruch hỏi: “Thế là anh đã đến Nga rồi đấy à?” Steffens đáp: “Tôi đã đến tương lai, và nó đang chạy tốt”. Ông sẽ hoàn

https://thuviensach.vn

thiện câu nói này dưới một hình thức đi vào lịch sử như sau: “Tôi đã nhìn thấy tương lai, và nó đang chạy tốt”.

Từ đó mãi cho đến đầu thập niên 1980, nhiều người phương Tây vẫn nhìn thấy tương lai ở Liên Xô, và họ vẫn tin rằng mô hình này đang chạy tốt. Theo một ý nghĩa nào đó, mô hình Xô viết đã có tác dụng, hay ít nhất đã có tác dụng trong một thời gian. Lenin qua đời năm 1924, và đến năm 1927, Joseph Stalin tăng cường kiểm soát đất nước. Ông thanh trừng các đối thủ và phát động phong trào đẩy nhanh công nghiệp hóa. Ông làm điều này thông qua việc tiếp thêm sức mạnh cho Ủy ban Kế hoạch nhà nước, được gọi là Gosplan, ra đời từ năm 1921. Gosplan soạn thảo Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất cho giai đoạn 1928-1933. Tăng trưởng kinh tế theo kiểu Stalin rất đơn giản: phát triển công nghiệp theo mệnh lệnh nhà nước và thu thập nguồn lực cần thiết cho sự phát triển này bằng cách đánh thuế nông nghiệp với thuế suất rất cao. Liên Xô lúc đó không có một hệ thống thuế hữu hiệu, vì thế, thay vào đó, Stalin đã “hợp tác hóa” nông nghiệp. Quá trình này dẫn đến việc bãi bỏ các quyền sở hữu tư nhân đối với đất đai và đưa toàn thể dân chúng nông thôn vào các nông trang tập thể khổng lồ dưới sự điều hành của Đảng. Điều này giúp Stalin dễ dàng thâu tóm sản lượng nông nghiệp và sử dụng nó để nuôi những người đang xây dựng và vận hành các công xưởng mới. Hệ quả của chủ trương này đối với người dân nông thôn thật là thảm họa. Các nông trang tập thể hoàn toàn không tạo ra động cơ khuyến khích nông trang viên tích cực làm việc, vì thế sản lượng giảm mạnh. Vì phần lớn những gì sản xuất ra đều bị chiếm đoạt nên dân chúng không có đủ lương thực để ăn. Họ bắt đầu chết dần chết mòn vì đói. Cuối cùng có đến 6 triệu người chết đói, trong khi hàng trăm nghìn người khác bị giết hay bị đày đến Siberia trong thời kỳ hợp tác hóa cưỡng bức.

Cả nền công nghiệp mới hình thành cũng như hợp tác hóa nông nghiệp đều phi hiệu quả kinh tế theo nghĩa là hệ thống đã không sử dụng tốt nhất những nguồn lực hiện có. Thoạt nghe thì điều này có vẻ như là công thức dẫn đến thảm họa và đình trệ kinh tế, nếu không muốn nói là sụp đổ kinh tế

https://thuviensach.vn

hoàn toàn. Thế nhưng Liên Xô vẫn tăng trưởng nhanh chóng. Lý do chẳng có gì khó hiểu. Cho phép dân chúng tự ra quyết định thông qua thị trường là con đường tốt nhất để xã hội sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả. Thay vì thế, khi nhà nước hay một nhóm quyền thế thiểu số kiểm soát toàn bộ nguồn lực, sẽ không tạo ra các động cơ khuyến khích mà cũng không có sự phân bổ kỹ năng và tài năng của dân chúng một cách hiệu quả. Nhưng trong một số trường hợp, năng suất của vốn và lao động trong một lĩnh vực hay một hoạt động nhất định, như công nghiệp nặng ở Liên Xô, có thể cao đến mức ngay cả một quá trình mệnh lệnh từ trên xuống dưới trong các thể chế chiếm đoạt để phân bổ nguồn lực vào lĩnh vực đó vẫn có thể tạo ra tăng trưởng. Như ta đã thấy trong chương 3, thể chế chiếm đoạt ở các hòn đảo Caribê như Barbados, Cuba, Haiti và Jamaica có thể tạo ra những mức thu nhập tương đối cao vì nó phân bổ nguồn lực vào hoạt động sản xuất đường, một hàng hóa mà cả thế giới khao khát. Sản xuất đường dựa vào lực lượng nô lệ chắc chắn không phải là "hiệu quả", và không có thay đổi công nghệ hay sự phá hủy sáng tạo nào trong các xã hội này, nhưng điều đó không ngăn họ đạt được một mức độ tăng trưởng nhất định trong các thể chế chiếm đoạt. Tình huống ở Liên bang Xô viết cũng tương tự như vậy, trong đó công nghiệp đóng vai trò như đường ở vùng Caribê. Tăng trưởng công nghiệp ở Liên Xô còn được tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa bởi vì công nghệ của họ tương đối lạc hậu so với công nghệ hiện có ở châu Âu và Hoa Kỳ, vì thế lợi ích to lớn có thể được gặt hái thông qua việc tái phân bổ nguồn lực vào lĩnh vực công nghiệp, ngay cả khi tất cả những điều này được thực hiện một cách phi hiệu quả và cưỡng bức.

Trước năm 1928 phần lớn người Nga sống ở nông thôn. Công nghệ mà nông dân sử dụng vẫn còn sơ khai, và có ít động cơ khuyến khích gia tăng năng suất. Trên thực tế, những tàn tích cuối cùng của chủ nghĩa phong kiến Nga chỉ vừa được xóa bỏ ngay trước Thế chiến thứ nhất. Vì thế vẫn còn tiềm năng kinh tế to lớn chưa được khai thác từ việc tái phân bổ lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp. Công nghiệp hóa theo kiểu Stalin là một phương thức thô bạo để khai thác tiềm năng này. Bằng mệnh lệnh,

https://thuviensach.vn

Stalin chuyển những nguồn lực được sử dụng một cách vô cùng yếu kém sang công nghiệp, ở đó nguồn lực có thể được sử dụng với năng suất cao hơn, cho dù chính bản thân công nghiệp cũng được tổ chức rất phi hiệu quả so với mức lẽ ra có thể đạt được. Trên thực tế, từ năm 1928 đến 1960, thu nhập quốc gia tăng trưởng ở mức 6%/năm, có lẽ là sự trào dâng tăng trưởng kinh tế nhanh nhất trong lịch sử cho đến lúc bấy giờ. Sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng này không được tạo ra bằng thay đổi công nghệ, mà bằng cách tái phân bổ lao động cùng với tích lũy vốn thông qua sự ra đời của các công xưởng và công cụ mới.

Liên Xô tăng trưởng nhanh đến mức làm cho nhiều thế hệ người phương Tây chứ không chỉ Lincoln Steffens vội vàng tin tưởng. Điều này cũng xảy ra với Cục tình báo trung ương Mỹ (CIA). Sự tăng trưởng này thậm chí cũng làm cho chính các nhà lãnh đạo Liên Xô tin tưởng, như Nikita Khrushchev, nổi tiếng khoe khoang với bài diễn văn trước giới ngoại giao phương Tây năm 1956 trong đó nói rằng "chúng tôi sẽ chôn vùi phương Tây". Đến năm 1977, một quyển sách giáo khoa học thuật hàng đầu của một nhà kinh tế học người Anh vẫn lập luận rằng các nền kinh tế kiểu Xô viết ưu việt hơn so với các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trên phương diện tăng trưởng kinh tế, mang lại toàn dụng lao động, ổn định giá cả và thậm chí tạo ra những con người có động cơ vị tha. Chủ nghĩa tư bản phương Tây già cỗi nghèo nàn chỉ tốt hơn trong việc mang lại sự tự do chính trị. Thật vậy, quyển sách giáo khoa bậc đại học về kinh tế học được sử dụng rộng rãi nhất của tác giả đoạt giải Nobel Paul Samuelson vẫn lặp đi lặp lại dự đoán về sự thống lĩnh kinh tế sắp đến của Liên Xô. Trong ấn bản năm 1961, Samuelson dự đoán rằng thu nhập quốc gia của Liên Xô có khả năng vượt qua Hoa Kỳ vào năm 1984, và gần như chắc chắn vào năm 1997. Ấn bản năm 1980 vẫn giữ nguyên phân tích này, chỉ khác là hai thời điểm đó được lùi lại đến 2002 và 2012.

Mặc dù nền chính trị của Stalin và của các nhà lãnh đạo Xô viết kế tiếp có thể tạo ra tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, họ không thể duy trì nó

https://thuviensach.vn

một cách bền vững lâu dài. Cho đến thập niên 1970, tăng trưởng kinh tế gần như dừng lại. Bài học quan trọng nhất là, các thể chế chiếm đoạt không thể tạo ra sự thay đổi công nghệ bền vững vì hai lý do: thiếu các động cơ khuyến khích kinh tế và gặp phải sự chống đối của giới quyền thế. Thêm vào đó, sau khi mọi nguồn lực từng được sử dụng một cách vô cùng phi hiệu quả trước đây được phân bổ cho công nghiệp, gần như không còn lợi ích kinh tế nào có thể đạt được thêm bằng mệnh lệnh. Khi đó, hệ thống Xô viết va phải rào chắn. Tình trạng thiếu phát minh đổi mới cùng với các động cơ khuyến khích kinh tế yếu kém đã ngăn cản các tiến bộ tiếp theo. Lĩnh vực duy nhất trong đó Liên Xô vẫn có thể xoay sở để duy trì đổi mới là nhờ vào những nỗ lực khổng lồ trong quân sự và công nghệ không gian. Kết quả là họ đã chật vật để đưa được chú chó đầu tiên Leika và con người đầu tiên Yuri Gagarin vào vũ trụ. Họ cũng để lại cho thế giới loại súng AK-47 như một trong các di sản của đất nước.

Gosplan là Ủy ban kế hoạch nhà nước, có toàn bộ quyền lực và chịu trách nhiệm lập kế hoạch tập trung cho đất nước Xô viết. Người ta cho rằng, một trong những lợi ích của một loạt các bản Kế hoạch 5 năm do Gosplan soạn thảo và thực hiện là khung thời gian dài hạn cần thiết để đạt được sự đầu tư và đổi mới hợp lý. Trên thực tế, những gì cuối cùng được thực hiện trong nền công nghiệp Xô viết gần như không liên quan gì đến các bản kế hoạch 5 năm, vốn thường được sửa đổi và soạn thảo lại, hay chỉ đơn thuần là bị bỏ qua. Sự phát triển công nghiệp diễn ra trên cơ sở mệnh lệnh của Stalin và Bộ Chính trị, những người hay thay đổi ý kiến xoành xoạch và thường xuyên sửa lại hoàn toàn các quyết định trước đó của chính mình. Tất cả các bản kế hoạch đều được gọi là “phác thảo” hay “sơ bộ”. Chỉ có một bản kế hoạch từng xuất hiện mà được gọi là kế hoạch “sau cùng” - đó là đối với công nghiệp nhẹ vào năm 1939. Chính Stalin đã nói vào năm 1937 rằng: “Chỉ có những kẻ quan liêu mới cho rằng công việc lập kế hoạch kết thúc với việc tạo ra một bản kế hoạch. Việc tạo ra một bản kế hoạch chỉ mới là bắt đầu. Phương hướng thực sự của kế hoạch chỉ phát triển sau khi tất cả các bộ phận được kết hợp lại với nhau trong bản kế

https://thuviensach.vn

hoạch". Stalin muốn tối đa hóa sự tùy tiện của ông trong việc ban thưởng cho những người hay nhóm người nào trung thành về mặt chính trị và trừng phạt những kẻ không trung thành. Về phần Gosplan, vai trò chính của ủy ban là cung cấp thông tin cho Stalin để ông có thể giám sát giới thân hữu và kẻ thù tốt hơn. Thật ra, ủy ban cố gắng tránh đưa ra quyết định. Nếu bạn ra quyết định mà hóa ra là sai lầm, thì bạn có thể bị xử bắn. Tốt hơn là nên tránh mọi trách nhiệm.

Cuộc điều tra dân số năm 1937 là một ví dụ về những điều có thể xảy ra nếu bạn thực hiện công việc quá nghiêm túc, thay vì chỉ khéo léo nói xuôi theo những gì Đảng muốn. Kết quả điều tra cho thấy hóa ra dân số chỉ là khoảng 162 triệu người, ít hơn nhiều so với con số 180 triệu như dự đoán của Stalin, và thấp hơn con số 168 triệu mà chính Stalin từng công bố vào năm 1934. Điều tra dân số năm 1937 là cuộc điều tra dân số đầu tiên được thực hiện kể từ năm 1926, và do đó, là cuộc điều tra đầu tiên sau những trận đói và thanh trừng tàn khốc vào đầu thập niên 1930. Số dân phản ánh chính xác điều này. Phản ứng của Stalin là bắt giam những người tổ chức cuộc điều tra dân số này rồi mang họ đi đày ở Siberia hay bắn chết. Ông ra lệnh thực hiện một cuộc điều tra dân số khác vào năm 1939. Lần này những người tổ chức đã làm "đúng", họ nhận thấy dân số thật ra là 171 triệu người!

Stalin hiểu rằng trong nền kinh tế Xô viết, dân chúng không có động cơ làm việc. Phản ứng tự nhiên là tạo ra động cơ, và đôi khi ông đã làm điều này - chẳng hạn như chỉ đạo cung cấp lương thực cho những vùng có năng suất giảm để kích thích sự cải tiến. Hơn nữa, ngay từ năm 1931, ông đã từ bỏ ý tưởng tạo ra "những con người xã hội chủ nghĩa" làm việc mà không có động cơ khuyến khích bằng tiền. Trong một bài diễn văn nổi tiếng, ông chỉ trích "sự mua bán cào bằng" và từ đó về sau, chẳng những công việc khác nhau được trả lương khác nhau mà cả hệ thống khen thưởng cũng được áp dụng. Tìm hiểu tác dụng của những biện pháp này cũng rất có ích. Thông thường, một doanh nghiệp trong cơ chế kế hoạch hóa tập

https://thuviensach.vn

trung phải đạt chỉ tiêu sản lượng theo kế hoạch, cho dù những kế hoạch này thường được thương lượng lại và điều chỉnh. Từ thập niên 1930, người lao động được thưởng nếu đạt mức sản lượng được giao. Các mức khen thưởng này có thể khá cao - chẳng hạn như lên đến 37% tiền lương cho ban quản lý hay các kỹ sư cao cấp. Nhưng việc khen thưởng này thật ra không khuyến khích thay đổi công nghệ vì nhiều lý do. Thứ nhất, hoạt động phát minh đổi mới sẽ lấy đi nguồn lực của hoạt động sản xuất hiện tại, có nguy cơ dẫn đến việc không đạt chỉ tiêu sản lượng và vì thế sẽ không được khen thưởng. Thứ hai, chỉ tiêu sản lượng thường dựa vào mức sản lượng trước đó. Điều này tạo ra động cơ to lớn khiến người ta không bao giờ mở rộng sản lượng, vì điều đó có nghĩa là sẽ phải sản xuất nhiều hơn nữa trong tương lai, vì khi ấy chỉ tiêu tương lai sẽ được nâng lên. Thành tích thấp hơn khả năng luôn là cách tốt nhất để đạt chỉ tiêu và được khen thưởng. Việc tiền thưởng được thanh toán hàng tháng cũng làm cho mọi người tập trung vào hiện tại, trong khi hoạt động phát minh đổi mới buộc phải hy sinh hiện tại để có được nhiều hơn trong tương lai.

Thậm chí khi tiền thưởng và các động cơ khuyến khích có tác dụng trong việc thay đổi hành vi, chúng cũng gây ra một số trục trặc khác. Kế hoạch hóa tập trung không thể thay thế những gì mà nhà kinh tế học vĩ đại thế kỷ 18 Adam Smith gọi là “bàn tay vô hình” của thị trường. Khi kế hoạch vạch ra chỉ tiêu sản xuất thép tấm theo số tấn thì người ta sẽ sản xuất những tấm thép quá nặng. Khi kế hoạch vạch ra chỉ tiêu sản xuất thép tấm theo diện tích, ngươi ta sẽ làm những tấm thép quá mỏng. Khi kế hoạch vạch ra chỉ tiêu sản xuất đèn chùm theo trọng lượng, người ta sẽ làm những chiếc đèn chùm nặng đến mức không thể treo lên trần nhà.

Cho đến thập niên 1940, các nhà lãnh đạo Liên Xô đã ý thức rõ ràng về những động cơ ngược này, mặc dù có thể những người hâm mộ họ ở phương Tây chưa nhận ra. Giới lãnh đạo Xô viết hành động như thể điều đó là do vấn đề kỹ thuật, có thể sửa chữa được. Ví dụ, họ bãi bỏ việc khen thưởng dựa vào chỉ tiêu sản lượng, cho phép doanh nghiệp dành riêng một

https://thuviensach.vn

phần lợi nhuận để khen thưởng. Nhưng "động cơ lợi nhuận" cũng không khuyến khích phát minh đổi mới hơn so với động cơ dựa vào chỉ tiêu sản lượng. Hệ thống giá dùng để tính lợi nhuận gần như hoàn toàn không liên quan đến giá trị của phát minh hay công nghệ mới. Không giống với nền kinh tế thị trường, giá cả ở Liên Xô do nhà nước ấn định, và vì thế gần như không liên quan gì đến giá trị. Để tạo ra các động cơ khuyến khích phát minh đổi mới cụ thể hơn, Liên Xô áp dụng hệ thống khen thưởng phát minh vào năm 1946. Ngay từ năm 1918, họ đã áp dụng nguyên tắc là nhà phát minh sẽ được thưởng tiền cho phát minh của họ, nhưng tiền thưởng được ấn định ít ỏi và không liên quan đến giá trị của công nghệ mới. Điều này chỉ thay đổi vào năm 1956, khi luật quy định rằng tiền thưởng sẽ tỷ lệ với năng suất của phát minh. Tuy nhiên, vì năng suất được tính theo lợi ích kinh tế đo lường bằng hệ thống giá cả hiện hữu, nên điều này một lần nữa cũng không mang lại nhiều động cơ khuyến khích phát minh. Còn rất nhiều ví dụ về những động cơ khuyến khích ngược mà các kế hoạch này vạch ra. Chẳng hạn như, vì quỹ khen thưởng phát minh bị giới hạn bởi tổng quỹ lương của một doanh nghiệp, nên điều này ngay lập tức làm hạn chế động cơ khuyến khích sản xuất hay áp dụng bất kỳ phát minh nào có thể giúp tiết kiệm lao động.

Việc chú trọng vào các quy tắc và hệ thống khen thưởng khác nhau có xu hướng làm lu mờ các trục trặc cố hữu khác của hệ thống. Khi thẩm quyền và quyền lực chính trị tùy thuộc vào Đảng Cộng sản Liên Xô thì không thể thay đổi căn bản các động cơ khuyến khích đối với dân chúng, dù có tiền thưởng hay không. Ngay từ đầu, Stalin không chỉ sử dụng "củ cà-rốt" mà cả "cây gậy", thậm chí là những cây gậy to, để dọn đường. Năng suất trong nền kinh tế cũng tương tự như vậy. Hệ thống luật pháp luôn có các điều khoản áp dụng biện pháp hình sự đối với những người lao động bị coi là trốn tránh công việc. Một đạo luật ban hành vào tháng 6/1940, trong đó chỉ cần 20 phút vắng mặt không phép hay thậm chí chểnh mảng trong công việc đã bị coi là "tình trạng vắng mặt không chính đáng" và bị quy là vi phạm hình sự, bị phạt lao động nặng nhọc trong vòng 6 tháng và cắt 25%

https://thuviensach.vn

lương. Nhiều kiểu trừng phạt tương tự cũng được áp dụng với tần suất đáng kinh ngạc. Từ năm 1940 đến 1955, có 36 triệu người, tương đương khoảng 1/3 dân số trưởng thành, bị phát hiện vi phạm. Trong số đó, 15 triệu người bị tống giam và 250 nghìn người bị xử bắn. Trong một năm bất kỳ, thường có khoảng 1 triệu người trưởng thành phải đi tù vì vi phạm lao động; ấy là còn chưa kể đến 2,5 triệu người bị Stalin đày đi các nhà tù chính trị ở Siberia. Thế nhưng điều đó vẫn không có tác dụng. Cho dù bạn có thể lôi ai đó vào một nhà máy, bạn vẫn không thể buộc họ suy nghĩ hay có những ý tưởng tốt bằng cách đe dọa xử bắn họ. Cưỡng bức kiểu này có thể tạo ra sản lượng đường cao ở Barbados hay Jamaica, nhưng không thể bù đắp cho tình trạng thiếu động cơ khuyến khích trong một nền kinh tế công nghiệp hiện đại.

Việc những động cơ khuyến khích thật sự hữu hiệu không tồn tại trong nền kinh tế kế hoạch tập trung không phải là do sai lầm kỹ thuật trong việc thiết kế hệ thống khen thưởng. Nó là bản chất nội tại của toàn bộ phương pháp nhằm đạt được sự tăng trưởng mang tính chiếm đoạt. Nó được thực hiện bằng mệnh lệnh nhà nước và có thể giải quyết được một số vấn đề kinh tế cơ bản. Nhưng để kích thích tăng trưởng kinh tế bền vững, cần phải có những cá nhân sử dụng tài năng và ý tưởng, và điều này không bao giờ có thể được thực hiện bằng hệ thống kinh tế kiểu Xô viết. Các nhà lãnh đạo Liên Xô cần phải từ bỏ các thể chế kinh tế chiếm đoạt, nhưng hành động đó có thể đe dọa quyền lực chính trị của họ. Thật vậy, khi Mikhael Gorbachev bắt đầu đường lối xa rời các thể chế kinh tế chiếm đoạt sau năm 1987, quyền lực của Đảng và cả Liên bang Xô viết đều tan rã.

LIÊN XÔ CÓ THỂ TẠO RA tăng trưởng nhanh chóng ngay trong các thể chế chiếm đoạt bởi vì những người Bôn-sê-vích xây dựng một nhà nước tập quyền và sử dụng nó để phân bổ nguồn lực cho công nghiệp. Nhưng cũng hệt như các trường hợp tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt khác, sự tăng trưởng này không dựa vào thay đổi công nghệ và không thể duy trì một cách bền vững. Tăng trưởng đầu tiên sẽ chậm dần rồi sau đó

https://thuviensach.vn

sụp đổ hoàn toàn. Cho dù phù du, kiểu tăng trưởng này minh họa cách thức các thể chế chiếm đoạt có thể kích thích hoạt động kinh tế như thế nào.

Xuyên suốt lịch sử, hầu hết các xã hội được cai trị bằng các thể chế chiếm đoạt, và những người đã xoay sở để áp đặt mức độ trật tự nhất định trên những đất nước này đều có thể tạo ra sự tăng trưởng hạn chế nào đó - ngay cả khi không xã hội nào trong những xã hội chiếm đoạt này có thể đạt được tăng trưởng bền vững. Trên thực tế, những bước ngoặt lớn trong lịch sử có thể được mô tả bằng sự đổi mới về thể chế giúp củng cố các thể chế chiếm đoạt và tăng cường quyền lực của một nhóm người để áp đặt luật lệ và trật tự, đồng thời hưởng lợi từ sự chiếm đoạt. Trong phần còn lại của chương này, trước tiên chúng tôi sẽ thảo luận về bản chất của sự đổi mới thể chế giúp thiết lập một mức độ tập trung hóa nhà nước nhất định và có thể tạo ra tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt. Sau đó, chúng tôi sẽ chỉ ra cách thức các ý tưởng này giúp ta hiểu về cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới, sự chuyển đổi quan trọng sang hoạt động nông nghiệp làm cơ sở cho nhiều khía cạnh của các nền văn minh hiện nay. Chúng tôi sẽ kết luận, thông qua ví dụ về các thành bang Maya, rằng sự tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt bị giới hạn không chỉ do thiếu tiến bộ công nghệ mà còn do sự đấu đá nội bộ từ những bè phái kình địch muốn tranh giành quyền kiểm soát nhà nước và chiếm đoạt những gì được tạo ra.

BÊN BỜ SÔNG KASAI

Kasai là một trong những nhánh lớn của sông Congo. Bắt nguồn từ Angola, sông Kasai chảy lên phía bắc và hòa vào mạn đông bắc sông Congo ở Kinshasa, thủ đô nước Cộng hòa Dân chủ Congo hiện đại. Cho dù đất nước Congo còn nghèo so với phần còn lại của thế giới, luôn luôn tồn tại sự khác biệt giàu nghèo giữa các nhóm người khác nhau ở Congo. Sông Kasai là ranh giới giữa hai trong số những nhóm này. Nếu tiến vào Congo dọc theo bờ tây của dòng sông này, bạn sẽ nhanh chóng gặp người Lele; còn nếu đi theo bờ đông bạn sẽ gặp người Bushong (bản đồ 6, chương 2).

https://thuviensach.vn

Thoạt nhìn qua sẽ không thấy có gì khác biệt giữa hai nhóm người này về sự thịnh vượng. Họ chỉ bị ngăn cách bởi một dòng sông, có thể vượt qua bằng thuyền. Hai bộ tộc khác nhau có chung nguồn gốc và cùng ngôn ngữ. Thêm vào đó, nhiều thứ họ xây dựng cũng tương tự như nhau về kiểu dáng thiết kế, như nhà ở, quần áo và đồ thủ công.

Thế nhưng khi nhà nhân loại học Mary Douglas và sử gia Jan Vansina nghiên cứu các nhóm người này vào thập niên 1950, họ khám phá ra một vài điểm khác biệt giật mình giữa hai bộ tộc. Theo lời Douglas: "Người Lele nghèo khổ, trong khi người Bushong thì giàu có… Mọi thứ mà người Lele có hay làm được, thì người Bushong đều có nhiều hơn và làm tốt hơn". Người ta dễ dàng có được cách giải thích đơn giản cho sự khác biệt này. Có một điểm khác biệt khiến ta nhớ lại sự khác nhau giữa những vùng khác nhau của Peru từng nằm trong hay nằm ngoài hệ thống cai trị *mita* của thành phố Potosí; đó là, người Lele sản xuất để tự tiêu thụ, trong khi người Bushong sản xuất để trao đổi trên thị trường. Douglas và Vansina cũng nhận xét rằng người Lele sử dụng công nghệ thô sơ hơn. Ví dụ, họ không sử dụng lưới để đánh bắt cá, cho dù điều này giúp cải tiến năng suất đáng kể. Douglas lập luận: "Việc không sử dụng lưới đánh cá nhất quán với khuynh hướng chung của người Lele không đầu tư thời gian và công sức vào những công cụ dài hạn".

Cũng có những khác biệt quan trọng trong việc tổ chức và công nghệ nông nghiệp. Người Bushong áp dụng một hình thức luân canh phức tạp, trong đó họ trồng năm loại hoa màu liên tiếp trong một chu kỳ luân canh hai năm. Họ trồng củ từ, khoai lang, sắn và đậu, và từ hai hay có khi đến ba vụ ngô trong một năm. Người Lele không có một hệ thống luân canh như vậy và chỉ xoay sở để trồng một vụ ngô hằng năm.

Lại còn có sự khác biệt ấn tượng về luật pháp và trật tự. Người Lele sống rải rác trong các ngôi làng được bố trí như những pháo đài và xung đột xảy ra liên miên. Bất kỳ ai qua lại giữa hai ngôi làng hay liều lĩnh vào

https://thuviensach.vn

rừng tìm kiếm lương thực đều có thể bị tấn công hay bắt cóc. Ở Bushong điều này rất hiếm, nếu không muốn nói là chẳng bao giờ xảy ra.

Điều gì nằm đằng sau sự khác biệt về phương thức sản xuất, công nghệ nông nghiệp và trật tự trị an này? Rõ ràng không phải do yếu tố địa lý khiến cho người Lele phải sử dụng công nghệ săn bắt hay nông nghiệp thô sơ. Chắc chắn cũng không phải do thiếu hiểu biết, vì họ biết những công cụ người Bushong sử dụng. Một cách giải thích khác có thể là văn hóa; phải chăng người Lele có một nền văn hóa không khuyến khích họ đầu tư vào lưới đánh cá, vào những ngôi nhà được xây dựng vững chắc và khang trang hơn? Nhưng điều này xem ra cũng không đúng. Cũng như dân Kongo, người Lele rất thích mua súng ống, và Douglas thậm chí còn nhận xét rằng "họ nôn nóng mua súng… điều này cho thấy nền văn hóa của họ không trói buộc họ vào những công nghệ thô sơ, khi [việc mua súng này] không đòi hỏi sự hợp tác và nỗ lực lâu dài". Vì thế, không phải thái độ ghét công nghệ do bản chất văn hóa, cũng không phải tình trạng thiếu hiểu biết hay yếu tố địa lý có thể giải thích lý do khiến người Bushong giàu hơn người Lele.

Lý do của những điểm khác biệt giữa hai bộ tộc này nằm ở các thể chế chính trị khác nhau trên mảnh đất của người Bushong và người Lele. Chúng ta đã lưu ý trước đây rằng người Lele sống trong những ngôi làng được bố trí như những pháo đài và không nằm trong một cơ cấu chính trị thống nhất. Ở bờ kia sông Kasai thì khác. Khoảng năm 1620, một cuộc cách mạng chính trị diễn ra dưới sự lãnh đạo của Shyaam, người thành lập Vương quốc Kuba như ta thấy trong bản đồ 6 (chương 2), với Bushong là kinh đô và chính ông lên làm vua. Trước thời kỳ này, gần như không có sự khác biệt gì giữa Bushong và Lele; những điểm khác biệt chỉ nổi lên như một hệ quả của phương thức tái tổ chức xã hội của Shyaam ở bờ đông con sông. Ông xây dựng một nhà nước và các thể chế chính trị hình tháp. Các thể chế chính trị này không chỉ tập trung hơn nhiều so với trước đó mà còn có các cơ cấu vô cùng tinh vi. Shyaam và những người kế nhiệm ông đã xây dựng một bộ máy nhà nước để huy động thuế, một hệ thống luật pháp

https://thuviensach.vn

và lực lượng cảnh sát để thi hành luật pháp. Các nhà lãnh đạo được kiểm soát thông qua các hội đồng, và các hội đồng này phải thảo luận trước khi ra quyết định. Ở đây thậm chí còn có tòa án xét xử, một sự kiện rất độc đáo ở vùng hạ Sahara của châu Phi trước thời thuộc địa châu Âu. Tuy nhiên, nhà nước tập trung mà Shyaam xây dựng là một công cụ chiếm đoạt và có tính chuyên chế cao độ. Người dân không bỏ phiếu bầu ông, và chính sách nhà nước là mệnh lệnh từ trên xuống, chứ không có sự tham gia của đông đảo quần chúng.

Cuộc cách mạng chính trị tạo ra nhà nước tập quyền cũng như luật pháp và trật tự ở đất nước Kuba này, đến lượt mình, đã dẫn đến một cuộc cách mạng kinh tế. Nông nghiệp được tổ chức lại và các công nghệ mới được áp dụng để gia tăng năng suất. Các cây trồng trước đây là hoa màu lương thực được thay thế bằng các giống mới có năng suất cao từ châu Mỹ (cụ thể như ngô, sắn và hạt tiêu). Chu kỳ luân canh tăng vụ được áp dụng vào thời gian này, và giá trị lương thực sản xuất ra trên đầu người tăng gấp đôi. Để áp dụng các giống cây mới này và tái tổ chức chu kỳ nông nghiệp, cần có nhiều lao động hơn. Vì thế, tuổi kết hôn được giảm xuống còn 20 và nam giới được đưa vào lực lượng lao động nông nghiệp ở độ tuổi thấp hơn. Điều này tương phản rõ rệt với người Lele. Nam giới ở đây có xu hướng kết hôn ở tuổi 35 và chỉ khi đó họ mới ra đồng làm việc. Trước đó, họ dành hết thời gian để đánh nhau và cướp bóc.

Mối liên kết giữa cách mạng chính trị và kinh tế thật là đơn giản. Vua Shyaam và thuộc hạ của ông muốn chiếm đoạt thuế và của cải từ người Kuba, những người phải tạo ra sản phẩm thặng dư trên mức tiêu thụ của bản thân. Tuy vua Shyaam và tùy tùng không áp dụng các thể chế dung hợp cho bờ đông sông Kasai, nhưng những thể chế chiếm đoạt với một mức độ tập trung hóa nhà nước cũng như luật pháp và trật tự nhất định tự nó góp phần đem lại sự thịnh vượng kinh tế. Khuyến khích hoạt động kinh tế lẽ dĩ nhiên là mối quan tâm của Shyaam và thuộc hạ, vì nếu không họ sẽ chẳng có gì để mà chiếm đoạt. Cũng hệt như Stalin, Shyaam xây dựng một tập

https://thuviensach.vn

hợp thể chế bằng mệnh lệnh, tạo ra của cải cần thiết để chống đỡ cho hệ thống này. So với tình trạng thiếu vắng hoàn toàn luật pháp và trật tự ngự trị ở bên kia sông Kasai, thì điều này tạo ra sự thịnh vượng kinh tế đáng kể - ngay cả khi phần lớn sự thịnh vượng đó bị Shyaam và giới quyền thế chiếm đoạt. Nhưng sự tăng trưởng đó nhất thiết bị giới hạn. Cũng như ở Liên Xô, không có sự phá hủy sáng tạo ở Vương quốc Kuba và không có đổi mới công nghệ sau sự thay đổi ban đầu này. Tình hình này gần như không thay đổi cho đến lúc vương quốc lần đầu tiên chạm trán thực dân Bỉ vào cuối thế kỷ 19.

THÀNH TỰU CỦA VUA SHYAAM minh họa cho mức độ hạn chế của thành công kinh tế có thể đạt được thông qua các thể chế chiếm đoạt. Muốn tạo ra sự tăng trưởng như vậy cần có một nhà nước tập trung hóa. Để tập trung hóa nhà nước, thường cần phải có cách mạng chính trị. Một khi Shyaam đã xây dựng được nhà nước này, ông có thể sử dụng quyền lực để tái tổ chức nền kinh tế và gia tăng năng suất nông nghiệp, từ đó ông có thể thu thuế.

Nhưng tại sao Bushong chứ không phải Lele tạo ra được một cuộc cách mạng chính trị? Chẳng lẽ người Lele không có vua Shyaam riêng của họ? Những gì Shayaam đạt được là sự đổi mới thể chế không gắn liền với một phương thức tiền định nào về địa lý, văn hóa hay tình trạng thiếu hiểu biết. Người Lele lẽ ra cũng có thể có một cuộc cách mạng như thế và sự chuyển đổi thể chế tương tự, nhưng cuối cùng họ đã không có. Có lẽ đây là những lý do mà ta không hiểu, do hiểu biết có hạn của chúng ta ngày nay về xã hội của họ. Rất có thể điều này là do bản chất tình cờ của lịch sử. Có lẽ chính sự tình cờ đó là nguyên nhân khiến một vài xã hội ở Trung Đông 12 nghìn năm trước đây đã bước vào một quá trình đổi mới thể chế thậm chí còn triệt để hơn dẫn đến các xã hội định cư rồi trồng trọt và thuần hóa muông thú, như ta sẽ thảo luận ở phần tiếp theo.

MÙA HẠ DÀI

https://thuviensach.vn

Khoảng 15 nghìn năm trước Công nguyên (TCN), Kỷ Băng hà kết thúc khi khí hậu trái đất ấm dần lên. Bằng chứng từ lõi băng ở Greenland cho thấy nhiệt độ bình quân tăng xấp xỉ 15°C trong một khoảng thời gian ngắn. Hiện tượng này dường như trùng hợp với sự tăng nhanh dân số của loài người vì nó dẫn đến gia tăng số lượng động vật, đồng thời tạo ra nhiều thực vật và lương thực hơn. Quá trình này bị đảo ngược nhanh chóng vào khoảng 14 nghìn năm TCN qua một thời kỳ lạnh dần được gọi là Younger Dryas, nhưng sau năm 9600 TCN, nhiệt độ trái đất gia tăng trở lại, thêm khoảng 7°C trong chưa đến một thập niên, và từ đó nhiệt độ luôn duy trì ở mức cao. Nhà khảo cổ học Brian Fagan gọi thời kỳ này là Mùa hạ dài (Long Summer). Tình trạng khí hậu ấm dần lên đánh dấu một thời điểm quyết định vĩ đại tạo thành bối cảnh cho cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới, trong đó xã hội loài người chuyển sang cuộc sống an cư lạc nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi. Thời kỳ này, cũng như phần còn lại trong lịch sử loài người sau đó, được tắm mình trong ánh nắng của Mùa hạ dài này.

Có sự khác biệt cơ bản giữa trồng trọt chăn nuôi và săn bắt hái lượm. Trồng trọt chăn nuôi dựa vào khai hóa thực vật và thuần hóa động vật, chủ động can thiệp vào chu kỳ sống, thay đổi các yếu tố di truyền để làm cho các giống loài này trở nên hữu ích hơn đối với con người. Khai hóa và thuần hóa là sự thay đổi công nghệ giúp con người tạo ra nhiều lương thực hơn từ các loài thực vật hoang dại và động vật hoang dã sẵn có. Ví dụ, việc trồng ngô bắt đầu khi con người thu thập teosinte, một giống cây dại vốn là thủy tổ của cây ngô. Quả teosinte rất nhỏ, chỉ dài vài cm, bé hơn nhiều so với một quả ngô hiện đại. Rồi dần dần, thông qua việc tuyển chọn những bông hoa teosinte lớn hơn và những cây không bị gãy hoa mà vẫn nguyên vẹn trên cây cho đến khi thu hoạch, con người tạo ra giống ngô hiện đại mang lại nhiều dinh dưỡng hơn trên cùng một mảnh đất.

Những bằng chứng cổ xưa nhất về trồng trọt chăn nuôi, khai hóa thực vật và thuần hóa động vật xuất phát từ Trung Đông, cụ thể là vùng đồi núi được gọi là Hilly Flanks, trải dài từ phía nam Israel ngày nay qua Palestine

https://thuviensach.vn

và bờ tây sông Jordan, băng qua Syria vào đông nam Thổ Nhĩ Kỳ, bắc Iraq và tây Iran. Khoảng năm 9500 TCN, những cây trồng đầu tiên, lúa mì và lúa mạch hai hàng, được tìm thấy ở vùng Jericho bờ tây sông Jordan thuộc Palestine; và lúa mì, đậu, đậu lăng được tìm thấy ở Tell Aswad, cực bắc Syria. Cả hai nơi đều thuộc nền văn hóa Natufian và cả hai đều bao gồm những ngôi làng lớn; làng Jericho thời ấy có thể có dân số khoảng 500 người.

Tại sao những ngôi làng nông nghiệp đầu tiên xuất hiện ở đây chứ không phải ở nơi nào khác? Tại sao người Natufian chứ không phải bộ tộc nào khác đã trồng những cây đậu và đậu lăng đầu tiên? Phải chăng họ may mắn và chỉ tình cờ sống ở nơi có nhiều giống cây có tiềm năng được khai hóa sớm nhất? Tuy điều này là đúng, nhưng nhiều người khác cũng sống giữa những giống cây này mà không khai hóa chúng. Như ta đã thấy qua các bản đồ 4 và 5 trong chương 2, nghiên cứu của các nhà di truyền học và khảo cổ học nhằm tìm hiểu sự phân phối của tổ tiên hoang dã của các loài thực vật và động vật thuần hóa hiện đại cho thấy rằng thủy tổ của nhiều giống này mọc tràn lan khắp những vùng đất rộng hàng triệu km^2. Tổ tiên hoang dã của các loài động vật thuần hóa sinh sống khắp lục địa Á- Âu. Mặc dù ở Hilly Flanks đặc biệt có nhiều loài hoa màu hoang dại, nhưng những loài cây này không chỉ mọc ở đó. Không phải người Natufian sống ở những nơi mà chỉ ở đó mới có những loài cây dại làm cho họ trở thành đặc biệt. Mà điểm mấu chốt là họ đã sống an cư trước khi lạc nghiệp bằng cách khai hóa cây trồng và thuần hóa thú hoang. Một bằng chứng được tìm thấy từ răng linh dương, bao gồm cementum, một chất mô kết nối xương mọc thành từng lớp. Vào mùa xuân và mùa hè, khi cementum tăng trưởng nhanh nhất, các lớp này có màu khác với những lớp hình thành vào mùa đông. Bằng cách cắt ra một mảnh răng, bạn có thể thấy màu của lớp sau cùng tạo ra trước khi con linh dương chết. Sử dụng kỹ thuật này, bạn có thể xác định xem con linh dương đã bị giết vào mùa hè hay mùa đông. Ở khu vực người Natufian sinh sống, người ta tìm thấy những con linh dương bị giết cả bốn mùa, cho thấy sự định cư quanh năm. Làng Abu Hureyra bên sông

https://thuviensach.vn

Euphrates là một trong những vùng định cư của người Natufian được nghiên cứu nhiều nhất. Trong gần 40 năm, các nhà khảo cổ đã xem xét các lớp đất của ngôi làng, cung cấp một trong những ví dụ xác thực nhất về cuộc sống định cư ổn định trước và sau khi chuyển sang canh tác nông nghiệp. Cuộc sống định cư có lẽ bắt đầu vào khoảng năm 9500 TCN, và bộ tộc tiếp tục lối sống săn bắt hái lượm thêm 500 năm nữa trước khi chuyển sang công việc đồng áng. Các nhà khảo cổ ước lượng rằng dân số của làng trước khi bắt đầu hoạt động nông nghiệp là từ 100 đến 300 người.

Bạn có thể suy nghĩ về đủ mọi lý do khiến một xã hội có thể có lợi hơn khi sống đời định cư. Nay đây mai đó thì tốn kém; trẻ em và người già phải được bồng bế, và không thể trữ lương thực phòng khi đói kém khi bạn đang du cư. Hơn nữa, những công cụ như đá mài và lưỡi hái thật hữu ích để chế biến thức ăn hoang dã, nhưng thật nặng nề khi mang theo. Có những bằng chứng cho thấy ngay cả những người săn bắt hái lượm du cư cũng cất trữ lương thực ở những nơi chọn lọc như hang động. Một điểm hấp dẫn của ngô là dễ dàng cất giữ, và đây là lý do chính khiến hoa màu này được trồng rộng rãi trên khắp châu Mỹ. Khả năng xử lý hữu hiệu hơn việc lưu trữ và tích lũy lương thực ắt phải là động cơ then chốt khuyến khích con người áp dụng lối sống định cư.

Mặc dù định cư tập thể có nhiều ưu điểm như vậy, nhưng điều này không có nghĩa là sự định cư nhất thiết sẽ phải xảy ra. Một nhóm người săn bắt hái lượm du cư sẽ phải đồng ý áp dụng lối sống này, hay phải có một ai đó buộc họ phải thay đổi lối sống. Một vài nhà khảo cổ cho rằng mật độ dân số gia tăng và mức sống giảm là những yếu tố then chốt trong sự xuất hiện lối sống định cư, buộc những người du cư phải lưu lại một nơi. Thế nhưng mật độ tại những khu vực người Natufian sinh sống không cao hơn so với các nhóm trước đó, vì thế xem ra không có bằng chứng về sự gia tăng của mật độ dân số. Bằng chứng từ xương và răng cũng không cho thấy sự sa sút về sức khỏe. Ví dụ, tình trạng thiếu hụt lương thực có xu hướng tạo ra những vạch mỏng trong men răng con người, được gọi là giảm sản

https://thuviensach.vn

(hypoplasia). Các vạch này thật ra ít thấy ở người Natufian hơn so với ở những bộ tộc canh tác nông nghiệp sau này.

Quan trọng hơn, trong khi lối sống định cư có nhiều ưu điểm, nó cũng có nhược điểm. Việc giải quyết xung đột có lẽ khó hơn nhiều đối với những nhóm định cư, vì bất đồng có thể được giải quyết dễ dàng hơn nhiều khi con người hay các bộ tộc chỉ đơn thuần dời đi nơi khác. Một khi con người đã xây dựng nhà ở lâu dài và có nhiều tài sản hơn so với khả năng mang đi, thì việc di dời là một phương án kém hấp dẫn so với định cư. Vì thế, các làng cần những phương thức hữu hiệu hơn để giải quyết xung đột và có những khái niệm cụ thể hơn về sở hữu. Các quyết định phải được đưa ra về việc ai được tiếp cận với những mảnh đất nào gần làng, hay ai sẽ hái quả từ trên cây nào và bắt cá ở khúc suối nào. Luật lệ phải được xây dựng, và các thể chế để làm luật và thực thi luật phải được thiết lập.

Do đó, để hình thành lối sống định cư, những người săn bắn hái lượm ắt hẳn đã bị ép buộc phải dừng bước chân phiêu bạt, và điều này ắt phải xảy ra theo sau sự đổi mới thể chế, tập trung quyền lực vào tay một nhóm người sẽ trở thành giới quyền thế chính trị, thực thi các quyền sở hữu, duy trì trật tự, và hưởng lợi từ vị thế của họ thông qua chiếm đoạt nguồn lực từ phần còn lại của xã hội. Trên thực tế, một cuộc cách mạng chính trị tương tự như cách mạng của vua Shyaam, cho dù trên quy mô nhỏ hơn, có thể là bước đột phá dẫn đến lối sống định cư.

Bằng chứng khảo cổ quả thật cho thấy người Natufian đã phát triển một xã hội phức tạp có tôn ti, trật tự và cách biệt giàu nghèo - khởi nguồn của những gì mà ta nhìn nhận là các thể chế chiếm đoạt - một thời gian dài trước khi họ trở thành những nhà nông. Một bằng chứng thuyết phục về tôn ti trật tự xã hội và tình trạng cách biệt giàu nghèo này xuất phát từ những ngôi mộ của người Natufian. Một số người được chôn cất với nhiều loại đá khoáng obsidian và vỏ ốc dentalium xuất phát từ ven biển Địa Trung Hải gần núi Carmel. Những đồ trang sức khác bao gồm vòng cổ, bít-tất, vòng

https://thuviensach.vn

đeo tay làm từ răng nanh và xương hươu cũng như vỏ ốc. Những người khác được chôn cất mà không có những trang sức này. Vỏ ốc và đá khoáng obsidian được mua bán, và việc kiểm soát hoạt động mua bán này có thể là nguồn tích lũy quyền lực và bất bình đẳng. Bằng chứng sâu xa hơn về cách biệt giàu nghèo kinh tế và chính trị xuất phát từ khu vực người Natufian ở Ain Mallaha, ngay phía bắc biển Galilee. Nằm giữa một tập hợp khoảng 50 căn nhà gỗ và hố bẫy thú, rõ ràng được dùng để làm nhà kho lưu trữ, có một tòa nhà trát vữa nằm gần một khu trung tâm sáng sủa hơn. Tòa nhà này gần như chắc chắn là nhà của một vị thủ lĩnh. Trong những ngôi mộ ở khu khai quật, có một vài phần mộ được xây dựng công phu tỉ mỉ hơn, và cũng có bằng chứng về việc thờ cúng xương sọ, có thể biểu thị cho sự thờ cúng tổ tiên. Việc thờ cúng này phổ biến khắp khu vực người Natufian sinh sống, nhất là ở Jericho. Bằng chứng phổ biến từ khu vực người Natufian cho thấy rằng đây có thể là những xã hội có các thể chế tinh vi để quyết định sự kế thừa quyền lực. Họ tham gia vào hoạt động thương mại với những vùng đất xa xôi và có các hình thức tôn giáo phôi thai cũng như thứ bậc chính trị.

Sự xuất hiện của giới quyền thế chính trị có thể dẫn đến sự chuyển đổi sang lối sống định cư và sau đó là hoạt động nông nghiệp. Như các khu vực người Natufian sinh sống cho thấy, lối sống định cư không nhất thiết có nghĩa là trồng trọt và chăn nuôi. Dân chúng có thể an cư nhưng vẫn kiếm sống bằng cách săn bắn và hái lượm. Suy cho cùng, “Mùa hạ dài” làm cho những giống cây dại trở nên phong phú hơn, và việc săn bắt hái lượm có thể trở nên hấp dẫn hơn. Hầu hết mọi người có thể khá hài lòng với cuộc sống ở mức tối thiểu dựa vào săn bắt hái lượm không đòi hỏi nhiều công sức nỗ lực. Ngay cả đổi mới công nghệ cũng không nhất thiết dẫn đến gia tăng sản lượng nông nghiệp. Trên thực tế, chúng ta biết rằng một phát minh công nghệ lớn, việc áp dụng rìu thép của thổ dân châu Úc được gọi là Yir Yoront, đã không dẫn đến sản lượng gia tăng mà còn làm nó chựng lại, vì nó làm cho các yêu cầu tối thiểu được đáp ứng một cách dễ dàng, do vậy không tạo ra động cơ khuyến khích làm việc nhiều hơn.

https://thuviensach.vn

Cách giải thích truyền thống dựa vào yếu tố địa lý về cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới - trọng tâm lập luận của Jared Diamond như ta đã thảo luận trong chương 2 - cho rằng, cuộc cách mạng này chịu ảnh hưởng của tình trạng sẵn có một cách ngẫu nhiên của nhiều loài thực vật và động vật có thể dễ dàng được thuần hóa. Điều này làm cho việc trồng trọt và chăn nuôi trở nên hấp dẫn và dẫn đến lối sống định cư. Sau khi các xã hội trở nên định cư và bắt đầu trồng trọt, họ bắt đầu phát triển tôn ti trật tự chính trị, tôn giáo và các thể chế phức tạp hơn. Cho dù được chấp nhận rộng rãi, bằng chứng từ người Natufian cho thấy rằng cách giải thích truyền thống này nghe như thể "đặt cái cày ra trước con trâu". Sự thay đổi thể chế diễn ra trong các xã hội một thời gian trước khi họ chuyển sang hoạt động nông nghiệp và có thể là nguyên nhân dẫn đến lối sống định cư, giúp củng cố sự thay đổi thể chế, và tiếp theo, dẫn đến cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới. Diễn biến này không chỉ thể hiện qua bằng chứng từ vùng Hilly Flanks, nơi được nghiên cứu nhiều nhất, mà còn thể hiện qua nhiều bằng chứng từ châu Mỹ, vùng hạ Sahara châu Phi và Đông Á.

Chắc chắn việc chuyển sang nông nghiệp dẫn đến năng suất nông nghiệp cao hơn và giúp gia tăng dân số đáng kể. Ví dụ, ở những vùng như Jericho và Aby Hureyra, người ta thấy rằng các làng nông nghiệp đầu tiên lớn hơn những làng của thời kỳ tiền nông nghiệp. Nói chung, sau khi quá trình chuyển đổi này xảy ra, các ngôi làng tăng trưởng từ gấp đôi cho đến gấp sáu lần. Hơn nữa, nhiều điều thường được khẳng định như là những hệ quả của quá trình chuyển đổi sang nông nghiệp này rõ ràng đã xảy ra. Có sự chuyên môn hóa nghề nghiệp cao hơn và tiến bộ công nghệ nhanh hơn, và có lẽ sự phát triển của các thể chế chính trị xem ra ít bình đẳng hơn và phức tạp hơn. Nhưng điều này xảy ra ở một nơi cụ thể nào đó không do sự sẵn có của các loài thực vật và động vật quyết định. Thay vào đó, nó xảy ra như một hệ quả của một xã hội đã có sự đổi mới về thể chế, về xã hội và chính trị, cho phép họ áp dụng lối sống định cư và rồi sau đó hoạt động nông nghiệp xuất hiện.

https://thuviensach.vn

Mặc dù Mùa hạ dài và sự hiện diện của các loại thực vật và động vật cho phép điều này xảy ra, nó không quyết định chính xác ở đâu và khi nào điều này sẽ xảy ra sau khi khí hậu ấm dần lên. Đúng hơn, điều này được quyết định bởi sự tương tác của một thời điểm quyết định, Mùa hạ dài, và sự khác biệt thể chế nhỏ nhưng quan trọng. Khi khí hậu ấm dần, một vài xã hội, như người Natufian, đã phát triển các yếu tố thể chế tập trung và tôn ti trật tự, cho dù trên quy mô rất nhỏ so với các nhà nước hiện đại ngày nay. Cũng như người Bushong dưới thời vua Shyaam, các xã hội tự tổ chức lại để tranh thủ các cơ hội to lớn hơn hình thành từ sự dồi dào phong phú của các loài thực vật và động vật hoang dã, và rõ ràng, giới quyền thế chính trị là những người hưởng lợi chính từ những vận hội mới này và từ quá trình tập trung hóa chính trị. Những nơi khác, chỉ với một chút khác biệt về thể chế, đã không cho phép giới quyền thế chính trị của họ tranh thủ những lợi thế tương tự của thời điểm quyết định này đồng thời tụt lại phía sau trong quá trình tập trung hóa chính trị và tạo ra các xã hội an cư lạc nghiệp và phức tạp hơn. Điều này lát đường cho sự phân hóa tiếp tục như ta đã thấy trước đây. Một khi những điểm khác biệt này đã nổi lên, chúng lan sang một số nơi nhưng lại không lan sang những nơi khác. Ví dụ, hoạt động canh tác từ Trung Đông bắt đầu lan truyền sang châu Âu từ khoảng năm 6500 TCN, chủ yếu là hệ quả của hiện tượng di dân. Ở châu Âu, các thể chế phân hóa khác với các nơi khác trên thế giới như châu Phi, nơi mà các thể chế ban đầu vốn đã khác và sự đổi mới bắt đầu vận động do Mùa hạ dài ở Trung Đông xảy ra muộn hơn nhiều, và thậm chí cũng dưới một hình thức khác.

SỰ ĐỔI MỚI THỂ CHẾ CỦA NGƯỜI NATUFIAN, cho dù rất có thể đã đặt nền móng cho cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới, đã không để lại một di sản đơn giản trong lịch sử thế giới và không dẫn đến thịnh vượng dài hạn trên quê hương họ ở đất nước Israel, Palestine và Syria ngày nay. Syria và Palestine vẫn là những vùng tương đối nghèo của thế giới hiện đại, và sự thịnh vượng của Israel chủ yếu được du nhập bởi sự định cư của người Do Thái sau Thế chiến thứ hai và trình độ học vấn cao của họ cũng

https://thuviensach.vn

như sự tiếp cận dễ dàng với các công nghệ tiên tiến. Sự tăng trưởng sớm của người Natufian không được duy trì bền vững bởi cùng một lý do hệt như sự tăng trưởng suy yếu dần của Liên Xô. Cho dù vô cùng quan trọng, thậm chí mang tính cách mạng vào thời đó, đây là sự tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt. Đối với xã hội Natufian, cũng có thể kiểu tăng trưởng này đã tạo ra xung đột sâu sắc về việc ai sẽ kiểm soát thể chế và chiếm đoạt những của cải mà các thể chế đó tạo ra.

Đối với giới quyền thế hưởng lợi từ sự chiếm đoạt, sẽ có những người ngoài giới mong muốn thay thế họ. Đôi khi, sự đấu đá nội bộ chỉ đơn thuần thay thế một nhóm quyền thế này bằng một nhóm quyền thế khác. Đôi khi, nó phá hủy toàn bộ xã hội chiếm đoạt, châm ngòi cho một quá trình sụp đổ nhà nước và xã hội, như nền văn minh phi thường mà các thành bang Maya từng xây dựng hơn 1.000 năm trước đây đã trải qua.

SỰ CHIẾM ĐOẠT KHÔNG ỔN ĐỊNH

Hoạt động canh tác xuất hiện một cách độc lập ở một vài nơi trên thế giới. Ở nơi hiện nay là đất nước Mexico hiện đại, các xã hội hình thành đã thiết lập nhà nước và các vùng định cư rồi chuyển sang hoạt động nông nghiệp. Hệt như với người Natufian ở Trung Đông, họ cũng đạt được một mức độ tăng trưởng kinh tế nhất định. Các thành bang Maya ở miền nam Mexico, Belize, Guatemala và Tây Honduras trên thực tế đã xây dựng được một nền văn minh khá tinh tế trong các thể chế chiếm đoạt riêng của họ. Kinh nghiệm Maya không chỉ minh họa khả năng tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt mà còn cho thấy một giới hạn cơ bản khác đối với kiểu tăng trưởng này: bất ổn chính trị nổi lên và cuối cùng dẫn đến sụp đổ cả xã hội lẫn nhà nước khi các nhóm khác nhau và dân chúng tranh giành để trở thành kẻ chiếm đoạt.

Các thành phố Maya bắt đầu phát triển vào khoảng năm 500 TCN. Những thành phố đầu tiên này cuối cùng đã lụi tàn vào khoảng thế kỷ thứ 1

https://thuviensach.vn

sau Công nguyên (SCN). Khi ấy, một mô hình chính trị mới ra đời, đặt nền móng cho thời kỳ cổ đại từ năm 250 đến 900 SCN. Thời kỳ này đánh dấu sự nở rộ của nền văn hóa và văn minh Maya. Nhưng nền văn minh tinh xảo hơn này rồi cũng sụp đổ theo dòng thời gian 600 năm sau. Cho đến lúc những kẻ chinh phục người Tây Ban Nha xuất hiện vào đầu thế kỷ 16, các đền đài và thành quách vĩ đại của phần lớn khu vực người Maya như Tikal, Palenque và Calakmul xa mờ dần trong rừng thẳm, không được phục hồi mãi cho đến thế kỷ 19.

Các thành phố Maya chưa bao giờ thống nhất thành một đế chế, tuy nhiên một vài thành phố vẫn thuần phục những thành phố khác, và xem ra họ thường hợp tác với nhau, nhất là trong chiến tranh. Mối liên hệ chính giữa các thành bang trong khu vực, mà chúng ta có thể nhận ra 50 thành bang trong số đó thông qua ký tự riêng của họ, thể hiện qua việc dân chúng nói khoảng 31 ngôn ngữ Maya tuy khác nhau nhưng liên quan mật thiết với nhau. Người Maya phát triển một hệ thống chữ viết, và có ít nhất 15 nghìn di cảo bút tích của họ còn để lại, mô tả nhiều khía cạnh trong cuộc sống giới quyền thế và của nền văn hóa cũng như tôn giáo. Họ cũng có lịch pháp tinh vi để tính ngày tháng, được gọi là lịch Long Count. Nó rất giống với lịch của chúng ta ngày nay ở chỗ năm được bắt đầu bằng một ngày cố định, và lịch này được tất cả các thành phố Maya sử dụng. Lịch Long Count bắt đầu vào năm 3114 TCN, dù vậy, ta không biết tầm quan trọng người Maya gán cho năm này là gì, vốn rất xa xưa trước khi xuất hiện bất kỳ xã hội nào tương tự như xã hội Maya.

Người Maya là những người thợ xây dựng khéo léo đã độc lập phát minh ra xi-măng. Các công trình kiến trúc và bút tích của họ cung cấp những thông tin quan trọng về quỹ đạo của các thành phố Maya, vì họ thường ghi lại các sự kiện theo niên đại căn cứ theo lịch Long Count. Tìm hiểu tất cả các thành phố Maya, các nhà khảo cổ có thể đếm xem có bao nhiêu công trình kiến trúc đã được hoàn thành vào những năm cụ thể. Chỉ có một vài đài kỷ niệm ghi niên đại ứng với năm 500 SCN. Ví dụ, năm theo

https://thuviensach.vn

lịch Long Count tương ứng với năm 514 SCN chỉ có 10 công trình kỷ niệm. Sau đó số lượng tăng dần, lên đến 20 đài kỷ niệm vào năm 672 SCN và 40 vào giữa thế kỷ thứ 8. Sau đó, số lượng đài kỷ niệm có ghi niên đại giảm mạnh. Cho đến thế kỷ thứ 9, chỉ còn 10 đài kỷ niệm mỗi năm, và đến thế kỷ thứ 10 thì không có đài kỷ niệm nào. Các bút tích ngày tháng này cho ta một bức tranh rõ ràng về sự bành trướng rồi suy sụp dần của các thành phố Maya từ cuối thế kỷ thứ 8.

Việc phân tích theo niên đại này có thể được bổ trợ thông qua việc xem xét danh sách các vị vua Maya được ghi lại trong lịch sử. Ở thành phố Maya Copán, hiện là Tây Honduras, có một đài kỷ niệm nổi tiếng được gọi là Điện thờ Q. Điện thờ Q ghi lại danh tính tất cả các vì vua, bắt đầu từ người sáng lập triều đại K’inich Yax K’uk’ Mo’, hay “Hoàng đế Thanh Nhật Đệ Nhất Quetzal Macaw”, với tước hiệu không chỉ được đặt theo mặt trời, mà còn theo tên hai loài chim xinh đẹp ở các khu rừng Trung Mỹ có lông sặc sỡ rất được người Maya ưa chuộng (quetzal là chim đuôi seo và macaw là vẹt đuôi dài). K’inich Yax K’uk’ Mo’ lên ngôi ở Copán vào năm 426 SCN, mà chúng ta biết được là nhờ vào ngày Long Count ghi trên Điện thờ Q. Ông sáng lập ra triều đại trị vì trong 400 năm. Một số người kế nhiệm của K’inich Yax cũng có tước hiệu sinh động tương tự. Tước hiệu của hoàng đế thứ 13 dịch ra là “18 Con Thỏ” tiếp đến là “Khỉ Bốc Khói” (Smoke Monkey) rồi đến “Vỏ Sò Bốc Khói” (Smoke Shell) qua đời vào năm 763 SCN. Tước hiệu cuối cùng trên Điện thờ này là Vua Yax Pasaj Chan Yoaat, hay “Thần Chiếu Sáng Bầu Trời Bình Minh Đệ Nhất,” người cai trị thứ 16 của triều đại này và lên ngôi sau khi vua Vỏ Sò Bốc Khói băng hà. Sau ông, chúng ta chỉ biết một vị vua nữa, Ukit Took (“Thần Hộ Mệnh Sắt Đá”), từ một mảnh vỡ của một điện thờ khác. Sau Yak Pasaj, các công trình kiến trúc và bút tích dừng lại, và xem ra triều đại này ngay sau đó đã bị lật đổ. Thậm chí Ukit Took có lẽ cũng không phải là người lên ngôi thực tế mà chỉ là kẻ tranh quyền đoạt vị.

https://thuviensach.vn

Còn có một cách cuối cùng để xem xét các bằng chứng này ở Copán, do các nhà khảo cổ Ann Corinne Freter, Nancy Gonlin và David Webster thực hiện. Các nhà nghiên cứu này vẽ lại quá trình vươn lên rồi lụi tàn của Copán thông qua việc xem xét sự mở rộng vùng định cư ở thung lũng Copán trong khoảng thời gian 850 năm, từ năm 400 đến 1250 SCN, sử dụng một kỹ thuật gọi là hyđrát hóa đá khoáng obsidian vào ngày khai thác. Sau khi khai thác, hàm lượng nước tăng theo một tỷ lệ đã biết, cho phép các nhà khảo cổ tính được ngày khai thác mảnh đá obsidian. Sau đó, Freter, Gonlin và Webster có thể vẽ lại những nơi tìm thấy các mảnh đá ở thung lũng Copán và theo dõi cách thức thành phố được mở rộng rồi thu hẹp như thế nào. Vì người ta có thể dự đoán một cách hợp lý về số lượng nhà ở và vật kiến trúc trong một khu vực cụ thể, nên từ đó có thể ước lượng được tổng dân số của thành phố. Trong giai đoạn từ năm 400-447 SCN, dân số không đáng kể, ước lượng vào khoảng 600 người. Dân số tăng dần đạt đỉnh cao 28 nghìn người vào giai đoạn 750-799 SCN. Cho dù con số này không phải là lớn theo các tiêu chuẩn đô thị hiện đại, nhưng là dân số khổng lồ thời bấy giờ. Những con số này cho biết vào thời kỳ này, Copán có dân số đông hơn cả Luân Đôn và Paris. Các thành phố Maya khác như Tikal và Calakmul rõ ràng còn lớn hơn nhiều. Phù hợp với bằng chứng từ niên đại Long Count, dân số Copán đạt đỉnh điểm vào năm 800 SCN. Sau thời điểm này, dân số bắt đầu giảm, và đến năm 900 SCN còn lại khoảng 15 nghìn người. Từ đó dân số tiếp tục giảm, và đến năm 1200 SCN, quay về mức của 800 năm trước đó.

Nền tảng phát triển kinh tế của Maya thời cổ đại cũng giống như của Bushong và người Natufian: sự thành lập các thể chế chiếm đoạt với mức độ tập trung hóa nhà nước nhất định. Các thể chế này có một vài yếu tố chủ chốt. Khoảng năm 100 SCN, ở thành phố Tikal thuộc Guatemala, một triều đại mới ra đời. Tầng lớp cai trị dựa vào *ajaw* (chúa tể hay nhà cai trị) bắt đầu bén rễ với một vì vua được gọi là *k'uhul ajaw* (chúa tể thiêng liêng), và bên dưới ông là tầng lớp quý tộc. Chúa tể thiêng liêng tổ chức xã hội với sự hợp tác của giới quyền thế đồng thời giao lưu với thần thánh. Như những gì

https://thuviensach.vn

ta biết, hệ thống thể chế chính trị mới này không cho phép bất kỳ sự tham gia nào của quần chúng, nhưng vẫn mang lại sự ổn định. *K'uhui ajaw* thu nạp lễ vật từ nông dân và người lao động có tổ chức để xây dựng những đền đài hoành tráng, và việc củng cố các thể chế này đặt nền móng cho sự mở rộng kinh tế đầy ấn tượng. Nền kinh tế Maya dựa vào chuyên môn hóa nghề nghiệp sâu rộng, bao gồm những thợ gốm tinh xảo, thợ dệt, thợ mộc và những người chế tác công cụ và đồ trang sức. Họ cũng mua bán đá khoáng obsidian, da báo, vỏ ốc biển, ca-cao, muối, da thuộc giữa họ và các chính thể khác ở Mexico. Có lẽ họ cũng có tiền, và sử dụng hạt ca-cao làm đơn vị tiền tệ như người Aztec.

Cách xây dựng nền văn minh Maya thời cổ đại dựa trên việc thiết lập các thể chế chính trị chiếm đoạt hết sức giống với tình huống của người Bushong, trong đó Yax Ehb’ Xook ở Tikal đóng vai trò tương tự như vua Shyaam. Các thể chế chính trị mới dẫn đến sự gia tăng đáng kể thịnh vượng kinh tế, mà phần lớn bị chiếm đoạt bởi giới quyền thế mới xung quanh *k’uhul ajaw*. Tuy nhiên, sau khi hệ thống này được củng cố vào khoảng năm 300 SCN, gần như không có thay đổi công nghệ sâu hơn nữa. Cho dù có ít nhiều bằng chứng về cải tiến thủy lợi và các kỹ thuật quản lý nước, công nghệ nông nghiệp vẫn thô sơ và xem ra không thay đổi. Các kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật trở nên tinh xảo hơn nhiều theo thời gian, nhưng nhìn chung không có nhiều đổi mới.

Không có sự phá hủy sáng tạo. Nhưng có những hình thức khác của sự phá hủy khi của cải mà các thể chế chiếm đoạt tạo ra cho *k’uhul ajaw* và giới quyền thế Maya dẫn đến chiến tranh liên miên mà ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Hậu quả của xung đột được ghi lại trong di cảo của người Maya, với những ký tự đặc biệt cho thấy chiến tranh đã xảy ra vào một ngày cụ thể theo lịch Long Count. Hành tinh Venus (sao Kim) là thần chiến tranh và người Maya cho rằng một số thời kỳ nhất định trong quỹ đạo hành tinh này là điềm báo đặc biệt thuận lợi để tiến hành chiến tranh. Hình tượng biểu thị chiến tranh của người Maya, được các nhà khảo cổ gọi là “cuộc chiến giữa

https://thuviensach.vn

các vì sao", có hình một ngôi sao đổ xuống trái đất một chất lỏng trông như nước hay máu. Bút tích của người Maya cũng cho biết mô thức của các liên minh hay kình địch. Đã có những trận chiến kéo dài để tranh giành quyền lực giữa những nước lớn hơn như Tikal, Calakmul, Copán và Palenque, và họ đã thuần phục những nước nhỏ hơn trở thành các nước chư hầu. Bằng chứng về điều này xuất phát từ các hình tượng đánh dấu những buổi thiết triều. Trong thời kỳ này, những hình tượng này bắt đầu cho thấy các nước nhỏ hơn giờ đây bị chi phối bởi những kẻ cai trị khác từ bên ngoài.

Bản đồ 10 biểu thị các thành phố Maya chính và diễn biến quan hệ giữa họ qua sự tái hiện của các nhà khảo cổ Nikolai Grube và Simon Martin. Diễn biến này cho thấy, cho dù các thành phố lớn như Calakmul, Dos Pilas, Pedras Negras và Yaxchilan đã có các quan hệ ngoại giao sâu rộng, một số thường bị chi phối bởi những thành phố khác và họ cũng giao tranh lẫn nhau.

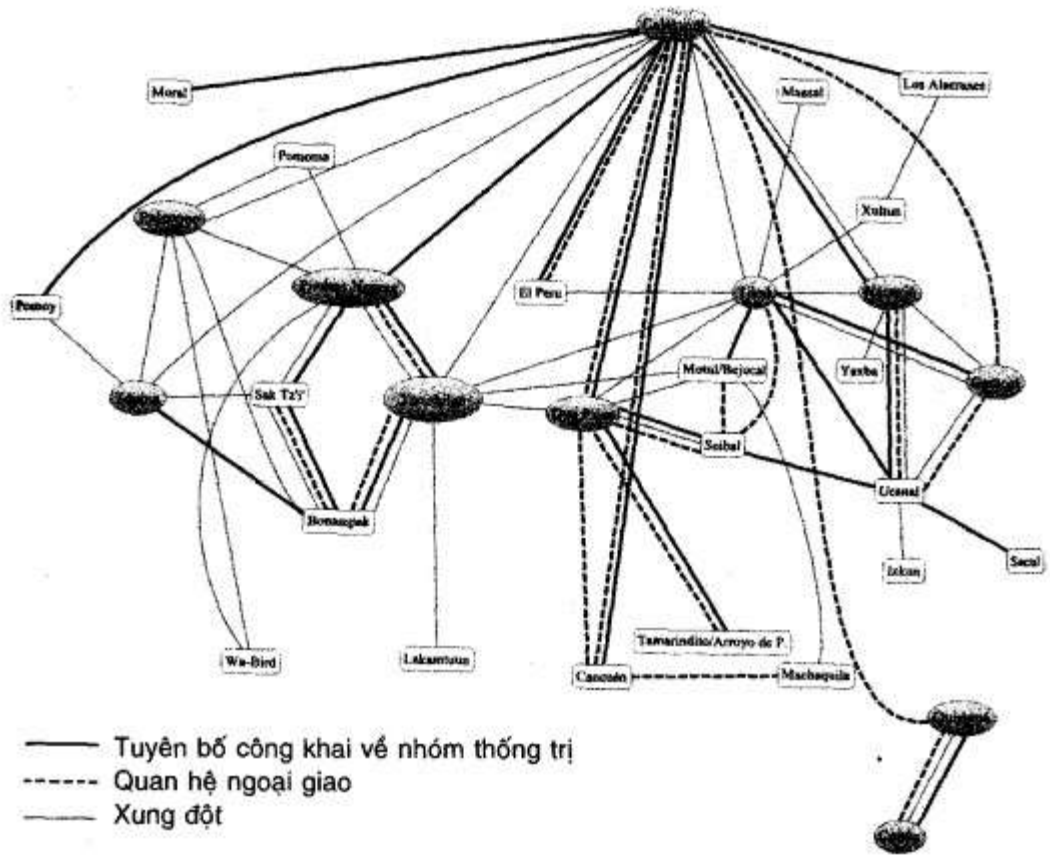

https://thuviensach.vn

Bản đồ 10: Các thành bang Maya, quan hệ và xung đột giữa các thành phố (p.197)

Sự kiện nổi bật về sự sụp đổ của Maya là nó trùng hợp với sự lật đổ mô hình chính trị dựa vào *k'uhul ajaw*. Chúng ta đã thấy rằng ở Copán sau khi vua Yax Pasaj băng hà vào năm 810 SCN, nơi đây không có thêm vị vua nào nữa. Vào khoảng thời gian này, các lâu đài hoàng tộc bị bỏ phế. Ở thành phố Quiriguá cách Copán 20 dặm về phía bắc, vị hoàng đế cuối cùng tên là Bầu trời Ngọc bích (Jade Sky) trị vì từ năm 795 đến 800 SCN. Đài kỷ niệm cuối cùng có ghi niên đại là từ năm 810 SCN theo lịch Long Count, cùng năm vua Yax Pasaj băng hà. Điều tương tự cũng xảy ra trên khắp lãnh thổ Maya; các thể chế chính trị tạo thành bối cảnh cho sự mở mang thương mại, nông nghiệp và dân số đã lụi tàn. Không còn những buổi thiết triều, không còn chạm khắc đền đài, và cung điện trở nên hoang phế. Khi các thể chế chính trị và kinh tế bị xổ tung, quá trình tập trung hóa nhà nước bị đảo ngược, nền kinh tế thu hẹp dần và dân số giảm sút.

Trong một số trường hợp, các trung tâm lớn sụp đổ do bạo động lan rộng. Vùng Petexbatun thuộc Guatemala - nơi những đền đài vĩ đại bị kéo sập để lấy gạch đá xây dựng những bức tường phòng thủ lớn - cho ta một ví dụ sinh động. Như ta sẽ thấy trong chương tiếp theo, điều này cũng tương tự như những gì xảy ra ở Đế quốc La Mã về sau. Sau này, ngay cả những nơi như Copán, nơi có ít dấu hiệu bạo loạn hơn vào thời điểm sụp đổ, nhiều đài tưởng niệm cũng bị xóa nhòa hay phá hủy. Ở một vài nơi, giới quyền thế vẫn tồn tại thậm chí sau khi *k'uhul ajaw* bị lật đổ lần đầu. Ở Copán, có bằng chứng cho thấy giới quyền thế tiếp tục dựng lên các công trình kiến trúc mới ít nhất thêm 200 năm nữa trước khi họ cũng biến mất. Giới quyền thế ở những nơi khác dường như đã ra đi cùng thời điểm với chúa tể thiêng liêng.

Bằng chứng khảo cổ hiện hữu không cho phép ta đi đến một kết luận dứt khoát về lý do khiến *k'uhul ajaw* cùng giới quyền thế xung quanh ông

https://thuviensach.vn

bị lật đổ và những thể chế từng tạo ra nền văn minh Maya cổ đại bị lụi tàn. Chúng ta biết điều này diễn ra trong bối cảnh chiến tranh tàn khốc giữa các thành phố, và xem ra có thể là sự chống đối và nổi dậy trong nội bộ thành phố, có lẽ được lãnh đạo bởi các thành phần khác nhau của giới quyền thế, đã lật đổ thể chế.

Cho dù các thể chế chiếm đoạt mà người Maya thiết lập đã tạo ra của cải đủ để các thành phố phát triển một cách thịnh vượng và giới quyền thế trở nên giàu có, đồng thời xây dựng các đền đài hoành tráng và nghệ thuật vĩ đại, hệ thống này không ổn định. Giới quyền thế đã cai trị dựa trên các thể chế chiếm đoạt, dẫn đến tình trạng cách biệt giàu nghèo sâu sắc và tiềm năng xâu xé nội bộ giữa những người có thể hưởng lợi nhờ vào của cải chiếm đoạt từ dân chúng. Sự xung đột này đã đưa nền văn minh Maya đến chỗ lụi tàn.

ĐIỀU GÌ ĐÃ TRỞ NÊN SAI LẦM?

Các thể chế chiếm đoạt phổ biến trong lịch sử vì chúng có một lôgic vững chắc: chúng có thể tạo ra sự thịnh vượng có giới hạn, đồng thời phân phối sự thịnh vượng đó vào tay giới quyền thế thiểu số. Để sự tăng trưởng này diễn ra, phải có sự tập trung hóa chính trị. Một khi đã đạt được tập trung hóa chính trị, nhà nước - hay giới quyền thế kiểm soát nhà nước - thường có động cơ đầu tư và tạo ra của cải, khuyến khích những người khác đầu tư để nhà nước có thể chiếm đoạt nguồn lực từ họ, và thậm chí bắt chước một vài quá trình vận động thông thường thông qua các thị trường và các thể chế kinh tế dung hợp. Trong các nền kinh tế đồn điền Caribê, các thể chế chiếm đoạt có hình thức của giới quyền thế sử dụng vũ lực để cưỡng bức lao động sản xuất đường. Ở Liên Xô, các thể chế này biểu thị qua việc phân bổ nguồn lực từ nông nghiệp sang công nghiệp và bố trí một kiểu động cơ khuyến khích đối với các nhà quản lý và người lao động. Như chúng ta đã thấy, những động cơ này bị xói mòn bởi chính bản chất của hệ thống.

https://thuviensach.vn

Tiềm năng tạo ra tăng trưởng chiếm đoạt mang lại động lực cho sự tập trung hóa chính trị và là lý do khiến vua Shyaam mong muốn thành lập Vương quốc Kuba, và có thể giải thích lý do khiến người Natufian ở Trung Đông thiết lập một hình thức sơ khai của luật pháp, trật tự, tôn ti và các thể chế chiếm đoạt cuối cùng dẫn đến cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới. Các quá trình tương tự cũng có thể làm cơ sở cho sự xuất hiện của các xã hội định cư và chuyển sang hoạt động nông nghiệp ở châu Mỹ và có thể được nhận thấy qua nền văn minh tinh xảo mà người Maya xây dựng trên nền tảng hình thành từ các thể chế chiếm đoạt cao độ, cưỡng bức đa số dân chúng vì lợi ích của giới quyền thế thiểu số.

Tuy nhiên, sự tăng trưởng được tạo ra bởi các thể chế chiếm đoạt có bản chất khác với sự tăng trưởng trong các thể chế dung hợp. Quan trọng hơn cả là nó không bền vững. Theo đúng bản chất, các thể chế chiếm đoạt không thúc đẩy sự phá hủy sáng tạo, và trong điều kiện tốt nhất cũng chỉ tạo ra sự tiến bộ công nghệ có hạn. Vì thế, sự tăng trưởng do các thể chế chiếm đoạt tạo ra chỉ kéo dài trong một thời gian nhất định. Kinh nghiệm Xô viết cho ta một ví dụ minh họa sống động về giới hạn này. Liên Xô đã tạo ra sự tăng trưởng nhanh chóng khi họ nhanh chóng bắt kịp một số công nghệ tiên tiến trên thế giới, và nguồn lực được phân bổ từ nông nghiệp vô cùng kém hiệu quả sang công nghiệp. Nhưng cuối cùng, các động cơ khuyến khích trong mỗi lĩnh vực, từ nông nghiệp đến công nghiệp, đều không thể kích thích tiến bộ công nghệ. Tiến bộ công nghệ chỉ diễn ra trong những mảng hoạt động được rót nguồn lực và sự phát minh đổi mới được ban thưởng mạnh mẽ do vai trò của nó trong sự cạnh tranh với phương Tây. Sự tăng trưởng của Liên Xô, cho dù nhanh đến mức nào, cũng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, và cuối cùng kiệt sức vào thập niên 1970.

Thiếu sự phá hủy sáng tạo và phát minh đổi mới không phải là nguyên nhân duy nhất dẫn đến giới hạn tăng trưởng nghiêm trọng trong các thể chế chiếm đoạt. Lịch sử các thành bang Maya minh họa cho một kết cục xấu, và than ôi, phổ biến hơn, một lần nữa bộc lộ qua lôgic nội tại của các thể

https://thuviensach.vn

chế chiếm đoạt. Khi các thể chế này tạo ra lợi lộc to lớn cho giới quyền thế, sẽ có động cơ mãnh liệt thôi thúc những người khác tranh đấu để chiếm chỗ của giới quyền thế hiện hành. Vì thế, xâu xé nội bộ và bất ổn là hai đặc điểm cố hữu của các thể chế chiếm đoạt, và chúng không chỉ gây ra tình trạng kém hiệu quả hơn nữa mà còn đảo ngược sự tập trung hóa chính trị, thậm chí đôi khi còn dẫn đến sự sụp đổ hoàn toàn luật pháp và trật tự, rơi vào hỗn loạn, như các thành bang Maya đã từng trải qua sau thành công tương đối của họ thời cổ đại.

Cho dù vốn dĩ có hạn, tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt xem ra vẫn phi thường khi chúng đang vận động. Nhiều người ở Liên Xô và còn nhiều người hơn nữa trong thế giới phương Tây từng kính sợ trước sự tăng trưởng của đất nước Xô viết trong những thập niên 1920 đến thập niên 1960 và thậm chí đến cuối những năm 1970, theo cùng một cách thức như họ đã bị mê hoặc bởi nhịp độ tăng trưởng kinh tế quá nhanh của Trung Quốc ngày nay. Nhưng như chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn trong chương 15, Trung Quốc là một ví dụ khác về xã hội đang tăng trưởng dưới các thể chế chiếm đoạt, và một cách tương tự, không chắc có thể tạo ra tăng trưởng bền vững trừ khi đất nước thực hiện sự chuyển đổi chính trị cơ bản hướng tới các thể chế chính trị dung hợp.

https://thuviensach.vn

6. PHÂN HÓA THỂ CHẾ

VENICE ĐÃ TRỞ THÀNH VIỆN BẢO TÀNG NHƯ THẾ NÀO

NHỮNG HÒN ĐẢO tạo thành Venice nằm xa tít phía bắc biển Adriatic. Thời Trung cổ, Venice có lẽ là nơi giàu nhất thế giới, với một hệ thống thể chế kinh tế dung hợp tiên tiến nhất đặt cơ sở trên tính dung hợp chính trị mới phôi thai. Venice giành độc lập vào năm 810 SCN, một thời điểm hóa ra là tình cờ. Nền kinh tế châu Âu đang hồi phục từ tình trạng sa sút mà nó phải gánh chịu khi Đế quốc La Mã sụp đổ, và những vị hoàng đế như Charlemagne đang thiết lập lại quyền lực chính trị tập trung mạnh mẽ. Điều này dẫn đến ổn định, an ninh hơn và mở mang thương mại, và Venice ở vào một vị trí độc đáo để tranh thủ những lợi thế này. Đây là đất nước của những người đi biển, tọa lạc ngay giữa lòng Địa Trung Hải. Đến từ phương Đông là các loại gia vị, hàng hóa sản xuất ở Byzantine và nô lệ. Venice trở nên giàu có. Vào năm 1050, sau ít nhất một thế kỷ mở mang kinh tế, Venice có tới 45 nghìn dân. Đến năm 1200, dân số tăng thêm hơn 50% lên đến 70 nghìn người. Năm 1330, dân số lại tăng thêm 50% nữa, lên đến 110 nghìn người; Venice khi ấy lớn bằng Paris, và có lẽ lớn gấp ba lần Luân Đôn.

Một trong những yếu tố làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế ở Venice là một loạt sáng kiến về hợp đồng làm cho các thể chế kinh tế trở nên có tính dung hợp hơn. Nổi tiếng nhất là *commenda*, một hình thức sơ khai của công ty cổ phần, được hình thành cho từng thương vụ. Một *commenda* liên quan đến hai đối tác, một người định cư ở Venice và một người lữ hành trên biển. Đối tác định cư góp vốn vào công ty, còn đối tác lữ hành áp tải hàng hóa. Thông thường, phần vốn góp của đối tác định cư chiếm tỷ trọng chi phối. Các nghiệp chủ trẻ không có của cải có thể tham gia vào hoạt động kinh doanh bằng cách áp tải hàng hóa. Đó là kênh chính

https://thuviensach.vn

để đưa xã hội tiến lên. Bất kỳ tổn thất thua lỗ nào trong cuộc hành trình đều được chia sẻ dựa vào giá trị góp vốn của các đối tác. Nếu chuyến đi có lời, lợi nhuận sẽ được chia dựa vào hai loại hợp đồng *commenda*. Nếu *commenda* là hợp đồng đơn phương thì đối tác định cư cung cấp 100% vốn và nhận được 75% lợi nhuận. Còn nếu là hợp đồng song phương thì đối tác định cư góp 67% vốn và nhận được 50% lợi nhuận. Nghiên cứu văn khố chính thức, ta có thể thấy sức đẩy của *commenda* mãnh liệt đến mức nào trong việc thúc đẩy xã hội tiến lên: các tài liệu này đầy rẫy những danh tính mới, những người trước đây không thuộc giới quyền thế Venice. Trong văn khố nhà nước, vào các năm 960, 971 và 982 SCN, số lượng những tên tuổi mới lần lượt chiếm tới 69%, 81% và 65% danh sách.

Tính dung hợp kinh tế này và sự vươn lên của những gia đình mới thông qua hoạt động thương mại buộc hệ thống chính trị phải trở nên cởi mở hơn. Chức vụ tổng trấn cai quản Venice trọn đời do Cơ quan lập pháp (General Assembly) bầu chọn. Tuy là một tập hợp chung của toàn thể công dân, trên thực tế Cơ quan lập pháp bị chi phối bởi một nhóm nòng cốt bao gồm các gia đình quyền thế. Mặc dù tổng trấn có nhiều quyền lực nhưng quyền lực này giảm dần theo thời gian bởi sự thay đổi thể chế chính trị. Sau năm 1032, tổng trấn được bầu cùng với một Hội đồng công tước (Ducal Council) mới ra đời với nhiệm vụ bảo đảm rằng tổng trấn không thâu tóm quyền lực tuyệt đối. Vị tổng trấn đầu tiên, Domenico Flabianico, nhậm chức trong “vòng vây” của hội đồng này. Ông là một nhà buôn tơ lụa giàu có, xuất thân từ một gia đình trước đây chưa từng nắm giữ chức vụ cao. Sự thay đổi thể chế này được tiếp nối bằng sự mở rộng mạnh mẽ quyền lực thương mại và hải quân của Venice. Năm 1082, Venice được trao đặc quyền thương mại ở Constantinople, và một khu định cư của người Venice ra đời ở thành phố này, và chẳng bao lâu đã có tới 10 nghìn người Venice. Ở đây, chúng ta thấy các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp bắt đầu vận hành song song.

https://thuviensach.vn

Sự mở mang kinh tế của Venice, vốn đã tạo ra thêm áp lực thay đổi chính trị, lại càng bùng nổ sau những thay đổi về thể chế chính trị và kinh tế tiếp theo sau vụ ám sát tổng trấn vào năm 1171. Đổi mới quan trọng đầu tiên là sự ra đời của Hội đồng tối cao (Great Council), sẽ trở thành quyền lực chính trị tối hậu ở Venice từ đó về sau. Hội đồng tối cao bao gồm những người đang nắm giữ chức vụ trong nhà nước ở Venice, chẳng hạn như các thẩm phán, và được chi phối bởi giới quý tộc. Ngoài những người đương chức này, mỗi năm lại có thêm hàng trăm thành viên mới được đề cử vào hội đồng bởi một ủy ban đề cử gồm bốn thành viên được chọn bằng cách bốc thăm từ hội đồng hiện hữu. Sau đó, hội đồng cũng lựa chọn thành viên cho hai viện trực thuộc, Viện Nguyên lão (Senate) và Tứ thập viện (Council of Forty), vốn có các nhiệm vụ lập pháp và hành pháp khác nhau. Hội đồng tối cao cũng bầu chọn Hội đồng công tước, được mở rộng từ bốn lên sáu thành viên. Đổi mới thứ hai là sự ra đời của một hội đồng khác, do Hội đồng tối cao lựa chọn bằng cách bốc thăm, có nhiệm vụ bổ nhiệm tổng trấn. Cho dù việc tuyển chọn phải được cơ quan lập pháp thông qua, nhưng vì họ chỉ bổ nhiệm một người, nên điều này thực chất trao quyền bổ nhiệm tổng trấn cho hội đồng. Đổi mới thứ ba là tổng trấn mới phải tuyên thệ khi nhậm chức rằng ông chấp nhận quyền lực bị giới hạn bởi Hội đồng công tước. Theo thời gian, giới hạn quyền lực này tiếp tục gia tăng để các vị tổng trấn về sau phải phục tùng phán quyết của các phán quan (magistrate), khi ấy mọi phán quyết của họ đều phụ thuộc vào sự phê duyệt của Hội đồng công tước. Hội đồng công tước cũng đảm nhận vai trò bảo đảm rằng tổng trấn sẽ tuân thủ mọi phán quyết của Hội đồng tối cao.

Các cuộc cải cách chính trị này dẫn đến một loạt đổi mới thể chế tiếp theo về luật pháp: sự ra đời của các phán quan, tòa sơ thẩm, tòa phúc thẩm, luật hợp đồng tư nhân mới và luật phá sản. Các thể chế kinh tế mới của Venice cho phép dân chúng sáng tạo ra các hình thức kinh doanh hợp pháp mới và các loại hợp đồng mới. Đã có sự đổi mới tài chính nhanh chóng và chúng ta thấy sự khởi đầu của hệ thống ngân hàng hiện đại ở Venice vào

https://thuviensach.vn

thời điểm này. Có cảm tưởng như không gì có thể cưỡng lại được xu hướng tiến tới các thể chế dung hợp hoàn toàn của Venice.

Nhưng có một mối căng thẳng trong toàn bộ tình thế này. Tăng trưởng kinh tế được nâng đỡ bởi các thể chế dung hợp của Venice đi kèm với sự phá hủy sáng tạo. Mỗi làn sóng mới của những thanh niên trẻ dám nghĩ dám làm, trở nên giàu có thông qua hệ thống hợp đồng *commenda* hay các thể chế kinh tế tương tự, đều có xu hướng làm giảm lợi nhuận và thành công kinh tế của giới quyền thế lâu đời. Và không chỉ làm giảm lợi nhuận, họ còn thách thức quyền lực chính trị của giới quyền thế này. Vì thế, trong giới quyền thế hiện hữu ở Hội đồng tối cao luôn thường trực sự cám dỗ thôi thúc họ, bằng mọi cách có thể, ngăn không để những nhân tố mới này tham gia hệ thống.

Ngay từ lúc mới thành lập Hội đồng tối cao, tư cách thành viên được xác định mỗi năm. Như ta đã thấy, bốn người được chọn ngẫu nhiên để đề cử 100 thành viên trong năm tới, những người tự động được tuyển chọn vào hội đồng. Ngày 3/10/1286, Hội đồng tối cao đề nghị điều chỉnh luật để việc đề cử phải được xác nhận bởi đa số trong Tứ thập viện, vốn được kiểm soát chặt chẽ bởi các gia đình quyền thế. Điều này sẽ mang lại cho giới quyền thế quyền phủ quyết những người mới được đề cử vào hội đồng, quyền lực mà trước đây họ không có. Đề nghị này bị bác bỏ. Vào ngày 5/10/1286, đề nghị khác lại được đưa ra và lần này đã được thông qua. Từ đó về sau, người mới được đề cử sẽ tự động được xác nhận nếu cha hay ông họ đã từng phục vụ trong hội đồng. Bằng không, Hội đồng công tước sẽ yêu cầu phải xác nhận đề cử. Ngày 17/10/1286, một thay đổi khác trong luật lệ được thông qua, quy định rằng việc đề cử người vào Hội đồng tối cao phải có sự phê duyệt của Tứ thập viện, tổng trấn và Hội đồng công tước.

Các cuộc tranh cãi và sửa đổi hiến pháp năm 1286 là điềm báo trước sự đóng cửa (La Serrata) của Venice. Tháng 2/1297, người ta quyết định

https://thuviensach.vn

rằng nếu bạn là thành viên của Hội đồng tối cao trong bốn năm trước, bạn sẽ tự động được đề cử và phê duyệt. Những người mới được đề cử bây giờ phải được Tứ thập viện phê duyệt, nhưng chỉ với 12 lá phiếu. Sau ngày 11/9/1298, các thành viên hiện hữu và gia đình họ không cần được xác nhận nữa. Hội đồng tối cao giờ đây thực chất là đóng cửa và niêm phong với những người bên ngoài, và các thành viên đương nhiệm ban đầu nghiễm nhiên trở thành giới quý tộc cha truyền con nối. Việc đóng cửa và niêm phong này xảy ra vào năm 1315, với "Sách vàng" (Libro d'Oro), là một sổ đăng ký chính thức tầng lớp quý tộc Venice.

Những người nằm ngoài tầng lớp quý tộc mới phôi thai này không để cho quyền lực của họ bị xói mòn mà không tranh đấu. Căng thẳng chính trị tăng dần ở Venice từ năm 1297 đến 1315. Hội đồng tối cao phản ứng lại một phần bằng cách tự mở rộng quy mô. Trong một nỗ lực kết nạp những kẻ phản đối ầm ĩ nhất, quy mô Hội đồng tăng từ 450 lên 1.500 thành viên. Sự mở rộng này được bổ trợ bằng sự trấn áp. Lực lượng cảnh sát được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1310, và hiện tượng đàn áp trong nước tăng dần, rõ ràng như một phương thức để củng cố trật tự chính trị mới.

Sau khi đóng cửa chính trị, Hội đồng tối cao quay ra thực hiện việc đóng cửa kinh tế. Việc chuyển sang các thể chế chính trị chiếm đoạt giờ đây được tiếp nối bằng việc chuyển sang các thể chế kinh tế chiếm đoạt. Quan trọng hơn cả, họ cấm sử dụng hợp đồng *commenda*, một trong những sáng kiến thể chế vĩ đại đã làm cho Venice trở nên giàu có. Điều này chẳng có gì ngạc nhiên: *commenda* làm lợi cho các thương nhân mới, và giờ đây giới quyền thế kỳ cựu đang ra sức loại trừ họ. Đây chỉ là một trong nhiều biện pháp hướng tới các thể chế chiếm đoạt hơn. Biện pháp kế tiếp bắt đầu được thực hiện vào năm 1314 khi nhà nước Venice bắt đầu tiếp quản và quốc hữu hóa thương mại. Nhà nước tổ chức các đội hải thuyền để hoạt động thương mại, và bắt đầu từ năm 1324 trở về sau, nhà nước thu thuế cao đối với những cá nhân muốn tham gia thương mại. Thương mại đường dài trở thành hoạt động dành riêng cho tầng lớp quý tộc. Đó là lúc sự thịnh

https://thuviensach.vn

vượng của Venice bắt đầu suy tàn. Với các hoạt động kinh doanh chính được độc quyền hóa bởi giới quyền thế ngày càng thu hẹp, tình trạng sa sút bắt đầu. Venice tưởng chừng như đang trên đường trở thành một xã hội dung hợp đầu tiên trên thế giới, thế nhưng họ đã sa vào một bước ngoặt. Các thể chế chính trị và kinh tế trở nên chiếm đoạt hơn, và Venice bắt đầu trải qua tình trạng suy sụp kinh tế. Cho đến năm 1500, dân số giảm còn 100 nghìn người. Từ năm 1650 đến 1800, trong khi dân số châu Âu gia tăng nhanh chóng thì dân số Venice lại giảm dần.

Ngày nay, hoạt động kinh tế duy nhất của Venice là du lịch, nếu không kể đến một vài hoạt động đánh cá. Thay vì đi tiên phong trên con đường thương mại và các thể chế kinh tế, người Venice làm bánh pizza, làm kem và thổi thủy tinh màu cho các đoàn du khách nước ngoài. Du khách đến chiêm ngưỡng các kỳ quan của Venice từ thời trước khi đóng cửa, như Dinh tổng trấn và những con ngựa của Thánh đường St. Mark chiếm đoạt từ Byzantium thuở Venice còn thống trị Địa Trung Hải. Từ một cường quốc kinh tế, Venice giờ đây đã trở thành một viện bảo tàng.

TRONG CHƯƠNG NÀY, chúng tôi sẽ tập trung vào sự phát triển lịch sử của các thể chế ở những vùng khác nhau trên thế giới và giải thích lý do khiến chúng tiến hóa theo những lộ trình khác khau. Trong chương 4, chúng ta đã thấy cách thức các thể chế ở Tây Âu phân hóa như thế nào so với các thể chế ở Đông Âu, và các thể chế ở nước Anh phân hóa ra sao so với phần còn lại của Tây Âu. Đây là hệ quả của những khác biệt thể chế nhỏ nhặt, chủ yếu là do sự phân hóa thể chế tương tác với các thời điểm quyết định. Khi đó, người ta dễ đi đến ảo tưởng rằng sự khác biệt thể chế này là phần nổi của một tảng băng lịch sử sâu thẳm, mà bên dưới làn nước, ta thấy các thể chế của Anh và châu Âu dứt khoát trôi giạt ra xa khỏi các thể chế ở những nơi khác, dựa vào những biến cố lịch sử từ nhiều thiên niên kỷ trước. Phần còn lại của tảng băng, như người ta nói, chính là lịch sử.

https://thuviensach.vn

Chỉ có điều, sự thật không phải như thế vì hai lý do. Thứ nhất, việc chuyển sang các thể chế dung hợp, như câu chuyện Venice cho thấy, có thể bị đảo chiều. Venice đã từng trở nên thịnh vượng. Nhưng các thể chế chính trị và kinh tế đã bị lật đổ, và sự thịnh vượng đó bị đảo ngược. Ngày nay, Venice giàu có chỉ bởi vì người ta kiếm được thu nhập ở những nơi khác rồi quyết định đến đó chi tiêu với sự ngưỡng mộ hào quang quá khứ của nó. Sự kiện các thể chế dung hợp có thể bị đảo ngược cho thấy rằng không có một quá trình cải thiện thể chế được tích lũy một cách đơn giản.

Thứ hai, những khác biệt thể chế nhỏ nhặt, đóng vai trò thiết yếu vào những thời điểm quyết định lại có bản chất phù du. Vì nhỏ bé, nên chúng có thể bị đảo ngược, rồi lại tái xuất hiện và lại bị đảo ngược một lần nữa. Chúng ta sẽ thấy trong chương này rằng, trái với điều ta dự kiến từ các lý thuyết địa lý hay văn hóa, nước Anh, nơi xảy ra bước tiến dứt khoát hướng tới các thể chế dung hợp vào thế kỷ 17, chỉ là một vùng đất thiếu sinh khí, chẳng những trong nhiều thiên niên kỷ sau cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới ở Trung Đông mà ngay cả vào đầu thời Trung cổ, sau Sự suy tàn của Đế quốc Tây La Mã. Quần đảo Anh chỉ ở vị thế bên lề so với Đế quốc La Mã, và chắc chắn là kém quan trọng hơn lục địa Tây Âu, Bắc Phi, vùng Balkan, Constantinople hay Trung Đông. Khi Đế quốc Tây La Mã sụp đổ vào thế kỷ thứ 5 SCN, nước Anh gánh chịu tình trạng suy sụp nhiều nhất. Nhưng những cuộc cách mạng chính trị dẫn đường cho Cách mạng công nghiệp không diễn ra ở Ý, Thổ Nhĩ Kỳ hay ngay cả lục địa châu Âu, mà lại xảy ra ở Anh.

Khi tìm hiểu lộ trình dẫn đến cuộc Cách mạng công nghiệp của Anh và những nước đi theo lộ trình đó, di sản của La Mã có ý nghĩa quan trọng vì nhiều lý do. Thứ nhất, La Mã, cũng như Venice, đã trải qua những đổi mới thể chế lớn đầu tiên. Cũng như Venice, thành công kinh tế ban đầu của La Mã dựa vào các thể chế dung hợp - chí ít theo các tiêu chuẩn thời bấy giờ. Cũng như ở Venice, các thể chế này dứt khoát đã trở nên có tính chiếm đoạt hơn theo thời gian. Với La Mã, điều này là hệ quả của sự thay đổi từ

https://thuviensach.vn

một nền cộng hòa (510 TCN - 49 TCN) chuyển sang một đế quốc (49 TCN - 476 SCN). Mặc dù trong thời kỳ cộng hòa, La Mã đã xây dựng được một đế chế ấn tượng, hoạt động thương mại đường dài và giao thông nở rộ, nhưng phần lớn nền kinh tế La Mã dựa vào sự chiếm đoạt. Việc chuyển đổi từ nền cộng hòa sang đế quốc làm tăng sự chiếm đoạt và cuối cùng dẫn đến kiểu xâu xé nội bộ, bất ổn và sụp đổ giống như ta đã thấy với các thành bang Maya.

Thứ hai và quan trọng hơn, chúng ta sẽ thấy rằng sự phát triển thể chế sau đó của Tây Âu, cho dù không phải là di sản trực tiếp của La Mã, vẫn là hệ quả của thời điểm quyết định chung trên khắp khu vực sau sự sụp đổ Đế quốc Tây La Mã. Thời điểm quyết định này gần như không xảy ra song hành ở những nơi khác trên thế giới, như châu Phi, châu Á hay châu Mỹ, cho dù chúng ta cũng sẽ thấy qua lịch sử của Ethiopia rằng khi những nơi khác trải qua những thời điểm quyết định tương tự, đôi khi họ phản ứng theo những cách thức hết sức giống nhau. Sự suy tàn của La Mã đã dẫn đến chủ nghĩa phong kiến, mà như một sản phẩm phụ, cũng làm cho chế độ nô lệ trở nên kiệt quệ, dẫn đến sự ra đời của những thành phố nằm ngoài tầm ảnh hưởng của các triều đình và giới quý tộc, và trong quá trình đó đã tạo ta một tập hợp thể chế trong đó quyền lực chính trị của những người cai trị bị suy yếu dần. Chính từ nền tảng phong kiến này mà nạn dịch hạch đã tàn phá rồi lại củng cố các thành phố độc lập hơn nữa và tiếp sức cho người nông dân bằng tổn thất của các vương triều, giới quý tộc và các chủ sở hữu đất lớn. Và chính từ bối cảnh này mà các cơ hội hình thành từ hoạt động thương mại Đại Tây Dương sẽ phát huy tác dụng. Nhiều nơi trên thế giới không xảy ra những thay đổi này và vì thế đã trôi giạt ra xa.

LA MÃ MỘT THỜI HOÀNG KIM…

Tiberius Gracchus - vị quan hộ dân ở La Mã - bị các nguyên lão La Mã đánh bằng gậy cho đến chết vào năm 133 TCN và thi thể ông bị ném xuống sông Tiber không chút tiếc thương. Những kẻ giết ông là các quý tộc

https://thuviensach.vn

như chính bản thân Tiberius, trong khi vụ mưu sát được bố trí và chỉ đạo bởi người em họ Publius Cornelius Scipio Nasica. Tiberius Gracchus xuất thân từ một dòng dõi quý tộc hoàn hảo, là hậu duệ của một số vị lãnh tụ lừng lẫy của Cộng hòa La Mã, như Lucius Aemilius Paullus, vị anh hùng trong các cuộc chiến Illyria và Punic thứ II, và Scipio Africanus, vị tướng đã đánh bại Hannibal trong cuộc chiến tranh Punic thứ II. Tại sao các nguyên lão quyền lực ngày ấy, và ngay cả em họ của ông, đã quay ra chống lại ông?

Câu trả lời liên quan đến tình trạng căng thẳng ở Cộng hòa La Mã và các nguyên nhân dẫn đến sự suy tàn của nó sau này. Điều khiến cho Tiberius trở nên đối nghịch với các bậc nguyên lão quyền thế là việc ông sẵn lòng đứng lên chống lại họ vì một vấn đề thiết yếu thời ấy: việc phân bổ đất đai và quyền của những người dân thường La Mã.

Vào thời của Tiberius Gracchus, La Mã đã là một nền cộng hòa kỳ cựu. Các thể chế chính trị và công lao của các chiến binh - nhân dân - như thể hiện qua bức tranh nổi tiếng của Jacque Louis David *Lời thề của Horatii* (Oath of the Horatii), trình bày cảnh những người con thề với cha rằng họ sẽ bảo vệ Cộng hòa La Mã cho đến chết - vẫn được nhiều sử gia xem là nền tảng cho sự thành công của nhà nước cộng hòa. Người dân La Mã thành lập nền cộng hòa thông qua việc lật đổ hoàng đế Lucius Tarquinius Superbus, còn gọi là Tarquin Kiêu Hãnh, vào khoảng năm 510 TCN. Nhà nước cộng hòa đã khôn khéo thiết kế các thể chế chính trị với nhiều yếu tố dung hợp. Nhà nước được cai quản bởi các phán quan được "bầu chọn trong nhiệm kỳ một năm. Việc nhiều phán quan cùng được bầu chọn hằng năm làm giảm khả năng một người nào đó củng cố hay lợi dụng quyền hạn của mình. Các thể chế của nền cộng hòa bao gồm một hệ thống kiểm soát và đối trọng, giúp phân phối quyền lực tương đối rộng rãi. Điều này xảy ra ngay cả khi không phải tất cả công dân đều có người đại diện như nhau, vì việc bỏ phiếu là gián tiếp. Cũng có một lực lượng nô lệ đông đảo cần thiết cho hoạt động sản xuất ở phần lớn nước Ý, có lẽ vào khoảng

https://thuviensach.vn

1/3 dân số. Lẽ dĩ nhiên, người nô lệ không có quyền, huống hồ là đại diện chính trị.

Dầu sao đi nữa, giống như ở Venice, các thể chế chính trị La Mã cũng có những yếu tố đa nguyên. Người dân có cơ quan lập pháp riêng để bầu chọn các vị quan hộ dân, người có quyền phủ quyết các phán quyết của phán quan, và đề xuất luật pháp; cơ quan này được gọi là Hội đồng bình dân (Plebeian Assembly). Chính nhân dân đã bầu chọn Tiberius Gracchus làm quan hộ dân vào năm 133 TCN. Quyền lực của họ được hình thành thông qua việc "ly khai" (secession), một hình thức đình công của dân chúng, nhất là các chiến binh, khi họ lui về một ngọn đồi bên ngoài thành phố và từ chối hợp tác với các phán quan cho đến khi các yêu sách của họ được giải quyết. Mối đe dọa này dĩ nhiên đặc biệt quan trọng trong thời chiến tranh. Người ta cho rằng chính trong một cuộc ly khai như vậy vào thế kỷ thứ 5 TCN mà người dân đã giành được quyền bầu chọn các quan hộ dân và ban hành luật lệ cai quản cộng đồng. Sự bảo vệ luật pháp và chính trị của họ, cho dù bị giới hạn theo các tiêu chuẩn hiện nay, đã tạo ra các cơ hội kinh tế cho dân chúng và một mức độ dung hợp nhất định trong các thể chế kinh tế. Kết quả là hoạt động thương mại phát triển nhộn nhịp trên khắp Địa Trung Hải dưới thời Cộng hòa La Mã. Bằng chứng khảo cổ cho thấy, tuy mức sống của đa số quần chúng và nô lệ không cao lắm trên mức tồn tại tối thiểu, nhiều người La Mã, bao gồm một số dân thường, đã có thu nhập cao, được tiếp cận với các dịch vụ công như hệ thống thoát nước và đèn đường.

Ngoài ra cũng có bằng chứng cho thấy có sự tăng trưởng kinh tế nhất định dưới thời Cộng hòa La Mã. Chúng ta có thể lần theo dấu vết của những con tàu đắm để tìm hiểu thành tựu kinh tế của La Mã. Theo một ý nghĩa nào đó, Đế quốc La Mã được xây dựng như một mạng lưới của các thành phố cảng - từ Athens, Antioch và Alexandria ở phía đông; qua Rome, Carthage và Cadiz; kéo dài mãi đến Luân Đôn ở phía tây. Khi lãnh thổ La Mã mở rộng, hoạt động thương mại và vận chuyển cũng phát triển, được

https://thuviensach.vn

thể hiện qua dấu vết đắm tàu đã được các nhà khảo cổ phát hiện dưới đáy Địa Trung Hải. Các con tàu đắm này có thể được dò tìm niên đại theo nhiều cách. Các con tàu thường chở những vò chứa đầy rượu vang hay dầu ô-liu đi từ Ý đến Gaul, hay dầu ô-liu Tây Ban Nha để bán hay phân phối miễn phí ở Rome. Các vò chứa làm bằng đất nung được niêm kín, thường chứa đựng thông tin về thời điểm và những người đã làm ra chúng. Ngay gần con sông Tiber ở Rome có một ngọn đồi nhỏ Monte Testaccio, còn được gọi là Monte dei Cocci ("Núi gốm") hình thành từ khoảng 53 triệu chiếc vò nung này. Sau khi được bốc dỡ khỏi các con tàu, những chiếc vò nung bị vứt đi, qua hàng thế kỷ tạo thành một ngọn đồi khổng lồ.

Các hàng hóa khác trên tàu và ngay chính các con tàu đôi khi cũng có thể cho ta biết niên đại thông qua phương pháp carbon phóng xạ, một kỹ thuật mà các nhà khảo cổ sử dụng để xác định tuổi của các cổ vật hữu cơ. Thực vật tạo ra năng lượng thông qua quang hợp, sử dụng năng lượng mặt trời để chuyển hóa $C0_2$ thành đường. Khi quá trình này diễn ra, thực vật hấp thu một lượng đồng vị phóng xạ xảy ra tự nhiên, carbon 14. Sau khi thực vật chết, carbon 14 phân hủy do hiện tượng phân rã phóng xạ. Khi các nhà khảo cổ tìm được một xác tàu đắm, họ có thể xác định niên đại gỗ của con tàu thông qua đối chiếu tỷ lệ carbon 14 còn lại trong đó với tỷ lệ dự kiến từ carbon 14 trong khí quyển. Điều này cho họ một giá trị ước lượng về thời điểm cây gỗ bị đốn hạ. Chỉ khoảng 20 xác tàu đắm có niên đại vào khoảng năm 500 TCN. Đây có lẽ không phải là tàu La Mã, và rất có thể là tàu của Carthage chẳng hạn. Nhưng sau đó, số lượng tàu đắm của La Mã tăng lên nhanh chóng. Vào khoảng thời gian Chúa Giê-xu ra đời, số lượng tàu đắm này đạt đỉnh điểm 180 chiếc.

Tàu đắm là một phương thức hữu hiệu để theo dõi diễn biến kinh tế của Cộng hòa La Mã, và quả thật cho thấy bằng chứng về sự tăng trưởng kinh tế nhất định, nhưng điều này cần được xem xét thận trọng. Có lẽ 2/3 hàng hóa của con tàu là tài sản của nhà nước La Mã, thuế và cống vật mang từ các tỉnh về Rome, hay ngũ cốc và dầu ô-liu từ Bắc Phi về phân phối

https://thuviensach.vn

miễn phí cho người dân thành phố. Chính các thành tích chiếm đoạt này gần như đã dựng lên ngọn đồi Monte Testaccio.

Một phương thức thú vị khác để đi tìm bằng chứng về tăng trưởng kinh tế là từ dự án Lõi băng Greenland. Khi tuyết rơi, các bông tuyết mang theo những lượng ô nhiễm nhỏ trong khí quyển, đặc biệt là các kim loại như chì, bạc và đồng. Tuyết đông lại thành băng và tích tụ trên đỉnh băng hà những lượng tuyết đã rơi trong nhiều năm trước đó. Quá trình này diễn ra qua nhiều thiên niên kỷ, và mang lại một cơ hội không gì sánh nổi để các nhà khoa học tìm hiểu mức độ ô nhiễm khí quyển hàng nghìn năm trước đây. Năm 1990-1992, dự án Lõi băng Greenland đã khoan qua 3.030m băng bao trùm khoảng 250 nghìn năm lịch sử loài người. Một trong những phát hiện lớn của dự án này, và những dự án khác trước đó, là có sự gia tăng rõ rệt các chất ô nhiễm không khí bắt đầu vào khoảng năm 500 TCN. Lượng chì, bạc và đồng trong khí quyển khi đó tăng dần, đạt đỉnh cao vào thế kỷ thứ 1 SCN. Điều ấn tượng là: lượng chì trong khí quyển chỉ gia tăng trở lại vào thế kỷ 13. Các phát hiện này cho thấy hoạt động khai thác khoáng sản của La Mã sôi động như thế nào so với trước và sau đó. Sự tăng vọt hoạt động khai thác khoáng sản cho thấy rõ ràng đã có sự mở mang kinh tế.

Nhưng tăng trưởng của La Mã thì không bền vững và xảy ra trong những thể chế vừa có tính dung hợp vừa có tính chiếm đoạt. Cho dù người dân La Mã có các quyền chính trị và kinh tế, chế độ nô lệ vẫn lan rộng và có tính chiếm đoạt cao độ, đồng thời giới quyền thế và tầng lớp nguyên lão chi phối cả kinh tế lẫn chính trị. Bất chấp sự hiện diện của Hội đồng nhân dân và các quan hộ dân, quyền lực thực tế vẫn thuộc về Viện nguyên lão mà các thành viên xuất thân từ các chủ sở hữu đất lớn. Theo nhà sử học La Mã Livy, Viện nguyên lão do vị hoàng đế đầu tiên của La Mã Romulus thành lập và bao gồm 100 người. Các hậu duệ của họ tạo thành tầng lớp nguyên lão, cho dù cũng có những dòng tộc mới được bổ sung. Việc phân phối đất đai hết sức không công bằng và rất có thể đã trở nên bất công hơn

https://thuviensach.vn

vào thế kỷ thứ 2 TCN. Đây là nguyên nhân gốc rễ của những vấn đề mà Tiberius Gracchus đã vạch trần trên cương vị một quan hộ dân. Khi tiếp tục bành trướng trên khắp Địa Trung Hải, La Mã trở nên thịnh vượng. Nhưng của cải bị thâu tóm hầu hết bởi một nhóm nhỏ dòng tộc giàu có thuộc tầng lớp nguyên lão, và sự cách biệt giàu nghèo gia tăng. Các nguyên lão trở nên giàu có không chỉ nhờ vào việc kiểm soát các tỉnh thành màu mỡ mà còn nhờ vào các điền trang bạt ngàn của họ trải rộng trên khắp nước Ý. Các điền trang này được phục dịch bởi các nhóm nô lệ, thường bị bắt trong các cuộc chiến tranh của La Mã. Nhưng nguồn gốc của những vùng đất này cũng có ý nghĩa không kém. Quân đội La Mã dưới thời cộng hòa bao gồm các chiến binh - nhân dân, vốn là các chủ đất nhỏ, thoạt đầu ở Rome và về sau ở cả những nơi khác trên nước Ý. Theo truyền thống, họ chiến đấu trong quân đội khi cần thiết rồi sau đó quay về với đất đai ruộng vườn của mình. Khi La Mã mở rộng và chiến tranh trở nên kéo dài hơn, mô hình này không còn tác dụng. Mỗi lần ra đi kéo dài nhiều năm, và đất đai của các chiến binh không có người canh tác. Các gia đình chiến binh đôi khi rơi vào cảnh nợ nần chồng chất và trên bờ vực chết đói. Do đó, đất đai của họ dần dần trở nên hoang phế, bị sáp nhập vào điền trang của các nguyên lão. Khi tầng lớp nguyên lão trở nên ngày càng giàu có, đông đảo người dân không có đất tụ tập ở Rome, thường là sau khi trở về từ quân đội. Không có đất để quay về, họ đi tìm việc làm ở Rome. Vào cuối thế kỷ thứ 2 TCN, tình thế trở nên sục sôi nguy hiểm, do khoảng cách giàu nghèo gia tăng đến mức chưa từng thấy và do quần chúng bất mãn ở Rome sẵn sàng nổi dậy phản ứng với tình trạng bất công và chống lại giới quý tộc La Mã. Nhưng quyền lực chính trị lại thuộc về các chủ sở hữu đất lớn và tầng lớp nguyên lão giàu có, những người hưởng lợi từ những thay đổi vốn đã tiếp diễn từ hai thế kỷ trước đó. Đa số họ không có ý định thay đổi hệ thống đã phục vụ họ đắc lực đến thế.

Theo nhà sử học La Mã Plutarch, khi đi qua Etruria, một vùng thuộc miền trung nước Ý hiện nay, Tiberius Gracchus trở nên giác ngộ với nỗi khổ mà các gia đình chiến binh - nhân dân đang gánh chịu. Bất kể do nhận

https://thuviensach.vn

thức này hay do những bất đồng khác với các nguyên lão quyền thế thời bấy giờ, chẳng bao lâu ông bước vào một kế hoạch táo bạo nhằm thay đổi việc phân bổ đất đai ở Ý. Ông trở thành quan hộ dân vào năm 133 TCN, sau đó ông sử dụng cương vị này để đề xuất cải cách ruộng đất: một ủy ban sẽ điều tra xem đất công có bị chiếm dụng bất hợp pháp hay không và sẽ tái phân phối đất đai vượt hạn điền 300 mẫu cho những người dân La Mã không có đất. Trên thực tế, hạn mức 300 mẫu là quy định trong một bộ luật cũ, nhưng đã bị bỏ qua và không được thực hiện trong nhiều thế kỷ. Đề xuất của Tiberius Gracchus gây ra một làn sóng phản kháng trong các nguyên lão, những người có thể ngăn chặn việc thực hiện cải cách của ông trong một thời gian. Sau khi Tiberius xoay sở sử dụng sức mạnh của quần chúng ủng hộ ông để hạ bệ một quan hộ dân khác, người đe dọa phủ quyết cải cách ruộng đất, thì ủy ban cải cách cuối cùng cũng đã được thành lập. Tuy nhiên, Viện nguyên lão cản trở việc thực hiện cải cách bằng cách không cấp ngân sách cho ủy ban.

Tình thế càng thêm gay go khi Tiberius Gracchus đòi phải cấp cho ủy ban cải cách ruộng đất khoản tiền mà vua của thành phố Pergamum (Hy Lạp) để lại cho nhân dân La Mã. Ông cũng cố gắng tiếp tục làm quan hộ dân lần thứ hai, một phần vì ông sợ sự bức hại của Viện nguyên lão sau khi ông rút khỏi cương vị này. Điều này khiến các nguyên lão có cớ để cáo buộc rằng Tiberius đang ra sức tự xưng vương. Ông và các thuộc hạ bị tấn công, và nhiều người bị giết. Chính Tiberius Gracchus là một trong những người đầu tiên ngã xuống, thế nhưng cái chết của ông cũng không giải quyết được vấn đề, và những người khác lại ra sức cải tổ việc phân phối đất đai cùng các khía cạnh khác của nền kinh tế và xã hội La Mã. Nhiều người đã chịu chung số phận. Ví dụ như Giaus, em trai của Tiberius Gracchus, cũng bị các chủ sở hữu đất giết sau khi ông đảm nhận nhiệm vụ của anh mình.

Tình trạng căng thẳng lặp đi lặp lại trong thế kỷ tiếp theo, dẫn đến cuộc “Chiến tranh xã hội” từ năm 91 đến năm 87 TCN. Người tích cực bảo

https://thuviensach.vn

vệ quyền lợi của các nguyên lão, Lucius Cornelius Sulla, không chỉ đàn áp dã man các yêu cầu thay đổi mà còn khống chế nghiêm ngặt quyền lực của các quan hộ dân. Chính những vấn đề này là nhân tố quan trọng dẫn đến sự ủng hộ mà người dân La Mã dành cho Julius Caesar trong cuộc chiến chống lại Viện nguyên lão.

Các thể chế chính trị tạo thành cốt lõi của Cộng hòa La Mã bị Julius Caesar lật đổ vào năm 49 TCN khi ông đưa quân băng qua Rubicon, con sông ngăn cách Ý với các tỉnh xứ Gaul thuộc La Mã phía nam dãy Alps. La Mã rơi vào tay Caesar, và một cuộc nội chiến khác nổ ra. Cho dù Caesar chiến thắng, ông bị ám sát bởi những nguyên lão bất mãn do Brutus và Cassius cầm đầu vào năm 44 TCN. Cộng hòa La Mã không bao giờ được tái lập. Một cuộc nội chiến mới bùng phát giữa các kẻ thù của Caesar và những người ủng hộ ông, đặc biệt là Mark Anthony và Octavian. Sau khi Anthony và Octavian chiến thắng, họ đấu đá lẫn nhau cho đến khi Octavian giành thắng lợi trong trận chiến Actium vào năm 31 TCN. Một năm sau, và suốt 45 năm kế tiếp, Octavian, người mà sau năm 28 TCN được gọi là Augustus Caesar, đã một mình cai trị La Mã. Octavian thành lập Đế quốc La Mã, cho dù ông thích dùng danh xưng “nguyên thủ” (princep), một kiểu “đứng đầu giữa mọi người,” và gọi đây là “chế độ nguyên thủ” (Principate). Bản đồ 11 trình bày Đế quốc La Mã trong thời kỳ bành trướng nhất vào năm 117 SCN với dòng sông Rubicon định mệnh mà Caesar đã băng qua.

https://thuviensach.vn

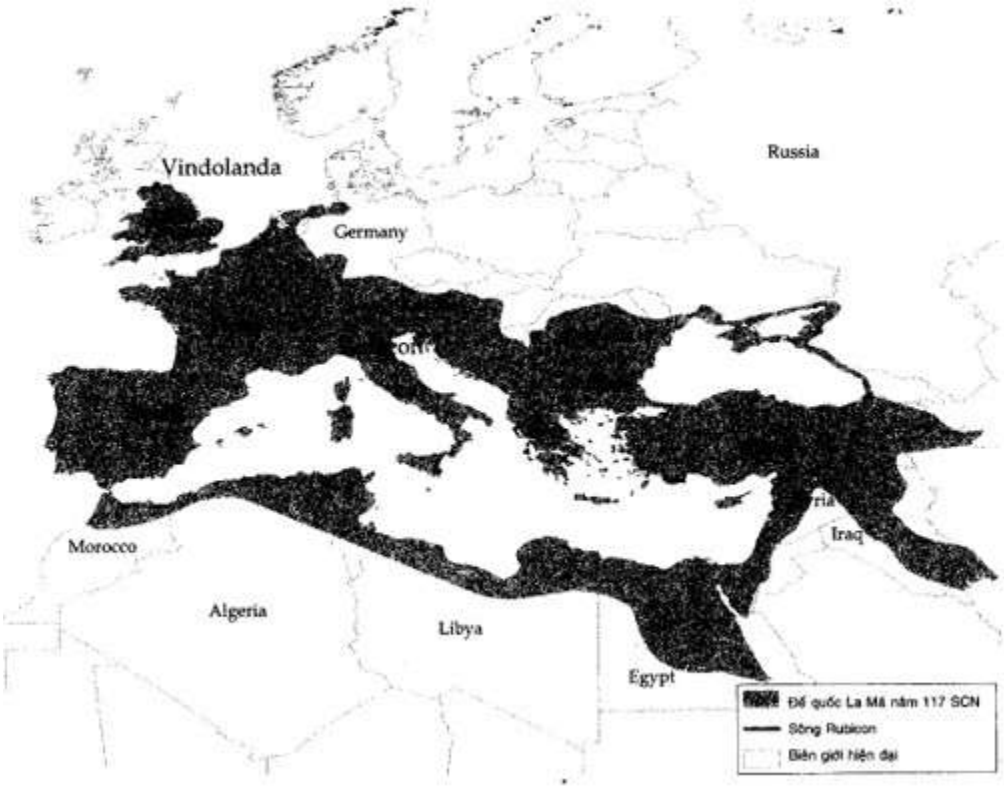

Bản đồ 11: Đế quốc La Mã năm 117 SCN (p.217)

Chính sự chuyển đổi từ nền cộng hòa sang chế độ nguyên thủ, rồi sau đó là một đế quốc trần trụi, đã gieo rắc mầm mống cho sự suy tàn của La Mã. Các thể chế chính trị dung hợp một phần, từng đặt nền tảng cho sự thành công kinh tế, dần dần bị mai một. Ngay cả khi Cộng hòa La Mã tạo ra một sân chơi nghiêng về phía tầng lớp nguyên lão và những người La Mã giàu có khác thì đó cũng không phải là một chế độ chuyên chế và không bao giờ tập trung quá nhiều quyền lực vào một chức vụ. Sự thay đổi mà Augustus tạo ra, cũng hệt như việc đóng cửa Venice, thoạt tiên là trên phương diện chính trị nhưng rồi đã có những hệ lụy kinh tế đáng kể. Như một hệ quả của sự thay đổi này, cho đến thế kỷ thứ 5 SCN, Đế quốc Tây La Mã, được gọi là "Tây" sau khi tách khỏi phương Đông, đã sa sút về kinh tế và quân đội, và ở bên bờ vực của sự sụp đổ.

…LA MÃ MỘT THỜI SUY TÀN

https://thuviensach.vn

Flavius Aetius là một người có tính cách sôi động và thú vị khác thường sống ở thời kỳ cuối của Đế quốc La Mã, với biệt danh "người La Mã cuối cùng" trong tác phẩm *Sự suy tàn và sụp đổ của Đế quốc La Mã* (The Decline and Fall of the Roman Empire) của Edward Gibbon. Từ năm 433 đến 454 SCN, khi ông bị hoàng đế Valentinian III ám sát, tướng Aetius có lẽ là người giàu quyền lực nhất ở Đế quốc La Mã. Ông định hình chính sách đối nội và đối ngoại, và tham gia trong các cuộc chiến chống lại các bộ tộc man rợ cũng như những người La Mã khác trong các cuộc nội chiến. Ông cũng là người duy nhất trong các vị tướng lĩnh quyền lực tung hoành trong nội chiến không phải để tìm kiếm ngôi vị hoàng đế cho riêng mình. Từ cuối thế kỷ thứ 2, nội chiến đã trở thành thực tế cuộc sống ở Đế quốc La Mã. Từ sau cái chết của Marcus Aurelius vào năm 180 SCN cho đến khi Đế quốc Tây La Mã sụp đổ vào năm 476 SCN, gần như không có thập niên nào mà không có nội chiến hay đảo chính cung đình chống lại nhà vua. Hiếm có vị hoàng đế nào qua đời vì nguyên nhân tự nhiên hay hy sinh trên chiến trường. Hầu hết bị ám sát bởi những kẻ tranh quyền đoạt vị hay chính các chiến binh của họ.

Sự nghiệp của Aetius minh họa cho những thay đổi từ nền Cộng hòa La Mã và thời kỳ đầu của Đế quốc La Mã cho đến hồi kết của đế quốc này. Sự tham gia vào các cuộc nội chiến triền miên và quyền lực của ông trong mọi lĩnh vực hoạt động của đế quốc không chỉ tương phản với quyền lực hạn chế hơn nhiều của các vị tướng lĩnh và nguyên lão trong những thời kỳ trước đó, mà còn giúp ta thấy vận mệnh của người La Mã đã thay đổi triệt để theo nhiều cách như thế nào trong suốt thời gian này.

Vào thời kỳ cuối của Đế quốc La Mã, các bộ tộc bị coi là man rợ, những người thoạt đầu chiếm đa số và được đưa vào quân đội La Mã hay được sử dụng làm nô lệ, trở nên chi phối nhiều phần lãnh thổ của đế chế. Thời thanh niên, Aetius bị các bộ tộc man di này - thoạt đầu là người Goths dưới sự lãnh đạo của Alaric và sau đó là rợ Hung (the Huns) - bắt làm con tin. Mối quan hệ của người La Mã với các bộ tộc man di này cho thấy sự

https://thuviensach.vn

việc đã thay đổi như thế nào từ sau nền cộng hòa. Alaric vừa là một kẻ thù tàn bạo, vừa là một đồng minh thân thiết, đến mức vào năm 405 ông còn được đề cử làm một trong các tướng lĩnh cao cấp nhất của quân đội La Mã. Tuy nhiên, thỏa thuận này chỉ là tạm thời. Cho đến năm 408, Alaric chiến đấu chống lại La Mã, thâm nhập nước Ý và cướp bóc thành Rome.

Rợ Hung vừa là kẻ thù hùng mạnh vừa là liên minh thường xuyên của La Mã. Mặc dù họ đã từng bắt giữ Aetius làm con tin, nhưng về sau lại chiến đấu cùng ông trong các cuộc nội chiến. Nhưng rợ Hung không theo phe nào được lâu, dưới thời Attila họ lại phát động một cuộc chiến lớn chống La Mã vào năm 451 khi vừa vượt qua sông Rhine. Lần này, đứng về phía La Mã lại là người Goths dưới sự lãnh đạo của Theodoric.

Tất cả những điều này không ngăn giới quyền thế La Mã cố gắng nhân nhượng những người chỉ huy các bộ tộc man di, thông thường không phải là để bảo vệ lãnh thổ La Mã mà là để giành ưu thế trong các trận giao tranh nội bộ nhằm tranh giành quyền lực. Ví dụ, người Vandals dưới thời vua Geiseric đã cướp bóc nhiều nơi trên bán đảo Iberia rồi sau đó chinh phục những vùng trồng ngũ cốc của La Mã ở Bắc Phi từ năm 429 trở về sau. Phản ứng của La Mã trước tình thế này là định gả con gái còn bé của vua Valentinian III cho Geiseric. Lúc bấy giờ vua Geiseric đã cưới con gái của một trong các thủ lĩnh người Goths, nhưng ngay cả hôn ước xem ra cũng không ngăn cản được vị vua này. Ông hủy bỏ cuộc hôn nhân, lấy cớ rằng hoàng hậu đang cố gắng mưu sát ông và trả bà về gia đình sau khi cắt cả hai tai và mũi bà. May thay cho nàng dâu tương lai từ La Mã, vì còn trẻ nên nàng được giữ lại Ý và không bao giờ hoàn thành hôn ước với Geiseric. Về sau, nàng lấy một vị tướng lĩnh quyền lực khác, Petronius Maximus, người vạch kế hoạch và điều khiển việc ám sát Aetius theo lệnh hoàng đế Valentinian III, rồi chính hoàng đế ngay sau đó cũng bị hành thích trong một mưu đồ do Maximus ngấm ngầm dự định. Sau đó, Maximus tự xưng vương, nhưng thời gian trị vì của ông vô cùng ngắn ngủi và kết thúc bằng cái chết của ông trong trận tấn công của người Vandals dưới sự chỉ huy của

https://thuviensach.vn

Geiseric chống lại Ý, qua đó chứng kiến cảnh La Mã sụp đổ và bị cướp bóc dã man.

CHO ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ THỨ 5, các bộ tộc man di đã ngấp nghé xâm chiếm La Mã. Một vài sử gia lập luận rằng đây là những kẻ tiếp bước các đối thủ hung hãn hơn mà người La Mã phải đương đầu suốt thời kỳ cuối của đế chế. Nhưng thành công của người Goths, rợ Hung và người Vandals trong cuộc chiến với La Mã là triệu chứng, chứ không phải căn nguyên sự suy tàn của La Mã. Dưới thời cộng hòa, La Mã từng đối phó với những đối thủ nguy hiểm hơn và có tổ chức hơn nhiều, chẳng hạn như người Carthaginian. Sự suy tàn của La Mã có nguyên nhân tương tự như các thành bang Maya. Các thể chế chính trị và kinh tế ngày càng có tính chiếm đoạt cao độ đã dẫn đến sự diệt vong của đế chế vì chúng gây ra tình trạng xâu xé nội bộ và nội chiến.

Nguồn gốc của sự suy tàn ít ra đã manh nha từ lúc Augustus thâu tóm quyền lực, từ đó khởi động những thay đổi làm cho các thể chế chính trị trở nên có tính chiếm đoạt hơn. Điều này bao gồm những thay đổi về cơ cấu quân đội, làm cho phương án "ly khai" của binh lính trở nên bất khả thi, qua đó xóa bỏ yếu tố then chốt bảo đảm sự đại diện chính trị của người dân La Mã. Hoàng đế Tiberius, người kế vị Augustus vào năm 14 SCN, đã giải tán Hội đồng nhân dân và chuyển quyền lực của cơ quan này sang Viện nguyên lão. Thay cho tiếng nói chính trị, người dân La Mã giờ đây được cấp phát miễn phí lúa mì, dầu ô-liu, rượu vang, thịt lợn, và được giải trí bằng đấu trường cùng các trận tranh tài của các đấu sĩ. Với công cuộc cải cách của Augustus, các hoàng đế bắt đầu không dựa vào quân đội hình thành từ các chiến binh - nhân dân nữa, mà dựa vào các Đội cận vệ, nhóm chiến binh chuyên nghiệp quyền thế do Augustus dựng lên. Đội cận vệ chẳng bao lâu trở thành những kẻ môi giới độc lập quan trọng cho những người muốn trở thành hoàng đế, thường không thông qua các biện pháp hòa bình mà bằng nội chiến và thủ đoạn. Augustus cũng củng cố quyền lực của giới quý tộc chống lại người dân thường, và sự cách biệt giàu nghèo gia

https://thuviensach.vn

tăng từng làm nền tảng cho xung đột giữa Tiberius Gracchus và giới quý tộc vẫn tiếp diễn, thậm chí còn tăng cường hơn nữa.

Sự tích lũy quyền lực ở trung ương làm cho quyền sở hữu tài sản của người dân La Mã trở nên ít bảo đảm hơn. Đất đai của nhà nước cũng mở rộng theo đế chế như một hệ quả của hiện tượng sung công, và ở nhiều vùng lãnh thổ thuộc đế chế, đất của nhà nước chiếm đến một nửa diện tích. Các quyền sở hữu trở nên đặc biệt bất ổn do sự tập trung quyền lực vào tay hoàng đế và đám tùy tùng của ông. Theo một mô thức không khác biệt lắm so với những gì từng xảy ra ở các thành bang Maya, xâu xé nội bộ để giành quyền kiểm soát vị trí quyền lực gia tăng. Nội chiến xảy ra liên miên, thậm chí từ trước thế kỷ thứ 5 nhiễu nhương rối loạn, khi các bộ tộc man rợ tiếm quyền. Ví dụ, Septimius Severus thâu tóm quyền lực từ Didius Julianus, người tự xưng vương sau khi ám sát Pertinax vào năm 193 SCN. Severus, vị vua thứ ba trong năm này, thường được gọi là "năm có 5 vua", khi đó đã tiến hành cuộc chiến chống lại những kẻ tranh giành ngôi báu khác, các vị tướng Pescennius Niger và Clodius Albinus, những người cuối cùng lần lượt bị đánh bại vào các năm 194 và 197 SCN. Severus sung công toàn bộ tài sản của các đối thủ bại trận trong cuộc nội chiến tiếp theo. Mặc dù những người thống trị có năng lực như Trajan (98-117 SCN), Hadrian và Marcus Aurelius trong thế kỷ sau có thể làm chậm bước chân suy tàn của đế chế, nhưng họ không thể hay không muốn giải quyết các vấn đề thể chế cơ bản. Không ai đề nghị từ bỏ đế chế hay tái lập các thể chế chính trị hữu hiệu theo đường lối của Cộng hòa La Mã xưa kia. Marcus Aurelius, bất kể tất cả những thành công của mình, đã truyền ngôi cho con trai Commodus, lại là một người giống như Caligula hay Nero hơn là giống cha.

Tình trạng bất ổn ngày càng tăng, thể hiện rõ rệt qua quy hoạch và vị trí của các tỉnh thành thuộc đế chế. Đến thế kỷ thứ 3 SCN, mọi thành phố lớn trong đế chế đều có một thành lũy phòng thủ. Trong nhiều trường hợp, các đài tưởng niệm còn bị phá sập để lấy gạch đá dùng làm pháo đài. Ở Gaul trước khi người La Mã xuất hiện vào năm 125 TCN, người ta thường

https://thuviensach.vn

xây dựng các khu định cư trên đỉnh đồi, vì như vậy sẽ dễ phòng thủ hơn. Khi người La Mã mới đến, các khu định cư được dời xuống đồng bằng. Vào thế kỷ thứ 3, xu hướng này lại đảo ngược.

Cùng với bất ổn chính trị gia tăng là sự thay đổi xã hội làm cho các thể chế kinh tế ngày càng có tính chiếm đoạt nhiều hơn nữa. Mặc dù tư cách công dân được mở rộng đến mức vào năm 212 SCN, gần như toàn bộ những người cư trú trong đế quốc đều là công dân, nhưng sự thay đổi này xảy ra cùng với sự thay đổi về vị thế giữa các công dân khác nhau. Quan niệm cho rằng mọi người đều bình đẳng trước pháp luật trở nên không còn giá trị. Ví dụ như dưới triều đại của Hadrian (từ năm 117 đến 137 SCN), có sự khác biệt rõ ràng về các loại luật lệ áp dụng cho các thành phần công dân La Mã khác nhau. Quan trọng không kém, vai trò của người dân hoàn toàn khác so với thời Cộng hòa La Mã, khi họ có thể phát huy ảnh hưởng đối với các quyết định chính trị và kinh tế thông qua các cơ quan lập pháp ở Rome.

Chế độ nô lệ vẫn tồn tại dai dẳng trên khắp La Mã, cho dù người ta vẫn tranh cãi về việc liệu tỷ lệ nô lệ trong tổng dân số trên thực tế có giảm dần qua các thế kỷ hay không. Quan trọng không kém, khi đế chế phát triển, ngày càng có nhiều người lao động nông nghiệp bị chuyển sang thân phận "bán nô lệ" (coloni) và bị trói buộc vào đất đai. Thân phận bán nô lệ này được thảo luận sâu rộng trong các văn kiện pháp lý như các bộ luật *Codex Theodosianus* và *Codex Justinianus*, và có lẽ bắt nguồn từ triều đại Dioclectian (từ năm 284 đến 305 SCN). Quyền của các địa chủ đối với *coloni* gia tăng đáng kể. Hoàng đế Constantine năm 332 cho phép các địa chủ xiềng xích những *coloni* nào bị nghi ngờ là tìm cách bỏ trốn, và từ năm 365 SCN, *coloni* không được quyền bán tài sản của họ nếu không có sự cho phép của địa chủ.

Giống như việc ta có thể sử dụng các con tàu đắm và lõi băng Greenland để tìm hiểu sự mở mang kinh tế của La Mã vào thời kỳ đầu, ta

https://thuviensach.vn

cũng có thể sử dụng các phương pháp này để tìm hiểu sự suy tàn của họ. Đến năm 500 SCN, từ đỉnh cao 180 con tàu giảm xuống chỉ còn 20. Khi La Mã suy tàn, hoạt động thương mại Địa Trung Hải sụp đổ, và một vài học giả thậm chí còn lập luận rằng mãi đến thế kỷ 19, hoạt động thương mại ở đây mới quay về đỉnh cao thời La Mã. Lõi băng Greenland cũng kể cho ta nghe câu chuyện tương tự. Người La Mã dùng bạc để đúc tiền, và chì có nhiều ứng dụng, như để làm tẩu thuốc hay bộ đồ ăn. Sau khi đạt đỉnh cao vào thế kỷ thứ 1 SCN, hàm lượng chì, bạc và đồng trong lõi băng giảm dần.

Thành tựu tăng trưởng kinh tế dưới thời Cộng hòa La Mã thật là ấn tượng, cũng tương tự như các ví dụ khác về tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt như Liên Xô. Nhưng sự tăng trưởng đó có giới hạn và không bền vững, ngay cả khi ta tính đến sự kiện là nó xảy ra trong các thể chế có tính dung hợp một phần. Tăng trưởng nhờ vào năng suất nông nghiệp tương đối cao, cống vật đáng kể từ các tỉnh thành và hoạt động thương mại đường dài, nhưng lại không đặt nền tảng trên sự tiến bộ công nghệ hay sự phá hủy sáng tạo. Người La Mã kế thừa một vài công nghệ cơ bản, sắt thép và vũ khí, chữ viết, canh tác bằng cày bừa và các kỹ thuật xây dựng. Ngay từ thời Cộng hòa, họ đã sáng tạo ra những công nghệ khác: xây nề bằng xi măng, hệ thống bơm và bánh xe nước. Nhưng sau đó, công nghệ trì trệ suốt thời kỳ Đế quốc La Mã. Ví dụ, trong vận chuyển đường thủy, gần như không có thay đổi về thiết kế hay lắp ráp trang bị tàu, và người La Mã chưa bao giờ biết đến bánh lái đuôi tàu mà bẻ lái bằng mái chèo. Công nghệ bánh xe nước lan truyền rất chậm, cho nên sức nước không bao giờ giúp cách mạng hóa nền kinh tế La Mã. Ngay cả những thành tựu vĩ đại như cống dẫn nước và hệ thống thoát nước thành phố cũng sử dụng công nghệ hiện hữu, cho dù người La Mã đã hoàn chỉnh nó. Có thể có sự tăng trưởng kinh tế nào đó không cần phát minh đổi mới mà chỉ dựa vào công nghệ hiện hữu, nhưng đó là sự tăng trưởng không có phá hủy sáng tạo. Và sự tăng trưởng đó không kéo dài. Khi các quyền sở hữu trở nên không bảo đảm và các quyền kinh tế của người dân giảm theo sự sụt giảm quyền chính trị, tăng trưởng kinh tế cũng sa sút.

https://thuviensach.vn

Điều đáng kể là, dưới thời La Mã, sự sáng tạo và lan truyền công nghệ mới dường như được định hướng bởi nhà nước. Nhưng khi nhà nước quyết định không quan tâm đến sự phát triển công nghệ thì đây không phải là một tin tốt lành, và điều này thường xảy ra do nỗi lo sợ về sự phá hủy sáng tạo. Tác giả La Mã vĩ đại, Trưởng lão Pliny, kể lại câu chuyện như sau. Dưới triều đại hoàng đế Tiberius, có một người phát minh ra thủy tinh không vỡ và dâng lên nhà vua với dự kiến sẽ được ban thưởng. Ông trình bày phát minh của mình và Tiberius hỏi ông đã kể cho ai nghe về phát minh đó hay chưa. Khi ông đáp rằng ông chưa kể cho ai, Tiberius truyền lôi ông ra ngoài và giết chết, "vì sợ rằng vàng sẽ trở thành bùn và mất giá trị". Có hai điều thú vị về câu chuyện này. Thứ nhất, nhà phát minh đến gặp Tiberius ngay từ đầu để được ban thưởng, thay vì tự mình thiết lập hoạt động kinh doanh và kiếm lời bằng cách bán thủy tinh. Điều này cho thấy vai trò của nhà nước La Mã trong việc kiểm soát công nghệ. Thứ hai, Tiberius muốn hủy bỏ phát minh do ảnh hưởng kinh tế bất lợi mà nó có thể mang lại. Đây là nỗi lo sợ về ảnh hưởng kinh tế của sự phá hủy sáng tạo.

Cũng có bằng chứng trực tiếp từ thời Đế quốc La Mã về nỗi lo sợ các hệ lụy chính trị của sự phá hủy sáng tạo. Suetonius kể lại rằng, người phát minh ra công cụ vận chuyển cột đá đến Capitol, thành trì của Rome, với chi phí tương đối thấp, đã xin tiếp kiến Vespasian, vị hoàng đế trị vì từ năm 69 đến 79 SCN. Những chiếc cột đá này rất to, nặng và rất khó vận chuyển. Để đưa chúng từ các hầm mỏ, nơi người ta tạo ra chúng, đến Rome cần đến hàng nghìn nhân lực, tốn rất nhiều công quỹ. Vespasian không giết nhà phát minh nhưng ông từ chối sử dụng sáng kiến này, ông cho rằng: "Làm thế nào ta có thể nuôi sống dân chúng đây?" Lại một nhà phát minh nữa tìm đến nhà nước. Có lẽ điều này hợp lẽ tự nhiên hơn so với thủy tinh không vỡ, vì nhà nước La Mã tham gia sâu rộng vào việc khai khoáng và vận chuyển cột đá. Một lần nữa, phát minh bị từ chối do mối đe dọa về sự phá hủy sáng tạo, không phải vì tác động kinh tế mà vì nỗi lo sợ về hệ lụy chính trị của nó. Vespasian lo ngại rằng nếu ông không duy trì niềm vui của công chúng và kiểm soát họ thì có bất ổn chính trị. Nhân dân La Mã phải luôn

https://thuviensach.vn

bận rộn và dễ bảo, và tốt hơn là nhà vua nên duy trì công ăn việc làm cho họ, như vận chuyển cột chẳng hạn. Điều này bổ trợ cho bánh mì và đấu trường, những thứ cũng được cung cấp miễn phí để làm hài lòng dân chúng. Cũng cần nói thêm rằng cả hai trường hợp này đều xảy ra chẳng bao lâu sau khi nền Cộng hòa sụp đổ. Các hoàng đế La Mã có nhiều quyền lực hơn để ngăn chặn sự thay đổi so với những người cầm quyền dưới thời Cộng hòa.

Một lý do quan trọng khác của tình trạng thiếu đổi mới công nghệ là sự phổ biến của chế độ nô lệ. Khi Đế quốc La Mã bành trướng lãnh thổ, đại đa số dân chúng bị bắt làm nô lệ, thường bị đưa về Ý để làm việc trong các điền trang lớn. Nhiều công dân ở Rome không cần làm việc: họ sống bằng lương thực do nhà nước cấp phát. Khi ấy động cơ đổi mới xuất phát từ đâu? Chúng ta đã lập luận rằng đổi mới xuất phát từ những con người mới với những ý tưởng mới, xây dựng các giải pháp mới cho những vấn đề cũ. Ở La Mã, những người làm công việc sản xuất là nô lệ, và về sau là các *coloni* bán nô lệ gần như không có động cơ đổi mới, vì chính chủ nô, chứ không phải họ, sẽ hưởng lợi từ bất kỳ sự phát minh đổi mới nào. Như chúng ta sẽ thấy nhiều lần trong quyển sách này, những nền kinh tế dựa vào áp bức lao động và những hệ thống như nô lệ và nông nô đều nổi tiếng là không có đổi mới. Đây là sự thật từ thế giới cổ xưa cho đến kỷ nguyên hiện đại. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, các bang miền bắc tham gia vào Cách mạng công nghiệp chứ không phải miền nam. Lẽ dĩ nhiên, chế độ nô lệ và nông nô tạo ra của cải khổng lồ cho những người sở hữu nô lệ và kiểm soát nông nô, nhưng nó không dẫn đến đổi mới công nghệ và sự thịnh vượng cho xã hội.

KHÔNG CÒN AI VIẾT THƯ TỪ VINDOLANDA

Năm 43 SCN, hoàng đế La Mã Claudius chinh phục nước Anh, nhưng không chinh phục được Scotland. Thống đốc La Mã Agricola ra sức thực hiện nỗ lực vô vọng cuối cùng rồi cũng đành từ bỏ để xây dựng một loạt

https://thuviensach.vn

pháo đài nhằm bảo vệ biên giới phía bắc của Anh vào năm 85 SCN. Một trong những pháo đài lớn nhất trong số đó là ở Vindolanda, cách 35 dặm về phía tây Newcastle và được mô tả trên bản đồ 11 về phía tây bắc Đế quốc La Mã. Về sau, Vindolanda được sáp nhập vào bức tường thành phòng thủ dài 85 dặm mà hoàng đế Hadrian xây dựng, nhưng vào năm 103 SCN, khi vị sĩ quan chỉ huy 100 binh sĩ Candidus đóng quân ở đó, nơi ấy chỉ là một pháo đài biệt lập. Candidus tham gia cùng với bạn ông, Octavius, cung cấp lương thực cho binh sĩ đồn trú La Mã; ông viết thư cho Octavius và nhận được hồi âm như sau:

Octavius gửi lời chào người anh em Candidus,

Tớ đã nhiều lần viết thư cho cậu rằng tớ đã mua khoảng 5.000 modii bông lúa, vì thế tớ cần tiền mặt. Trừ khi cậu gửi cho tớ một ít tiền mặt, ít nhất là 500 denarii, bằng không tớ sẽ mất số tiền tớ đã đặt cọc, khoảng 300 denarii, và tớ sẽ ngượng lắm. Vì thế, tớ xin cậu hãy gửi tiền cho tớ càng sớm càng tốt. Những tấm da cậu viết là ở Cataractonium mà cậu gửi cho tớ và chiếc xe kéo như cậu đã viết trong thư. Tớ sẵn sàng nhận chúng, ngoại trừ tớ không chịu trách nhiệm về việc gia súc bị thương vì đường xấu. Hãy lo liệu với Tertius về số tiền 8½ denarii mà cậu ấy nhận được từ Fatalis. Cậu ấy chưa gửi vào tài khoản của tớ. Nhớ gửi tiền cho tớ để tớ có lúa mà đưa vào sân đập đấy nhé. Gửi lời chào Spectacus và Firmus.

Tạm biệt.

Quan hệ thư từ giữa Candidus và Octavius minh họa một vài khía cạnh đáng kể của sự thịnh vượng kinh tế ở nước Anh thuộc La Mã: Nó phơi bày một nền kinh tế tiền tệ với các dịch vụ tài chính. Nó cho thấy sự xuất hiện của đường sá đã được xây dựng, cho dù đôi khi ở vào tình trạng xấu. Nó bộc lộ sự hiện diện của một hệ thống ngân sách, huy động thuế để trả lương cho Candidus. Rõ ràng nhất, nó cho thấy cả hai người đều biết chữ và có thể tranh thủ các loại dịch vụ bưu điện. Nước Anh thuộc La Mã cũng hưởng lợi từ việc sản xuất đại trà đồ gốm chất lượng cao, nhất là ở

https://thuviensach.vn

Oxfordshire; các trung tâm đô thị với phòng tắm và các tòa nhà công cộng; và các kỹ thuật xây dựng nhà ở sử dụng vôi vữa và gạch ngói để lợp mái.

Đến thế kỷ thứ 4, đế chế suy tàn trên mọi phương diện, và sau năm 411 SCN, Đế quốc La Mã từ bỏ nước Anh. Quân đội rút lui; những người còn lại không được trả lương, và khi nhà nước La Mã sụp đổ, những người cai trị bị dân bản xứ trục xuất. Đến năm 450 SCN, mọi biểu hiện huy hoàng của thời vàng son kinh tế đều biến mất. Tiền không còn được lưu thông. Người La Mã rời bỏ các thành phố, và các tòa nhà bị tháo gỡ gạch đá. Cỏ dại lan tràn trên khắp các ngả đường. Loại đồ gốm duy nhất còn được chế tạo là hàng thô sơ và làm bằng tay, chứ không còn chế tác nữa. Dân chúng quên không còn biết sử dụng vôi vữa như thế nào, và tỷ lệ biết chữ giảm mạnh. Mái nhà được lợp lá chứ không còn gạch ngói. Không còn ai viết thư từ Vindolanda.

Sau năm 411 SCN, nước Anh bị sụp đổ kinh tế và trở thành một vùng nghèo khổ không sinh khí - và đó không phải là lần đầu tiên. Trong chương trước, chúng ta đã thấy cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới bắt đầu ở Trung Đông vào khoảng năm 9500 TCN. Trong khi người dân Jericho và Abu Hureyra sống trong những thị trấn nhỏ và canh tác nông nghiệp thì dân Anh vẫn còn săn bắn hái lượm và vẫn tiếp tục như thế mãi đến ít nhất 5.500 năm sau. Thậm chí đến lúc ấy nước Anh cũng không phát minh ra việc trồng trọt hay chăn nuôi; hoạt động này được đưa vào Anh từ bên ngoài theo bước chân những người di cư từ Trung Đông lan ra châu Âu suốt hàng nghìn năm. Khi người Anh bắt kịp những đổi mới to lớn này, người Trung Đông đã dựng lên các thành phố, tạo ra chữ viết và đồ gốm. Đến năm 3500 TCN, những thành phố lớn như Uruk và Ur đã mọc lên ở Mesopotamia thuộc Iraq ngày nay. Uruk có thể có dân số khoảng 14 nghìn người vào năm 3500 TCN, và chẳng mấy chốc lên đến 40 nghìn người. Bàn xoay gốm được phát minh ở Mesopotamia gần như cùng lúc với việc giao thông vận chuyển bằng bánh xe. Thủ đô Ai Cập Memphis vươn lên như một thành phố lớn ngay sau đó. Chữ viết xuất hiện một cách độc lập ở cả hai nơi này. Trong

https://thuviensach.vn

khi người Ai Cập xây dựng các kim tự tháp vĩ đại Giza vào khoảng năm 2500 TCN, người Anh dựng đài kỷ niệm cổ đại nổi tiếng nhất của họ, các tảng đá quây tròn ở Stonehenge. Tuy không tệ theo tiêu chuẩn của Anh, nhưng thậm chí còn không đủ lớn để chứa một trong những chiếc thuyền nghi lễ được chôn dưới chân kim tự tháp của vua Khufu. Nước Anh tiếp tục tụt lại đằng sau và vay mượn từ Trung Đông cũng như phần còn lại của châu Âu mãi cho đến hết thời kỳ La Mã.

Bất chấp một lịch sử hẩm hiu như thế, chính tại nước Anh, một xã hội thật sự dung hợp đầu tiên đã ra đời và cuộc Cách mạng công nghiệp đã xảy ra. Chúng tôi đã lập luận trên đây rằng đó là kết quả của một loạt tương tác giữa những khác biệt thể chế nhỏ nhặt và các thời điểm quyết định - ví dụ như nạn dịch hạch và việc khám phá ra châu Mỹ. Sự phân hóa của Anh có cội rễ lịch sử, nhưng cái nhìn từ Vindolanda cho thấy rằng cội rễ này không ăn sâu lắm và chắc chắn không được lịch sử ấn định trước. Cội rễ này không được được gieo trồng trong cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới, hay thậm chí trong những thế kỷ người La Mã làm bá chủ. Đến năm 450 SCN, khởi điểm của thời kỳ mà các sử gia gọi Thời kỳ Đen tối (Dark Age), nước Anh rơi vào đói nghèo và hỗn loạn chính trị. Suốt hàng trăm năm, nước Anh không có nổi một nhà nước tập quyền hữu hiệu.

CÁC LỘ TRÌNH PHÂN HÓA

Sự vươn lên của các thể chế dung hợp và sự tăng trưởng công nghiệp tiếp theo ở Anh không xảy ra như một di sản trực tiếp của các thể chế La Mã hay trước đó. Điều này không có nghĩa là không có gì đáng kể xảy ra với sự suy tàn của Đế quốc Tây La Mã, vốn là một biến cố lớn ảnh hưởng đến hầu hết châu Âu. Vì các lộ trình khác nhau của châu Âu đều có chung một thời điểm quyết định, các thể chế này sẽ phân hóa theo một cách thức tương tự như nhau, có lẽ là một cách thức đặc trưng của châu Âu. Sự suy tàn của Đế quốc La Mã là một phần quan trọng của thời điểm quyết định chung này. Lộ trình của châu Âu tương phản với lộ trình ở các nơi khác

https://thuviensach.vn

trên thế giới, như vùng hạ Sahara châu Phi, châu Á và châu Mỹ, vốn phát triển một cách khác biệt, một phần do họ không đứng trước những thời điểm quyết định tương tự.

Nước Anh thuộc La Mã sụp đổ một cách đột ngột. Sự sụp đổ của Đế quốc La Mã ở Ý, xứ Gaul (nước Pháp hiện nay), hay ngay cả Bắc Phi cũng đỡ đột ngột hơn, khi nhiều thể chế cũ vẫn tiếp tục tồn tại dưới một hình thức nào đó. Thế nhưng, rõ ràng việc thay đổi từ sự thống trị của một nhà nước La Mã duy nhất chuyển sang trạng thái quá nhiều nhà nước được cầm đầu bởi các bộ tộc người Frank, Visigoth, Ostrogoth, Vandal và Burgundy đã có ý nghĩa quan trọng. Quyền lực của các nhà nước này yếu hơn nhiều, và họ bị vùi dập bởi hàng loạt những trận tấn công từ bên ngoài. Từ phía bắc là người Viking và Đan Mạch trên những con tàu lớn. Từ phương đông là binh mã của rợ Hung. Cuối cùng, sự vươn lên của thế giới Hồi giáo như một tôn giáo và một lực lượng chính trị sau cái chết của Mohammed vào năm 632 SCN dẫn đến sự ra đời của các nhà nước Hồi giáo mới trên khắp Đế quốc Byzantine, Bắc Phi và Tây Ban Nha. Các quá trình chung này làm châu Âu rung chuyển mạnh mẽ và tiếp đến là sự xuất hiện của một hình thức xã hội đặc thù, được gọi chung là xã hội phong kiến. Xã hội phong kiến có tính phân quyền, vì các nhà nước trung ương mạnh đã bị hao mòn, ngay cả khi một vài vị hoàng đế như Charlemagne cố gắng tái thiết chúng.

Các thể chế phong kiến, vốn dựa vào lao động cưỡng bức không có tự do (nông nô), rõ ràng là có tính chiếm đoạt, và tạo thành nền tảng cho một thời kỳ dài của sự tăng trưởng chậm và chiếm đoạt ở châu Âu thời Trung cổ. Nhưng các thể chế đó cũng đã để lại hệ lụy cho các diễn biến phát triển về sau. Ví dụ như, trong quá trình biến dân nông thôn thành thân phận nông nô, chế độ nô lệ đã biến mất khỏi châu Âu. Khi giới quyền thế có thể biến toàn bộ dân nông thôn thành nông nô, xem ra họ không cần có một tầng lớp nô lệ riêng như mọi xã hội trước đều có. Chế độ phong kiến cũng tạo ra một môi trường quyền lực tuyệt đối, trong đó giới quyền thế độc lập chuyên môn hóa sản xuất và thương mại có thể trở nên thịnh vượng. Nhưng

https://thuviensach.vn

khi cán cân quyền lực thay đổi sau nạn dịch hạch và chế độ nông nô bắt đầu sụp đổ ở Tây Âu, tình thế đã mở màn cho một xã hội đa nguyên hơn, không còn sự tồn tại của bất kỳ người nô lệ nào nữa.

Các thời điểm quyết định dẫn đến xã hội phong kiến rất đặc trưng, nhưng không hoàn toàn chỉ hạn chế trong phạm vi châu Âu. Thời điểm này cũng xảy ra tương tự với đất nước châu Phi hiện đại Ethiopia, hình thành và phát triển từ Vương quốc Aksum ra đời ở phía bắc đất nước vào khoảng năm 400 TCN. Aksum là một vương quốc tương đối phát triển thời bấy giờ và tham gia hoạt động thương mại quốc tế với Ấn Độ, Ảrập, Hy Lạp và Đế quốc La Mã. Trên nhiều phương diện, vương quốc này có thể sánh với Đế quốc Tây La Mã thời kỳ này. Họ sử dụng tiền, xây dựng các công trình tưởng niệm công cộng và đường sá, và có công nghệ tương tự, chẳng hạn như trong nông nghiệp và vận chuyển tàu thủy. Cũng có sự song hành thú vị về mặt hệ tư tưởng giữa Aksum và La Mã. Vào năm 312 SCN, hoàng đế La Mã Constantine cải sang đạo Thiên chúa giáo, cũng như Vua Ezana của Aksum vào khoảng thời gian này. Bản đồ 12 trình bày vị trí của nhà nước Aksum lịch sử ở đất nước Ethiopia và Eritrea thời hiện đại, với các tiền đồn băng qua Biển Đỏ ở Ảrập Xê-út và Yemen.

https://thuviensach.vn

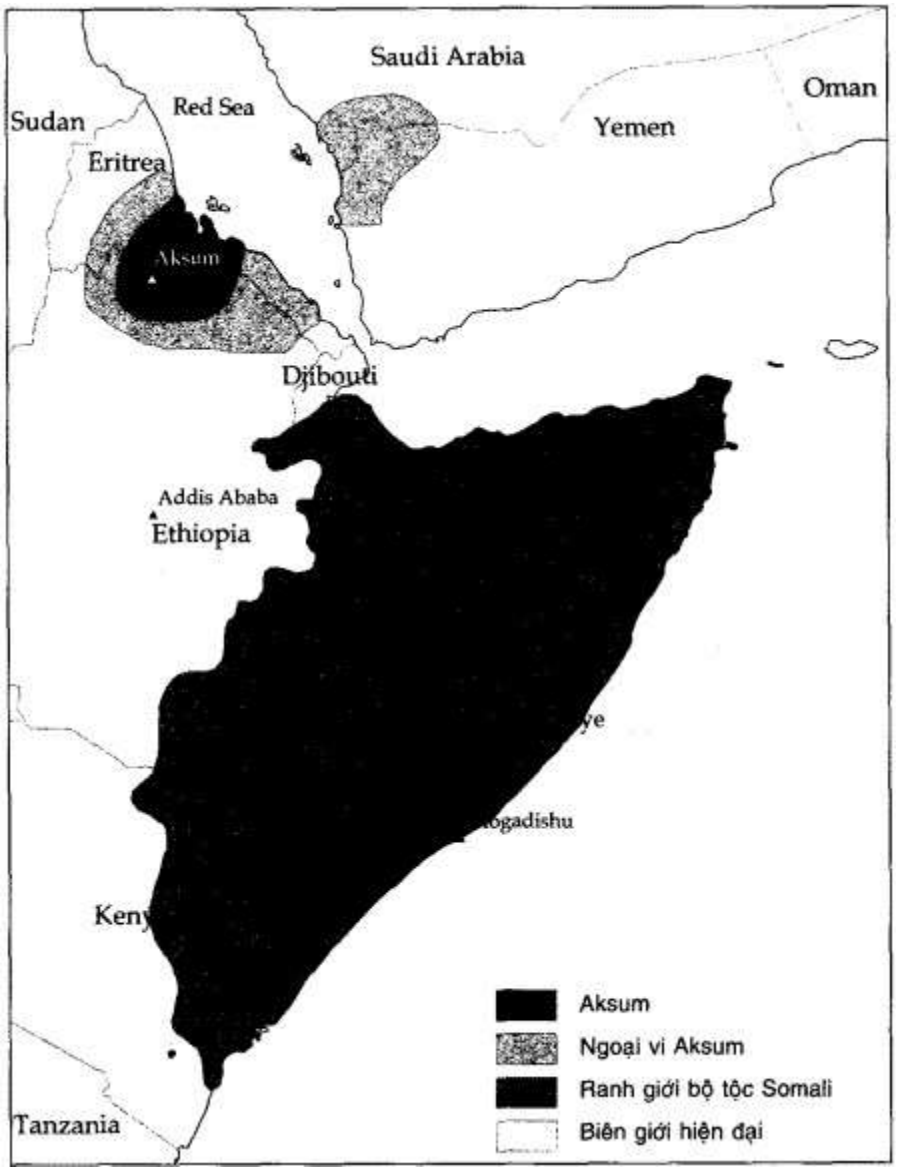

Bản đồ 12: Đế chế Aksum và các bộ tộc Somali (p.232)

Khi La Mã suy tàn, Aksum cũng thế, và sự suy tàn lịch sử của họ tuân theo một mô thức tương tự như của Đế quốc Tây La Mã. Vai trò của rợ Hung và người Vandals trong sự suy vong của La Mã được đảm trách bởi người Ảrập mà vào thế kỷ thứ 7, đã bành trướng vào Biển Đỏ xuống bán đảo Ảrập. Aksum mất các thuộc địa ở Ảrập và các lộ trình thương mại của họ. Sự suy sụp kinh tế diễn ra rất nhanh: tiền không còn được đúc nữa, dân số đô thị giảm nhanh, và có sự tái tập trung quyền lực nhà nước bên trong lãnh thổ đất nước đến vùng cao nguyên Ethiopia hiện đại.

https://thuviensach.vn

Ở châu Âu, các thể chế phong kiến nổi lên theo sau sự sụp đổ của nhà nước tập quyền. Điều tương tự cũng xảy ra ở Ethiopia, dựa vào một hệ thống gọi là*gult*, liên quan đến việc cấp đất của nhà vua. Thể chế này được đề cập trong các bản viết tay thế kỷ 13, dù có thể có nguồn gốc sớm hơn. Thuật ngữ *gult* xuất phát từ một từ trong ngôn ngữ Amharic (ngôn ngữ chính của Ethiopia) có nghĩa là "người được phong thái ấp". Nó cho thấy rằng, để được cấp đất, người giữ *gult* phải cung cấp dịch vụ cho nhà vua, đặc biệt là dịch vụ quân sự. Đổi lại, người giữ *gult* có quyền chiếm đoạt cống vật từ những người canh tác trên đất. Nhiều nguồn tư liệu lịch sử cho thấy rằng người giữ *gult* chiếm đoạt từ một nửa đến 3/4 sản lượng nông nghiệp của nông dân. Hệ thống này phát triển độc lập và có những điểm tương đồng rõ rệt với hệ thống phong kiến châu Âu, nhưng xem ra còn có tính chiếm đoạt nhiều hơn. Vào thời điểm cao trào của chủ nghĩa phong kiến ở Anh, nông nô đứng trước sự chiếm đoạt đỡ dã man hơn và mất khoảng một nửa sản lượng cho các lãnh chúa dưới hình thức này hay hình thức khác.

Nhưng Ethiopia không đại diện cho châu Phi. Ở những nơi khác, chế độ nô lệ không được thay thế bằng chế độ nông nô; chế độ nô lệ châu Phi và các thể chế nâng đỡ nó vẫn tiếp tục tồn tại qua nhiều thế kỷ. Thậm chí lộ trình cuối cùng của Ethiopia cũng rất khác. Sau thế kỷ thứ 7, Ethiopia vẫn bị cô lập sau các rặng núi Đông Phi và tách biệt với những quá trình ảnh hưởng đến đường lối thể chế của châu Âu như sự nổi lên của các thành phố độc lập, sự giới hạn quyền lực triều đình mới manh nha và sự mở rộng hoạt động thương mại Đại Tây Dương sau khi khám phá ra châu Mỹ. Vì thế, phiên bản của các thể chế chuyên chế ở Ethiopia nhìn chung vẫn không bị thách thức. Lục địa châu Phi sau này tương tác với với châu Âu và châu Á theo một cách rất khác. Đông Phi trở thành nơi cung cấp nô lệ chính cho thế giới Ảrập, trong khi Tây và Trung Phi được lôi kéo vào nền kinh tế thế giới như những nguồn cung cấp nô lệ trong thời kỳ mở mang kinh tế của châu Âu gắn liền với hoạt động thương mại Đại Tây Dương. Cách thức hoạt động thương mại Đại Tây Dương dẫn đến các lộ trình phân hóa sâu

https://thuviensach.vn

sắc giữa Tây Âu và châu Phi lại là một ví dụ khác nữa về sự phân hóa thể chế hình thành từ sự tương tác giữa các thời điểm quyết định và những khác biệt thể chế hiện hữu. Trong khi ở nước Anh, lợi nhuận từ mua bán nô lệ giúp làm giàu cho những người chống đối chủ nghĩa chuyên chế, thì ở châu Phi, lợi nhuận này lại giúp tạo ra và củng cố chủ nghĩa chuyên chế.

Càng cách xa châu Âu, các quá trình phân hóa thể chế rõ ràng càng tự do đi theo lộ trình riêng của chúng. Ví dụ, ở châu Mỹ, vốn đã tách rời với châu Âu từ khoảng 15 nghìn năm TCN do hiện tượng tan băng từ Alaska đến Nga, đã có sự đổi mới thể chế tương tự như của người Natufian, dẫn đến đời sống định cư, tôn ti trật tự và cách biệt giàu nghèo - nói vắn tắt là các thể chế chiếm đoạt. Điều này trước tiên diễn ra ở Mexico, Bolivia và Peru thuộc vùng núi Andes, dẫn đến cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới ở châu Mỹ với việc thuần hóa cây ngô. Chính ở những nơi này mà các hình thức ban đầu của sự tăng trưởng chiếm đoạt diễn ra, như ta đã thấy ở các thành bang Maya. Thế nhưng, cũng giống hệt như những bước đột phá lớn hướng tới các thể chế dung hợp và tăng trưởng công nghiệp đã không diễn ra ở những nơi mà thế giới La Mã một thời hùng mạnh nhất, các thể chế dung hợp của châu Mỹ cũng không phát triển trên vùng đất của những nền văn minh đầu tiên này. Trên thực tế, như ta đã thấy trong chương 1, những nền văn minh một thời đông đúc dân cư này đã tương tác với chủ nghĩa thực dân châu Âu một cách tai hại để dẫn đến "sự đảo ngược vận mệnh", làm cho những vùng tương đối giàu có trước đây ở châu Mỹ trở thành tương đối nghèo nàn. Ngày nay, chính Hoa Kỳ và Canada, những nơi từng tụt hậu so với các nền văn minh tinh xảo ở Mexico, Peru và Bolivia, đã trở nên giàu có hơn nhiều so với phần còn lại của châu Mỹ.

NHỮNG HỆ QUẢ CỦA SỰ TĂNG TRƯỞNG BAN ĐẦU

Trong khoảng thời gian dài kể từ cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới bắt đầu vào năm 9500 TCN cho đến Cách mạng công nghiệp Anh vào cuối

https://thuviensach.vn

thế kỷ 18 đã xuất hiện rải rác một số nỗ lực tăng trưởng kinh tế. Các đợt tăng trưởng này được châm ngòi bởi sự đổi mới thể chế để rồi cuối cùng trở nên chao đảo. Ở La Mã cổ đại, các thể chế của nền Cộng hòa từng tạo ra một mức độ phát triển kinh tế nào đó và giúp xây dựng một đế chế khổng lồ, đã bị xổ tung sau cuộc đảo chính của Julius Caesar và việc xây dựng đế quốc dưới thời Augustus. Phải mất nhiều thế kỷ thì Đế quốc La Mã mới biến mất, và sự lụi tàn mới bị phơi bày; nhưng một khi các thể chế cộng hòa tương đối dung hợp đã nhường chỗ cho những thể chế chiếm đoạt hơn của đế quốc thì sự thoái trào kinh tế trở nên gần như không thể tránh khỏi.

Diễn biến vận động của Venice cũng tương tự. Sự thịnh vượng kinh tế của Venice được hun đúc bằng những thể chế có các yếu tố dung hợp quan trọng, nhưng đã bị mai một khi giới quyền thế hiện hữu đóng cửa hệ thống đối với những người mới tham gia và thậm chí còn cấm đoán các thể chế kinh tế từng mang lại phồn vinh cho nền cộng hòa.

Bất kể thực tế trải nghiệm của La Mã có thể đáng kể đến đâu, thì di sản của La Mã cũng không phải nguồn gốc trực tiếp dẫn đến sự vươn lên của các thể chế dung hợp ở Anh và cuộc Cách mạng công nghiệp Anh. Các yếu tố lịch sử quả thật định hình cách thức phát triển thể chế, nhưng đây không phải là một quá trình tích lũy có tính chất tiền định và đơn giản. La Mã và Venice minh họa cách thức những tiến bộ ban đầu hướng tới tính dung hợp có thể bị đảo ngược như thế nào. Bối cảnh kinh tế và thể chế mà La Mã tạo ra trên khắp châu Âu và Trung Đông không tất yếu dẫn đến các thể chế dung hợp có gốc rễ vững chắc của những thế kỷ về sau. Trên thực tế, các thể chế này đã xuất hiện trước tiên và vững mạnh nhất ở Anh, nơi mà sự chiếm đóng của La Mã là yếu nhất và cũng tan biến dứt khoát nhất, gần như không để lại dấu vết vào thế kỷ thứ 5 SCN. Thay vì thế, như ta đã thảo luận trong chương 4, lịch sử đóng một vai trò to lớn thông qua sự phân hóa thể chế, để từ đó dẫn đến những khác biệt thể chế, cho dù đôi khi chỉ là nhỏ nhặt nhưng rồi trở nên lớn hơn khi chúng tương tác với các thời điểm quyết định. Điều này là vì những khác biệt thể chế này thường nhỏ bé và có

https://thuviensach.vn

thể bị đảo ngược dễ dàng và không nhất thiết là hệ quả của một quá trình tích lũy đơn giản.

Lẽ dĩ nhiên, La Mã có những ảnh hưởng lâu dài đối với châu Âu. Luật pháp và thể chế La Mã ảnh hưởng đến luật pháp và thể chế mà các vương quốc của các bộ tộc man di thiết lập sau khi Đế quốc Tây La Mã sụp đổ. Cũng chính sự suy tàn của La Mã đã tạo ra bối cảnh chính trị có tính phân quyền, để rồi từ đó phát triển thành trật tự phong kiến. Sự biến mất của chế độ nô lệ và sự ra đời của các thành phố độc lập là những sản phẩm phụ lâu dài và hiển hiện (dĩ nhiên là có tính chất tình cờ lịch sử) của quá trình này. Điều này sẽ trở nên có ảnh hưởng đặc biệt khi nạn dịch hạch làm rung chuyển xã hội phong kiến. Từ đống tro tàn của nạn dịch hạch đã vươn lên các thị trấn và thành phố vững mạnh hơn, tầng lớp nông dân không còn bị ràng buộc vào đất đai và được giải thoát khỏi các nghĩa vụ phong kiến. Chính thời điểm quyết định hình thành từ sự suy tàn của Đế quốc La Mã này đã dẫn đến sự phân hóa thể chế mạnh mẽ hơn, ảnh hưởng đến toàn thể châu Âu theo một cách thức không giống với ở châu Phi vùng hạ Sahara, châu Á hay châu Mỹ.

Đến thế kỷ 16, châu Âu đã hết sức khác biệt về mặt thể chế so với vùng hạ Sahara châu Phi và châu Mỹ. Mặc dù không giàu có bằng những nền văn minh châu Á ấn tượng nhất như Ấn Độ hay Trung Quốc, nhưng châu Âu khác với các chính thể này trên những khía cạnh then chốt. Chẳng hạn như châu Âu đã phát triển các thể chế mang tính đại diện theo kiểu chưa từng thấy trước đây. Các thể chế này đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển các thể chế dung hợp. Như ta sẽ thấy trong hai chương tiếp theo, những khác biệt thể chế nhỏ bé sẽ là những khác biệt thật sự có ý nghĩa quan trọng trong phạm vi châu Âu, và tạo điều kiện thuận lợi cho nước Anh, vì đó chính là nơi trật tự phong kiến đã tiến bộ một cách toàn diện nhất đối với các nhà nông có đầu óc thương mại cũng như các trung tâm đô thị độc lập, nơi các thương nhân và các nhà công nghiệp có thể làm ăn phát đạt. Các nhóm này sẽ đòi hỏi triều đình phải cho họ có quyền sở hữu bảo

https://thuviensach.vn

đảm hơn, các thể chế kinh tế khác và tiếng nói chính trị. Toàn bộ quá trình này sẽ lên đến cao trào vào thế kỷ 17.

https://thuviensach.vn

7. BƯỚC NGOẶT THỂ CHẾ

RẮC RỐI VỚI VỚ

NĂM 1583, SAU KHI TỐT NGHIỆP Đại học Cambridge, William Lee về quê để trở thành tu sĩ ở Calverton nước Anh. Ngay trước đó, Nữ hoàng Elizabeth I (1558-1603) ban hành quy định buộc thần dân của bà phải luôn đội mũ len. Theo ghi chép của Lee, "để sản xuất mũ len thì phải có những người thợ đan len, nhưng nếu đan thủ công thì mất rất nhiều thời gian. Tôi bắt đầu suy nghĩ. Tôi nhìn mẹ và các chị tôi ngồi suốt buổi chiều tà bên những chiếc kim đan. Nếu món đồ được làm bằng hai chiếc kim đan và một cuộn chỉ, tại sao không dùng nhiều chiếc kim cùng một lúc".

Suy nghĩ quan trọng này là khởi điểm của quá trình cơ giới hóa sản xuất dệt may. Lee trở nên bị ám ảnh với việc chế tạo một cỗ máy giúp giải phóng con người khỏi công việc đan tay bất tận. Ông nhớ lại: "Tôi bắt đầu xao lãng nhiệm vụ đối với Giáo hội và gia đình. Ý tưởng về cỗ máy và việc sáng tạo ra nó đã ăn sâu vào tim óc tôi".

Cuối cùng, năm 1589, cỗ máy dệt vớ của ông đã sẵn sàng. Ông đến Luân Đôn với niềm háo hức tìm cách diện kiến Nữ hoàng Elizabeth I để cho bà biết cỗ máy hữu ích như thế nào và xin bà cấp bằng phát minh nhằm ngăn những người khác bắt chước thiết kế. Ông thuê một căn nhà để lắp đặt cỗ máy và với sự giúp đỡ của vị đại biểu quốc hội địa phương Richard Parkyns, ông đã gặp ngài Henry Carey Hunsdon, một thành viên trong Hội đồng cơ mật hoàng gia Anh. Carey bố trí cho Nữ hoàng Elizabeth đến xem cỗ máy, nhưng phản ứng của bà rất tiêu cực. Bà từ chối cấp bằng phát minh cho Lee, thay vì thế bà nhận định: "Ngươi nhắm cao đấy, thầy Lee. Hãy nghĩ xem phát minh này có thể gây ra những gì cho thần dân tội nghiệp của ta. Chắc chắn nó sẽ gây họa bằng cách tước đoạt việc làm của họ và làm cho họ trở thành ăn mày". Tiêu tan hy vọng, Lee sang Pháp, cố gắng thử

https://thuviensach.vn

vận may ở đó; nhưng rồi cũng thất bại, ông quay về Anh, lại hỏi xin Vua James I (1603-1925), người kế vị nữ hoàng, cấp bằng phát minh. James I cũng khước từ với cùng lý do như nữ hoàng. Cả hai đều lo sợ rằng việc cơ giới hóa sản xuất vớ sẽ làm mất ổn định chính trị. Máy móc sẽ lấy mất công ăn việc làm của dân chúng, gây ra thất nghiệp, bất ổn chính trị và đe dọa quyền lực của triều đình. Máy dệt vớ là một phát minh có triển vọng làm tăng năng suất mạnh mẽ, nhưng nó cũng hứa hẹn sẽ gây ra sự phá hủy sáng tạo.

PHẢN ỨNG ĐỐI VỚI PHÁT MINH tài ba của Lee minh họa cho ý tưởng then chốt trong quyển sách này. Nỗi lo sợ đối với sự phá hủy sáng tạo là lý do chính cản trở sự gia tăng mức sống bền vững trong suốt thời gian từ cuộc Cách mạng thời kỳ Đồ đá mới đến Cách mạng công nghiệp. Đổi mới công nghệ làm cho xã hội loài người thịnh vượng, nhưng cũng liên quan đến sự thay thế cái cũ bằng cái mới và sự phá hủy các đặc quyền kinh tế cũng như quyền lực chính trị của một số người nào đó. Để tăng trưởng kinh tế bền vững, chúng ta cần có công nghệ mới, các phương thức làm việc mới, và thông thường, điều đó sẽ xuất phát từ những con người mới như Lee. Điều đó sẽ làm cho xã hội thịnh vượng, nhưng quá trình phá hủy sáng tạo mà nó tạo ra sẽ đe dọa phương kế mưu sinh của những người đang làm việc với các công nghệ cũ, như những người thợ đan thủ công sẽ bị thất nghiệp do công nghệ của Lee. Quan trọng hơn, những phát minh lớn như máy dệt vớ của Lee cũng có thể dẫn tới việc định hình lại quyền lực chính trị. Suy cho cùng, không phải nỗi lo lắng về vận mệnh của những người có thể bị thất nghiệp do cỗ máy của Lee khiến Nữ hoàng Elizabeth I và Vua James I từ chối cấp bằng phát minh cho ông; mà chính nỗi lo sợ rằng mình sẽ trở thành những kẻ thua cuộc về chính trị - lo sợ rằng những người bị mất việc do phát minh này sẽ gây ra bất ổn chính trị và đe dọa quyền lực hoàng gia. Như ta đã thấy với những người chống đối Luddites, người ta hoàn toàn có thể vượt qua sự chống đối của người lao động như những người thợ đan thủ công. Nhưng giới quyền thế, đặc biệt là khi quyền lực chính trị của họ bị đe dọa, sẽ tạo thành rào cản dữ dội hơn nhiều đối với sự

https://thuviensach.vn

phát minh đổi mới. Việc họ có nhiều thứ để mất do sự phá hủy sáng tạo có nghĩa là, chẳng những họ sẽ không phải là người du nhập các phát minh mới mà họ còn chống đối và ngăn chặn chúng. Vì thế, xã hội cần có những con người mới để giới thiệu các phát minh đổi mới triệt để nhất, và những người này cũng như sự phá hủy sáng tạo mà họ tạo ra phải vượt qua các nguồn chống đối, bao gồm sự chống đối từ những người cai trị hùng mạnh và giới quyền thế.

Ở nước Anh trước thế kỷ 17, các thể chế chiếm đoạt là chuẩn mực trong toàn xã hội. Cũng có lúc các thể chế này có thể tạo ra tăng trưởng kinh tế, như đã được trình bày trong hai chương trước, nhất là khi chúng chứa đựng những yếu tố dung hợp, như ở Venice và La Mã. Nhưng chúng không cho phép sự phá hủy sáng tạo. Sự tăng trưởng do các thể chế này tạo ra không bền vững và sẽ đi đến kết thúc do thiếu phát minh đổi mới, do tình trạng đấu đá nội bộ phát sinh từ mong muốn hưởng lợi bằng cách chiếm đoạt, hay do các yếu tố dung hợp mới phôi thai đã bị đảo ngược hoàn toàn, như ở Venice.

Tuổi thọ của một người dân làng Natufian ở Abu Hureyra có lẽ không khác biệt lắm so với tuổi thọ của một công dân La Mã cổ đại. Tuổi thọ của một người La Mã điển hình cũng tương tự như của một người dân trung bình ở Anh vào thế kỷ 17. Về thu nhập, vào năm 301 SCN, hoàng đế La Mã Diocletian ban hành chiếu chỉ về giá tối đa, vạch ra biểu lương trả cho các loại lao động khác nhau. Chúng ta không biết chính xác giá và lương dưới thời Diocletian được thực thi ra sao, nhưng khi sử gia kinh tế Robert Allen sử dụng chiếu chỉ này để tính mức sống của một người lao động phổ thông điển hình, ông thấy nó gần như đúng bằng mức sống của một lao động phổ thông ở Ý thế kỷ 17. Ở nước Anh, càng xa về phía bắc, tiền lương càng cao và gia tăng, và mọi sự cũng thay đổi. Điều này xảy ra như thế nào là chủ đề của chương này.

XUNG ĐỘT CHÍNH TRỊ LUÔN HIỆN HỮU

https://thuviensach.vn

Xung đột về thể chế và sự phân phối nguồn lực luôn luôn hiện hữu xuyên suốt lịch sử. Chúng ta đã thấy xung đột chính trị định hình sự tiến hóa của La Mã cổ đại và của Venice như thế nào, và ở đó, cuối cùng xung đột đã được giải quyết nghiêng về phía giới quyền thế, những người có thể củng cố vị trí quyền lực của họ.

Lịch sử vương quốc Anh cũng đầy xung đột giữa triều đình và thần dân, giữa các nhóm khác nhau tranh giành quyền lực, và giữa giới quyền thế và người dân. Dù vậy, kết quả không phải lúc nào cũng giúp củng cố quyền lực hiện hữu. Năm 1215, các quý tộc phong kiến, nhóm quyền thế ngay bên dưới nhà vua, đã đứng lên yêu cầu vua John ký bản Đại hiến chương Magna Carta ở Runnymede (xem bản đồ 9 chương 2). Văn kiện này quy định một số nguyên tắc cơ bản và là sự thách thức đáng kể đối với thẩm quyền của nhà vua. Quan trọng hơn cả, nó quy định rằng nhà vua phải tham khảo ý kiến giới quý tộc khi tăng thuế. Điều khoản gây tranh cãi nhất là điều 61, quy định rằng: “Giới quý tộc sẽ tuyển chọn 25 quý tộc bất kỳ trong vương quốc như họ muốn, những người sẽ dốc sức quan sát, duy trì và giúp giám sát nền hòa bình và tự do mà chúng ta đã trao cho và xác nhận với họ bằng hiến chương này”. Thực chất, giới quý tộc thành lập một hội đồng để đảm bảo rằng nhà vua phải thực hiện hiến chương, và nếu ông không thực hiện, 25 quý tộc này có quyền thâu tóm cung điện, đất đai và tài sản… cho đến khi việc điều chỉnh sửa đổi được thực hiện theo phán quyết của họ”. Vua John không thích Đại hiến chương Magna Carta, và ngay khi các quý tộc giải tán, ông buộc đức giáo hoàng hủy bỏ nó. Nhưng quyền lực chính trị của giới quý tộc và ảnh hưởng của Đại hiến chương vẫn tồn tại. Nước Anh đã có một bước tiến miễn cưỡng đầu tiên hướng tới chủ nghĩa đa nguyên.

Xung đột về các thể chế chính trị vẫn tiếp diễn, và quyền lực của triều đình bị khống chế hơn nữa bởi Quốc hội được bầu lần đầu tiên vào năm 1265. Không như Hội đồng bình dân ở La Mã hay nhánh lập pháp được bầu ngày nay, các đại biểu Quốc hội thoạt đầu là các quý tộc phong kiến

https://thuviensach.vn

được sắc phong (feudal nobles), và sau đó là các hiệp sĩ và giới quý tộc (aristocracy) giàu có nhất của cả nước. Mặc dù bao gồm giới quyền thế, Quốc hội Anh có hai đặc điểm nổi trội. Thứ nhất, Quốc hội không chỉ đại diện cho giới quyền thế liên minh mật thiết với nhà vua mà còn bao gồm nhiều nhóm lợi ích, trong đó có giới quý tộc thiểu số tham gia vào mọi lĩnh vực đời sống, như thương mại và công nghiệp, và về sau là các chủ đất nhỏ, một tầng lớp nhà nông tham gia hoạt động thương mại và vươn lên về đẳng cấp xã hội. Vì thế, Quốc hội trao quyền cho những thành phần xã hội tương đối rộng - ít nhất là theo tiêu chuẩn thời bấy giờ. Đặc điểm thứ hai, và nói chung là kết quả của đặc điểm thứ nhất là, nhiều đại biểu Quốc hội kiên quyết chống đối nỗ lực gia tăng quyền lực của nhà vua và sẽ trở thành chỗ dựa chính của những người chống lại triều đình trong cuộc nội chiến Anh và trong cuộc Cách mạng Vinh quang sau đó.

Bất chấp Đại hiến chương và Quốc hội được bầu đầu tiên, xung đột chính trị vẫn kéo dài đối với quyền lực của triều đình và những người kế ngôi. Sự xung đột nội bộ này trong giới quyền thế được kết thúc bằng Chiến tranh Hoa hồng, cuộc chiến tay đôi giữa hai gia tộc cùng tranh đoạt ngôi vua là Lancaster và York. Gia đình Lancaster chiến thắng, và ứng viên của họ, Henry Tudor, lên ngôi, trở thành Vua Henry VII vào năm 1485.

Hai quá trình khác có liên quan với nhau cũng diễn ra. Thứ nhất là sự tập trung chính trị gia tăng từ thời vương triều Tudor. Sau năm 1485, Vua Henry VII tước vũ khí của giới quý tộc, thực chất là phi quân sự hóa họ, qua đó mở rộng quyền lực của nhà nước trung ương. Sau đó, con ông, Henry VIII, thực hiện một cuộc cách mạng trong chính phủ thông qua bộ trưởng Thomas Cromwell. Trong thập niên 1530, Cromwell xây dựng một bộ máy nhà nước non trẻ. Thay vì chỉ là gia đình riêng của nhà vua, bây giờ chính phủ trở thành một hệ thống các thể chế bền vững riêng biệt. Thêm vào đó, Vua Henry VIII còn cắt đứt với Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã và tước đoạt quyền lực của các tu viện, qua đó ông sung công toàn bộ đất đai của Giáo hội. Việc tước đoạt quyền lực của Giáo hội là một phần trong nỗ

https://thuviensach.vn

lực làm cho nhà nước trở nên tập quyền hơn. Sự tập trung hóa thể chế nhà nước này có nghĩa là lần đầu tiên, các thể chế chính trị dung hợp trở nên khả thi. Quá trình do Henry VII và Henry VIII phát động không chỉ tập trung hóa các thể chế nhà nước mà còn làm tăng nhu cầu về sự đại diện chính trị trên cơ sở rộng rãi hơn. Quá trình tập trung hóa chính trị trên thực tế có thể dẫn đến một hình thức chủ nghĩa chuyên chế, khi nhà vua và các cận thần có thể dẹp tan những nhóm quyền lực khác trong xã hội. Điều này quả thật là một trong những lý do xảy ra sự chống đối tập trung hóa nhà nước như ta đã thấy trong chương 3. Tuy nhiên, khi chống lại áp lực này, việc tập trung hóa các thể chế nhà nước cũng có thể huy động nhu cầu về một hình thức phôi thai của chủ nghĩa đa nguyên, như ở nước Anh dưới triều đại Tudor. Khi giới quý tộc và giới quyền thế địa phương nhận thấy rằng quyền lực chính trị đang ngày càng tập trung hơn và khó có thể ngăn chặn, họ đòi hỏi mình phải có tiếng nói về cách thức sử dụng quyền lực tập trung này. Ở nước Anh vào cuối thế kỷ 15 và thế kỷ 16, điều đó có nghĩa là nhóm này sẽ nỗ lực nhiều hơn để biến Quốc hội trở thành một lực lượng đối trọng với triều đình và kiểm soát một phần cách thức vận hành nhà nước. Vì thế, dự án Tudor không chỉ khơi mào cho quá trình tập trung hóa chính trị, một trụ cột của các thể chế dung hợp, mà còn gián tiếp góp phần vào chủ nghĩa đa nguyên, một trụ cột khác của các thể chế dung hợp.

Các diễn biến phát triển thể chế chính trị này diễn ra trong bối cảnh những thay đổi lớn khác về bản chất xã hội. Đặc biệt đáng kể là sự mở rộng xung đột chính trị, bao trùm những nhóm người có khả năng đưa ra các yêu sách đối với nhà vua và giới quyền thế chính trị. Cuộc Khởi nghĩa nông dân năm 1381 là yếu tố then chốt, sau đó giới quyền thế Anh bị rung chuyển bởi một loạt các cuộc khởi nghĩa quần chúng. Quyền lực chính trị đang được tái phân phối, không chỉ đơn thuần từ nhà vua đến các lãnh chúa, mà còn từ giới quyền thế đến nhân dân. Những thay đổi này, cùng với sự hạn chế ngày càng tăng đối với quyền lực của nhà vua, giúp cho sự ra đời của một liên minh rộng lớn chống lại chủ nghĩa chuyên chế trở nên khả thi và qua đó đặt nền móng cho các thể chế chính trị đa nguyên.

https://thuviensach.vn

Mặc dù bị thách thức, song các thể chế chính trị và kinh tế mà vương triều Tudor kế thừa và duy trì rõ ràng vẫn mang tính chiếm đoạt. Nữ hoàng Elizabeth I, con gái vua Henry VIII, lên ngôi vào năm 1558 và băng hà năm 1603 mà không có con, và vương triều Tudor được thay thế bằng triều đại Stuart. Vị vua thứ nhất của triều đại Stuart, James I, không chỉ thừa kế các thể chế mà còn thừa kế luôn cả những mối xung đột trong đó. Ông muốn trở thành một người cai trị chuyên chế. Mặc dù nhà nước đã trở nên tập trung hơn và sự thay đổi xã hội đang phân phối lại quyền lực trong xã hội, các thể chế chính trị vẫn chưa có tính đa nguyên. Trong nền kinh tế, các thể chế chiếm đoạt không chỉ bộc lộ qua sự chống đối phát minh của Lee, mà còn biểu hiện dưới hình thức của đủ mọi thế lực độc quyền. Năm 1601, danh sách các độc quyền này đã được xướng lên trên Quốc hội, và một đại biểu đặt câu hỏi mỉa mai: “Thế còn chút canh thừa cơm cặn nào không?” Năm 1621, có 700 đơn vị độc quyền. Theo lời sử gia Anh Christopher Hill, người ta sống “trong một căn nhà xây bằng gạch độc quyền, với những cánh cửa làm bằng kính độc quyền; sưởi bằng than độc quyền (gỗ độc quyền của Ireland) đốt trong lò sưởi làm bằng sắt độc quyền… Họ tắm rửa bằng xà phòng độc quyền, trang phục được làm cứng bằng hồ bột độc quyền. Họ phục sức bằng đăng-ten độc quyền, vải lanh độc quyền, da độc quyền, chỉ vàng độc quyền… Họ dùng những chiếc thắt lưng độc quyền, khuy áo độc quyền, ghim cài độc quyền, vải được nhuộm bằng thuốc nhuộm độc quyền. Họ ăn bơ độc quyền, quả lý chua độc quyền, cá mòi muối hun khói độc quyền, cá hồi độc quyền, tôm độc quyền. Thức ăn của họ được ngâm tẩm bằng muối độc quyền, tiêu độc quyền, giấm độc quyền… Họ viết bằng bút độc quyền trên giấy độc quyền; đọc những quyển sách in độc quyền (bằng kính mắt độc quyền, dưới ánh sáng của những ngọn nến độc quyền).

Các đơn vị độc quyền này, và nhiều hơn thế nữa, mang lại cho các cá nhân hay các nhóm quyền kiểm soát duy nhất trong việc sản xuất ra nhiều loại hàng hóa. Họ cản trở việc phân bổ tài năng, vốn vô cùng quan trọng trong việc đạt được sự thịnh vượng kinh tế.

https://thuviensach.vn

Cả James I và con ông Charles I, người thừa kế ngai vàng, đều khao khát củng cố ngôi vua, giảm ảnh hưởng của Quốc hội, và thiết lập các thể chế chuyên chế tương tự như đã được xây dựng ở Tây Ban Nha và Pháp nhằm tăng cường sự kiểm soát của họ và giới quyền thế đối với nền kinh tế, làm cho các thể chế trở nên có tính chiếm đoạt hơn. Xung đột giữa Vua James I và Quốc hội trở nên căng thẳng vào thập niên 1620. Trọng tâm của mối xung đột này là việc kiểm soát hoạt động thương mại ở hải ngoại và trong phạm vi quần đảo Anh. Khả năng ban bố thế lực độc quyền của nhà vua là nguồn thu chính của nhà nước và thường được sử dụng như một phương thức ban phát ân sủng đặc quyền cho những người ủng hộ nhà vua. Chẳng lạ gì, thể chế chiếm đoạt này, vốn cản trở sự tham gia và vận hành thị trường, đã gây thiệt hại đáng kể cho hoạt động kinh tế và quyền lợi của nhiều đại biểu quốc hội. Năm 1623, Quốc hội giành thắng lợi đáng kể bằng cách xoay sở để thông qua Luật Độc quyền, qua đó cấm Vua James I không được thành lập các đơn vị độc quyền mới trong nước. Tuy nhiên, nhà vua vẫn có thể thành lập các đơn vị độc quyền trong hoạt động ngoại thương vì thẩm quyền của Quốc hội không bao trùm các sự vụ quốc tế. Các độc quyền hiện hữu, quốc tế hay nội địa, đều còn nguyên vẹn, bất khả xâm phạm.

Quốc hội không nhóm họp định kỳ mà phải được nhà vua triệu tập. Quy ước ra đời sau Đại hiến chương Magna Carta là nhà vua phải triệu tập Quốc hội để được chấp thuận ban hành thuế mới. Charles I lên ngôi năm 1625, từ chối triệu tập Quốc hội sau năm 1629, và tăng cường các nỗ lực của Vua James I để xây dựng một thể chế chuyên chế cứng rắn. Ông tạo ra những khoản vay ép buộc, có nghĩa là dân chúng phải cho ông vay tiền, rồi ông đơn phương thay đổi điều khoản vay và từ chối trả nợ. Ông dựng lên và bán các đơn vị độc quyền trong hoạt động ngoại thương mà Luật Độc quyền vẫn còn chừa lại cho nhà vua. Ông cũng lũng đoạn tính độc lập của nhánh tư pháp và ra sức can thiệp nhằm tác động đến kết quả của các vụ kiện. Ông thu nhiều loại thuế và phí, trong đó gây tranh cãi nhiều nhất là "tiền tàu" đánh vào các địa hạt ven biển vào năm 1635 để đổi lại sự bảo vệ

https://thuviensach.vn

của Hải quân hoàng gia, sau đó mở rộng thuế này cho các địa hạt trong đất liền vào năm 1640. Tiền tàu được thu hằng năm cho đến tận năm 1640.

Hành vi ngày càng chuyên chế và các chính sách chiếm đoạt của Charles gây ra sự bất mãn và chống đối trên khắp đất nước. Năm 1640, đứng trước sự xung đột với Scotland và không có đủ tiền để trang bị cho quân đội ra chiến trường, ông buộc phải triệu tập Quốc hội để yêu cầu tăng thuế. Cái gọi là phiên họp "Quốc hội ngắn" (Short Parliament) đã được nhóm họp chỉ trong ba tuần. Các đại biểu đến Luân Đôn từ chối thảo luận về thuế, nhưng bộc lộ sự bất bình cho đến khi Charles bãi nhiệm họ. Người Scotland nhận thấy Charles không được đất nước ủng hộ nên đã xâm lăng nước Anh, chiếm đóng thành phố Newcastle. Charles bắt đầu thương lượng, và người Scotland yêu cầu phải có Quốc hội tham gia. Điều này buộc Charles phải triệu tập Quốc hội; phiên họp này được gọi là "Quốc hội dài" (Long Parliament) vì nó kéo dài đến năm 1648 mà không chịu giải tán, ngay cả khi Charles yêu cầu.

Năm 1642, nội chiến nổ ra giữa Charles và Quốc hội, cho dù trong Quốc hội cũng có nhiều đại biểu đứng về phía nhà vua. Diễn biến xung đột phản ánh cuộc chiến về các thể chế kinh tế và chính trị. Quốc hội muốn chấm dứt các thể chế chính trị chuyên chế; nhà vua muốn củng cố những thể chế này. Xung đột này có nguyên nhân gốc rễ từ kinh tế. Nhiều người ủng hộ nhà vua vì họ đã được ban phát các thế lực độc quyền béo bở. Ví dụ, các độc quyền địa phương dưới sự kiểm soát của các lái buôn giàu có và thế lực ở Shrewsbury và Oswestry được nhà vua bảo hộ trước sự cạnh tranh của các thương nhân Luân Đôn. Các lái buôn địa phương này đứng về phía Charles I. Phía bên kia, ngành công nghiệp luyện kim phát đạt tập trung xung quanh quận Birmingham vì các thế lực độc quyền ở đây suy yếu và vì những người mới tham gia ngành không phải thử việc 7 năm như ở những vùng khác trong nước. Suốt thời gian nội chiến, họ chế tạo gươm đao và cung cấp người tình nguyện cho phe Quốc hội. Tương tự, tình trạng thiếu kiểm soát phường hội ở huyện Lancashire tạo điều kiện thuận lợi cho

https://thuviensach.vn

sự ra đời một loại vải mới, nhẹ hơn từ trước năm 1640. Nơi tập trung hoạt động sản xuất loại vải này là vùng duy nhất của Lancashire ủng hộ Quốc hội.

Dưới sự lãnh đạo của Oliver Cromwell, các đại biểu Quốc hội - thường được gọi là phe tóc ngắn (Roundhead) do kiểu tóc của họ - đã đánh bại phe hoàng gia, còn được gọi là phe ky sĩ (Cavalier). Charles bị xét xử và hành quyết vào năm 1649. Tuy nhiên, việc hạ bệ ông và thủ tiêu chế độ quân chủ không dẫn đến các thể chế dung hợp. Thay vào đó, nền quân chủ được thay thế bằng chế độ độc tài của Oliver Cromwell. Sau cái chết của Oliver Cromwell, chế độ quân chủ được phục hồi vào năm 1660 và vơ vét trở lại nhiều đặc quyền từng bị phá vỡ vào năm 1649. Con trai Charles, Charles II, bắt đầu một chương trình xây dựng chế độ chuyên chế giống hệt như cũ. Những nỗ lực này được củng cố bởi em trai ông, James II, lên ngôi vua sau khi Charles băng hà vào năm 1685. Năm 1688, nỗ lực tái thiết chế độ chuyên chế của James đã gây ra khủng hoảng và một cuộc nội chiến khác xảy ra. Lần này, Quốc hội thống nhất và có tổ chức hơn. Họ mời Tổng đốc Hà Lan, William xứ Orange và vợ ông, Mary, người con gái theo đạo Tin lành của Vua James để thay thế chính vua James. William mang theo quân đội và tranh đoạt ngai vàng để từ bỏ việc cai trị theo chế độ quân chủ chuyên chế, chuyển sang chế độ quân chủ lập hiến do Quốc hội hun đúc nên. Hai tháng sau khi William đổ bộ lên quần đảo Anh ở Brixham vùng Devon (xem bản đồ 9, chương 4), quân đội của Vua James II tan rã và nhà vua bỏ chạy sang Pháp.

CÁCH MẠNG VINH QUANG

Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Vinh quang, Quốc hội và William thương thảo một hiến pháp mới. Các thay đổi được báo trước trong “Tuyên ngôn” của William, được công bố ngay trước khi ông tiến vào nước Anh. Các thay đổi này được tôn vinh hơn nữa trong “Tuyên ngôn về Quyền” của Quốc hội vào tháng 2/1689. Bản Tuyên ngôn được đọc cho William nghe

https://thuviensach.vn

trong cùng phiên họp khi ông được trao vương miện. Trên nhiều phương diện, bản Tuyên ngôn, được gọi là Luật về Quyền sau khi được ký kết thành luật, có tính chất mơ hồ. Tuy nhiên, điều quan trọng là nó thiết lập các nguyên tắc hiến pháp trọng tâm. Nó xác định việc kế vị ngai vàng, và làm điều đó theo một cách thức khác hẳn so với các nguyên tắc cha truyền con nối lúc bấy giờ. Nếu Quốc hội đã một lần truất phế một vị vua và đưa lên ngôi một người họ thích, thì hà cớ gì họ không thể làm như thế một lần nữa? Tuyên ngôn về Quyền cũng khẳng định rằng nhà vua không thể đình chỉ hay bỏ qua luật pháp, và nhắc lại tính bất hợp pháp của việc thu thuế khi không có sự chấp thuận của Quốc hội. Ngoài ra, Tuyên ngôn còn nêu rõ rằng không thể có quân đội thường trực ở Anh nếu không có sự đồng thuận của Quốc hội. Tính mơ hồ thể hiện trong những điều khoản như điều 8 quy định rằng: "Việc bầu cử đại biểu Quốc hội phải tự do", nhưng không nêu rõ "tự do" sẽ được xác định như thế nào. Thậm chí còn mơ hồ hơn là điều 13, quy định rằng Quốc hội phải được tổ chức thường xuyên. Bởi lẽ, vấn đề Quốc hội có được tổ chức hay không và tổ chức vào lúc nào từng là một vấn đề gây nhiều tranh cãi đến thế trong suốt một thế kỷ, nên người ta hẳn phải kỳ vọng một sự cụ thể hơn nhiều trong điều khoản này. Tuy nhiên, lý do của lời lẽ mơ hồ này thật rõ ràng. Các điều khoản phải được thực thi. Dưới triều đại Charles II, một "bộ luật tam niên" đã được ban hành, khẳng định rằng Quốc hội phải được triệu tập ít nhất một lần trong ba năm. Nhưng Charles đã bất chấp luật này, và không có chuyện gì xảy ra, vì không có phương pháp cưỡng chế thi hành luật. Sau năm 1688, Quốc hội lẽ ra cũng có thể cố gắng thực hiện một phương pháp cưỡng chế thi hành điều khoản này, như giới quý tộc đã làm thông qua hội đồng quý tộc sau khi vua John ký Đại hiến chương Magna Carta. Nhưng họ không cần làm thế vì thẩm quyền và quyền ra quyết định đã được chuyển sang Quốc hội từ sau năm 1688. Ngay cả khi không có luật lệ hay quy tắc hiến pháp, William cũng đã đơn thuần từ bỏ những thông lệ hoạt động của các vị vua trước đây. Ông ngừng can thiệp vào các quyết định luật pháp và từ bỏ các "quyền" trước kia, như quyền thụ hưởng nguồn thu hải quan trọn đời. Tập hợp lại, những thay đổi về thể chế chính trị này tiêu biểu cho chiến thắng của Quốc hội đối

https://thuviensach.vn

với nhà vua, và vì thế cũng tiêu biểu cho sự cáo chung của chủ nghĩa chuyên chế ở Anh lúc bấy giờ cũng như ở Vương quốc Anh sau này, bao gồm cả Anh và Scotland theo Luật Thống nhất vào năm 1707. Từ đó trở đi, Quốc hội kiểm soát chặt chẽ các chính sách của nhà nước. Điều này dẫn đến sự khác biệt to lớn, vì quyền lợi của Quốc hội rất khác so với quyền lợi của các vị vua vương triều Stuart. Vì nhiều người trong Quốc hội đã thực hiện những hoạt động đầu tư quan trọng trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp nên họ hết sức quan tâm đến việc thực thi các quyền sở hữu. Nếu như vương triều Stuart thường xâm phạm các quyền sở hữu thì giờ đây quyền sở hữu sẽ được tôn trọng. Hơn nữa, khi các vị vua Stuart kiểm soát cách thức chi tiêu ngân sách nhà nước, Quốc hội thường phản đối việc tăng thuế và lảng tránh việc củng cố quyền lực nhà nước. Giờ đây chính Quốc hội kiểm soát chi tiêu ngân sách, nên Quốc hội vui vẻ tăng thuế và chi tiêu ngân sách vào những hoạt động mà họ cho là đáng giá. Đáng kể trong đó là việc củng cố lực lượng hải quân, giúp bảo vệ quyền lợi thương mại hải ngoại của nhiều đại biểu Quốc hội.

Thậm chí còn quan trọng hơn quyền lợi của đại biểu Quốc hội là bản chất đa nguyên của các thể chế chính trị đang nổi lên. Người dân Anh giờ đây được tiếp cận với Quốc hội, các chính sách và thể chế kinh tế được soạn thảo trong Quốc hội theo cách thức chưa từng xảy ra dưới thời chính sách còn do nhà vua dẫn dắt. Lẽ dĩ nhiên, điều này không trọn vẹn vì các đại biểu Quốc hội là những người được bầu. Nhưng do nước Anh thời kỳ này vẫn chưa phải là một nền dân chủ nên sự tiếp cận này của người dân đối với Quốc hội chỉ mang lại mức độ đáp ứng khiêm tốn. Một trong nhiều điểm không công bằng là chỉ chưa tới 2% dân số được bỏ phiếu vào thế kỷ 18, và chỉ nam giới mới có quyền bỏ phiếu. Ở những thành phố diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp, Birmingham, Leeds, Manchester và Sheffield, thậm chí còn không có đại biểu độc lập trong Quốc hội. Trong khi đó, các vùng nông thôn lại được đại diện quá nhiều trong Quốc hội. Tệ hại không kém, quyền bỏ phiếu ở các huyện nông thôn dựa trên sự sở hữu đất đai, trong khi quyền bỏ phiếu ở nhiều quận trong thành phố bị kiểm

https://thuviensach.vn

soát bởi một nhóm quyền thế thiểu số, và nhóm quyền thế này không cho phép các nhà công nghiệp mới được đi bầu hay ra tranh cử. Ví dụ, ở quận Buckingham, chỉ có 13 đại cử tri có quyền bỏ phiếu. Bên cạnh đó còn có những "quận rỗng", là những quận đã từng có quyền bỏ phiếu nhưng giờ trở nên trống rỗng, vì theo thời gian dân chúng đã di dời đi nơi khác, hay như trong trường hợp của quận Dunwich ở ven biển miền đông nước Anh, trên thực tế đã bị nhấn chìm do hiện tượng xói mòn bờ biển. Ở mỗi quận rỗng này, một số ít cử tri sẽ bầu ra hai đại biểu Quốc hội. Quận Sarum cũ có 7 cử tri, Dunwich có 32 cử tri, và mỗi quận bầu ra hai đại biểu.

Nhưng còn có những cách khác để ảnh hưởng đến Quốc hội và qua đó ảnh hưởng đến các thể chế kinh tế. Quan trọng nhất là thông qua kiến nghị, và đối với sự ra đời của chủ nghĩa đa nguyên sau cuộc Cách mạng Vinh quang, điều này quan trọng hơn nhiều so với mức độ dân chủ hạn chế. Bất kỳ ai cũng có thể kiến nghị lên Quốc hội, và họ đã làm điều đó. Quan trọng là, khi dân chúng kiến nghị, Quốc hội đã lắng nghe. Hơn tất cả mọi điều, chính điều này phản ánh sự đánh bại chủ nghĩa chuyên chế, trao quyền cho những thành phần xã hội tương đối rộng rãi và sự vươn lên của chủ nghĩa đa nguyên ở Anh sau năm 1688. Hoạt động kiến nghị sôi động cho thấy rằng quả thật, chính là các thành phần rộng khắp trong xã hội, đông đảo hơn nhiều so với những người ngồi trong Quốc hội hay ngay cả những người được đại diện trong Quốc hội, đã có quyền lực ảnh hưởng đến cách thức vận hành nhà nước, và họ đã sử dụng quyền lực đó.

Trường hợp các thế lực độc quyền minh họa rõ nhất cho thực tế này. Ở trên ta đã thấy vai trò trung tâm của độc quyền trong các thể chế kinh tế chiếm đoạt vào thế kỷ 17 như thế nào. Các thế lực này đã bị tấn công vào năm 1623 bằng Luật Độc quyền, và là nguyên nhân tranh chấp chính trong cuộc nội chiến Anh. Phiên họp Quốc hội dài đã bãi bỏ tất cả các độc quyền trong nước xâm phạm đến đời sống dân chúng. Cho dù Charles II và James II không thể phục hồi được các thế lực độc quyền này, họ vẫn xoay sở nhằm duy trì khả năng ban phát độc quyền ở hải ngoại. Ví dụ như trường

https://thuviensach.vn

hợp của Công ty Châu Phi Hoàng gia (Royal African Company) với điều lệ độc quyền được vua Charles II ban hành năm 1660. Công ty này được độc quyền trong hoạt động mua bán nô lệ châu Phi béo bở, mà người cai quản và cổ đông chính là em vua, hoàng thân James, chẳng bao lâu sau trở thành Vua James II. James ra sức bảo vệ thế lực độc quyền của công ty trước các lái buôn không có môn bài, những nhà buôn độc lập cố gắng mua nô lệ ở Tây Phi rồi bán sang châu Mỹ. Đây là một công việc kinh doanh rất có lời mà Công ty Châu Phi Hoàng gia gặp phải nhiều thách thức, vì tất cả các hoạt động thương mại khác của Anh trên Đại Tây Dương đều tự do. Năm 1689, công ty bắt giữ một chuyến hàng của một lái buôn không có môn bài là Nightingale. Nightingale kiện công ty vì đã bắt giữ hàng hóa trái phép, và thẩm phán tòa án tối cao Holt ra phán quyết rằng việc bắt giữ hàng hóa của công ty là trái luật vì công ty đang sử dụng thế lực độc quyền được ban phát bởi đặc quyền hoàng gia. Holt lập luận rằng độc quyền này chỉ có thể được ban hành bằng luật pháp, và điều này phải do Quốc hội thực hiện. Vì thế, Holt đẩy toàn bộ các đơn vị độc quyền tương lai, chứ không chỉ Công ty Châu Phi Hoàng gia, vào tay Quốc hội. Nếu là trước năm 1688 thì chắc Vua James II đã nhanh chóng bãi chức bất kỳ thẩm phán nào dám ra một phán quyết như thế. Sau năm 1688 sự việc đã khác.

Quốc hội giờ đây phải quyết định sẽ làm gì với các đơn vị độc quyền, và các đơn kiến nghị bắt đầu bay về tới tấp. Có 135 kiến nghị xuất phát từ các lái buôn không có môn bài yêu cầu được hoạt động thương mại tự do trên Đại Tây Dương. Cho dù Công ty Châu Phi Hoàng gia nhanh chóng có kiến nghị đáp trả, họ không thể hy vọng sẽ cân xứng về số lượng hay phạm vi của các đơn kiến nghị yêu cầu phải khai tử công ty. Các lái buôn không có môn bài thành công trong việc kêu gọi sự phản đối không chỉ dựa trên quyền lợi riêng hạn hẹp, mà còn vì quyền lợi quốc gia, mà quả thật là như thế. Kết quả là, chỉ 5 trong số 135 kiến nghị là do chính các lái buôn không có môn bài ký tên, và có đến 73 kiến nghị ủng hộ các lái buôn xuất phát từ các tỉnh ngoài Luân Đôn, so với 8 kiến nghị ủng hộ công ty. Từ các thuộc địa, vốn cũng được phép đệ đơn kiến nghị, các lái buôn tập hợp được 27

https://thuviensach.vn

đơn, trong khi công ty chỉ có 11. Các lái buôn cũng tập hợp được nhiều chữ ký hơn cho các đơn kiến nghị của họ, tổng cộng là 8.000 chữ ký, so với 2.500 chữ ký về phía công ty. Cuộc đấu tranh tiếp diễn đến năm 1698, khi thế lực độc quyền của Công ty Châu Phi Hoàng gia bị phá vỡ.

Cùng với những thay đổi giúp quyết định các thể chế kinh tế và sự đáp ứng nhanh nhạy này từ sau năm 1688, các đại biểu Quốc hội bắt đầu thực hiện hàng loạt thay đổi lớn về thể chế kinh tế và chính sách nhà nước mà cuối cùng đã lát đường cho cuộc Cách mạng công nghiệp. Quyền sở hữu bị xói mòn dưới thời các vua Stuart được củng cố. Quốc hội bắt đầu một quá trình cải cách thể chế kinh tế để thúc đẩy công nghiệp chế tạo, thay vì đánh thuế và ngăn chặn. Chẳng bao lâu sau khi William và Mary lên ngôi, thuế lò sưởi - một loại thuế thường niên đánh vào lò sưởi, chủ yếu do các nhà sản xuất chịu và bị họ phản đối quyết liệt - đã được bãi bỏ vào năm 1689. Thay vì đánh thuế lò sưởi, Quốc hội bắt đầu chuyển sang đánh thuế đất.

Việc tái phân phối gánh nặng thuế không phải là chính sách duy nhất thiên vị công nghiệp chế tạo mà Quốc hội ủng hộ. Hàng loạt đạo luật và quy định giúp mở rộng thị trường và lợi nhuận của ngành dệt len được thông qua. Điều này hoàn toàn có ý nghĩa chính trị, vì nhiều đại biểu Quốc hội từng chống đối Vua James đã đầu tư nhiều vào các doanh nghiệp công nghiệp chế tạo còn non trẻ này. Quốc hội cũng thông qua luật cho phép tái tổ chức hoàn toàn các quyền sở hữu đất đai, cho phép hợp nhất và bãi bỏ nhiều hình thức quyền sở hữu và sử dụng đất cổ xưa.

Một ưu tiên khác của Quốc hội là cải cách tài chính. Mặc dù hoạt động ngân hàng và tài chính đã mở mang từ thời kỳ trước Cách mạng Vinh quang, quá trình này được kiện toàn hơn nữa thông qua sự ra đời của Ngân hàng Anh vào năm 1694 như một nguồn vốn dành cho hoạt động công nghiệp. Đó cũng là một kết quả trực tiếp khác của cuộc Cách mạng Vinh quang. Sự ra đời của Ngân hàng Anh lát đường cho một cuộc “cách mạng tài chính” sâu rộng hơn, dẫn đến sự mở rộng đáng kể của các thị trường tài

https://thuviensach.vn

chính và hoạt động ngân hàng. Đến đầu thế kỷ 18, bất kỳ ai có tài sản thế chấp cần thiết đều có thể vay ngân hàng. Hồ sơ của một ngân hàng tương đối nhỏ, ngân hàng C. Hoare & Co. ở Luân Đôn, vẫn còn nguyên vẹn từ những năm 1702-1724, giúp minh họa cho nhận định này. Mặc dù ngân hàng cho các quý tộc và lãnh chúa vay tiền, nhưng 2/3 số người vay lớn nhất của Hoare's trong thời kỳ này không thuộc tầng lớp đặc quyền trong xã hội. Thay vào đó, họ là các thương nhân và doanh nhân, trong đó có John Smith, một cái tên phổ biến của một thường dân Anh, đã được ngân hàng cho vay 2.600 bảng trong giai đoạn 1715-1719.

Cho đến giờ, ta đã nhấn mạnh cách thức cuộc Cách mạng Vinh quang giúp chuyển hóa các thể chế chính trị của Anh, làm cho chúng trở nên đa nguyên hơn, và bắt đầu đặt nền móng cho các thể chế kinh tế dung hợp như thế nào. Có một sự thay đổi quan trọng hơn trong những thể chế nổi lên từ cuộc Cách mạng Vinh quang: Quốc hội tiếp tục quá trình tập trung hóa chính trị từng được vương triều Tudor phát động. Không chỉ là tăng cường hạn chế quyền lực, hay là nhà nước Anh chi tiêu nhiều hơn vào các hoạt động khác nhau; mà công suất và năng lực của nhà nước cũng gia tăng theo mọi chiều hướng. Điều này một lần nữa minh họa cho mối liên kết giữa sự tập trung hóa chính trị và chủ nghĩa đa nguyên: Trước năm 1688, Quốc hội phản đối việc làm cho nhà nước trở nên có hiệu lực cao hơn và nguồn lực tốt hơn vì Quốc hội không thể kiểm soát được nhà nước. Sau năm 1688, câu chuyện đã khác.

Nhà nước bắt đầu mở rộng, chi ngân sách nhà nước chẳng bao lâu đã lên đến khoảng 10% thu nhập quốc gia. Điều này đạt được là nhờ vào việc mở rộng cơ sở thuế, nhất là thuế gián thu nội địa, đánh vào hoạt động sản xuất của nhiều hàng hóa sản xuất trong nước. Đây là một nguồn thu ngân sách rất lớn, và quả thật lớn hơn so với mức độ ta thấy ngày nay ở nhiều nơi trên thế giới. Ví dụ, ngân sách nhà nước ở Colombia chỉ đạt tới quy mô này vào thập niên 1980. Ở nhiều nước vùng hạ Sahara châu Phi ngày nay -

https://thuviensach.vn

chẳng hạn như Sierra Leone - tỷ lệ ngân sách nhà nước so với quy mô của nền kinh tế thậm chí còn thấp hơn nhiều nếu không có viện trợ nước ngoài.

Nhưng sự gia tăng quy mô nhà nước chỉ là một phần của quá trình tập trung hóa chính trị. Quan trọng hơn là phương thức điều hành nhà nước và hành vi của những người kiểm soát và làm việc trong nhà nước. Việc xây dựng các thể chế nhà nước ở Anh đã có từ thời Trung cổ, nhưng như ta đã thấy, các vua Henry VII và Henry VIII đã dứt khoát thực hiện những biện pháp hướng tới tập trung hóa chính trị và xây dựng nhà nước hiện đại. Thế nhưng nhà nước thời ấy vẫn còn khác xa với hình thức hiện đại nổi lên từ sau năm 1688. Ví dụ, nhiều người được bổ nhiệm dựa trên cơ sở chính trị, chứ không do công trạng hay tài năng, và nhà nước vẫn có năng lực thu thuế rất hạn chế.

Sau năm 1688, Quốc hội bắt đầu cải thiện khả năng huy động nguồn thu ngân sách thông qua thuế khóa, một diễn biến được minh họa qua bộ máy công chức thu thuế hàng hóa nội địa mở rộng nhanh chóng từ 1.211 người vào năm 1690 lên 4.800 người vào năm 1780. Đội ngũ thanh tra thuế gián thu nội địa được bố trí trên khắp đất nước, được theo dõi bởi các giám sát viên thực hiện các chuyến thanh tra để đo lường và kiểm tra số lượng bánh mì, bia cùng các hàng hóa khác phải chịu thuế gián thu nội địa. Mức độ của hoạt động này được minh họa qua việc xây dựng lại các chuyến công tác của giám sát viên George Cowperthwaite do sử gia John Brewer thực hiện. Từ ngày 12/6 đến 5/7/1710, Cowperthwaite đã đi qua 290 dặm ở quận Richmond thành phố Yorshire. Trong khoảng thời gian này, ông đã đến 263 nhà cung cấp lương thực thực phẩm, 71 nhà sản xuất/bán mạch nha, 20 nhà bán nến và một nhà ủ bia. Tổng cộng, ông thực hiện 81 phép kiểm đếm sản lượng và kiểm tra công việc của 9 nhân viên thu thuế khác nhau làm việc dưới quyền ông. Tám năm sau, chúng ta lại thấy ông làm công việc cần mẫn tương tự, nhưng ở Wakefield, một quận khác của thành phố Yorkshire. Ở Wakefield, bình quân mỗi ngày ông đi qua hơn 19 dặm đường và làm việc 6 ngày mỗi tuần, kiểm tra bốn hay năm cơ sở. Được

https://thuviensach.vn

nghỉ ngày chủ nhật, ông làm sổ sách, nhờ đó ta có một hồ sơ hoàn chỉnh về hoạt động của ông. Quả thật, hệ thống thuế hàng hóa nội địa có hồ sơ ghi chép hết sức tỉ mỉ. Các cán bộ thuế duy trì ba loại hồ sơ, không được mâu thuẫn với nhau, và giả mạo hồ sơ là một tội nghiêm trọng. Chính phủ nhiều nước nghèo ngày nay còn chưa đạt tới được mức độ giám sát đáng kể như thế này đối với xã hội, thế mà đây là năm 1710. Quan trọng không kém, sau năm 1688, nhà nước bắt đầu bổ nhiệm dựa vào tài năng thay vì chính trị, và phát triển một cơ sở hạ tầng vững chắc để điều hành đất nước.

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

Cuộc Cách mạng công nghiệp được bộc lộ trong mọi khía cạnh của nền kinh tế Anh. Đã có những cải tiến lớn trong giao thông vận tải, luyện kim và năng lượng hơi nước. Nhưng lĩnh vực đổi mới quan trọng hơn cả là việc cơ giới hóa và sự hình thành các nhà máy (hay công xưởng) nhằm tổ chức sản xuất trong ngành dệt. Quá trình năng động này được cởi trói nhờ vào sự thay đổi thể chế hình thành từ cuộc Cách mạng Vinh quang. Quá trình này không chỉ đơn thuần là xóa bỏ các thế lực độc quyền trong nước, vốn đã đạt được từ năm 1640, hay các loại thuế khác nhau hay sự tiếp cận tài chính, mà còn là việc tổ chức lại một cách cơ bản các thể chế kinh tế thuận lợi cho các nhà phát minh và các nghiệp chủ, dựa vào sự hiện hữu của các quyền sở hữu tài sản bảo đảm hơn.

Chẳng hạn như việc cải thiện tính chắc chắn và hiệu quả của quyền sở hữu tài sản đóng vai trò quan trọng trong cuộc "cách mạng giao thông", lát đường cho Cách mạng công nghiệp. Hoạt động đầu tư vào kênh đào và đường sá (đường thu phí) gia tăng ồ ạt sau năm 1688. Các hoạt động đầu tư này, thông qua việc giảm chi phí giao thông, đã tạo điều kiện tiên quyết cho cuộc Cách mạng công nghiệp. Trước năm 1688, việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng bị cản trở bởi các đạo luật tùy tiện của các vị vua Stuart. Sự thay đổi thể chế sau năm 1688 được minh họa sống động qua câu chuyện dòng sông Salwerpe ở Worcestershire nước Anh. Năm 1662, Quốc hội thông qua một

https://thuviensach.vn

đạo luật khuyến khích đầu tư để làm cho sông Salwerpe trở nên thuận lợi cho tàu bè đi lại, và gia đình Baldwyn đã đầu tư 6.000 bảng vào mục đích này. Đổi lại, họ được quyền thu phí những người đi lại trên sông. Năm 1693, một dự luật được trình lên Quốc hội nhằm chuyển giao quyền thu phí lưu thông cho Bá tước xứ Shrewsbury và Lãnh chúa Conventry. Ngài Timothy Baldwyn chống đối bằng cách ngay lập tức gửi kiến nghị lên Quốc hội, cho rằng dự luật đề xuất sẽ tước đoạt công lao của cha ông, người đã đầu tư đáng kể vào con sông với dự kiến sẽ thu phí lưu thông sau đó. Baldwyn lập luận rằng "luật mới có xu hướng làm vô hiệu hóa đạo luật trước đây, và tước đoạt toàn bộ công trình và nguyên vật liệu đã đầu tư để theo đuổi mục đích này". Việc phân bổ lại quyền thu phí như vậy giống hệt như kiểu hành động mà triều đình Stuart đã làm. Baldwyn viết: "Việc tước quyền của một người, mà quyền đó đã được mua theo một sắc luật của Quốc hội, và không có sự ưng thuận của họ, sẽ có một hệ lụy nghiêm trọng". Trước tình thế đó, dự luật mới bị bác bỏ và quyền của Baldwyn được bảo toàn. Các quyền sở hữu tài sản trở nên bảo đảm hơn sau năm 1688, một phần vì việc bảo đảm quyền sở hữu là nhất quán với quyền lợi của Quốc hội và một phần vì các thể chế đa nguyên có thể chịu tác động của việc kiến nghị. Ở đây chúng ta thấy rằng sau năm 1688, hệ thống chính trị ở Anh trở nên đa nguyên hơn nhiều và tạo ra một sân chơi tương đối bình đẳng.

Các đạo luật của Quốc hội giúp thay đổi bản chất sở hữu tài sản đã đặt nền tảng cho cuộc cách mạng giao thông, và tổng quát hơn, cho việc bố trí lại đất đai diễn ra vào thế kỷ 18. Trước năm 1688, thậm chí còn có một quan niệm hoang đường về mặt pháp luật cho rằng toàn bộ đất đai ở Anh suy cho cùng là sở hữu của nhà vua, một di sản trực tiếp từ tổ chức xã hội phong kiến. Nhiều mảnh đất bị đè nặng bởi vô số hình thức quyền sở hữu cổ xưa và nhiều tranh chấp chồng chéo nhau. Phần lớn đất đai được chiếm hữu trong cái gọi là "bất động sản sở hữu", có nghĩa là chủ sở hữu đất tuy có quyền sở hữu nhưng không được phép hưởng lợi bằng việc cầm cố, cho thuê hay bán đất. Đất chung thường chỉ được sử dụng cho các mục đích sử

https://thuviensach.vn

dụng truyền thống. Có vô số trở ngại đối với việc sử dụng đất theo những cách thức đáng mong đợi về mặt kinh tế. Quốc hội bắt đầu thay đổi điều này, cho phép các nhóm dân được kiến nghị với Quốc hội để đơn giản hóa và tổ chức lại các quyền sở hữu; những thay đổi này về sau được thể hiện qua hàng trăm đạo luật của Quốc hội.

Việc tổ chức lại các thể chế kinh tế này cũng được phản ánh qua sự ra đời của một chương trình hành động nhằm bảo hộ ngành dệt trước hàng nhập khẩu nước ngoài. Ta không ngạc nhiên khi thấy các đại biểu Quốc hội và cử tri không phản đối tất cả các hàng rào cản trở việc tham gia thị trường và thế lực độc quyền. Những người có thị phần và lợi nhuận gia tăng sẽ ủng hộ điều này. Tuy nhiên, điều quan trọng là các thể chế chính trị đa nguyên - sự kiện Quốc hội đại diện, trao quyền và lắng nghe những thành phần xã hội rộng lớn - có nghĩa là các rào cản gia nhập thị trường này sẽ không bóp nghẹt các nhà công nghiệp khác hay đóng cửa hoàn toàn với những người mới, như hiện tượng đóng cửa (serrata) ở Venice. Các nhà sản xuất len đầy quyền lực chẳng bao lâu đã cho chúng ta thấy điều này.

Năm 1688, một số mặt hàng quan trọng nhất nhập khẩu vào Anh là hàng dệt từ Ấn Độ, các loại vải nhẹ như calico và muslin, chiếm khoảng 1/4 tổng kim ngạch nhập khẩu hàng dệt. Cũng quan trọng không kém là lụa từ Trung Quốc. Calico và lụa được nhập khẩu qua Công ty Đông Ấn, mà trước năm 1688 từng tận hưởng thế lực độc quyền theo lệnh của chính phủ trong hoạt động thương mại với châu Á. Vị thế độc quyền và quyền lực chính trị của Công ty Đông Ấn được duy trì thông qua việc hối lộ hậu hĩ cho vua James II. Sau năm 1688, Công ty ở vào vị thế dễ bị tổn thương và chẳng bao lâu đã bị tấn công. Sự tấn công xảy ra dưới hình thức đơn kiến nghị dồn dập gửi đến Quốc hội từ những nhà buôn trông chờ được giao thương với Viễn Đông và Ấn Độ, yêu cầu Quốc hội cho phép họ cạnh tranh với Công ty Đông Ấn, trong khi Công ty đáp trả bằng các kiến nghị ngược lại và đề xuất cho Quốc hội vay tiền. Công ty thua cuộc, và một Công ty Đông Ấn mới phải hoạt động trong môi trường cạnh tranh ra đời. Nhưng

https://thuviensach.vn

các nhà sản xuất hàng dệt không chỉ muốn có nhiều cạnh tranh hơn trong việc giao thương với Ấn Độ. Họ còn muốn đánh thuế hay thậm chí cấm tiệt các loại vải nhẹ (calico) nhập khẩu từ Ấn Độ với giá rẻ. Các nhà sản xuất này đứng trước sự cạnh tranh khốc liệt từ hàng nhập khẩu giá rẻ của Ấn Độ. Tại thời điểm này thì các nhà sản xuất nội địa quan trọng nhất đang sản xuất hàng dệt len, nhưng các nhà sản xuất vải bông trở nên ngày càng quan trọng hơn về mặt kinh tế và có quyền lực chính trị hơn.

Ngành len tăng cường nỗ lực tự bảo vệ mình ngay từ đầu thập niên 1660. Họ thúc đẩy luật hạn chế cá nhân chi tiêu xa hoa vì quyền lợi đất nước (Sumptuary Laws), cấm mặc những loại vải nhẹ, cùng những điều khoản khác. Họ cũng vận động Quốc hội thông qua các sắc luật vào năm 1666 và 1678 quy định việc khâm liệm tử thi bằng bất kỳ loại vải nào khác ngoài len là bất hợp pháp. Cả hai biện pháp đều giúp bảo hộ thị trường hàng dệt len và giảm sự cạnh tranh mà các nhà sản xuất Anh phải đương đầu từ châu Á. Tuy nhiên, giai đoạn này, Công ty Đông Ấn đã trở nên quá mạnh nên không thể hạn chế hàng dệt từ châu Á. Dòng nước đã đổi chiều từ sau năm 1688. Từ năm 1696 đến 1698, các nhà sản xuất len từ Đông Anglia và miền Tây đất nước liên minh với các công ty lụa từ Luân Đôn, Canterbury và Công ty Levant nhằm hạn chế hàng nhập khẩu. Các nhà nhập khẩu lụa từ Levant, ngay cả khi mới vừa mất đi thế lực độc quyền, vẫn muốn loại trừ lụa châu Á để tạo ra một thị trường chuyên dành cho lụa từ Đế chế Ottoman. Liên minh này bắt đầu trình lên Quốc hội các dự luật hạn chế việc mặc trang phục bằng bông và lụa, đồng thời hạn chế việc nhuộm và in trên vải châu Á ở Anh. Năm 1701, cuối cùng Quốc hội đáp ứng bằng cách thông qua “luật về việc tuyển dụng hợp pháp người nghèo, thông qua khuyến khích các nhà sản xuất trong vương quốc”. Từ tháng 9/1701, Quốc hội ra nghị quyết: “Tất cả các loại lụa chế tác, bengal và chất liệu kết hợp với lụa hoặc thảo mộc sản xuất ở Ba Tư, Trung Quốc hay Đông Ấn Độ, tất cả các loại vải calico vẽ, nhuộm, in hay làm đổi màu ở đó, đang hay sẽ được nhập khẩu vào vương quốc, sẽ không được phép mặc”.

https://thuviensach.vn

Giờ đây, việc mặc các loại lụa và vải calico châu Á ở Anh là bất hợp pháp. Nhưng vẫn có thể nhập khẩu chúng để tái xuất sang châu Âu hay các nơi khác, cụ thể như sang các thuộc địa châu Mỹ. Hơn nữa, vải calico trơn có thể được nhập và hoàn thiện ở Anh, và vải muslin không bị cấm. Sau một thời gian dài tranh đấu, các kẽ hở của luật này, theo quan điểm của các nhà sản xuất len nội địa, đã được lấp kín bằng Luật Calico năm 1721: "Sau ngày 25/3/1722 ở nước Anh, bất kỳ ai sử dụng hay mặc trang phục bằng vải calico in, vẽ hay nhuộm hay làm đổi màu đều không hợp pháp". Mặc dù làm triệt tiêu sự cạnh tranh từ châu Á đối với vải len của Anh, luật này vẫn để lại một ngành vải bông và linen nội địa cạnh tranh sôi động với vải len: hỗn hợp sợi bông và linen tạo thành một loại vải được ưa chuộng gọi là fustian. Sau khi loại bỏ cạnh tranh từ châu Á, ngành len quay ra trấn áp vải linen. Linen chủ yếu được sản xuất tại Scotland và Ireland, điều đó mang lại cơ hội cho liên hiệp Anh yêu cầu loại trừ các nước này ra khỏi thị trường Anh. Tuy nhiên, có những hạn chế đối với quyền lực của các nhà sản xuất len. Các nỗ lực mới của họ vấp phải sự chống đối quyết liệt từ các nhà sản xuất vải fustian trong các trung tâm công nghiệp đang lớn mạnh ở Manchester, Lancaster và Liverpool. Các thể chế chính trị đa nguyên ngụ ý rằng tất cả các nhóm này giờ đây đều tiếp cận với quá trình chính sách trong Quốc hội thông qua bỏ phiếu, và quan trọng hơn, thông qua kiến nghị. Mặc dù các đơn kiến nghị đến từ cả hai phía, với chữ ký của cả những người ủng hộ lẫn chống đối, nhưng kết quả của cuộc xung đột này là thắng lợi của các nhóm lợi ích mới chống lại ngành len. Luật Manchester năm 1736 nhất trí rằng "lượng chất liệu khổng lồ làm từ sợi linen và bông đã được sản xuất trong nhiều năm qua, và đã được in và vẽ tại vương quốc Anh". Sau đó, luật tiếp tục khẳng định rằng "không điều khoản nào trong luật trích dẫn trên đây [luật năm 1721] sẽ được áp dụng hay lý giải để cấm đoán việc mặc hay sử dụng trong trang phục, vật liệu gia đình, đồ gỗ nội thất hay các mục đích sử dụng khác, bất kỳ loại chất liệu nào làm bằng sợi linen và bông được chế tạo và in hay vẽ với bất kỳ màu sắc nào trong vương quốc Anh".

https://thuviensach.vn

Luật Manchester là một thắng lợi to lớn đối với các nhà sản xuất bông non trẻ. Nhưng tầm quan trọng lịch sử và kinh tế của nó thật ra còn lớn hơn nhiều. Thứ nhất, nó minh họa cho giới hạn đối với những hàng rào cản trở thị trường mà các thể chế trị đa nguyên của nước Anh lập hiến sẽ cho phép. Thứ hai, qua nửa thế kỷ sau, đổi mới công nghệ trong công nghiệp chế tạo vải bông sẽ đóng vai trò trọng tâm trong cuộc Cách mạng công nghiệp và làm chuyển hóa xã hội một cách cơ bản với việc xuất hiện hệ thống nhà máy.

Sau năm 1688, mặc dù đã có một sân chơi bình đẳng trong nước, Quốc hội vẫn cố gắng kéo lệch sân chơi quốc tế. Điều này không chỉ thể hiện rõ rệt qua Luật Calico mà còn bộc lộ qua các bộ luật hàng hải; luật thứ nhất trong số đó được thông qua năm 1651, và các bộ luật vẫn có hiệu lực với một vài sửa đổi suốt 200 năm sau. Mục đích của luật này là tạo điều kiện thuận lợi cho sự độc quyền hóa của Anh trong thương mại quốc tế - mặc dù đây không phải là độc quyền hóa của nhà nước mà là của khu vực tư nhân. Nguyên tắc cơ bản là: hàng hóa thương mại của Anh phải được vận chuyển bằng tàu Anh. Luật làm cho những con tàu nước ngoài chở hàng hóa từ bên ngoài châu Âu đến Anh hay các nước thuộc địa đều trở thành bất hợp pháp, và cũng bất hợp pháp tương tự đối với tàu của các nước thứ ba chở hàng từ một nước bên ngoài châu Âu đến Anh. Một cách tự nhiên, lợi thế này giúp tăng lợi nhuận của các thương nhân và các nhà sản xuất của Anh và có thể khuyến khích đổi mới hơn nữa trong các hoạt động mới và có lợi nhuận cao này.

Đến năm 1760, sự kết hợp các yếu tố này - các quyền sở hữu mới và được cải thiện, cơ sở hạ tầng tốt hơn, cơ chế ngân sách thay đổi, tiếp cận tài chính nhiều hơn, và sự tích cực bảo hộ các nhà buôn và nhà sản xuất - bắt đầu có tác dụng. Sau năm 1760, số lượng bằng phát minh tăng vọt, và sự thay đổi công nghệ - vốn là trọng tâm của cuộc Cách mạng công nghiệp - bừng nở và ngày càng trở nên rõ nét. Hoạt động phát minh đổi mới diễn ra trên nhiều mặt trận, phản ánh môi trường thể chế được cải thiện. Một lĩnh

https://thuviensach.vn

vực trọng yếu là năng lượng, nổi tiếng nhất là những chuyển biến trong việc sử dụng động cơ hơi nước, kết quả của các ý tưởng của James Watt vào thập niên 1760.

Đột phá đầu tiên của Watt là giới thiệu một buồng ngưng tụ hơi nước riêng để xi-lanh chứa piston có thể giữ nhiệt liên tục, thay vì phải làm nóng và làm nguội. Sau đó, ông phát triển nhiều ý tưởng khác, như các phương pháp hiệu quả hơn để chuyển hóa chuyển động của động cơ hơi nước thành nguồn năng lượng hữu ích, đáng chú ý nhất là hệ thống bánh răng "mặt trời và các hành tinh". Trong tất cả các lĩnh vực này, đổi mới công nghệ được xây dựng trên công trình trước đó của những người khác. Trong bối cảnh động cơ hơi nước, các công trình này bao gồm nghiên cứu trước đó của nhà phát minh người Anh Thomas Newcomen và Dionysius Papin, nhà vật lý và nhà phát minh người Pháp.

Câu chuyện phát minh của Papin là một ví dụ khác về cách thức sự đe dọa của phá hủy sáng tạo đã cản trở thay đổi công nghệ như thế nào trong các thể chế chiếm đoạt. Papin sáng chế ra "nồi áp suất" và đến năm 1679 ông phát triển nó thành một động cơ piston. Năm 1705, ông sử dụng động cơ thô sơ này để làm chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước đầu tiên trên thế giới. Lúc bấy giờ Papin là một giáo sư toán ở Đại học Marburg thuộc bang Kassel nước Đức. Ông quyết định chạy thử con tàu xuôi dòng sông Fulda đến sông Weser. Bất kỳ tàu nào đi theo lộ trình này cũng đều phải dừng lại ở thành phố Münden. Thời đó, lưu thông đường thủy trên sông Fulda và Weser là độc quyền của một phường hội tàu thủy. Papin ắt hẳn đã ý thức rằng chuyện này có thể gây rắc rối. Bạn ông và cũng là người thầy thông thái, nhà vật lý học người Đức nổi tiếng Gottfried Leibniz, gửi kiến nghị cho thủ hiến bang Kassel, xin cho Papin được phép "…đi qua mà không bị cản trở…" trên lãnh thổ Kassel. Thế nhưng kiến nghị của Leibniz bị từ chối và ông nhận được câu trả lời cộc lốc rằng: "Hội đồng thủ hiến nhận thấy những trở ngại nghiêm trọng trong việc chấp thuận kiến nghị nói trên, và không cho biết lý do, họ đã chỉ đạo tôi thông báo quyết định cho ông, và vì

https://thuviensach.vn

thế, yêu cầu này không được Thủ hiến tối cao chấp thuận". Không nao núng, Papin quyết định dù thế nào cũng thực hiện cuộc hành trình. Khi chiếc tàu hơi nước của ông đến Münden, thoạt tiên phường hội tàu thủy cố gắng thuyết phục một thẩm phán địa phương chặn con tàu nhưng không thành công. Sau đó phường hội tấn công và phá tan thành từng mảnh cả con tàu cùng với động cơ hơi nước. Papin chết trong nghèo túng và được chôn trong một nấm mồ vô danh. Dưới thời Tudor hay Stuart ở Anh, Papin ắt hẳn cũng nhận được sự đối xử thù địch tương tự, nhưng điều này thay đổi hoàn toàn sau năm 1688. Thật ra, Papin đã dự định đưa chiếc tàu đến Luân Đôn trước khi nó bị phá hủy.

Trong ngành luyện kim, các đóng góp then chốt trong thập niên 1780 là của Henry Cort, người đã du nhập các kỹ thuật mới để xử lý tạp chất trong sắt, giúp sản xuất sắt chế tác chất lượng cao hơn nhiều. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc sản xuất các linh kiện, máy móc, đinh và công cụ. Việc sản xuất số lượng lớn sắt chế tác bằng các kỹ thuật của Cort được tạo điều kiện thuận lợi thông qua phát minh của Abraham Darby và các con ông, những người đi tiên phong trong việc sử dụng than để nung chảy sắt từ năm 1709. Quá trình này được thúc đẩy vào năm 1762 khi John Smeaton ứng dụng năng lượng hơi nước để vận hành các xi-lanh trong việc chế tạo than cốc. Sau đó, than củi không còn được sử dụng để sản xuất sắt, mà được thay thế bằng than đá rẻ và sẵn có hơn.

Mặc dù rõ ràng là có tính chất tích lũy, hoạt động phát minh đổi mới vẫn tăng tốc một cách rõ rệt vào giữa thế kỷ 18. Không lĩnh vực nào thể hiện điều này rõ hơn so với ngành dệt. Hoạt động cơ bản nhất trong ngành dệt là xe sợi, liên quan đến việc lấy sợi thực vật hay động vật, như bông hay len, rồi xe sợi lại thành chỉ. Sau đó, chỉ này được dệt thành vải. Một trong những đổi mới công nghệ vĩ đại của thời Trung cổ là guồng xe sợi, thay cho việc xe sợi thủ công. Phát minh này xuất hiện vào khoảng năm 1280 ở châu Âu, có lẽ lan truyền từ Trung Đông. Các phương pháp xe sợi không thay đổi cho đến thế kỷ 18. Những đổi mới quan trọng bắt đầu vào

https://thuviensach.vn

năm 1738, khi Lewis Paul được cấp bằng phát minh về một phương pháp mới để xe sợi bằng các con lăn thay cho việc dùng tay kéo sợi đang xe. Tuy nhiên, cỗ máy vận hành không trôi chảy và chính các phát minh của Richard Arkwright và James Hargreaves mới thật sự cách mạng hóa hoạt động xe sợi.

Năm 1769, Arkwright, một trong những nhân vật lỗi lạc của cuộc Cách mạng công nghiệp, được cấp bằng phát minh cho "guồng quay nước" (water frame), một sự cải tiến vĩ đại so với cỗ máy của Lewis. Ông thành lập một công ty hợp danh với Jedediah Strutt và Samuel Need, vốn là các nhà sản xuất hàng dệt kim. Năm 1771, họ xây dựng một trong những nhà máy đầu tiên trên thế giới ở Cromford. Các cỗ máy mới chạy bằng nước, nhưng về sau, Arkwright thực hiện sự cải tiến quan trọng để chuyển sang sử dụng năng lượng hơi nước. Đến năm 1774, công ty của ông tuyển dụng 600 công nhân, và nhanh chóng mở rộng hoạt động, cuối cùng đã xây dựng nhà máy ở Manchester, Matlock, Bath và New Lanark ở Scotland. Các phát minh của Arkwright được bổ trợ bằng các sáng kiến của Hargreaves vào năm 1764 về máy se nhiều sợi cùng một lúc (spinning jenny), rồi lại được Samuel Crompton phát triển vào năm 1779 thành máy kéo sợi (mule) và về sau, Richard Roberts lại cải tiến thành máy kéo sợi tự hành. Các phát minh này thật sự đã làm nên một cuộc cách mạng trong ngành dệt: vào đầu thế kỷ, những người se sợi thủ công phải mất 50.000 giờ để xe được một lượng bông nặng 100 pound (khoảng 45 kg). Guồng quay nước của Arkwright có thể làm điều này trong 300 giờ, và máy kéo sợi tự hành chỉ mất 135 giờ.

Cùng với việc cơ giới hóa hoạt động xe sợi là cơ giới hóa hoạt động dệt vải. Bước tiến quan trọng đầu tiên là phát minh con thoi của John Kay vào năm 1733. Mặc dù thoạt đầu nó chỉ đơn thuần giúp tăng năng suất dệt thủ công, tác động lâu dài nhất của nó là mở đường cho việc cơ giới hóa hoạt động dệt vải. Xây dựng trên con thoi, Edmunnd Cartwright du nhập khung cửi dệt vải chạy bằng năng lượng vào năm 1785, bước tiến đầu tiên

https://thuviensach.vn

trong hàng loạt phát minh dẫn đến máy móc thay thế kỹ năng thủ công trong việc dệt vải như đang xảy ra đối với hoạt động xe sợi.

Ngành dệt của Anh không chỉ là động lực nằm đằng sau cuộc Cách mạng công nghiệp mà nó còn cách mạng hóa nền kinh tế thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của Anh, dẫn đầu là vải bông, tăng gấp đôi từ năm 1780 đến 1800. Chính sự tăng trưởng trong lĩnh vực này đã kéo toàn bộ nền kinh tế đi theo. Sự kết hợp của đổi mới tổ chức và công nghệ đã mang lại mô hình tiến bộ kinh tế giúp chuyển đổi các nền kinh tế thế giới để trở nên giàu có.

Những con người mới với ý tưởng mới có ý nghĩa quan trọng trong sự chuyển đổi này. Hãy xem sự đổi mới trong ngành giao thông. Ở Anh đã có những làn sóng đổi mới như thế: trước tiên là kênh đào, rồi đến đường bộ, và cuối cùng là đường sắt. Trong từng làn sóng này, những người phát minh đều là những con người mới. Kênh đào bắt đầu phát triển ở Anh sau năm 1770, và đến năm 1810, mạng lưới kênh đào đã kết nối nhiều khu vực sản xuất quan trọng nhất. Khi cuộc Cách mạng công nghiệp mở ra, kênh đào đóng vai trò quan trọng giúp giảm chi phí vận chuyển các hàng hóa công nghiệp mới và cồng kềnh như vải bông và các yếu tố đầu vào của hoạt động sản xuất như sợi bông thô và than để chạy động cơ hơi nước. Các nhà phát minh đầu tiên trong hoạt động xây dựng kênh đào là những người như James Brindley, đã được Công tước Bridgewater thuê để xây dựng kênh Bridgewater, giúp nối liền thành phố công nghiệp then chốt Manchester với cảng Liverpool. Chào đời ở vùng nông thôn Derbyshire, Brindley vốn dĩ là một người thợ cối xay. Danh tiếng của ông trong việc tìm ra những giải pháp sáng tạo cho các vấn đề kỹ thuật đã thu hút sự chú ý của ngài công tước. Ông không có kinh nghiệm từ trước trong các vấn đề giao thông, và điều này cũng là thực tế đối với các kỹ sư kênh đào vĩ đại khác như Thomas Telford, vốn khởi nghiệp trên cương vị một người thợ xây đá, hay John Smeaton, một kỹ sư và người chế tạo công cụ.

https://thuviensach.vn

Hệt như các kỹ sư kênh đào vĩ đại không có kinh nghiệm trước trong ngành giao thông, các kỹ sư đường bộ và đường sắt vĩ đại cũng thế. John McAdam, người phát minh ra vật liệu đá giăm trộn với nhựa đường vào khoảng năm 1816, là con thứ hai của một quý tộc nhỏ. Chiếc tàu hỏa chạy bằng hơi nước đầu tiên là do Richard Trevithick chế tạo vào năm 1804. Cha của Trevithick khai thác khoáng sản ở Cornwall, Richard tham gia vào công việc này trong những năm đầu đời, và trở nên bị mê hoặc bởi các động cơ hơi nước dùng để bơm hút khoáng sản. Đáng kể hơn là phát minh của George Stephenson, con trai của những người không biết chữ và là người phát minh ra chiếc tàu hỏa nổi tiếng "Tên lửa", từng bắt đầu làm việc với vai trò thợ bảo trì động cơ ở một mỏ than.

Những con người mới cũng lèo lái ngành dệt bông quan trọng. Một số người tiên phong trong ngành sản xuất mới mẻ này là những người trước đây từng tham gia vào công việc sản xuất và buôn bán vải len. Ví dụ như John Foster, người đã tuyển dụng 700 thợ dệt cửi trong ngành len vào thời điểm ông chuyển sang bông và thành lập nhà máy Black Dyke vào năm 1835. Nhưng những người như Foster chỉ là thiểu số. Chỉ có khoảng 1/5 các nhà công nghiệp hàng đầu thời kỳ này là những người đã từng liên quan đến bất kỳ hoạt động sản xuất công nghiệp từ trước. Điều này không phải lạ thường vì lẽ ngành bông phát triển ở các thị trấn mới ở miền bắc nước Anh. Nhà máy là một phương thức hoàn toàn mới mẻ để tổ chức sản xuất. Ngành len từng được tổ chức theo một phương thức rất khác, cụ thể là giao nguyên liệu cho các cá nhân mang về nhà tự xe sợi và dệt. Do đó, hầu hết những người hoạt động trong ngành len không được trang bị tốt để chuyển sang bông như Foster. Cần phải có những con người mới để phát triển và sử dụng công nghệ mới. Sự mở rộng nhanh chóng của ngành bông đã gây thiệt hại cho ngành len, đó là sự phá hủy sáng tạo.

Sự phá hủy sáng tạo không chỉ phân phối lại thu nhập và của cải, mà còn phân phối lại quyền lực chính trị, như William Lee đã nhận ra khi ông thấy chính quyền không chấp nhận phát minh của ông vì họ lo sợ các hệ

https://thuviensach.vn

lụy chính trị của nó. Khi nền kinh tế công nghiệp mở mang ở Manchester và Birmingham, các chủ sở hữu nhà máy mới và tầng lớp trung lưu xuất hiện xung quanh họ bắt đầu phản đối việc tước quyền bầu cử và các chính sách nhà nước đi ngược lại quyền lợi của họ. Một trong những chính sách đó là Luật Ngũ cốc cấm nhập khẩu tất cả các loại ngũ cốc - kể cả dạng hạt và bột dinh dưỡng, nhưng chủ yếu là lúa mì - nếu giá xuống quá thấp, qua đó bảo đảm rằng lợi nhuận của các chủ sở hữu đất lớn luôn được duy trì ở mức cao. Chính sách này rất có lợi cho các chủ sở hữu đất lớn sản xuất lúa mì, nhưng gây thiệt hại cho các nhà sản xuất vì họ phải trả lương cao hơn để đền bù cho giá bánh mì cao.

Với người lao động tập trung vào các nhà máy mới và các trung tâm công nghiệp, việc tổ chức và gây rối trở nên dễ dàng hơn. Đến thập niên 1820, việc tước quyền chính trị của các nhà sản xuất mới và các trung tâm công nghiệp trở nên không thể chấp nhận được nữa. Ngày 16/8/1819, một cuộc biểu tình để phản đối hệ thống chính trị và các chính sách nhà nước được lên kế hoạch tổ chức ở cánh đồng St. Peter, Manchester. Người tổ chức là Joseph Johnson, một nhà sản xuất bàn chải địa phương và một trong những người sáng lập tờ báo cấp tiến *Manchester Observer*. Những người tổ chức khác bao gồm John Knight, nhà sản xuất bông và nhà cải cách, và John Thacker Saxton, chủ bút tờ *Manchester Observer*. 60 nghìn người phản đối tập hợp lại, nhiều người giương cao biểu ngữ như “Bãi bỏ Luật Ngũ cốc”, “Bầu cử phổ thông” và “Bỏ phiếu kín” (có nghĩa là việc bỏ phiếu phải thực hiện kín, riêng tư, chứ không lộ liễu như vào năm 1819). Chính quyền rất lo lắng về cuộc biểu tình và một lực lượng 600 kị binh của đoàn kị binh châu Âu thứ 15 đã được tập hợp. Khi các bài diễn văn bắt đầu, một thẩm phán địa phương quyết định ban hành lệnh bắt giữ các diễn giả. Khi cảnh sát cố gắng thi hành lệnh bắt giữ, họ va phải sự chống đối của đám đông, và xô xát nổ ra. Đến lúc này thì kị binh tấn công đám đông. Chỉ trong vài phút hỗn loạn, đã có 11 người thiệt mạng và khoảng 600 người bị thương. Tờ *Manchester Observer* gọi đây là cuộc thảm sát Peterloo.

https://thuviensach.vn

Nhưng ứng với những thay đổi đã diễn ra trong các thể chế kinh tế và chính trị, sự trấn áp dài hạn không phải là một giải pháp ở Anh. Trận chiến Peterloo vẫn là một sự cố hy hữu. Sau vụ bạo loạn, các thể chế chính trị ở Anh đã nhường bước trước áp lực và mối đe dọa làm mất ổn định từ những vụ náo động xã hội sâu rộng hơn, nhất là sau cuộc cách mạng năm 1830 ở Pháp chống lại Vua Charles X, người ra sức phục hồi chế độ chuyên chế từng bị lật đổ trong cuộc Cách mạng Pháp năm 1789. Năm 1832, chính phủ thông qua Luật cải cách thứ nhất. Luật trao quyền bầu cử cho Birmingham, Leeds, Manchester và Sheffield, đồng thời mở rộng cơ sở bầu cử để các nhà sản xuất có thể được đại diện trong Quốc hội. Sự dịch chuyển quyền lực chính trị tiếp theo đã đưa đường lối chính sách đi theo chiều hướng thuận lợi cho các nhóm lợi ích mới được đại diện; năm 1846, họ xoay sở để Luật Ngũ cốc đáng ghét bị hủy bỏ, một lần nữa cho thấy sự phá hủy sáng tạo không chỉ có nghĩa là tái phân phối thu nhập mà còn dẫn đến tái phân phối quyền lực chính trị. Và lẽ tự nhiên, những thay đổi trong phân phối quyền lực chính trị đúng lúc sẽ dẫn đến tái phân phối thu nhập hơn nữa.

Chính bản chất dung hợp của các thể chế ở Anh đã cho phép quá trình này diễn ra. Những người lo sợ sự phá hủy sáng tạo và khốn khổ vì nó không thể ngăn chặn nó được nữa.

TẠI SAO LẠI XẢY RA Ở ANH?

Cuộc Cách mạng công nghiệp bắt đầu và đạt được những tiến bộ to lớn nhất ở nước Anh nhờ vào các thể chế kinh tế có tính dung hợp đặc thù của đất nước này. Điều này tiếp đến được xây dựng trên nền tảng hình thành từ các thể chế chính trị dung hợp do cuộc Cách mạng Vinh quang mang lại. Chính cuộc Cách mạng Vinh quang đã củng cố và hợp lý hóa các quyền sở hữu, cải tiến thị trường tài chính, làm xói mòn các thế lực độc quyền do nhà nước ban bố trong ngoại thương, và bãi bỏ các rào cản đối với việc mở mang công nghiệp. Chính cuộc Cách mạng Vinh quang đã làm cho hệ thống chính trị trở nên cởi mở và đáp ứng trước các nhu cầu kinh tế

https://thuviensach.vn

và nguyện vọng của xã hội. Các thể chế kinh tế dung hợp này đã mang lại cho những con người tài năng và có tầm nhìn như James Watt cơ hội và động cơ phát triển các kỹ năng và ý tưởng, đồng thời tác động đến hệ thống theo cách thức có lợi cho họ và cho đất nước. Lẽ tự nhiên, những người này, một khi thành công, sẽ có cùng những ham muốn thôi thúc mạnh mẽ như bất kỳ ai khác. Họ muốn cản trở những người khác tham gia vào hoạt động kinh doanh của họ, cạnh tranh với họ và lo sợ quá trình phá hủy sáng tạo có thể làm họ phá sản, như trước đây họ đã từng làm phá sản những người khác. Nhưng sau năm 1688, điều này trở nên khó đạt được hơn. Năm 1775, Richard Arkwright được cấp một bằng phát minh toàn diện mà ông hy vọng sẽ cho ông vị thế độc quyền tương lai trong ngành se sợi bông đang mở mang nhanh chóng. Nhưng ông không thể thuyết phục các tòa án cưỡng chế thi hành điều này.

Tại sao quá trình độc đáo này bắt đầu ở Anh và tại sao lại vào thế kỷ 17? Tại sao nước Anh phát triển các thể chế chính trị đa nguyên và đoạn tuyệt với các thể chế chiếm đoạt? Như ta đã thấy, diễn biến phát triển chính trị dẫn đến cuộc Cách mạng Vinh quang được định hình bởi một vài quá trình đan xen lẫn nhau. Trọng tâm là xung đột chính trị giữa chế độ chuyên chế và những người chống đối nó. Kết quả của cuộc xung đột này không chỉ giúp ngăn chặn những nỗ lực tạo ra một chủ nghĩa chuyên chế cách tân hơn và mạnh mẽ hơn ở Anh, mà còn trao quyền cho những người mong muốn thay đổi các thể chế của xã hội một cách cơ bản. Những người chống đối chủ nghĩa chuyên chế không chỉ đơn thuần ra sức xây dựng một loại chế độ chuyên chế khác. Điều này không chỉ đơn thuần là gia tộc Lancaster đánh bại gia tộc York trong cuộc Chiến tranh Hoa hồng. Mà thay vì thế, cuộc Cách mạng Vinh quang liên quan đến sự ra đời của một chế độ mới, dựa vào nguyên tắc hiến pháp và chủ nghĩa đa nguyên.

Kết quả này là hệ quả của sự phân hóa thể chế ở Anh và cách thức nó tương tác với các thời điểm quyết định. Trong chương trước, chúng ta đã thấy cách thức các thể chế phong kiến đã ra đời như thế nào ở Tây Âu sau

https://thuviensach.vn

khi Đế quốc Tây La Mã sụp đổ. Chủ nghĩa phong kiến lan rộng trên khắp châu Âu, cả đông lẫn tây. Nhưng như chương 4 cho thấy, Tây Âu và Đông Âu bắt đầu phân hóa rõ rệt sau nạn dịch hạch. Những khác biệt nhỏ nhặt về thể chế kinh tế và chính trị có nghĩa là ở Tây Âu, cán cân quyền lực dẫn đến sự cải thiện thể chế; ở Đông Âu, nó lại làm cho các thể chế trở nên xấu đi. Nhưng đây không phải là một lộ trình bất di bất dịch và chắc chắn sẽ đưa đến các thể chế dung hợp. Sẽ phải có nhiều bước ngoặt quan trọng suốt dọc đường. Mặc dù Đại hiến chương Magna Carta cố gắng thiết lập những nền tảng thể chế cơ bản cho nguyên tắc hiến pháp, nhiều nơi khác ở châu Âu, ngay cả Đông Âu, cũng từng trải qua những quá trình đấu tranh tương tự với các văn kiện tương tự. Thế nhưng, sau nạn dịch hạch, Tây Âu phân hóa đáng kể so với Đông Âu. Những văn kiện như Đại hiến chương Magna Carta bắt đầu phát huy tác dụng ở Tây Âu. Trong khi đó, ở Đông Âu, chúng trở nên gần như vô nghĩa. Ở Anh, thậm chí trước những trận xung đột của thế kỷ 17, người ta đã thiết lập một chuẩn mực rằng nhà vua không được huy động thuế mới nếu không được Quốc hội chấp thuận. Quan trọng không kém là sự trôi giạt quyền lực từ từ từng ít một từ giới quyền thế về phía quần chúng nhân dân, như thể hiện qua sự huy động chính trị của các cộng đồng nông thôn ở Anh với những khoảnh khắc như cuộc Khởi nghĩa nông dân năm 1381.

Sự phân hóa thể chế này tương tác với một thời điểm quyết định khác, hình thành từ sự mở mang hoạt động thương mại Đại Tây Dương. Như ta đã thấy trong chương 4, một phương thức quan trọng để qua đó hoạt động thương mại này ảnh hưởng đến diễn biến thay đổi thể chế tương lai còn phụ thuộc vào việc liệu triều đình có thể độc quyền hóa hoạt động thương mại hay không. Ở Anh, quyền lực của Quốc hội mạnh hơn ít nhiều có nghĩa là các vị vua Tudor và Stuart không thể làm được điều đó. Hoạt động thương mại này tạo ra một tầng lớp thương nhân và doanh nhân mới, những người tích cực chống đối kế hoạch xây dựng chủ nghĩa chuyên chế ở Anh. Ví dụ, đến năm 1686 ở Luân Đôn đã có 702 thương nhân xuất khẩu sang vùng Caribê và 1.283 thương nhân nhập khẩu. Bắc Mỹ có 691 thương nhân xuất

https://thuviensach.vn

khẩu và 626 thương nhân nhập khẩu. Họ tuyển dụng thủ kho, thủy thủ, thuyền trưởng, phu khuân vác ở bến tàu, nhân viên văn phòng - tất cả những người này đều chia sẻ quyền lợi với họ. Tương tự, các bến cảng sôi động khác như Bristol, Liverpool và Portsmouth cũng đầy những thương nhân như thế. Những con người mới này mong muốn và đòi hỏi các thể chế kinh tế khác, và khi họ trở nên giàu có hơn nhờ hoạt động thương mại, họ cũng trở nên có thế lực hơn. Những áp lực tương tự cũng phát huy tác dụng ở Pháp, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Nhưng ở đó, nhà vua có nhiều khả năng hơn trong việc kiểm soát hoạt động thương mại và lợi nhuận. Nhóm người mới giúp chuyển hóa nước Anh cũng đã xuất hiện ở những nước này, nhưng họ ít hơn và yếu hơn một cách đáng kể.

Khi phiên họp Quốc hội dài bắt đầu và nội chiến nổ ra vào năm 1642, các thương nhân này chủ yếu đứng về phía Quốc hội. Vào thập niên 1670, họ tham gia sâu rộng vào việc thành lập đảng Whig để chống đối chế độ chuyên chế của vương triều Stuart, và vào năm 1688, họ là lực lượng nòng cốt để hạ bệ Vua James II. Vì thế, các cơ hội giao thương với châu Mỹ được mở rộng, sự tham gia ồ ạt của các thương nhân Anh trong hoạt động thương mại này và sự phát triển kinh tế của các thuộc địa cũng như cơ ngơi mà họ tạo dựng được trong quá trình đó đã giúp làm nghiêng cán cân quyền lực trong cuộc chiến giữa nhà vua và những người chống đối chủ nghĩa chuyên chế.

Có lẽ quan trọng hơn cả, sự ra đời và trao quyền cho các nhóm lợi ích đa dạng - từ các chủ đất nhỏ, tầng lớp nông dân thương mại xuất hiện từ thời Tudor, cho đến các nhà sản xuất đủ loại và các thương nhân Đại Tây Dương - có nghĩa là liên minh chống lại chế độ chuyên chế của vương triều Stuart chẳng những hùng mạnh mà còn rộng khắp. Liên minh này thậm chí còn được củng cố bằng sự ra đời của đảng Whig vào thập niên 1670, mang lại một tổ chức để thúc đẩy quyền lợi của họ hơn nữa. Việc trao quyền cho họ chính là yếu tố làm nền tảng cho chủ nghĩa đa nguyên sau cuộc Cách mạng Vinh quang. Nếu tất cả những người chống lại triều đình Stuart đều

https://thuviensach.vn

có chung quyền lợi và cùng nguồn gốc xuất thân, thì việc lật đổ nhà vua Stuart hẳn chỉ là sự lặp lại cuộc chiến giữa hai gia tộc Lancaster và York, một nhóm quyền lợi hạn hẹp này đọ sức với một nhóm quyền lợi hạn hẹp khác, rồi cuối cùng chỉ thay thế và tái lập các thể chế chiếm đoạt hay một hình thức khác của chúng mà thôi. Một liên minh rộng khắp có nghĩa là sẽ có nhu cầu to lớn cho sự ra đời của các thể chế chính trị đa nguyên. Nếu không có chủ nghĩa đa nguyên, sẽ có nguy cơ là một trong các nhóm lợi ích đa dạng sẽ tiếm quyền với tổn thất của những nhóm còn lại. Sự kiện Quốc hội sau năm 1688 đại diện cho một liên mình rộng khắp là yếu tố then chốt khiến cho các đại biểu Quốc hội lắng nghe các kiến nghị, ngay cả khi những kiến nghị đó xuất phát từ những người bên ngoài Quốc hội và ngay cả từ những người không được đi bầu. Đây là yếu tố quan trọng để ngăn chặn nỗ lực của một nhóm nào đó tạo ra thế lực độc quyền và gây tổn thất cho những nhóm còn lại, như nhóm các nhà sản xuất len từng cố gắng thực hiện trước khi có Luật Manchester.

Cuộc Cách mạng Vinh quang là một biến cố quan trọng chính, vì nó được lãnh đạo bởi một liên minh rộng lớn và trao quyền cho liên minh này hơn nữa, và đã xoay sở để hun đúc nên một cơ chế hiến pháp với các điều kiện ràng buộc đối với quyền lực của nhánh hành pháp và quan trọng không kém, đối với bất kỳ thành viên nào của nhánh hành pháp. Ví dụ như, chính những điều kiện ràng buộc này đã ngăn không cho các nhà sản xuất len tiêu diệt sự cạnh tranh tiềm tàng từ các nhà sản xuất bông và fustian. Vì thế, liên minh rộng lớn này là yếu tố thiết yếu dẫn đến một Quốc hội vững mạnh sau năm 1688, nhưng điều đó cũng có nghĩa là có đối trọng trong Quốc hội để ngăn cản một nhóm nào đó trở nên quá hùng mạnh và lạm dụng quyền hạn. Đó là yếu tố thiết yếu cho sự ra đời của các thể chế chính trị đa nguyên. Việc trao quyền cho một liên minh rộng khắp cũng đóng vai trò quan trọng trong sự tồn tại lâu dài và củng cố các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp, như ta sẽ thấy trong chương 11.

https://thuviensach.vn

Tuy nhiên, không yếu tố nào trong đó làm cho một cơ chế thật sự đa nguyên trở thành một điều tất yếu, và sự ra đời của cơ chế đa nguyên là một phần trong lộ trình ngẫu nhiên của lịch sử. Đã từng có một liên minh không quá khác biệt cũng đã vươn lên và giành chiến thắng từ cuộc nội chiến Anh chống lại vương triều Stuart, nhưng chỉ dẫn đến một chế độ độc tài của Oliver Cromwell. Sức mạnh của liên minh này cũng không đảm bảo rằng chủ nghĩa chuyên chế sẽ bị đánh bại. Vua James II biết đâu đã có thể đánh bại William xứ Orange. Như lẽ thường, con đường thay đổi thể chế to lớn cũng không kém tình cờ hơn so với kết quả của các xung đột chính trị khác. Sự thật là như thế, ngay cả khi lộ trình phân hóa thể chế cụ thể tạo ra liên minh rộng lớn chống lại chủ nghĩa chuyên chế và thời điểm quyết định của các cơ hội thương mại Đại Tây Dương đã được bố trí trước nhằm chống lại vương triều Stuart. Do đó, trong ví dụ này, tính ngẫu nhiên và liên minh rộng lớn là những yếu tố quyết định làm nền tảng cho sự xuất hiện của chủ nghĩa đa nguyên và các thể chế dung hợp.

https://thuviensach.vn

8. KHÔNG PHẢI TRÊN LÃNH ĐỊA CỦA CHÚNG TA: CÁC RÀO CẢN PHÁT TRIỂN

LỆNH CẤM IN

NĂM 1445 Ở THÀNH PHỐ MAINZ nước Đức, Johannes Gutenberg cho ra đời một phát minh với những hệ quả sâu sắc trong lịch sử kinh tế về sau: máy in theo phương pháp typo sắp chữ (movable type). Cho đến lúc bấy giờ, sách vở hoặc được những người chép thuê chép lại bằng tay, một quá trình cần cù chậm chạp, hoặc phải in bằng bản khắc gỗ cho từng trang. Sách vở rất ít ỏi, thưa thớt và rất đắt đỏ. Sau phát minh của Guttenberg, sự việc bắt đầu thay đổi. Sách được in ấn và trở nên phong phú hơn. Không có phát minh này, việc phổ cập chữ viết và giáo dục ắt hẳn sẽ không thể đạt được.

Ở Tây Âu, tầm quan trọng của máy in nhanh chóng được công nhận. Năm 1460, đã có một chiếc máy in vượt qua biên giới đến Strasbourg nước Pháp. Đến cuối thập niên 1460, công nghệ in đã lan khắp nước Ý, với các máy in ở Rome và Venice, rồi chẳng mấy chốc đến Florence, Milan và Turin. Năm 1476, William Caxton lắp đặt một chiếc máy in ở Luân Đôn, và hai năm sau Oxford cũng có một chiếc. Cũng trong thời kỳ này, hoạt động in ấn lan khắp các nước tây bắc châu Âu vào Tây Ban Nha và thậm chí sang Đông Âu, với một chiếc máy in hoạt động ở Budapest vào năm 1473 và ở Cracow một năm sau.

Không phải mọi người đều xem máy in là một phát minh đáng mong đợi. Ngay từ năm 1485, quốc vương Hồi giáo Ottoman Sultan Bayezid II đã ban hành chiếu chỉ rằng các tín đồ Hồi giáo không được in bằng tiếng Ảrập. Luật này được quốc vương Sultan Selim I củng cố hơn nữa vào năm

https://thuviensach.vn

1515. Mãi đến năm 1727, chiếc máy in đầu tiên mới được phép hoạt động trên lãnh thổ Ottoman khi quốc vương Sultan Ahmed III ban chiếu chỉ cho phép İbrahim Müteferrika lắp đặt một chiếc máy in. Ngay cả bước đi muộn màng này cũng vướng phải nhiều ràng buộc. Mặc dù chiếu chỉ nhận định "kể từ ngày may mắn này, kỹ thuật phương Tây này sẽ được vén màn như một cô dâu và sẽ không bị che giấu nữa", nhưng chiếc máy in của Müteferrika vẫn bị giám sát chặt chẽ. Chiếu chỉ viết:

Để sách in không bị in sai, việc đọc và sửa bản in thử sẽ được giám sát bởi các học giả mộ đạo uyên thâm, đáng kính và xứng đáng, chuyên về Luật Hồi giáo - Kadi xuất chúng của thành phố Istanbul, Mevlana İshak, Kadi của xứ Selaniki, Mevlana Sahib và Kadi của xứ Galata, Mevlana Asad, cầu chúc cho công trạng của họ được gia tăng - và từ các trật tự tôn giáo lừng lẫy, cột trụ của các học giả mộ đạo chính trực, Sheykh của xứ Kasim Paşa Mevlevihane, Mevlana Musa, cầu chúc cho sự uyên bác và tri thức của ông được gia tăng.

Müteferrika được phép lắp đặt một máy in, nhưng bất luận sản phẩm nào ông in ra cũng phải được kiểm duyệt chặt chẽ bởi một hội đồng gồm ba học giả luật pháp và tôn giáo, được gọi là Kadi. Giá như máy in được phép sử dụng sớm hơn thì có lẽ sự uyên bác và tri thức của các Kadi, cũng như mọi người khác, sẽ gia tăng nhanh hơn. Nhưng điều đó đã không xảy ra, ngay cả khi Müteferrika đã được phép lắp đặt máy in.

Không hề ngạc nhiên, cuối cùng Müteferrika chỉ in được một số lượng sách ít ỏi, vẻn vẹn 17 cuốn kể từ năm 1729 khi máy in của ông bắt đầu vận hành cho đến năm 1743 lúc ông ngưng hoạt động. Gia đình ông cố gắng tiếp tục truyền thống, nhưng cũng chỉ xoay sở in thêm được 7 quyển sách nữa cho đến khi họ bỏ cuộc vào năm 1797. Bên ngoài trung tâm Đế chế Ottoman ở Thổ Nhĩ Kỳ, việc in ấn thậm chí còn chậm trễ hơn. Ví dụ như ở Ai Cập, chiếc máy in đầu tiên chỉ xuất hiện vào năm 1798 do người Pháp lắp đặt, vốn là một phần trong nỗ lực sớm thất bại của Napoleon Bonaparte

https://thuviensach.vn

nhằm chiếm đất nước này. Mãi đến nửa sau thế kỷ 19, việc sản xuất sách ở Đế chế Ottoman chủ yếu vẫn được thực hiện bởi những người chép thuê, chuyên chép lại những quyển sách hiện hữu bằng tay. Vào đầu thế kỷ 18, người ta cho là có đến 80 nghìn người chép thuê hoạt động ở Istanbul.

Việc phản đối máy in gây ra những hậu quả hiển nhiên đối với tỷ lệ biết chữ, giáo dục và thành công kinh tế. Năm 1800, có lẽ chỉ có 2-3% dân chúng Đế chế Ottoman biết chữ, so với tỷ lệ biết chữ là 60% ở nam giới trưởng thành và 40% ở nữ giới trưởng thành của nước Anh. Ở Hà Lan và Đức, tỷ lệ biết chữ thậm chí còn cao hơn. Các vùng lãnh thổ của Ottoman tụt lại đằng sau các nước châu Âu với trình độ học vấn thấp nhất trong thời kỳ này, như Bồ Đào Nha, nơi chỉ có khoảng 20% người trưởng thành biết đọc và biết viết.

Với các thể chế có tính chiếm đoạt và chuyên chế cao độ của Đế chế Ottoman, sự chống đối máy in của quốc vương Hồi giáo thật dễ hiểu. Sách vở giúp truyền bá ý tưởng và làm cho dân chúng trở nên khó kiểm soát hơn. Một số ý tưởng này có thể là những phương thức mới mẻ quý giá để nâng cao tăng trưởng kinh tế, nhưng những ý tưởng khác có thể có tính chất lật đổ và thách thức hiện trạng chính trị và xã hội hiện hữu. Sách vở cũng làm xói mòn quyền lực của những người kiểm soát tri thức truyền khẩu, vì sách vở làm cho tri thức đó sẵn có đối với bất kỳ ai có thể đọc thông viết thạo. Điều này đe dọa xói mòn hiện trạng, trong đó tri thức đang được kiểm soát bởi giới quyền thế. Các quốc vương Ottoman và giới quyền thế mộ đạo lo sợ sự phá hủy sáng tạo có thể xảy ra. Giải pháp của họ là cấm tiệt hoạt động in ấn.

CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP tạo ra một thời điểm quyết định, ảnh hưởng đến hầu hết mọi quốc gia. Một vài quốc gia như nước Anh không chỉ cho phép mà còn tích cực khuyến khích hoạt động thương mại, công nghiệp hóa và tinh thần nghiệp chủ, và đất nước đã tăng trưởng nhanh chóng. Nhiều nước như Đế chế Ottoman, Trung Quốc và các chính thể

https://thuviensach.vn

chuyên chế khác bị tụt hậu vì họ ngăn chặn, hay ít nhất là không làm gì để khuyến khích việc mở mang công nghiệp. Các thể chế chính trị và kinh tế định hình phản ứng đối với đổi mới công nghệ, một lần nữa cũng tạo ra mô thức tương tác quen thuộc giữa các thể chế hiện hữu và các thời điểm quyết định dẫn đến sự phân hóa thể chế và các kết quả kinh tế.

Đế chế Ottoman vẫn giữ nguyên chế độ chuyên chế cho đến khi sụp đổ vào lúc kết thúc Thế chiến thứ nhất, và vì thế đã chống đối hay ngăn chặn một cách thành công những phát minh đổi mới như máy in và sự phá hủy sáng tạo đi kèm. Lý do khiến những thay đổi kinh tế xảy ra ở Anh đã không xảy ra ở Đế chế Ottoman là do mối liên kết tự nhiên giữa các thể chế chính trị chuyên chế chiếm đoạt và các thể chế kinh tế chiếm đoạt. Chủ nghĩa chuyên chế là sự cai trị không được giới hạn bằng luật pháp hay nguyện vọng của người khác, mặc dù trên thực tế những kẻ chuyên chế cai trị với sự ủng hộ của một nhóm thiểu số hay của giới quyền thế. Ví dụ như ở nước Nga vào thế kỷ 19, các Sa hoàng là những vị vua chuyên chế được ủng hộ bởi giới quý tộc chiếm khoảng 1% dân số. Nhóm thiểu số này tổ chức các thể chế chính trị để duy trì vĩnh viễn quyền lực của họ. Không có Quốc hội hay sự đại diện chính trị của các thành phần xã hội khác ở nước Nga mãi cho đến năm 1905, khi Sa hoàng thành lập Viện Duma, thế nhưng ông đã nhanh chóng lũng đoạn chút quyền lực ít ỏi mà ông đã trao cho viện này. Chẳng lạ gì, các thể chế kinh tế trở nên có tính chiếm đoạt, được tổ chức để làm cho Nga hoàng và giới quý tộc trở nên ngày càng giàu có. Nền tảng của hệ thống này, cũng như nhiều hệ thống kinh tế chiếm đoạt khác, là hệ thống kiểm soát và cưỡng bức lao động dưới hình thức chế độ nông nô nước Nga đặc biệt tàn khốc.

Chủ nghĩa chuyên chế không phải là loại thể chế chính trị duy nhất ngăn cản công nghiệp hóa. Mặc dù các chính thể chuyên chế không có tính đa nguyên và lo sợ sự phá hủy sáng tạo, nhiều chính thể có nhà nước tập quyền, hay chí ít cũng là nhà nước đủ tập trung để cấm đoán những phát minh đổi mới như máy in. Thậm chí ngày nay, ở những nước như

https://thuviensach.vn

Afghanistan, Haiti và Nepal, nhà nước không có sự tập trung hóa chính trị. Ở vùng hạ Sahara châu Phi, tình hình thậm chí còn tồi tệ hơn. Như chúng ta đã lập luận trên đây, không có một nhà nước tập quyền để mang lại trật tự trị an và thực thi luật pháp cũng như các quyền sở hữu, thì không thể có được các thể chế dung hợp. Trong chương này, chúng ta sẽ thấy rằng ở nhiều nước thuộc vùng hạ Sahara châu Phi (ví dụ như Somalia và Nam Sudan), rào cản lớn đối với công nghiệp hóa là tình trạng thiếu mọi hình thức tập trung hóa chính trị. Không có các điều kiện tiên quyết tự nhiên này, thì cũng không có cơ may nào để công nghiệp hóa cất cánh.

Chủ nghĩa chuyên chế và tình trạng thiếu tập trung hóa chính trị là hai rào cản khác nhau đối với việc mở mang công nghiệp. Nhưng chúng có quan hệ với nhau; cả hai đều tồn tại do nỗi lo sợ sự phá hủy sáng tạo và do quá trình tập trung hóa quyền lực thường tạo ra xu hướng dẫn đến chủ nghĩa chuyên chế. Việc chống lại tập trung hóa chính trị cũng có những lý do tương tự như việc chống lại các thể chế chính trị dung hợp, đó là nỗi lo sợ mất quyền lực chính trị về tay nhà nước tập quyền và những người kiểm soát nó. Trong chương trước, chúng ta đã thấy quá trình tập trung hóa chính trị dưới triều đại Tudor ở Anh đã làm tăng nhu cầu về tiếng nói và sự đại diện cho các giới quyền thế địa phương khác nhau trong các thể chế chính trị quốc gia như một phương thức để ngăn chặn tình trạng mất quyền lực chính trị này. Một Quốc hội vững mạnh hơn ra đời, cuối cùng dẫn đến sự vươn lên của các thể chế chính trị dung hợp.

Nhưng trong nhiều trường hợp khác, điều ngược lại đã xảy ra, và quá trình tập trung hóa chính trị cũng mở ra một thời kỳ chuyên chế nhiều hơn. Điều này được minh họa qua nguồn gốc của chủ nghĩa chuyên chế ở Nga, do Peter Đại Đế dựng lên từ năm 1682 đến khi ông băng hà vào năm 1725. Peter xây dựng kinh đô mới ở Saint Peterburg, tước đoạt quyền lực từ giới quý tộc cũ, các thống soái, nhằm tạo ra một bộ máy nhà nước và quân đội hiện đại. Ông thậm chí còn giải tán Viện Duma, thể chế đã từng đưa ông lên làm Nga hoàng. Peter dựng lên Bảng Cấp bậc, một hệ thống tôn ti trật

https://thuviensach.vn

tự xã hội hoàn toàn mới, mà thực chất là phục vụ cho Nga hoàng. Ông cũng kiểm soát Nhà thờ như Vua Henry VIII đã làm khi tập trung hóa nhà nước ở Anh. Với quá trình tập trung hóa chính trị này, Peter tước đoạt quyền lực của những người khác để chuyển sang cho chính ông. Công cuộc cải cách quân đội của ông đã làm cho lực lượng cận vệ hoàng gia Streltsy dấy loạn. Cuộc bạo loạn của họ được tiếp nối bằng những cuộc khởi nghĩa khác như khởi nghĩa của người Bashkir ở Trung Á và cuộc bạo loạn Bulavin. Không cuộc khởi nghĩa nào thành công.

Mặc dù dự án tập trung hóa chính trị của Peter Đại Đế đã thành công và chế ngự mọi chống đối, nhưng các áp lực chống lại tập trung hóa nhà nước, như vụ bạo loạn Streltsy từ những người nhận thấy quyền lực của họ bị thách thức, đã chiến thắng ở nhiều nơi khác trên thế giới, và từ đó dẫn đến tình trạng thiếu tập trung hóa nhà nước; và điều này có nghĩa là sự tồn tại dai dẳng của một loại thể chế chính trị chiếm đoạt khác.

Trong chương này, chúng ta sẽ tìm hiểu xem vào thời điểm quyết định hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp, nhiều quốc gia đã bỏ lỡ chuyến tàu và không tranh thủ được lợi thế của việc mở mang công nghiệp như thế nào. Hoặc là họ có các thể chế kinh tế chiếm đoạt và các thể chế chính trị chuyên chế như ở Đế chế Ottoman, hoặc là họ thiếu sự tập trung hóa chính trị, như ở Somalia.

SỰ KHÁC BIỆT NHỎ NHẶT CÓ Ý NGHĨA

Chủ nghĩa chuyên chế sụp đổ ở Anh vào thế kỷ 17 nhưng lại trở nên vững mạnh hơn ở Tây Ban Nha. Quốc hội Tây Ban Nha, Cortes, chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Tây Ban Nha hình thành vào năm 1492 từ sự sáp nhập hai vương quốc Castile và Aragon thông qua cuộc hôn nhân của nữ hoàng Isabella và vua Ferdinand. Năm đó trùng hợp với sự kết thúc quá trình tái chinh phục, một quá trình lâu dài đánh đuổi người Ảrập từng chiếm đóng miền nam Tây Ban Nha và dựng lên các thành phố vĩ đại Granada, Cordova

https://thuviensach.vn

và Seville từ thế kỷ thứ 8. Nhà nước Ảrập cuối cùng trên bán đảo Iberia, Granada, rơi vào tay Tây Ban Nha vào cùng thời điểm Christopher Columbus đến châu Mỹ và bắt đầu chiếm cứ các vùng đất này cho nữ hoàng Isabella và vua Ferdinand, những người tài trợ cho chuyến viễn dương của ông.

Việc sáp nhập hai vương quốc Castile và Aragon cũng như các cuộc hôn nhân hoàng tộc và sự thừa kế sau đó đã tạo ra một siêu nhà nước châu Âu. Isabella băng hà năm 1504, và con gái bà Joana trở thành Nữ hoàng Castile. Joanna kết hôn với Philip thuộc hoàng tộc Habsburg, con trai của hoàng đế Maximilian I của Đế chế La Mã thần thánh. Vào năm 1516, Charles, con trai của Joana và Philip lên ngôi, trở thành Vua Charles I của Castile và Aragon. Khi phụ hoàng qua đời, Charles thừa kế Hà Lan và Franche-Comté, bổ sung vào lãnh thổ của ông ở bán đảo Ibera và châu Mỹ. Năm 1519, khi Hoàng đế Maximilian I băng hà, Charles cũng thừa kế lãnh thổ hoàng tộc Habsburg ở Đức và trở thành Hoàng đế Charles V của Đế chế La Mã thần thánh. Việc sáp nhập hai vương quốc của người Tây Ban Nha vào năm 1492 giờ đây tạo ra một đế quốc đa lục địa, và Charles tiếp tục sự nghiệp củng cố nhà nước chuyên chế do Isabella và Ferdinand khởi công.

Nỗ lực xây dựng và củng cố chủ nghĩa chuyên chế ở Tây Ban Nha được hỗ trợ mạnh mẽ bởi việc khám phá ra các kim loại quý ở châu Mỹ. Bạc được khai thác với số lượng lớn ở Guanajuato thuộc Mexico vào thập niên 1520, và chẳng bao lâu sau ở Zacatecas, Mexico. Việc chinh phục Peru sau năm 1532 thậm chí còn mang lại nhiều của cải hơn cho triều đình. Của cải này đạt được dưới hình thức phân phối theo tỷ lệ 1/5 cho hoàng gia bất kỳ bổng lộc nào thu được từ việc chinh phục và khai thác khoáng sản. Như ta đã thấy trong chương 1, một núi bạc được phát hiện ở thành phố Potosí vào thập niên 1540 càng rót vào kho báu của nhà vua Tây Ban Nha nhiều của cải hơn nữa.

https://thuviensach.vn

Vào thời điểm sáp nhập Castile và Aragon, Tây Ban Nha là một trong những vùng đất thành công nhất về mặt kinh tế ở châu Âu. Nhưng sau khi hệ thống chính trị chuyên chế được củng cố, đất nước dần dần rơi vào sự sa sút kinh tế tương đối, và sau năm 1600 là sự sa sút kinh tế tuyệt đối. Hầu hết các đạo luật đầu tiên của Isabella và Ferdinand sau thời kỳ tái chinh phục đều nhằm sung công tài sản của người Do Thái. Khoảng 200 nghìn người Do Thái ở Tây Ban Nha được cho thời hạn bốn tháng để ra đi. Họ phải bán hết toàn bộ đất đai và tài sản với những mức giá rất thấp và không được phép mang vàng bạc ra khỏi đất nước. Một thảm kịch nhân loại tương tự như vậy cũng xảy ra hơn 100 năm sau. Từ năm 1609 đến 1614, Vua Philip III trục xuất người Moriscos, hậu duệ của người dân các bang Ảrập trước đây ở miền nam Tây Ban Nha. Cũng như người Do Thái, người Moriscos phải ra đi chỉ với những gì họ có thể mang theo và không được phép mang vàng bạc hay các kim loại quý khác.

Quyền sở hữu cũng không được bảo đảm trên các bình diện khác dưới sự cai trị của hoàng tộc Habsburg ở Tây Ban Nha. Philip II, người thừa kế ngai vàng của phụ hoàng Charles V vào năm 1556, tuyên bố không trả nợ vào năm 1557 và một lần nữa vào năm 1560, làm phá sản các gia tộc ngân hàng Fugger và Welser. Sau đó, vai trò của các gia tộc ngân hàng Đức được đảm trách bởi các gia tộc ngân hàng Genoa, và đến lượt họ cũng bị phá sản bởi việc quịt nợ của Tây Ban Nha tiếp theo dưới triều đại Habsburg vào các năm 1575, 1596, 1607, 1627, 1647, 1652, 1660 và 1662.

Cũng quan trọng hệt như tính bất ổn của quyền sở hữu ở đất nước Tây Ban Nha chuyên chế là tác động của chủ nghĩa chuyên chế đối với các thể chế kinh tế trong hoạt động thương mại và phát triển đế quốc thuộc địa Tây Ban Nha. Như ta đã thấy trong chương trước, thành công kinh tế của nước Anh nhờ vào sự mở mang thương mại nhanh chóng. Dù vậy, so với Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, nước Anh chỉ là người đến sau trong hoạt động thương mại Đại Tây Dương, và đã cho phép sự tham gia của nhiều thành phần xã hội tương đối rộng rãi trong các cơ hội thương mại và thuộc địa.

https://thuviensach.vn

Những gì làm đầy ngân khố của nhà vua Tây Ban Nha đã làm giàu cho tầng lớp thương nhân mới nổi lên ở Anh. Chính tầng lớp thương nhân này sẽ tạo thành nền tảng cho sự năng động kinh tế ngay từ đầu của Anh và trở thành thành lũy vững chắc của liên minh chính trị chống lại chủ nghĩa chuyên chế.

Ở Tây Ban Nha, những quá trình dẫn đến tiến bộ kinh tế và thay đổi thể chế đã không xảy ra. Sau khi khám phá ra châu Mỹ, Isabella và Ferdinand tổ chức hoạt động thương mại giữa các thuộc địa mới và Tây Ban Nha thông qua một phường hội thương nhân ở Seville. Các thương nhân này kiểm soát toàn bộ hoạt động giao thương và bảo đảm rằng triều đình được chia phần của mình trong của cải của châu Mỹ. Không có hoạt động thương mại tự do với bất kỳ thuộc địa nào, và mỗi năm, một đoàn tàu từ châu Mỹ sẽ quay về Seville, mang theo kim loại quý và hàng hóa giá trị. Việc độc quyền hóa thương mại trên diện hẹp này có nghĩa là một tầng lớp thương nhân rộng lớn không thể vươn lên thông qua cơ hội thương mại với các thuộc địa. Thậm chí thương mại trong phạm vi châu Mỹ cũng bị điều tiết chặt chẽ. Ví dụ như một thương nhân ở một thuộc địa như Tân Tây Ban Nha, hiện nay là Mexico, không được giao thương trực tiếp với bất cứ ai ở Tân Granada, hiện nay là Colombia. Việc hạn chế thương mại trong Đế quốc Tây Ban Nha làm giảm thịnh vượng kinh tế, và một cách gián tiếp cũng làm giảm lợi ích tiềm tàng mà Tây Ban Nha lẽ ra có thể đạt được thông qua giao thương với một đế chế khác thịnh vượng hơn. Tuy nhiên, sự hạn chế thương mại này hấp dẫn bởi vì nó bảo đảm rằng vàng bạc sẽ tiếp tục chảy về Tây Ban Nha.

Các thể chế kinh tế chiếm đoạt của Tây Ban Nha là hệ quả trực tiếp của việc xây dựng chế độ chuyên chế và một lộ trình thể chế chính trị khác với nước Anh. Cả hai vương quốc Castile và Aragon đều có Quốc hội đại diện cho các nhóm, hay các "đẳng cấp" khác nhau ở vương quốc. Cũng như với Quốc hội Anh, Quốc hội Castile cần được triệu tập để chấp thuận ban hành những loại thuế mới. Tuy nhiên, Quốc hội Castile và Aragon chủ yếu

https://thuviensach.vn

đều đại diện cho các thành phố lớn, chứ không phải cả nông thôn và thành thị như Quốc hội Anh. Đến thế kỷ 15, Quốc hội chỉ đại diện cho 18 thành phố, mỗi thành phố cử hai đại biểu. Vì thế, Quốc hội Tây Ban Nha không đại diện cho nhiều thành phần rộng rãi như Quốc hội Anh và không bao giờ phát triển thành một tập hợp các nhóm lợi ích đa dạng ganh đua đặt ra giới hạn đối với chủ nghĩa chuyên chế. Quốc hội Tây Ban Nha không thể ban hành luật, và thậm chí phạm vi quyền lực về thuế khóa của nó cũng hạn chế. Điều này khiến cho triều đình Tây Ban Nha dễ dàng gạt Quốc hội sang một bên trong quá trình củng cố chủ nghĩa chuyên chế. Thậm chí khi đã có bạc thu về từ châu Mỹ, Charles V và Philip II vẫn yêu cầu không ngừng tăng thuế nhằm tài trợ cho hàng loạt các cuộc chiến tranh tốn kém. Năm 1520, Charles V quyết định yêu cầu Quốc hội tăng thuế. Giới quyền thế đô thị lợi dụng thời điểm này để kêu gọi sự thay đổi to lớn hơn trong Quốc hội và quyền lực của Quốc hội. Sự chống đối này chuyển thành bạo loạn - cuộc Bạo loạn Comunero. Charles đã dập tắt cuộc bạo loạn bằng quân đội hoàng gia. Dù vậy, suốt thời gian còn lại của thế kỷ 16, chiến tranh liên tục nổ ra khi nhà vua ra sức giành lấy quyền ban hành thuế mới và tăng thuế cũ của Quốc hội. Mặc dù cuộc chiến này lúc được lúc thua, nhưng cuối cùng nhà vua vẫn thắng. Sau năm 1664, Quốc hội không còn nhóm họp nữa mãi cho đến khi nó được chỉnh đốn lại trong thời kỳ Napoleon xâm lăng Tây Ban Nha khoảng 150 năm sau.

Ở Anh, việc đánh bại chủ nghĩa chuyên chế vào năm 1688 không chỉ dẫn đến các thể chế chính trị đa nguyên mà còn dẫn đến sự phát triển một nhà nước tập quyền hữu hiệu hơn. Ở Tây Ban Nha, điều ngược lại đã xảy ra khi chủ nghĩa chuyên chế chiến thắng. Mặc dù nhà vua thắng thế đối với Quốc hội và tháo gỡ mọi ràng buộc tiềm ẩn đối với hành động của triều đình, việc huy động thuế của nhà vua vẫn trở nên ngày một khó khăn hơn, ngay cả khi đã cố gắng thương lượng trực tiếp với từng thành phố. Trong khi nhà nước Anh đang xây dựng một bộ máy thu thuế hiệu quả và hiện đại thì nhà nước Tây Ban Nha một lần nữa đi theo chiều ngược lại. Triều đình chẳng những không tạo ra các quyền sở hữu bảo đảm cho các nghiệp chủ

https://thuviensach.vn

và độc quyền hóa thương mại, mà còn bán cả chức tước, làm cho chúng trở thành cha truyền con nối, bán khoán hoạt động thu thuế, và thậm chí bán cả quyền miễn áp dụng công lý.

Ta có thể dự đoán được hậu quả của các thể chế chính trị và kinh tế chiếm đoạt này ở Tây Ban Nha. Suốt thế kỷ 17, trong khi nước Anh đạt được tăng trưởng thương mại và công nghiệp hóa nhanh chóng thì Tây Ban Nha quay cuồng trong tình trạng sa sút kinh tế lan rộng. Vào đầu thế kỷ, cứ năm người thì có một người sống ở các vùng đô thị. Đến cuối thế kỷ, con số này giảm phân nửa, chỉ còn 1/10, trong một quá trình tương ứng với sự bần cùng hóa ngày càng tăng của người dân Tây Ban Nha. Thu nhập của Tây Ban Nha giảm dần trong khi nước Anh trở nên giàu có.

Việc chủ nghĩa chuyên chế tồn tại dai dẳng và được củng cố ở Tây Ban Nha trong khi lại bị nhổ bật rễ ở Anh cũng là một ví dụ khác về những khác biệt nhỏ nhặt có ý nghĩa vào những thời điểm quyết định. Sự khác biệt nhỏ nhặt ở đây là sức mạnh và bản chất của các thể chế đại diện; còn thời điểm quyết định là khi khám phá ra châu Mỹ. Sự tương tác của hai yếu tố này đã đẩy Tây Ban Nha vào một lộ trình thể chế rất khác so với nước Anh. Các thể chế kinh tế tương đối dung hợp đạt được ở Anh đã tạo ra sự năng động kinh tế chưa từng thấy, đạt đỉnh cao vào cuộc Cách mạng công nghiệp, trong khi công nghiệp hóa không có nổi một cơ hội nào ở Tây Ban Nha. Cho đến lúc các kỹ thuật công nghiệp đang lan truyền ở nhiều nơi trên thế giới, nền kinh tế Tây Ban Nha đã sa sút đến mức nhà vua hay giới quyền thế sở hữu đất đai ở Tây Ban Nha thậm chí cũng không có nhu cầu ngăn chặn công nghiệp hóa nữa.

NỖI LO SỢ VỀ CÔNG NGHIỆP

Nếu như không có sự thay đổi thể chế chính trị và thay đổi quyền lực chính trị tương tự như đã từng xảy ra ở Anh sau năm 1688, thì gần như không có cơ hội gì để các nhà nước chuyên chế hưởng lợi từ sự phát minh

https://thuviensach.vn

đổi mới và các công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp. Ví dụ như ở Tây Ban Nha, tình trạng không đảm bảo quyền sở hữu và sa sút kinh tế lan rộng có nghĩa là dân chúng không có động cơ khuyến khích đầu tư và sự hy sinh cần thiết. Ở nước Nga và Áo-Hung, không chỉ đơn thuần là sự bỏ bê và quản lý sai lầm của giới quyền thế và sự sa sút kinh tế ngấm ngầm trong các thể chế chiếm đoạt đã ngăn cản công nghiệp hóa; mà đúng hơn, những người cai trị đã tích cực cản trở mọi nỗ lực du nhập các công nghệ mới và đầu tư cơ bản vào cơ sở hạ tầng như đường sắt mà lẽ ra có thể làm con đường dẫn truyền công nghiệp.

Tại thời điểm Cách mạng công nghiệp vào thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, bản đồ chính trị châu Âu hoàn toàn khác so với ngày nay. Đế chế La Mã thần thánh như một mảnh chăn chắp vá gồm hơn 400 chính thể, cuối cùng hầu hết đều kết hợp vào nước Đức, bao trùm phần lớn Trung Âu. Hoàng tộc Habsburg vẫn là một lực lượng chính trị lớn, và đế chế của họ, được gọi là Đế quốc Habsburg hay Đế quốc Áo-Hung, bao phủ một vùng rộng lớn khoảng 250 nghìn dặm vuông, ngay cả khi không còn bao gồm Tây Ban Nha, sau khi dòng họ Bourbons thôn tính ngai vàng Tây Ban Nha vào năm 1700. Về dân số, đó là nhà nước lớn thứ ba và chiếm 1/7 dân số châu Âu. Vào cuối thế kỷ 18, lãnh thổ Habsburg về phía tây bao gồm cả nước Bỉ ngày nay, khi đó gọi là Hà Lan thuộc Áo. Tuy nhiên, phần rộng lớn nhất là những vùng đất tiếp giáp xung quanh Áo và Hungary, bao gồm Cộng hòa Czech và Slovakia về phía bắc, cũng như Slovenia, Croative và các vùng rộng lớn của Ý và Serbia về phía nam. Về phía đông, nó cũng bao trùm phần lớn nơi mà hiện nay là Romania và Ba Lan.

Các thương nhân trên lãnh địa Habsburg kém quan trọng hơn nhiều so với ở Anh, và chế độ nông nô thịnh hành trên các vùng đất ở Đông Âu. Như ta đã thấy trong chương 4, Hungary và Ba Lan là trung tâm của thời kỳ Nông nô thứ hai ở Đông Âu. Không như các vị vua Stuart, vương triều Habsburg đã thành công trong việc duy trì sự cai trị mang tính chuyên chế cao độ. Francis I, vị hoàng đế cuối cùng của Đế quốc La Mã thần thánh từ

https://thuviensach.vn

năm 1792 đến 1806, và sau đó trở thành hoàng đế Áo-Hung cho đến khi ông băng hà năm 1835, là một người theo chủ nghĩa chuyên chế tột bực. Francis I không công nhận bất kỳ sự giới hạn nào đối với quyền lực của mình, và trên hết, ông muốn bảo toàn hiện trạng chính trị. Chiến lược cơ bản của ông là chống lại mọi loại thay đổi. Năm 1821, ông tuyên bố điều này trong một bài diễn thuyết, đặc trưng của các nhà vua Habsburg, trước các giáo viên trong một trường học ở Laibach rằng: "Trẫm không cần những nhà bác học, mà trẫm cần những công dân lương thiện thật thà. Công việc của các ngươi là đào tạo những người trẻ tuổi theo chiều hướng này. Những người phục vụ trẫm phải giảng dạy những gì trẫm ra lệnh. Nếu ai không làm được điều này, hay đến với những ý tưởng mới, người đó có thể ra đi, nếu không trẫm sẽ sa thải họ".

Nữ hoàng Maria Theresa trị vì từ năm 1740 đến 1780 thường đáp ứng trước các đề xuất cải tiến hay thay đổi thể chế bằng tuyên bố: "Cứ để nguyên mọi thứ như thế". Tuy nhiên, bà và con trai, Joseph II, người lên ngôi hoàng đế từ năm 1780 đến 1790, đã triển khai một nỗ lực xây dựng một nhà nước trung ương quyền lực hơn và một hệ thống hành chính hữu hiệu hơn. Tuy nhiên, họ làm điều này trong bối cảnh một hệ thống chính trị không có ràng buộc thực tế đối với hành động của chính họ và gần như không có yếu tố đa nguyên. Không có Quốc hội để có thể phát huy dù thậm chí chỉ là một chút kiểm soát đối với triều đình, mà chỉ có một hệ thống nghị viện và các đẳng cấp theo vùng, mà trong lịch sử từng có đôi chút quyền lực về việc thu thuế và tuyển dụng quân đội. So với các nhà vua Tây Ban Nha, thậm chí việc kiểm soát đối với hành động của các hoàng đế Habsburg Áo-Hung còn ít hơn, và quyền lực chính trị tập trung vào tay một số ít người.

Khi chế độ chuyên chế của hoàng tộc Habsburg củng cố vào thế kỷ 18, quyền lực của các thể chế ngoài triều đình càng suy yếu hơn. Khi một đoàn đại biểu nhân dân từ tỉnh Tyrol thuộc Áo kiến nghị lên Vua Francis về hiến pháp, ông đáp: "Vậy ra các ngươi muốn có hiến pháp!… Hãy xem nào,

https://thuviensach.vn

trẫm không lo điều đó, trẫm sẽ cho các ngươi một hiến pháp nhưng các ngươi phải biết rằng binh lính tuân lệnh trẫm, và trẫm sẽ không hỏi các ngươi đến lần thứ hai nếu trẫm cần tiền… Trong bất kỳ trường hợp nào, trẫm khuyên các ngươi nên cẩn thận về những gì các ngươi sắp nói". Trước phản ứng này, các lãnh đạo thành phố Tyrol đáp: "Nếu hoàng thượng đã nghĩ vậy, thì tốt hơn là không có hiến pháp". Và Francis tiếp lời: "Đó cũng là ý kiến của trẫm".

Francis giải tán Hội đồng nhà nước mà Maria Theresa từng sử dụng như một diễn đàn để tham khảo ý kiến các bộ trưởng. Từ đó trở đi không có hội đàm hay thảo luận công khai về các quyết định của triều đình. Francis xây dựng một chế độ dùi cui và kiểm duyệt một cách thô bạo bất kỳ điều gì có thể coi là hơi cấp tiến. Bá tước Hartig, một cận thần lâu năm từng mô tả triết lý cai trị của ông là "duy trì không suy suyển một thẩm quyền tối thượng, và phủ nhận mọi yêu cầu của công chúng nhằm tham gia vào thẩm quyền đó". Người hỗ trợ trong mọi lĩnh vực là Hoàng thân von Metternich, được bổ nhiệm làm ngoại trưởng vào năm 1809. Quyền lực và ảnh hưởng của Metternich thật ra còn tồn tại lâu hơn Francis, và ông là ngoại trưởng suốt gần 40 năm.

Trọng tâm của các thể chế kinh tế Habsburg là trật tự phong kiến và chế độ nông nô. Trên lãnh thổ đế chế, càng tiến về phía đông thì chủ nghĩa phong kiến càng trở nên nặng nề hơn, phản ánh xu hướng khái quát hơn về thể chế kinh tế mà ta đã thấy trong chương 4, khi ta đi từ Tây Âu sang Đông Âu. Khả năng lưu chuyển lao động bị hạn chế cao độ, và việc di dân là bất hợp pháp. Khi nhà từ thiện người Anh Robert Owen cố gắng thuyết phục chính phủ Áo thực hiện một vài cải cách xã hội nhằm cải thiện hoàn cảnh của những người nghèo, một trong các cấp phó của Metternich, Friedrich von Gentz đáp: "Chúng tôi hoàn toàn không muốn toàn thể dân chúng trở nên khá giả và độc lập… Làm sao chúng tôi có thể cai trị họ được?"

https://thuviensach.vn

Ngoài việc chế độ nông nô làm cản trở hoàn toàn sự xuất hiện của một thị trường lao động và làm triệt tiêu các động cơ khuyến khích kinh tế hay sự phát động từ đông đảo người dân nông thôn, chủ nghĩa chuyên chế Habsburg còn phát triển mạnh nhờ vào các độc quyền và các biện pháp hạn chế thương mại. Nền kinh tế đô thị bị chi phối bởi các phường hội, hạn chế việc tham gia vào các ngành nghề. Thuế quan nội bộ tồn tại trong phạm vi nước Áo cho đến năm 1775, và ở Hungary cho đến năm 1784. Thuế suất rất cao đối với hàng nhập khẩu, và nhiều quy định cấm đoán công khai đối với việc xuất nhập khẩu hàng hóa.

Việc kiềm chế thị trường và tạo ra các thể chế kinh tế chiếm đoạt lẽ dĩ nhiên là đặc điểm của chủ nghĩa chuyên chế, nhưng Francis còn đi xa hơn. Các thể chế kinh tế chiếm đoạt không chỉ đơn thuần làm triệt tiêu động cơ khuyến khích cá nhân đổi mới hay áp dụng công nghệ mới. Trong chương 2, ta đã thấy ở Vương quốc Kongo, những nỗ lực thúc đẩy sử dụng cày bừa không thành công vì dân chúng không có động cơ, ứng với bản chất chiếm đoạt của các thể chế kinh tế. Vua Kongo nhận thấy rằng nếu ông có thể làm cho dân chúng sử dụng cày bừa, thì sản lượng nông nghiệp sẽ cao hơn, tạo ra nhiều của cải hơn để ông có thể hưởng lợi từ đó. Đây là động cơ tiềm tàng của mọi chính phủ, ngay cả các nhà nước chuyên chế. Vấn đề ở Kongo là dân chúng hiểu rằng, bất kể họ sản xuất ra bao nhiêu thì cũng bị triều đình chuyên chế chiếm đoạt, và do đó họ không có động cơ để đầu tư hay sử dụng công nghệ tốt hơn. Trên lãnh thổ Habsburg, Francis không khuyến khích dân chúng áp dụng công nghệ tốt hơn; trái lại, thật ra ông còn phản đối điều đó, và ngăn chặn sự truyền bá công nghệ mà dân chúng lẽ ra có thể sẵn lòng áp dụng với các thể chế kinh tế hiện hữu.

Sự chống đối đổi mới biểu hiện qua hai phương thức. Thứ nhất, Francis I phản đối sự phát triển công nghiệp. Công nghiệp tạo ra các nhà máy, và nhà máy sẽ tập trung người lao động nghèo ở các thành phố, nhất là ở thủ đô Vienna. Những người lao động này có thể trở thành những người ủng hộ các đối thủ của chủ nghĩa chuyên chế. Chính sách của ông là

https://thuviensach.vn

giữ nguyên giới quyền thế truyền thống cũng như hiện trạng chính trị và kinh tế. Ông muốn duy trì xã hội ở trạng thái nông nghiệp sơ khai. Francis tin rằng cách tốt nhất để làm điều này là ngăn không cho các nhà máy được xây dựng ngay từ đầu. Ông làm điều này một cách trực tiếp, ví dụ như ông cấm thành lập các nhà máy mới ở Vienna vào năm 1802. Thay vì khuyến khích nhập khẩu và áp dụng máy móc mới, nền tảng của công nghiệp hóa, ông cấm đoán điều này cho đến năm 1811.

Thứ hai, ông phản đối xây dựng đường sắt, một trong những công nghệ mới then chốt xuất hiện cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp. Khi kế hoạch xây dựng đường sắt phía bắc được trình lên Francis I, ông đáp: “Không không, trẫm sẽ không làm gì với nó cả, không thì cách mạng sẽ đến đất nước này”.

Vì nhà nước không đồng ý xây dựng đường sắt chạy bằng hơi nước, nên tuyến đường sắt đầu tiên xây dựng ở đế chế phải sử dụng ngựa kéo. Tuyến đường này đi từ thành phố Linz bên bờ sông Danube đến thành phố Budweis của người Bohemia bên bờ sông Moldau, được xây dựng có độ nghiêng và các khúc quanh, có nghĩa là sau này không thể chuyển sang sử dụng động cơ hơi nước. Vì thế, người ta tiếp tục sử dụng sức ngựa cho đến thập niên 1860. Nhà ngân hàng Salomon Rothschild, đại diện ở Vienna của một gia tộc ngân hàng vĩ đại, đã sớm ý thức về tiềm năng kinh tế của việc phát triển đường sắt. Anh của Salomon là Nathan ở Luân Đôn rất ấn tượng trước động cơ “Tên lửa” của George Stephenson và tiềm năng của xe lửa chạy bằng hơi nước. Ông liên lạc với em trai để khuyến khích em tìm kiếm cơ hội phát triển đường sắt ở Áo, vì ông tin rằng gia đình họ có thể kiếm được lợi nhuận béo bở thông qua việc tài trợ phát triển đường sắt. Nathan đồng ý, nhưng kế hoạch không đi đến đâu vì Hoàng đế Francis một lần nữa lại từ chối.

Việc phản đối công nghiệp và đường sắt hơi nước xuất phát từ mối quan ngại của Francis về sự phá hủy sáng tạo đi kèm với sự phát triển một

https://thuviensach.vn

nền kinh tế hiện đại. Ưu tiên hàng đầu của ông là bảo đảm sự ổn định của các thể chế chiếm đoạt và bảo vệ lợi thế của giới quyền thế truyền thống ủng hộ ông. Chẳng những gần như không được lợi từ công nghiệp hóa do nó sẽ làm xói mòn trật tự phong kiến thông qua thu hút lao động từ nông thôn về thành thị, mà Francis còn nhận thấy mối đe dọa mà sự thay đổi kinh tế lớn lao có thể gây ra cho quyền lực chính trị của ông. Vì thế, ông ngăn chặn công nghiệp và tiến bộ kinh tế, đồng thời duy trì sự trì trệ kinh tế, bộc lộ qua nhiều cách. Ví dụ, mãi đến năm 1883, khi 90% sản lượng sắt trên thế giới được sản xuất bằng than đá, hơn một nửa sản lượng trong lãnh thổ Habsburg vẫn sử dụng than củi kém hiệu quả hơn nhiều. Tương tự, ngay đến trước Thế chiến thứ nhất, khi đế chế sụp đổ, hoạt động dệt vải vẫn không được cơ giới hóa hoàn toàn mà vẫn còn thủ công.

Áo-Hung không phải là đế chế duy nhất lo sợ công nghiệp. Xa hơn về phía đông, nước Nga cũng có một hệ thống thể chế chính trị chuyên chế tương tự, được hun đúc bởi Peter Đại đế, như ta đã thấy ở phần đầu chương này. Cũng như Áo-Hung, các thể chế kinh tế của Nga có tính chiếm đoạt cao độ, dựa vào chế độ nông nô, duy trì ít nhất một nửa dân số bị trói chặt vào đất đai. Nông nô phải làm việc không công ba ngày một tuần trên đất đai của các lãnh chúa. Họ không thể bỏ đi nơi khác và không có tự do nghề nghiệp, đồng thời lãnh chúa có thể tùy ý bán họ cho một lãnh chúa khác. Triết gia cấp tiến Peter Kropotkin, một trong những người sáng lập chủ nghĩa vô chính phủ hiện đại đã mô tả sinh động sự vận hành của chế độ nông nô dưới triều đại Nga hoàng Nicholas I, người cai trị nước Nga từ năm 1825 đến 1855. Ông hồi tưởng lại thời thơ ấu của mình:

Câu chuyện về những người bị chia ly gia đình và làng quê của họ, bị bán đi, bị thua bạc hay bị đổi lấy một cặp chó săn, và bị đưa đến một vùng đất xa xôi của nước Nga… về những đứa trẻ bị tước đoạt khỏi tay bố mẹ và bán cho những ông chủ dã man tàn ác hay ăn chơi phóng đãng; về những trận đòn roi trong chuồng ngựa xảy ra mỗi ngày với sự ác nghiệt không ai muốn nghe; về một cô gái chỉ có thể giải thoát bằng cách trầm mình tự vẫn;

https://thuviensach.vn

về một ông lão già nua tóc bạc suốt đời phục vụ chủ và cuối cùng phải treo cổ dưới cửa sổ nhà chủ; và về những cuộc khởi nghĩa của nông nô bị các vị tướng lĩnh của Vua Nicholas I trấn áp bằng cách cứ 10 hay 15 người lại lôi ra một người rồi đánh bằng roi cho đến chết, và bằng cách phá hủy cả làng… Về cảnh đói nghèo mà tôi đã chứng kiến suốt những cuộc hành trình qua các làng quê, nhất là ở những nơi thuộc về gia tộc hoàng đế, không có lời nào đủ để mô tả nỗi bất hạnh cho những độc giả chưa từng nhìn thấy.

Cũng hệt như ở Áo-Hung, chủ nghĩa chuyên chế không chỉ tạo ra một hệ thống thể chế kinh tế cản trở sự thịnh vượng của xã hội, mà còn có nỗi lo sợ tương tự về sự phá hủy sáng tạo và nỗi lo sợ về công nghiệp và đường sắt. Nhân vật quan trọng trong bối cảnh này dưới thời vua Nicholas I là bá tước Egor Kankrin, người phục vụ trên cương vị bộ trưởng tài chính từ năm 1823 đến 1844 và đóng vai trò then chốt trong việc chống đối những thay đổi xã hội cần thiết giúp thúc đẩy thịnh vượng kinh tế.

Các chính sách của Kankrin là nhằm củng cố các cột trụ chính trị truyền thống của chế độ, đặc biệt là giới quý tộc có đất, và giữ nguyên xã hội nông thôn và nông nghiệp. Sau khi trở thành bộ trưởng tài chính, Kankrin nhanh chóng phản đối và đảo ngược đề xuất của nguyên bộ trưởng tài chính Gurev nhằm phát triển một Ngân hàng Thương mại thuộc sở hữu nhà nước để cho vay công nghiệp. Thay vào đó, Kankrin mở lại Ngân hàng Cho vay nhà nước từng bị đóng cửa dưới thời chiến tranh Napoleon. Ngân hàng này thoạt đầu được thành lập để cho các chủ sở hữu đất lớn vay tiền với lãi suất trợ cấp, một chính sách do Kankrin phê duyệt. Để vay tiền, ứng viên xin vay phải sử dụng nông nô làm “tài sản thế chấp”, cho nên chỉ có các chủ sở hữu đất phong kiến mới có thể vay được. Để tài trợ cho Ngân hàng Cho vay nhà nước, Kankrin chuyển giao tài sản từ Ngân hàng Thương mại, qua đó bằng một mũi tên bắn trúng hai mục đích: giờ đây không còn tiền cho công nghiệp vay nữa.

https://thuviensach.vn

Có thể thấy rằng, thái độ của Kankrin được định hình bởi nỗi lo sợ rằng thay đổi kinh tế sẽ dẫn đến thay đổi chính trị, và thái độ của Nga hoàng Nicholas cũng thế. Việc đảm đương quyền lực của Nicholas suýt nữa đã sớm chấm dứt vào tháng 12/1825 bởi một cuộc đảo chính của các sĩ quan quân đội; họ đã có một chương trình thay đổi xã hội triệt để. Nicholas viết cho Đại công tước Mikhail: "Cách mạng đang ở ngưỡng cửa của nước Nga, nhưng ta thề rằng nó sẽ không thâm nhập đất nước này khi nào ta còn hơi thở".

Nicholas sợ những thay đổi xã hội mà việc xây dựng một nền kinh tế hiện đại có thể mang lại. Như ông từng bộc lộ qua một bài diễn văn trong cuộc họp của các nhà sản xuất tại một cuộc triển lãm công nghiệp ở Moscow:

Cả nhà nước và các nhà sản xuất đều phải chú ý đến một vấn đề, bằng không thì chính các nhà máy sẽ trở thành họa chứ không phải phúc; đó là việc quan tâm đến những người lao động hiện đang gia tăng về số lượng hàng năm. Cần có sự giám sát năng động và gia trưởng đối với đạo đức của họ; nếu không dân chúng sẽ dần dần trở nên đồi bại và trở thành một tầng lớp bất hạnh vì họ gây nguy hiểm cho chủ nhân của họ.

Cũng như Francis I, Nicholas sợ rằng sự phá hủy sáng tạo hình thành từ một nền kinh tế công nghiệp hiện đại sẽ xói mòn hiện trạng chính trị ở nước Nga. Với sự hối thúc của Nicholas, Kankrin thực hiện các biện pháp cụ thể để làm chậm tiềm năng công nghiệp. Ông cấm một số cuộc triển lãm công nghiệp mà trước đây vẫn được tổ chức định kỳ để trưng bày các công nghệ mới và tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng công nghệ.

Năm 1848, châu Âu rung chuyển bởi hàng loạt các cuộc cách mạng bùng nổ. Đáp lại, thống soái quân đội Moscow A.A Zakrevskii, người phụ trách duy trì trật tự công cộng, viết thư cho Nicholas: "Để bảo toàn sự thanh bình và thịnh vượng mà vào lúc này chỉ có nước Nga được tận hưởng, chính phủ không nên cho phép tụ tập những người vô gia cư và

https://thuviensach.vn

những kẻ chơi bời phóng đãng; họ sẽ dễ dàng tham gia mọi phong trào, phá hủy nền hòa bình xã hội và sự bình yên cá nhân". Lời khuyên của ông được truyền đến các bộ trưởng của Nicholas và vào năm 1849, một đạo luật mới được ban hành, áp đặt giới hạn nghiêm ngặt đối với số lượng nhà máy có thể được thành lập bất kỳ ở vùng nào của Moscow. Luật đặc biệt cấm khai trương nhà máy xe sợi len và bông cũng như các xưởng đúc sắt mới. Các ngành khác như dệt và nhuộm phải kiến nghị với thống soái quân đội nếu muốn mở nhà máy mới. Cuối cùng, hoạt động xe sợi bông chính thức bị cấm. Mục đích của luật là nhằm ngăn chặn sự tập trung hơn nữa những người lao động có tiềm năng nổi loạn trong thành phố.

Việc chống đối đường sắt cũng đi kèm với chống đối công nghiệp, cũng hệt như ở Áo-Hung. Trước năm 1842, chỉ có một tuyến đường sắt ở Nga. Đó là đường sắt Tsarskoe Selo dài 17 dặm từ Saint Peterburg đến khu dinh thự hoàng tộc ở Tsarskoe Selo và Pavlovsk. Cũng giống như sự phản đối công nghiệp, Kankrin nhận thấy chẳng có lý do gì để thúc đẩy đường sắt, mà ông lập luận rằng sẽ tạo ra sự lưu thông nguy hiểm về mặt xã hội: "Đường sắt không phải là kết quả của sự cần thiết tự nhiên, mà là sản phẩm của một nhu cầu giả tạo hay thói xa hoa. Nó khuyến khích sự đi lại không cần thiết từ nơi này đến nơi khác, hết sức điển hình trong thời đại của chúng ta".

Kankrin bác bỏ vô số đơn xin xây dựng đường sắt, và mãi đến năm 1851 mới có một tuyến đường được xây dựng nối liền Moscow với Saint Peterburg. Chủ trương của Kankrin được kế tục bởi bá tước Kleinmichel, người đứng đầu cơ quan nhà nước phụ trách giao thông và xây dựng công cộng. Thể chế này trở thành trọng tài chính trong phán quyết về việc xây dựng đường sắt, và Kleinmichel sử dụng nó làm nền tảng để không khuyến khích việc xây dựng. Sau năm 1849, thậm chí ông còn sử dụng quyền lực để kiểm duyệt thảo luận của báo chí về việc phát triển đường sắt.

https://thuviensach.vn

Bản đồ 13 trình bày hậu quả của chủ trương này. Trong khi nước Anh và hầu hết vùng tây bắc châu Âu đã có mạng lưới đường sắt chằng chịt vào năm 1870, đường sắt thâm nhập rất ít vào lãnh thổ nước Nga rộng lớn. Chính sách chống lại đường sắt chỉ được đảo ngược sau khi Nga bị đánh bại trong chiến tranh Krym với lực lượng Anh, Pháp và Ottoman vào năm 1853-1856, khi người ta nhận ra rằng tình trạng lạc hậu của mạng lưới giao thông đóng vai trò hệ trọng đối với nền an ninh của nước Nga. Ngoài khu vực của Áo và các vùng phía tây của đế chế, đường sắt cũng kém phát triển ở Áo-Hung, mặc dù cuộc Cách mạng 1848 đã làm thay đổi các vùng lãnh thổ này, đặc biệt là việc bãi bỏ chế độ nông nô.

Bản đồ 13: Đường sắt ở châu Âu năm 1870 (p. 295)

BẾ QUAN TỎA CẢNG

https://thuviensach.vn

Chủ nghĩa chuyên chế không chỉ thống trị phần lớn châu Âu mà cả ở châu Á, và tương tự như thế, cũng cản trở công nghiệp hóa vào thời điểm quyết định hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp. Triều đại nhà Minh và nhà Thanh ở Trung Quốc cũng như chủ nghĩa chuyên chế ở Đế chế Ottoman minh họa cho mô thức này. Dưới thời nhà Tống từ năm 960 đến 1279, Trung Quốc dẫn đầu thế giới trong nhiều phát minh công nghệ. Người Trung Quốc phát minh ra đồng hồ, la bàn, thuốc súng, giấy và tiền giấy, gốm sứ và lò cao để đúc sắt trước người châu Âu. Họ độc lập phát triển guồng xe sợi và sức nước gần như cùng một lúc với phía bên kia của lục địa Á-Âu. Vì thế, năm 1500, mức sống ở Trung Quốc ít ra cũng cao ngang ngửa với châu Âu. Trong nhiều thế kỷ, Trung Quốc cũng có một nhà nước tập quyền với công chức dân chính được tuyển dụng dựa vào nhân tài.

Thế nhưng Trung Quốc theo chủ nghĩa chuyên chế, và sự tăng trưởng dưới triều đại nhà Tống là sự tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt. Không có sự đại diện chính trị cho các thành phần khác trong xã hội ngoài triều đình và không có tổ chức nào tương tự như Quốc hội Anh hay Quốc hội Tây Ban Nha. Giới thương nhân luôn luôn có thân phận mỏng manh ở Trung Quốc, và các phát minh vĩ đại dưới thời nhà Tống không được thúc đẩy bởi động cơ thị trường mà được hình thành dưới sự bảo trợ hay mệnh lệnh của nhà nước. Gần như không có phát minh nào được thương mại hóa. Sau triều đại nhà Tống, sự kiểm soát của nhà nước càng được thắt chặt dưới thời nhà Minh và nhà Thanh. Nguyên nhân gốc rễ của điều này cũng là lôgic thông thường về các thể chế chiếm đoạt. Khi hầu hết những người cai trị chủ trương áp dụng các thể chế chiếm đoạt, các hoàng đế chuyên chế của Trung Quốc chống đối sự thay đổi, mong muốn ổn định, và thực chất là lo sợ sự phá hủy sáng tạo.

Điều này được minh họa rõ rệt nhất qua lịch sử thương mại quốc tế. Như ta đã thấy, việc khám phá ra châu Mỹ và cách thức tổ chức thương mại quốc tế đóng vai trò then chốt trong sự xung đột chính trị và sự thay đổi thể chế của châu Âu thời tiền hiện đại. Ở Trung Quốc, trong khi các thương

https://thuviensach.vn

nhân chủ yếu tham gia vào hoạt động thương mại nội địa thì nhà nước độc quyền hóa thương mại hải ngoại. Triều đại nhà Minh bắt đầu từ năm 1368 và vị hoàng đế đầu tiên là Minh Thái Tổ (Hồng Vũ hoàng đế) trị vì trong 30 năm. Hồng Vũ lo sợ rằng thương mại hải ngoại sẽ gây bất ổn về mặt chính trị và xã hội, nên ông chỉ cho phép hoạt động thương mại quốc tế do nhà nước tổ chức, và chỉ liên quan đến lễ vật triều cống, chứ không phải hoạt động thương mại. Hồng Vũ thậm chí còn hành quyết hàng trăm người bị buộc tội là cố gắng biến hóa sứ mệnh triều cống thành các thương vụ. Từ năm 1377 đến 1397, sứ mệnh triều cống qua đại dương bị cấm. Ông cấm các cá nhân không được giao thương với người nước ngoài và không cho phép người Trung Quốc đi ra hải ngoại.

Năm 1402, Hoàng đế Vĩnh Lạc lên ngôi và bắt đầu một trong những thời kỳ nổi tiếng nhất trong lịch sử Trung Quốc thông qua khởi động lại hoạt động ngoại thương do nhà nước bảo trợ trên quy mô lớn. Vĩnh Lạc bảo trợ cho đô đốc Trịnh Hòa thực hiện sáu chuyến hải trình vĩ đại đến Đông Nam và Nam Á, Ảrập và châu Phi. Người Trung Quốc biết về những địa phương này từ lịch sử quan hệ thương mại lâu đời, nhưng trước đây chưa từng có hoạt động nào xảy ra trên quy mô lớn đến thế. Đoàn tàu đầu tiên bao gồm 27.800 người và 62 tàu châu báu lớn, cùng với 190 tàu nhỏ hơn, bao gồm một tàu chuyên dụng chở nước ngọt, các tàu khác chở hàng dự trữ, và các tàu khác chở binh lính. Thế nhưng Hoàng đế Vĩnh Lạc tạm dừng hoạt động này sau chuyến hải hành thứ sáu vào năm 1422. Người kế vị ông, Hoàng đế Hồng Hy trị vì từ năm 1424 đến 1425 đã chấm dứt hẳn những chuyến đi này. Hồng Hy sớm băng hà và Hoàng đế Tuyên Đức lên nối ngôi, thoạt đầu cho phép Trịnh Hòa thực hiện chuyến đi cuối cùng vào năm 1433. Nhưng sau đó, toàn bộ hoạt động thương mại hải ngoại bị cấm. Đến năm 1436, việc tổ chức các chuyến viễn dương thậm chí còn bị xem là bất hợp pháp. Chủ trương bế quan tỏa cảng được duy trì cho đến năm 1567.

Những sự kiện này, dù chỉ là phần nổi của tảng băng thể chế có tính chiếm đoạt ngăn chặn nhiều hoạt động kinh tế bị cho là có tiềm năng gây

https://thuviensach.vn

bất ổn, đã có những tác động cơ bản đối với sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Ngay vào lúc hoạt động thương mại quốc tế và việc khám phá ra châu Mỹ giúp chuyển đổi thể chế ở Anh một cách cơ bản, Trung Quốc tự cách ly với thời điểm quyết định này và chuyển sang hướng nội. Sự hướng nội này kéo dài đến năm 1567. Năm 1644, người Nữ Chân (Jurchen) ở vùng Mãn Châu sâu trong lục địa châu Á lật đổ nhà Minh và lập ra nhà Thanh. Tiếp theo đó là một thời kỳ bất ổn chính trị sâu sắc. Nhà Thanh ồ ạt tước đoạt tài sản và truất quyền sở hữu. Vào thập niên 1690, Đường Trần, một thương nhân thất bại và cũng là một học giả Trung Quốc về hưu từng viết:

Hơn 50 năm đã trôi qua kể từ lúc thành lập nhà Thanh, và đế chế mỗi ngày một nghèo hơn. Nhà nông nghèo khổ, thợ thủ công cơ cực, thương nhân túng bấn, và viên chức cùng quẫn. Lúa gạo rẻ nhưng khó ăn cho đủ no. Vải vóc rẻ nhưng khó mặc cho đủ ấm. Tàu bè chất đầy hàng hóa đi từ chợ này đến chợ khác nhưng phải chịu bán lỗ. Viên chức rời nhiệm sở nhận ra rằng họ không có đủ tiền để cấp dưỡng cho gia đình. Quả thật cả bốn nghề, sĩ nông công thương, đều bần cùng.

Năm 1661, Hoàng đế Khang Hy ra lệnh toàn thể dân chúng sống dọc theo bờ biển từ Việt Nam đến Chiết Giang - thực chất là toàn bộ vùng ven biển phía nam một thời có hoạt động thương mại sôi động nhất Trung Quốc - phải dời sâu vào đất liền 17 dặm. Bờ biển được các binh lính đi tuần hành để thực thi quy định, và lệnh cấm vận chuyển tàu thủy mọi nơi dọc bờ biển được áp dụng mãi đến năm 1693. Lệnh cấm này được tái ban hành thường xuyên vào thế kỷ 18, thực chất là để cản trở sự phát triển thương mại hải ngoại Trung Quốc. Mặc dù cũng có một vài hoạt động phát triển, gần như không ai sẵn lòng đầu tư khi nhà vua có thể đột ngột thay đổi ý kiến và ra lệnh cấm hoạt động thương mại, làm cho việc đầu tư vào tàu bè, thiết bị và các quan hệ thương mại trở nên mất giá trị hay thậm chí còn tồi tệ hơn thế.

https://thuviensach.vn

Lập luận chống đối thương mại quốc tế của vua quan nhà Minh và nhà Thanh giờ đây đã trở nên quen thuộc: nỗi lo sợ sự phá hủy sáng tạo. Mục đích chính của các nhà lãnh đạo là ổn định chính trị. Thương mại quốc tế có tiềm năng gây bất ổn khi các thương nhân trở nên giàu có và táo bạo hơn, như ở Anh thời kỳ mở mang thương mại Đại Tây Dương. Đây không chỉ là những gì vua quan nhà Minh và nhà Thanh tin tưởng, mà còn là thái độ của những người cai trị dưới triều nhà Tống, ngay cả khi họ sẵn lòng bảo trợ đổi mới công nghệ và cho phép tự do thương mại nhiều hơn, miễn là điều này diễn ra dưới sự kiểm soát của họ. Sự việc trở nên xấu đi dưới triều nhà Minh và nhà Thanh khi triều đình thắt chặt kiểm soát hoạt động kinh tế và cấm giao thương hải ngoại. Chắc chắn có thị trường và thương mại ở Trung Quốc dưới thời nhà Minh và nhà Thanh, và nhà nước đánh thuế nền kinh tế nội địa khá nhẹ. Tuy nhiên, triều đình không ủng hộ phát minh đổi mới, và đánh đổi sự phát triển thương mại hay thịnh vượng công nghiệp để lấy sự ổn định chính trị. Người ta có thể dự đoán được hậu quả của sự kiểm soát kinh tế chuyên chế này: nền kinh tế Trung Quốc đình trệ suốt thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 trong khi các nền kinh tế khác đang công nghiệp hóa. Đến lúc Mao Trạch Đông thiết lập chế độ cộng sản vào năm 1949, Trung Quốc đã trở thành một trong những nước nghèo nhất trên thế giới.

CHỦ NGHĨA CHUYÊN CHẾ CỦA PRESTER JOHN

Chủ nghĩa chuyên chế như một hệ thống thể chế chính trị và các hệ quả kinh tế hình thành từ đó không chỉ hạn chế trong phạm vi châu Á và châu Âu. Nó cũng hiện diện ở châu Phi, chẳng hạn như ở Vương quốc Kongo, như chúng ta đã thấy trong chương 2. Và một ví dụ về chủ nghĩa chuyên chế châu Phi tồn tại trong một thời gian dài hơn là Ethiopia hay Abyssinia, mà ta đã xem xét nguồn gốc của nó trong chương 6 khi thảo luận về sự ra đời của chủ nghĩa phong kiến sau khi Vương quốc Aksum suy

https://thuviensach.vn

tàn. Chủ nghĩa chuyên chế Abyssinia thậm chí còn tồn tại lâu hơn so với chủ nghĩa chuyên chế châu Âu, vì nó đứng trước những thách thức và thời điểm quyết định rất khác.

Sau khi vua Aksum Ezana cải đạo sang Thiên chúa giáo, người Ethiopia vẫn theo đạo Thiên chúa, và đến thế kỷ 14, họ trở thành trọng tâm của huyền thoại về Vua Prester John. Prester John là một vị vua Thiên chúa giáo bị chia cắt với châu Âu bởi sự vươn lên của thế giới Hồi giáo ở Trung Đông. Thoạt đầu, người ta tưởng rằng vương quốc của ông tọa lạc ở Ấn Độ. Tuy nhiên, khi người châu Âu hiểu biết nhiều hơn về Ấn Độ, họ nhận thấy điều này không đúng. Từ khi trở thành tín đồ Thiên chúa giáo, vị hoàng đế Ethiopia trở thành mục tiêu tự nhiên của truyền thuyết. Trên thực tế, các vị vua Ethiopia cố gắng hết sức để thành lập liên minh với các vương triều châu Âu chống lại sự xâm lăng của Ảrập; họ gửi các đoàn ngoại giao đến châu Âu ít nhất từ năm 1300 trở đi, thậm chí còn thuyết phục vua Bồ Đào Nha gửi binh lính đến nước họ.

Các binh lính này, cùng với các nhà ngoại giao, các giáo sĩ Dòng Tên, và khách lữ hành mong muốn diện kiến Prester John đã để lại nhiều tài liệu mô tả về Ethiopia. Một trong những tài liệu thú vị nhất nhìn từ góc độ kinh tế là của Francisco Álvares, vị giáo sĩ đi cùng một phái đoàn ngoại giao Bồ Đào Nha và lưu lại Ethiopia từ năm 1520 đến 1527. Ngoài ra còn có các tài liệu của giáo sĩ Dòng Tên Manoel de Alameida sống ở Ethiopia từ năm 1624, và của John Bruce, một khách lữ hành dừng chân ở Ethiopia từ năm 1768 đến 1773. Tài liệu của những người này đã mô tả hết sức phong phú về các thể chế chính trị và kinh tế lúc bấy giờ ở Ethiopia và cho thấy rõ ràng Ethiopia là một điển hình hoàn hảo về chủ nghĩa chuyên chế. Không có các thể chế đa nguyên thuộc bất kỳ loại nào, mà cũng chẳng có sự kiểm soát và giới hạn đối với quyền lực của nhà vua, người có quyền cai trị trên cơ sở là dòng dõi của Vua Solomon và Nữ hoàng Sheba huyền thoại.

https://thuviensach.vn

Hệ quả của chủ nghĩa chuyên chế là các quyền sở hữu không được bảo đảm và chịu ảnh hưởng của chiến lược chính trị của hoàng đế. Ví dụ như ghi chép của Bruce:

Toàn bộ đất đai là của nhà vua; ông cấp đất cho những người ông ưng ý vào những lúc vui, và thu hồi khi nào ông muốn. Ngay sau khi vua băng hà, toàn bộ đất đai trong vương quốc sẽ tùy ý sử dụng của triều đình; chẳng những thế, khi chủ sở hữu hiện thời qua đời thì bất kể họ đã sử dụng tài sản trong bao lâu cũng đều trả về cho nhà vua chứ không được để lại cho người con trai cả.

Álvares cho rằng "giá như những người cai trị không đối xử tệ bạc với dân chúng thì sẽ có nhiều đất trồng trọt và hoa lợi hơn". Mô tả của Almeida về cách thức vận hành xã hội cũng rất nhất quán với nhận định đó. Ông quan sát:

Việc nhà vua đổi chác, thay đổi và thu hồi đất đai của dân chúng sau hai hay ba năm một lần là chuyện thường tình, có khi còn xảy ra mỗi năm và thậm chí nhiều lần trong một năm, đến mức không ai còn cảm thấy ngạc nhiên. Thường thì người này cày bừa đất, người khác gieo hạt và lại một người khác nữa gặt hái. Vì thế, không ai chăm sóc đất đai mà họ được hưởng; thậm chí không ai trồng cây vì họ biết người trồng cây hiếm khi được hái quả. Tuy nhiên, nhà vua sẽ có lợi nếu dân chúng phụ thuộc vào ông đến thế.

Những mô tả này cho thấy sự tương đồng giữa các cơ cấu chính trị và kinh tế ở Ethiopia và chủ nghĩa chuyên chế ở châu Âu, mặc dù chúng cũng cho thấy rõ ràng là chủ nghĩa chuyên chế ở Ethiopia còn mãnh liệt hơn và các thể chế kinh tế thậm chí còn có tính chiếm đoạt nhiều hơn. Ngoài ra, như chúng ta đã nhấn mạnh trong chương 6, Ethiopia không có cùng những thời điểm quyết định làm cho chế độ chuyên chế bị xói mòn như ở Anh. Ethiopia bị cách biệt với nhiều quá trình định hình thế giới hiện đại. Thậm chí nếu không phải như thế, thì cường độ của chủ nghĩa chuyên chế ở đó

https://thuviensach.vn

cũng làm cho chủ nghĩa chuyên chế ngày càng được củng cố. Ví dụ, cũng giống như Tây Ban Nha, hoạt động thương mại quốc tế ở Ethiopia, bao gồm việc mua bán nô lệ béo bở, đều do triều đình kiểm soát. Ethiopia không hoàn toàn biệt lập: người châu Âu đã đi tìm huyền thoại Prester John, và Ethiopia đã phải đấu tranh chống lại các chính thể Hồi giáo vây quanh. Tuy nhiên, sử gia Edward Gibbon nhận định khá chính xác rằng: "Bị bao vây mọi phía bởi kẻ thù tôn giáo, người Ethiopia đã ngủ quên suốt một nghìn năm, quên mất thế giới bên ngoài và thế giới đó cũng lãng quên họ".

Khi người châu Âu bắt đầu công cuộc thực dân hóa châu Phi vào thế kỷ 19, Ethiopia là một vương quốc độc lập dưới sự lãnh đạo của công tước Ras Kassa, người được tôn làm Hoàng đế Tewodros II vào năm 1855. Tewodros bước vào chiến dịch hiện đại hóa nhà nước, xây dựng một bộ máy nhà nước tập quyền, hệ thống tòa án và lực lượng quân đội có khả năng kiểm soát đất nước và chiến đấu chống lại người châu Âu. Ông giao cho các thống soái quân đội phụ trách tất cả các tỉnh thành, và những người này chịu trách nhiệm thu thuế rồi chuyển giao lại cho ông. Các cuộc đàm phán của ông với các cường quốc châu Âu diễn ra không thuận lợi, và trong cơn bực tức, ông đã bắt giam lãnh sự Anh. Năm 1868, người Anh cử một lực lượng viễn chinh tấn công và đánh bại kinh đô Ethiopia. Tewodros tự sát.

Dù sao đi nữa, nhà nước tái thiết của Tewodros cũng đã xoay sở đạt được một trong những thắng lợi vĩ đại chống thực dân vào thế kỷ 19 đối với người Ý. Năm 1889, Menelik II lên ngôi vua và ngay lập tức phải đương đầu với tham vọng của người Ý trong việc thiết lập thuộc địa ở đó. Trước đó, năm 1885, thủ tướng Đức Bismarck triệu tập một hội nghị ở Berlin qua đó các cường quốc châu Âu ngấm ngầm dự định "cướp bóc châu Phi" - nghĩa là họ quyết định làm thế nào để chia cắt châu Phi thành các vùng lợi ích khác nhau. Trong cuộc hội nghị, Ý giành quyền đối với các thuộc địa ở Eritrea, dọc theo bờ biển Ethiopia và Somalia. Ethiopia, mặc dù

https://thuviensach.vn

không có đại diện trong hội nghị, bằng cách nào đó cũng đã xoay sở để không bị động đến. Nhưng người Ý vẫn giữ nguyên dự định, và vào năm 1896, họ đưa quân tiến vào phía nam Eritrea. Phản ứng của Menelik cũng tương tự như một hoàng đế châu Âu thời Trung cổ; ông thành lập quân đội bằng cách kêu gọi giới quý tộc tập trung nhân lực có vũ trang của họ. Phương pháp này không thể đưa quân ra chiến trường trong một thời gian dài, nhưng có thể tập hợp được một lực lượng đông đảo trong một thời gian ngắn, đủ để đánh bại người Ý, và 15 nghìn quân Ý đã bị đè bẹp bởi 100 nghìn người của Menelik trong cuộc chiến Adowa năm 1896. Đó là thất bại quân sự nghiêm trọng nhất mà một đất nước châu Phi tiền thuộc địa có thể giáng cho một cường quốc châu Âu, và giúp bảo toàn nền độc lập của Ethiopia thêm 40 năm nữa.

Vị hoàng đế cuối cùng của Ethiopia, Ras Tafari, lên ngôi với niên hiệu Haile Selassie vào năm 1930. Haile Selassie cai trị cho đến khi ông bị hạ bệ trong đợt xâm lăng lần thứ hai của người Ý bắt đầu vào năm 1935, nhưng ông trở về từ cuộc lưu đày với sự giúp đỡ của người Anh vào năm 1941. Sau đó ông cai trị cho đến khi bị lật đổ trong một vụ đảo chính năm 1974 được tổ chức bởi "Ủy ban", một nhóm sĩ quan quân đội có tư tưởng Marxist, nhưng ủy ban này sau đó còn bần cùng hóa và tàn phá đất nước nhiều hơn nữa. Những thể chế kinh tế chiếm đoạt cơ bản của đế chế Ethiopia chuyên chế, như *gult* (người được phong thái ấp, xem chương 6), và chủ nghĩa phong kiến từng hình thành sau khi vương quốc Aksum suy tàn vẫn kéo dài cho đến khi bị xóa bỏ trong cuộc cách mạng năm 1974.

Ngày nay Ethiopia là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới. Thu nhập bình quân của một người dân Ethiopia vào khoảng 1/40 thu nhập bình quân của một người Anh. Phần lớn dân chúng sống ở các vùng nông thôn và hoạt động nông nghiệp ở mức tối thiểu. Họ thiếu nước sạch, điện, trường học hay chăm sóc y tế thỏa đáng. Tuổi thọ vào khoảng 55 tuổi và chỉ khoảng 1/3 người trưởng thành biết chữ. Việc so sánh giữa nước Anh và Ethiopia chỉ làm mở rộng thêm sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới. Lý

https://thuviensach.vn

do khiến Ethiopia ngày nay trở nên như thế là vì, không như nước Anh, ở Ethiopia, chủ nghĩa chuyên chế tồn tại dai dẳng mãi cho đến thời gian gần đây. Cùng với chủ nghĩa chuyên chế là các thể chế kinh tế chiếm đoạt và tình trạng đói nghèo của quần chúng nhân dân Ethiopia, mặc dù các hoàng đế và giới quý tộc cận thần hưởng lợi to lớn. Nhưng ý nghĩa lâu dài nhất của chủ nghĩa chuyên chế là xã hội Ethiopia không thể tranh thủ lợi thế của các cơ hội công nghiệp hóa vào thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 nên đã dẫn đến cảnh đói nghèo cùng khổ của dân chúng ngày nay.

DÒNG DÕI CỦA SAMAALE

Các thể chế chính trị chuyên chế trên khắp thế giới đã cản trở công nghiệp hóa một cách gián tiếp thông qua phương thức tổ chức nền kinh tế, hoặc một cách trực tiếp như ta đã thấy ở Áo-Hung và Nga. Nhưng chủ nghĩa chuyên chế không phải là rào cản duy nhất đối với sự vươn lên của các thể chế kinh tế dung hợp. Vào buổi bình minh của thế kỷ 19, nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là châu Phi, không có nổi một nhà nước có khả năng cung cấp ngay cả một mức độ luật pháp và trật tự tối thiểu, vốn là điều kiện tiên quyết để có một nền kinh tế hiện đại. Các nước khác không có được một Peter Đại đế, người bắt đầu quá trình tập trung hóa chính trị rồi hun đúc nên một chính thể chuyên chế ở nước Nga, và càng không có được các vị vua dòng họ Tudor ở Anh, những người tập trung hóa nhà nước mà không phá hủy hoàn toàn - hay nói chính xác hơn là không thể phá hủy hoàn toàn - Quốc hội và các ràng buộc khác đối với quyền lực của họ. Không có một mức độ tập trung hóa chính trị nào đó thì cho dù giới quyền thế của các chính thể châu Phi này có mong muốn thực hiện công nghiệp hóa với cánh tay rộng mở thì họ cũng không thể làm được gì.

Somalia, đất nước nằm ở đầu mũi của châu Phi, minh họa cho ảnh hưởng tàn phá của tình trạng thiếu tập trung hóa chính trị. Theo lịch sử, người dân Somalia chủ yếu được tổ chức thành sáu bộ tộc. Bốn bộ tộc lớn nhất, Dir, Darod, Isaq và Hawiye, đều có cùng tổ tiên là một nhân vật

https://thuviensach.vn

huyền thoại tên Samaale. Các bộ tộc này có nguồn gốc ở phía bắc Somalia và dần dần mở rộng về phía nam và phía đông, và thậm chí đến ngày nay vẫn còn là những người dân du mục hoang sơ với những đàn dê, cừu và lạc đà. Ở phía nam, hai bộ tộc còn lại là Digil và Rahanweyn, có cuộc sống nông nghiệp định cư. Lãnh thổ của các bộ tộc này được mô tả trên bản đồ 12 (chương 6).

Người Somalia đồng cảm trước tiên với bộ tộc của họ, nhưng các bộ tộc này rất lớn và bao gồm nhiều nhóm nhỏ. Trước tiên là các thị tộc xuất thân từ một trong các bộ tộc lớn. Quan trọng hơn là việc tập hợp thành nhiều nhóm trong nội bộ từng thị tộc, được gọi là các nhóm *diya*, có nghĩa là "nợ máu"; nhóm *diya* bao gồm những người có quan hệ huyết thống gần gũi, những người gieo và trả nợ máu, nghĩa là đền bù cho việc giết hại một trong những thành viên thị tộc. Các thị tộc Somali và các nhóm *diya* có lịch sử xung đột triền miên về việc sử dụng nguồn lực khan hiếm, nhất là nguồn nước và đất đai chăn thả gia súc. Họ cũng thường xuyên cướp bóc gia súc của các thị tộc láng giềng và của các nhóm *diya*. Mặc dù mỗi thị tộc đều có lãnh đạo gọi là tộc trưởng (sultan) và có các bậc trưởng lão, nhưng những người này không có quyền lực thực tế. Quyền lực chính trị bị phân tán rộng rãi, mọi nam giới trưởng thành đều có tiếng nói về những quyết định ảnh hưởng đến thị tộc hay nhóm. Điều này xảy ra thông qua một hội đồng phi chính thức bao gồm tất cả các nam giới trưởng thành. Không có văn bản luật pháp, không có cảnh sát và không có hệ thống luật pháp, ngoại trừ luật Sharia được sử dụng như một khuôn khổ để đưa vào các luật lệ phi chính thức. Đối với một nhóm *diya*, các luật lệ phi chính thức sẽ được mã hóa thành một tập hợp các nghĩa vụ, quyền và nhiệm vụ mà nhóm này yêu cầu các nhóm khác phải tuân theo khi tương tác với nhóm, được gọi là *heer*. Khi thực dân bắt đầu cai trị đất nước, các luật *heer* bắt đầu được viết thành văn bản. Ví dụ như dòng họ Hassan Uggas tạo thành một nhóm *diya* gồm khoảng 1.500 người và là một tiểu thị tộc thuộc bộ tộc Dir ở Somaliland thuộc thực dân Anh. Ngày 8/3/1950, luật *heer* của họ được ủy viên hội đồng quận của Anh viết lại với những câu đầu tiên như sau:

https://thuviensach.vn

1. Khi một người thuộc dòng họ Hassan Ugaas bị giết hại bởi một nhóm bên ngoài, thân nhân hàng thứ nhất của người này sẽ lấy 20 con lạc đà nợ máu (trong tổng số nợ máu 100 con lạc đà) và 80 con lạc đà còn lại sẽ được chia sẻ giữa tất cả những người thuộc dòng họ Hassan Ugaas.

2. Nếu một người thuộc dòng họ Hassan Ugaas bị thương bởi một người bên ngoài và tình trạng thương tích này được đánh giá tương đương với 33 và 1/3 con lạc đà, thì phải đền bù cho người bị thương 10 con lạc đà và phần còn lại sẽ đền bù cho nhóm *jiffo* (một nhóm nhỏ trực thuộc nhóm *diya*).

3. Hành động giết người giữa các thành viên dòng họ Hassan Ugaas phải đền bù theo tỷ lệ 33 và 1/3 con lạc đà, chỉ phải trả cho thân nhân hàng thứ nhất của người bị giết. Nếu thủ phạm không thể trả toàn bộ hay một phần, hắn sẽ được họ hàng giúp đỡ.

Việc luật *heer* ưu tiên chú trọng vào hiện tượng giết hại và bị thương phản ánh tình trạng chiến tranh liên miên giữa các nhóm *diya* và các thị tộc. Trọng tâm của luật là nợ máu và mối hận thù truyền kiếp. Tội ác chống lại một người nào đó sẽ trở thành tội ác chống lại toàn bộ nhóm *diya*, và đòi hỏi phải có sự đền bù tập thể, phải trả nợ máu. Nếu không trả nợ máu, nhóm *diya* của người phạm tội sẽ đứng trước sự báo thù của nạn nhân. Khi phương tiện giao thông hiện đại xuất hiện ở Somalia, nợ máu được áp dụng cho những người bị chết hay bị thương trong các tai nạn xe máy. Luật *heer* của dòng họ Hassan Ugaas không chỉ áp dụng cho việc giết hại; điều 6 của luật là: “Nếu một người thuộc dòng họ Hassan Ugaas sỉ nhục một người khác trong hội đồng Hassan Ugaas, người đó phải trả 150 shilling cho bên bị xúc phạm”.

Vào đầu năm 1955, các đàn gia súc của hai thị tộc Habar Tol Ja’lo và Habar Yuunis được chăn thả gần nhau trong vùng Domberelly. Một người của thị tộc Yuunis bị thương sau khi tranh chấp với một người trong thị tộc Tol Ja’lo trong việc chăn thả lạc đà. Thị tộc Yuunis ngay lập tức trả đũa, tấn

https://thuviensach.vn

công thị tộc Tol Ja'lo và giết chết một người. Theo luật trả nợ máu, cái chết này buộc người Yuunis phải đền bù cho thị tộc Tol Ja'lo, và việc đền bù được chấp nhận. Nợ máu phải được đích thân trao trả bằng lạc đà như thường lệ. Trong buổi lễ trao trả nợ máu, một người Tol Ja'lo giết chết một thành viên thị tộc Yuunis, vì tưởng nhầm người này là thành viên trong nhóm *diya* của kẻ giết người. Điều này dẫn đến một cuộc chiến toàn lực, và trong vòng 48 tiếng sau đó, đã có 13 người Yuunis và 26 người Tol Ja'lo bị giết. Cuộc chiến tiếp tục thêm một năm nữa trước khi các bậc trưởng lão từ hai thị tộc được chính quyền thuộc địa Anh triệu tập, cố gắng làm trung gian cho một thỏa thuận (trao đổi nợ máu) làm hài lòng cả hai bên và được thanh toán trong vòng ba năm.

Việc trả nợ máu diễn ra trong bóng dáng của mối đe dọa vũ lực và hận thù truyền kiếp, và thậm chí sau khi trả nợ, xung đột cũng không nhất thiết sẽ chấm dứt. Thông thường, xung đột chỉ lắng xuống rồi lại bùng lên.

Vì thế, quyền lực chính trị phân tán rộng trong xã hội Somalia, gần như đa nguyên. Nhưng không có thẩm quyền của một nhà nước tập quyền để thực thi trật tự, ấy là còn chưa nói đến các quyền sở hữu, thì sự phân tán quyền lực này không dẫn đến các thể chế dung hợp. Không ai tôn trọng thẩm quyền của người khác, và không ai có thể áp đặt trật tự, kể cả chính quyền thuộc địa Anh khi được thiết lập ở đó. Tình trạng thiếu tập trung hóa chính trị làm cho Somalia không thể hưởng lợi từ cuộc Cách mạng công nghiệp. Trong một môi trường như vậy, quả thật người ta không thể hình dung nổi việc đầu tư hay áp dụng công nghệ mới xuất phát từ Anh, hay xây dựng các loại tổ chức cần thiết để làm điều đó.

Nền chính trị phức tạp của Somalia đã có những hệ lụy thậm chí còn tinh tế hơn đối với tiến bộ kinh tế. Trên đây, chúng tôi đã đề cập đến một vài vấn đề rắc rối về công nghệ trong lịch sử châu Phi. Trước khi sự cai trị thuộc địa bành trướng vào cuối thế kỷ 19, các xã hội châu Phi không sử dụng bánh xe trong giao thông hay cày bừa trong nông nghiệp và ít xã hội

https://thuviensach.vn

có chữ viết. Nhưng Ethiopia thì có, như ta đã thấy. Người Somalia cũng có chữ viết, nhưng không như người Ethiopia, họ không sử dụng nó. Chúng ta đã thấy những ví dụ về điều này trong lịch sử châu Phi. Các xã hội châu Phi không sử dụng bánh xe hay cày bừa, nhưng họ chắc chắn biết về các công cụ này. Như ta đã thấy trong trường hợp Vương quốc Kongo, điều này cơ bản là do các thể chế kinh tế không mang lại động cơ khuyến khích dân chúng sử dụng các công nghệ này. Những vấn đề tương tự có phát sinh với việc sử dụng chữ viết hay không?

Chúng ta có thể cảm nhận điều này phần nào qua Vương quốc Taqali tọa lạc về phía tây bắc Somalia ở vùng đồi Nuba thuộc nam Sudan. Vương quốc Taqali hình thành vào cuối thế kỷ thứ 8 bởi một nhóm chiến binh dưới sự lãnh đạo của một người tên là Isma'il, và duy trì nền độc lập cho đến khi bị sáp nhập vào Đế quốc Anh vào năm 1884. Các vị vua Taqali và dân chúng được tiếp cận hệ thống chữ viết Ảrập, nhưng họ không sử dụng nó - ngoại trừ nhà vua, để giao tiếp với các chính thể khác và phục vụ quan hệ ngoại giao. Thoạt nhìn qua, điều này tưởng chừng như rất khó hiểu. Cách giải thích truyền thống về nguồn gốc chữ viết ở Mesopotamia là nó được phát triển bởi các nhà nước để ghi chép thông tin, kiểm soát dân chúng và đánh thuế. Tại sao nhà nước Taqali không quan tâm đến điều này?

Sử gia Janet Ewald đã tìm hiểu những vấn đề này vào cuối thập niên 1970 khi bà cố gắng xây dựng lại lịch sử nhà nước Taqali. Một phần câu chuyện là, người dân phản đối sử dụng chữ viết vì họ sợ rằng nó sẽ được sử dụng để kiểm soát nguồn lực quý giá như đất đai thông qua việc cho phép quyền xác lập sở hữu nhà nước. Họ cũng sợ rằng chữ viết sẽ dẫn đến việc đánh thuế một cách hệ thống hơn. Vương triều mà Isma'il sáng lập đã không kết tụ thành một nhà nước quyền lực. Ngay cả khi có mong muốn như thế, nhà nước cũng không đủ mạnh để áp đặt nguyện vọng của mình lên sự chống đối của dân chúng. Nhưng còn có những yếu tố khác tinh tế hơn đã phát huy tác dụng. Các nhóm quyền thế cũng chống đối sự tập trung hóa chính trị, họ thích giao tiếp với dân chúng bằng lời nói hơn là chữ viết,

https://thuviensach.vn

vì điều này cho phép họ đạt được sự tùy tiện tối đa. Luật pháp hay mệnh lệnh bằng văn bản thì không thể thu hồi hay bác bỏ và khó thay đổi; chúng ấn định những tiêu chuẩn mà giới quyền thế cai trị có thể muốn đảo ngược. Vì thế, cả người bị trị và kẻ cai trị ở Taqali đều không xem việc du nhập chữ viết là có lợi cho họ. Người bị trị sợ rằng kẻ cai trị sẽ lợi dụng nó, trong khi chính kẻ cai trị cũng xem việc không có chữ viết là giúp ích cho việc cầm quyền tương đối bấp bênh của mình. Chính nền chính trị của Taqali đã ngăn chặn việc du nhập chữ viết. Mặc dù ở Somalia gần như không có một giới quyền thế rõ rệt như ở Vương quốc Taqali, nhưng xem ra khá hợp lý khi cho rằng những áp lực tương tự đã ngăn cản việc sử dụng chữ viết và áp dụng các công nghệ cơ bản khác.

Trường hợp Somalia cho thấy hậu quả của tình trạng thiếu tập trung chính trị đối với tăng trưởng kinh tế. Tư liệu lịch sử không ghi nhận ví dụ về những nỗ lực tập trung hóa chính trị ở Somalia. Tuy nhiên, điều này là rất khó vì những lý do rất rõ ràng. Tập trung hóa chính trị có nghĩa là một vài thị tộc sẽ phụ thuộc vào những thị tộc khác. Nhưng họ không chấp nhận sự phụ thuộc này và sự nhượng bộ quyền lực mà điều này sẽ gây ra; sự cân bằng quyền lực quân đội trong xã hội làm cho họ khó tạo ra các thể chế tập trung. Trên thực tế, rất có thể một nhóm hay một thị tộc nào đó ra sức tập trung quyền lực sẽ không chỉ đứng trước sự phản đối quyết liệt mà còn mất đi quyền lực và các đặc quyền hiện hữu của họ. Hậu quả của tình trạng thiếu tập trung chính trị này và thiếu các quyền sở hữu bảo đảm cơ bản nhất là xã hội Somalia không bao giờ tạo ra động cơ khuyến khích đầu tư vào các công nghệ giúp nâng cao năng suất. Khi quá trình công nghiệp hóa diễn ra ở các vùng khác trên thế giới vào thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, người Somalia vẫn hận thù lẫn nhau và lo cho sinh mạng của họ, và tình trạng lạc hậu kinh tế ngày càng thâm căn cố đế.

TÌNH TRẠNG LẠC HẬU KÉO DÀI

https://thuviensach.vn

Cuộc Cách mạng công nghiệp tạo ra một thời điểm quyết định giúp biến đổi cả thế giới trong suốt thế kỷ 19 và về sau: những xã hội cho phép và có động cơ khuyến khích dân chúng đầu tư vào công nghệ mới có thể tăng trưởng nhanh chóng. Nhưng nhiều nơi trên thế giới không thể làm được điều đó, hay công khai quyết định không làm điều đó. Những quốc gia có các thể chế chính trị và kinh tế mang tính chiếm đoạt đã không tạo ra các động cơ khuyến khích này. Tây Ban Nha và Ethiopia cho ta ví dụ về sự kiểm soát chuyên chế của các thể chế chính trị và các thể chế kinh tế chiếm đoạt đã làm thui chột các động cơ kinh tế từ lâu trước khi buổi bình minh của thế kỷ 19 bắt đầu ló dạng. Hậu quả cũng tương tự ở các chế độ chuyên chế khác như ở Áo-Hung, nước Nga, Đế chế Ottoman và Trung Quốc, mặc dù trong những trường hợp này, những người cai trị, do lo sợ sự phá hủy sáng tạo, chẳng những không khuyến khích tiến bộ kinh tế mà còn thực hiện những biện pháp công khai để ngăn chặn sự mở mang công nghiệp và du nhập các công nghệ mới dẫn đến công nghiệp hóa.

Chủ nghĩa chuyên chế không phải là hình thức duy nhất của các thể chế chính trị chiếm đoạt và không phải là yếu tố duy nhất cản trở công nghiệp hóa. Các thể chế chính trị và kinh tế dung hợp đòi hỏi phải có một mức độ tập trung hóa chính trị nào đó để nhà nước có thể thực thi luật pháp và trật tự, giữ vững các quyền sở hữu, và khuyến khích hoạt động kinh tế khi cần thiết thông qua đầu tư vào các dịch vụ công. Thế nhưng thậm chí ngày nay, ở nhiều quốc gia, như Afghanistan, Haiti, Nepal và Somalia, nhà nước vẫn không thể duy trì trật tự cơ bản nhất, và các động cơ kinh tế hầu như bị phá hủy. Trường hợp Somalia minh họa cho cách thức tiến bộ công nghiệp hóa đã bỏ qua những xã hội này như thế nào. Người ta đã chống đối sự tập trung chính trị với cùng một lý do như các chế độ chuyên chế đã chống lại sự thay đổi: người ta sợ rằng sự thay đổi sẽ tái phân phối quyền lực chính trị từ những người thống lĩnh hiện nay sang các cá nhân và các nhóm mới. Vì thế, cũng hệt như chủ nghĩa chuyên chế ngăn chặn các phong trào tiến tới chủ nghĩa đa nguyên và thay đổi kinh tế, giới quyền thế truyền thống và các thị tộc chi phối trong những xã hội không có nhà nước tập

https://thuviensach.vn

quyền cũng vậy. Hậu quả là, những xã hội không có sự tập trung hóa nhà nước vào thế kỷ 18 và 19 ở vào tình thế hết sức bất lợi trong thời đại công nghiệp.

Trong khi các hình thức khác nhau của thể chế chiếm đoạt, từ chủ nghĩa chuyên chế cho đến nhà nước không có quyền lực tập trung, đều không thể tranh thủ lợi thế của sự mở mang công nghiệp, thì thời điểm quyết định của cuộc Cách mạng công nghiệp đã có những ảnh hưởng rất khác ở các vùng khác trên thế giới. Như chúng ta sẽ thấy trong chương 10, những xã hội đã thực hiện các biện pháp hướng tới các thể chế chính trị và kinh tế dung hợp như Hoa Kỳ và Úc, và những xã hội mà chủ nghĩa chuyên chế bị thách thức nghiêm trọng, như Pháp và Nhật Bản, đã tranh thủ lợi thế của các vận hội kinh tế mới này và bắt đầu một quá trình tăng trưởng kinh tế nhanh chóng. Như vậy, mô thức tương tác thông thường giữa thời điểm quyết định và sự khác biệt thể chế hiện hữu dẫn đến sự phân hóa thể chế chính trị và kinh tế sâu xa hơn đã một lần nữa bộc lộ vào thế kỷ 19, và lần này thậm chí còn có những ảnh hưởng lớn lao hơn và cơ bản hơn đối với sự thịnh vượng và đói nghèo của các quốc gia.

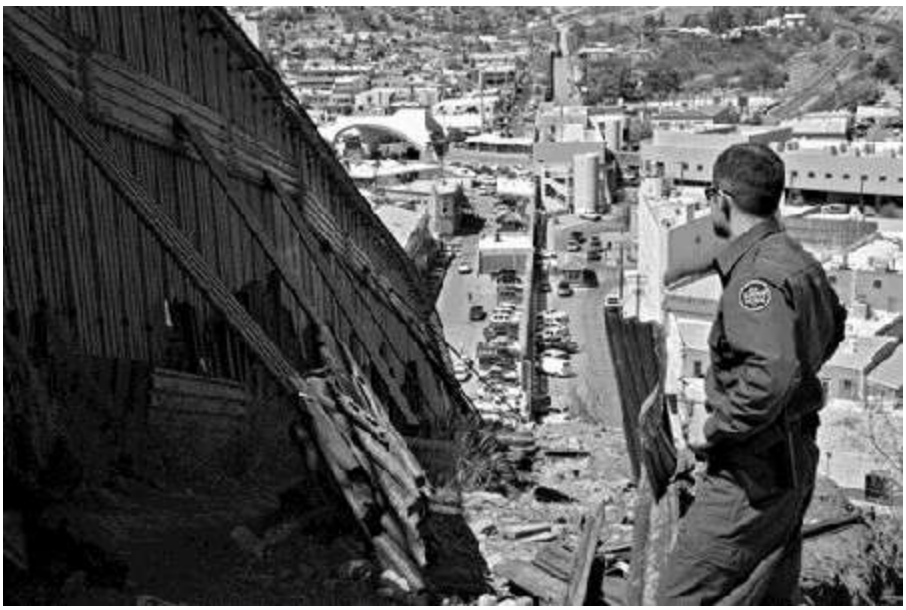

Phía bắc hàng rào: Nogales, Arizona, Hoa Kỳ

https://thuviensach.vn

Jim West/imagebroker. net/Photolibrary

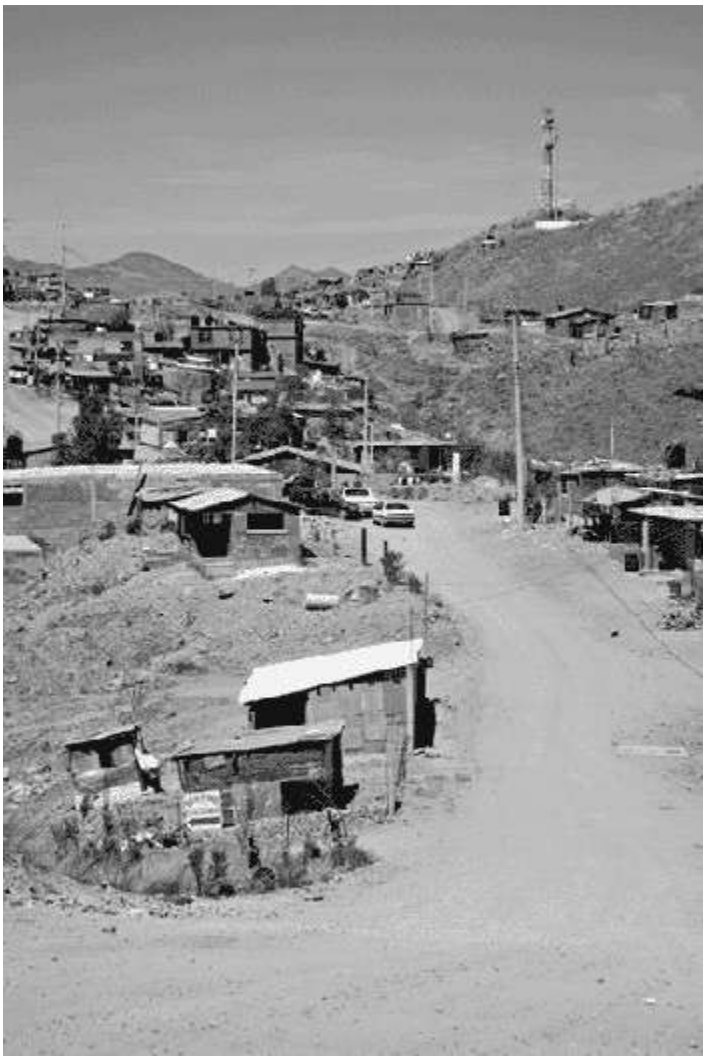

Phía nam hàng rào: Nogales, Sonora, Mexico

Jim West/age fotostock/Photolibrary

https://thuviensach.vn

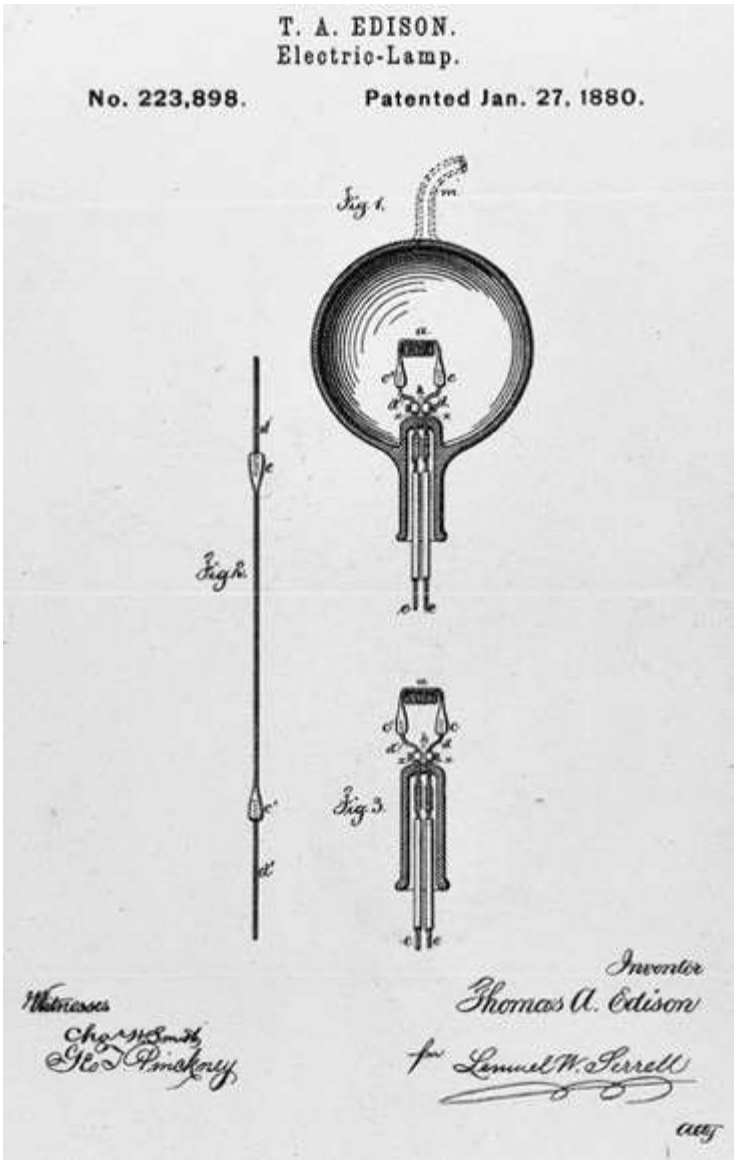

Kết quả của sân chơi bình đẳng: Bằng sáng chế bóng đèn điện năm 1880 của Thomas Edison

Cục lưu trữ bằng sáng chế và nhãn hiệu thương mại; Nhóm lưu trữ 241; Tư liệu Quốc gia

https://thuviensach.vn

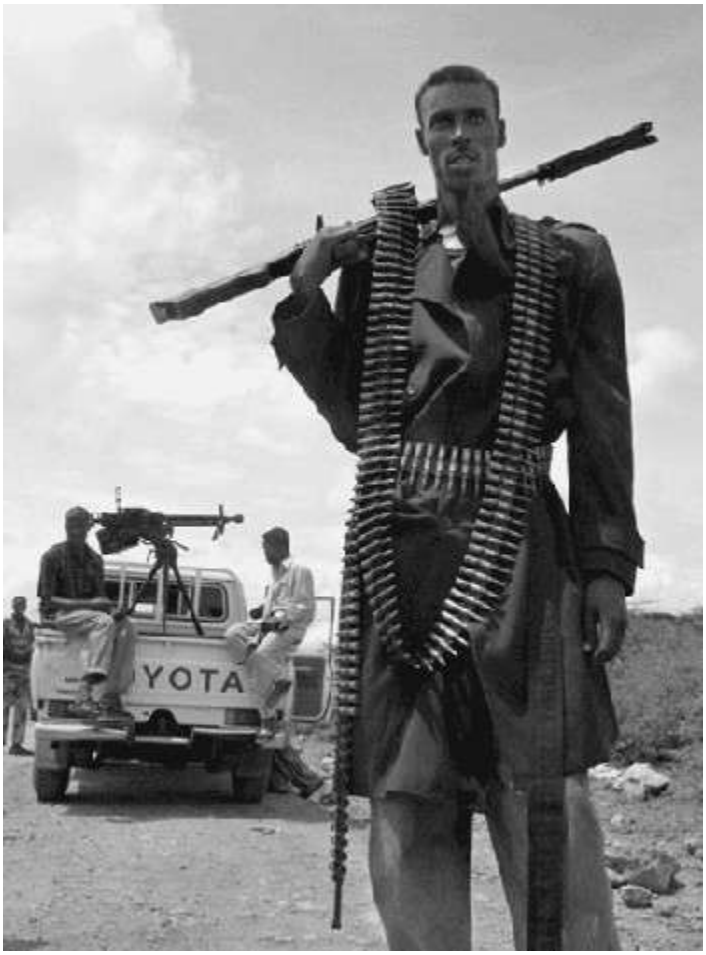

Hậu quả của việc thiếu vắng hoàn toàn sự tập trung chính trị ở Somalia
REUTERS/Mohamed Guled/Landov

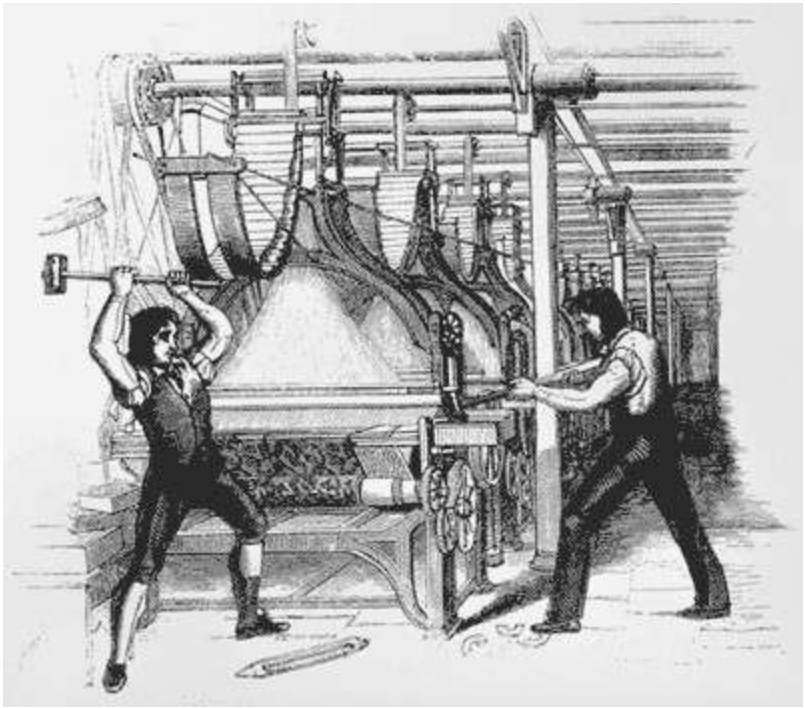

https://thuviensach.vn

Những kẻ thua cuộc kinh tế từ phá hủy sáng tạo: phong trào đập phá máy móc (Luddite) đầu thế kỷ 19 ở Anh

Mary Evans Picture Library/Tom Morgan

Những kẻ kế thừa quyền lợi của thể chế chiếm đoạt ở Congo - Vua Kongo

© *CORBIS*

https://thuviensach.vn

Vua Leopold II
The Granger Collection NY

https://thuviensach.vn

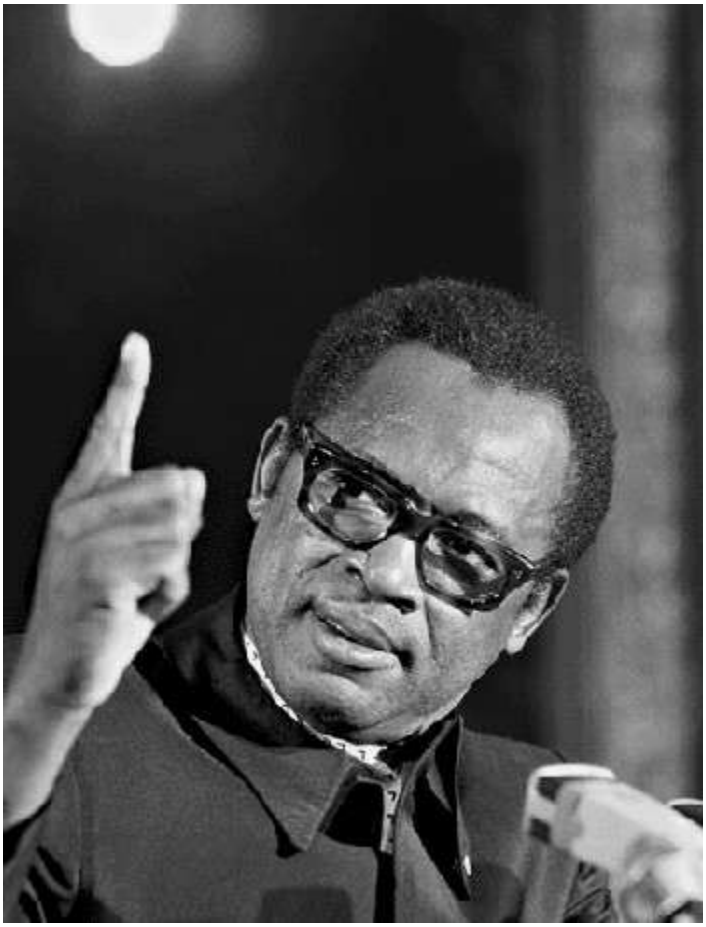

Joseph-Desire Mobutu
© *Richard Melloul/Sygma/ CORBIS*

https://thuviensach.vn

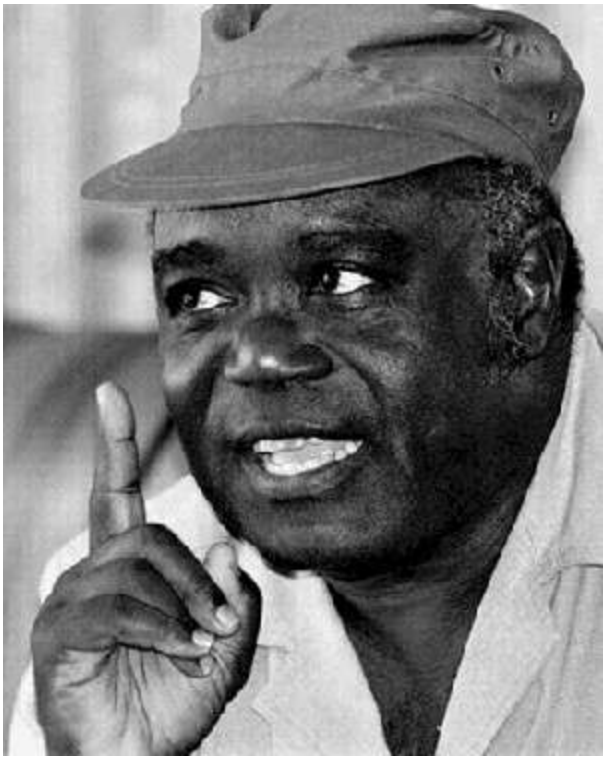

Laurent Kabila
© *Reuters/CORBIS*

Cách mạng Vinh quang: William III của Orange đọc Bộ luật Dân quyền trước khi được quốc hội trao vương miện của nước Anh
After Edgar Meville Ward/The Bridgeman Art Library/Getty Images

https://thuviensach.vn

Nạn dịch hạch ở thế kỷ 14 tạo ra một bước ngoặt then chốt (Bức tranh về *Cái chết Đen The Triumph of Death* của Brueghel the Elder)
The Granger Collection, NY

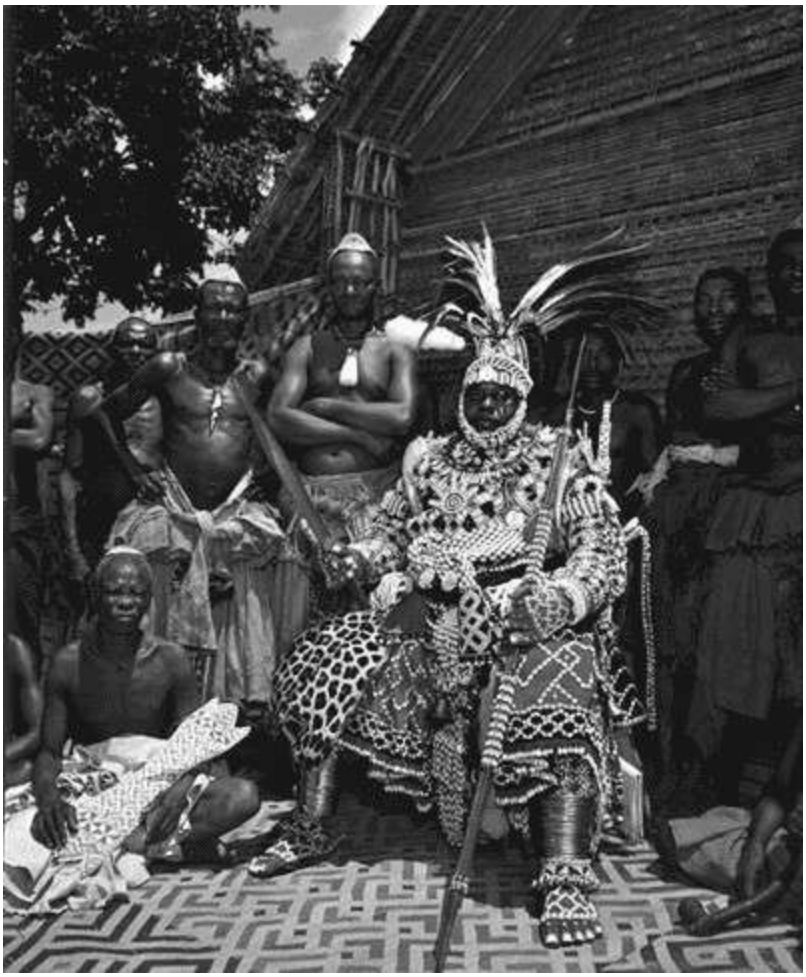

Người hưởng lợi từ cải cách thể chế: Vua Kuba

https://thuviensach.vn

Eliot Elisofon/Time & Life Pictures/Getty

Sự xuất hiện của hệ thống thứ bậc và bất bình đẳng trước thời kỳ canh tác nông nghiệp: đồ cải táng của quý tộc Natufian

http://en.wikipedia.Org/wiki/File:Natufian-Burial-EIWad.jpg

Gia tăng chiếm đoạt: Lao động ở Trại cải tạo lao động Gulag thời Xô viết xây dựng kênh đào Biển Trắng

SOVFOTO

https://thuviensach.vn

Nước Anh tụt hậu rất xa: phế tích Đế chế La Mã tại Vindolanda
Ảnh do Vindolanda Trust và Adam Standford cung cấp

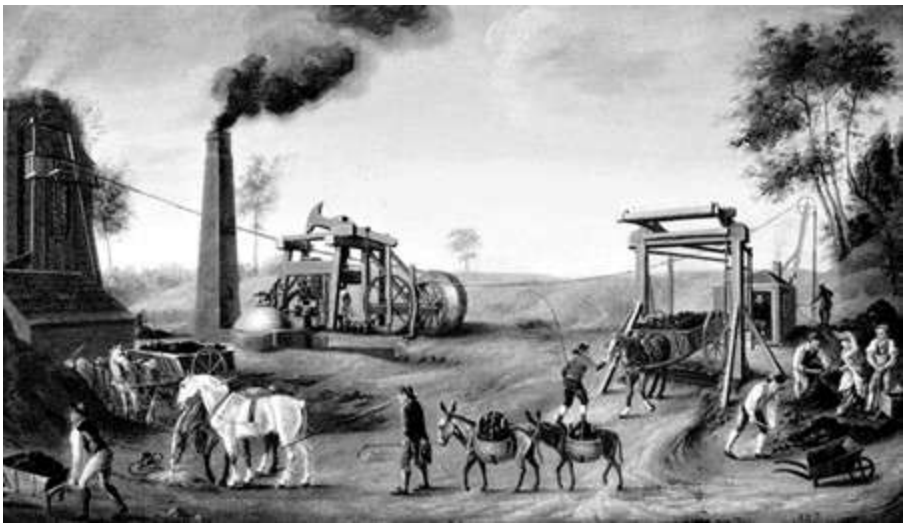

Cải cách, cốt lõi của tăng trưởng kinh tế dung hợp: động cơ hơi nước của James Watt The Granger Collection, NY
The Granger Collection, NY

https://thuviensach.vn

ARKWRIGHT'S FIRST COTTON FACTORY AT CROMFORD.

Nhà máy bông đầu tiên của Arkwright tại Cromtord.
Thay đổ về cơ cấu tổ chức, một kết quả của thể chế dung hợp: nhà máy của Richard Arkwright tại Cromford
The Granger Collection, NY

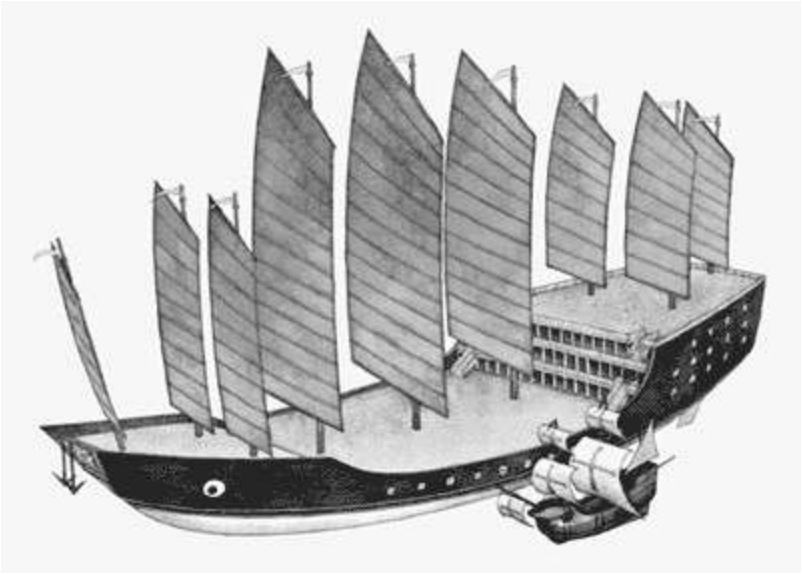

Kết quả của tăng trưởng không bền vững do chiếm đoạt: Tàu của Trịnh Hòa bên cạnh con tàu Santa Maria của Columbus
Gregory A. Harlin/Tư liệu địa lý quốc gia

https://thuviensach.vn

Toàn cảnh nhìn từ trên xuống về nền kinh tế đối ngẫu ở Nam Phi: nghèo đói ở Transkei, thịnh vượng ở Natal

Roger de la Harpe/Africa Imagery

Kết quả của cuộc Cách mạng công nghiệp: bão tố ở ngục Bastile

Bridgerman-Giraudon/Art Resource, NY

https://thuviensach.vn

Thách thức của thể chế dung hợp: Standard Oil Company
Ban Ấn phẩm và hình ảnh Thư viện Quốc hội Washington, D.C

Phá hủy không sáng tạo: ga xe lửa Hasting bị bỏ phế trên đường đến Bo ở Sierra Leone
© Matt Stephenson: www.itsayhere.org

https://thuviensach.vn

Thể chế chiếm đoạt ngày nay: lao động trẻ em trên cánh đồng bông ở Uzbekistan

Environment Justice Foundation, www.ejfoundation.org

Phá khuôn: ba thủ lĩnh Tswana trên đường đến Luân Đôn

Ảnh: Willoughby, do Cục lưu trữ và tư liệu quốc gia Bostwana cung cấp

https://thuviensach.vn

Phá khuôn: Rosa Parks thách thức thể chế chiếm đoạt ở miền nam Hoa Kỳ
The Granger Collection, NY

Các thể chế chiếm đoạt hủy hoại trẻ em:
Cách mạng Văn hóa Trung Quốc với "đàn áp trí thức"
Weng Rulan, 1967, IISH Collection, Viện Quốc tế về Lịch sử Xã hội (Amsterdam)

https://thuviensach.vn

9. ĐẢO NGƯỢC SỰ PHÁT TRIỂN

GIA VỊ VÀ DIỆT CHỦNG

QUẦN ĐẢO MOLUCCA thuộc Indonesia ngày nay bao gồm ba nhóm quần đảo. Vào đầu thế kỷ 17, các đảo Molucca ở phía bắc là lãnh thổ của ba vương quốc độc lập Tidore, Ternate và Bacan. Các đảo Molucca ở giữa thuộc đảo quốc Ambon. Ở phía nam là các đảo Banda, một quần đảo nhỏ lúc bấy giờ vẫn còn chưa thống nhất về chính trị. Mặc dù có vẻ xa lạ với chúng ta ngày nay, cách đây hơn ba thế kỷ, quần đảo Molucca đóng một vai trò chủ chốt trong bản đồ thương mại thế giới bởi chúng là nơi duy nhất sản xuất các loại gia vị quý giá như đinh hương (clove), nhục đậu khấu (mace) và trái chùy (nutmeg). Trong số đó, nhục đậu khấu và trái chùy chỉ có thể mọc ở các đảo Banda. Cư dân của các đảo này trồng và xuất khẩu các loại gia vị hiếm có này để đổi lấy thức ăn và hàng công nghiệp với đảo Java, với trung tâm buôn bán Melaka thuộc bán đảo Malaysia, và với Ấn Độ, Trung Quốc và vương quốc Ảrập.

Lần đầu tiên cư dân của quần đảo thiết lập quan hệ với người châu Âu là vào thế kỷ 16, khi những thủy thủ Bồ Đào Nha ghé qua đảo để mua gia vị. Trước đó, các loại gia vị này được vận chuyển đến châu Âu qua ngả Trung Đông, bằng các con đường thương mại do đế chế Ottoman kiểm soát. Người châu Âu đã tìm kiếm một con đường vòng qua châu Phi hay băng qua biển Đại Tây Dương để trực tiếp tiếp cận với Quần đảo Gia Vị và ngành buôn gia vị. Năm 1488 nhà hàng hải Bồ Đào Nha Bartolomeu Dias đã đi vòng qua Mũi Hảo Vọng, và đến năm 1498 thì Vasco da Gama đến được Ấn Độ theo cùng một lộ trình đường biển. Lần đầu tiên người châu Âu có được một tuyến đường độc lập riêng của họ để đến Quần đảo Gia Vị.

https://thuviensach.vn

Bản đồ 14: Đông Nam Á, Quần đảo Gia Vị, Ambon và Banda năm 1600 (p. 330)

Người Bồ Đào Nha ngay lập tức tiến hành kế hoạch kiểm soát ngành thương mại gia vị. Họ chiếm đóng Melaka vào năm 1511. Nằm tại vị trí chiến lược ở phía tây bán đảo Malaysia, Melaka là địa điểm tập hợp của các thương gia trên khắp khu vực Đông Nam Á đến chào bán gia vị của họ cho các thương gia khác đến từ Ấn Độ, Trung Quốc và Ảrập trước khi chúng được vận chuyển sang phương Tây. Nhà du hành người Bồ Đào Nha Tomé Pires đã viết về điều này vào năm 1515: “Việc buôn bán và thương mại giữa các quốc gia cách nhau cả nghìn hải lý phải được tiến hành ở Melaka… Chúa tể xứ Melaka là người nắm yết hầu thành phố Venice”.

Nắm được Melaka trong tay, người Bồ Đào Nha đã tiến hành các kế hoạch để độc chiếm ngành buôn gia vị đầy giá trị. Họ đã thất bại.

https://thuviensach.vn

Những đối thủ cạnh tranh của họ không phải là các quốc gia hạng xoàng. Từ thế kỷ 14 đến 16, nền kinh tế trong khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh dựa vào việc buôn bán gia vị. Các thành bang như Aceh, Banten, Melaka, Makassar, Pegu và Brunei lớn mạnh nhanh chóng nhờ vào việc trồng và xuất khẩu các loại gia vị cùng với các sản phẩm khác như gỗ.

Các thành bang này có chế độ chính phủ chuyên chế tương tự như các quốc gia châu Âu cùng thời. Sự phát triển các thể chế chính trị của họ cũng được thúc đẩy bởi các quá trình tương tự, bao gồm cả thay đổi công nghệ trong chiến tranh và ngoại thương. Các thể chế nhà nước trở nên trung ương tập quyền hơn, với một vị vua đứng đầu nắm toàn bộ quyền lực. Cũng giống như các hoàng đế độc đoán ở châu Âu, các vị vua ở Đông Nam Á phụ thuộc nhiều vào nguồn lợi tức từ thương mại, họ vừa tham gia vào các hoạt động thương mại, vừa trao độc quyền mua bán cho các tầng lớp quyền thế địa phương và nước ngoài. Cũng giống như trong chế độ chuyên chế ở châu Âu, chính sách này mang lại một sự tăng trưởng kinh tế nhất định nhưng không phải là một hình thức thể chế kinh tế lý tưởng để mang lại sự giàu mạnh về kinh tế, vì nó tạo ra những rào cản gia nhập ngành rất lớn và quyền sở hữu tài sản bấp bênh. Nhưng quá trình thương mại hóa vẫn đang diễn ra trong khu vực ngay cả khi người Bồ Đào Nha đang cố gắng nắm quyền kiểm soát khu vực biển Ấn Độ Dương.

Sự hiện diện của người châu Âu trong khu vực ngày càng gia tăng và cùng với sự xuất hiện của người Hà Lan thì ảnh hưởng của họ ngày một lớn hơn. Người Hà Lan nhanh chóng nhận ra rằng việc giữ độc quyền cung cấp gia vị quý giá từ quần đảo Molucca sẽ mang lại cho họ nhiều lợi nhuận hơn là cố cạnh tranh với những thương nhân địa phương hay châu Âu khác. Vào năm 1600 họ thuyết phục quốc vương đảo Ambon ký một hiệp ước cho phép họ độc quyền buôn bán đinh hương ở Ambon. Khi Công ty Đông Ấn Hà Lan được thành lập năm 1602, những nỗ lực của người Hà Lan để nắm giữ toàn bộ ngành thương mại gia vị và loại bỏ các đối thủ cạnh tranh bằng mọi giá, kể cả dùng thủ đoạn, đã đem lại kết quả tốt cho Hà Lan nhưng kết

https://thuviensach.vn

quả xấu cho khu vực Đông Nam Á. Công ty Đông Ấn Hà Lan là công ty cổ phần thứ hai được thành lập ở châu Âu, sau Công ty Đông Ấn Anh Quốc - một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển công ty hiện đại mà sau đó sẽ đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển công nghiệp châu Âu. Nó cũng là công ty thứ hai có quân đội riêng và có quyền xâm chiếm và thuộc địa hóa các lãnh thổ khác. Giờ đây bằng sức mạnh quân sự của Công ty Đông Ấn Hà Lan, người Hà Lan tiến hành loại bỏ tất cả những ai có khả năng can thiệp vào ngành buôn gia vị để cưỡng chế hiệp ước của họ với quốc vương đảo Ambon. Họ chiếm giữ một pháo đài chủ chốt của người Bồ Đào Nha vào năm 1605 và dùng vũ lực trục xuất tất cả các thương nhân khác. Sau đó họ mở rộng phạm vi về phía các đảo Molucca ở phía bắc, buộc các quốc vương đảo Tidore, Ternate và Bacan phải đồng ý không cho phép trồng hay buôn bán đinh hương trên lãnh thổ của họ. Thậm chí họ còn ép Ternate phải đồng ý cho phép người Hà Lan được đến và tiêu hủy tất cả các cây đinh hương tìm thấy trên đảo.

Đảo Ambon được cai trị theo cách thức giống như phần lớn châu Âu và châu Mỹ vào thời đó. Người dân đảo phải triều cống cho quốc vương của họ và bị buộc lao động cưỡng bức. Ngươi Hà Lan đã tiếp quản và tăng cường những phương thức cai trị này để bòn rút được nhiều sức lao động hơn và thu được nhiều đinh hương hơn. Trước khi có sự xuất hiện của người Hà Lan, các hộ gia đình gồm nhiều thế hệ trong một nhà phải cống nộp đinh hương cho tầng lớp thống trị đảo Ambon. Người Hà Lan giờ đây quy định rằng mỗi hộ gia đình buộc phải canh tác và trồng một số lượng cây đinh hương nhất định. Các hộ gia đình còn có nghĩa vụ phải lao dịch cho người Hà Lan.

Người Hà Lan còn nắm giữ các đảo Banda, dự định nắm độc quyền buôn bán trái chùy và nhục đậu khấu. Nhưng các hòn đảo Banda được tổ chức hoàn toàn khác với đảo Ambon. Chúng bao gồm những thành bang nhỏ, tự chủ, và không có một cấu trúc chính trị hay xã hội phân tầng nào. Những quốc gia nhỏ này, trên thực tế không khác gì những thị trấn nhỏ,

https://thuviensach.vn

được điều hành thông qua các cuộc họp làng với sự tham gia của các công dân. Không hề có một thể chế quyền lực tập trung nào để người Hà Lan có thể dùng vũ lực buộc họ phải ký một hiệp ước độc quyền và không có hệ thống cống nạp nào hiện diện để họ có thể tiếp thu và nắm giữ toàn bộ nguồn cung cấp nhục đậu khấu và trái chùy. Thoạt tiên điều này có nghĩa là người Hà Lan phải cạnh tranh với thương gia Anh, Bồ Đào Nha, Ấn Độ và Trung Quốc, và không thể mua được gia vị nếu không trả giá cao. Khi những dự định ban đầu của người Hà Lan nhằm thiết lập độc quyền trái chùy và đậu khấu bị thất bại, thống đốc đảo Batavia người Hà Lan, Jan Pieterszoon Coen, nghĩ ra một kế hoạch khác. Coen thành lập Batavia trên đảo Java và biến nó thành thủ đô mới của Công ty Đông Ấn Hà Lan vào năm 1618. Năm 1621, ông ta chỉ huy một hạm đội, dong thuyền sang quần đảo Banda và tàn sát gần như toàn bộ dân cư trên các đảo, có lẽ khoảng 15 nghìn người. Tất cả vua chúa, giai cấp cai trị đều bị hành quyết cùng với hầu hết dân chúng, và chỉ một ít người được phép sống sót đủ để duy trì bí quyết trồng trái chùy và nhục đậu khấu. Sau khi cuộc thảm sát kết thúc, Coen tiến hành thiết lập một cơ cấu chính trị và kinh tế cần thiết cho kế hoạch của ông ta: một xã hội đồn điền. Các hòn đảo được chia thành 68 lô, giao cho 68 người Hà Lan, chủ yếu là cựu nhân viên và nhân viên đương nhiệm của Công ty Đông Ấn Hà Lan. Những chủ đồn điền mới này được những cư dân đảo Banda sống sót dạy cách sản xuất gia vị và có thể mua nô lệ từ Công ty Đông Ấn để làm việc và sản xuất gia vị trên những hòn đảo giờ đây gần như vắng bóng người. Và số gia vị này phải được bán lại cho công ty theo giá cố định.

Các thể chế mang tính chiếm đoạt do người Hà Lan tạo ra ở Quần đảo Gia Vị đem lại cho họ những kết quả mong đợi cho dù cái giá phải trả ở quần đảo Banda là 15 nghìn mạng người vô tội và việc thành lập một tập hợp những thể chế kinh tế và chính trị ngăn cản sự phát triển của quần đảo. Vào cuối thế kỷ 17, người Hà Lan đã làm giảm khoảng 60% nguồn cung gia vị trên thị trường thế giới và làm tăng gấp đôi giá bán nhục đậu khấu.

https://thuviensach.vn

Người Hà Lan áp dụng chiến lược mà họ đã triển khai một cách mỹ mãn ở quần đảo Molucca trên toàn khu vực, để lại những ảnh hưởng sâu rộng đối với các thể chế kinh tế và chính trị cho khu vực Đông Nam Á. Sự phát triển và mở rộng thương mại của một số quốc gia trong khu vực vốn bắt đầu từ thế kỷ 14 và đã diễn ra trong một thời gian dài bắt đầu đi thụt lùi. Ngay cả các chính thể không trực tiếp bị Công ty Đông Ấn Hà Lan thuộc địa hóa và đàn áp cũng chuyển sang hướng nội và từ bỏ thương mại. Sự thay đổi kinh tế và chính trị non trẻ ở Đông Nam Á đã bị chặn đứng ngay từ những bước đi chập chững.

Để tránh mối hiểm họa từ Công ty Đông Ấn Hà Lan, nhiều quốc gia đã từ bỏ việc trồng các loại cây xuất khẩu và chấm dứt các hoạt động thương mại. Tự cấp tự túc thì an toàn hơn là phải đối mặt với người Hà Lan. Vào năm 1620 chính phủ Banten trên đảo Java đã chặt tất cả hồ tiêu với hy vọng điều này sẽ khiến người Hà Lan để họ được yên. Khi một thương nhân Hà Lan đến thăm đảo Maguindanao ở phía nam Philippines vào năm 1686, ông ta được cho biết rằng: “Giống như ở Malaku, ở đây cũng trồng được nhục đậu khấu và đinh hương. Nhưng giờ thì không còn các loại cây này nữa bởi vì vị quốc vương cũ Raja đã ra lệnh phá bỏ tất cả chúng trước khi ông qua đời. Ông sợ rằng Công ty Hà Lan sẽ đến và gây chiến với đảo vì những cây gia vị này”. Những gì mà một thương gia khác nghe được về quốc vương đảo Maguindanao vào năm 1699 cũng không có gì khác: “Nhà vua đã cấm việc tiếp tục trồng hồ tiêu để ngài không bị vướng vào chiến tranh với Công ty [Hà Lan] hoặc với những quốc gia khác”. Phi đô thị hóa xảy ra và thậm chí là dân số đã bị suy giảm vì chính sách này. Vào năm 1635 người Miến Điện chuyển thủ đô từ Pegu nằm cạnh bờ biển đến Ava, một thành phố nằm sâu trong đất liền, ngược dòng sông Irrawaddy.

Chúng ta không biết lộ trình phát triển kinh tế và chính trị của các quốc gia Đông Nam Á sẽ ra sao nếu không có sự xâm lăng của người Hà Lan. Các quốc gia này có thể đã phát triển các thể chế chuyên chế của riêng

https://thuviensach.vn

họ, hoặc họ có thể đã tiếp tục duy trì thể chế chính trị của mình như hồi đầu thế kỷ 16, hoặc họ có thể đã tiếp tục chính sách thương mại bằng cách dần dần phát triển những thể chế dung hợp ngày một cao.

Nhưng ở quần đảo Molucca, chủ nghĩa thực dân Hà Lan đã làm thay đổi cơ bản sự phát triển kinh tế và chính trị của các hòn đảo. Người dân ở khu vực Đông Nam Á ngưng hoạt động ngoại thương, trở nên hướng nội và ngày một chuyên chế hơn. Trong hai thế kỷ tiếp theo, các quốc gia này không đủ điều kiện để tận dụng những đổi mới của thời đại Cách mạng công nghiệp. Và cuối cùng thì sự thoái lui không tham gia ngoại thương cũng không cứu được họ thoát khỏi người châu Âu; vào cuối thế kỷ 18, gần như toàn bộ khu vực này đã trở thành một phần của các đế chế châu Âu.

Ở CHƯƠNG 7 CHÚNG TA ĐÃ THẤY sự bành trường của châu Âu ở khu vực Đại Tây Dương đã thúc đẩy sự phát triển các thể chế dung hợp ở Anh. Nhưng như trường hợp quần đảo Molucca dưới sự cai trị của người Hà Lan cho thấy, sự bành trướng này dẫn đến sự kém phát triển tại nhiều nơi khác nhau trên thế giới vì sự áp đặt, hoặc đẩy mạnh, các thể chế chiếm đoạt đang hiện hữu. Việc này đã trực tiếp hay gián tiếp phá hủy hoạt động công nghiệp và thương mại non trẻ trên toàn cầu và duy trì các thể chế ngăn trở công nghiệp hóa. Kết quả là, trong khi công nghiệp hóa đang lan truyền trên một số khu vực thế giới, những khu vực thuộc địa của các đế chế châu Âu lại không hề có cơ hội hưởng thụ những lợi ích từ những công nghệ mới này.

MỘT THỂ CHẾ HẾT SỨC QUEN THUỘC

Ở khu vực Đông Nam Á, sự bành trướng sức mạnh thương mại và hải quân của châu Âu vào giai đoạn đầu của lịch sử hiện đại đã chặn đứng một giai đoạn thay đổi thể chế và mở rộng kinh tế hứa hẹn nhiều triển vọng cho khu vực. Cũng trong giai đoạn này, trong khi Công ty Đông Ấn Hà Lan

https://thuviensach.vn

đang mở rộng phạm vi hoạt động thì một hình thức thương mại khác đang lớn mạnh ở châu Phi: buôn nô lệ.

Ở Mỹ, chế độ nô lệ ở miền nam thường được biết đến với tên gọi là một "thể chế kỳ quặc". Nhưng xét trên góc độ lịch sử, như học giả chuyên về giai đoạn lịch sử cổ điển lừng danh Moses Finlay đã từng nêu ra, chế độ nô lệ chẳng có gì là kỳ quặc, nó hiện hữu trong hầu hết mọi xã hội. Như chúng ta đã thấy trong một chương trước, chế độ nô lệ phổ biến ở La Mã cổ đại và châu Phi, vốn từ lâu là một trong những nguồn cung cấp nô lệ cho châu Âu.

Vào thời đại La Mã, nô lệ được lấy từ các dân tộc Slavơ quanh Biển Đen, từ Trung Đông và Bắc Âu. Nhưng cho đến năm 1400, người châu Âu đã ngưng không sử dụng người châu Âu làm nô lệ nữa. Tuy nhiên như chúng ta đã biết ở chương 6, châu Phi lại không trải qua giai đoạn chuyển tiếp từ chế độ nô lệ sang chế độ nông nô như châu Âu thời Trung cổ. Trước thời hiện đại, nạn buôn nô lệ ở Đông Phi rất hưng thịnh, và một lượng lớn nô lệ được vận chuyển ngang qua sa mạc Sahara đến bán đảo Ảrập. Hơn nữa, các quốc gia Đông Phi lớn thời Trung cổ như Mali, Ghana và Songhai sử dụng nhiều nô lệ trong bộ máy chính quyền, quân đội và nông nghiệp - họ áp dụng các mô hình tổ chức xã hội của các quốc gia Hồi giáo ở Bắc Phi mà họ có quan hệ buôn bán.

Chính sự phát triển của các thuộc địa đồn điền mía vùng Caribê vào đầu thế kỷ 17 đã dẫn đến sự gia tăng mạnh mẽ ngành buôn nô lệ trên thế giới và chế độ nô lệ ở châu Phi bỗng nhiên trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Vào thế kỷ 16, có khoảng 300 nghìn nô lệ được buôn bán trong khu vực Đại Tây Dương, chủ yếu có nguồn gốc từ Trung Phi, với sự tham gia của Kongo và người Bồ Đào Nha có trụ sở ở phía nam Luanda, bây giờ là thủ đô của Angola. Trong giai đoạn này, quy mô buôn bán nô lệ xuyên sa mạc Sahara vẫn còn lớn hơn ngành buôn nô lệ qua Đại Tây Dương, chuyên chở khoảng 550 nghìn nô lệ châu Phi về phía bắc. Vào thế kỷ 17, tình hình

https://thuviensach.vn

được đảo ngược. Vào khoảng 1,35 triệu người châu Phi bị bán làm nô lệ trong hoạt động thương mại xuyên Đại Tây Dương, đại đa số họ giờ đây được vận chuyển đến châu Mỹ. Con số nô lệ được bán qua ngả sa mạc Sahara hầu như vẫn giữ nguyên. Vào thế kỷ 18, số nô lệ được buôn bán gia tăng đáng kể, khoảng 6 triệu nô lệ được chuyên chở bằng tàu qua biển Đại Tây Dương và có lẽ 700 nghìn người khác được bán qua ngả Sahara. Cộng tất cả các con số qua các giai đoạn và các khu vực khác nhau ở châu Phi, tổng cộng có hơn 10 triệu người châu Phi đã bị bán làm nô lệ.

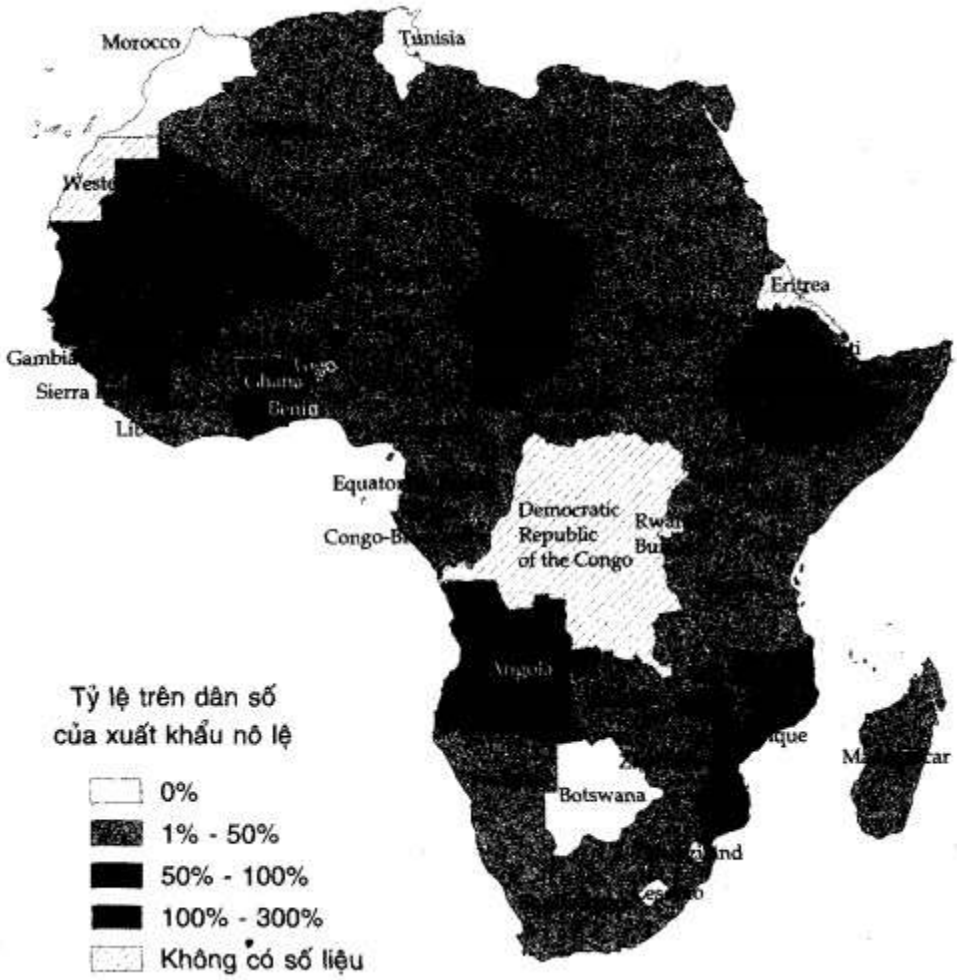

Bản đồ 15: Nô lệ được xuất khẩu từ châu Phi (p. 338)

Bản đồ 15 cho thấy tầm vóc của ngành buôn nô lệ. Sử dụng đường biên giới giữa các quốc gia hiện nay, bản đồ cho thấy mức độ lớn lao của

https://thuviensach.vn

nạn buôn nô lệ trong giai đoạn 1400 và 1900 tính theo phần trăm dân số vào năm 1400. Màu càng đậm cho thấy nạn buôn nô lệ càng dữ dội. Ví dụ ở Angola, Benin, Ghana và Togo, tổng số nô lệ được bán ở các quốc gia vượt quá toàn bộ dân số của quốc gia đó tính vào thời điểm năm 1400.

Sự xuất hiện đột ngột của người châu Âu trên khắp vùng bờ biển Đông và Trung Phi, hăm hở muốn mua nô lệ không tránh khỏi tạo nên một ảnh hưởng lớn làm thay đổi diện mạo xã hội Phi châu. Hầu hết các nô lệ được chuyên chở đến châu Mỹ là những người bị bắt trong chiến tranh và sau đó được đưa đến vùng bờ biển. Sự gia tăng chiến tranh ở châu Phi là kết quả của việc nhập khẩu một số lượng lớn súng ống và đạn dược mà người châu Âu dùng để đổi lấy nô lệ. Tới thời điểm 1730, mỗi năm khoảng 180 nghìn khẩu súng được du nhập vào châu Phi dọc theo vùng bờ biển Đông Phi, và trong giai đoạn từ 1750 đến đầu thế kỷ 19, chỉ riêng người Anh không thôi đã bán khoảng 283-394 nghìn khẩu súng mỗi năm. Từ 1750 đến 1807, người Anh bán 22 nghìn tấn thuốc súng, tức trung bình khoảng 384 nghìn kg mỗi năm, cùng với 91 nghìn kg chì hàng năm. Xa hơn về phía nam, ngành buôn bán vũ khí cũng hoạt động mạnh mẽ một cách tương tự. Dọc vùng bờ biển Loango, phía bắc vương quốc Kongo, mỗi năm người châu Âu bán khoảng 50 nghìn khẩu súng.

Các cuộc chiến tranh và xung đột không chỉ gây ra những tổn thất to lớn về sinh mạng và đau thương mà còn đặt nền tảng cho một xu hướng phát triển thể chế ở châu Phi. Trước thời hiện đại, các xã hội châu Phi ít có các thể chế chính trị tập trung như ở khu vực Âu-Á. Hầu hết các thể chế chính trị đều có phạm vi nhỏ, với các tù trưởng và có lẽ là nhà vua nắm giữ đất đai và nguồn lực. Nhiều thể chế, như chúng tôi đã trình bày qua trường hợp của Somalia, không hề có một cơ chế quyền lực chính trị theo tôn ti trật tự. Việc buôn bán nô lệ đã làm khởi xướng hai quá trình chính trị bất lợi. Thứ nhất, nhiều quốc gia bắt đầu trở nên chuyên chế hơn nhằm đạt được một mục tiêu duy nhất là để bắt và bán nô lệ cho các lái buôn nô lệ châu Âu. Thứ hai, là hậu quả của quá trình trước nhưng cũng rất lạ đời là đi

https://thuviensach.vn

ngược lại với nó, đó là chiến tranh và nạn bắt nô lệ cuối cùng đã phá hủy bất cứ trật tự xã hội và quyền lực nhà nước chính đáng nào tồn tại ở châu Phi hạ Sahara. Ngoài con đường chiến tranh ra, nô lệ còn được bắt cóc thông qua các cuộc càn quét cướp bóc quy mô nhỏ. Luật pháp cũng trở thành một công cụ phục vụ cho việc bắt nô lệ. Cho dù bạn có phạm tội gì đi nữa thì hình phạt cũng là trở thành nô lệ. Thương gia người Anh Francis Moore đã nhận xét về những hậu quả của việc này dọc theo vùng ven biển Senegambia của Tây Phi vào những năm 1730 như sau:

Kể từ lúc việc buôn bán nô lệ này được sử dụng, tất cả mọi hình phạt đều được biến thành phạt làm nô lệ; vì lợi ích thu được từ việc áp dụng hình phạt này mà người ta cố gắng mọi cách để kết tội và bán kẻ phạm tội. Không những kẻ giết người, ăn cắp và ngoại tình bị trừng phạt bằng cách bán làm nô lệ mà tất cả những tội lặt vặt khác cũng bị trừng phạt theo cách thức tương tự.

Các thể chế, ngay cả thể chế tôn giáo, cũng bị biến dạng bởi mong muốn bắt và bán nô lệ. Một ví dụ minh họa là đền thờ nổi tiếng ở Arochukwu, đông Nigeria. Đền thờ này được đông đảo người dân tin tưởng là nơi phát ngôn cho một vị thần tôn giáo uy nghiêm được các bộ tộc chính ở địa phương sùng kính, như bộ tộc Ijaw, Ibibio và Igbo. Người dân thường tìm đến đền thờ để giải quyết mâu thuẫn và bất hòa. Những người đi kiện từ xa đến Arochukwu để đối diện với đền thờ phải đi xuống một hẻm núi cạnh con sông Cross, tại nơi đây đền thờ được đặt trong một hang lớn, phía trước hang đặt hai dãy sọ người. Những thầy tu canh giữ đền sẽ truyền báo quyết định của vị thần. Bằng cách thông đồng với những lái buôn nô lệ người Ảrập, họ thường thông báo cho biết thần quyết định “nuốt chửng” người đi kiện, mà trên thực tế thường có nghĩa là những người đó sau khi đi vào hang sẽ được dẫn xuống con sông Cross, tại đó đã có thuyền của người châu Âu chờ sẵn. Đây là một quá trình cho thấy luật pháp và phong tục bị bóp méo và vi phạm để bắt được nhiều nô lệ, gây ra những ảnh hưởng bất lợi cho quá trình tập trung quyền lực chính trị, mặc dù trong một số trường

https://thuviensach.vn

hợp nó dẫn đến sự xuất hiện của những quốc gia hùng mạnh chỉ tồn tại nhằm mục đích cướp bóc và bắt giữ nô lệ. Vương quốc Kongo có lẽ là nhà nước châu Phi đầu tiên trải qua quá trình chuyển hóa thành một nhà nước bắt giữ nô lệ cho đến khi bị hủy diệt bởi nội chiến. Những nhà nước nô lệ khác cũng xuất hiện, nổi bật nhất là ở Tây Phi, bao gồm Oyo ở Nigeria, Dahomey ở Benin, và sau đó là Asante ở Ghana.

Ví dụ như sự phát triển của nhà nước Oyo vào giữa thế kỷ 17 có liên quan trực tiếp đến sự gia tăng xuất khẩu nô lệ ở vùng ven biển. Quyền lực nhà nước là kết quả của cuộc cách mạng quân sự có liên quan đến việc nhập khẩu ngựa từ phía bắc và thành lập đội kị binh hùng mạnh có thể đánh bại các đội quân chống đối. Khi Oyo mở rộng bờ cõi về phía nam hướng về biển, nó đè bẹp các quốc gia cản đường và bán dân cư của họ làm nô lệ. Trong giai đoạn từ 1690 đến 1740, Oyo giành độc quyền buôn nô lệ ở khu vực nội địa được biết đến với tên gọi là Vùng Bờ Biển Nô Lệ. Ước tính cho thấy 80% đến 90% nô lệ được bán ở vùng ven biển là kết quả của những cuộc chinh phục này. Mối liên hệ đầy ấn tượng giữa chiến tranh và nguồn cung cấp nô lệ cũng xuất hiện ở phía tây vào thế kỷ 18 trên vùng Bờ Biển Vàng (Gold Coast), giờ đây là nước Ghana. Sau năm 1700, quốc gia Asante mở rộng đất đai từ khu vực nội địa theo cùng một cách mà Oyo đã làm trước đó. Trong nửa đầu thế kỷ 18, việc mở rộng lãnh thổ này đã gây ra những cuộc chiến được gọi là Những cuộc chiến Akan, khi Asante đánh bại hết quốc gia độc lập này đến quốc gia độc lập khác. Quốc gia cuối cùng, Gyaman, bị chinh phục vào năm 1747. Một phần lớn trong số 375 nghìn nô lệ được xuất khẩu từ Bờ Biển Vàng trong giai đoạn 1700 và 1750 là những tù binh bị bắt từ những cuộc chiến này.

Có lẽ tác động rõ rệt nhất của việc chiếm đoạt con người này được thể hiện qua đặc điểm dân số. Khó có thể biết được một cách chắc chắn dân số của châu Phi là bao nhiêu trước giai đoạn hiện đại, nhưng các học giả đã đưa ra những ước tính hợp lý về tác động của việc buôn bán nô lệ đối với dân số châu lục này. Nhà sử học Patrick Manning ước lượng rằng dân số

https://thuviensach.vn

của những khu vực cung cấp nô lệ ở Tây và Trung-Tây châu Phi là vào khoảng 22 đến 25 triệu vào đầu thế kỷ 18. Dựa vào một giả định rất dè dặt rằng trong giai đoạn từ thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19, dân số tại những khu vực trên sẽ tăng 0,5% mỗi năm nếu không có nạn buôn nô lệ, Manning đã ước tính rằng dân số trong vùng vào năm 1850 có lẽ sẽ không dưới 46-53 triệu. Thay vào đó, dân số thực tế của khu vực chỉ bằng một nửa con số ước tính trên.

Sự chênh lệch khổng lồ này không chỉ đơn thuần là do 8 triệu người dân trong khu vực bị bán làm nô lệ trong giai đoạn giữa 1700 và 1850, mà rất có thể còn do hàng triệu người chết do chiến tranh kéo dài liên miên nhằm phục vụ mục đích bắt nô lệ. Chế độ nô lệ và ngành buôn bán nô lệ ở châu Phi còn phá vỡ cấu trúc gia đình và hôn nhân và có thể đã làm giảm tỷ lệ sinh đẻ.

Bắt đầu từ cuối thế kỷ 18, phong trào đòi bãi bỏ chế độ buôn nô lệ bắt đầu lớn mạnh ở Anh dưới sự dẫn dắt của nhân vật có sức lôi cuốn đặc biệt William Wilberforce. Sau nhiều lần thất bại, vào năm 1807 những người chống chế độ nô lệ thuyết phục được Nghị viện Anh thông qua một dự luật coi việc buôn bán nô lệ là bất hợp pháp. Mỹ noi theo gương Anh bằng một đạo luật tương tự vào năm sau. Tuy nhiên chính phủ Anh còn đi xa hơn thế: họ chủ động triển khai đạo luật trên bằng cách gửi hạm đội tàu Anh đến khu vực Đại Tây Dương để ngăn chặn tàu bè buôn bán nô lệ. Mặc dù phải mất một thời gian trước khi những biện pháp này thật sự có hiệu quả, và mãi đến năm 1834 chế độ nô lệ trên toàn bộ đế chế Anh mới được bãi bỏ, cái thời buôn bán nô lệ trong vùng biển Đại Tây Dương, vốn chiếm một phần lớn trong ngành buôn bán nô lệ trên thế giới, đã chấm dứt.

Mặc dù việc chấm dứt nạn buôn bán nô lệ sau năm 1807 làm giảm nhu cầu nô lệ châu Phi từ bên ngoài, nhưng điều này không có nghĩa là ảnh hưởng của nạn buôn nô lệ đối với xã hội Phi châu và các thể chế của nó sẽ tự nhiên biến mất. Nhiều quốc gia châu Phi xây dựng thể chế chính trị của

https://thuviensach.vn

họ xung quanh việc buôn bán nô lệ và cho dù nước Anh có chấm dứt nạn buôn nô lệ thì điều đó cũng không thay đổi được thực trạng này. Hơn nữa, chế độ nô lệ đã trở nên quá phổ biến ở chính tại châu Phi. Những yếu tố này cuối cùng sẽ quyết định đường hướng phát triển của châu Phi không những trước mà cả sau năm 1807.

"Thương mại hợp pháp" xuất hiện, thay thế cho việc buôn bán nô lệ, nó là một cụm từ được dùng để ám chỉ việc xuất khẩu những mặt hàng mới từ châu Phi không dính líu đến việc buôn bán nô lệ. Những hàng hóa này bao gồm dầu dừa, nhân quả hạch, đậu phụng, ngà, cao su và keo. Khi thu nhập của châu Âu và Bắc Mỹ gia tăng cùng với sự lan rộng của cuộc Cách mạng công nghiệp, nhu cầu mua những sản phẩm nhiệt đới này cũng tăng lên đáng kể. Cũng giống như trước đó, châu Phi đã hăm hở tận dụng những cơ hội kinh tế do việc buôn bán nô lệ mang lại thì giờ đây họ cũng hăm hở tận dụng thời cơ có được từ thương mại hợp pháp. Nhưng họ làm việc này trong một bối cảnh thật kỳ quặc: chế độ nô lệ vẫn còn là một phần của châu Phi mặc dù nhu cầu nô lệ từ thế giới bên ngoài đã bất ngờ chấm dứt. Giờ thì có thể làm gì với tất cả những nô lệ này khi không còn có thể bán họ cho người châu Âu? Câu trả lời rất đơn giản: có thể bắt họ làm việc ở châu Phi để sản xuất những hàng hóa thuộc dạng thương mại hợp pháp.

Một trong những trường hợp có nhiều bằng chứng minh họa nhất là Asante, thuộc nước Ghana hiện nay. Trước năm 1807, đế chế Asante tích cực tham gia vào việc bắt và bán nô lệ, đưa họ xuống vùng ven biển để bán cho những trạm buôn nô lệ lớn ở Bờ biển Cape và Elmina. Sau năm 1807, khi không còn lựa chọn này nữa, giới cầm quyền Asante đã tái tổ chức lại nền kinh tế nước họ. Tuy nhiên, việc bắt bớ nô lệ và chế độ nô lệ không chấm dứt. Thay vào đó, nô lệ được đưa đến các đồn điền lớn, ban đầu nằm xung quanh thủ đô Kumase, nhưng sau đó lan rộng khắp đế chế (tương đương với khu vực nội địa của Ghana hiện nay). Nô lệ được dùng vào việc đào vàng và trồng hạt cô-la để xuất khẩu, trồng thực phẩm và được sử dụng rộng rãi làm phu khuân vác, vì Asante không sử dụng hệ thống chuyên chở

https://thuviensach.vn

bằng xe. Xa hơn về phía đông, một số thay đổi xã hội tương tự cũng xảy ra. Ví dụ như vua xứ Dahomey có những đồn điền lớn khai thác dầu dừa gần các cảng ven biển như Whydah và Porto Novo, tất cả đều dựa vào công sức lao động của nô lệ.

Vì vậy việc bãi bỏ buôn bán lệ không dẫn đến sự tàn lụi của chế độ nô lệ ở châu Phi mà chỉ đưa đến việc tái phân bố nô lệ: thay vì sử dụng họ ở châu Mỹ thì giờ sử dụng họ ngay tại châu Phi. Hơn nữa, nhiều thể chế chính trị được sản sinh từ ngành buôn bán nô lệ trong hai thế kỷ trước vẫn không có gì thay đổi và khuôn mẫu ứng xử vẫn tiếp tục giữ nguyên như trước. Ví dụ như ở Nigeria trong thập niên 1820 và 1830, vương quốc Oyo một thời hùng mạnh sụp đổ vì bị các cuộc nội chiến làm cho suy yếu và do sự trỗi dậy của các thành bang Yoruba ở phía nam, ví dụ như Illorin và Ibadan, đã trực tiếp tham gia vào việc buôn nô lệ. Vào thập niên 1830, thủ phủ của Oyo bị tấn công và tàn phá, và sau đó các thành phố Yoruba tranh giành quyền lực với Dahomey để nắm quyền kiểm soát khu vực. Họ gây chiến với nhau gần như không dứt trong suốt đầu thế kỷ 19, dẫn đến sự xuất hiện một số lượng nô lệ khổng lồ. Song song với nó là các đợt cướp bóc, bắt nô lệ cũng như trò dùng phán quyết của đền thờ. Bắt cóc trở thành một vấn nạn nghiêm trọng ở một số nơi trên Nigeria đến mức cha mẹ không dám cho con cái của họ ra ngoài chơi vì sợ chúng sẽ bị bắt để bán làm nô lệ.

Kết quả là chế độ nô lệ thay vì giảm dường như lại gia tăng ở châu Phi trong suốt thế kỷ 19. Mặc dù khó có được một con số chính xác, một số tư liệu do các du khách và lái buôn viết trong giai đoạn này cho thấy ở vương quốc Asante ở Tây Phi và Dahomey và ở các thành bang Yoruba, hơn một nửa dân số là nô lệ. Những dữ liệu chính xác hơn thu được thông qua các hồ sơ thuộc địa Pháp dành cho vùng tây Sudan, một dải đất rộng lớn phía tây châu Phi kéo dài từ Senegal qua Mali và Burkina Faso, đến Niger và Chad. Trong khu vực này, 30% dân số tại thời điểm năm 1900 là nô lệ.

https://thuviensach.vn

Cũng giống như sự xuất hiện của thương mại hợp pháp, việc các cường quốc châu Âu chính thức chia nhau xâm chiếm và thuộc địa hóa châu Phi cũng không hủy bỏ được chế độ nô lệ ở châu Phi. Mặc dù trong hầu hết các trường hợp, các cường quốc châu Âu đã biện minh cho sự xâm lăng của họ ở châu Phi là nhằm tấn công và bãi bỏ chế độ nô lệ, nhưng thực tế thì lại hoàn toàn khác. Ở tại nhiều nước thuộc địa châu Phi, chế độ nô lệ tiếp tục kéo dài đến tận thế kỷ 20. Ví dụ như ở Sierra Leone, mãi đến năm 1928 chế độ nô lệ mới được bãi bỏ, cho dù thủ phủ Freetown được thành lập vào cuối thế kỷ 18 với mục đích là bến đỗ cho những nô lệ được gửi trả về châu Phi từ châu Mỹ. Freetown sau đó trở thành căn cứ quan trọng cho hạm đội tàu Anh chống buôn nô lệ và là quê hương mới cho những nô lệ được tàu Anh cứu thoát từ những tàu buôn nô lệ. Ngay cả với ý nghĩa biểu tượng này cũng không giúp xóa bỏ chế độ nô lệ ở Sierra Leone sớm hơn được, nó tồn tại thêm 130 năm nữa. Tương tự như vậy, Liberia nằm về phía nam của Sierra Leone cũng được thành lập để đón nhận các nô lệ Mỹ được giải phóng trong những năm 1840. Nhưng ở đó chế độ nô lệ cũng tiếp tục kéo dài đến tận thế kỷ 20; cho đến tận thập niên 1960, ước tính vẫn có đến 25% lực lượng lao động bị cưỡng bức phải sống và làm việc trong những điều kiện không khác gì nô lệ. Với những thể chế kinh tế và chính trị mang tính chiếm đoạt dựa vào việc buôn bán nô lệ, làn sóng công nghiệp hóa đã không lan sang châu Phi hạ Sahara, nơi đây nền kinh tế trì trệ và thậm chí thụt lùi trong khi những khu vực khác trên thế giới đang thay đổi nền kinh tế của họ.

TẠO DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỐI NGẪU

Mô hình nền "kinh tế đối ngẫu" hay "nền kinh tế hai khu vực" (dual economy), lần đầu tiên được Arthur Lewis đưa ra vào năm 1955, vẫn còn ảnh hưởng quan điểm của hầu hết các nhà khoa học xã hội về các vấn đề kinh tế của các quốc gia kém phát triển. Theo Lewis, nhiều nền kinh tế kém phát triển hay chậm phát triển có cấu trúc đối ngẫu, được chia thành khu vực kinh tế hiện đại và khu vực kinh tế truyền thống. Khu vực hiện đại, tức

https://thuviensach.vn

là phần phát triển hơn trong nền kinh tế, gắn liền với đời sống đô thị, công nghiệp hiện đại và sử dụng công nghệ tiên tiến. Khu vực kinh tế truyền thống gắn liền với đời sống nông thôn, nông nghiệp, với công nghệ và thể chế "lạc hậu". Thể chế nông nghiệp lạc hậu bao gồm sở hữu đất đai theo cộng đồng, đồng nghĩa với việc thiếu quyền sở hữu tư nhân về đất đai. Theo Lewis, lao động được sử dụng rất kém hiệu quả trong khu vực kinh tế truyền thống đến mức có thể phân bổ lực lượng lao động sang khu vực kinh tế hiện đại mà không hề làm sụt giảm sản lượng của khu vực kinh tế nông thôn. Đối với những thế hệ các nhà kinh tế học phát triển đi theo lý thuyết của Lewis, thì những "vấn đề về phát triển" đồng nghĩa với việc chuyển dịch con người và nguồn lực ra khỏi khu vực kinh tế truyền thống, nông nghiệp và nông thôn sang khu vực kinh tế hiện đại, công nghiệp và thành phố. Năm 1979 Lewis nhận giải thưởng Nobel cho công trình của ông về kinh tế học phát triển.

Lewis và các nhà kinh tế học phát triển dựa vào công trình của ông đã hoàn toàn đúng khi phát hiện ra nền kinh tế đối ngẫu. Nam Phi là một trong những ví dụ rõ nhất, chia đôi thành khu vực kinh tế truyền thống, lạc hậu và nghèo và khu vực hiện đại, năng động và phát đạt. Thậm chí đến ngày nay, nền kinh tế đối ngẫu mà Lewis đã chỉ ra cho thấy vẫn còn hiện diện khắp mọi nơi ở Nam Phi. Một trong những cách ấn tượng nhất để nhận thấy hiện tượng này là lái xe xuyên biên giới giữa KwaZulu-Natal, trước đây là nước Natal, và Transkei. Đường biên giới giữa hai nước chạy dọc theo con sông Kei Vĩ đại. Phía đông của con sông nằm trong phạm vi biên giới Natal, dọc theo bờ là những tòa nhà hướng ra biển trên những bãi cát tuyệt đẹp. Bên trong nội địa là những đồn điền mía xanh mướt. Đường sá đẹp và toàn bộ khu vực toát lên sự thịnh vượng. Phía bên kia con sông dường như thuộc về một thời đại và một quốc gia hoàn toàn khác. Toàn bộ khu vực gần như hoang phế. Không thấy bóng cây xanh, chỉ thấy đất màu nâu trơ trọi và hoang vắng. Thay vì nhà hiện đại với hệ thống nước máy, nhà vệ sinh và các đồ dùng hiện đại, người dân nơi đây sống trong những nhà lều tạm bợ và nấu nướng bằng củi đốt trên mặt đất. Cuộc sống hoàn toàn mang

https://thuviensach.vn

tính truyền thống, khác xa với đời sống hiện đại ở phía đông của dòng sông. Khi chứng kiến những sự khác biệt này, bạn sẽ không ngạc nhiên khi biết chúng bắt nguồn từ những khác biệt về thể chế kinh tế giữa hai khu vực cách nhau chỉ một con sông.

Ở phía đông, Natal có quyền sở hữu tư nhân, có hệ thống luật pháp hữu hiệu, nông nghiệp thương mại và công nghiệp. Ở phía tây, Transkei có quyền sở hữu đất tập thể và mãi gần đây vẫn còn duy trì vai trò của những tù trưởng truyền thống đầy quyền lực. Nhìn qua lăng kính lý thuyết kinh tế đối ngẫu của Lewis, sự tương phản giữa Transkei và Natal minh họa cho những vấn đề phát triển của châu Phi. Thậm chí chúng ta có thể đi xa hơn nữa và nhận xét rằng về mặt lịch sử, toàn bộ lục địa châu Phi đều giống như Transkei: nghèo, với thể chế kinh tế tiền hiện đại, công nghệ lạc hậu và được cai trị bởi các tù trưởng. Theo quan điểm này thì phát triển kinh tế đơn giản chỉ là làm cách nào đó để chuyển đổi Transkei thành Natal.

Quan điểm này có nhiều điểm đúng nhưng không thấy được toàn bộ lôgic nguồn gốc xuất phát của nền kinh tế đối ngẫu và mối quan hệ của nó với nền kinh tế hiện đại. Sự lạc hậu của Transkei không đơn giản chỉ là tàn tích lịch sử của sự lạc hậu tự nhiên của châu Phi. Thực tế thì nền kinh tế đối ngẫu tồn tại giữa Transkei và Natal chỉ mới xuất hiện rất gần đây, và hoàn toàn không hề mang tính tự nhiên chút nào. Nó được tạo ra bởi tầng lớp người da trắng cai trị Nam Phi để thu được một nguồn lao động rẻ tiền phục vụ cho các cơ sở kinh doanh của họ và để giảm sự cạnh tranh từ những người châu Phi da đen. Nền kinh tế đối ngẫu là một ví dụ khác cho thấy hiện tượng kém phát triển được tạo ra, chứ không phải là sự kém phát triển tự nhiên xuất hiện và tồn tại kéo dài qua nhiều thế kỷ.

Nam Phi và Botswana, như chúng ta sẽ thấy ở một chương sau, tránh được hầu hết những ảnh hưởng tai hại của ngành buôn bán nô lệ và những cuộc chiến do nó gây ra. Những giao tiếp quan trọng đầu tiên giữa Nam Phi và người châu Âu xảy ra khi Công ty Đông Ấn Hà Lan thành lập một căn

https://thuviensach.vn

cứ ở vịnh Table, giờ là cảng Cape Town, vào năm 1652. Vào lúc bấy giờ, vùng đất phía tây của Nam Phi rất hoang vắng và ít dân cư, hầu hết những người sống ở đây là những người săn bắn hái lượm gọi là người Khoikhoi. Xa hơn về phía đông, ở vùng đất là Ciskei và Transkei ngày nay, có những cộng đồng dân cư châu Phi đông đúc chuyên sống bằng nghề nông. Ban đầu họ không giao tiếp gì nhiều với vùng thuộc địa mới của Hà Lan, và cũng không tham gia vào việc buôn bán nô lệ. Vùng ven biển Nam Phi nằm cách xa các chợ nô lệ và cư dân của Ciskei và Transkei, gọi là người Xhosa, nằm đủ sâu trong đất liền để tránh thu hút sự chú ý của bất kỳ ai. Kết quả là, những xã hội này không phải hứng chịu những cơn sóng độc hại đổ ập vào Tây và Trung Phi.

Vào thế kỷ 19, sự cô lập của hai vùng đất này bắt đầu thay đổi. Người châu Âu cảm thấy khí hậu và môi trường sức khỏe của Nam Phi có điều gì đó quyến rũ. Chẳng hạn, không giống như Tây Phi, Nam Phi có khí hậu ôn hòa và không có những chứng bệnh nhiệt đới như sốt rét và sốt vàng da, hai căn bệnh đã biến những vùng đất khác ở châu Phi thành “nơi chôn thây của người da trắng” và ngăn không cho họ lập cư hoặc thậm chí thiết lập trạm tiền đồn. Nam Phi hứa hẹn nhiều triển vọng thuận lợi hơn cho sự định cư của người châu Âu. Người châu Âu bắt đầu tiến sâu vào bên trong vùng đất nội địa châu Phi ngay sau khi người Anh tiếp quản Cape Town từ người Hà Lan trong thời gian cuộc chiến Napoleon nổ ra ở châu Âu. Điều này dẫn đến một chuỗi những cuộc chiến kéo dài với người Xhosa khi người da trắng định cư mỗi lúc càng nhiều hơn trong vùng đất nội địa và đỉnh điểm của sự xâm lấn này là vào năm 1835, khi những người người châu Âu gốc Hà Lan còn sót lại ở châu Phi, về sau được gọi là người Nam Phi gốc Âu hay người Boer, bắt đầu cuộc di dân hàng loạt của họ (được gọi là Cuộc Di cư Vĩ đại) ra khỏi vùng ven biển nằm trong sự kiểm soát của người Anh và vùng Cape Town. Những người Nam Phi gốc Âu này tiếp sau đó đã thành lập hai quốc gia độc lập trong vùng nội địa châu Phi, là Orange Free State và Transvaal.

https://thuviensach.vn

Giai đoạn kế tiếp trong quá trình phát triển của Nam Phi xảy ra cùng với sự phát hiện những trữ lượng kim cương khổng lồ ở Kimberly vào năm 1867 và những mỏ vàng ở Johannesburg vào năm 1886. Sự giàu có về khoáng sản trong vùng đất nội địa của châu Phi ngay lập tức thuyết phục người Anh mở rộng sự kiểm soát của họ ra khắp Nam Phi. Sự chống cự của Orange Free State và Transvaal đưa đến Cuộc chiến Boer nổi tiếng trong thời kỳ 1880-1881 và 1899-1902. Sau sự thất bại bất ngờ lúc ban đầu, cuối cùng người Anh cũng sáp nhập các quốc gia của người Nam Phi gốc Âu với Cape Province và Natal, để thành lập Liên hiệp Nam Phi vào năm 1910. Ngoài xung đột vũ trang giữa người Nam Phi gốc Âu và người Anh, sự phát triển ngành khai thác khoáng sản và việc mở rộng khu định cư của người châu Âu còn có những ảnh hưởng khác đối với sự phát triển của khu vực. Đáng chú ý nhất là chúng tạo ra nhu cầu thực phẩm và sản phẩm nông nghiệp khác và những cơ hội kinh tế mới cho người châu Phi bản địa cả trong lĩnh vực nông nghiệp lẫn thương mại.

Người Xhosa, ở Ciskei và Transkei, nhanh chóng đáp ứng những cơ hội kinh tế này, như nghiên cứu của sử gia Colin Bundy cho thấy. Vào năm 1832, thậm chí trước khi có sự bùng nổ khai thác khoáng sản, một nhà truyền giáo người Moravia ở Transkei đã nhận thấy sự năng động kinh tế mới trên những vùng đất này và ghi nhận rằng người châu Phi bắt đầu có nhu cầu mua những món hàng tiêu dùng mới do làn sóng người châu Âu di cư giới thiệu cho họ. Ông viết: “Để có được những món đồ này, họ… kiếm tiền bằng công sức lao động tay chân và mua quần áo, xẻng, cày, xe bò kéo và những vật dụng hữu ích khác”.

Những gì Ủy viên dân sự John Hemming mô tả về chuyến viếng thăm của ông đến Fingoland ở Ciskei vào năm 1876 cũng cung cấp cho ta nhiều thông tin rất hữu ích. Ông viết rằng ông “bất ngờ trước sự tiến bộ vượt bậc của người dân Fingo chỉ trong vòng một vài năm… Bất cứ nơi nào tôi đi cũng đều thấy những ngôi nhà gỗ lớn và cả những ngôi nhà xây bằng gạch hay đá. Trong nhiều trường hợp, một số nhà gạch đồ sộ đã được xây

https://thuviensach.vn

dựng… và cây ăn trái đã được trồng; bất cứ nơi nào người ta có thể lấy nước khỏi mặt đất để phục vụ cho việc tưới tiêu thì đất canh tác được mở rộng đến đấy; đất sườn đồi và thậm chí đỉnh núi cũng được canh tác ở bất cứ nơi nào cho phép dùng cái cày. Quy mô đất được khai thác làm tôi rất ngạc nhiên; đã bao nhiêu năm rồi tôi chưa từng thấy một diện tích đất canh tác lớn đến như vậy".

Cũng giống như ở những khu vực khác ở châu Phi hạ Sahara, việc sử dụng cày là hoàn toàn mới trong nông nghiệp, nhưng khi có cơ hội, người nông dân châu Phi dường như rất sẵn sàng áp dụng công nghệ mới. Họ cũng sẵn sàng đầu tư cho xe bò và các công trình tưới tiêu.

Khi kinh tế nông nghiệp phát triển, các thể chế bộ lạc cứng nhắc bắt đầu thay đổi. Có rất nhiều bằng chứng cho thấy những thay đổi về quyền sở hữu đất đai bắt đầu xuất hiện. Vào năm 1879, vị quan tòa ở Umzimkulu thuộc Đông Griqualand, Transkei, nhận thấy "người dân địa phương ngày càng mong muốn trở thành chủ sở hữu đất - họ đã mua 38 nghìn mẫu Anh". Ba năm sau, sổ sách của ông cho thấy khoảng 8 nghìn nông dân châu Phi trong vùng đã mua và bắt đầu khai thác 90 nghìn mẫu Anh.

Dĩ nhiên điều này không có nghĩa châu Phi đang đứng trước ngưỡng cửa của một cuộc Cách mạng công nghiệp, nhưng những thay đổi thật sự đang diễn ra. Sở hữu tư nhân về đất đai đã làm lung lay vị trí của các tù trưởng và cho phép có nhiều người khác được mua đất và làm giàu, một điều dường như là không tưởng chỉ vài thập niên trước. Đồng thời nó cũng minh họa cho thấy sự suy yếu của các thể chế chiếm đoạt và các hệ thống quyền lực chuyên chế có thể nhanh chóng tạo ra những động lực kinh tế mới. Một trong những ví dụ về sự thành công là Stephen Sonjica ở Ciskei, một nông dân từ hai bàn tay trắng làm nên sự nghiệp. Trong một lần phát biểu vào năm 1911, Sonjica kể lại lần đầu tiên khi ông bày tỏ nguyện vọng muốn mua đất của mình cho cha nghe, cha ông đã đáp lại rằng: "Mua đất? Làm cách nào con lại muốn mua đất? Con không biết rằng tất cả đất đai

https://thuviensach.vn

đều là của Thượng đế, và người chỉ giao nó cho các tù trưởng thôi hay sao?" Phản ứng của cha Sonjica là hoàn toàn dễ hiểu. Nhưng Sonjica không vì vậy mà thối chí. Ông tìm được một việc làm ở thị trấn King William và ghi lại như sau:

Tôi đã khôn khéo mở một tài khoản riêng và bỏ vào đó một phần tiền tiết kiệm… cho đến khi tôi để dành được 8 nghìn bảng… [Tôi mua] một cặp bò cùng với ách, bộ cương, cái cày và những vật dụng nông nghiệp khác… Hôm nay tôi mua một nông trại nhỏ… Tôi không dám nhiệt tình giới thiệu [nông nghiệp] như là một nghề cho người dân xứ tôi… Tuy nhiên họ cần áp dụng những phương pháp kiếm lời hiện đại.

Một bằng chứng đáng chú ý khác xác nhận tính năng động kinh tế và sự phát đạt của nông dân châu Phi trong giai đoạn này được tìm thấy trong một bức thư của một nhà truyền đạo thuộc giáo phái Giám Lý, W.J Davis, viết năm 1869. Trong bức thư gửi về Anh, ông hài lòng ghi rằng ông đã quyên được 46 bảng tiền mặt "cho hội Cứu tế Nhà máy đay Lancashire". Trong giai đoạn này những nông dân thành đạt châu Phi gửi tiền cứu trợ cho công nhân nghèo làm việc trong ngành dệt ở Anh!

Không có gì ngạc nhiên khi sự năng động kinh tế mới này không làm cho các tù trưởng truyền thống hài lòng, họ xem những thay đổi này như mối đe dọa làm suy yếu quyền lực và tài sản của họ - một kiểu phản ứng giờ đã quá quen thuộc với chúng ta. Vào năm 1879 Matthew Blyth, quan tòa tối cao của Transkei, nhận xét rằng việc khảo sát đất nhằm mục đích chia đất cho tư nhân gặp phải sự chống đối. Ông ghi chép rằng "một số tù trưởng… phản đối, nhưng hầu hết người dân đều hài lòng… những tù trưởng coi việc trao quyền sở hữu cá thể cho người dân sẽ phá hủy ảnh hưởng của các tộc trưởng".

Các tù trưởng cũng phản đối những phương pháp canh tân đất đai, ví dụ như đào các mương rãnh tưới tiêu hay dựng hàng rào. Họ nhận ra rằng những thay đổi này là bước mở đầu cho quyền sở hữu đất đai cá thể, và là

https://thuviensach.vn

sự mở đầu đánh dấu sự kết thúc của họ. Những nhà quan sát châu Âu thậm chí để ý thấy rằng các tù trưởng và giới lãnh đạo truyền thống, như thầy cúng, cố gắng cấm đoán mọi "cách thức châu Âu", bao gồm những loại cây trồng mới, công cụ mới như lưỡi cày và các mặt hàng thương mại. Nhưng việc sáp nhập Ciskei và Transkei vào chính phủ thuộc địa Anh làm suy yếu quyền lực của tù trưởng và giới lãnh đạo truyền thống, và sự chống đối của họ không đủ để ngăn cản sự năng động kinh tế mới ở Nam Phi. Ở Fingoland vào năm 1884, một nhà quan sát châu Âu ghi nhận rằng người dân đã "chuyển lòng trung thành của họ sang cho chúng ta. Các tù trưởng của họ đã trở thành một tầng lớp địa chủ có tước vị… mà không có quyền lực chính trị. Không còn sợ sự ganh ghét của các tù trưởng hay vũ khí chết người… hay thầy mo, những thứ quật ngã những chủ gia súc giàu có, luật sư có năng lực, người áp dụng những phương pháp mới, nhà nông nghiệp giàu kỹ năng, đánh đồng tất cả bọn họ xuống cùng một trình độ năng lực tầm thường. Khi không còn lo sợ những điều này nữa, người Fingo… trở thành người cấp tiến. Mặc dù vẫn còn là một nông dân… anh ta sở hữu xe bò và cày; anh ta mở đường dẫn nước để tưới tiêu; anh ta là chủ nhân của một đàn cừu".

Thậm chí chỉ cần có một số ít thể chế dung hợp, cộng với sự suy yếu quyền lực và khả năng áp đặt của các tù trưởng, cũng đủ để khơi mào một sự bùng nổ kinh tế mạnh mẽ ở châu Phi. Không may, điều này chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn ngủi. Giữa năm 1890 và 1913, sự bùng nổ kinh tế bất ngờ chấm dứt và bắt đầu bị đảo ngược. Trong giai đoạn này có hai thế lực phá hủy sự thịnh vượng ở nông thôn và sự năng động mà châu Phi đã tạo ra trong 50 năm trước đó. Thế lực thứ nhất là sự thù địch của người nông dân châu Âu đang phải cạnh tranh với châu Phi. Những người nông dân châu Phi đã làm giảm giá vụ mùa mà người châu Âu trồng trọt. Phản ứng của người châu Âu là loại bỏ người châu Phi ra khỏi thị trường. Thế lực thứ hai thậm chí còn độc ác hơn. Người châu Âu muốn có một nguồn lao động rẻ để sử dụng trong ngành khai thác khoáng sản đang phát triển mạnh của họ, và họ chỉ có thể duy trì nguồn lao động giá rẻ này bằng cách

https://thuviensach.vn

luôn giữ cho châu Phi trong tình trạng nghèo đói. Và họ theo đuổi mục tiêu này một cách có phương pháp trong những thập niên sau đó.

Lời khai vào năm 1897 của George Albu, chủ tịch Hiệp hội Hầm mỏ, trước Ủy ban Điều trần mô tả một cách chính xác lôgic của việc làm nghèo châu Phi để thu được nguồn lao động rẻ. Ông giải thích rằng ông đã đề nghị làm rẻ sức lao động "đơn giản bằng cách nói cho bọn chúng biết rằng lương của chúng đã bị cắt giảm". Buổi lấy lời khai của ông diễn ra như sau:

Ủy ban: Giả sử bọn châu Phi da đen quay trở lại kraal [trại súc vật] của chúng? Ông có ủng hộ việc đề nghị chính phủ cưỡng bức lao động?

Albu: Dĩ nhiên… tôi sẽ bắt chúng phải làm việc… Tại sao ta lại cho phép một tên mọi đen không làm gì hết? Tôi nghĩ rằng chúng ta phải bắt bọn da đen châu Phi làm việc để kiếm sống.

Ủy ban: Nếu một người có thể sống mà không cần làm việc, làm cách nào ông có thể buộc anh ta làm việc?

Albu: Đánh thuế hắn ta, sau đó…

Ủy ban: Sau đó ông không cho phép hắn được sở hữu đất đai nhưng phải làm việc cho người da trắng để làm giàu cho người đó?

Albu: Hắn ta phải làm phần việc của mình để giúp đỡ những người hàng xóm của hắn ta.

Cả hai mục tiêu: thủ tiêu sự cạnh tranh với người nông dân da trắng và phát triển một nguồn nhân công lớn giá rẻ, cùng đạt được thông qua Đạo luật Đất đai cho người bản xứ năm 1913. Đạo luật này, dường như tiên đoán trước được khái niệm nền kinh tế đối ngẫu của Lewis, đã chia Nam Phi thành hai phần, một phần hiện đại, thịnh vượng và một phần truyền thống, nghèo đói, ngoại trừ thực tế là sự phát đạt và nghèo đói là do chính đạo luật trên gây ra. Đạo luật tuyên bố rằng 87% đất đai phải thuộc về

https://thuviensach.vn

người châu Âu, chiếm khoảng 20% dân số, 13% đất còn lại thuộc về 80% người châu Phi. Dĩ nhiên trước đạo luật này đã có những tiền lệ tương tự bởi vì trong một thời gian dài người châu Âu đã dần dần đẩy người châu Phi vào chỗ sinh sống trên những vùng đất dành riêng cho họ với diện tích ngày càng nhỏ lại. Nhưng đạo luật 1913 đã chính thức hóa thực trạng này thông qua luật pháp và đặt nền tảng cho việc thành lập chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, cho phép người da trắng thiểu số nắm quyền chính trị, kinh tế và loại bỏ người da đen đại đa số ra khỏi đời sống chính trị và kinh tế. Đạo luật nêu rõ rằng một số vùng đất dành riêng cho người châu Phi, bao gồm Transkei và Ciskei, sẽ trở thành "Quê hương" của người châu Phi. Những người này sau đó bị chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi gọi là người Bantust, bởi vì chính quyền người da trắng cho rằng người châu Phi sinh sống ở Nam Phi không phải là người dân bản địa mà có nguồn gốc từ nhóm người Bantu đã di cư ra khỏi Đông Nigeria khoảng 1.000 năm trước đó. Vì vậy họ không có quyền sở hữu đất gì nhiều hơn - và dĩ nhiên trên thực tế là ít hơn - người da trắng châu Âu.

https://thuviensach.vn

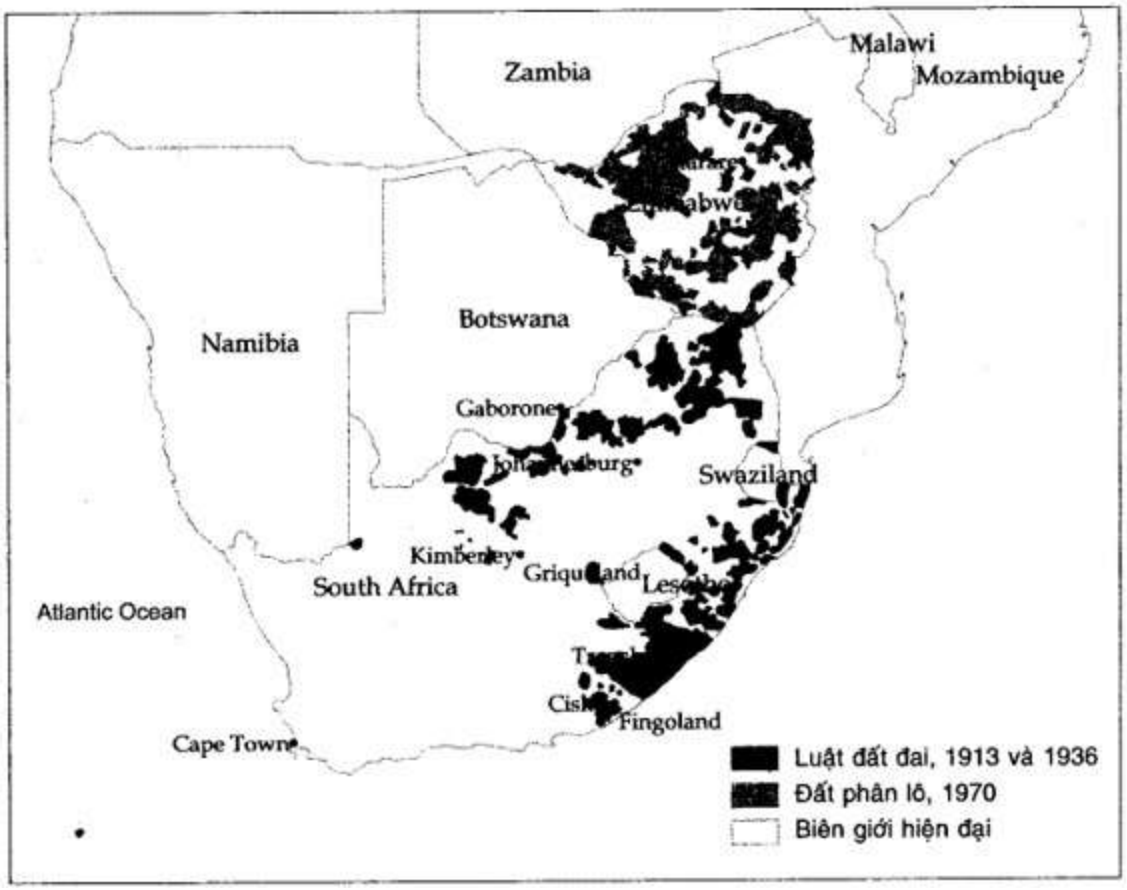

Bản đồ 16: Diện tích đất đai do chế độ người da trắng thiểu số phân bổ cho người châu Phi ở Nam Phi và Zimbabwe (p. 355)

Bản đồ 16 cho thấy phần diện tích đất khôi hài được phân cho người châu Phi theo Đạo luật 1913 và đạo luật tiếp theo năm 1936. Nó cũng ghi lại thông tin năm 1970 cho thấy có một sự phân bổ đất đai tương tự xảy ra ở Zimbabwe trong giai đoạn tạo ra nền kinh tế đối ngẫu ở đó, mà chúng ta sẽ thảo luận ở chương 13.

Đạo luật năm 1913 còn bao gồm những điều khoản nhằm ngăn không cho những người cấy rẽ (theo chế độ phát canh thu tô) và những người vô cư da đen được quyền canh tác trên đất do người da trắng sở hữu với bất cứ tư cách gì ngoài tư cách người làm thuê. Theo lời thư ký văn phòng phụ trách sự vụ liên quan đến người bản xứ giải thích: “Mục đích của đạo luật là nhằm cấm đoán tất cả những giao dịch trong tương lai công nhận quan

https://thuviensach.vn

hệ mua bán giữa người châu Âu và người bản xứ liên quan đến đất đai hay hoa màu trên đất đai. Tất cả những hợp đồng mới ký kết với người bản xứ phải là hợp đồng thuê mướn dịch vụ. Giả sử thật sự có một hợp đồng thành ý loại như vậy thì cũng không có gì có thể ngăn người thuê trả công cho người bản xứ bằng hiện vật, hoặc bằng cách cho phép anh ta canh tác trên một mảnh đất nhất định… Nhưng người dân bản xứ không thể trả cho người chủ bất cứ thứ gì để có được quyền sở hữu đất".

Đối với các nhà kinh tế học phát triển đến thăm Nam Phi vào thập niên 1950 và 1960, khi bộ môn này đang dần thành hình và những ý tưởng của Arthur Lewis đang lan rộng, sự tương phản giữa khu vực sinh sống của người da đen và nền kinh tế thịnh vượng, hiện đại của người châu Âu da trắng dường như phản ánh chính xác nội dung lý thuyết kinh tế đối ngẫu. Những người châu Âu trong nền kinh tế hiện đại thì sống ở đô thị, có giáo dục và sử dụng công nghệ hiện đại. Vùng sinh sống của người da đen thì nghèo, ở nông thôn và lạc hậu; mức sinh lợi của sức lao động rất kém; còn người dân thì thiếu giáo dục. Dường như đó là bản chất cố hữu của một châu Phi vĩnh viễn lạc hậu.

Ngoại trừ một điểm quan trọng là nền kinh tế đối ngẫu không hề tự nhiên mà cũng chẳng hề bất di bất dịch. Nó được chủ nghĩa đế quốc châu Âu tạo ra. Phải, vùng đất "Quê hương" thì nghèo, công nghệ thì lạc hậu, và người dân thì thiếu giáo dục. Nhưng tất cả những điều này là kết quả của một chính sách dùng vũ lực chặn đứng sự phát triển kinh tế của châu Phi và tạo ra một lực lượng lao động châu Phi kém giáo dục giá rẻ để tuyển dụng họ làm việc trong các hầm mỏ và nông trang do người châu Âu nắm giữ. Sau năm 1913, một số lượng khổng lồ người châu Phi bị đuổi ra khỏi đất đai của mình. Đất của họ sau đó được chuyển sang cho người da trắng nắm giữ, còn chính họ thì bị dồn vào sống trong vùng "Quê hương", một khu vực quá nhỏ để họ có thể kiếm được kế sinh nhai độc lập. Vì vậy, theo đúng như kế hoạch của người da trắng, họ buộc phải tìm sinh kế trong nền kinh tế của người da trắng bằng cách bán sức lao động với giá rẻ. Khi động

https://thuviensach.vn

cơ phát triển kinh tế của người châu Phi sụp đổ, tất cả những tiến bộ đạt được trong 50 năm trước đó đều bị đảo ngược. Họ từ bỏ cái cày và quay trở lại dùng xẻng để làm ruộng - nếu họ còn có cơ hội đó. Nhưng thông thường thì họ chỉ là nguồn lao động rẻ tiền, theo đúng dự tính ban đầu của kế hoạch tạo ra vùng đất "Quê hương".

Không những động cơ kinh tế bị phá bỏ mà ngay cả những thay đổi chính trị đã diễn ra trước đó cũng bị đảo ngược. Quyền lực của các tù trưởng và giới cai trị truyền thống, vốn đã suy giảm trước đó, được củng cố và gia tăng, bởi vì một phần trong dự án tạo ra nguồn nhân công rẻ mạt là xóa bỏ quyền tư hữu đất. Vì vậy quyền kiểm soát đất đai của các tù trưởng được tái lập. Những biện pháp này lên đến đỉnh điểm vào năm 1951, khi chính phủ ban hành Đạo luật Chính quyền Bantu. Vào thời điểm năm 1940, G. Findlay đã sớm nhận ra bản chất của vấn đề một cách hoàn toàn chính xác:

Quyền sở hữu đất đai tập thể theo bộ tộc bảo đảm rằng đất sẽ chẳng bao giờ được canh tác một cách đúng đắn và sẽ chẳng bao giờ thật sự thuộc về người bản xứ. Để có sức lao động rẻ thì cần phải có chỗ sinh con đẻ cái thật rẻ, và vì vậy người châu Phi được cấp cho vùng đất ấy với cái giá quá đắt.

Việc tước đoạt đất khỏi tay người nông dân châu Phi dẫn đến sự nghèo đói khắp nơi. Nó không những tạo ra cơ sở thể chế cho một nền kinh tế lạc hậu, mà còn tạo ra cả những người dân đói nghèo để phục vụ nền kinh tế ấy.

Những bằng chứng có được cho thấy có sự đảo ngược mức sống trong khu "Quê hương" sau khi Luật Đất đai cho người bản xứ được ban hành năm 1913. Hai khu vực Transkei và Ciskei bước vào giai đoạn kinh tế suy thoái kéo dài. Hồ sơ tuyển dụng của các công ty khai thác vàng do sử gia Francis Wilson thu thập cho thấy sự suy giảm xuất hiện trong toàn bộ nền kinh tế của Nam Phi. Theo sau Luật Đất đai cho người bản xứ và những

https://thuviensach.vn

đạo luật khác, lương của nhân công hầm mỏ giảm 30% trong giai đoạn từ 1911 đến 1921. Vào năm 1961, mặc dù kinh tế Nam Phi có sự tăng trưởng tương đối đều đặn, mức lương của công nhân hầm mỏ vẫn thấp hơn 12% so với năm 1911.

Nhưng ngay cả trong những tình huống như thế này, chẳng lẽ người châu Phi không thể tiến thân trong nền kinh tế châu Âu hiện đại, mở một cơ sở kinh doanh, hay theo đuổi học vấn và bắt đầu một sự nghiệp? Chính phủ có những biện pháp để đảm bảo những chuyện này không thể xảy ra. Không một người dân châu Phi nào được phép sở hữu tài sản hay thành lập kinh doanh trong khu vực kinh tế châu Âu - vốn chiếm 87% diện tích đất đai. Chế độ phân biệt chủng tộc cũng nhận ra rằng người châu Phi có giáo dục sẽ cạnh tranh với người da trắng thay vì cung cấp sức lao động rẻ tiền cho các hầm mỏ và các trang trại nông nghiệp do người da trắng làm chủ. Ngay từ năm 1904 một hệ thống bảo vệ việc làm cho người châu Âu đã được áp dụng trong ngành khai thác mỏ. Không một người châu Phi nào được phép làm công việc pha trộn hóa chất, xét nghiệm kim loại, cai mỏ, thợ rèn, thợ đốt lò, thợ đánh bóng đồng thau, thợ nề… danh sách này tiếp tục kéo dài không dứt cho đến tận nghề thợ chế biến gỗ. Chỉ bằng một quyết định của chính phủ, người châu Phi đã bị cấm không được làm những công việc có kỹ năng trong ngành khai thác mỏ. Đây là sự hiện diện đầu tiên của sự “phân biệt màu da”, một trong những phát minh kỳ thị chủng tộc của chế độ Nam Phi. Sự phân biệt màu da được nhân rộng trên toàn bộ nền kinh tế vào năm 1926, và kéo dài mãi đến tận thập niên 1980. Không có gì đáng ngạc nhiên khi người châu Phi da đen không có học; chính phủ Nam Phi không những loại bỏ khả năng người châu Phi có thể hưởng những lợi ích kinh tế nhờ giáo dục mà còn từ chối đầu tư vào trường học cho người da đen và cản trở việc giáo dục cho họ. Chính sách này lên đến đỉnh điểm vào thập niên 1950, khi dưới sự lãnh đạo của Hendrik Verwoerd, một trong những kiến trúc sư của chế độ kỳ thị chủng tộc kéo dài đến tận năm 1994, chính phủ Nam Phi đã thông qua Đạo luật Giáo dục Bantu. Tư

https://thuviensach.vn

tưởng triết lý đằng sau đạo luật này được chính Verwoerd nói toạc ra trong một bài diễn văn năm 1954:

Người Bantu cần được định hướng để phục vụ cho cộng đồng của hắn ta trên mọi phương diện. Hắn ta không có chỗ đứng trong cộng đồng người châu Âu ngoại trừ làm một số công việc lao động tay chân nhất định… Vì lý do đó, không ích lợi gì khi cho hắn được hưởng một nền giáo dục với mục đích gia nhập cộng đồng châu Âu khi hắn không thể và sẽ không được chấp nhận ở đó.

Dĩ nhiên, hình thức kinh tế đối ngẫu được diễn tả trong bài diễn văn của Verwoerd hơi khác với lý thuyết kinh tế đối ngẫu của Lewis. Ở Nam Phi kinh tế đối ngẫu không phải là một kết quả không thể tránh khỏi của quá trình phát triển. Nó được chính phủ Nam Phi tạo ra. Ở Nam Phi, người nghèo không thể di chuyển một cách thuận lợi từ khu vực lạc hậu sang khu vực hiện đại khi nền kinh tế phát triển. Ngược lại, sự thành công của khu vực kinh tế hiện đại phụ thuộc vào sự tồn tại của khu vực kinh tế lạc hậu, điều này cho phép các ông chủ da trắng thu được những khoản lợi nhuận kếch xù bằng cách trả lương rất thấp cho công nhân da đen không kỹ năng. Ở Nam Phi sẽ không bao giờ xảy ra quá trình người lao động không kỹ năng từ khu vực kinh tế truyền thống dần dần tích lũy giáo dục và kỹ năng như trong mô hình của Lewis tiên đoán. Trên thực tế, người ta cố tình ngăn không cho công nhân da đen có kỹ năng và ngăn họ không được tiếp cận những công việc đòi hỏi kỹ năng cao để công nhân da trắng có kỹ năng không gặp phải một sự cạnh tranh nào và được hưởng lương cao. Ở Nam Phi người châu Phi da đen thật sự bị "nhốt" trong khu vực kinh tế truyền thống, trong vùng đất "Quê hương". Nhưng đây không phải là một vấn đề phát triển mà tăng trưởng kinh tế có thể giải quyết. Vùng đất "Quê hương" chính là điều kiện cần để giúp nền kinh tế của người da trắng phát triển.

Cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi hình thức phát triển kinh tế mà người Nam Phi da trắng đạt được suy cho cùng cũng rất giới hạn, dựa vào

https://thuviensach.vn

các thể chế chiếm đoạt mà người da trắng đã xây dựng để bóc lột người da đen. Người Nam Phi da trắng có quyền sở hữu tài sản, họ đầu tư cho giáo dục, có thể khai thác vàng và kim cương và bán chúng để kiếm lời trên thị trường thế giới. Nhưng hơn 80% dân số Nam Phi bị đẩy ra bên lề xã hội và không được tham gia vào hầu hết các hoạt động kinh tế mà họ hằng ao ước. Người da đen không thể sử dụng tài năng của họ; họ không thể trở thành công nhân có tay nghề, doanh nhân, kỹ sư hay nhà khoa học. Các thể chế kinh tế ở đây mang tính chiếm đoạt; người da trắng làm giàu bằng cách chiếm đoạt từ người da đen. Thật vậy, người da trắng Nam Phi có tiêu chuẩn sống ngang bằng tiêu chuẩn sống ở các nước Tây Âu, trong khi người da đen Nam Phi chẳng giàu có gì hơn những người sống trong các khu vực khác của châu Phi hạ Sahara. Tăng trưởng kinh tế theo kiểu này không có sự phá hủy sáng tạo, mà chỉ có người da trắng được hưởng lợi, tiếp tục kéo dài chừng nào doanh thu từ vàng và kim cương tiếp tục tăng. Tuy nhiên vào thập niên 1970, nền kinh tế ngừng tăng trưởng.

Và cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi các thể chế kinh tế chiếm đoạt này được xây dựng trên nền tảng một tập hợp các thể chế chính trị mang tính chiếm đoạt cao. Trước khi bị lật đổ vào năm 1994, hệ thống chính trị Nam Phi trao tất cả quyền lực vào tay người da trắng, những người duy nhất được quyền bầu cử và ứng cử. Người da trắng kiểm soát lực lượng cảnh sát, quân đội và tất cả các thể chế chính trị. Những thể chế này được tổ chức dưới sự chi phối quân sự của những người định cư da trắng. Vào thời điểm Liên hiệp Nam Phi được thành lập năm 1910, những thể chế chính trị của người người châu Âu gốc Hà Lan tại Orange Free State và Transvaal mang màu sắc phân biệt chủng tộc rõ rệt, trao quyền bầu cử cho người da trắng và tuyệt đối ngăn cấm người da đen tham gia chính trị. Natal và Cape Colony cho phép người da đen bỏ phiếu nếu họ đáp ứng được tiêu chuẩn về tài sản, mà thông thường thì họ không thể. Hiện trạng của Natal và Cape Colony được giữ nguyên vào năm 1910, nhưng đến thập niên 1930, người da đen ở khắp nơi trên Nam Phi đều không còn quyền bầu cử.

https://thuviensach.vn

Nền kinh tế đối ngẫu của Nam Phi chấm dứt vào năm 1994, nhưng không phải vì những lý do mà Sir Arthur Lewis đã đưa ra trong lý thuyết của ông. Không phải quá trình kinh tế phát triển tự nhiên đã chấm dứt sự phân biệt màu da và xóa bỏ vùng đất "Quê hương". Chính người da đen Nam Phi đã phản đối và đứng dậy chống lại một chế độ không công nhận những quyền lợi cơ bản của họ và không chia sẻ những lợi ích tăng trưởng kinh tế với họ. Sau cuộc nổi dậy Soweto vào năm 1976, các cuộc phản đối trở nên có tổ chức hơn, mạnh mẽ hơn và cuối cùng đã lật đổ nhà nước phân biệt chủng tộc. Chính sức mạnh của những người da đen đã dám tổ chức và nổi dậy mà cuối cùng nền kinh tế đối ngẫu Nam Phi đã bị chấm dứt theo cùng một cách thức mà thế lực chính trị của người Nam Phi da trắng đã dùng để tạo ra nền kinh tế đối ngẫu đó lúc ban đầu.

SỰ PHÁT TRIỂN BỊ ĐẢO NGƯỢC

Sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới tồn tại ngày hôm nay là bởi vì trong thế kỷ 19 và 20 một số quốc gia có thể tận dụng Cuộc Cách mạng công nghiệp cùng các công nghệ và phương pháp tổ chức mà cuộc cách mạng này đem lại, trong khi các quốc gia khác thì không. Thay đổi công nghệ chỉ là một trong những yếu tố dẫn đến thịnh vượng, nhưng có lẽ là yếu tố quyết định nhất. Những quốc gia không thể tận dụng công nghệ mới thì cũng không thể hưởng lợi từ những yếu tố giúp tăng trưởng khác. Như chúng tôi đã minh họa trong chương này và chương trước, thất bại này bắt nguồn từ các thể chế chiếm đoạt, là hệ quả của việc kéo dài các chế độ chuyên chế hoặc do nhà nước thiếu tập quyền. Nhưng chương này cũng cho thấy trong nhiều trường hợp, các thể chế chiếm đoạt gây ra sự nghèo đói tại các quốc gia này được áp đặt, hay ít nhất là được gia tăng, bởi chính quá trình đã giúp kích thích sự tăng trưởng của châu Âu: sự bành trướng thuộc địa và thương mại châu Âu. Thật vậy, nguồn lợi nhuận của các đế chế thuộc địa châu Âu thường phụ thuộc vào việc phá hủy các thể chế chính trị độc lập và nền kinh tế bản địa trên khắp thế giới, và phụ thuộc vào sự hình thành các thể chế chiếm đoạt ngay từ cấp cơ sở, như đã xảy ra trên các đảo

https://thuviensach.vn

vùng biển Caribê. Tại đây, tiếp theo sau sự suy sụp dân số gần như hoàn toàn của người dân địa phương, người châu Âu đã nhập khẩu người nô lệ châu Phi và thành lập hệ thống đồn điền.

Chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được các thành bang độc lập trong quần đảo Banda, ở Aceh hay ở Miến Điện (Myanmar) sẽ phát triển theo hướng nào nếu không có sự can thiệp của người châu Âu. Có thể họ đã có được cuộc Cách mạng Vinh quang riêng của họ hay dần phát triển những thể chế chính trị và kinh tế dung hợp hơn dựa trên sự phát triển thương mại gia vị và các hàng hóa giá trị khác. Nhưng khả năng này đã bị phá vỡ bởi sự bành trướng của Công ty Đông Ấn Hà Lan. Công ty này đã xóa bỏ bất kỳ hy vọng phát triển nào của người bản địa trong quần đảo Banda bằng cách tiến hành chiến tranh diệt chủng. Mối đe dọa từ công ty này còn khiến các thành bang khác trong khu vực Đông Nam Á rút lui khỏi hoạt động ngoại thương.

Chuyện xảy ra tại một trong những nền văn minh cổ xưa nhất ở châu Á, Ấn Độ, cũng diễn ra tương tự như vậy, mặc dù sự đảo ngược phát triển không phải do người Hà Lan mà là do người Anh gây ra. Ấn Độ là nước sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc lớn nhất trên thế giới vào thế kỷ 18. Vải calico và vải muslin của Ấn Độ tràn ngập thị trường châu Âu và được buôn bán trên khắp châu Á và thậm chí ở cả Đông Phi. Công ty chính chuyên chở các mặt hàng này đến quần đảo Anh là Công ty Đông Ấn Anh Quốc. Thành lập năm 1600, hai năm trước công ty Đông Ấn Hà Lan, Công ty Đông Ấn Anh Quốc đã dành toàn bộ thế kỷ 17 để cố gắng thiết lập độc quyền buôn bán mặt hàng xuất khẩu giá trị này từ Ấn Độ. Người Anh đã phải cạnh tranh với người Bồ Đào Nha (có căn cứ ở Goa, Chittagong và Bombay), và với người Pháp (có căn cứ ở Pondicherry, Chandernagore, Yanam và Karaikal). Không may cho Công ty Đông Ấn Anh Quốc là cuộc Cách mạng Vinh quang đã nổ ra, như chúng ta thấy trong chương 7. Độc quyền mà Công ty Đông Ấn Anh Quốc có được là do triều đại Stuart ban cho và độc quyền này ngay lập tức bị thách thức sau năm 1688, và thậm chí

https://thuviensach.vn

bị hủy bỏ trong vòng hơn một thập niên. Việc công ty mất quyền lực dẫn đến một hệ quả quan trọng khác, như chúng ta thấy trong một chương trước, bởi vì các nhà sản xuất hàng may mặc Anh đã thuyết phục Nghị viện Anh cấm nhập khẩu vải calico, mặt hàng sinh lợi nhất cho công ty. Sang thế kỷ 18, dưới sự dẫn dắt của Robert Clive, Công ty Đông Ấn Anh Quốc thay đổi chiến lược và bắt đầu xây dựng một đế chế trên lục địa Ấn Độ. Vào lúc đó, Ấn Độ bị phân chia thành những địa hạt chính trị cạnh tranh với nhau, mặc dù nhiều địa hạt trong số này trên danh nghĩa vẫn nằm dưới sự kiểm soát của hoàng đế Mughal ở Delhi. Công ty Đông Ấn đầu tiên mở rộng về phía đông Bengal, đánh bại giới cai trị địa phương ở trận chiến Plassey năm 1757 và Buxar năm 1764. Công ty Đông Ấn cướp bóc của cải trong vùng và tiếp nhận, thậm chí còn đẩy mạnh các thể chế thu thuế mang tính chiếm đoạt của giới cai trị trong đế chế Mughal Ấn Độ. Sự bành trướng của công ty xảy ra cùng lúc với việc ngành dệt may Ấn Độ bị thu hẹp đáng kể, bởi vì suy cho cùng giờ đây đã không còn thị trường cho những hàng hóa này ở Anh. Sự thu hẹp diễn ra cùng với hiện tượng phi đô thị hóa và gia tăng nghèo đói. Nó mở đầu một giai đoạn phát triển bị đảo ngược kéo dài ở Ấn Độ. Trong một thời gian ngắn, thay vì sản xuất hàng may mặc, người Ấn Độ phải mua quần áo từ Anh và trồng thuốc phiện cho Công ty Đông Ấn để họ bán sang Trung Quốc.

Ngành buôn nô lệ qua biển Đại Tây Dương cũng làm nảy sinh những diễn tiến tương tự như ở châu Phi, mặc dù trong những điều kiện kém phát triển hơn ở Đông Nam Á và Ấn Độ. Nhiều quốc gia châu Phi bị biến thành những cỗ máy chiến tranh với mục đích bắt và bán nô lệ cho người châu Âu. Khi xung đột giữa các thể chế và quốc gia biến thành những cuộc chiến kéo dài không ngừng nghỉ, các thể chế nhà nước, trong nhiều trường hợp, đã không đạt được mức độ tập trung chính trị bao nhiêu và đã sụp đổ tại nhiều nước Phi châu, dọn đường cho sự hiện diện lâu dài của các thể chế chiếm đoạt và các quốc gia thất bại ngày nay mà chúng ta sẽ nghiên cứu ở các phần sau. Ở một vài nơi trên châu Phi không bị tác động của buôn nô lệ, như Nam Phi, người châu Âu đã áp đặt một thể chế khác, lần này nhằm

https://thuviensach.vn

tạo ra một nguồn cung lao động rẻ tiền cho các hầm mỏ và nông trại của họ. Nhà nước Nam Phi tạo ra một nền kinh tế đối ngẫu, ngăn không cho 80% dân số tham gia vào các ngành nghề có kỹ năng, nông nghiệp có tính thương mại và kinh doanh. Tất cả những điều này không những giải thích vì sao công nghiệp hóa đã không xuất hiện tại nhiều nơi trên thế giới mà còn cho thấy bằng cách nào sự phát triển kinh tế đôi khi có thể nuôi dưỡng, thậm chí là tạo ra sự kém phát triển tại một số nơi khác trong nền kinh tế nội địa hay nền kinh tế thế giới.

https://thuviensach.vn

10. TRUYỀN BÁ SỰ THỊNH V ƯỢNG

TRỘM CẮP CŨNG CÓ DANH DỰ

NƯỚC ANH VÀO THẾ KỶ 18, hay nói chính xác hơn là Vương quốc Anh sau khi Anh, xứ Wales và Scotland hợp nhất vào năm 1707, đã có một giải pháp đơn giản để đối phó với những kẻ tội phạm: biến đi cho đỡ nhức mắt, biến đi cho đỡ nhức óc, hoặc ít ra là biến đi cho đỡ rắc rối. Họ đưa tội phạm đến các vùng thuộc địa lưu đày của Đế quốc Anh. Trước khi xảy ra cuộc chiến giành độc lập ở Mỹ, tội phạm và những người bị kết án chủ yếu bị đày đến đây. Sau năm 1783, Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ độc lập không chấp nhận tội phạm người Anh nữa. Chính quyền Anh phải tìm một nơi khác cho họ. Thoạt đầu, người ta nghĩ đến Tây Phi. Tuy nhiên, khí hậu khắc nghiệt cùng với dịch bệnh đặc hữu như sốt rét và bệnh vàng da mà người châu Âu không có khả năng miễn dịch đã gây tử vong khủng khiếp đến mức chính quyền quyết định ngay cả tội phạm cũng không thể bị đày đến "nghĩa trang của người da trắng" này. Phương án kế tiếp là châu Úc. Vùng ven biển phía đông của lục địa này đã được nhà hàng hải vĩ đại, thuyền trưởng James Cook, khám phá. Vào ngày 29/4/1770, Cook cập bến ở một vịnh nhỏ xinh đẹp mà ông gọi là vịnh Botany, nhằm tôn vinh các chủng loài sinh vật phong phú mà các nhà tự nhiên học đi cùng ông đã tìm thấy ở đây. Vịnh Botany dường như là một địa điểm lý tưởng cho chính phủ Anh. Nơi đây có khí hậu ôn hòa và rõ ràng là "khuất mắt" như người ta có thể hình dung.

Tháng 1/1788, dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Arthur Phillip, một hạm đội gồm 11 con tàu chở những người bị kết án đến vịnh Botany. Ngày 26/1, mà ngày nay đã trở thành ngày Quốc khánh Úc, họ dựng trại tại Sydney Cove, trung tâm của thành phố Sydney hiện đại. Họ gọi nơi đây là thuộc địa New South Wales. Trên một trong những con tàu này, tàu Alexander, dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Duncan Sinclair, có một cặp

https://thuviensach.vn

vợ chồng tội phạm, Henry và Susannah Cable. Susannah bị kết tội ăn cắp và thoạt đầu bị kết án tử hình. Bản án sau đó được giảm xuống còn 14 năm tù và bị đày đến thuộc địa Mỹ. Kế hoạch lưu đày không thực hiện được với nền độc lập của Hoa Kỳ. Trong khi đó, ở nhà tù Norwich Castle, Susannah gặp gỡ và đem lòng yêu Henry, cũng là một tù nhân. Năm 1787, cô được chọn đưa đến thuộc địa tội phạm mới ở Úc trên chuyến tàu đầu tiên đến đây. Nhưng Henry không có mặt trong nhóm này. Đến lúc đó, Susannah và Henry đã có một con trai, cũng được đặt tên là Henry. Quyết định này có nghĩa là gia đình họ sẽ bị chia ly. Susannah được chuyển tới một thuyền chứa tù nhân neo đậu trên sông Thames, nhưng tin tức về câu chuyện chia ly này đã tới tai nhà từ thiện Lady Cadogan. Lady Cadogan đã tổ chức thành công một chiến dịch đoàn tụ gia đình cho nhà Cable. Bây giờ cả gia đình cùng được đưa đến Úc. Lady Cadogan cũng quyên góp được 20 bảng Anh để mua hàng hóa vật dụng cho họ mà họ sẽ được nhận khi đến Úc. Được vận chuyển trên thuyền Alexander, nhưng khi đến Vịnh Botany, bưu kiện hàng hóa đã biến mất, hoặc chí ít đó là những gì thuyền trưởng Sinclair tuyên bố.

Nhà Cable có thể làm gì? Theo luật pháp của Vương quốc Anh thì họ gần như không thể làm gì được. Mặc dù vào năm 1787, nước Anh đã có các thể chế chính trị và kinh tế mang tính dung hợp, nhưng tính dung hợp này không áp dụng cho những người bị kết án, những người không có quyền gì trên thực tế. Họ không được sở hữu tài sản. Họ chắc chắn không thể khởi kiện bất cứ ai ra tòa. Trên thực tế, họ thậm chí còn không được làm chứng trước tòa. Sinclair biết điều này và có thể đã đánh cắp bưu kiện. Mặc dù không bao giờ thừa nhận điều đó, nhưng ông huênh hoang rằng nhà Cable không thể kiện ông được. Ông có lý theo luật pháp Anh. Nếu là ở Anh thì toàn bộ câu chuyện hẳn đã kết thúc ở đó, nhưng ở Úc thì không. Một trát lệnh đã được ban hành cho ủy viên công tố David Collins như sau:

Trước khi rời nước Anh, Henry Cable và vợ, những người định cư mới của vùng này, có một bưu kiện vận chuyển trên tàu Alexander của thuyền

https://thuviensach.vn

trưởng Duncan Sinclair, gồm quần áo và một số vật dụng khác phù hợp với tình hình hiện tại của họ, do các nhà hảo tâm quyên góp và mua sắm cho Henry Cable, vợ và con sử dụng. Họ đã làm đơn trình bày mục đích là muốn nhận lại bưu kiện nói trên từ chủ tàu Alexander hiện đang đậu tại cảng này, và ngoại trừ một phần nhỏ của bưu kiện nói trên bao gồm một vài quyển sách, phần còn lại, vốn có giá trị đáng kể, vẫn còn trên tàu Alexander; chủ tàu tỏ ý không quan tâm lo liệu việc chuyển giao đến các chủ sở hữu như trên.

Vì không biết chữ, cả Henry và Susannah đều không thể ký vào trát lệnh mà chỉ đánh dấu thập ở bên dưới. Cụm từ "những người định cư mới của vùng này" sau đó đã bị gạch bỏ, nhưng có ý nghĩa quan trọng. Có người dự đoán rằng nếu Henry Cable và vợ ông được mô tả là những người bị kết án, thì chắc vụ kiện sẽ không có hy vọng được giải quyết. Thay vào đó, người ta nảy ra ý tưởng gọi họ là những người định cư mới. Vụ kiện có thể hơi khó cho thẩm phán Collins, và rất có thể chính ông là người đã nghĩ ra cách gọi này. Tuy nhiên, trát lệnh đã phát huy tác dụng. Collins không bỏ qua vụ kiện, ông triệu tập tòa án với toàn bộ thành phần bồi thẩm đoàn là các binh lính. Sinclair được triệu tập tại tòa. Mặc dù Collins không nhiệt tình lắm với vụ kiện và bồi thẩm đoàn gồm những người được cử đến Úc để canh gác những người bị kết án như gia đình nhà Cable, thế nhưng nhà Cable vẫn thắng. Sinclair cãi rằng nhà Cable là tội phạm. Nhưng phán quyết vẫn giữ nguyên, và ông phải trả 15 bảng.

Để ra phán quyết, Thẩm phán Collins đã không áp dụng luật pháp Anh. Đây là vụ kiện dân sự đầu tiên tại Úc. Vụ kiện hình sự đầu tiên xảy ra cũng không kém phần kỳ quái đối với những người sống ở Anh. Một tội phạm đã bị quy tội ăn cắp bánh mì của một tội phạm khác, trị giá 2 xu. Vào thời bấy giờ, những vụ việc như thế này sẽ không được đưa ra tòa, vì những người bị kết án không được phép sở hữu bất cứ thứ gì. Nhưng nước Úc không phải là nước Anh; và đơn giản luật pháp Úc không phải là luật

https://thuviensach.vn

pháp Anh. Và chẳng bao lâu sau, Úc trở nên khác với Anh cả về luật hình sự và luật dân sự cũng như về nhiều thể chế kinh tế và chính trị khác.

Thuộc địa lưu đày New South Wales thoạt đầu bao gồm những kẻ bị kết án và những người gác tù, chủ yếu là binh sĩ. Mãi đến những năm 1820 vẫn chưa có nhiều "người định cư tự do" tại Úc; và việc đưa tội phạm đến đây mặc dù đã chấm dứt từ năm 1840 ở New South Wales, nhưng vẫn tiếp diễn cho đến năm 1868 ở Tây Úc. Các tội phạm phải làm "những công việc bắt buộc", một cách gọi khác của lao động cưỡng bức, và những người canh gác họ dự định kiếm tiền từ công việc này. Thoạt đầu, các tội phạm không được trả công lao động mà chỉ được cung cấp thực phẩm. Lính gác sẽ chiếm giữ những gì họ sản xuất ra. Nhưng cũng hệt như hệ thống mà Công ty Virginia thử nghiệm ở Jamestown, hệ thống này vận hành không trôi chảy lắm, vì không có động cơ khuyến khích các tội phạm làm việc tốt và chăm chỉ. Họ bị đánh bằng roi hoặc bị trục xuất đến đảo Norfolk ở Thái Bình Dương cách hơn 1.000 dặm (1.609 km) về phía đông của Úc, với diện tích chỉ có 13 dặm vuông (33,7 km^2). Nhưng vì việc trục xuất hay đánh đập đều không mang lại kết quả, phương án khác là tạo ra các động cơ khuyến khích. Đây không phải là một ý tưởng tự nhiên đối với các binh sĩ và những người gác tù. Tội phạm vẫn là tội phạm, và người ta quen cho rằng họ không có quyền bán sức lao động hay sở hữu tài sản. Nhưng không có ai khác để làm việc ở Úc. Lẽ dĩ nhiên, ở Úc cũng có khoảng một triệu thổ dân vào thời điểm hình thành thuộc địa New South Wales, nhưng họ sống rải rác trên một lục địa rộng lớn, và vì vậy không đủ để xây dựng một nền kinh tế dựa vào việc bóc lột sức lao động của họ. Không có phương án theo kiểu châu Mỹ La-tinh ở Úc. Vì thế, những người cai tù bước vào một lộ trình mà cuối cùng sẽ dẫn đến những thể chế thậm chí còn có tính dung hợp hơn so với ở Anh. Các tội phạm được giao một số nhiệm vụ để làm, và nếu họ có dư thời gian, họ có thể làm việc cho chính mình và được phép bán những gì họ sản xuất ra.

https://thuviensach.vn

Binh lính cũng được hưởng lợi từ quyền tự do kinh tế mới của các tội phạm. Sản xuất gia tăng, những người gác tù thiết lập các thế lực độc quyền để bán hàng hóa cho các tội phạm. Bán chạy nhất trong số các mặt hàng này là rượu rum. Hệt như các thuộc địa khác của Anh, New South Wales lúc bấy giờ được điều hành bởi một thống đốc do chính phủ Anh bổ nhiệm. Năm 1806, nước Anh bổ nhiệm William Bligh, mà 17 năm trước đây, năm 1789, vốn là thuyền trưởng tàu *H.M.S Bounty* trong cuộc bạo loạn nổi tiếng "Bạo loạn trên tàu *Bounty*". Bligh là người có kỷ luật nghiêm khắc, một đặc điểm mà có lẽ cũng là nguyên nhân dẫn đến cuộc bạo loạn thời đó. Tính cách của ông không thay đổi, và ông ngay lập tức thách thức độc quyền rượu rum. Điều này dẫn đến một cuộc nổi dậy, lần này được thực hiện bởi các thế lực độc quyền dưới sự lãnh đạo của một cựu chiến binh, John Macarthur. Sự kiện này được gọi là "Bạo loạn rượu rum"; và một lần nữa, Bligh bị lật đổ bởi những người nổi dậy nhưng lần này là trên đất liền chứ không phải trên tàu *Bounty*. Macarthur bắt giam Bligh. Sau đó, chính quyền Anh đưa quân đến giải quyết vụ bạo loạn. Macarthur bị bắt và bị đưa về Anh, nhưng sớm được phóng thích. Ông quay lại Úc và đóng một vai trò quan trọng trong cả nền chính trị và kinh tế của thuộc địa này.

Gốc rễ của *Bạo loạn rượu rum* nằm ở các lý do kinh tế. Chiến lược tạo ra động cơ khuyến khích tội phạm lao động đã làm cho rất nhiều người trở nên giàu có, chẳng hạn như Macarthur, một người lính đến Úc trong chuyến tàu thứ hai cập bến vào năm 1790. Năm 1796, ông giải ngũ để tập trung vào công việc kinh doanh. Lúc bấy giờ, ông đã gây dựng được đàn cừu đầu tiên và nhận ra rằng nghề nuôi cừu lấy len xuất khẩu rất có lời. Từ Sydney đi sâu vào nội địa là rặng núi Blue, và khi vượt qua rặng núi này vào năm 1813, người ta tìm thấy một đồng cỏ mênh mông ở bên kia sườn núi. Đó là thiên đàng của cừu. Macarthur nhanh chóng trở thành người giàu có nhất nước Úc. Ông và những người kinh doanh cừu như ông trở thành những người chiếm dụng đất bất hợp pháp, vì họ chăn thả cừu trên những vùng đất không thuộc sở hữu của họ. Đó là đất thuộc sở hữu của chính phủ Anh. Nhưng thoạt đầu, đây chỉ là một chi tiết nhỏ nhặt. Những người chiếm

https://thuviensach.vn

dụng đất trở thành giới quyền thế của Úc, hay gọi chính xác hơn, là giới địa chủ "nhảy dù" quyền thế (squattocracy).

Ngay cả với giới địa chủ quyền thế, New South Wales cũng không giống như các chế độ chuyên chế của Đông Âu hay các thuộc địa Nam Mỹ. Không có nông nô như ở Áo-Hung và Nga, và không có đông đảo người dân bản địa để bóc lột như ở Mexico và Peru. Thay vì thế, New South Wales giống như Jamestown bang Virginia, thể hiện trên nhiều phương diện: giới quyền thế cuối cùng nhận thấy có lợi khi xây dựng các thể chế kinh tế dung hợp hơn so với các thể chế ở Áo-Hung, Nga, Mexico và Peru. Những người bị kết án là lực lượng lao động duy nhất, và cách duy nhất để khuyến khích họ là trả tiền công cho những việc họ làm.

Các tội phạm nhanh chóng được phép trở thành các nghiệp chủ và thuê những tội phạm khác. Đáng chú ý hơn, họ thậm chí còn được cấp đất sau khi hoàn thành bản án của mình, và họ được phục hồi tất cả các quyền. Trong số đó đã có những người trở nên giàu có, ngay cả Henry Cable mù chữ. Đến năm 1798, ông sở hữu một khách sạn gọi là Ramping Horse, và cũng có một cửa hàng. Ông mua một con tàu và kinh doanh đồ da. Đến năm 1809, ông sở hữu ít nhất chín trang trại với diện tích khoảng 470 mẫu Anh cùng một số cửa hàng và nhà đất ở Sydney.

Xung đột tiếp theo ở New South Wales là giữa giới quyền thế và phần còn lại của xã hội, gồm những người bị kết án, cựu tù nhân và gia đình họ. Giới quyền thế dưới sự lãnh đạo của những người gác tù và cựu chiến binh như Macarthur còn bao gồm cả những người định cư tự do đã tới đây vì sự bùng phát của hoạt động kinh doanh len. Hầu hết đất đai vẫn nằm trong tay giới quyền thế, và các cựu tù nhân cũng như con cháu họ muốn chấm dứt việc đưa tù nhân đến thuộc địa, muốn có cơ hội được xét xử bởi một bồi thẩm đoàn gồm những người có cùng hoàn cảnh như họ, và muốn được tự do tiếp cận đất đai. Giới quyền thế không chấp nhận những yêu sách này. Mối quan tâm chính của họ là thiết lập quyền hợp pháp cho những vùng đất

https://thuviensach.vn

mà họ đang chiếm dụng. Tình hình cũng tương tự như những sự kiện đã xảy ra ở Bắc Mỹ hơn hai thế kỷ trước đây. Như chúng ta đã thấy trong chương 1, chiến thắng của những người lao động hợp đồng đối với Công ty Virginia được tiếp bước bởi các cuộc đấu tranh ở Maryland và Carolina. Tại New South Wales, vai trò của Lãnh chúa Baltimore và ngài Anthony Ashley Cooper đã được Macarthur và những người chiếm dụng đất đảm trách. Một lần nữa, chính phủ Anh cũng đứng về phía giới quyền thế, mặc dù chính phủ cũng sợ rằng một ngày kia, Macarthur và những người chiếm dụng đất có thể mong muốn tuyên bố độc lập.

Chính phủ Anh cử John Bigge đến Úc vào năm 1819 để lãnh đạo một ủy ban điều tra về các diễn biến phát triển ở đây. Bigge bị sốc bởi các quyền mà những người bị kết án được hưởng và ngạc nhiên bởi bản chất dung hợp của các thể chế kinh tế ở thuộc địa lưu đày này. Ông kiến nghị một cuộc cải tổ triệt để: các tội phạm không được sở hữu đất, không ai được phép trả lương cho họ nữa, lệnh ân xá bị hạn chế, cựu tù nhân không được cấp đất, và các biện pháp trừng phạt được tiến hành hà khắc hơn. Bigge xem các địa chủ quyền thế là giới quý tộc tự nhiên của Úc và hình dung một xã hội chuyên chế dưới sự thống trị của họ. Thế nhưng điều này đã không xảy ra.

Trong khi Bigge cố gắng quay ngược bánh xe lịch sử, các cựu tù nhân và con cái họ ngày càng đòi hỏi nhiều quyền lợi hơn. Quan trọng nhất, họ nhận ra rằng, một lần nữa, cũng giống như ở Hoa Kỳ, để củng cố các quyền kinh tế và chính trị đầy đủ của mình, họ cần có những thể chế chính trị dung hợp để họ có tiếng nói trong quá trình ra quyết định. Họ đòi hỏi phải có các cuộc bầu cử để họ có thể tham gia một cách bình đẳng. Họ cũng đòi hỏi cả các thể chế đại diện và hội đồng trong đó họ có thể nắm giữ vị trí.

Cựu tù nhân và con cái họ được lãnh đạo bởi nhà văn kiêm nhà thám hiểm và nhà báo sôi nổi William Wentworth. Wentworth là một trong những người dẫn đầu đoàn thám hiểm đầu tiên băng qua rặng núi Blue, mở

https://thuviensach.vn

ra cánh đồng cỏ bạt ngàn cho những người chiếm dụng đất; hiện nay một thị trấn ở vùng núi này vẫn mang tên ông. Ông đồng cảm với những người bị kết án, có lẽ vì cha ông đã từng bị cáo buộc là cướp đường và phải chấp nhận bị đưa đến Úc để tránh bị xét xử và kết án. Lúc bấy giờ, Wentworth là người nhiệt liệt đề xướng các thể chế chính trị dung hợp, một hội đồng dân cử, bồi thẩm đoàn xét xử cho cựu tù nhân và gia đình họ, và chấm dứt việc đưa tù nhân đến New South Wales. Ông sáng lập một tòa báo, tờ *Australian*, từ đó tấn công vào các thể chế chính trị hiện hành. Macarthur không thích Wentworth và chắc chắn không thích những điều Wentworth yêu cầu. Ông lập ra một danh sách những người ủng hộ Wentworth và mô tả họ như sau:

bị kết án treo cổ kể từ khi đến đây

nhiều lần bị phạt đánh ở đằng sau xe kéo

một người Do Thái Luân Đôn

một chủ quán rượu người Do Thái vừa bị tước giấy phép kinh doanh

một người bán đấu giá bị lưu đày vì mua bán nô lệ

thường bị phạt đánh ở đây

con trai của hai người bị kết án

một kẻ lừa đảo, ngập trong nợ nần

một kẻ phiêu lưu người Mỹ

một luật sư với tính cách vô giá trị

một người lạ vừa thất bại trong một cửa hàng ca nhạc

kết hôn với con gái của hai người bị kết án

https://thuviensach.vn

kết hôn với một người bị kết án, vốn là một cô gái chơi trống lục lạc trước đây.

Tuy nhiên, sự phản đối quyết liệt của Macarthur và những người chiếm dụng đất không thể ngăn được làn sóng đang dâng cao ở Úc. Nhu cầu về các thể chế đại diện hết sức mãnh liệt và không thể bị dập tắt. Cho đến năm 1823, thống đốc ở đây đã tự cai trị New South Wales ít nhiều theo cách riêng của mình. Năm đó, chính phủ Anh thành lập một hội đồng nhằm hạn chế quyền lực của ông. Thoạt đầu, những người được bổ nhiệm vào hội đồng đều xuất thân từ những người chiếm dụng đất và những người không bị kết án thuộc giới quyền thế, trong đó có Macarthur, nhưng điều này không thể kéo dài. Năm 1831, thống đốc Richard Bourke phải nhượng bộ trước áp lực và lần đầu tiên cho phép cựu tù nhân tham gia bồi thẩm đoàn. Các cựu tù nhân và trên thực tế, nhiều người mới định cư tự do, cũng muốn chấm dứt việc đưa tù nhân từ Anh sang Úc, vì điều này gây ra cạnh tranh trên thị trường lao động và làm giảm tiền lương. Giới địa chủ quyền thế muốn duy trì mức lương thấp nhưng họ đã thất bại. Năm 1840, việc đưa tội phạm đến New South Wales được chấm dứt, và đến năm 1842, Hội đồng lập pháp được thành lập với 2/3 thành viên được bầu (phần còn lại được chỉ định). Những người từng bị kết án trước đây có thể tranh cử và đi bầu nếu họ có đủ tài sản, và nhiều người đã đạt được điều này.

Đến thập niên 1850, Úc đã áp dụng hệ thống bầu cử phổ thông dành cho nam giới da trắng trưởng thành. Nhu cầu của công dân, cựu tù nhân và gia đình họ giờ đây vượt xa những gì mà William Wentworth từng hình dung lúc đầu. Thật ra, lần này ông đứng về phe bảo thủ, nhất quyết không đồng ý Hội đồng lập pháp được bầu. Nhưng cũng giống như Macarthur trước đây, Wentworth không thể ngăn chặn làn sóng hướng tới các thể chế chính trị dung hợp. Năm 1856, bang Victoria, vốn được tách ra từ New South Wales vào năm 1851, và bang Tasmania đã trở thành những nơi đầu tiên trên thế giới thực hiện việc bỏ phiếu kín trong hoạt động bầu cử, chấm dứt việc cưỡng bức và mua bán lá phiếu. Ngày nay, người ta vẫn gọi

https://thuviensach.vn

phương pháp tiêu chuẩn để đạt được tính bí mật cá nhân trong việc bầu cử là phương pháp bỏ phiếu kín theo kiểu Úc.

Tình hình ban đầu tại Sydney bang New South Wales rất giống với tình hình ở Jamestown bang Virginia 181 năm trước đó, mặc dù những người định cư ở Jamestown chủ yếu là người lao động theo hợp đồng chứ không phải là những người bị kết án. Trong cả hai trường hợp, tình thế ban đầu không cho phép xây dựng các thể chế thuộc địa mang tính chiếm đoạt. Không thuộc địa nào có đông đảo người bản xứ để bóc lột, hay có sẵn các kim loại quý như vàng bạc, hay dễ dàng tiếp cận đất đai và cây trồng để xây dựng các đồn điền nô lệ mang lại lợi nhuận kinh tế. Hoạt động mua bán nô lệ vẫn sôi động trong thập niên 1780, và New South Wales biết đâu cũng đầy nô lệ nếu như điều đó mang lại lợi nhuận. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Cả công ty Virginia cũng như các binh lính và những người định cư tự do điều hành New South Wales đều phải nhượng bộ trước các áp lực, dần dần tạo ra các thể chế kinh tế dung hợp phát triển song song với các thể chế chính trị dung hợp. Điều này xảy ra ở New South Wales thậm chí còn dễ dàng và ít tranh đấu hơn so với ở Virginia, và những nỗ lực sau đó nhằm đảo ngược xu hướng này đều thất bại.

CŨNG GIỐNG NHƯ HOA KỲ, Úc đã trải qua một lộ trình tiến tới các thể chế dung hợp khác với nước Anh. Hoa Kỳ hay Úc đều không cần đến những cuộc cách mạng từng làm rung chuyển nước Anh dưới thời nội chiến cũng như trong cuộc Cách mạng Vinh quang sau đó, vì hai nước này ra đời trong những hoàn cảnh rất khác; dù vậy, lẽ dĩ nhiên điều này không có nghĩa là các thể chế dung hợp đã hình thành mà không hề có bất kỳ một xung đột nào, và trong quá trình đó, Hoa Kỳ đã phải lật đổ chủ nghĩa thực dân Anh. Nước Anh vốn có một lịch sử cai trị chuyên chế lâu đời và cần phải có một cuộc cách mạng để lật đổ nó. Hoa Kỳ và Úc không có lịch sử cai trị đó. Mặc dù Lãnh chúa Baltimore ở Maryland và John Macarthur ở New South Wales có thể đã khao khát một vai trò như vậy, nhưng họ không thể xây dựng một thế lực đủ mạnh trong xã hội để kế hoạch của họ đơm

https://thuviensach.vn

hoa kết trái. Các thể chế dung hợp hình thành ở Hoa Kỳ và Úc có nghĩa là cuộc Cách mạng công nghiệp Anh có thể nhanh chóng lan đến những vùng đất này và dân chúng bắt đầu làm giàu. Con đường mà các quốc gia này đi qua đã được tiếp bước bởi các thuộc địa như Canada và New Zealand.

Vẫn còn những lộ trình khác để đến với các thể chế dung hợp. Phần lớn các quốc gia Tây Âu đã đi theo một lộ trình thứ ba dẫn đến các thể chế dung hợp dưới sự thúc đẩy của cuộc Cách mạng Pháp, lật đổ chế độ chuyên chế ở Pháp và sau đó dẫn đến hàng loạt các cuộc xung đột giữa các quốc gia và làm cho công cuộc cải cách thể chế lan ra khắp Tây Âu. Kết quả kinh tế của công cuộc cải cách này là sự vươn lên của các thể chế kinh tế dung hợp, Cách mạng công nghiệp và tăng trưởng kinh tế ở hầu hết các nước Tây Âu.

PHÁ VỠ CÁC RÀO CẢN: CUỘC CÁCH MẠNG PHÁP

Suốt ba thế kỷ trước năm 1789, nước Pháp theo chế độ quân chủ chuyên chế. Xã hội Pháp được chia thành ba tầng lớp, hay còn gọi là ba đẳng cấp. Giới quý tộc là tầng lớp đầu tiên, giới tăng lữ là tầng lớp thứ hai, và tất cả những thành phần còn lại thuộc tầng lớp thứ ba. Các tầng lớp khác nhau là đối tượng của luật pháp khác nhau, hai tầng lớp đầu tiên có những quyền mà những người còn lại không có. Giới quý tộc và giới tăng lữ không phải nộp thuế, trong khi dân chúng phải nộp nhiều loại thuế khác nhau, như ta có thể dự đoán về một chế độ chiếm đoạt. Trên thực tế, Giáo hội chẳng những được miễn thuế, mà còn sở hữu đất đai bạt ngàn và có thể đánh thuế riêng đối với nông dân. Nhà vua, giới quý tộc và tăng lữ có lối sống xa hoa, trong khi đa số tầng lớp thứ ba sống trong nghèo đói cùng cực. Luật pháp khác nhau không chỉ đảm bảo vị thế kinh tế thuận lợi hơn rất nhiều của giới quý tộc và tăng lữ, mà còn trao cho họ quyền lực chính trị.

https://thuviensach.vn

Cuộc sống ở các thành phố Pháp vào thế kỷ 18 thật khắc nghiệt và không lành mạnh. Hoạt động sản xuất chịu sự giám sát của các phường hội đầy thế lực, tạo ra thu nhập béo bở cho các thành viên phường hội nhưng ngăn cản những người khác tham gia vào các ngành nghề này hay thành lập doanh nghiệp mới. Cơ chế cũ kỹ này tự hào về tính liên tục và ổn định của nó. Sự gia nhập thị trường của các nghiệp chủ và những cá nhân tài năng trong các ngành nghề mới sẽ dẫn đến bất ổn và không được chấp nhận. Nếu cuộc sống ở thành phố đã khắc nghiệt thì đời sống nông thôn còn tồi tệ hơn. Như chúng ta đã thấy, vào thời kỳ này, hình thức cực đoan nhất của chế độ nông nô - sự ràng buộc người nông dân với đất đai, buộc họ phải làm việc và nộp địa tô cho các lãnh chúa phong kiến - đã suy tàn từ lâu ở Pháp. Tuy nhiên, việc lưu chuyển đi lại của họ vẫn bị hạn chế và vẫn còn nhiều nghĩa vụ phong kiến mà người nông dân Pháp phải nộp cho nhà vua, giới quý tộc và Giáo hội.

Trong bối cảnh này, cuộc Cách mạng Pháp là một sự kiện cấp tiến. Ngày 4/8/1789, Quốc hội Lập hiến (National Constituent Assembly) thay đổi hoàn toàn luật pháp của nước Pháp bằng cách đề xuất một hiến pháp mới. Điều khoản đầu tiên nêu rõ:

Từ đây, Quốc hội Lập hiến xóa bỏ hoàn toàn hệ thống phong kiến. Quốc hội quy định rằng, trong số các quyền và nghĩa vụ hiện hữu thuộc chế độ phong kiến và cống nạp, tất cả những gì bắt nguồn hay đại diện cho chế độ nông nô thực tế hay riêng tư đều được bãi bỏ mà không có bồi thường.

Điều 9 sau đó tiếp tục:

Các đặc quyền bằng tiền trong việc thu thuế, thực tế hay riêng tư, sẽ được xóa bỏ vĩnh viễn. Thuế sẽ được thu đối với toàn thể công dân và mọi tài sản, theo cùng một cách thức và cùng một hình thức như nhau. Kế hoạch thu thuế sẽ được xem xét sao cho mọi người đều nộp thuế theo tỷ lệ, ngay cả trong sáu tháng cuối năm nay.

https://thuviensach.vn

Như vậy, chỉ trong chớp mắt, Cách mạng Pháp đã xóa bỏ hệ thống phong kiến cùng với tất cả các nghĩa vụ và lệ phí mà hệ thống đó gây ra, đồng thời chấm dứt hoàn toàn việc miễn thuế đối với giới quý tộc và tăng lữ. Nhưng có lẽ điều cực đoan nhất, thậm chí không thể tưởng tượng nổi lúc bấy giờ, là điều 11, trong đó nêu rõ:

Toàn thể công dân, không phân biệt nguồn gốc xuất thân, đều có đủ tư cách tham gia bất kỳ cương vị hay chức vụ nào, bất kể trong giáo hội, dân sự hay quân đội; và không có nghề nghiệp nào được miễn trừ.

Vì vậy, giờ đây mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không chỉ trong cuộc sống hàng ngày và hoạt động kinh doanh, mà cả trong chính trị. Công cuộc cải cách của cách mạng vẫn tiếp tục sau ngày 4/8. Cách mạng tiếp tục xóa bỏ thẩm quyền thu thuế đặc biệt của Giáo hội và biến các giáo sĩ thành nhân viên nhà nước. Cùng với việc xóa bỏ các vai trò chính trị và xã hội cứng nhắc, các rào cản quan trọng đối với hoạt động kinh tế cũng được phá vỡ. Các phường hội và tất cả các biện pháp hạn chế lao động đều được bãi bỏ, tạo ra một sân chơi bình đẳng hơn tại các thành phố.

Những cải cách này là bước tiến đầu tiên hướng tới việc chấm dứt sự thống trị của chế độ quân chủ chuyên chế Pháp. Nhiều thập kỷ bất ổn và chiến tranh nối tiếp sau tuyên ngôn ngày 4/8. Tuy nhiên, đất nước đã đạt được một bước tiến không thể đảo ngược, thoát khỏi chủ nghĩa chuyên chế và các thể chế chiếm đoạt để hướng tới các thể chế chính trị và kinh tế dung hợp. Những thay đổi này sẽ được tiếp bước bằng công cuộc cải cách trong nền kinh tế và chính trị, mà đỉnh cao cuối cùng là nền Cộng hòa thứ ba vào năm 1870, mang đến cho Pháp một hệ thống nghị viện giống như cuộc Cách mạng Vinh quang đã mang đến cho nước Anh. Cách mạng Pháp gây ra nhiều bạo lực, đau khổ, bất ổn và chiến tranh. Tuy nhiên, nhờ vào cuộc Cách mạng đó, nước Pháp đã không bị bế tắc trong các thể chế chiếm đoạt làm cản trở tăng trưởng kinh tế và thịnh vượng như các chế độ chuyên chế của Đông Âu như Áo-Hung và Nga.

https://thuviensach.vn

Làm thế nào mà chế độ quân chủ chuyên chế Pháp bị đẩy đến bờ vực của Cách mạng 1789? Suy cho cùng, chúng ta đã thấy nhiều chế độ chuyên chế có thể tồn tại trong những thời gian dài, thậm chí trong tình trạng trì trệ kinh tế và biến động xã hội. Cũng như với hầu hết các trường hợp cách mạng và thay đổi căn bản, chính sự giao thoa của nhiều yếu tố đã mở đường cho cuộc Cách mạng Pháp, và những yếu tố này liên quan mật thiết với sự kiện là nước Anh đã công nghiệp hóa một cách nhanh chóng. Và tất nhiên như thường lệ, lộ trình xảy ra cũng mang tính chất ngẫu nhiên, khi các nỗ lực ổn định chế độ quân chủ thất bại và cuộc cách mạng nhằm thay đổi thể chế tại Pháp và các nơi khác ở châu Âu hóa ra đã thành công ngoài sức tưởng tượng vào năm 1789.

Nhiều luật lệ và đặc quyền ở Pháp là tàn dư của thời Trung cổ, không chỉ thiên vị tầng lớp thứ nhất và thứ hai nhiều hơn so với đại đa số quần chúng nhân dân mà còn trao cho họ đặc quyền đối với nhà vua. Louis XIV, mệnh danh là Hoàng đế Mặt trời, đã cai trị nước Pháp suốt 54 năm, từ năm 1661 đến khi ông băng hà vào năm 1715, dù thật ra ông lên ngôi vào năm 1643, lúc 5 tuổi. Ông củng cố sức mạnh của chế độ quân chủ, thúc đẩy hơn nữa quá trình hướng tới chủ nghĩa chuyên chế vốn bắt đầu từ nhiều thế kỷ trước đó. Nhiều vị vua thường tham khảo ý kiến của cái gọi là Hội đồng quý tộc, bao gồm các quý tộc được chính nhà vua lựa chọn cẩn thận. Mặc dù chủ yếu có tính chất tư vấn, hội đồng này vẫn đóng vai trò giới hạn quyền lực của nhà vua. Vì lý do này, Louis XIV cai trị mà không cần triệu tập Hội đồng. Dưới triều đại của ông, nước Pháp đã đạt được ít nhiều tăng trưởng kinh tế, ví dụ như thông qua việc tham gia vào hoạt động thương mại Đại Tây Dương và thương mại thuộc địa. Vị bộ trưởng tài chính tài năng của Vua Louis, Jean-Baptiste Colbert, cũng giám sát sự phát triển của ngành công nghiệp do chính phủ tài trợ và kiểm soát, một kiểu tăng trưởng mang tính chiếm đoạt. Điều này giúp hạn chế số lượng người được hưởng lợi từ sự tăng trưởng, gần như độc quyền cho tầng lớp thứ nhất và thứ hai. Louis XIV cũng muốn hợp lý hóa hệ thống thuế, vì nhà nước thường gặp khó khăn trong việc tài trợ cho những cuộc chiến tranh thường xuyên, đội

https://thuviensach.vn

quân thường trực hùng hậu, cũng như đoàn tùy tùng, tiêu dùng và cung điện xa hoa của nhà vua. Việc không thể đánh thuế ngay cả với giới quý tộc thiểu số cũng gây ra giới hạn nghiêm trọng cho nguồn thu ngân sách.

Mặc dù tăng trưởng kinh tế không đáng kể, nhưng khi Louis XVI lên ngôi vào năm 1774, xã hội đã có những thay đổi to lớn. Hơn nữa, tình trạng khó khăn về ngân sách trước đó đã biến thành một cuộc khủng hoảng ngân sách. Trong khi đó, cuộc Chiến tranh 7 năm với nước Anh từ năm 1756 đến 1763 lại vô cùng tốn kém, không những thế còn khiến Pháp mất thuộc địa Canada. Nhiều nhân vật nổi bật đã cố gắng cân bằng ngân sách hoàng gia bằng cách cơ cấu lại nợ và tăng thuế, như Anne-Robert-Jacques Turgot, một trong những nhà kinh tế nổi tiếng nhất lúc bấy giờ; Jacques Necker, người sẽ đóng vai trò quan trọng sau cách mạng; và Charles Alexandre de Calonne. Nhưng không ai thành công. Như một phần trong chiến lược của mình, Calonne thuyết phục Vua Louis XVI triệu tập Hội đồng quý tộc. Nhà vua và các cố vấn muốn Hội đồng thông qua cải cách của ông theo một diễn biến giống như Vua Charles I từng mong muốn Quốc hội Anh đồng ý tài trợ cho quân đội chiến đấu với Scotland khi ông triệu tập Quốc hội vào năm 1640. Hội đồng đã thực hiện một biện pháp bất ngờ và quy định rằng chỉ có một cơ quan đại diện, Quốc hội phong kiến Pháp (Estates-General), mới có thể thông qua những cải cách như vậy.

Quốc hội phong kiến Pháp là một cơ quan rất khác với Hội đồng quý tộc. Trong khi Hội đồng quý tộc chỉ bao gồm giới quý tộc và chủ yếu được nhà vua tuyển chọn cẩn thận trong số các quý tộc lớn, Quốc hội phong kiến bao gồm đại diện từ cả ba tầng lớp ở Pháp. Quốc hội phong kiến từng được triệu tập lần cuối cùng vào năm 1614. Khi Quốc hội phong kiến nhóm họp vào năm 1789 tại Versailles, ngay lập tức ai cũng thấy rõ ràng là không thể đạt được bất kỳ thỏa thuận nào. Đã có những khác biệt không thể hòa giải khi tầng lớp thứ ba nhận thấy đây là cơ hội để gia tăng sức mạnh chính trị của mình và muốn có nhiều phiếu bầu hơn trong Quốc hội phong kiến, còn giới quý tộc và tăng lữ kiên quyết phản đối. Cuộc họp kết thúc vào ngày

https://thuviensach.vn

5/5/1789 mà không đi đến bất kỳ giải pháp nào, ngoại trừ quyết định triệu tập một cơ quan quyền lực hơn, Quốc hội toàn dân (National Assembly), làm sâu sắc thêm cuộc khủng hoảng chính trị. Tầng lớp thứ ba, đặc biệt là các thương nhân, doanh nhân, những người hành nghề chuyên môn và các nghệ nhân, tất cả những người đang đòi hỏi quyền lực nhiều hơn, đã nhìn nhận diễn biến này như một bằng chứng về ảnh hưởng ngày càng tăng của họ. Do đó, trong Quốc hội toàn dân, họ thậm chí yêu cầu phải có nhiều tiếng nói hơn trong thủ tục tố tụng và nhiều quyền hơn nói chung. Diễn biến này đã thôi thúc sự ủng hộ của dân chúng trên mọi nẻo đường đất nước và dẫn đến việc tổ chức lại Quốc hội toàn dân thành Quốc hội Lập hiến vào ngày 9/7.

Trong khi đó, không khí trong nước, và đặc biệt là ở Paris, trở nên cấp tiến hơn. Phản ứng lại, giới bảo thủ xung quanh Louis XVI thuyết phục nhà vua sa thải Necker, vị bộ trưởng cải cách tài chính. Điều này dẫn đến phản ứng cực đoan hơn nữa trên các đường phố. Kết quả là cơn lốc cách mạng nổi tiếng phá sập nhà ngục Bastille vào ngày 14/7/1789. Từ đó trở đi, cuộc cách mạng bắt đầu trở nên quyết liệt. Necker được phục chức, và Marquis de Lafayette thuộc phe cách mạng được bổ nhiệm phụ trách Cảnh sát Quốc gia Paris.

Thậm chí còn ấn tượng hơn so với cơn lốc phá ngục Bastille là hành động của Quốc hội Lập hiến với niềm tin mới tìm thấy của mình: thông qua hiến pháp mới, bãi bỏ chế độ phong kiến và các đặc quyền của tầng lớp thứ nhất và thứ hai vào ngày 4/8/1789. Nhưng hành động cấp tiến này dẫn đến sự chia rẽ trong Quốc hội lập hiến, vì có quá nhiều ý kiến trái ngược nhau về cơ cấu xã hội sắp được định hình. Bước đầu tiên là sự ra đời của các phe phái địa phương, đáng chú ý nhất là phái Jacobin cấp tiến, mà sau này sẽ kiểm soát cuộc cách mạng. Đồng thời, giới quý tộc cũng tháo chạy khỏi đất nước với số lượng đông đảo, được gọi là những người lánh nạn (émigrés). Nhiều người cũng khuyến khích nhà vua cắt đứt với Quốc hội Lập hiến và có hành động đáp trả, hoặc tự mình hoặc với sự giúp đỡ của các cường

https://thuviensach.vn

quốc khác như Áo, quê hương của hoàng hậu Marie Antoinette, nơi mà hầu hết những người lánh nạn chạy sang. Khi dân chúng bắt đầu thấy sắp xảy ra nguy cơ đe dọa những thành tựu của cuộc cách mạng trong hai năm qua, phe cấp tiến bắt đầu tăng tốc. Quốc hội Lập hiến thông qua phiên bản cuối cùng của hiến pháp vào ngày 29/9/1791, biến nước Pháp thành một chế độ quân chủ lập hiến, mọi người đều có các quyền bình đẳng, không còn các nghĩa vụ thuế phí phong kiến, và chấm dứt mọi biện pháp hạn chế thương mại do các phường hội áp đặt. Nước Pháp vẫn theo chế độ quân chủ, nhưng bây giờ nhà vua gần như không có vai trò gì trên thực tế, thậm chí còn không có cả tự do.

Nhưng diễn biến cách mạng sau đó đã thay đổi không thể vãn hồi do cuộc chiến tranh nổ ra vào năm 1792 giữa Pháp và "Liên minh thứ nhất" dưới sự lãnh đạo của Áo. Chiến tranh làm tăng quyết tâm và tinh thần cấp tiến của phe cách mạng và của quần chúng (được gọi là *sans-culottes*, nghĩa là những người "không có quần chẽn gối", bởi vì họ không đủ khả năng để mặc kiểu quần chẽn gối hợp thời trang lúc bấy giờ). Kết quả của quá trình này là thời kỳ được gọi là Thời Khủng bố, dưới sự chỉ huy của phái Jacobin do Robespierre và Saint-Just cầm đầu, xảy ra sau khi Louis XVI và Marie Antoinette bị hành hình. Quá trình này dẫn đến sự hành quyết không chỉ những thành phần cộm cán trong giới quý tộc và phe phản cách mạng mà ngay cả một số nhân vật cách mạng, những nhà lãnh đạo nổi tiếng trước đây như Brissot, Danton và Desmoulins.

Tuy nhiên, Thời Khủng bố sớm rơi vào tình trạng mất kiểm soát và cuối cùng chấm dứt vào tháng 7/1794 với việc hành quyết các nhà lãnh đạo của chính nó, bao gồm cả Robespierre và Saint-Just. Tiếp theo là một thời kỳ tương đối ổn định, thoạt đầu là dưới sự lãnh đạo không hiệu quả lắm của Hội đồng đốc chính (Directory) từ năm 1795 đến 1799, rồi sau đó quyền lực tập trung hơn dưới Chế độ tổng tài (Consulate), bao gồm ba người: Ducos, Sieyès và Napoleon Bonaparte. Trong thời kỳ Hội đồng đốc chính, vị tướng trẻ Napoleon Bonaparte trở nên nổi tiếng về thành công quân sự,

https://thuviensach.vn

và ảnh hưởng của ông càng gia tăng sau năm 1799. Chế độ tổng tài nhanh chóng trở thành sự cai trị cá nhân của Napoleon.

Thời kỳ từ năm 1799 đến khi triều đại Napoleon kết thúc vào năm 1815 đã chứng kiến hàng loạt chiến thắng quân sự vĩ đại của Pháp như chiến thắng ở Austerlitz, Jena-Auerstadt và Wagram, khiến cả lục địa châu Âu trở nên thần phục nước Pháp. Chiến thắng cũng cho phép Napoleon áp đặt ý chí, cải cách và quy phạm pháp luật của mình trên một vùng lãnh thổ rộng lớn. Sự sụp đổ của triều đại Napoleon sau thất bại cuối cùng của ông vào năm 1815 cũng dẫn đến một thời kỳ thắt chặt, với các quyền chính trị hạn chế hơn và sự phục hồi chế độ quân chủ Pháp dưới thời Vua Louis XVIII. Nhưng tất cả những điều này chỉ có tác dụng làm chậm lại sự xuất hiện tối hậu của các thể chế chính trị dung hợp.

Những áp lực được cuộc Cách mạng 1789 giải phóng đã kết liễu chủ nghĩa chuyên chế Pháp và tất yếu dẫn đến sự vươn lên của các thể chế dung hợp, dù rằng chậm chạp. Nước Pháp và những vùng đất khác ở châu Âu, những nơi mà công cuộc cải cách cách mạng lan truyền sang, sẽ tham gia vào quá trình công nghiệp hóa đang diễn ra vào thế kỷ 19.

CÁCH MẠNG LAN TRUYỀN

Vào đêm trước của cuộc Cách mạng Pháp năm 1789, người Do Thái ở châu Âu chịu nhiều quy định giới hạn nghiêm ngặt. Ví dụ như ở thành phố Frankfurt của Đức, cuộc sống của người Do Thái phụ thuộc vào các quy định của một đạo luật từ thời Trung cổ. Ở Frankfurt, có không đến 500 gia đình Do Thái, và họ phải sống trong một khu vực nhỏ có tường bao quanh trong thị trấn, được gọi là khu Judengasse - khu dân cư Do Thái. Họ không thể ra khỏi khu dân cư vào ban đêm, vào ngày chủ nhật hay trong bất kỳ ngày lễ Thiên chúa giáo nào.

Khu Judengasse vô cùng chật chội với chiều dài khoảng 1/4 dặm (402m), rộng không quá 12 bộ (3,6m) và có chỗ còn không đến 10 bộ (3m).

https://thuviensach.vn

Người Do Thái sống trong sự đàn áp và kiểm soát thường xuyên. Mỗi năm, tối đa chỉ có hai gia đình mới được nhận vào khu dân cư; tối đa chỉ có 12 cặp đôi người Do Thái được phép kết hôn, và chỉ khi cả hai đều trên 25 tuổi. Người Do Thái không được hoạt động nông nghiệp, cũng không được kinh doanh vũ khí, gia vị, rượu vang hay ngũ cốc. Mãi đến năm 1726, họ vẫn phải mang những biểu tượng đánh dấu nguồn gốc dân tộc họ: hai vòng tròn đồng tâm màu vàng cho nam giới và một chiếc mạng sọc cho phụ nữ. Toàn thể người Do Thái đều phải đóng một loại thuế thân đặc biệt.

Khi Cách mạng Pháp nổ ra thì Mayer Amschel Rothschild sống trong khu Judengasse ở Frankfurt đã là một doanh nhân trẻ thành công. Vào đầu thập niên 1780, Rothschild đã trở thành một nhà buôn hàng đầu về tiền xu, kim loại và đồ cổ tại Frankfurt. Nhưng cũng như mọi người Do Thái khác trong thành phố, ông không thể thành lập doanh nghiệp bên ngoài khu dân cư Do Thái hoặc thậm chí sống bên ngoài khu vực đó.

Tất cả những điều này đã thay đổi nhanh chóng. Năm 1791, Quốc hội toàn dân Pháp giải phóng người Do Thái ở Pháp. Quân đội Pháp lúc bấy giờ cũng chiếm Rhineland và giải phóng người Do Thái ở Tây Đức. Tại Frankfurt, ảnh hưởng của họ có tính chất đột ngột hơn và có lẽ phần nào không có chủ định trước. Năm 1796, Pháp dồn dập tấn công Frankfurt và trong quá trình đó đã tàn phá một nửa khu Judengasse. Khoảng 2.000 người Do Thái bị mất nhà cửa và phải di chuyển ra ngoài khu dân cư. Gia đình Rothschild nằm trong số đó. Một khi đã ra bên ngoài khu dân cư Do Thái và được giải thoát khỏi vô số các quy định cấm đoán kinh doanh, giờ đây họ có thể chớp lấy những cơ hội kinh doanh mới. Điều này bao gồm một hợp đồng cung cấp lương thực cho quân đội Áo, điều mà trước đây họ không được phép làm.

Đến cuối thập niên 1790, Rothschild đã là một trong những người Do Thái giàu nhất tại Frankfurt và là một doanh nhân kỳ cựu. Nhưng phải đợi đến năm 1811 thì sự giải phóng hoàn toàn mới xảy ra, và lần này là công

https://thuviensach.vn

lao của Karl von Dalberg, người được phong là Đại công tước Frankfurt khi Napoleon tổ chức lại nước Đức vào năm 1806. Mayer Amschel nói với con trai ông: “Con bây giờ là một công dân”.

Nhưng những sự kiện này vẫn không giúp kết thúc cuộc đấu tranh giải phóng người Do Thái, vì đã có những hành động đảo ngược sau đó, nhất là tại Đại hội Vienna năm 1815, nơi hình thành những dàn xếp chính trị thời hậu Napoleon. Song không có việc gia tộc Rothschild phải quay trở lại khu dân cư Do Thái. Mayer Amschel và các con trai ông nhanh chóng sở hữu ngân hàng lớn nhất châu Âu thế kỷ 19, với các chi nhánh tại Frankfurt, Luân Đôn, Paris, Naples và Vienna.

Đây không phải là một sự kiện đơn độc. Đầu tiên là quân đội Cách mạng Pháp rồi đến Napoleon lần lượt xâm chiếm phần lớn lục địa châu Âu, và gần như ở mọi nơi mà họ đã thôn tính, các thể chế hiện hữu đều là tàn dư của thời Trung cổ, trao quyền cho nhà vua, các hoàng thân quốc thích và giới quý tộc; đồng thời hạn chế hoạt động thương mại ở thành phố cũng như nông thôn. Ở những nơi này, chế độ nông nô và chế độ phong kiến quan trọng hơn nhiều so với ở nước Pháp. Ở Đông Âu, bao gồm cả Phổ và phần lãnh thổ Hungary thuộc Đế chế Áo-Hung, nông nô bị ràng buộc với đất. Ở Tây Âu, hình thức cực đoan này của chế độ nông nô đã biến mất, nhưng người nông dân vẫn phải nộp nhiều loại lệ phí, thuế và các nghĩa vụ lao động khác nhau cho các lãnh chúa phong kiến. Ví dụ, trong chính thể của Nassau-Usingen, người nông dân phải chịu hơn 230 loại lệ phí, nghĩa vụ và dịch vụ khác nhau. Lệ phí là một số tiền phải nộp, chẳng hạn như sau khi giết mổ gia súc, được gọi là lệ phí giết mổ gia súc, hay lệ phí nuôi ong và lệ phí làm nến. Nếu mua hay bán một mảnh đất, chủ đất cũng phải nộp phí. Ở các thành phố trên các vùng lãnh thổ này, các phường hội giám sát mọi hoạt động kinh tế cũng hùng mạnh hơn so với ở Pháp. Trong các thành phố Cologne và Aachen phía tây nước Đức, việc sử dụng các máy xe sợi và máy dệt đều bị các phường hội ngăn cấm. Nhiều thành phố, từ Berne ở Thụy Sĩ cho đến Florence ở Ý, đều bị kiểm soát bởi một vài gia đình.

https://thuviensach.vn

Các nhà lãnh đạo Cách mạng Pháp, và tiếp theo là Napoleon đã giúp lan truyền cách mạng đến những vùng đất này, bãi bỏ chủ nghĩa chuyên chế, chấm dứt các mối quan hệ đất đai phong kiến, phá vỡ các phường hội, và xây dựng sự bình đẳng trước pháp luật - khái niệm quan trọng nhất về thượng tôn pháp luật, và sẽ được thảo luận chi tiết hơn trong chương tiếp theo. Do đó, cuộc Cách mạng Pháp đã giúp chuẩn bị các thể chế dung hợp và sự tăng trưởng kinh tế đạt được nhờ vào các thể chế này không chỉ đối với nước Pháp mà cả nhiều nơi khác ở châu Âu.

Như chúng ta đã thấy, hoảng sợ trước diễn biến phát triển ở Pháp, các cường quốc châu Âu đã tập hợp lại xung quanh nước Áo vào năm 1792 để tấn công nước Pháp, với mục đích bên ngoài là giải thoát vua Louis XVI, nhưng trên thực tế là nhằm trấn áp cuộc Cách mạng Pháp. Họ dự đoán quân đội do cách mạng huy động có tính nhất thời sẽ sớm sụp đổ. Tuy nhiên, sau một số thất bại ban đầu, quân đội của nước Cộng hòa Pháp non trẻ đã chiến thắng trong cuộc chiến tranh vệ quốc đầu tiên. Tuy có những vấn đề trục trặc nghiêm trọng về tổ chức cần phải vượt qua, nhưng người Pháp đã đi trước các nước khác trong một công cuộc đổi mới lớn lao: nghĩa vụ quân sự toàn dân. Được áp dụng vào tháng 8/1793, nghĩa vụ quân sự toàn dân cho phép nước Pháp xây dựng một lực lượng quân đội đông đảo và phát triển lợi thế quân sự dựa vào sức mạnh áp đảo thậm chí trước khi biệt tài quân sự nổi tiếng của Napoleon phát huy tác dụng.

Thành công quân sự ban đầu khuyến khích các nhà lãnh đạo của nền Cộng hòa mở rộng biên giới nước Pháp, với một tầm nhìn hướng tới việc tạo ra một vùng đệm phòng thủ giữa nước Cộng hòa mới với các vương quốc thù địch Phổ và Áo. Pháp nhanh chóng chiếm Hà Lan thuộc Áo và các Tỉnh thành Thống nhất (United Provinces), về cơ bản bao gồm Bỉ và Hà Lan ngày nay. Người Pháp cũng tiếp quản phần lớn lãnh thổ của Thụy Sĩ ngày nay. Trong thập niên 1790, người Pháp đã kiểm soát mạnh mẽ cả ba nơi này.

https://thuviensach.vn

Nước Đức thoạt đầu chống cự quyết liệt, nhưng đến năm 1795, Pháp đã kiểm soát chặt chẽ Rhineland, một vùng phía tây nước Đức nằm bên bờ trái sông Rhine. Quân Phổ buộc phải thừa nhận thực tế này trong Hiệp ước Basel. Từ năm 1795 đến 1802, người Pháp chiếm đóng Rhineland, nhưng không chiếm được một vùng nào khác của nước Đức. Năm 1802, Rhineland chính thức sáp nhập vào Pháp.

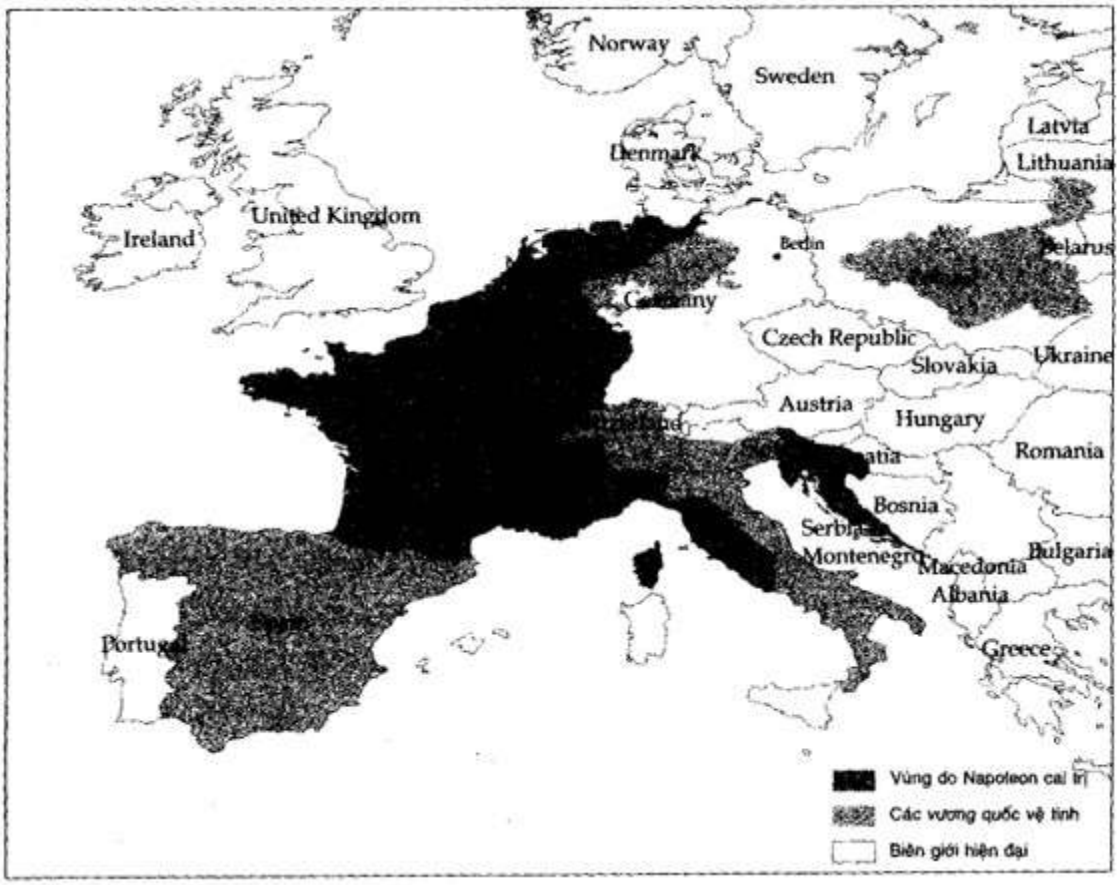

Bản đồ 17: Đế chế của Napoleon (p. 387)

Ý vẫn là vùng chiến sự ác liệt vào nửa sau thập niên 1790 với nước Áo là đối thủ. Savoy được sáp nhập vào Pháp năm 1792, và thế trận vẫn bế tắc cho đến khi Napoleon xâm lược Ý vào tháng 4/1796. Trong chiến dịch lục địa lớn đầu tiên của ông vào đầu năm 1797, Napoleon đã chinh phục gần như toàn bộ Bắc Ý, trừ Venice vốn đã bị Áo thôn tính. Hiệp ước Campo Formio ký kết với Áo vào tháng 10/1797 đã kết thúc cuộc Chiến tranh Liên

https://thuviensach.vn

minh thứ nhất và công nhận một số nền cộng hòa thuộc sự kiểm soát của Pháp ở Bắc Ý. Tuy nhiên, người Pháp tiếp tục bành trướng phạm vi kiểm soát của họ trên nước Ý thậm chí sau khi ký kết hiệp ước này, xâm lược vùng Papal States (các vùng lãnh thổ thuộc Giáo hoàng) và thành lập nước Cộng hòa La Mã vào tháng 3/1798. Vào tháng 1/1799, Naples bị chinh phục và Cộng hòa Parthenopean ra đời. Với ngoại lệ là Venice vẫn còn thuộc Áo, Pháp bây giờ kiểm soát toàn bộ bán đảo Ý hoặc trực tiếp, như trong trường hợp của Savoy, hoặc gián tiếp thông qua các nhà nước vệ tinh, như các nhà nước cộng hòa Cisalpine, Ligurian, La Mã và Parthenopean.

Trong cuộc Chiến tranh Liên minh thứ hai từ năm 1798 đến 1801, đã có những đợt tấn công và chống trả nhưng cuối cùng kết thúc với kết quả cơ bản là Pháp vẫn nắm quyền kiểm soát. Quân đội cách mạng Pháp nhanh chóng thực hiện một quá trình cải cách cấp tiến tại những vùng đất mà họ đã chinh phục, xóa bỏ tàn dư của chế độ nông nô, các mối quan hệ đất đai phong kiến và áp dụng nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật. Giới tăng lữ bị tước bỏ địa vị và đặc quyền, đồng thời các phường hội ở các vùng đô thị bị tan rã hoặc ít nhất cũng trở nên suy yếu. Điều này xảy ra ở Hà Lan thuộc Áo ngay sau cuộc xâm lược của Pháp vào năm 1795 và ở các Tỉnh thành Thống nhất, nơi mà Pháp thành lập nước Cộng hòa Batavian, với các thể chế chính trị hệt như ở Pháp. Ở Thụy Sĩ, tình hình cũng tương tự; các phường hội, địa chủ phong kiến và Giáo hội đều bị đánh bại, đặc quyền phong kiến bị bãi bỏ, và các phường hội bị giải tán và phế truất.

Những gì quân đội cách mạng Pháp bắt đầu tiến hành đã được Napoleon kế tục dưới hình thức này hay hình thức khác. Trước tiên và trên hết, Napoleon quan tâm đến việc thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ đối với các vùng lãnh thổ ông chinh phục. Điều này đôi khi liên quan đến những thỏa thuận căng thẳng với giới quyền thế địa phương hoặc đưa gia đình và các cộng sự của ông lên cầm quyền, như trong thời gian kiểm soát ngắn ngủi của ông tại Tây Ban Nha và Ba Lan. Nhưng Napoleon cũng thiết tha mong muốn tiếp tục duy trì và phát triển sâu xa hơn công cuộc cải cách cách

https://thuviensach.vn

mạng. Quan trọng hơn cả, ông đã hệ thống hóa luật pháp La Mã và đưa ý tưởng bình đẳng trước pháp luật vào một hệ thống pháp luật được gọi là Luật Napoleon. Napoleon xem bộ luật này là di sản lớn nhất của ông và muốn áp dụng nó trên mọi lãnh thổ mà ông kiểm soát.

Lẽ dĩ nhiên, công cuộc cải cách đạt được qua cuộc Cách mạng Pháp và Napoleon là không thể đảo ngược. Ở một vài nơi như Hanover thuộc Đức, giới quyền thế cũ phục hồi ngay sau khi Napoleon thất trận và phần lớn những gì người Pháp xây dựng được đã vĩnh viễn mất đi. Nhưng ở nhiều nơi khác, chế độ phong kiến, các phường hội và giới quý tộc đã hoàn toàn bị phá vỡ hay suy yếu. Ví dụ như ở nhiều nơi, luật Napoleon vẫn duy trì hiệu lực ngay cả sau khi người Pháp ra đi.

Suy cho cùng, quân đội Pháp gây ra nhiều tang thương ở châu Âu, nhưng họ cũng thay đổi triệt để vị thế các nước ở đây. Ở phần lớn châu Âu, thế là đã chấm dứt các mối quan hệ phong kiến, quyền lực của các phường hội, sự kiểm soát chuyên chế của nhà vua và các hoàng thân quốc thích, sự thâu tóm quyền lực kinh tế, xã hội và chính trị của giới tăng lữ cũng như nền tảng của chế độ cũ, đối xử cách biệt giàu nghèo với con người dựa vào nguồn gốc xuất thân của họ. Những thay đổi này tạo ra kiểu thể chế kinh tế dung hợp để từ đó cho phép công nghiệp hóa bén rễ ở những nơi này. Đến giữa thế kỷ 19, công nghiệp hóa nhanh chóng diễn ra ở hầu hết những vùng thuộc sự kiểm soát của người Pháp, trong khi ở những nơi người Pháp không chinh phục được như Áo-Hung và Nga, hay chỉ chiếm đóng tạm thời và hạn chế như ở Ba Lan và Tây Ban Nha, thì nhìn chung vẫn trì trệ.

ĐI TÌM SỰ HIỆN ĐẠI

Mùa thu năm 1867, Ōkubo Toshimichi, quan cận thần nhất phẩm của lãnh địa Satsuma ở nước Nhật phong kiến, đi từ thủ phủ Edo, hiện nay là Tokyo, đến thành phố Yamaguchi. Ngày 14/10, ông diện kiến các nhà lãnh đạo lãnh địa Chōshū. Ông đưa ra một đề nghị đơn giản: họ sẽ kết hợp lực

https://thuviensach.vn

lượng, kéo quân đến Edo và lật đổ *shogun* (tướng quân), người đang cai trị Nhật Bản. Lúc đó, Ōkubo Toshimichi đã thuyết phục được giới lãnh đạo ở các lãnh địa Tosa và Hizen tham gia. Sau khi lãnh đạo của vùng Chōshū hùng mạnh đồng ý, Liên minh Satcho bí mật ra đời.

Năm 1868, Nhật Bản là một đất nước kém phát triển kinh tế dưới sự cai trị của dòng tộc Tokugawa từ năm 1600, được gọi là *shogun* từ năm 1603. Hoàng đế Nhật Bản bị gạt sang bên lề và đảm nhận một vai trò hoàn toàn có tính chất nghi lễ. Các tướng quân dòng họ Tokugawa là các thành viên chính của tầng lớp lãnh chúa phong kiến cai trị và đánh thuế trên lãnh địa riêng của họ, trong đó có lãnh địa Satsuma dưới sự cai trị của gia đình Shimazu. Các lãnh chúa này, cùng với các tướng lĩnh quân đội riêng, các samurai nổi tiếng, cai trị một xã hội tương tự như xã hội châu Âu thời trung cổ, với phân loại nghề nghiệp nghiêm ngặt, hạn chế về thương mại, và mức thuế cao đối với nông dân. *Shogun* cai trị từ thủ phủ Edo, nơi ông độc quyền và kiểm soát hoạt động ngoại thương và cấm người nước ngoài không được vào nước Nhật. Các thể chế chính trị và kinh tế có tính chiếm đoạt, và Nhật Bản là một nước nghèo.

Nhưng sự thống trị của *shogun* không bao trùm toàn vẹn. Ngay cả khi gia đình Tokugawa lên cầm quyền vào năm 1600, họ cũng không thể kiểm soát tất cả mọi người. Ở phía nam của đất nước, lãnh địa Satsuma vẫn khá tự trị và thậm chí còn được phép giao thương độc lập với thế giới bên ngoài qua đảo Ryūkyū. Chính ở thủ phủ Kagoshima của lãnh địa Satsuma này mà Ōkubo Toshimichi đã chào đời vào năm 1830. Là con trai của một samurai, ông cũng trở thành một samurai. Tài năng của ông sớm được Shimazu Nariakira, lãnh chúa Satsuma phát hiện, và nhanh chóng tiến cử ông vào bộ máy hành chính. Lúc bấy giờ, Shimazu Nariakira đã xây dựng một kế hoạch nhằm sử dụng quân đội Satsuma lật đổ *shogun*. Ông muốn mở rộng thương mại với châu Á và châu Âu, xóa bỏ các thể chế kinh tế phong kiến cũ, và xây dựng một nhà nước hiện đại ở Nhật Bản. Kế hoạch vừa mới phôi

https://thuviensach.vn

thai của ông sớm bị thui chột khi ông qua đời vào năm 1858. Người kế nhiệm ông, Shimazu Hisamitsu, thận trọng hơn, ít ra là lúc ban đầu.

Ōkubo Toshimichi ngày càng trở nên tin rằng Nhật Bản cần phải lật đổ chế độ tướng quân phong kiến (*shogun*ate), và cuối cùng ông đã thuyết phục được Shimazu Hisamitsu. Để tập hợp sự ủng hộ cho sự nghiệp của mình, họ nấp dưới chiêu bài về lòng căm phẫn trước việc hoàng đế bị vô hiệu hóa. Trong hiệp ước mà Ōkubo Toshimichi ký với lãnh địa Tosa, họ khẳng định rằng "một nước không thể có hai vua, một nhà không thể có hai chủ, chính phủ phải chuyển giao cho một người cai trị". Nhưng dự định thực sự của họ không chỉ đơn thuần là khôi phục lại quyền lực hoàng đế mà còn nhằm thay đổi hoàn toàn các thể chế chính trị và kinh tế. Từ lãnh địa Tosa, một trong những người ký kết hiệp ước là Sakamoto Ryūma. Trong khi Satsuma và Chōshū huy động quân đội, Sakamoto Ryūma trình bày với *shogun* một kế hoạch tám điểm, kêu gọi ông từ chức để tránh nội chiến. Bản kế hoạch rất cấp tiến, và mặc dù điều 1 nói rằng "quyền lực chính trị của đất nước phải được trả lại cho hoàng gia, và mọi sắc lệnh phải do triều đình ban hành", nhưng nó còn bao gồm nhiều nội dung hơn chứ không chỉ là việc phục hồi quyền lực hoàng đế. Các điều 2, 3, 4, và 5 nêu rõ:

2. Hai cơ quan lập pháp, thượng viện và hạ viện sẽ được thành lập, và tất cả các chính sách của chính phủ cần được quyết định trên cơ sở ý kiến chung.

3. Những người có khả năng trong số các lãnh chúa, quý tộc và dân chúng nói chung sẽ được tuyển chọn vào cương vị các ủy viên hội đồng, và các bộ phận chức trách truyền thống của quá khứ không còn chức năng sẽ bị bãi bỏ.

4. Công tác đối ngoại sẽ được tiến hành căn cứ theo các quy định phù hợp được soạn thảo trên cơ sở ý kiến chung.

https://thuviensach.vn

5. Pháp luật và các quy định trước đây sẽ được hủy bỏ, đồng thời một bộ luật mới và đầy đủ sẽ được xây dựng.

Shogun Yoshinobu đồng ý thoái vị, và thời kỳ Minh Trị Duy Tân được tuyên bố bắt đầu vào ngày 3/1/1868 với sự phục hồi quyền lực cho Hoàng đế Kōmei và cho con trai ông, Minh Trị, một tháng sau đó khi Kōmei băng hà. Mặc dù lực lượng Satsuma và Chōshū chiếm đóng Edo và kinh đô Kyōto, họ sợ rằng gia đình Tokugawa sẽ cố gắng giành lại quyền lực và xây dựng lại chế độ tướng quân, Ōkubo Toshimichi muốn tiêu diệt vĩnh viễn thế lực nhà Tokugawa. Ông thuyết phục hoàng đế xóa bỏ lãnh địa Tokugawa và tịch thu đất đai của họ. Ngày 27/1, nguyên tướng quân Yoshinobu bắt đầu tấn công lực lượng Satsuma và Chōshū; nội chiến nổ ra và kéo dài cho đến mùa hè, khi nhà Tokugawa cuối cùng bị đánh bại.

Tiếp theo thời kỳ Minh Trị Duy Tân là một quá trình biến đổi và cải cách thể chế ở Nhật Bản. Năm 1869, chế độ phong kiến được bãi bỏ; 300 thái ấp đã đầu hàng chính phủ và trở thành các quận, dưới sự kiểm soát của một thống đốc được bổ nhiệm. Hệ thống thuế khóa được tập trung hóa và một bộ máy nhà nước hiện đại thay thế cho nhà nước phong kiến cũ. Năm 1869, tất cả các tầng lớp xã hội đều trở nên bình đẳng trước pháp luật, đồng thời các quy định hạn chế di cư nội địa và thương mại cũng được bãi bỏ. Tầng lớp samurai (võ sĩ đạo) được giải tán cho dù nhà nước đã phải trấn áp một vài cuộc bạo loạn. Quyền sở hữu tư nhân đối với đất đai được công nhận, đồng thời dân chúng được tự do tham gia và thực hiện mọi hoạt động buôn bán trao đổi. Nhà nước tích cực tham gia vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Trái với thái độ của các chính thể chuyên chế đối với đường sắt, vào năm 1869, chính quyền Nhật Bản tổ chức một tuyến tàu thủy chạy bằng hơi nước giữa Tokyo và Osaka, đồng thời xây dựng tuyến đường sắt đầu tiên giữa Tokyo và Yokohama. Nhật Bản cũng bắt đầu phát triển công nghiệp sản xuất, và Ōkubo Toshimichi trên cương vị Bộ trưởng Tài chính, giám sát việc phát động các nỗ lực phối hợp của quá trình công nghiệp hóa. Lãnh chúa Satsuma là người đi đầu trong quá trình này, ông xây dựng nhà máy

https://thuviensach.vn

sản xuất đồ gốm, pháo hạm, sợi bông và nhập khẩu máy dệt từ Anh để xây dựng nhà máy dệt bông đầu tiên tại Nhật Bản vào năm 1861. Ông cũng xây dựng hai xưởng đóng tàu hiện đại. Năm 1890, Nhật Bản là quốc gia châu Á đầu tiên thông qua hiến pháp, xây dựng một chế độ quân chủ lập hiến với quốc hội được bầu, được gọi là Nghị viện (Diet), và bộ máy tư pháp độc lập. Những thay đổi này là yếu tố quyết định giúp Nhật Bản hưởng lợi to lớn từ cuộc Cách mạng công nghiệp ở châu Á.

GIỮA THẾ KỶ 19, cả Trung Quốc và Nhật Bản đều là những đất nước nghèo khổ, mỏi mòn dưới chế độ chuyên chế. Qua nhiều thế kỷ, chế độ chuyên chế của Trung Quốc vẫn giữ thái độ ngờ vực đối với sự thay đổi. Tuy có nhiều điểm tương đồng giữa Trung Quốc và Nhật Bản - chế độ tướng quân Tokugawa cũng bế quan tỏa cảng vào thế kỷ 17 hệt như các hoàng đế Trung Hoa đã làm trước đó, và phản đối các thay đổi về kinh tế và chính trị. Thế nhưng vẫn có những điểm khác biệt đáng lưu ý về mặt chính trị. Trung Quốc là một đế chế quan lại tập trung được cai trị bởi một hoàng đế chuyên chế. Hoàng đế chắc chắn phải đứng trước nhiều hạn chế về quyền lực của mình, quan trọng nhất là mối đe dọa bạo loạn. Trong giai đoạn từ năm 1850 đến năm 1864, toàn bộ miền nam Trung Quốc bị tàn phá bởi cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc với hàng triệu người thiệt mạng trong các cuộc xung đột hay do nạn đói. Nhưng sự chống đối hoàng đế đã không được thể chế hóa.

Cơ cấu của các thể chế chính trị Nhật Bản rất khác. Chế độ tướng quân đã gạt hoàng đế sang một bên, nhưng như chúng ta đã thấy, quyền lực của Tokugawa không có tính chất tuyệt đối, và các lãnh địa như Satsuma vẫn duy trì độc lập, thậm chí họ có thể giao thương với nước ngoài trên danh nghĩa của chính họ.

Cũng như Pháp, một hệ quả quan trọng của cuộc Cách mạng công nghiệp Anh đối với Trung Quốc và Nhật Bản là tính dễ bị tổn thương về mặt quân sự. Trung Quốc phải nhún nhường trước sức mạnh trên biển của

https://thuviensach.vn

Anh trong cuộc Chiến tranh Nha phiến lần thứ nhất từ năm 1839 đến 1842, và mối đe dọa tương tự trở nên quá rõ ràng đối với người Nhật khi các tàu chiến Mỹ dưới sự lãnh đạo của Đại tá Matthew Perry kéo vào Vịnh Edo năm 1853. Thực tế lạc hậu kinh tế dẫn đến lạc hậu về quân sự cũng là một phần của động lực đằng sau kế hoạch lật đổ chế độ tướng quân của Shimazu Nariakira, tiến hành công cuộc thay đổi để cuối cùng dẫn đến thời kỳ Minh Trị Duy Tân. Các nhà lãnh đạo Satsuma nhận ra rằng tăng trưởng kinh tế, hay có lẽ ngay cả sự sống còn của Nhật Bản, chỉ có thể đạt được thông qua cải cách thể chế, nhưng *shogun* phản đối điều này bởi vì quyền lực của ông gắn liền với các thể chế hiện hành. Để thực hiện cải cách, *shogun* phải bị lật đổ. Tình hình cũng tương tự như ở Trung Quốc, nhưng những khác biệt về thể chế chính trị ban đầu làm cho việc lật đổ hoàng đế khó khăn hơn nhiều, và điều này chỉ xảy ra vào năm 1911. Nhưng thay vì cải cách thể chế, Trung Quốc đã cố gắng chạy đua với quân đội Anh bằng cách nhập khẩu vũ khí hiện đại. Người Nhật xây dựng ngành công nghiệp vũ khí của riêng họ.

Như một hệ quả của những khác biệt ban đầu, mỗi quốc gia phản ứng khác nhau trước những thách thức của thế kỷ 19, Nhật Bản và Trung Quốc đã trở nên phân hóa đáng kể khi đối mặt với những thời điểm quyết định hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp. Trong khi các thể chế của Nhật Bản được chuyển đổi và nền kinh tế bắt đầu bước vào một con đường tăng trưởng nhanh chóng, thì ở Trung Quốc, lực đẩy để thay đổi thể chế không đủ mạnh, và các thể chế chiếm đoạt tiếp tục tồn tại vững chắc không suy suyển cho đến khi trở nên xấu hơn với cuộc cách mạng cộng sản của Mao Trạch Đông năm 1949.

NGUỒN GỐC CỦA SỰ CÁCH BIỆT GIÀU NGHÈO TRÊN THẾ GIỚI

Chương này và ba chương trước đã nói về câu chuyện các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp xuất hiện ở Anh như thế nào để tạo điều kiện thuận

https://thuviensach.vn

lợi cho cuộc Cách mạng công nghiệp, và lý do tại sao một số quốc gia hưởng lợi từ cuộc Cách mạng công nghiệp và bước vào lộ trình tăng trưởng, trong khi những quốc gia khác không làm được điều đó, hay thật ra còn nhất quyết từ chối tiến hành công nghiệp hóa. Vấn đề liệu một đất nước có bước vào quá trình công nghiệp hóa hay không phần lớn phụ thuộc vào các thể chế của đất nước đó. Trải qua sự chuyển đổi tương tự như cuộc Cách mạng vinh quang ở Anh, Hoa Kỳ đã phát triển kiểu thể chế chính trị và kinh tế dung hợp của mình vào cuối thế kỷ 18. Do đó, nước Mỹ trở thành quốc gia đầu tiên khai thác các công nghệ mới từ quần đảo Anh, rồi nhanh chóng vượt qua Anh để trở thành đất nước tiên phong trong công nghiệp hóa và công nghệ. Nước Úc đi theo một lộ trình tương tự để đến với các thể chế dung hợp, cho dù ít nhiều chậm trễ hơn và kém nổi bật hơn. Người dân nước Úc, giống như ở Anh và Hoa Kỳ, đã phải đấu tranh để có được các thể chế dung hợp. Một khi đã có những thể chế này, Úc đã khởi động quá trình tăng trưởng kinh tế riêng của mình. Úc và Hoa Kỳ có thể công nghiệp hóa và phát triển nhanh chóng bởi vì các thể chế tương đối dung hợp của họ sẽ không cản trở các công nghệ mới, hoạt động phát minh đổi mới, hay sự phá hủy sáng tạo.

Sự việc không diễn ra như vậy ở hầu hết các thuộc địa khác của châu Âu. Câu chuyện của họ hoàn toàn ngược lại so với Úc và Hoa Kỳ. Tình trạng cư dân bản địa thưa thớt và thiếu tài nguyên để chiếm đoạt đã khiến cho chủ nghĩa thực dân ở Úc và Hoa Kỳ trở nên rất khác so với các thuộc địa khác, ngay cả khi dân chúng phải tranh đấu quyết liệt cho các quyền chính trị và các thể chế dung hợp. Ở Moluccas cũng như ở nhiều thuộc địa châu Âu khác ở châu Á, vùng Caribê và Nam Mỹ, dân chúng gần như không có cơ hội chiến thắng trong cuộc đấu tranh này. Trong những vùng này, thực dân châu Âu đã áp đặt một kiểu thể chế chiếm đoạt mới, hoặc tiếp quản các thể chế chiếm đoạt sẵn có, nhằm khai thác các tài nguyên quý giá đa dạng, từ gia vị đến đường và vàng bạc. Ở nhiều nơi, họ thay đổi thể chế khiến cho sự xuất hiện của các thể chế dung hợp rất khó xảy ra. Ở một vài nơi, họ dứt khoát gạt bỏ các ngành công nghiệp đang phát triển hoặc thể

https://thuviensach.vn

chế kinh tế dung hợp hiện có. Hầu hết những nơi này đều không có cơ may hưởng lợi từ công nghiệp hóa vào thế kỷ 19 hoặc thậm chí trong thế kỷ 20.

Tình hình ở những vùng còn lại của châu Âu cũng khá khác biệt so ở Úc và Hoa Kỳ. Khi cuộc Cách mạng công nghiệp Anh tăng tốc vào cuối thế kỷ 18, hầu hết các nước châu Âu đi theo chế độ chuyên chế dưới sự cai trị của nhà vua và giới quý tộc, với phần lớn nguồn thu nhập đến từ việc sở hữu đất hoặc từ đặc quyền kinh doanh dựa vào các rào cản gia nhập thị trường. Sự phá hủy sáng tạo hình thành từ quá trình công nghiệp hóa sẽ làm xói mòn các đặc lợi thương mại của giới lãnh đạo, thu hút nguồn tài nguyên và lao động ra khỏi đất đai của họ. Tầng lớp quý tộc sẽ là kẻ thua cuộc về kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa. Quan trọng hơn, họ cũng sẽ là người thua cuộc chính trị, vì quá trình công nghiệp hóa chắc chắn sẽ tạo ra bất ổn và thách thức chính trị đối với độc quyền chính trị của họ.

Nhưng quá trình chuyển đổi thể chế và cuộc Cách mạng công nghiệp Anh tạo ra những cơ hội và thách thức mới đối với các nước châu Âu. Mặc dù chủ nghĩa chuyên chế đang tồn tại, nhưng Tây Âu cũng có chung quá trình phân hóa thể chế giống như đã tác động đến Anh trong thiên niên kỷ trước. Tuy nhiên, diễn biến ở Đông Âu, ở Đế chế Ottoman và Trung Quốc thì rất khác. Những khác biệt này có ý nghĩa quan trọng đối với việc lan truyền công nghiệp hóa. Cũng giống như nạn dịch hạch hay sự gia tăng thương mại ở Đại Tây Dương, thời điểm quyết định hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp làm trầm trọng hơn các xung đột về thể chế ở nhiều quốc gia châu Âu. Một nhân tố chính là cuộc Cách mạng Pháp năm 1789. Sự cáo chung của chủ nghĩa chuyên chế tại Pháp đã mở đường cho các thể chế dung hợp, và người Pháp cuối cùng bắt tay vào công nghiệp hóa và tăng trưởng kinh tế nhanh chóng. Thật ra, cuộc Cách mạng Pháp còn đạt được nhiều hơn thế. Cách mạng Pháp giúp lan truyền các thể chế Pháp thông qua quá trình xâm lược và cải cách mạnh mẽ các thể chế chiếm đoạt ở một số nước láng giềng. Do đó, Cách mạng Pháp mở ra con đường đi đến công nghiệp hóa không chỉ ở Pháp, mà cả ở Bỉ, Hà Lan, Thụy Sĩ và nhiều

https://thuviensach.vn

vùng ở Đức và Ý. Xa hơn về phía đông, phản ứng sau nạn dịch hạch cũng tương tự, nhưng thay vì sụp đổ, chế độ phong kiến đã gia tăng sức mạnh. Áo-Hung, Nga và Đế chế Ottoman tụt hậu hơn về mặt kinh tế, nhưng thể chế quân chủ chuyên chế của họ vẫn xoay sở để tồn tại cho đến tận Thế chiến thứ nhất.

Ở những nơi khác trên thế giới, chủ nghĩa chuyên chế cũng dai dẳng như ở Đông Âu. Điều này đặc biệt đúng ở Trung Quốc, nơi sự chuyển tiếp giữa triều đại nhà Minh và nhà Thanh đã dẫn đến một nhà nước cam kết xây dựng một xã hội nông nghiệp ổn định và thù địch với thương mại quốc tế. Nhưng cũng có những khác biệt quan trọng về thể chế ở châu Á. Nếu Trung Quốc phản ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp giống hệt như Đông Âu, thì Nhật Bản đã phản ứng theo cùng một cách thức như Tây Âu. Cũng giống như ở Pháp, phải có một cuộc cách mạng để thay đổi hệ thống, lần này cuộc cách mạng được lãnh đạo bởi các lãnh chúa vùng lên từ lãnh địa Satsuma, Chōshū, Tosa và Hizen. Các lãnh chúa lật đổ *shogun*, bắt đầu thời kỳ Minh Trị Duy Tân, và đưa Nhật Bản vào con đường cải cách thể chế và tăng trưởng kinh tế.

Ở đất nước Ethiopia biệt lập, chúng ta cũng thấy chủ nghĩa chuyên chế có sức bền đáng kể. Ở những nơi khác trên lục địa châu Âu, chính áp lực thương mại quốc tế từng giúp chuyển đổi thể chế ở Anh vào thế kỷ 17 lại khóa chặt nhiều vùng Tây và Trung Phi vào các thể chế chiếm đoạt thông qua việc buôn bán nô lệ. Điều này đã tàn phá xã hội ở một vài nơi và dẫn đến sự ra đời của các nhà nước bóc lột nô lệ ở những nơi khác.

Các biến chuyển về thể chế mà chúng tôi vừa mô tả sẽ quyết định những nước nào có thể tranh thủ những cơ hội lớn xuất hiện từ thế kỷ 19 trở đi và những nước nào không làm được điều này. Gốc rễ của sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới mà chúng ta quan sát thấy ngày hôm nay có thể được tìm thấy trong quá trình phân hóa này. Với một vài ngoại lệ, các nước giàu ngày nay là những nước bắt tay vào quá trình công nghiệp hóa và thay

https://thuviensach.vn

đổi công nghệ bắt đầu từ thế kỷ 19, và những nước nghèo là những nước đã không làm được điều này.

https://thuviensach.vn

11. VÒNG XOÁY ĐI LÊN

ĐẠO LUẬT ĐEN (BLACK ACT)

LÂU ĐÀI WINDSOR tọa lạc về phía tây Luân Đôn là một trong những nơi trú ngụ của hoàng gia Anh. Vào đầu thế kỷ 18, bao quanh lâu đài là một khu rừng rậm đầy hươu sinh sống, dù ngày nay những dấu tích này không còn nhiều. Một trong những người gác rừng năm 1722 là Baptist Nunn đã bị kẹt trong một cuộc chiến bạo lực. Ông viết trong nhật ký ngày 27/6:

Bọn đen xuất hiện giữa đêm và bắn ba phát đạn, hai viên trúng cửa sổ phòng mình và mình buộc phải chấp nhận trả chúng 5 ghinea vào ngày 30 ở Crowhorne.

Trong một đoạn nhật ký khác Nunn viết: “Một điều ngạc nhiên mới mẻ. Một tên ngụy trang đã đem đến thông điệp hủy diệt”.

Bọn “Đen” bí ẩn đó là ai mà có những hành động đe dọa, bắn Nunn và đòi tiền? Những nhóm đàn ông trong vùng bôi đen mặt để che giấu diện mạo vào ban đêm xuất hiện khắp miền nam nước Anh trong thời kỳ này. Chúng tàn sát hươu và các động vật khác, đốt cháy các kho cỏ khô, lương thực, phá hoại hàng rào, ao cá. Trên bề nổi thì đây là tình trạng vô luật pháp, nhưng không hẳn vậy. Săn bắt hươu bất hợp pháp trên đất đai thuộc sở hữu của vua và quý tộc đã diễn ra trong suốt một thời gian dài. Toàn bộ số hươu ở Lâu đài Windsor đã bị giết trong cuộc nội chiến vào thập niên 1640. Sau thời kỳ Trung hưng vào năm 1660, Vua Charles II lên ngôi và hươu bắt đầu sinh sôi trở lại. Thế nhưng bọn Đen không đơn thuần săn hươu lấy thịt mà chúng tàn sát hươu vô tội vạ. Vì mục đích gì?

https://thuviensach.vn

Cuộc Cách mạng Vinh quang 1688 đã xây dựng được một nền móng quan trọng là đại diện lợi ích đa nguyên trong Quốc hội. Thời kỳ này không ai đủ mạnh để có thể áp đặt ý chí chuyên chế của mình trong Quốc hội, dù là thương gia, nhà công nghiệp, quý tộc nhỏ hay tầng lớp quý tộc liên minh với Vua William xứ Orange mà sau này là liên minh dưới triều Hanover, người kế vị Nữ hoàng Anne năm 1714.

Những nỗ lực phục hồi đế chế Stuart vẫn được tiếp tục trong suốt hầu hết thế kỷ XVIII. Sau cái chết của Vua James II vào năm 1701, con trai ông là James Francis Edward Stuart, còn được gọi là "the Old Pretender" (nghĩa là "Kẻ tự xưng vương già") được Pháp, Tây Ban Nha, giáo hoàng và những người ủng hộ đế chế Stuart ở Anh và Scotland hay còn gọi là những người theo phái Jacobite công nhận là người kế vị hợp pháp của Vương triều Anh. Năm 1708 James Stuart âm mưu giành lại ngôi báu với sự giúp đỡ của quân Pháp nhưng thất bại. Những thập niên sau đó chứng kiến nhiều cuộc nổi dậy của phái Jacobite, trong đó có những cuộc nổi dậy lớn vào năm 1715 và 1719. Từ năm 1745 đến 1746, con trai của "Kẻ tự xưng vương già" là Charles Edward Stuart, còn được gọi là "Kẻ tự xưng vương trẻ", cũng mưu đồ đoạt lại ngai vàng nhưng lực lượng của ông đã bị quân đội Anh đánh bại.

Như chúng ta đã thấy ở chương 7, Đảng Whig được thành lập vào những năm 1670 nhằm mục đích đại diện cho lợi ích thương mại và kinh tế mới xuất hiện. Đây là tổ chức chính yếu nằm sau cuộc Cách mạng Vinh quang. Từ 1714 đến 1760, đảng Whig chiếm đa số ghế trong Quốc hội. Khi đã có quyền lực trong tay, họ lại không tránh được cám dỗ lợi dụng vị thế mới giành được này để lấn át quyền của những người khác, giành lấy phần bánh của mình và ăn cho bằng hết. Họ không khác gì so với những ông vua Stuart, nhưng quyền lực của họ còn lâu mới là tuyệt đối. Quyền lực của họ không những bị các nhóm đối lập trong Nghị viện kiềm chế, đặc biệt là Đảng Tory vốn được thành lập để đối đầu với Đảng Whig, mà còn bị giới hạn bởi chính những thể chế mà họ đã đấu tranh để đưa vào nhằm củng cố

https://thuviensach.vn

Quốc hội và ngăn ngừa sự hình thành của một chủ nghĩa chuyên chế mới và sự trở lại của vương triều Stuart. Xã hội đa nguyên xuất hiện từ sau cuộc Cách mạng Vinh quang cũng có nghĩa là phần đông dân chúng, kể cả những người không có đại diện chính thức trong Quốc hội, đã được trao quyền, và "phong trào đen" chính là lời đáp trả của dân chúng khi nhận ra những người đảng Whig đang lạm dụng vị thế của họ.

Trường hợp của William Cadogan, một vị tướng có nhiều chiến tích trong Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha (War of the Spanish Succession) từ năm 1701 đến 1714 và trong cuộc đàn áp các cuộc nổi dậy của phái Jacobite là một minh họa cho việc đảng Whig lấn quyền của dân chúng đã dẫn đến "phong trào đen" như thế nào. Vua George I phong tước cho Cadogan vào năm 1716 và sau đó là bá tước vào đầu năm 1718. Cadogan cũng là một thành viên có ảnh hưởng của Hội đồng Nhiếp chính Thượng thẩm (Regency Council of Lords Justices) chi phối hầu hết mọi việc chính sự của nhà nước. Ông phục vụ với tư cách là tổng chỉ huy của Hội đồng này. Cadogan mua một khu đất lớn khoảng một nghìn mẫu ở Caversham, cách Windsor khoảng 20 dặm về phía tây. Tại đây ông xây dựng một dinh thự lớn với khuôn viên chỉn chu và khoanh vùng khu rừng rộng 240 mẫu để nuôi hươu. Tuy nhiên sự hình thành khu đất này đã xâm phạm quyền lợi của cư dân trong vùng. Người dân bị thu hồi đất, bị tước quyền chăn thả gia súc, thu lượm củi đốt và than bùn. Cadogan phải đối diện với sự phẫn nộ của bọn Đen. Vào ngày 1/1/1722, và lặp lại vào tháng 7, những người bôi mặt đen cưỡi ngựa có vũ trang đã tấn công khu rừng. Cuộc tấn công đầu tiên giết chết 16 con hươu. Không chỉ có một mình bá tước Cadogan. Rừng của nhiều người quyền thế và các chính trị gia khác cũng bị bọn Đen tấn công.

Chính quyền Whig không có ý định làm ngơ trước tình trạng này. Tháng 5/1723, Quốc hội thông qua Đạo luật Đen trong đó bổ sung 50 vi phạm phải chịu hình phạt tử hình bằng treo cổ. Theo Đạo luật Đen, mang vũ khí hay bôi mặt đen đều phạm tội. Trên thực tế, luật này nhanh chóng

https://thuviensach.vn

được sửa đổi để bổ sung điều khoản phạt tử hình đối với hành vi bôi mặt đen. Giới quyền thế trong đảng Whig thực thi đạo luật này một cách gắt gao. Baptist Nunn đã thiết lập một mạng lưới cung cấp thông tin ở Rừng Windsor để truy tìm tung tích của bọn Đen, và chẳng bao lâu sau đã bắt được một số. Việc chuyển từ bắt giữ sang treo cổ hẳn đã có thể là một sự vụ suôn sẻ. Rốt cục thì Đạo luật Đen đã được thực thi, những người theo đảng Whig thao túng Quốc hội, Quốc hội chịu trách nhiệm trước đất nước, mà bọn đen lại hành động đi ngược lại lợi ích của một số người có quyền lực của đảng Whig. Ngay cả Sir Robert Walpole, bộ trưởng, bấy giờ là thủ tướng cũng có liên quan. Giống như Cadogan, Walpole là một thành viên có ảnh hưởng khác của Hội đồng Nhiếp chính Thượng thẩm. Ông ta được ban cho khu rừng Richmond nằm ở phía tây nam Luân Đôn. Khuôn viên này do Vua Charles I lập ra từ đất công. Việc chiếm đất công đã xâm phạm quyền lợi truyền thống của cư dân địa phương trong việc chăn thả gia súc, săn bắt thỏ và thu lượm củi. Tuy nhiên do khu đất này được quản lý lỏng lẻo, việc chăn thả và săn bắt vẫn tiếp diễn cho đến khi Walpole giao việc quản rừng cho con trai ông. Lúc đó khu rừng mới bị đóng cửa, tường bao được xây dựng và bẫy người được lắp đặt. Walpole có sở thích săn hươu. Ông có một căn nhà gỗ ở Hougton, ngay trong khu rừng. Đến đây sự uất ức của dân chúng trong vùng, mà cụ thể là những người bôi mặt đen, đã sớm được thổi bùng.

Vào ngày 10/11/1724, một cư dân sống ở bìa rừng là John Huntridge bị buộc tội giúp đỡ bọn trộm hươu và đồng mưu với những kẻ bôi mặt đen đã bị bắt. Cả hai tội danh đều phải chịu mức án treo cổ. Việc truy tố Huntridge do Hội đồng Nhiếp chính Thượng thẩm ra lệnh, mà trong đó Walpole và Cadogan là những người cầm trịch. Walpole thậm chí còn tự thu thập chứng cứ phạm tội của Huntridge thông qua tên chỉ điểm là Richard Blackburn. Việc kết tội chắc hẳn có thể tiên đoán được. Nhưng không, sau phiên xử kéo dài 8-9 tiếng, bồi thẩm đoàn kết luận Huntridge vô tội một phần dựa trên cơ sở quy trình mà cụ thể là một số bất thường trong phương pháp thu thập chứng cứ.

https://thuviensach.vn

Không phải kẻ bôi mặt đen nào hay những người đồng cảm với họ cũng may mắn như Huntridge. Mặc dù một số người cũng được tha bổng hoặc giảm hình phạt, nhiều người đã bị treo cổ hoặc bị đày khổ sai ở thuộc địa, bấy giờ là Bắc Mỹ; luật này trên thực tế vẫn tồn tại trên giấy tờ và chỉ được bãi bỏ năm 1824. Tuy nhiên chiến thắng của Huntridge là một kỳ tích. Thành viên bồi thẩm đoàn không phải là đồng môn của Huntridge mà là các chủ đất và quý tộc nhỏ, những người lẽ ra phải ủng hộ cho Walpole. Nhưng bấy giờ không còn là thế kỷ 17 khi Tòa Sao (Court of Star Chamber) chỉ việc đơn giản làm theo ý chí của triều đình Stuart và hoạt động với tư cách là một công cụ đàn áp công khai, trong đó nhà vua sẽ bãi nhiệm những thẩm phán đưa ra quyết định đi ngược lại lợi ích triều đình. Lúc này kể cả thành viên đảng Whig cũng phải tuân thủ thượng tôn pháp luật. Đây là nguyên tắc trong đó pháp luật không được thực thi một cách chọn lọc hay võ đoán, và không ai được phép đứng trên pháp luật.

NHỮNG SỰ KIỆN XUNG QUANH ĐẠO LUẬT ĐEN cho thấy cuộc Cách mạng Vinh quang đã tạo ra một chế độ thượng tôn pháp luật. Khái niệm này đã có sức sống mạnh mẽ ở Anh nói riêng và Liên hiệp Anh nói chung. Giới quyền chức đã bị nguyên tắc này trói buộc nhiều hơn chính bản thân họ hình dung. Đáng chú ý, thượng tôn pháp luật không giống với pháp trị (rule by law - cai trị bằng luật pháp). Thậm chí nếu những người theo đảng Whig có khả năng thông qua một đạo luật hà khắc và sử dụng các biện pháp đàn áp để quét sạch những trở ngại từ dân chúng thì họ cũng phải đấu tranh với những trói buộc khác của chế độ thượng tôn pháp luật. Luật của đảng Whig đã xâm phạm quyền lợi của người dân vốn là thành quả của cuộc Cách mạng Vinh quang và những thay đổi trong thể chế chính trị mà cuộc cách mạng này đã đem lại thông qua việc xóa bỏ đặc quyền “thần thánh” của vua và đặc lợi của giới quý tộc. Như vậy thượng tôn pháp luật nghĩa là cả giới quý tộc cũng như không phải quý tộc đều chống lại việc thực thi Đạo luật Đen của đảng Whig.

https://thuviensach.vn

Thượng tôn pháp luật là một khái niệm kỳ lạ nếu chúng ta nhìn nhận nó từ khía cạnh lịch sử. Tại sao luật pháp lại phải được áp dụng một cách bình đẳng cho tất cả mọi người? Nếu vua và tầng lớp quý tộc có sức mạnh chính trị còn dân chúng thì không, lẽ tự nhiên là cuộc chơi công bằng cho vua và tầng lớp quý tộc nghĩa là họ có quyền cấm đoán và trừng phạt những người còn lại. Thực tế, khó mà hình dung được chế độ thượng tôn pháp luật trong các thể chế chính trị chuyên chế. Thượng tôn pháp luật là sản phẩm của các thể chế chính trị đa nguyên và của những liên minh rộng rãi ủng hộ cho chủ nghĩa đa nguyên đó. Chỉ khi nào nhiều cá nhân và tổ chức cùng có tiếng nói trong một quyết định và có đủ quyền lực chính trị để có ghế trong cùng một bàn nghị sự thì ý tưởng về công bằng mới bắt đầu có ý nghĩa. Đến đầu thế kỷ 18, Liên hiệp Anh đã tồn tại chế độ đa nguyên và giới quyền thế của đảng Whig cũng nhận ra rằng, họ sẽ bị chính luật pháp và thể chế trói buộc, đúng như ý niệm về thượng tôn pháp luật bao hàm.

Vậy thì tại sao những người đảng Whig và thành viên Quốc hội lại phải nhượng bộ trước những trở lực này? Tại sao họ không tận dụng khả năng kiểm soát của mình đối với Quốc hội và nhà nước để ép buộc thực thi Đạo luật Đen một cách không thỏa hiệp và đảo ngược những quyết định của tòa án đi ngược lại ý muốn của họ? Trả lời câu hỏi này giúp chúng ta hiểu được tính chất của cuộc Cách mạng Vinh quang - vì sao nó không chỉ đơn thuần thay thế chủ nghĩa chuyên chế cũ bằng một chế độ chuyên chế mới. Thành tựu của Cuộc Cách mạng Vinh quang là sự kết nối giữa chủ nghĩa đa nguyên, thượng tôn pháp luật và động năng của vòng xoáy đi lên. Như chúng ta đã thấy ở chương 7, cuộc Cách mạng Vinh quang không lật đổ tầng lớp thượng lưu này để thay thế bằng tầng lớp thượng lưu khác mà nó là cuộc cách mạng chống lại chủ nghĩa chuyên chế bằng một liên minh rộng lớn bao gồm tầng lớp quý tộc nhỏ, thương gia, nhà sản xuất và các nhóm như đảng Whig và đảng Tory. Sự xuất hiện của các thể chế chính trị đa nguyên là một thành quả của cuộc cách mạng này. Thượng tôn pháp luật cũng hình thành như là một hệ quả của tiến trình đó. Trước sự hiện diện của

https://thuviensach.vn

nhiều đảng cùng chia sẻ quyền lực, lẽ tự nhiên là phải có luật pháp và những ràng buộc đối với tất cả các đảng, nếu không một đảng sẽ bắt đầu thâu tóm quá nhiều quyền lực và cuối cùng sẽ làm lũng đoạn chính nền tảng của chế độ đa nguyên. Do đó bản chất của chế độ thượng tôn pháp luật là sự giới hạn và trói buộc đối với những người cầm quyền. Đây cũng chính là lôgic của chủ nghĩa đa nguyên được hình thành nhờ liên minh rộng lớn với mục đích ban đầu là chống lại chế độ chuyên chế của triều đình Stuart.

Chính vì thế không có gì ngạc nhiên khi nguyên tắc thượng tôn pháp luật cùng với sự xóa bỏ đặc quyền thần thánh của triều đình trên thực tế đã trở thành lập luận then chốt chống lại chủ nghĩa chuyên chế Stuart. Dẫn lời sử gia người Anh E.P Thompson, trong cuộc đấu tranh chống lại nền quân chủ Stuart, "đã có những nỗ lực phi thường… để tạo ra hình ảnh của tầng lớp thống trị mà chính bản thân nó phải chấp nhận thượng tôn pháp luật, và sự chính danh của nó phụ thuộc vào tính công bằng và phổ quát của những hình thái luật pháp đó. Và những người cầm quyền, nói một cách nghiêm túc, dù muốn hay không cũng là tù nhân của chính luận điệu của họ; họ chơi trò chơi quyền lực theo luật có lợi cho họ, nhưng họ không thể phá luật của cả cuộc chơi vì như vậy toàn bộ cuộc chơi sẽ không còn nữa".

Phá hỏng cuộc chơi sẽ làm cho cả hệ thống bất ổn và mở đường cho chủ nghĩa chuyên chế của một tập hợp con trong liên minh rộng lớn và thậm chí là sự trở lại của những người theo Stuart. Theo lời Thompson, điều ngăn cản Quốc hội không tạo ra một chủ nghĩa chuyên chế mới là: "Loại bỏ luật pháp thì quyền tối hậu của hoàng gia… có thể được khôi phục và trở thành mối nguy cho chính tài sản và mạng sống của họ".

Hơn nữa, "chính phương tiện mà họ (giới quý tộc, thương gia… chống lại triều đình) đã lựa chọn để tự vệ tự bản thân nó không thể chỉ được dùng cho mục đích phục vụ giai cấp của họ. Luật pháp, trong định dạng và truyền thống của nó, đã bao gồm những nguyên tắc về bình đẳng và phổ quát vốn phải được áp dụng cho mọi tầng lớp nhân dân".

https://thuviensach.vn

Khi đã được thiết lập, nguyên tắc thượng tôn pháp luật không chỉ ngăn chặn sự trở lại của chủ nghĩa chuyên chế mà còn tạo ra một dạng vòng xoáy đi lên: nếu pháp luật được áp dụng công bằng cho tất cả mọi người thì không ai hay nhóm nào, ngay cả Cadogan hay Walpole, có thể đứng trên pháp luật, và dân thường bị buộc tội xâm phạm lãnh địa tư nhân cũng có quyền được xét xử công bằng.

CHÚNG TA ĐÃ BIẾT CÁC THỂ CHẾ kinh tế và chính trị dung hợp được hình thành như thế nào. Nhưng tại sao các thể chế này có thể duy trì qua thời gian? Câu chuyện về Đạo luật Đen và giới hạn áp dụng của nó đã minh họa cho vòng xoáy đi lên, một tiến trình phản hồi tích cực mạnh mẽ giúp bảo vệ các thể chế này trước những mưu đồ xóa bỏ chúng, và trên thực tế, tạo lực đẩy dẫn đến tình trạng dung hợp cao hơn. Lôgic của vòng xoáy đi lên xuất phát một phần từ thực tế là các thể chế dung hợp được đặt trên nền tảng những trở lực áp đặt lên việc thực thi quyền lực và trên cơ sở phân phối quyền lực đa nguyên trong xã hội vốn là dấu ấn của thượng tôn pháp luật. Khả năng để một tập hợp con áp đặt ý chí của mình lên người khác mà không có sự kiềm chế, thậm chí nếu những người khác chỉ là thường dân như Huntridge, sẽ đe dọa trạng thái cân bằng này. Nếu nó chỉ tạm thời bị gián đoạn trong trường hợp nông dân chống lại hành động chiếm hữu đất công của giới quyền thế thì có gì để đảm bảo là nó sẽ không tiếp tục bị gián đoạn? Và trong lần gián đoạn tiếp theo, điều gì sẽ ngăn cản triều đình và giới quý tộc lấy lại những gì mà thương gia, doanh nhân và quý tộc nhỏ đã giành được trong suốt nửa thế kỷ đấu tranh? Thực tế, ở lần gián đoạn tiếp theo có lẽ toàn bộ sự tồn tại của chủ nghĩa đa nguyên sẽ bị sụp đổ, vì một nhóm lợi ích nhỏ sẽ nắm quyền kiểm soát thay cho liên minh rộng lớn. Hệ thống chính trị sẽ không dám liều lĩnh vì điều này. Tuy nhiên chính điều này đã giúp chủ nghĩa đa nguyên, và nguyên tắc thượng tôn pháp luật mà nó bao hàm, trở thành đặc điểm bền bỉ của các thể chế chính trị của Liên hiệp Anh. Và chúng ta sẽ thấy rằng một khi chế độ đa nguyên và nguyên tắc thượng tôn pháp luật được thiết lập, thì trong tiến trình chính

https://thuviensach.vn

trị sẽ có những đòi hỏi đa nguyên thậm chí cao hơn và sự tham gia thậm chí rộng rãi hơn.

Vòng xoáy đi lên xuất hiện không chỉ từ lôgic tự thân của chế độ đa nguyên mà còn vì các thể chế chính trị dung hợp có xu hướng ủng hộ cho các thể chế kinh tế dung hợp. Điều này đến lượt nó sẽ dẫn đến sự phân phối công bằng hơn về thu nhập, trao quyền cho một bộ phận xã hội rộng lớn hơn và tạo ra sân chơi chính trị cân bằng hơn. Nó giới hạn những gì một người có thể đạt được từ việc thâu tóm quyền lực chính trị và giảm động cơ khuyến khích nhằm tái tạo các thể chế chính trị chiếm đoạt. Những nhân tố này đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành các thể chế chính trị thực sự dân chủ ở Liên hiệp Anh.

Chủ nghĩa đa nguyên cũng tạo ra một hệ thống cởi mở hơn và cho phép sự nở rộ của giới truyền thông độc lập, tạo điều kiện cho các nhóm có lợi ích trong việc duy trì thể chế dung hợp nhận thức và tổ chức lại để chống lại những mối đe dọa đối với những thể chế này. Một điều rất quan trọng là nhà nước Anh đã ngừng kiểm duyệt truyền thông từ sau năm 1688. Truyền thông đóng vai trò không kém phần quan trọng trong việc trao quyền cho dân chúng nói chung và trong việc duy trì vòng xoáy đi lên trong quá trình phát triển thể chế ở Mỹ, như chúng ta sẽ thấy trong chương này.

Trong khi vòng xoáy đi lên tạo ra khuynh hướng giúp duy trì các thể chế dung hợp, thì nó lại không phải là xu thế tất yếu hay không thể đảo ngược. Cả ở Liên hiệp Anh và Mỹ, các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp đều phải đối mặt với nhiều thử thách. Năm 1745 James Stuart đã đem quân đến tận Derby cách Luân Đôn 100 dặm với mưu đồ lật đổ các thể chế chính trị được thành lập từ sau cuộc Cách mạng Vinh quang. Ông ta đã thất bại. Quan trọng hơn cả những thách thức từ bên ngoài, thách thức từ trong lòng thể chế cũng có thể dẫn đến kết cục giải tán các thể chế dung hợp. Như chúng ta đã thấy trong câu chuyện Cuộc thảm sát Peterloo ở

https://thuviensach.vn

Manchester năm 1819, và như chúng ta sẽ nói kỹ hơn sau đây, giới quyền thế chính trị của Anh đã nghĩ đến việc sử dụng biện pháp đàn áp để tránh phải mở cửa hệ thống chính trị rộng rãi hơn, nhưng họ đã phải dừng lại. Tương tự, các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp ở Mỹ đã phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng tưởng chừng không thể vượt qua. Và tất nhiên, việc vượt qua được những thách thức này không phải là tất định. Thành công không chỉ nhờ vòng xoáy đi lên mà còn nhờ sự thiết lập con đường lịch sử khả dĩ mà các thể chế dung hợp của Liên hiệp Anh và Mỹ đã đi qua và ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn.

CON ĐƯỜNG DÂN CHỦ GIAN TRUÂN

Cuộc đấu tranh chống lại Đạo luật Đen giúp người dân Anh nhận thức được quyền lợi của mình. Họ có thể bảo vệ quyền truyền thống và lợi ích kinh tế của mình trước tòa và trong Quốc hội thông qua việc sử dụng đơn thỉnh nguyện và vận động hành lang. Tuy nhiên chế độ đa nguyên này vẫn chưa đủ để đem lại một nền dân chủ hiệu quả. Hầu hết đàn ông trưởng thành đều không có quyền bầu cử; phụ nữ cũng vậy; và còn có nhiều cách biệt giàu nghèo trong cấu trúc dân chủ hiện hữu. Tất cả những điều này cần phải thay đổi. Vòng xoáy đi lên của các thể chế dung hợp không chỉ bảo tồn những gì đã giành được mà còn mở ra cánh cửa dung hợp rộng rãi hơn. Ít có khả năng giới quyền thế Anh ở thế kỷ 18 có thể duy trì gọng kìm quyền lực chính trị mà không gặp phải những thách thức nghiêm trọng. Giới quyền thế nắm được quyền lực thông qua việc thách thức đặc quyền thần thánh của triều đình và mở cánh cửa cho người dân tham gia vào chính trị, nhưng rồi họ chỉ trao quyền này cho một thiểu số người. Việc ngày càng có nhiều người trong dân chúng đòi hỏi quyền được tham gia vào tiến trình chính trị chỉ còn là vấn đề thời gian. Và trong các năm cho đến 1831, họ đã làm như vậy.

Ba thập kỷ đầu của thế kỷ 19 đã chứng kiến bất ổn xã hội ngày càng gia tăng ở Liên hiệp Anh, chủ yếu là những phản ứng trước tình trạng cách

https://thuviensach.vn

biệt giàu nghèo kinh tế và việc số đông bị mất quyền bầu cử đòi hỏi được đại diện chính trị nhiều hơn. Cuộc bạo động Luddite 1811-1816 trong đó công nhân đấu tranh chống lại việc áp dụng công nghệ mới mà họ cho rằng sẽ làm giảm tiền công được tiếp nối bằng các cuộc bạo động đòi quyền chính trị như cuộc bạo động Spa Fields năm 1816 ở Luân Đôn và cuộc tàn sát Peterloo 1819 ở Manchester. Trong cuộc nổi dậy Swing năm 1830, nông dân đã phản kháng trước tình trạng mức sống ngày càng xuống cấp cũng như việc áp dụng công nghệ mới. Trong khi đó ở Paris nổ ra Cuộc cách mạng tháng 7/1830. Giới quyền thế bắt đầu đi đến sự đồng thuận rằng bất bình đã đạt đến điểm sôi và cách duy nhất để giải nhiệt bất ổn xã hội và đẩy lùi các cuộc cách mạng là đáp ứng yêu cầu của số đông dân chúng và thực hiện cải cách nghị viện.

Không hề ngạc nhiên khi cuộc bầu cử 1831 hầu như chỉ xoay quanh một vấn đề duy nhất: cải cách chính trị. Đảng Whig, gần 100 năm sau thời đại của Sir Robert Walpole, đã đáp ứng nguyện vọng của thường dân và thực hiện chiến dịch mở rộng quyền bầu cử. Nhưng điều này cũng chỉ có nghĩa là tăng một lượng nhỏ cử tri. Phổ thông đầu phiếu, dù chỉ là dành cho đàn ông, không hề có trên bàn nghị sự. Đảng Whig thắng cử và thủ lĩnh của họ là Earl Grey trở thành thủ tướng. Nhưng Earl Grey còn lâu mới cấp tiến. Ông ta và đảng Whig thúc đẩy cải cách không phải vì tin rằng việc trao quyền bầu cử cho nhiều người hơn là công bằng hay vì họ muốn chia sẻ quyền lực. Nền dân chủ Anh không phải do giới quyền thế tạo ra. Nó do quần chúng nắm giữ, những người được trao quyền qua tiến trình chính trị đã diễn ra ở Anh và các vùng khác của Liên hiệp Anh suốt nhiều thế kỷ. Họ đã mạnh mẽ hơn nhờ những thay đổi trong bản chất của thể chế chính trị mà cuộc Cách mạng Vinh quang đem lại. Cải cách được thực hiện chỉ vì giới quyền thế hiểu rằng đó là con đường duy nhất đảm bảo cho họ duy trì quyền lực, mặc dù trong một hình thức khiêm tốn hơn. Earl Grey, trong bài phát biểu nổi tiếng trước Quốc hội ủng hộ cho cải cách, đã diễn đạt điều này rất rõ ràng:

https://thuviensach.vn

Hơn ai hết tôi kiên quyết phản đối Quốc hội thường niên, phổ thông đầu phiếu và bỏ phiếu. Mục tiêu của tôi không phải là ủng hộ mà là để chấm dứt những hy vọng và âm mưu… Nguyên tắc cải cách của tôi là để ngăn chặn sự cần thiết phải cách mạng… cải cách là để bảo tồn và để không bị lật đổ.

Quần chúng không chỉ muốn được tham gia bầu cử vì lợi ích của bản thân mà để có ghế trong bàn nghị sự nhằm bảo vệ quyền lợi của mình. Đây là mục tiêu thấm nhuần trong phong trào Hiến chương với chiến dịch đòi phổ thông đầu phiếu sau 1838. Phong trào này được đặt tên theo Hiến chương Nhân dân nhằm gợi nhớ sự tương đồng với Đại Hiến chương Magna Carta. Người theo phái Hiến chương J.R Stephens đã giải thích tại sao phổ thông đầu phiếu và quyền bầu cử của mọi công dân, là vũ khí của quần chúng:

Vấn đề phổ thông đầu phiếu… là vấn đề miếng cơm manh áo… Thông qua phổ thông đầu phiếu tôi muốn nói rằng mọi người dân lao động trên mảnh đất này đều có quyền có cơm ăn, áo mặc và mái ấm cho gia đình họ.

Stephens hiểu rõ phổ thông đầu phiếu là con đường bền vững để trao quyền nhiều hơn cho dân chúng Anh Quốc và đảm bảo cơm ăn, áo mặc, chỗ ở cho người lao động.

Cuối cùng, Earl Grey đã thành công trong cả việc đảm bảo tiến trình đi đến Đạo luật cải cách lần thứ nhất và giải nhiệt làn sóng cách mạng mà không cần sử dụng vũ lực chống lại phổ thông đầu phiếu. Cuộc cải cách 1832 chỉ đạt được một ít thành quả khiêm tốn, trong đó có việc tăng gấp đôi số cử tri, từ 8 lên 16% nam giới trưởng thành (từ 2 lên 4% dân số). Cuộc cải cách này cũng loại bỏ bớt một số dân biểu ở các quận rỗng và trao quyền đại diện độc lập cho một số thành phố mới công nghiệp hóa như Manchester, Leeds và Sheffield. Tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề không được giải quyết. Do đó không lâu sau sẽ lại có những yêu cầu khác đòi mở

https://thuviensach.vn

rộng quyền bầu cử và bất ổn xã hội sẽ quay trở lại. Để đáp lại, cần phải có một cuộc cải cách mới.

Tại sao giới quyền thế Anh chấp thuận những đòi hỏi này? Vì sao Earl Grey cảm thấy cải cách một phần - quả thật, chỉ một phần nhỏ - là con đường duy nhất để bảo tồn hệ thống? Tại sao họ phải chọn giữa cải cách và cách mạng mà không tiếp tục duy trì quyền lực của mình mà không cần cải cách? Chẳng phải họ chỉ việc làm như những chinh tướng Tây Ban nha đã làm ở Nam Mỹ, như những ông hoàng Áo-Hung và Nga sẽ làm trong những thập niên tiếp theo khi yêu cầu cải cách nổ ra trên đất nước họ, và như chính người Anh đã làm ở vùng Caribê và ở Ấn Độ: sử dụng vũ lực để dập tắt những yêu sách đó? Những thay đổi kinh tế chính trị diễn ra ở Anh đã làm cho việc sử dụng vũ lực để đàn áp yêu sách vừa không hấp dẫn đối với giới quyền thế vừa ngày càng không khả thi. Như E.P Thompson đã viết:

Khi các cuộc đấu tranh 1790-1832 là dấu hiệu cho thấy trạng thái cân bằng đã thay đổi, những người cai trị ở Anh phải đối mặt với những lực lượng thay thế đáng báo động. Họ hoặc là bỏ qua nguyên tắc thượng tôn pháp luật, phá vỡ cấu trúc chế định hiến pháp của mình, nuốt lời và cai trị bằng vũ lực; hoặc có thể tuân theo chính luật của họ và từ bỏ quyền độc tôn của mình… họ thực hiện những bước đi thận trọng theo hướng đầu tiên. Nhưng rốt cuộc, thay vì phá bỏ chính hình ảnh của mình và xóa bỏ 150 nguyên tắc hiến định của mình, họ đã đầu hàng pháp luật.

Nói cách khác, cũng chính những động lực khiến giới quyền chức Anh không muốn phá sập nền tảng thượng tôn pháp luật trong thời kỳ Đạo luật Đen cũng đã khiến họ tránh xa việc đàn áp và cai trị bằng vũ lực, những việc làm nguy hiểm cho sự ổn định của toàn hệ thống. Nếu việc xem thường pháp luật trong việc thực thi Đạo luật Đen sẽ làm suy yếu hệ thống mà thương gia, doanh nhân và quý tộc nhỏ đã xây dựng được trong cuộc Cách mạng Vinh quang thì việc xây dựng một chế độ độc tài vào năm 1832

https://thuviensach.vn

sẽ hoàn toàn làm xói mòn những thành tựu này. Trên thực tế, những người tổ chức các cuộc biểu tình đòi cải cách quốc hội đều ý thức rõ tầm quan trọng của nguyên tắc thượng tôn pháp luật và ý nghĩa mang tính biểu tượng của nó đối với các thể chế chính trị của Liên hiệp Anh trong thời kỳ này. Nguyên tắc này đã trở thành vũ khí của phong trào đòi cải cách. Một trong những tổ chức đầu tiên đòi cải cách quốc hội có tên là Hampden Club được đặt tên theo thành viên Quốc hội đầu tiên đã phản đối vua Charles I đánh thuế tàu, một sự kiện quan trọng dẫn đến cuộc nổi dậy lớn đầu tiên chống lại chủ nghĩa chuyên chế Stuart, như chúng ta đã thấy ở chương 7.

Cũng có những phản hồi tích cực và kiên quyết giữa các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp khiến cho việc lựa chọn cải cách trở nên hấp dẫn hơn. Các thể chế kinh tế dung hợp dẫn đến các thị trường dung hợp, đem lại sự phân phối các nguồn lực hiệu quả hơn, khích lệ nhiều hơn đối với giáo dục, kỹ năng và những cải tiến xa hơn trong công nghệ. Tất cả những động lực này đều có mặt ở Anh vào năm 1831. Đàn áp đòi hỏi của dân chúng và dùng vũ lực chống lại các thể chế dung hợp sẽ phá hủy những thành tựu này, và việc giới quyền thế chống lại dân chủ mạnh mẽ hơn và dung hợp rộng rãi hơn có thể sẽ dẫn đến tình trạng mất mát nhiều hơn từ sự phá hủy này.

Một khía cạnh khác của phản hồi tích cực là trong thể chế kinh tế chính trị dung hợp, quyền lực kiểm soát trở nên ít quan trọng hơn. Ở Áo-Hung và Nga, như chúng ta đã thấy ở chương 8, các Ông hoàng và tầng lớp quý tộc bị mất rất nhiều từ công nghiệp hóa và cải cách. Ngược lại, ở Anh vào đầu thế kỷ 19, nhờ sự phát triển của các thể chế dung hợp, giới quyền thế ít có nguy cơ mất mát hơn: không có nông nô, ít có sự cưỡng chế trong thị trường lao động, và ít nhà độc quyền được hàng rào bảo hộ bảo vệ. Do đó, việc theo đuổi quyền lực đem lại ít lợi ích hơn cho giới quyền thế Anh.

Logic của vòng xoáy đi lên cũng có nghĩa là những bước đi mang tính áp chế sẽ ngày càng ít khả thi hơn, một lần nữa là do phản hồi tích cực giữa

https://thuviensach.vn

các thể chế kinh tế chính trị dung hợp. Do đó, các thể chế này trao quyền cho công dân nói chung và từ đó tạo ra một sân chơi công bằng hơn, ngay cả khi xảy ra cuộc chiến tranh giành quyền lực. Điều này khiến cho giới quyền thế gặp nhiều khó khăn trong việc đàn áp quần chúng hơn là thỏa mãn các yêu cầu của họ, hoặc ít nhất là một vài yêu cầu của họ. Các thể chế dung hợp của Anh lúc này cũng đã gỡ bỏ xiềng xích trói buộc Cách mạng công nghiệp, và nước Anh lúc này cũng đã có mức độ đô thị hóa cao. Sử dụng vũ lực chống lại những nhóm thị dân tập trung, đặc biệt là có tổ chức và được trao quyền hẳn sẽ khó hơn rất nhiều so với việc đàn áp nông dân hay nông nô.

Vòng xoáy đi lên do đó đã đem lại Đạo luật cải cách lần thứ nhất cho nước Anh vào năm 1832. Nhưng đây mới chỉ là khởi đầu. Con đường đến dân chủ thực sự vẫn còn dài ở phía trước, do vào năm 1832 giới quyền thế mới chỉ nhân nhượng ở mức độ họ buộc phải chấp nhận, vấn đề cải cách quốc hội được tiếp nối bằng phong trào Hiến chương, trong đó nổi bật là Hiến chương nhân dân năm 1838 với các điểm:

- Phổ thông đầu phiếu cho tất cả nam giới đủ 21 tuổi, có tinh thần lành mạnh và không đang thụ án.

- Bỏ phiếu - Để bảo vệ cử tri khi quyết định lá phiếu của mình.

- Bãi bỏ quy định về tài sản đối với ứng viên nghị sĩ - từ đó cho phép các khu vực bầu cử lựa chọn người đại diện cho mình bất kể giàu nghèo.

- Trả lương cho nghị sĩ, từ đó cho phép một người lương thiện, dù là tiểu thương, công nhân hay bất kỳ ai có thể chuyên tâm phục vụ cho khu vực bầu cử của mình khi họ phải từ bỏ công việc để phục vụ cho lợi ích của cử tri mà họ đại diện.

- Quy mô các khu vực bầu cử ngang nhau để đảm bảo số người đại diện tương ứng với số lượng cử tri thay vì để cho các khu vực bầu cử nhỏ

https://thuviensach.vn

bị khu vực có số cử tri đông hơn áp đảo.

- Quốc hội thường niên, từ đó tạo ra cơ chế kiểm tra hiệu quả nhất đối với tình trạng hối lộ hay cưỡng bức, vì mặc dù một khu vực bầu cử có thể được mua 7 năm một lần (cho dù thông qua bỏ phiếu), không số tiền nào có thể mua được một khu vực bầu cử (trong hệ thống phổ thông đầu phiếu) trong suốt 12 tháng sau bầu cử; và do thành viên quốc hội chỉ có nhiệm kỳ một năm, họ sẽ không được từ nhiệm hay phản bội cử tri của mình trong thời gian tại vị.

“Bỏ phiếu” được hiểu là bỏ phiếu kín và chấm dứt bầu cử công khai vốn tạo điều kiện cho việc mua phiếu và cưỡng bức cử tri.

Phong trào Hiến chương tổ chức một loạt các cuộc biểu tình quy mô lớn, và trong giai đoạn này, quốc hội liên tục thảo luận khả năng cải cách xa hơn. Mặc dù phái Hiến chương tan rã vào năm 1848, nó được tiếp nối bởi Liên hiệp cải cách Quốc gia thành lập năm 1864, và Liên hiệp cải cách thành lập năm 1865. Tháng 7/1866, các cuộc bạo loạn lớn đòi cải cách diễn ra ở Công viên Hyde đã đưa vấn đề cải cách trở lại bàn nghị sự chính trị một lần nữa. Kết quả của áp lực này là Đạo luật cải cách lần thứ hai năm 1867, trong đó tổng số cử tri tăng gấp đôi và cử tri thuộc tầng lớp lao động trở thành đa số trong tất cả các khu vực bầu cử thành thị. Ngay sau khi bỏ phiếu kín được áp dụng và các thay đổi được áp dụng nhằm loại bỏ hành vi bầu cử gian lận như “phát thưởng” (đơn giản là mua phiếu bằng cách trả cho cử tri một phần thưởng, thường là tiền, thức ăn hoặc rượu). Số lượng người có quyền bầu cử tăng gấp đôi khi Đạo luật cải cách lần thứ ba năm 1884 được thông qua, lúc này 60% nam giới trưởng thành đã có quyền bầu cử. Sau Thế chiến thứ nhất, Đạo luật Đại diện Nhân dân 1918 đã trao quyền bầu cử cho tất cả nam giới trên 21 tuổi và cho phụ nữ trên 30 tuổi có đóng thuế hoặc kết hôn với người đóng thuế. Cuối cùng, tất cả phụ nữ có quyền bầu cử như nam giới vào năm 1928.

https://thuviensach.vn

Song song với sự phát triển dần dần của các thể chế chính trị dung hợp là phong trào hướng đến những thể chế kinh tế mang tính dung hợp cao hơn. Một thành quả của Đạo luật Cải cách lần thứ nhất chính là sự xóa bỏ các Đạo luật Ngũ cốc năm 1846. Như chúng ta đã thấy ở chương 7, Đạo luật Ngũ cốc cấm nhập khẩu ngũ cốc, giữ giá ngũ cốc ở mức cao và đảm bảo lợi nhuận kếch xù cho những người chủ đất lớn. Những nghị sĩ mới từ Manchester và Birmingham muốn có ngũ cốc rẻ và tiền công thấp. Họ chiến thắng và các chủ đất đã phải chịu một thất bại nặng nề.

Những thay đổi trong bầu cử và các khía cạnh khác trong thể chế chính trị diễn ra suốt thế kỷ 19 được tiếp nối với nhiều cải cách xa hơn. Năm 1871 thủ tướng thuộc Đảng Tự do là Gladstone đã mở cửa dịch vụ công trước sự giám sát của công chúng, áp dụng nguyên tắc coi trọng năng lực, từ đó tiếp tục tiến trình tập trung hóa chính trị và xây dựng các thể chế vốn đã manh nha từ triều đại Tudor. Chính quyền Đảng Tự do và Tory trong thời kỳ này đã thông qua một số đáng kể các quy định về thị trường lao động. Một ví dụ là việc hủy bỏ Đạo luật Chủ Tớ (Masters and Servants) trong đó cho phép người sử dụng lao động áp dụng luật này để giới hạn khả năng di chuyển của công nhân. Điều này đã làm thay đổi bản chất quan hệ lao động theo hướng bảo vệ lợi ích của người lao động. Từ năm 1906 đến 1914, Đảng Tự do dưới sự lãnh đạo của H.H Asquith và David Lloyd George bắt đầu cung cấp nhiều dịch vụ công khác, trong đó có bảo hiểm y tế và thất nghiệp, quỹ lương hưu từ ngân sách, quy định về lương tối thiểu và cam kết thực hiện chính sách thuế có tính tái phân phối. Kết quả của những thay đổi về tài khóa này là tiền thuế tính theo sản phẩm quốc dân đã tăng hơn gấp đôi trong ba thập kỷ cuối của thế kỷ 20. Hệ thống thuế cũng trở nên “cấp tiến” hơn, theo đó người giàu phải chịu gánh nặng thuế nhiều hơn.

Trong khi đó, hệ thống giáo dục trước đây vốn chỉ dành riêng cho giới quyền thế và do các tổ chức tôn giáo quản lý hoặc buộc người nghèo phải đóng học phí thì nay đã rộng mở hơn cho dân chúng. Đạo luật Giáo dục

https://thuviensach.vn

1870 cam kết chính phủ sẽ lần đầu tiên cung cấp hệ thống giáo dục phổ cập. Giáo dục được miễn phí từ năm 1891. Vào năm 1893, tuổi phổ cập giáo dục được quy định là 11 tuổi. Đến năm 1899, quy định này được tăng lên thành 12 tuổi, và các điều khoản hỗ trợ cho con em hộ nghèo được thông qua. Kết quả của những thay đổi này là số trẻ 10 tuổi đi học ở mức đáng thất vọng là 40% vào năm 1870 đã tăng lên 100% vào năm 1900. Cuối cùng, Đạo luật Giáo dục 1902 đã đem đến sự mở rộng nguồn lực cho trường học và thành lập các trường dạy tiếng La-tinh và Hy Lạp, được gọi là trường ngữ pháp (grammar school). Những trường này sau này trở thành nền tảng cho các trường phổ thông của Liên hiệp Anh.

Thực tế, trường hợp của Liên hiệp Anh, một minh họa cho vòng xoáy đi lên của các thể chế chính trị dung hợp, là một điển hình của "vòng xoáy đi lên tiệm tiến". Thay đổi chính trị rõ ràng đã diễn ra theo hướng dung hợp hơn và là kết quả của cuộc đấu tranh của người dân được trao quyền. Nhưng tất cả những diễn biến này đều diễn ra một cách tiệm tiến. Mỗi thập kỷ là một bước tiến, có bước dài có bước ngắn, đến dân chủ. Có xung đột trong mỗi bước, và thành công của mỗi bước đi đều không chắc chắn. Nhưng vòng xoáy đi lên đã tạo ra động lực khiến những người liên quan giảm bớt sự theo đuổi quyền lực. Nó cũng thúc đẩy thượng tôn pháp luật, khiến cho việc sử dụng vũ lực chống lại những người đòi hỏi giới quyền thế những điều chính họ từng đòi hỏi ở triều đại Stuart ngày càng khó khăn hơn. Ngày càng ít có khả năng xung đột dẫn đến cách mạng toàn diện mà xu thế lớn hơn là các xung đột được hóa giải theo hướng mở rộng dung hợp. Sự thay đổi dần dần này có nhiều ưu điểm vượt trội. Nó không đe dọa giới quyền thế nhiều như việc lật đổ toàn bộ hệ thống. Mỗi bước đi đều rất nhỏ, chính vì thế mà giới quyền thế dễ dàng nhượng bộ trước đòi hỏi nhỏ hơn là trước yêu cầu cải cách toàn diện. Điều này lý giải một phần vì sao Luật Ngũ cốc bị bãi bỏ mà không gây ra nhiều xung đột nghiêm trọng. Đến năm 1846 các chủ đất không còn có thể kiểm soát việc ban hành luật của Quốc hội. Đây là thành tựu của Đạo luật cải cách lần thứ nhất. Tuy nhiên, giả sử trong năm 1832 tất cả những vấn đề như mở rộng quyền bầu cử, cải

https://thuviensach.vn

cách các quận rỗng và bãi bỏ Luật Ngũ cốc đều được đặt lên bàn nghị sự thì hẳn các chủ đất đã kháng cự mạnh mẽ hơn nhiều. Việc một vài cải cách nhỏ về chính trị được thực hiện trước khi yêu cầu bãi bỏ Luật Ngũ cốc được đặt lên bàn nghị sự đã giúp tháo ngòi nổ xung đột.

Thay đổi tiệm tiến cũng giúp tránh được việc phải mạo hiểm đi vào một tương lai bất định, chưa có tiền lệ. Một cuộc lật đổ hệ thống bằng bạo lực có nghĩa là phải xây dựng một hệ thống hoàn toàn mới để thay thế. Đây là trường hợp của cuộc Cách mạng Pháp khi thử nghiệm đầu tiên với dân chủ đã dẫn đến Thời kỳ Khủng bố, và sau đó là hai lần quay lại của chế độ quân chủ và rốt cuộc là Đệ tam Cộng hòa Pháp vào năm 1870. Đây cũng là trường hợp của cuộc Cách mạng Nga trong đó khát vọng về một hệ thống công bằng hơn Đế chế Nga đã đem đến chế độ một đảng độc tài thậm chí còn bạo lực, đẫm máu và độc ác hơn chính thể mà nó thay thế. Cải cách tiệm tiến ở những xã hội này rất khó do tính chất chiếm đoạt của những chính thể này cũng như sự vắng bóng của nền tảng đa nguyên. Chính nhờ chủ nghĩa đa nguyên được đặt nền móng từ cuộc Cách mạng Vinh quang và nguyên tắc thượng tôn pháp luật mà nó hình thành đã giúp cải cách tiệm tiến ở Liên hiệp Anh khả thi và được lựa chọn.

Triết gia bảo thủ người Anh Edmund Burke, người đã kiên quyết chống lại Cách mạng Pháp, vào năm 1790 viết: “Cần phải vô cùng thận trọng nếu muốn phá sập một chính thể kiên cố đã phục vụ cho mục đích chung của xã hội qua nhiều thế hệ hay muốn xây dựng lại nó mà không có mô hình hay hình thái sẵn có đã được chấp nhận”. Burke đã không nhìn thấy bức tranh lớn. Cách mạng Pháp đã thay thế chính thể mục nát và mở đường cho các thể chế dung hợp không chỉ ở Pháp mà còn khắp Tây Âu. Nhưng sự thận trọng của Burke không hẳn là vô lý. Tiến trình dần dần trong cải cách chính trị ở Anh bắt đầu từ năm 1688 và tăng tốc ở ba thập kỷ sau khi Burke qua đời hẳn hiệu quả hơn vì tính chất tiệm tiến đã đem lại cho nó sức mạnh, khiến cho nó khó bị cưỡng lại và cuối cùng trở nên bền vững.

https://thuviensach.vn

TẤN CÔNG ĐỘC QUYỀN

Các thể chế dung hợp ở Hoa Kỳ có nguồn gốc từ các cuộc đấu tranh ở Virginia, Maryland và Carolina trong thời kỳ thuộc địa. Hiến pháp Hoa Kỳ với hệ thống kiềm chế và phân lập quyền lực của nó đã tăng cường sức mạnh cho các thể chế này. Hiến pháp không đánh dấu chấm hết cho sự phát triển của các thể chế dung hợp. Cũng như ở Anh, những thể chế này được tăng cường sức mạnh nhờ quá trình phản hồi tích cực trong vòng xoáy đi lên.

Vào giữa thế kỷ 19, tất cả người da trắng là nam giới đều có quyền bầu cử ở Hoa Kỳ mặc dù phụ nữ và người da đen không được tham gia. Các thể chế kinh tế đã trở nên dung hợp hơn, ví dụ, Đạo luật Trang trại (Đạo luật Homestead) năm 1862 đã dành các vùng đất hoang dã phía tây cho người định cư tiềm năng chứ không phân phối những vùng đất này cho giới quyền thế chính trị. Tuy nhiên, cũng như ở Anh, thách thức đối với các thể chế dung hợp không bao giờ hoàn toàn vắng bóng. Nội chiến kết thúc đã mở đường cho cuộc bứt phá nhanh chóng trong kinh tế ở miền Bắc. Khi đường sắt, công nghiệp và thương mại phát triển, nhiều người đã trở nên giàu có. Với sức mạnh có được từ những thành công kinh tế, nhiều ông chủ và công ty của họ ngày càng trở nên vô lương tâm. Họ bị gọi là “tư bản kẻ cướp” (Robber Barons) vì cách thức kinh doanh thực dụng và không khoan nhượng nhằm mục đích củng cố độc quyền và ngăn chặn bất kỳ đối thủ cạnh tranh tiềm năng nào tham gia thị trường hoặc kinh doanh bình đẳng. Một trong trong số đó là Cornelius Vanderbilt, người nổi tiếng với phát biểu: “Việc gì tôi phải bận tâm đến luật pháp? Quyền lực trong tay tôi”.

Một người khác là John D. Rockefeller, người sáng lập Công ty Standard Oil vào năm 1870. Ông đã nhanh chóng loại bỏ các đối thủ ở Cleveland và giành vị trí độc quyền trong vận chuyển và bán lẻ dầu và các sản phẩm của dầu. Đến năm 1882, ông đã xây dựng công ty độc quyền khổng lồ, theo ngôn ngữ thời đó là một tờ-rớt (trust). Năm 1890, Standard

https://thuviensach.vn

Oil kiểm soát 88% sản lượng dầu lọc tại Hoa Kỳ và Rockefeller đã trở thành tỉ phú đầu tiên của thế giới vào năm 1916. Tranh biếm họa đương thời mô tả Standard Oil như một con bạch tuộc quấn vòi quanh cả ngành công nghiệp dầu mỏ và Capitol Hill, tòa nhà Quốc hội Mỹ.

Một nhân vật khác cũng nổi tiếng không kém là John Pierpont Morgan, người sáng lập tập đoàn ngân hàng hiện đại JP Morgan, mà sau này, sau nhiều sáp nhập trong nhiều thập kỷ cuối cùng trở thành JP Morgan Chase. Cùng với Andrew Carnegie, Morgan thành lập Công ty Thép Mỹ trong năm 1901, công ty đầu tiên với giá trị vốn hơn 1 tỉ đô-la và đến nay là công ty thép lớn nhất thế giới. Trong thập niên 1890, các tờ-rớt lớn đã bắt đầu xuất hiện gần như trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế và nhiều công ty trong số đó kiểm soát hơn 70% thị phần trong lĩnh vực của nó. Trong số này có nhiều công ty gia đình như Du Pont, Eastman Kodak và International Harvester. Trong lịch sử Hoa Kỳ, ít nhất là ở miền Bắc và miền Trung Tây Hoa Kỳ, đã có thị trường tương đối cạnh tranh và bình đẳng hơn so với các khu vực khác, đặc biệt là miền Nam. Tuy nhiên, trong thời gian này, cạnh tranh phải nhường chỗ cho độc quyền và cách biệt giàu nghèo về tài sản tăng lên nhanh chóng.

Hệ thống chính trị đa nguyên của Hoa Kỳ đã trao quyền cho một bộ phận xã hội rộng lớn giúp họ có khả năng đứng lên chống lại sự chiếm đoạt này. Nạn nhân của hoạt động độc quyền của những tư bản kẻ cướp và những người phản đối sự thống trị vô lương tâm trong các ngành công nghiệp bắt đầu tổ chức phản kháng. Họ thành lập Đảng Dân túy và sau đó là các phong trào cấp tiến.

Phong trào Dân túy nổi lên từ cuộc khủng hoảng nông nghiệp kéo dài ở miền Trung Tây từ cuối những năm 1860 trở đi. Nghiệp đoàn Nông dân, hay còn gọi là Grangers, được thành lập vào năm 1867 và bắt đầu vận động nông dân chống lại hoạt động kinh doanh bất công và phân biệt đối xử. Trong năm 1873 và 1874, Grangers giành quyền kiểm soát 11 cơ quan lập

https://thuviensach.vn

pháp tiểu bang miền Trung Tây và bất mãn ở khu vực nông thôn lên đến đỉnh điểm với sự hình thành của Đảng Dân túy năm 1892. Đảng này giành được 8,5% số phiếu bầu phổ thông trong cuộc bầu cử tổng thống 1892. Trong hai cuộc bầu cử tiếp theo, Đảng Dân túy đã bị rớt lại phía sau với hai chiến dịch tranh cử thất bại của William Jennings Bryan thuộc Đảng Dân chủ mặc dù ông đã hết mình vì sự nghiệp của phong trào Dân túy. Lúc này phong trào phản kháng của người dân trước sự lan rộng của các tờ-rớt đã được tổ chức để chống lại ảnh hưởng của Rockefeller và các tư bản kẻ cướp trên chính trường quốc gia.

Những phong trào này dần dần đã tác động đến thái độ chính trị và tiếp đến là hoạt động lập pháp, cụ thể là vai trò của nhà nước trong hoạt động điều tiết chống độc quyền. Đạo luật quan trọng đầu tiên là Luật Thương mại Liên tiểu bang (Interstate Commerce Act) năm 1887 với việc thành lập Ủy ban Thương mại Liên tiểu bang và việc khởi động áp dụng các quy định liên bang đối với các ngành công nghiệp. Tiếp đến là sự ra đời của Đạo luật Chống độc quyền Sherman năm 1890. Đạo luật Sherman, đến nay vẫn là một phần quan trọng trong quy định chống độc quyền của Mỹ, đã trở thành cơ sở cho các cuộc tấn công vào các tờ-rớt của những tư bản kẻ cướp. Những bước tiến quan trọng trong phong trào chống tờ-rớt được thực hiện với sự trúng cử của nhiều tổng thống cam kết cải cách và hạn chế sức mạnh của các tư bản kẻ cướp như Theodore Roosevelt 1901-1909, William Taft 1909-1913 và Woodrow Wilson 1913-1921.

Một lực lượng chính trị quan trọng đứng đằng sau phong trào chống độc quyền và việc áp đặt quy định liên bang đối với các ngành công nghiệp một lần nữa là các cử tri ở khu vực nông thôn. Những nỗ lực đầu tiên của các tiểu bang trong năm 1870 nhằm cải cách ngành đường sắt là do các tổ chức của nông dân thực hiện. Thực tế, gần như toàn bộ 59 bản kiến nghị gửi lên Quốc hội trước khi Đạo luật Sherman được ban hành đều bắt nguồn từ các tiểu bang nông nghiệp và xuất phát từ các tổ chức như Liên đoàn Nông dân, Liên minh Nông dân, Hiệp hội Lợi ích chung của Nông dân, và

https://thuviensach.vn

Hội Bảo trợ Chăn nuôi. Nông dân nhận thức được lợi ích tập thể trong việc chống lại độc quyền công nghiệp.

Từ tro tàn của phong trào dân túy vốn đã suy thoái sau thất bại của Đảng Dân chủ, Đảng cấp tiến ra đời với phong trào đòi cải cách toàn diện. Phong trào cấp tiến do Teddy Roosevelt khởi xướng. Bấy giờ ông là phó tổng thống của William McKinley và là người kế nhiệm sau khi tổng thống McKinley bị ám sát năm 1901. Trước khi nhậm chức tổng thống, Roosevelt là thống đốc bang New York có chủ trương đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ tham nhũng chính trị và "các cỗ máy chính trị". Trong diễn văn nhậm chức, Roosevelt đã mạnh mẽ chỉ trích các tờ-rớt. Ông khẳng định sự thịnh vượng của Hoa Kỳ được dựa trên nền kinh tế thị trường và sự tài ba của doanh nhân, tuy nhiên, "có những điều xấu đang tồn tại và rất nghiêm trọng… và… có niềm tin phổ biến rộng rãi trong tâm trí của người dân Mỹ là các công ty lớn, được gọi là các tờ-rớt, với các tính năng và khuynh hướng nhất định của nó đang gây tổn hại cho phúc lợi chung. Nhận định này không phải xuất phát từ lòng ghen tị hay thói nhỏ nhen, cũng không phải do không có niềm tự hào về những thành tựu công nghiệp to lớn đã đưa đất nước lên vị trí hàng đầu trong cuộc cạnh tranh về sức mạnh thương mại. Nó không dựa vào sự đánh giá thiếu thông minh về yêu cầu phải đáp ứng các điều kiện đã và đang thay đổi trong thương mại với các phương thức mới, cũng không phải là sự thiếu hiểu biết về sự cần thiết phải kết hợp vốn trong các nỗ lực nhằm đạt được những mục tiêu to lớn vì sự phát triển của thế giới. Nói một cách chân thành, không nên cấm kết hợp và tập trung vốn mà nên giám sát trong giới hạn hợp lý có thể kiểm soát được; và tôi tin rằng đây là điều đúng đắn cần làm".

Ông nói thêm: "Mục tiêu của những người đấu tranh cho tiến bộ xã hội nhằm xóa bỏ gian lận trong thế giới kinh doanh cũng giống như việc loại bỏ bạo lực khỏi toàn bộ cơ thể chính trị". Ông kết luận:

https://thuviensach.vn

Vì lợi ích của toàn dân, chính phủ liên bang không cần can thiệp vào quyền lực của các tiểu bang trong bản thân vấn đề này mà nên nắm quyền giám sát và điều tiết tất cả các công ty có hoạt động kinh doanh liên tiểu bang, đặc biệt là đối với những công ty tích lũy được của cải nhờ sự tồn tại của yếu tố độc quyền hay khuynh hướng độc quyền trong hoạt động kinh doanh của họ.

Roosevelt đề xuất Quốc hội thành lập một cơ quan liên bang có quyền điều tra hoạt động của các công ty lớn và nếu cần thiết, có thể sửa đổi hiến pháp để cho phép thành lập một cơ quan như vậy. Đến năm 1902, Roosevelt đã sử dụng Đạo luật Sherman để giải thể Công ty Chứng khoán phía Bắc, một sự kiện động chạm đến lợi ích của JP Morgan. Tiếp đến là các vụ kiện chống chống lại Du Pont, Công ty Thuốc lá Mỹ và Công ty Standard Oil. Roosevelt củng cố Đạo luật Thương mại Liên tiểu bang thông qua việc ban hành Đạo luật Hepburn năm 1906 trong đó trao thêm quyền lực cho Ủy ban Thương mại Liên tiểu bang, cụ thể là cho phép ủy ban này kiểm tra các tài khoản tài chính của ngành đường sắt và mở rộng phạm vi giám sát ra những lĩnh vực mới. Người kế nhiệm Roosevelt là William Taft đã truy quét các tờ-rớt một cách quyết liệt hơn, cao điểm là việc giải thể Công ty Standard Oil năm 1911. Taft cũng thúc đẩy các cải cách quan trọng khác, chẳng hạn áp dụng thuế thu nhập liên bang, với việc thông qua Tu chính án Hiến pháp thứ 16 vào năm 1913.

Phong trào cải cách cấp tiến đạt đến đỉnh điểm sau khi Woodrow Wilson thắng cử tổng thống vào năm 1912. Wilson viết trong cuốn *Tự do mới* (The New Freedom) năm 1913 của ông: “Còn độc quyền thì còn sự giám sát của chính phủ. Tôi không mong đợi độc quyền tự hạn chế chính nó. Ở đất nước này nếu để cho một người thâu tóm đủ sức mạnh để sở hữu chính phủ Hoa Kỳ thì chắc chắn họ sẽ mua cả chính phủ”.

Wilson đã đấu tranh để thông qua Đạo luật chống Độc quyền Clayton vào năm 1914 và củng cố Đạo luật Sherman. Ông cũng thành lập Ủy ban

https://thuviensach.vn

Thương mại Liên bang (Federal Trade Commission) nhằm thực thi Đạo luật Clayton. Ngoài ra, cuộc điều tra của Ủy ban Pujo do nghị sĩ Arsene Pujo bang Louisiana đứng đầu nhằm vào các "tờ-rớt tài chính" khi độc quyền bắt đầu lan sang lĩnh vực tài chính đã tạo đòn bẩy cho Wilson tăng cường điều tiết trong lĩnh vực này. Ông thành lập Hội đồng Thống đốc (Federal Reserve Board) của Cục Dự trữ Liên bang với nhiệm vụ giám sát các hoạt động độc quyền trong lĩnh vực tài chính.

Sự xuất hiện của các tư bản kẻ cướp và các công ty độc quyền của họ vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 cho thấy, như chúng ta đã nhấn mạnh trong chương 3, bản thân sự hiện diện của thị trường không phải là một đảm bảo cho các thể chế dung hợp. Thị trường có thể bị chi phối bởi một số công ty bán hàng với giá cắt cổ và không ngừng ngăn chặn sự tham gia của các đối thủ cạnh tranh có khả năng sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn và sử dụng công nghệ mới hơn. Thị trường, khi để tự nó vận hành, có thể sẽ không còn tính chất dung hợp và ngày càng bị các thế lực kinh tế và chính trị mạnh mẽ chi phối. Các thể chế kinh tế dung hợp không chỉ đòi hỏi có sự tồn tại của thị trường đơn thuần mà là một thị trường dung hợp tạo ra sân chơi bình đẳng và đem lại cơ hội kinh tế cho đa số người dân. Độc quyền lan rộng với sự hậu thuẫn chính trị của giới quyền thế đi ngược lại tiến trình này. Tuy nhiên, sự phản kháng đối với các tờ-rớt độc quyền cũng minh chứng rằng khi có các thể chế chính trị dung hợp, chúng sẽ tạo ra một phản lực chống lại sự dịch chuyển ra khỏi thị trường dung hợp. Đây chính tác động của vòng xoáy đi lên. Các thể chế kinh tế dung hợp tạo ra nền tảng cho sự phát triển của các thể chế chính trị dung hợp, đồng thời các thể chế chính trị dung hợp cũng hạn chế tiến trình bị chệch hướng khỏi các thể chế kinh tế dung hợp. Trái ngược với những gì chúng ta đã thấy ở Mexico trong chương 1, cuộc đấu tranh chống lại các tờ-rớt Mỹ minh họa cho khía cạnh này của vòng xoáy đi lên. Trong khi không có cơ quan chính trị nào ở Mexico hạn chế sự độc quyền của Carlos Slim, Đạo luật Sherman và Clayton ở Hoa Kỳ đã liên tục được sử dụng trong thế kỷ qua để hạn chế các

https://thuviensach.vn

tờ-rớt, công ty độc quyền và các-ten nhằm đảm bảo một thị trường dung hợp.

Kinh nghiệm của Mỹ trong nửa đầu thế kỷ 20 cho thấy vai trò quan trọng của tự do truyền thông trong việc trao quyền cho một bộ phận lớn người dân trong xã hội và từ đó thúc đẩy vòng xoáy đi lên. Năm 1906 Roosevelt đặt ra thuật ngữ *muckraker* để chỉ báo chí dấn thân dựa trên một nhân vật văn học, người đàn ông với cái cào trong tác phẩm *Hành hương* (Pilgrim's Progress) của Bunyan. Thuật ngữ này sau đó được dùng rộng rãi để chỉ các nhà báo điều tra và phơi bày sự quá quắt của những tư bản kẻ cướp cũng như tình trạng tham nhũng trong chính trị địa phương và liên bang. *Muckraker* nổi tiếng nhất có lẽ là Ida Tarbell với cuốn *Lịch sử Công ty Standard Oil* xuất bản năm 1904. Cuốn sách này đóng vai trò quan trọng trong việc vận động công luận chống lại Rockefeller và công ty của ông ta, mà đỉnh điểm là Công ty Standard Oil đã bị giải thể vào năm 1911. Một *muckraker* quan trọng khác là luật sư và tác giả Louis Brandeis, người sau này được Tổng thống Wilson bổ nhiệm làm thẩm phán Tòa án Tối cao. Brandeis vạch ra một loạt các vụ bê bối tài chính trong cuốn *Tiền của người khác và các nhà băng sử dụng nó như thế nào* (Other People's Money and How Bankers Use It) của ông. Ông cũng là một nhân vật rất có ảnh hưởng trong ủy ban Pujo. Ông trùm báo chí William Randolph Hearst cũng là một *muckraker* tiêu biểu. Việc ông cho xuất bản loạt phóng sự nhiều kỳ "Sự bội tín của Thượng viện" của David Graham Phillips trên tạp chí Cosmopolitan của ông năm 1906 đã thúc đẩy chiến dịch đòi bầu cử trực tiếp Thượng viện. Đây là một cải cách cấp tiến quan trọng được hiện thực hóa với việc thông qua Tu chính án 17 của Hiến pháp Hoa Kỳ vào năm 1913.

Các *muckraker* đóng vai trò quan trọng trong quá trình vận động các chính trị gia hành động chống lại tờ-rớt. Các tư bản kẻ cướp căm ghét giới *muckraker*, nhưng chính các thể chế chính trị của Hoa Kỳ đã không cho phép họ tiêu diệt và bịt miệng *muckraker*. Thể chế chính trị dung hợp tạo điều kiện cho truyền thông tự do phát triển, và truyền thông tự do đến lượt

https://thuviensach.vn

nó lại giúp phơi bày và đấu tranh chống lại những mối đe dọa đối với các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp. Ngược lại, tự do truyền thông lại không thể tồn tại trong các thể chế chính trị chiếm đoạt, chế độ chuyên chế hay độc tài. Chính vì thế mà các chế độ chiếm đoạt có thể dập tắt sự phản kháng ngay từ trong trứng nước. Rõ ràng trong nửa đầu thế kỷ 20 ở Hoa Kỳ, thông tin có được nhờ truyền thông tự do đóng vai trò hết sức quan trọng. Nếu không có những thông tin này, công chúng Mỹ không thể nhận thức quyền lực thực sự và hoạt động lũng đoạn của những tư bản kẻ cướp và như vậy sẽ không có sự huy động lực lượng chống lại các tờ-rớt của họ.

THAY MÁU TÒA ÁN

Franklin D. Roosevelt, ứng viên tổng thống của Đảng Dân chủ và là em họ của Teddy Roosevelt, đắc cử tổng thống vào năm 1932 đúng lúc cuộc Đại Suy thoái đang diễn ra. Ông lên nắm quyền với áp lực phải đưa ra các chính sách đầy tham vọng nhằm đẩy lùi Đại Suy thoái. Tại thời điểm nhậm chức đầu năm 1933, 1/4 lực lượng lao động thất nghiệp, trong đó nhiều người rơi vào tình trạng nghèo đói. Sản xuất công nghiệp giảm hơn một nửa kể từ khi cuộc Đại Suy thoái diễn ra vào năm 1929 còn đầu tư thì hoàn toàn sụp đổ. Các chính sách Roosevelt đưa ra để đối phó với tình hình này được gọi chung là Chính sách Kinh tế mới (The New Deal). Roosevelt đã giành được một chiến thắng vững chắc trong cuộc tranh cử tổng thống với 57% số phiếu phổ thông, trong khi đó Đảng Dân chủ chiếm đa số ghế ở cả Quốc hội nói chung và Thượng viện nói riêng, đủ để thông qua các đạo luật liên quan đến chương trình kinh tế mới. Tuy nhiên, một số đạo luật này có biểu hiện vi hiến và cuối cùng bị chuyển lên Tòa án Tối cao, nơi phán quyết sẽ được đưa ra một cách độc lập, không phụ thuộc vào việc Roosevelt là tổng thống được bầu.

Một trong những trụ cột quan trọng của Chính sách Kinh tế mới là Đạo luật Phục hồi Công nghiệp Quốc gia. Điều I của đạo luật này đề ra các biện pháp phục hồi công nghiệp. Tổng thống Roosevelt và nội các của ông

https://thuviensach.vn

tin rằng việc hạn chế cạnh tranh công nghiệp, trao quyền cho công nhân nhiều hơn trong việc thành lập công đoàn và quy định tiêu chuẩn làm việc là rất quan trọng trong nỗ lực phục hồi. Điều II thành lập Cơ quan Công chính. Một số dự án cơ sở hạ tầng mà cơ quan này thực hiện bao gồm nhà ga đường sắt tại Đường số 30 ở Philadelphia, cầu Triborough, đập Grand Coulee và đường cao tốc kết nối Key West của Florida với đất liền. Tổng thống Roosevelt đã ký thông qua dự luật này vào ngày 16/6/1933 và Đạo luật Phục hồi Công nghiệp Quốc gia bắt đầu được thực thi. Tuy nhiên, đạo luật này ngay lập tức phải đối mặt với những thách thức của tòa án. Ngày 27/5/1935, Tòa án Tối cao nhất trí kết luận rằng Điều I của Đạo luật này là vi hiến. Phán quyết của họ ghi nhận một cách trang trọng rằng: “Trong những điều kiện bất thường có thể áp dụng các biện pháp bất thường để khắc phục hậu quả. Nhưng… điều kiện bất thường không tạo ra hoặc nới rộng quyền hiến định”.

Trước khi tòa đưa ra phán quyết cuối cùng, Roosevelt đã chuyển đến bước kế tiếp trong chương trình hành động của mình. Ông đã ký Đạo luật An sinh Xã hội, đưa nhà nước phúc lợi hiện đại vào Hoa Kỳ với việc thực hiện các phúc lợi như lương hưu, trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ cho các gia đình có trẻ em phụ thuộc, một số dịch vụ y tế công và trợ cấp cho người khuyết tật. Ông cũng ký Đạo luật Quan hệ Lao động Quốc gia, tăng cường hơn nữa các quyền của người lao động trong việc tổ chức công đoàn, tham gia vào các cuộc đàm phán tập thể và tiến hành các cuộc đình công chống lại người sử dụng lao động. Các biện pháp này cũng phải đối mặt với những thách thức từ Tòa án Tối cao. Trong khi các đạo luật này đang trong quá trình xem xét tại cơ quan tư pháp, Roosevelt đã tái đắc cử năm 1936 với sự ủng hộ mạnh mẽ, nhận được 61% số phiếu phổ thông.

Với sự tín nhiệm ở mức cao kỷ lục, Roosevelt không có ý định để cho Tòa án Tối cao làm chệch hướng chương trình chính sách của mình. Roosevelt đã mô tả kế hoạch của ông trong một buổi phát thanh trực tiếp chương trình Fireside Chats thường lệ vào ngày 9/3/1937. Ông bắt đầu

https://thuviensach.vn

bằng cách chỉ ra rằng trong nhiệm kỳ đầu tiên của ông, các chính sách rất cần thiết đã vượt qua trở ngại từ Tòa án Tối cao chỉ trong gang tấc. Ông tiếp tục:

Một buổi tối tháng 3 bốn năm về trước, tôi đã thực hiện buổi phát thanh đầu tiên. Chúng ta lúc đó đang trong cuộc khủng hoảng ngân hàng trầm trọng. Không lâu sau đó, với sự ủng hộ của Quốc hội, toàn bộ vàng cá nhân được chính phủ Hoa Kỳ mua lại ngang giá. Sự phục hồi ngày hôm nay đã chứng minh chính sách này là đúng đắn. Thế nhưng, gần hai năm sau, tính hợp hiến của chính sách này mới được Tòa án Tối cao công nhận với một tỷ lệ phiếu sát sao 5-4. Chỉ cần thêm một phiếu chống đã có thể đổ ra biển toàn bộ những thành tựu vừa đạt được của đất nước này và đưa nó quay trở lại tình trạng khủng hoảng vô vọng. Thực tế là, bốn thẩm phán đã phán quyết rằng việc bảo vệ quyền lợi trong các khế ước tư nhân là thiêng liêng hơn mục đích cốt lõi của Hiến pháp là xây dựng một quốc gia trường tồn.

Rõ ràng là không thể mạo hiểm thêm một lần nữa. Roosevelt nói tiếp:

Thứ năm tuần trước, tôi đã mô tả hình thái chính phủ Hoa Kỳ như một nhóm ba con ngựa được Hiến pháp quy định nhằm giúp người dân Hoa Kỳ kéo cày trên các cánh đồng của họ. Ba con ngựa tất nhiên là ba nhánh của Chính phủ gồm cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ngày nay hai trong số ba con ngựa là Quốc hội và cơ quan hành pháp cùng đồng loạt kéo còn con thứ ba thì không.

Roosevelt sau đó chỉ ra rằng Hiến pháp Hoa Kỳ trên thực tế không trao cho Tòa án Tối cao quyền thách thức tính hợp hiến của pháp luật, nhưng nó đã đảm nhận vai trò này vào năm 1803. Vào thời điểm đó, Thẩm phán Bushrod Washington đã khẳng định Tòa án Tối cao phải “công nhận tính hợp hiến [của một đạo luật] cho đến khi có đầy đủ bằng chứng chứng tỏ đạo luật đó là vi hiến”.

https://thuviensach.vn

Roosevelt sau đó chỉ trích:

Trong bốn năm qua nguyên tắc chứng minh tính vi hiến bằng bằng chứng thực tế đã bị bỏ qua. Tòa án hoạt động không như một cơ quan tư pháp mà như là một cơ quan hoạch định chính sách.

Roosevelt khẳng định nghĩa vụ của ông đối với cử tri là phải thay đổi tình trạng này. Do đó, "sau khi cân nhắc các khả năng cải cách thì phương pháp duy nhất để đảm bảo tính hợp hiến là… bơm một dòng máu mới vào tòa án". Ông cũng cho rằng các thẩm phán của Tòa án Tối cao đã làm việc quá sức và khối lượng công việc là quá nhiều đối với các thẩm phán lớn tuổi, mà những người này tình cờ lại là những người chống lại chính sách cải cách của ông. Sau đó, ông đề xuất độ tuổi nghỉ hưu bắt buộc đối với tất cả các thẩm phán là 70 và ông phải được phép bổ nhiệm tối đa sáu thẩm phán mới. Kế hoạch này được Roosevelt đưa vào Dự luật Cải tổ Tư pháp. Nếu dự luật này được thông qua Roosevelt sẽ có thể loại bỏ các thẩm phán đã được bổ nhiệm trước đó bởi các chính quyền bảo thủ hơn và cũng chính là những người đã kịch liệt phản đối Chính sách Kinh tế mới của ông.

Mặc dù Roosevelt đã rất khôn khéo nhằm giành được sự ủng hộ rộng rãi cho biện pháp trên, các cuộc thăm dò dư luận cho thấy chỉ khoảng 40% dân số ủng hộ kế hoạch này. Louis Brandeis bấy giờ là một thẩm phán của Tòa án Tối cao. Mặc dù Brandeis có thiện cảm với nhiều đạo luật của Roosevelt, ông đã không ủng hộ những nỗ lực của Tổng thống nhằm làm xói mòn quyền lực của Tòa án Tối cao và nhận định về việc các thẩm phán đã làm việc quá sức. Đảng Dân chủ của Roosevelt chiếm đa số trong cả hai viện của Quốc hội. Tuy nhiên, Hạ viện đã ít nhiều từ chối xem xét dự luật của Roosevelt. Roosevelt sau đó đã thử vận may ở Thượng viện. Dự luật được chuyển lên Ủy ban Tư pháp Thượng viện. Các cuộc họp được tổ chức với nhiều ý kiến và quan điểm trái chiều. Cuối cùng dự thảo đã bị bác với kết luận rằng việc dự luật đòi "xóa bỏ nguyên tắc hiến định mà không có cơ sở hợp lý hay tiền lệ nào là hoàn toàn vô ích, không cần thiết và vô cùng

https://thuviensach.vn

nguy hiểm". Thượng viện đã bỏ phiếu với kết quả 70-20 yêu cầu viết lại dự luật. Kế hoạch "thay máu tòa án" của Roosevelt hoàn toàn thất bại. Roosevelt không thể loại bỏ những hạn chế mà Tòa án Tối cao áp đặt lên quyền lực của ông. Mặc dù vậy Roosevelt cũng đã đạt được một số thỏa hiệp, trong đó Đạo luật An sinh Xã hội và Đạo luật Quan hệ Lao động Quốc gia đều được Tòa án Tối cao thừa nhận là hợp hiến.

Quan trọng hơn số phận hai đạo luật của Roosevelt là bài học từ giai đoạn này. Thể chế chính trị dung hợp không chỉ kiểm soát sự chệch hướng khỏi các thể chế kinh tế dung hợp mà nó còn ngăn chặn những nỗ lực làm suy yếu sự tồn tại của chính mình. Nỗ lực của Đảng Dân chủ và Thượng viện trong việc cải tổ Tòa án Tối cao là nhằm đảm bảo tất cả các đạo luật đưa ra trong Chính sách Kinh tế mới được thông qua. Tuy nhiên, nếu như giới quyền thế chính trị của Anh vào đầu thế kỷ 18 đã nhìn thấy việc xâm phạm nguyên tắc thượng tôn pháp luật sẽ làm tổn hại đến những thành tựu họ giành được từ triều đình thì các dân biểu và thượng nghị sĩ Hoa Kỳ đều hiểu rằng việc tổng thống có khả năng lũng đoạn sự độc lập của tư pháp sẽ làm xói mòn cán cân quyền lực trong cả hệ thống đã bảo vệ họ trước quyền lực của tổng thống và khả năng duy trì sự tồn tại của các thể chế chính trị đa nguyên.

Có lẽ Roosevelt đã tính đến việc thay vì mất thời gian và chấp nhận thỏa hiệp để giành được đa số phiếu ủng hộ cho các chính sách của mình, ông có thể chỉ cần cai trị bằng pháp luật và hoàn toàn xóa bỏ chủ nghĩa đa nguyên và hệ thống chính trị Hoa Kỳ. Hẳn nhiên là Quốc hội sẽ không cho phép điều đó xảy ra. Tuy nhiên khi đó Roosevelt cũng có thể kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân và khẳng định rằng Quốc hội đã cản trở các biện pháp cần thiết để đẩy lùi Đại Suy thoái. Ông đã có thể sử dụng lực lượng vũ trang để giải tán Quốc hội. Nghe có vẻ quen thuộc? Đây chính xác là những gì đã xảy ra ở Peru và Venezuela những năm 1990. Tổng thống Fujimori và Chávez đã kêu gọi sự ủng hộ của cử tri để giải tán Quốc hội bất hợp tác và sau đó viết lại hiến pháp nhằm nới rộng quyền hạn của tổng thống. Chính

https://thuviensach.vn

những lo ngại của các bên chia sẻ quyền lực trong các thể chế chính trị đa nguyên đối với con đường xuống dốc nguy hiểm này đã ngăn chặn Walpole cải tổ tòa án Anh trong những năm 1720, và đây cũng chính là lý do vì sao Quốc hội Hoa Kỳ không ủng hộ kế hoạch thay máu tòa án của Roosevelt. Nói cách khác, Roosevelt đã vấp phải sức mạnh của vòng xoáy đi lên.

Tuy nhiên, vòng xoáy đi lên không phải là một tất yếu, đặc biệt là ở những xã hội mặc dù có tính dung hợp ở một chừng mực nào đó nhưng nhìn chung vẫn nặng tính chiếm đoạt. Chúng ta đã thấy những động năng này ở Rome và Venice. Một minh họa khác có thể thấy từ việc so sánh thất bại của Roosevelt trong cải tổ tòa án với những nỗ lực như vậy ở Argentina nơi cuộc đấu tranh tương tự đã diễn ra nhưng trong bối cảnh các thể chế kinh tế và chính trị mang nặng tính chiếm đoạt.

Hiến pháp 1853 của Argentina thiết lập Tòa án Tối cao với nhiệm vụ tương tự như Tòa án Tối cao Hoa Kỳ. Một quyết định năm 1887 đã cho phép tòa này đảm nhận vai trò tương tự như Tòa án Tối cao Hoa Kỳ trong việc xác định tính hợp hiến của các đạo luật. Về lý thuyết, Tòa án Tối cao Argentina có thể đã đóng vai trò là một trong những nhân tố quan trọng bảo vệ cho các thể chế chính trị dung hợp của Argentina. Tuy nhiên, các thành phần khác trong hệ thống kinh tế và chính trị của nước này lại mang nặng tính chiếm đoạt, đồng thời một bộ phận lớn trong xã hội lại không được trao quyền hay có đại diện lợi ích trong quốc hội nước này. Cũng như ở Hoa Kỳ, vai trò hiến định của Tòa án Tối cao Argentina đã bị thách thức. Năm 1946 Juan Domingo Perón đắc cử tổng thống trong cuộc bầu cử dân chủ ở Argentina. Perón là một cựu đại tá và trở thành nhân vật đáng chú ý sau cuộc đảo chính quân sự năm 1943, trong đó ông được bổ nhiệm làm bộ trưởng lao động. Ở vị trí này, ông đã xây dựng liên minh chính trị với các tổ chức công đoàn và phong trào lao động. Đây là nền móng quan trọng cho cuộc tranh cử tổng thống của ông.

https://thuviensach.vn

Ngay sau chiến thắng của Perón, những người ủng hộ ông trong Hạ viện đề nghị bãi nhiệm bốn trong số năm thẩm phán của Tòa án Tối cao. Nhiều cáo buộc được đưa ra chống lại tòa này. Một trong số đó là quyết định vi hiến của tòa trong việc công nhận hai chính thể quân sự năm 1930 và 1943. Khá mỉa mai là Perón đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đảo chính thứ hai. Những cáo buộc khác tập trung vào phán quyết của tòa về tính vi hiến của một số đạo luật, tương tự như những gì đã xảy ra ở Hoa Kỳ. Cụ thể là, ngay trước khi Perón đắc cử tổng thống, Tòa án Tối cao đã đưa ra phán quyết rằng hội đồng quan hệ lao động quốc gia mới của Perón là vi hiến. Giống Roosevelt trong chiến dịch tái tranh cử năm 1936 đã chỉ trích Tòa án Tối cao một cách nặng nề, Perón cũng đã làm tương tự trong chiến dịch tranh cử năm 1946 của mình. Chín tháng sau khi yêu cầu bãi nhiệm được đưa ra, Hạ viện đã thông qua việc bãi nhiệm ba thẩm phán, người thứ tư đã từ nhiệm trước đó. Thượng viện cũng nhất trí với quyết định này. Perón sau đó bổ nhiệm bốn thẩm phán mới. Việc lũng đoạn tòa án rõ ràng đã giải phóng Perón khỏi các trói buộc chính trị. Lúc này ông đã có trong tay quyền lực không bị kiểm soát, tương tự như những gì các chính thể quân sự ở Argentina đã làm trước và sau nhiệm kỳ tổng thống của ông. Chẳng hạn, các thẩm phán mới được chỉ định của ông đã khẳng định tính hợp hiến của bản án dành cho Ricardo Balbín, nhà lãnh đạo đảng đối lập chính của Perón là Đảng cấp tiến. Balbín bị kết tội vì không tôn trọng Perón. Với quyền lực không bị hạn chế, Perón lúc này đã có thể cai trị như một nhà độc tài.

Kể từ khi Perón thành công trong việc thay máu Tòa án Tối cao, việc này đã trở thành thông lệ ở Argentina. Bất kỳ tổng thống mới đắc cử nào cũng có thể chỉ định thẩm phán tòa án tối cao trong nhiệm kỳ của mình. Như vậy, thể chế chính trị có khả năng hạn chế quyền lực của tổng thống đã biến mất. Chế độ của Perón bị lật đổ bằng một cuộc đảo chính khác vào năm 1955 và tiếp nối là một chuỗi dài quá trình chuyển giao giữa chế độ quân sự và dân sự. Các chế độ quân sự và dân sự mới đều chỉ định thẩm phán của riêng mình. Tuy nhiên việc lựa chọn thẩm phán Tòa án Tối cao ở

https://thuviensach.vn

Argentina không chỉ giới hạn trong thời kỳ chuyển đổi giữa chế độ quân sự và dân sự. Năm 1990, Argentina cuối cùng đã đi đến thời kỳ chuyển đổi giữa các chính phủ được bầu cử dân chủ, nghĩa là một chính phủ dân chủ này sẽ được tiếp nối bởi một chính phủ dân chủ khác. Tuy nhiên, cho đến thời điểm đó thì các chính phủ dân chủ hành xử vẫn không khác gì so với các chính quyền quân sự trong việc bổ nhiệm thẩm phán Tòa án Tối cao. Tổng thống tiếp theo là Carlos Saul Menem của Đảng Perónist. Các thẩm phán của Tòa án Tối cao đã được tổng thống Raúl Alfonsín thuộc Đảng cấp tiến bổ nhiệm sau khi chuyển đổi sang chế độ dân chủ vào năm 1983. Vì đây là một cuộc chuyển tiếp dân chủ, không có lý do gì để Menem phải bổ nhiệm thẩm phán mới. Nhưng trong thời gian tranh cử, Menem đã thể hiện ý đồ của mình. Ông liên tục, mặc dù không thành công, khuyến khích (hoặc thậm chí đe dọa) các thành viên của tòa án từ chức. Một sự kiện nổi tiếng là ông đề nghị thẩm phán Carlos Fayt từ nhiệm để nhận chức đại sứ. Hành động của ông bị chỉ trích dữ dội. Fayt trả lời bằng cách gửi một bản sao của cuốn *Luật và đạo đức* cùng lời nhắn: “Hãy cẩn thận. Tôi là người viết cuốn sách này”. Không nản lòng, trong vòng ba tháng sau khi lên nắm chính quyền, Menem đã trình Hạ viện đạo luật mở rộng thành viên Tòa án Tối cao từ năm lên chín thẩm phán. Ông sử dụng một lập luận tương tự như của Roosevelt vào năm 1937: Tòa án đã làm việc quá sức. Cả hai viện thông qua đạo luật một cách nhanh chóng, cho phép Menem bổ nhiệm thêm bốn thẩm phán mới. Ông đã có đa số thẩm phán là người của mình.

Chiến thắng của Menem trước Tòa án Tối cao đã khởi động cho sự chuyển động trượt dốc như đã đề cập trước đó. Bước tiếp theo của ông là viết lại hiến pháp để loại bỏ các giới hạn về nhiệm kỳ nhằm cho phép ông tranh cử tổng thống một lần nữa. Sau khi tái đắc cử, Menem tiếp tục đòi sửa đổi hiến pháp, nhưng nỗ lực của ông đã bị ngăn chặn không phải bởi các thể chế chính trị của Argentina mà bởi các phe phái trong Đảng Perónist của ông, những người chống lại sự cai trị độc đoán của Menem.

https://thuviensach.vn

Kể từ khi độc lập, Argentina gặp phải các vấn đề về thể chế mà hầu hết các nước Mỹ La-tinh đều gặp phải. Nó bị mắc kẹt trong vòng xoáy đi xuống chứ không phải vòng xoáy đi lên. Hậu quả là, những phát triển tích cực, chẳng hạn như bước tiến đầu tiên hướng tới việc thiết lập một Tòa án Tối cao độc lập, đã không còn chỗ đứng. Trong một chế độ đa nguyên, không có nhóm nào có ý định hoặc dám lật đổ quyền lực của nhóm khác vì sợ rằng quyền lực của chính mình về sau cũng sẽ bị thách thức. Đồng thời, quyền lực được phân phối rộng rãi làm cho khả năng lật đổ trở nên khó khăn hơn. Một tòa án tối cao có thể mạnh mẽ hơn nếu nhận được sự ủng hộ quan trọng từ đại bộ phận trong xã hội sẵn sàng đẩy lùi những nỗ lực lũng đoạn sự độc lập của tòa án. Đây là trường hợp của Mỹ nhưng lại không xảy ra ở Argentina. Các nhà lập pháp Argentina sẵn sàng lũng đoạn tòa án ngay cả khi nhận thức được rằng hành động này có thể ảnh hưởng xấu đến vị thế của chính họ. Một lý do là các thể chế chiếm đoạt giành được nhiều lợi ích trong việc chi phối tòa án tối cao, mà những lợi ích này lớn đến mức họ sẵn sàng chấp nhận rủi ro.

PHẢN HỒI TÍCH CỰC VÀ VÒNG XOÁY ĐI LÊN

Các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp không tự nhiên sinh ra. Chúng thường là kết quả của những xung đột giữa giới quyền thế chống lại sự tăng trưởng kinh tế và thay đổi chính trị với những người muốn hạn chế quyền lực kinh tế và chính trị của giới quyền thế. Các thể chế dung hợp xuất hiện cùng với những thời điểm quyết định, chẳng hạn như Cách mạng Vinh quang ở Anh hay việc thành lập khu định cư Jamestown ở Bắc Mỹ. Khi đó xuất hiện một loạt các yếu tố làm suy yếu các thể chế của giới quyền thế đương quyền, làm cho đối thủ của họ mạnh mẽ hơn và tạo ra động lực cho sự hình thành của một xã hội đa nguyên. Khó có thể tiên định được kết quả của các xung đột chính trị, và ngay cả khi nhìn lại, dù chúng ta thấy nhiều sự kiện lịch sử dường như tất yếu nhưng con đường lịch sử là

https://thuviensach.vn

bất khả tiên lượng. Tuy nhiên, một khi đã được thiết lập, các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp có xu hướng tạo ra vòng xoáy đi lên, một quá trình phản hồi tích cực, giúp cho các thể chế này duy trì và thậm chí mở rộng.

Vòng xoáy đi lên vận động theo một số cơ chế nhất định. Thứ nhất, lôgic của các thể chế chính trị đa nguyên làm cho việc chiếm đoạt và thâu tóm quyền lực của một nhà độc tài, một phe phái trong chính phủ, hoặc thậm chí một tổng thống có ý định tốt trở nên khó khăn, như Franklin Roosevelt đã nhận ra khi ông tìm cách tháo gỡ những trói buộc của Tòa án Tối cao đối với quyền lực của mình, và như Sir Robert Walpole đã phát hiện trong nỗ lực thực thi Đạo luật Đen. Trong cả hai trường hợp, quyền lực tập trung trong tay của một cá nhân hoặc một nhóm nhỏ sẽ làm lũng đoạn nền tảng của các thể chế chính trị đa nguyên, và thước đo thực sự của một chế độ đa nguyên chính là khả năng đẩy lùi những nỗ lực như vậy. Đa nguyên cũng bao hàm khái niệm thượng tôn pháp luật, một nguyên tắc trong đó pháp luật phải được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi người - mà theo lẽ tự nhiên là bất khả trong các chế độ quân chủ chuyên chế. Tuy nhiên, nguyên tắc thượng tôn pháp luật đến lượt nó cũng hàm chỉ pháp luật không thể bị một nhóm lạm dụng để xâm phạm các quyền của nhóm khác. Hơn nữa, nguyên tắc thượng tôn pháp luật sẽ mở ra cánh cửa cho sự tham gia rộng rãi hơn trong tiến trình chính trị và mở rộng dung hợp vì nó bao hàm ý tưởng mạnh mẽ là mọi người phải được bình đẳng không chỉ trước khi pháp luật mà cả trong hệ thống chính trị. Đây là một trong những nguyên tắc khiến cho hệ thống chính trị Anh không thể đẩy lùi xu hướng dân chủ trong suốt thế kỷ 19, dọn đường cho việc dần dần mở rộng quyền bầu cử cho tất cả người dân trưởng thành.

Thứ hai, như chúng ta đã thấy nhiều lần trước đây, thể chế chính trị dung hợp hỗ trợ và được hỗ trợ bởi các thể chế kinh tế dung hợp. Đây là một cơ chế khác của vòng xoáy đi lên. Thể chế kinh tế dung hợp loại bỏ quan hệ kinh tế mang tính chiếm đoạt, chẳng hạn như chế độ nô lệ và chế độ nông nô, làm suy yếu sức mạnh của độc quyền và tạo ra một nền kinh tế

https://thuviensach.vn

năng động. Tất cả những điều này làm giảm các lợi ích kinh tế mà một người có thể có được nhờ việc thâu tóm quyền lực chính trị, ít nhất là trong ngắn hạn. Vì các thể chế kinh tế đã trở nên tương đối dung hợp ở Anh vào thế kỷ 17, giới quyền thế hầu như không còn nhiều lợi ích trong việc theo đuổi quyền lực mà trên thực tế thậm chí còn bị thiệt hại nếu sử dụng vũ lực để chống lại những yêu cầu về tăng cường dân chủ. Vòng xoáy đi lên theo cơ chế thay đổi dần dần hướng đến dân chủ ở nước Anh vào thế kỷ 19 đã khiến giới quyền thế cảm thấy ít bị đe dọa hơn và giúp cho phong trào có nhiều khả năng thành công hơn. Điều này tương phản với những gì đã xảy ra với các đế chế Áo-Hung hay Nga, nơi mà thể chế kinh tế vẫn còn mang tính chiếm đoạt cao và hậu quả là những kêu gọi tăng cường dung hợp trong chính trị vào cuối thế kỷ 19 đã bị đàn áp khốc liệt do giới quyền thế sẽ mất mát quá nhiều nếu phải chia sẻ quyền lực.

Cuối cùng, các thể chế chính trị dung hợp cho phép truyền thông tự do phát triển, mà truyền thông tự do lại là kênh cung cấp thông tin và huy động lực lượng chống lại các mối đe dọa đối với các thể chế dung hợp, như đã thấy trong hơn hai thập niên cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 ở Hoa Kỳ khi quyền lực kinh tế ngày càng tăng của những tư bản kẻ cướp bắt đầu đe dọa các thể chế kinh tế dung hợp tại Hoa Kỳ.

Mặc dù khó mà tiên lượng được kết quả của các xung đột diễn ra không ngừng, nhưng thông qua các cơ chế này, vòng xoáy đi lên tạo ra một xu hướng mạnh mẽ cho các thể chế dung hợp duy trì, đẩy lùi thách thức và mở rộng phạm vi như đã xảy ra cả ở Anh và Mỹ. Thật không may, như chúng ta sẽ thấy trong chương tiếp theo, các thể chế chiếm đoạt cũng tạo ra một vòng xoáy mạnh mẽ không kém nhằm duy trì sự tồn tại của chúng. Đây chính là vòng xoáy đi xuống.

https://thuviensach.vn

12. VÒNG XOÁY ĐI XUỐNG

BẠN KHÔNG THỂ ĐÁP TÀU HỎA ĐẾN BO ĐƯỢC NỮA

TOÀN THỂ ĐẤT NƯỚC SIERRA LEONE ở Tây Phi trở thành thuộc địa Anh vào năm 1896. Thoạt đầu, thủ đô Freetown được thành lập vào cuối thế kỷ 18 như một mái nhà cho những người nô lệ được trả tự do và hồi hương. Khi Freetown trở thành thuộc địa Anh, vùng nội địa Sierra Leone vẫn bao gồm nhiều tiểu vương quốc châu Phi. Dần dần, vào nửa sau thế kỷ 19, người Anh mở rộng sự cai trị vào sâu trong nội địa thông qua hàng loạt hiệp ước với các quốc vương châu Phi. Ngày 31/8/1896, chính phủ Anh tuyên bố chế độ bảo hộ thuộc địa trên cơ sở các hiệp ước này. Người Anh nhận diện các vị vua bản xứ quan trọng và ban cho họ một chức danh mới: thủ lĩnh tối cao. Ví dụ như ở miền đông Sierra Leone thuộc quận Kono khai thác kim cương hiện nay, họ chạm trán vị vua chiến binh quyền lực Suluku. Vua Suluku được phong chức thủ lĩnh tối cao Suluku, và cương vị thủ lĩnh Sandor được tổ chức như một đơn vị hành chính của chế độ bảo hộ thuộc địa.

Mặc dù những vị vua như Suluku đã ký kết hiệp ước với người Anh, họ không hiểu rằng các hiệp ước này sẽ được lý giải là sự toàn quyền hành động để thiết lập thuộc địa. Tháng 1/1898, khi người Anh cố gắng thu thuế nhà - khoản thuế 5 shilling được thu từ mỗi căn nhà - các thủ lĩnh đã vùng lên trong một cuộc nội chiến, được gọi là Bạo loạn thuế nhà. Bạo loạn bắt đầu ở miền bắc, nhưng trở nên mạnh nhất và kéo dài hơn ở miền nam, nhất là ở vùng Mendeland dưới sự chi phối của dân tộc Mende. Bạo loạn thuế nhà chẳng bao lâu bị dập tắt, nhưng nó cảnh báo người Anh về những thách thức đối với việc kiểm soát các vùng nội địa Sierra Leone. Trước đó, người Anh bắt đầu xây dựng đường sắt từ Freetown vào sâu trong nội địa. Công

https://thuviensach.vn

trình bắt đầu vào tháng 3/1896 và tuyến đường sắt kéo dài đến thị trấn Songo vào tháng 12/1898, ngay giữa cuộc Bạo loạn thuế nhà. Tài liệu của Quốc hội Anh từ năm 1904 có ghi lại:

Trong trường hợp đường sắt Sierra Leone, bạo loạn của người bản xứ nổ ra vào tháng 2/1898 đã làm đình trệ hoàn toàn công trình và phá rối tổ chức nhân sự trong một thời gian. Quân phiến loạn đột ngột tấn công đường tàu, và hậu quả là toàn bộ nhân sự phải rút về Freetown… Lúc đó, Rotifunk nằm trên tuyến đường sắt cách Freetown 55 dặm đã hoàn toàn rơi vào tay quân phiến loạn.

Trên thực tế, Rotifunk không nằm trên tuyến đường sắt theo kế hoạch vào năm 1894. Lộ trình đã được thay đổi sau khi vụ bạo loạn bắt đầu, cho nên thay vì đi về phía đông bắc, nó đi về phía nam qua Rotifunk và đến Bo, vào vùng Mendeland. Người Anh muốn nhanh chóng tiếp cận Mendeland, trung tâm của cuộc nổi loạn, và các vùng có tiềm năng phá hoại khác sâu trong nội địa nếu các cuộc bạo loạn khác nổi lên.

Khi Sierra Leone giành độc lập vào năm 1961, người Anh bàn giao quyền lực cho ngài Milton Margai và Đảng Nhân dân Sierra Leone (SLPP); đảng này chủ yếu nhận được sự ủng hộ ở miền nam, nhất là vùng Mendeland, và miền đông. Tiếp bước ngài Milton là ngài Albert Margai, em trai ông, trên cương vị thủ tướng vào năm 1964. Năm 1967, Đảng SLPP thua sít sao trong một cuộc bầu cử cạnh tranh kịch liệt với đảng đối lập, Đảng Quốc hội toàn dân (APC), dưới sự lãnh đạo của Siaka Stevens. Stevens là người dân tộc Limba từ phía bắc, và đảng APC nhận được phần lớn sự ủng hộ từ các dân tộc phía bắc: Limba, Temne và Loko.

Mặc dù đường sắt đi về phía nam thoạt đầu do người Anh thiết kế để cai trị Sierra Leone, đến năm 1967, vai trò của nó liên quan đến kinh tế, giúp vận chuyển hầu hết hàng hóa xuất khẩu của đất nước: cà phê, ca cao và kim cương. Các nhà nông trồng cà phê và ca cao là người dân tộc Mende, và đường sắt là cánh cửa mở ra thế giới cho vùng Mendeland.

https://thuviensach.vn

Mendeland tích cực bỏ phiếu cho Albert Margai trong cuộc bầu cử năm 1967. Nhưng Stevens quan tâm đến việc củng cố quyền lực hơn là thúc đẩy xuất khẩu của Mendeland. Lập luận của ông thật đơn giản: bất kể điều gì tốt cho người Mende là tốt cho đảng SLPP và là xấu đối với Stevens. Vì thế ông cho tháo dỡ đoạn đường sắt đến Mendeland. Sau đó ông tiếp tục bán đường ray và đầu máy xe lửa để sự thay đổi này không thể cứu vãn được nữa. Giờ đây, khi bạn lái xe từ Freetown đến miền đông, bạn sẽ đi qua các nhà ga xe lửa đổ nát của vùng Hastings và Waterloo. Không còn xe lửa đến Bo nữa. Lẽ dĩ nhiên, hành động quyết liệt của Stevens đã tàn phá nghiêm trọng một số hoạt động kinh tế sôi nổi nhất của Sierra Leone. Nhưng cũng như nhiều nhà lãnh đạo châu Phi thời kỳ sau độc lập, khi chọn lựa của họ là giữa việc củng cố quyền lực và khuyến khích tăng trưởng kinh tế, Stevens đã chọn việc củng cố quyền lực, và ông không bao giờ hối tiếc. Ngày nay, bạn không còn có thể đáp tàu hỏa đến Bo được nữa, vì cũng hệt như Nga hoàng Nicholas I từng sợ rằng đường sắt sẽ mang cách mạng đến với nước Nga, Stevens cũng tin rằng đường sắt sẽ củng cố sức mạnh của phe đối lập. Cũng như nhiều nhà cai trị khác khi kiểm soát các thể chế chiếm đoạt, ông sợ những thách thức đối với quyền lực của mình và sẵn lòng hy sinh tăng trưởng kinh tế để đập tan những thách thức đó.

Thoạt nhìn, chiến lược của Stevens có vẻ tương phản với chiến lược của nước Anh. Nhưng thật ra, có một mức độ liên tục đáng kể giữa sự cai trị thuộc địa của Anh và chế độ của Stevens, giúp minh họa cho lôgic về vòng xoáy đi xuống. Stevens cai trị Sierra Leone bằng cách chiếm đoạt nguồn lực từ dân chúng bằng cách sử dụng các phương pháp tương tự. Ông vẫn cầm quyền vào năm 1985 không phải vì ông tái đắc cử trong một cuộc bầu cử phổ thông, mà vì sau năm 1967, ông thiết lập một chế độ độc tài bạo lực, giết hại và tấn công các đối thủ chính trị, nhất là các đảng viên SLPP. Ông tự xưng làm tổng thống vào năm 1971, và sau năm 1978, Sierra Leone chỉ có một đảng chính trị, đảng APC của Sierra Leone. Vì thế, Stevens đã củng cố quyền lực một cách thành công, thậm chí khi cái giá phải trả là làm bần cùng hóa phần lớn vùng nội địa.

https://thuviensach.vn

Suốt thời kỳ thuộc địa, người Anh sử dụng một hệ thống cai trị gián tiếp để thống trị Sierra Leone, cũng như phần lớn các thuộc địa châu Phi khác. Cơ sở của hệ thống này là các vị thủ lĩnh tối cao, những người chịu trách nhiệm thu thuế, thực hiện công lý và duy trì trật tự. Đối với các nhà nông trồng ca cao và cà phê, người Anh không cô lập họ mà buộc họ bán toàn bộ sản lượng cho một ủy ban vật giá do bộ máy thực dân thiết lập, lấy danh nghĩa là để giúp đỡ nhà nông. Giá nông sản biến động mạnh theo thời gian. Giá ca cao năm nay có thể cao nhưng sang năm có thể thấp. Thu nhập của nhà nông cũng vì thế biến động theo. Lý lẽ biện hộ cho ủy ban vật giá là chính họ chứ không phải nhà nông sẽ gánh chịu tình trạng biến động giá. Khi giá thế giới cao, ủy ban sẽ trả cho nhà nông giá thấp hơn giá thế giới, nhưng khi giá thế giới thấp, họ sẽ làm điều ngược lại. Trên nguyên tắc, điều này nghe có vẻ tử tế. Tuy nhiên, thực tế thì rất khác. Ủy ban vật giá Sierra Leone ra đời năm 1949. Lẽ dĩ nhiên, ủy ban cần nguồn thu để hoạt động. Phương thức tự nhiên để có nguồn thu này là trả cho nhà nông hơi thấp hơn một chút so với mức giá lẽ ra họ có thể nhận được cả trong năm thuận lợi cũng như năm thất bát. Sau đó, số tiền này sẽ được sử dụng cho các chi phí gián tiếp và phí quản lý. Chẳng bao lâu sau, mức chênh lệch giá "hơi thấp" này ngày càng lớn. Nhà nước thuộc địa sử dụng ủy ban vật giá như một phương thức để thu thuế nặng đối với các nhà nông.

Nhiều người trông đợi những hoạt động tồi tệ nhất của chế độ thuộc địa ở vùng hạ Sahara châu Phi sẽ chấm dứt sau khi độc lập, và việc sử dụng ủy ban vật giá để đánh thuế nặng đối với nhà nông sẽ kết thúc. Nhưng cả hai điều này đều không xảy ra. Trên thực tế, việc tước đoạt đối với nhà nông thông qua các ủy ban vật giá thậm chí còn tệ hại hơn. Vào giữa thập niên 1960, nhà nông bán nhân cọ cho ủy ban vật giá với giá chỉ bằng 56% giá thế giới; bán ca cao với giá chỉ bằng 48%, và cà phê với giá chỉ bằng 49%. Đến lúc Stevens thôi cầm quyền vào năm 1985, nhường chức cho người kế tục được chọn là Joseph Momoh lên làm tổng thống, các con số này lần lượt là 37%, 19% và 27%. Mặc dù điều này nghe thật tội nghiệp, nó vẫn còn tốt hơn so với con số mà nhà nông nhận được dưới thời Stevens,

https://thuviensach.vn

vốn chỉ bằng 10% giá thế giới - nghĩa là 90% thu nhập của nhà nông đã bị chiếm đoạt bởi chính quyền Stevens, trong khi họ không được cung cấp các dịch vụ công cộng như đường sá hay giáo dục, mà chỉ để làm giàu cho bản thân Stevens cùng giới thân hữu và để mua chuộc sự ủng hộ chính trị.

Như một phần của sự cai trị gián tiếp, người Anh cũng quy định rằng chức vụ thủ lĩnh tối cao sẽ được nắm giữ trọn đời. Để đủ tư cách trở thành thủ lĩnh, người ta phải là thành viên của một "gia tộc cầm quyền" được công nhận. Nhân thân của các gia tộc cầm quyền trong cương vị thủ lĩnh phát triển theo thời gian, nhưng về cơ bản nó dựa vào dòng dõi của nhà vua trong một vùng nhất định và dòng dõi của các gia đình quyền thế đã ký hiệp ước với người Anh vào cuối thế kỷ 19. Các thủ lĩnh được bầu chọn, nhưng không có tính dân chủ. Cơ quan thẩm quyền bộ lạc (Tribal Authority - với thành viên là thủ lĩnh của các làng nhỏ hơn hay do thủ lĩnh tối cao chỉ định, các thủ lĩnh làng, hay người Anh có thẩm quyền), quyết định ai sẽ trở thành thủ lĩnh tối cao. Người ta hẳn đã tưởng rằng thể chế thuộc địa này sẽ bị xóa bỏ hay chí ít được cải cách sau khi đất nước giành độc lập. Thế nhưng, cũng hệt như ủy ban vật giá, thể chế này vẫn tiếp tục được giữ nguyên. Ngày nay, các thủ lĩnh tối cao vẫn tiếp tục phụ trách việc thu thuế. Không còn thuế nhà nữa, nhưng vẫn còn một loại thuế "hậu sinh" của nó: thuế thân. Năm 2005, Cơ quan thẩm quyền bộ lạc ở Sandor bầu cử thủ lĩnh tối cao mới. Chỉ có các ứng viên từ gia tộc cầm quyền Fasuluku, nhà cầm quyền duy nhất, mới được ứng cử. Người đắc cử là Sheku Fasuluku, dòng dõi của Vua Suluku.

Hành vi của các ủy ban vật giá và hệ thống sở hữu đất đai truyền thống giúp giải thích tại sao năng suất nông nghiệp lại thấp đến thế ở Sierra Leone và ở phần lớn vùng hạ Sahara châu Phi. Vào thập niên 1980, nhà khoa học chính trị Robert Bates bắt đầu tìm hiểu lý do khiến hoạt động nông nghiệp có năng suất thấp như thế ở châu Phi, mặc dù căn cứ theo các sách giáo khoa kinh tế, nó phải là khu vực kinh tế năng động nhất. Ông nhận thấy rằng, điều này không liên quan gì đến yếu tố địa lý hay những

https://thuviensach.vn

yếu tố khác như đã thảo luận trong chương 2, vốn được cho là những nguyên nhân cơ bản khiến năng suất nông nghiệp thấp. Một cách đúng đắn hơn, năng suất nông nghiệp thấp đơn thuần là do chính sách định giá của ủy ban vật giá đã triệt tiêu động cơ đầu tư, sử dụng phân bón hay bảo tồn đất đai của người nông dân.

Lý do khiến các chính sách của ủy ban vật giá đi ngược lại lợi ích của nông thôn là bởi vì những lợi ích này không được hậu thuẫn bởi quyền lực chính trị. Các chính sách định giá này tương tác với những yếu tố cơ bản khác làm cho việc chiếm dụng đất không bảo đảm, do vậy làm xói mòn hơn nữa động cơ đầu tư. Ở Sierra Leone, các thủ lĩnh tối cao không chỉ cung cấp luật pháp, trật tự, các dịch vụ pháp lý, và huy động thuế, mà họ còn là "người quản lý đất đai". Cho dù các gia đình, thị tộc và các triều đại có quyền sử dụng đất và các quyền truyền thống khác đối với đất đai, nhưng thủ lĩnh vẫn là người có tiếng nói quyết định sau cùng về việc ai canh tác ở đâu. Quyền sở hữu đất của bạn chỉ bảo đảm nếu bạn có quan hệ với thủ lĩnh, có thể là từ cùng một gia đình cai trị. Đất đai không được mua bán hay sử dụng làm tài sản thế chấp để vay vốn, và nếu bạn không chào đời trong một gia đình thủ lĩnh, bạn không thể trồng những cây lâu năm như cà phê, ca cao hay cọ, vì sợ rằng điều này sẽ cho phép bạn thiết lập một quyền sở hữu "thực tế".

Sự tương phản giữa các thể chế chiếm đoạt mà người Anh đã thiết lập ở Sierra Leone và các thể chế dung hợp được thiết lập ở các thuộc địa khác như Úc thể hiện qua phương thức quản lý tài nguyên khoáng sản. Kim cương được khám phá ở Kono, miền đông Sierra Leone, vào tháng 1/1930. Mỏ kim cương là mỏ đất bồi, nghĩa là không ở sâu trong lòng đất. Vì thế, phương pháp khai thác cơ bản là giần đãi ở ven sông. Một số nhà khoa học xã hội gọi đây là "kim cương dân chủ", vì nó cho phép nhiều người tham gia vào việc khai thác, tạo ra một cơ hội có tiềm năng dung hợp. Nhưng ở Sierra Leone thì không phải như thế. Thản nhiên bỏ qua bản chất dung hợp của việc giần đãi kim cương, chính phủ Anh thiết lập một thế lực độc

https://thuviensach.vn

quyền đối với toàn bộ thuộc địa, gọi là Tờ-rớt Tuyển quặng Sierra Leone, và trao độc quyền này cho De Beers, công ty Nam Phi khổng lồ chuyên khai thác kim cương. Năm 1936, De Beers cũng được trao quyền thành lập Lực lượng bảo vệ kim cương, lực lượng quân đội tư nhân mà sau này trở nên lớn hơn so với quân đội chính phủ thuộc địa ở Sierra Leone. Dù vậy, mỏ bồi kim cương phổ biến ở khắp nơi khiến cho tình hình trở nên khó kiểm soát. Đến thập niên 1950, Lực lượng bảo vệ kim cương bị áp đảo bởi hàng nghìn người dân khai thác kim cương trái phép, gây nên nguồn gốc xung đột và bạo loạn đáng kể. Năm 1955 chính phủ Anh mở cửa một vài khu khai thác kim cương cho những người khai thác không thuộc đơn vị Tờ-rớt Tuyển quặng Sierra Leone nhưng được chính quyền cấp phép, mặc dù công ty vẫn giữ lại những vùng giàu kim cương nhất ở Yengema và Koidu và khu khai thác Tongo. Sau khi giành độc lập, sự việc trở nên tồi tệ hơn. Năm 1970, Siaka Stevens quốc hữu hóa Tờ-rớt Tuyển quặng Sierra Leone, thành lập Công ty TNHH Khai thác kim cương quốc gia (Sierra Leone), trong đó chính phủ, mà thực chất là Stevens, có 51% cổ phần. Điều này mở màn cho kế hoạch thôn tính hoạt động khai thác kim cương của Stevens trên cả nước.

Ở nước Úc vào thế kỷ 19, khoáng sản thu hút sự chú ý của mọi người là vàng, được phát hiện vào năm 1851 ở New South Wales và bang Victoria mới thành lập, chứ không phải kim cương. Cũng như kim cương ở Sierra Leone, mỏ vàng là mỏ đất bồi, và người ta phải quyết định xem làm thế nào để khai thác nó. Một vài người như James Macarthur, con trai của John Macarthur, vị lãnh tụ nổi tiếng của những người định cư mà ta đã thảo luận trên đây (chương 10), đề xuất xây dựng hàng rào xung quanh các khu khai thác và tổ chức đấu giá quyền khai thác độc quyền. Họ muốn có một dạng độc quyền giống như Tờ-rớt Tuyển quặng Sierra Leone ở nước Úc. Thế nhưng nhiều người Úc muốn tự do tiếp cận các khu khai thác vàng. Mô hình dung hợp đã chiến thắng, và thay vì thành lập một đơn vị độc quyền, chính quyền Úc cho phép bất kỳ ai trả một khoản lệ phí giấy phép khai thác hàng năm đều được tìm kiếm và đào vàng. Chẳng mấy chốc, những người

https://thuviensach.vn

đào vàng trở thành một lực lượng hùng mạnh trong nền chính trị Úc, nhất là ở bang Victoria. Họ đóng vai trò quan trọng trong việc lập ra một chương trình bầu cử phổ thông và bỏ phiếu kín.

Như ta đã thấy, sự bành trướng và cai trị thuộc địa của người châu Âu ở châu Phi có hai ảnh hưởng tai hại: việc du nhập hoạt động mua bán nô lệ xuyên Đại Tây Dương đã khuyến khích sự phát triển các thể chế chính trị và kinh tế châu Phi theo chiều hướng chiếm đoạt; và việc sử dụng các thể chế và bộ máy lập pháp thuộc địa để xóa bỏ sự phát triển nông nghiệp thương mại châu Phi mà lẽ ra đã có thể cạnh tranh với châu Âu. Chế độ nô lệ chắc chắn là một áp lực ở Sierra Leone. Vào thời điểm thuộc địa hóa, không có một nhà nước tập quyền vững mạnh ở vùng nội địa, mà chỉ có nhiều tiểu vương quốc đối kháng nhau, liên tục cướp bóc lẫn nhau và bắt giữ người của các tiểu vương quốc khác. Chế độ nô lệ như một dịch bệnh địa phương, và có đến 50% dân số làm việc như nô lệ. Môi trường bệnh tật có nghĩa là người da trắng không thể định cư trên quy mô lớn ở Sierra Leone như ở Nam Phi. Vì thế, không có người da trắng cạnh tranh với người châu Phi. Hơn nữa, việc không có một nền kinh tế khai thác khoáng sản trên quy mô của Johannesburg có nghĩa là, chẳng những không có nhu cầu về người lao động châu Phi từ các trang trại của người da trắng, mà cũng không có động cơ tạo ra các thể chế thị trường lao động chiếm đoạt, vốn là đặc điểm của vùng Nam Phi phân biệt chủng tộc.

Nhưng các cơ chế khác cũng đã vận hành. Các nhà nông trồng ca cao và cà phê của Sierra Leone không cạnh tranh với người da trắng, nhưng thu nhập của họ vẫn bị tước đoạt thông qua thế lực độc quyền của nhà nước: ủy ban vật giá. Sierra Leone cũng khốn khổ vì sự cai trị gián tiếp. Ở nhiều vùng thuộc châu Phi, nơi chính quyền Anh muốn áp dụng sự cai trị gián tiếp, họ nhận thấy dân chúng không có một hệ thống thẩm quyền tập trung để họ có thể tiếp quản. Ví dụ như ở đông Nigeria, người Igbo không có thủ lĩnh khi người Anh chạm trán họ vào thế kỷ 19. Sau đó, người Anh đã lập

https://thuviensach.vn

ra các thủ lĩnh chiến binh. Ở Sierra Leone, người Anh tổ chức cai trị gián tiếp dựa vào các hệ thống thẩm quyền và thể chế bản xứ hiện hữu.

Tuy nhiên, bất kể nền tảng lịch sử của những cá nhân được công nhận là thủ lĩnh tối cao vào năm 1896 như thế nào, thì sự cai trị gián tiếp và quyền lực được đặt vào tay các thủ lĩnh tối cao đã làm thay đổi hoàn toàn nền chính trị hiện hữu của Sierra Leone. Lý do thứ nhất là nó du nhập một hệ thống phân chia giai cấp xã hội - các gia tộc cầm quyền - chưa từng tồn tại trước đây. Giới quý tộc cha truyền con nối đã thay thế cho tập quán trước đây, trong đó các thủ lĩnh phải có sự ủng hộ của quần chúng và dễ thay đổi hơn. Thay vào đó, đã nổi lên một hệ thống cứng nhắc với các thủ lĩnh cầm quyền trọn đời, chịu ơn các chức sắc ở Freetown hay ở Anh, và không có trách nhiệm giải trình trước người dân mà họ cai trị. Người Anh cũng hoan hỉ làm biến chất các thể chế bằng những cách khác, ví dụ như thay thế các thủ lĩnh chính thống bằng những người hợp tác với họ hơn. Thật vậy, gia đình Margai, sau này có đến hai thủ tướng đầu tiên ở Sierra Leone sau độc lập, đã nắm giữ cương vị thủ lĩnh vùng hạ Banta nhờ sát cánh với người Anh trong cuộc Bạo loạn thuế nhà chống lại vị thủ lĩnh đương thời Nyama. Nyama bị truất phế, người nhà Margai trở thành các vị thủ lĩnh và chiếm giữ cương vị này mãi đến năm 2010.

Điều đáng kể là mức độ liên tục giữa Sierra Leone dưới thời thuộc địa và Sierra Leone sau khi giành độc lập. Người Anh dựng lên các ủy ban vật giá để đánh thuế nhà nông. Chính phủ sau thuộc địa cũng tiếp tục chiếm đoạt tương tự với mức độ thậm chí còn nhiều hơn. Người Anh xây dựng hệ thống cai trị gián tiếp thông qua các thủ lĩnh tối cao. Chính phủ sau độc lập cũng không xóa bỏ thể chế thuộc địa này; thay vì thế, họ sử dụng nó để cai quản cả vùng nông thôn. Người Anh thành lập một đơn vị độc quyền khai thác kim cương và cố gắng loại trừ những người khai thác bản xứ. Chính phủ sau độc lập cũng hành động hệt như vậy. Quả thật, người Anh cho rằng việc xây dựng đường sắt là một phương thức hữu hiệu để cai trị Mendeland, trong khi Siaka Stevens suy nghĩ ngược lại. Người Anh tin vào

https://thuviensach.vn

quân đội của họ và biết họ có thể đem quân đến Mendeland nếu bạo loạn phát sinh. Mặt khác, Stevens không thể làm điều đó. Cũng như nhiều quốc gia châu Phi khác, quân đội hùng mạnh có thể trở thành mối đe dọa đối với sự cai trị của Stevens. Chính vì lý do này mà ông làm suy yếu và đốn cụt quân đội, biến vũ lực thành của riêng mình thông qua thành lập các đơn vị bán quân sự chỉ trung thành với ông, và trong quá trình đó, ông đẩy nhanh sự suy sụp của chút thẩm quyền nhà nước ít ỏi từng tồn tại ở Sierra Leone. Thay cho quân đội, trước tiên ông thành lập Đơn vị an ninh nội vụ (Internal Security Unit, gọi tắt là ISU), mà người dân Sierra Leone chịu đựng khốn khổ gọi là "I Shoot U" ("Tao bắn mày"). Kế đến là Sư đoàn an ninh đặc biệt (Special Security Division, gọi tắt là SSD), mà dân chúng gọi là "Siaka Stevens's Dogs" ("Chó săn của Siaka Stevens"). Cuối cùng, không có quân đội yểm trợ chế độ cũng có nghĩa là chế độ sẽ sớm bị hủy diệt. Một nhóm binh lính chỉ có 30 người dưới sự cầm đầu của đại úy Valentine Strasser đã lật đổ chế độ cai trị APC vào ngày 29/4/1992.

Diễn biến phát triển của Sierra Leone có thể được xem là hậu quả của một vòng xoáy đi xuống. Thoạt đầu, chính quyền thuộc địa Anh xây dựng các thể chế chiếm đoạt, rồi các chính khách châu Phi thời sau độc lập hoan hỉ chiếm lấy quyền lực cho chính họ. Mô thức này cũng giống một cách kỳ lạ trong toàn bộ vùng hạ Sahara châu Phi. Đã có những niềm hy vọng tương tự đối với đất nước Ghana, Kenya, Zambia và nhiều quốc gia châu Phi khác sau khi giành độc lập. Thế nhưng trong tất cả các trường hợp này, các thể chế chiếm đoạt đã được tái lập theo một mô thức thể hiện qua một vòng xoáy đi xuống để ngày càng trở nên xấu đi theo thời gian. Ví dụ như ở tất cả những nước này, các ủy ban vật giá và sự cai trị gián tiếp mà người Anh thiết lập vẫn tiếp tục được duy trì.

Vòng xoáy đi xuống này tồn tại vì những nguyên nhân tự nhiên. Các thể chế chính trị chiếm đoạt dẫn đến các thể chế kinh tế chiếm đoạt, làm giàu cho một số ít người bằng tổn thất của nhiều người. Những người hưởng lợi từ các thể chế chiếm đoạt sẽ có nguồn lực để xây dựng quân đội

https://thuviensach.vn

riêng và lực lượng đánh thuê riêng của họ, mua chuộc các thẩm phán và gian lận bầu cử nhằm duy trì quyền lực. Họ cũng có mọi quyền lợi khi bảo vệ hệ thống. Do đó, các thể chế kinh tế chiếm đoạt tạo ra bệ đỡ, giúp cho các thể chế chính trị chiếm đoạt tồn tại dai dẳng. Quyền lực thật là quý giá trong những chế độ có các thể chế chính trị chiếm đoạt, vì quyền lực không bị kiểm soát và mang lại sự giàu có về kinh tế.

Các thể chế chính trị chiếm đoạt cũng không có cơ chế kiểm soát sự lạm dụng quyền lực. Vấn đề quyền lực có tha hóa hay không thì còn có thể tranh cãi, nhưng Lord Acton rõ ràng có lý khi ông lập luận rằng quyền lực tuyệt đối sẽ tha hóa một cách tuyệt đối. Chúng ta thấy trong chương trước rằng ngay cả khi Franklin Roosevelt muốn sử dụng quyền lực tổng thống của ông theo một cách thức mà ông cho là có lợi cho xã hội, không bị cản trở bởi các điều kiện ràng buộc do tòa án tối cao áp đặt, thì các thể chế chính trị dung hợp của Hoa Kỳ vẫn không cho phép ông gạt sang một bên các giới hạn đối với quyền lực của mình. Trong các thể chế chính trị chiếm đoạt, việc sử dụng quyền lực gần như không được kiểm soát, bất kể nó có thể trở nên méo mó và biến thái như thế nào. Năm 1980, Sam Bangura lúc bấy giờ là thống đốc ngân hàng trung ương Sierra Leone đã phê phán chính sách của Siaka Stevens là hoang phí. Chẳng bao lâu sau, ông bị ám sát và bị ném từ sân thượng của tòa nhà ngân hàng trung ương xuống một con đường vừa khéo mang tên Siaka Stevens. Các thể chế chính trị chiếm đoạt cũng có xu hướng tạo ra một vòng xoáy đi xuống vì chúng không tạo ra một trận tuyến phòng thủ chống lại những người mong muốn chiếm đoạt và lạm dụng quyền lực của nhà nước.

Lại còn một cơ chế khác của vòng xoáy đi xuống, đó là các thể chế chiếm đoạt, bằng cách tạo ra quyền lực vô hạn và cách biệt thu nhập, sẽ làm tăng giá trị đặt cược vào trò chơi chính trị. Vì bất kỳ ai kiểm soát nhà nước đều trở thành người hưởng lợi từ quyền lực vô biên này và những của cải mà nó tạo ra, các thể chế chiếm đoạt tạo ra động cơ đấu đá nội bộ nhằm kiểm soát quyền lực và lợi ích của nó, một cơ chế động học mà ta thấy đã

https://thuviensach.vn

xảy ra ở các thành bang Maya và La Mã thời cổ đại. Dưới ánh sáng này, ta không ngạc nhiên khi thấy các thể chế chiếm đoạt mà nhiều quốc gia châu Phi kế thừa từ các cường quốc thực dân đã gieo mầm cho sự tranh giành quyền lực và nội chiến. Đây là những xung đột rất khác so với cuộc nội chiến ở Anh và cuộc Cách mạng Vinh quang. Những xung đột này không nhằm mục đích thay đổi các thể chế chính trị, đặt ra các điều kiện ràng buộc đối với việc thực hiện quyền lực, hay tạo ra chủ nghĩa đa nguyên, mà chỉ tìm cách thâu tóm quyền lực và làm giàu cho một nhóm người này bằng tổn thất của những người còn lại. Ở Angola, Burundi, Chad, Bờ Biển Ngà, Cộng hòa dân chủ Congo, Ethiopia, Liberia, Mozambique, Nigeria, Cộng hòa Congo Brazzaville, Rwanda, Somalia, Sudan, Uganda, và dĩ nhiên ở Sierra Leone, như ta sẽ thấy chi tiết hơn trong chương sau, các xung đột này chuyển thành những cuộc nội chiến đẫm máu, tàn phá kinh tế và gây ra nỗi khốn khổ không gì sánh nổi cho dân chúng, cũng như dẫn đến thất bại của nhà nước.

TỪ *ENCOMIENDA* ĐẾN THÂU TÓM ĐẤT ĐAI

Ngày 14/1/1993, Ramiro De León Carpio tuyên bố nhậm chức tổng thống Guatemala. Ông bổ nhiệm Richard Aitkenhead Castillo làm Bộ trưởng Tài chính, và Ricardo Castillo Sinibaldi làm Bộ trưởng Phát triển. Ba người này đều có một điểm chung: cả ba đều là hậu duệ của những người chinh phục Tây Ban Nha đã đến Guatemala vào đầu thế kỷ 16. Ông tổ lừng lẫy của De León là Jan De León Cardona, trong khi hai người cùng tên Castillo đều là dòng dõi của Bernal Díaz del Castillo, người từng viết một trong những tài liệu nổi tiếng mô tả tận mắt việc chinh phục Mexico. Để ban thưởng cho việc phục vụ Hernán Cortés, Díaz del Castillo được bổ nhiệm làm thống đốc Santiago de los Caballeros, ngày nay là thành phố Antigua ở Guatemala. Cả Castillo và De León đều sáng lập các triều đại cai trị cùng với những nhà chinh phục khác như Pedro de Alvarado. Nhà xã hội học người Guatemala Marta Casaús Arzú đã xác định được một nhóm nòng cốt gồm 22 gia đình ở Guatemala có quan hệ ràng buộc bằng hôn nhân với

https://thuviensach.vn

26 gia đình khác bên ngoài nhóm nòng cốt. Nghiên cứu phả hệ và chính trị của bà cho thấy rằng các gia đình này đã kiểm soát quyền lực kinh tế và chính trị ở Guatemala từ năm 1531. Ngay cả với định nghĩa rộng hơn về những gia đình nào là một phần của giới quyền thế này, vẫn cho thấy rằng họ chỉ chiếm hơn 1% dân số vào thập niên 1990.

Ở Sierra Leone và phần lớn vùng hạ Sahara châu Phi, vòng xoáy đi xuống có hình thức của những thể chế chiếm đoạt do các cường quốc thực dân thiết lập rồi được các nhà lãnh đạo sau khi giành độc lập tiếp quản. Ở Guatemala, cũng như ở phần lớn Trung Mỹ, ta thấy một hình thức đơn giản hơn, trần trụi hơn của vòng xoáy đi xuống: những người có quyền lực kinh tế và chính trị sẽ thiết kế các thể chế nhằm bảo đảm sự liên tục quyền lực của họ, và họ đã làm điều đó một cách thành công. Kiểu vòng xoáy đi xuống này dẫn đến sự tồn tại dai dẳng của các thể chế chiếm đoạt, của một giới quyền thế cầm quyền không đổi cùng với tình trạng kém phát triển.

Vào thời điểm chinh phục thuộc địa, Guatemala có mật độ dân cư đông đúc với dân số vào khoảng 2 triệu người Maya. Bệnh tật và bóc lột gây thiệt hại nặng nề ở đây cũng như ở mọi nơi khác của châu Mỹ. Chưa đến thập niên 1920 thì dân số đã quay về mức này. Cũng như ở những nơi khác trên Đế quốc Tây Ban Nha, người dân bản xứ được phân bổ cho những người chinh phục trong hệ thống cai trị *encomienda*. Như ta đã thấy trong bối cảnh thuộc địa hóa Mexico và Peru,*encomienda* là một hệ thống lao động cưỡng bức mà về sau nhường chỗ cho những thể chế cưỡng bức tương tự khác, đặc biệt là hệ thống *repartimiento*, còn gọi là *mandamiento* ở Guatemala. Giới quyền thế, bao gồm dòng dõi của những người chinh phục và một số thành phần bản xứ khác, không chỉ hưởng lợi từ hệ thống lao động cưỡng bức mà còn kiểm soát và độc quyền hóa hoạt động thương mại thông qua một phường hội thương nhân được gọi là Consulado de Comercio. Hầu hết dân chúng Guatemala sống ở các vùng núi cao cách xa bờ biển. Chi phí giao thông cao làm giảm mức độ phát triển của nền kinh tế xuất khẩu, và đất đai thoạt đầu không có giá trị cao. Phần lớn đất đai vẫn

https://thuviensach.vn

trong tay người dân bản xứ, với những vùng đất làng xã rộng lớn được gọi là *ejidos*. Phần còn lại chủ yếu vẫn còn bỏ hoang và được cho là thuộc sở hữu nhà nước. Việc kiểm soát và đánh thuế thương mại kiếm được nhiều tiền hơn so với kiểm soát đất đai.

Cũng như ở Mexico, giới quyền thế Guatemala chống đối Hiến pháp Cadiz (chương 1); sự chống đối đã khích lệ họ tuyên bố độc lập ngay khi giới quyền thế Mexico làm điều này. Sau một liên minh ngắn ngủi với Mexico và Liên bang Trung Mỹ, giới quyền thế thuộc địa thống trị Guatemala theo chế độ độc tài của Rafael Carrera từ năm 1839 đến 1865. Trong suốt thời gian này, hậu duệ của những người chinh phục và giới quyền thế bản xứ duy trì các thể chế kinh tế chiếm đoạt của thời kỳ thuộc địa hầu như không thay đổi. Thậm chí việc tổ chức Consulado cũng giữ nguyên sau khi giành độc lập. Mặc dù đây là một thể chế hoàng gia, người ta vẫn vui vẻ tiếp tục duy trì nó trong một chính phủ cộng hòa.

Nền độc lập chỉ đơn thuần là một vụ đảo chính của giới quyền thế địa phương hiện hữu, hệt như ở Mexico; họ tiếp tục duy trì như thường lệ các thể chế kinh tế chiếm đoạt mà nhờ đó họ được hưởng lợi to lớn. Trớ trêu thay, trong thời kỳ này, Consulado vẫn phụ trách sự phát triển kinh tế của đất nước. Nhưng cũng như trước khi giành độc lập, Consulado quan tâm đến quyền lợi riêng của họ chứ không phải quyền lợi của đất nước. Một phần trách nhiệm của phường hội là phát triển cơ sở hạ tầng, như các hải cảng và đường sá, nhưng cũng như ở Đế quốc Áo-Hung, nước Nga và Sierra Leone, điều này thường đe dọa đưa đến sự phá hủy sáng tạo và có thể gây bất ổn hệ thống. Do đó, việc phát triển cơ sở hạ tầng thường bị chống đối thay vì được thực hiện. Ví dụ, việc phát triển một hải cảng ở bờ biển Suchitepéquez giáp với Thái Bình Dương, là một trong những dự án được đề xuất. Vào lúc đó, các hải cảng phù hợp duy nhất là ở bờ biển Caribê, và được Consulado kiểm soát. Consulado không làm gì về phía Thái Bình Dương vì một hải cảng trong khu vực này sẽ mang lại phương tiện lưu thông dễ dàng hơn cho hàng hóa từ các thị trấn cao nguyên

https://thuviensach.vn

Mazatenango và Quezaltenango, và việc tiếp cận với một thị trường khác của những hàng hóa này sẽ xói mòn thế lực độc quyền ngoại thương của Consulado. Lôgic này cũng áp dụng cho đường sá, trong đó Consulado có trách nhiệm đối với cả nước. Như ta có thể dự đoán, phường hội cũng không muốn xây dựng đường sá, vốn có thể giúp củng cố các nhóm cạnh tranh hay có tiềm năng phá hủy thế độc quyền của họ. Áp lực làm đường một lần nữa cũng xuất phát từ đông Guatemala và Quezaltenango, thuộc vùng Los Altos. Nhưng nếu con đường giữa Los Altos và bờ biển Suchitepéquez được cải thiện, điều này biết đâu có thể tạo ra một tầng lớp thương nhân, là một đối thủ cạnh tranh với các thương nhân Consulado ở thủ đô. Vì thế, con đường không bao giờ được cải thiện.

Hậu quả của sự chi phối bởi giới quyền thế này là vào giữa thế kỷ 19, Guatemala dường như đang sống trong một thời kỳ khác, trong khi phần còn lại của thế giới đang thay đổi nhanh chóng. Nhưng những thay đổi này cuối cùng cũng ảnh hưởng đến Guatemala. Chi phí giao thông giảm nhờ vào các đổi mới công nghệ như xe lửa chạy bằng hơi nước, đường sắt và các loại tàu mới chạy nhanh hơn. Hơn nữa, thu nhập gia tăng của người dân Tây Âu và Bắc Mỹ đã tạo ra một nhu cầu khổng lồ về nhiều sản phẩm mà những nước như Guatemala có tiềm năng sản xuất.

Vào đầu thế kỷ, bột chàm và phẩm son, hai loại chất nhuộm màu tự nhiên, đã được sản xuất để xuất khẩu, nhưng cơ hội lợi nhuận lớn hơn là sản xuất cà phê. Guatemala có nhiều vùng đất thích hợp để trồng cà phê, và việc canh tác bắt đầu lan rộng mà không có bất kỳ sự trợ giúp nào từ Consulado. Khi giá cà phê thế giới tăng và thương mại quốc tế mở mang dẫn đến những cơ hội lợi nhuận khổng lồ, giới quyền thế Guatemala trở nên quan tâm đến cà phê. Năm 1871, chế độ cai trị độc tài kéo dài do Carrera tạo nên cuối cùng bị lật đổ bởi một nhóm người tự xưng là những người theo chủ nghĩa tự do, theo tên của phong trào tự do trên toàn thế giới. Ý nghĩa của chủ nghĩa tự do (liberalism) đã thay đổi theo thời gian. Nhưng vào thế kỷ 19 ở Hoa Kỳ và châu Âu, nó cũng tương tự như cái mà ngày nay

https://thuviensach.vn

người ta gọi là chủ nghĩa tự do (libertarianism), và nó tiêu biểu cho tự do cá nhân, chính phủ có giới hạn và thương mại tự do. Nhưng sự việc ở Guatemala vận động hơi khác. Thoạt đầu do Miguel García Granados lãnh đạo, và sau năm 1873 do Justo Rufino Barrios cầm đầu, những người theo chủ nghĩa tự do ở Guatemala phần lớn không phải là những con người mới với các ý tưởng tự do. Rốt cuộc, vẫn chính những gia đình ấy phụ trách. Họ duy trì các thể chế chính trị chiếm đoạt và tổ chức lại nền kinh tế để khai thác cà phê. Họ bãi bỏ Consulado vào năm 1871, nhưng tình hình kinh tế đã thay đổi. Trọng tâm của các thể chế kinh tế chiếm đoạt bây giờ là sản xuất và xuất khẩu cà phê.

Sản xuất cà phê cần có đất đai và lao động. Để có đất xây dựng trang trại cà phê, phe tự do thúc đẩy tư nhân hóa đất đai, trên thực tế là thâu tóm đất đai mà trước đây thuộc làng xã hay chính phủ. Mặc dù nỗ lực của họ bị chống đối quyết liệt, nhưng ứng với các thể chế chính trị chiếm đoạt cao độ và sự tập trung quyền lực chính trị ở Guatemala, giới quyền thế cuối cùng đã chiến thắng. Từ năm 1871 đến 1883, gần một triệu mẫu đất, chủ yếu là đất làng xã và đất biên giới, rơi vào tay giới quyền thế, và chỉ khi đó cà phê mới phát triển nhanh chóng. Mục đích của họ là thành lập các điền trang lớn. Đất tư nhân hóa thường được bán đấu giá cho các thành viên của giới quyền thế truyền thống hay những người có quan hệ với họ. Sau đó, quyền lực cưỡng bức của nhà nước tự do được sử dụng để giúp các chủ sở hữu đất lớn tiếp cận lao động bằng cách điều chỉnh và tăng cường các hệ thống lao động cưỡng bức. Tháng 11/1876, tổng thống Barrios viết thư cho tất cả các thống đốc Guatemala:

Vì đất nước có những vùng đất rộng lớn cần được khai thác thông qua hoạt động canh tác với vô số người lao động hiện nay vẫn đứng ngoài phong trào phát triển các yếu tố sản xuất của đất nước, cho nên các ông cần phải giúp đỡ mọi hoạt động nông nghiệp xuất khẩu:

https://thuviensach.vn

1. Từ các thị trấn Anh-điêng trong địa phận hành chính của mình, đối với các chủ sở hữu trang trại trong địa phận, những người có nhu cầu về lao động, các ông sẽ cung cấp cho họ số lượng lao động họ cần, 50 hay 100 người.

Hệ thống *repartimiento*, hay nghĩa vụ lao động cưỡng bức, chưa từng bị dỡ bỏ sau khi giành độc lập, giờ đây lại còn gia tăng phạm vi và thời hạn. Hệ thống được thể chế hóa vào năm 1877 thông qua Nghị định 177, quy định rằng các chủ lao động có thể yêu cầu và được chính phủ cung cấp lên đến 60 người lao động trong 15 ngày công nếu trang trại ở cùng địa phận hành chính, và trong 50 ngày công nếu ở bên ngoài địa phận hành chính. Yêu cầu có thể được gia hạn theo ý muốn của chủ lao động. Những lao động này có thể bị tuyển dụng cưỡng bức trừ khi họ có thể chứng minh bằng sổ lao động cá nhân rằng việc phục vụ gần đây đã được thực hiện một cách thỏa đáng. Mọi người lao động nông thôn đều buộc phải mang theo sổ lao động cá nhân, được gọi là *libreta*, bao gồm các chi tiết như họ đã làm việc cho ai và hồ sơ nợ nần của họ. Nhiều người lao động nông thôn bị mắc nợ chủ lao động, và một người lao động mắc nợ không được rời bỏ chủ lao động hiện thời nếu không được phép. Nghị định 177 cũng quy định rằng cách duy nhất để tránh bị đưa vào *repartimiento* là chứng minh bạn hiện đang mắc nợ một chủ lao động khác. Vì thế người lao động bị rơi vào tròng. Ngoài các luật lệ này, còn vô số luật về người không có việc làm thường xuyên cũng được ban hành để bất cứ ai không thể chứng minh đã có việc làm, ngay lập tức đều bị đưa vào *repartimiento* hay các kiểu lao động cưỡng bức khác đang vận hành, hay bị buộc phải chấp nhận việc làm ở một trang trại. Hệt như Nam Phi vào thế kỷ 19 và 20, chính sách đất đai sau năm 1871 cũng được soạn thảo nhằm làm xói mòn nền kinh tế sơ khai của người dân bản xứ, buộc họ làm việc với mức lương thấp. Hệ thống *repartimiento* kéo dài đến thập niên 1920; hệ thống *libreta* và toàn bộ các luật khác về người không có việc làm thường xuyên có hiệu lực đến năm 1945, khi ở Guatemala lần đầu tiên nở rộ một nền dân chủ ngắn ngủi.

https://thuviensach.vn

Cũng như trước năm 1871, giới quyền thế Guatemala cai trị thông qua lực lượng quân đội hùng mạnh. Họ tiếp tục làm điều đó sau khi hoạt động sản xuất kinh doanh cà-phê cất cánh. Jorge Ubico, tổng thống từ năm 1931 đến 1944, cai trị trong một thời gian dài nhất. Ubico đắc cử tổng thống năm 1931 mà không có đối thủ, vì không ai đủ dại dột để dám tranh cử với ông. Cũng như Consulado, ông không chấp nhận điều gì có thể dẫn đến sự phá hủy sáng tạo và đe dọa quyền lực chính trị cũng như lợi nhuận của ông và của giới quyền thế. Do đó, ông phản đối công nghiệp vì cùng một lý do như Francis I ở Áo-Hung và Nicholas I ở nước Nga; người lao động công nghiệp có thể gây rối. Trong một quy định luật pháp chưa từng thấy về tính đàn áp hoang tưởng, Ubico cấm sử dụng những từ như *obreros* (công nhân), *sindicators* (công đoàn) và *huelgas* (đình công). Bạn có thể bị bỏ tù nếu sử dụng những từ này. Mặc dù Ubico đầy quyền lực, nhưng giới quyền thế vẫn giật dây. Sự chống đối chế độ lên cao vào năm 1944, được cầm đầu bởi những sinh viên đại học bất mãn bắt đầu tổ chức biểu tình. Bất mãn trong quần chúng gia tăng, và vào ngày 24/6, 311 người, phần lớn là từ giới quyền thế, ký vào một bức thư ngỏ kịch liệt phản đối chế độ. Ubico thoái vị vào ngày 1/7. Mặc dù tiếp theo đó là một chế độ dân chủ vào năm 1945, chế độ này bị lật đổ trong một cuộc đảo chính vào năm 1954, dẫn đến nội chiến tàn khốc. Chỉ sau năm 1986, Guatemala mới được dân chủ hóa một lần nữa.

Những người chinh phục Tây Ban Nha không chút hối tiếc về việc thiết lập hệ thống chính trị và kinh tế chiếm đoạt. Đó là lý do họ đến Tân thế giới bằng mọi cách. Nhưng hầu hết các thể chế họ thiết lập chỉ nhằm mục đích tạm thời. Ví dụ, hệ thống cai trị *encomienda* là việc trao quyền tạm thời về người lao động. Họ không có một kế hoạch hoàn chỉnh về cách thức họ sẽ thiết lập một hệ thống kéo dài thêm 400 năm nữa. Trên thực tế, những thể chế họ thiết lập đã thay đổi đáng kể trong suốt quá trình đó, nhưng có một điều không thay đổi: bản chất chiếm đoạt của các thể chế, kết quả của vòng xoáy đi xuống. Hình thức chiếm đoạt thay đổi, nhưng bản chất chiếm đoạt của thể chế không thay đổi, mà nhân thân của giới quyền

https://thuviensach.vn

thế cũng không thay đổi. Ở Guatemala, hệ thống *encomienda*, *repartimiento* và việc độc quyền hóa thương mại đã nhường đường cho sổ lao động *libreta* và sự thâu tóm đất đai. Nhưng đại đa số người Maya bản xứ vẫn tiếp tục làm việc như những người lao động lương thấp, không có trình độ học vấn, không có quyền và không có dịch vụ công cộng.

Ở Guatemala, cũng như ở phần lớn Trung Mỹ, trong một mô thức điển hình của vòng xoáy đi xuống, các thể chế chính trị chiếm đoạt nâng đỡ cho các thể chế kinh tế chiếm đoạt, rồi đến lượt mình, các thể chế kinh tế chiếm đoạt tạo ra bệ đỡ cho các thể chế chính trị chiếm đoạt và sự liên tục quyền lực của cùng một giới quyền thế như cũ.

TỪ CHẾ ĐỘ NÔ LỆ ĐẾN PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC

Ở Guatemala, các thể chế chiếm đoạt tồn tại dai dẳng từ thời thuộc địa cho đến thời hiện đại với cùng một gia đình quyền thế kiểm soát. Bất kỳ sự thay đổi nào về thể chế cũng dẫn đến sự điều chỉnh thích nghi với môi trường thay đổi, như trường hợp thâu tóm đất đai của giới quyền thế được kích thích bởi thời kỳ phát triển nhanh chóng của cà phê. Các thể chế ở miền nam Hoa Kỳ cũng có tính chất chiếm đoạt tương tự mãi cho đến khi nội chiến nổ ra. Kinh tế và chính trị bị chi phối bởi giới quyền thế miền nam, các chủ sở hữu đồn điền với đất đai bạt ngàn và nô lệ đông đảo. Người nô lệ không có quyền kinh tế lẫn chính trị; quả thật, họ gần như không có bất cứ quyền hạn gì.

Các thể chế kinh tế và chính trị chiếm đoạt của miền nam làm cho vùng này nghèo hơn đáng kể so với miền bắc vào giữa thế kỷ 19. Miền nam không có hoạt động công nghiệp và đầu tư tương đối ít vào cơ sở hạ tầng. Vào năm 1860, tổng sản lượng công nghiệp của miền nam thấp hơn của Pennsylvania, New York hay Massachusetts. Chỉ có 9% dân số miền nam sống ở đô thị, so với 35% ở miền đông bắc. Mật độ đường sắt (nghĩa là số

https://thuviensach.vn

dặm đường chia cho diện tích đất) ở miền bắc cao gấp ba lần so với các bang miền nam. Mật độ kênh đào cũng tương tự.

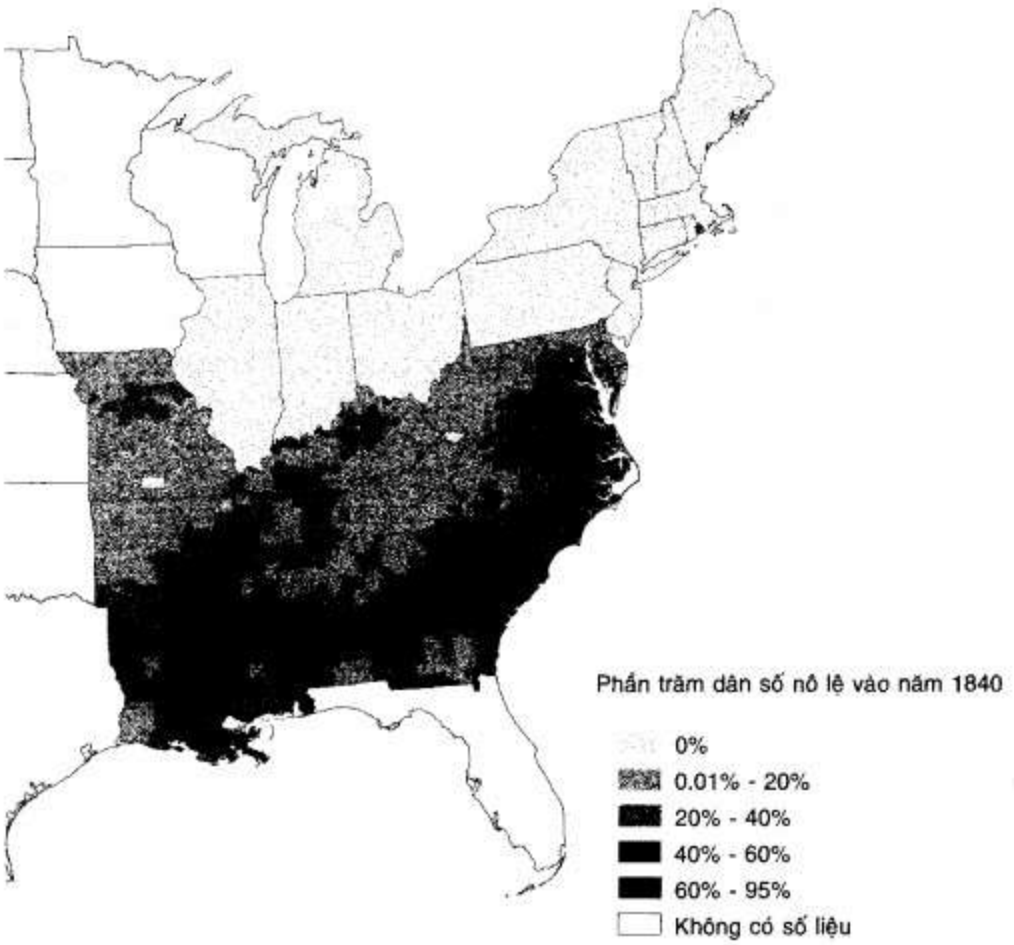

Bản đồ 18: Chế độ nô lệ ở các địa hạt Hoa Kỳ vào năm 1840 (p. 460)

Bản đồ 18 trình bày quy mô chế độ nô lệ thể hiện qua tỷ lệ phần trăm dân số là nô lệ ở các địa hạt Hoa Kỳ vào năm 1840. Rõ ràng là chế độ nô lệ chi phối ở miền nam với một vài địa hạt như dọc theo sông Mississippi có đến 95% dân số là nô lệ. Tiếp đến, bản đồ 19 trình bày một trong những hệ lụy của điều này, tỷ lệ lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp vào năm 1880. Mặc dù những tỷ lệ này không hề cao theo tiêu chuẩn của thế kỷ 20, nhưng có sự chênh lệch rõ rệt giữa miền nam và miền bắc. Ở phần lớn miền đông bắc, hơn 10% lực lượng lao động làm việc

https://thuviensach.vn

trong lĩnh vực công nghiệp. Trái lại, ở phần lớn miền nam, nhất là những vùng tập trung đông đảo nô lệ, tỷ lệ này gần như bằng không.

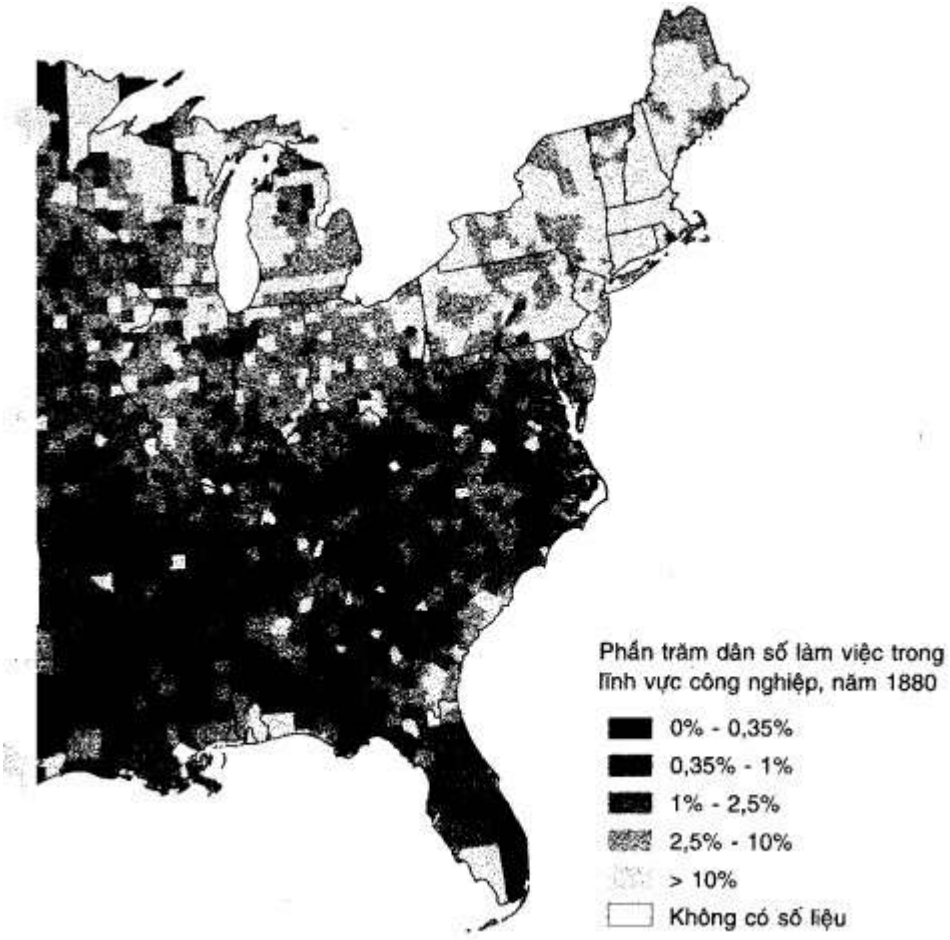

Bản đồ 19: Việc làm công nghiệp ở các địa hạt Hoa Kỳ vào năm 1880 (p. 461)

Miền nam thậm chí cũng không có phát minh đổi mới trong những ngành chuyên môn của họ: từ năm 1837 đến 1859, số lượng bằng phát minh được cấp mỗi năm liên quan đến ngô và lúa mì bình quân lần lượt là 12 và 10; chỉ có một bằng phát minh bình quân một năm đối với cây bông vải - loại hoa màu quan trọng nhất của miền nam. Không có biểu hiện cho thấy công nghiệp hóa và tăng trưởng kinh tế sẽ sớm bắt đầu vào một lúc nào đó. Nhưng sự kiện miền nam bại trận trong cuộc nội chiến được tiếp

https://thuviensach.vn

nối bằng việc cải cách kinh tế và chính trị nhanh chóng. Chế độ nô lệ được bãi bỏ, và người da màu được quyền bỏ phiếu.

Những thay đổi to lớn này lẽ ra đã mở đường cho sự biến đổi triệt để của các thể chế chiếm đoạt ở miền nam thành các thể chế dung hợp, và đưa miền nam vào một lộ trình thịnh vượng kinh tế. Nhưng trong một biểu hiện khác của vòng xoáy đi xuống, không điều gì xảy ra theo chiều hướng này. Tính liên tục của các thể chế chiếm đoạt, lần này là sự kỳ thị người da màu chứ không phải chế độ nô lệ, đã xuất hiện ở miền nam. Cụm từ *Jim Crow*, được cho là xuất phát từ "Jump Jim Crow", cách nói châm chọc của người da trắng về "gương mặt nhọ" của người da đen vào đầu thế kỷ 19, được sử dụng để nói tới toàn bộ những chính sách phân biệt chủng tộc đã được ban hành ở miền nam sau năm 1865. Những chính sách này tồn tại dai dẳng thêm một thế kỷ nữa, cho đến khi lại có một cuộc chính biến lớn khác xảy ra: phong trào dân quyền. Trong thời gian đó, người da màu tiếp tục bị đàn áp và tước quyền. Hoạt động nông nghiệp theo kiểu đồn điền dựa vào lao động không có trình độ học vấn và tiền lương thấp tiếp tục tồn tại và thu nhập ở miền nam giảm tương đối so với mức bình quân của nước Mỹ. Vòng xoáy đi xuống của các thể chế chiếm đoạt lúc bấy giờ trở nên mạnh hơn so với sự hình dung của nhiều người.

Lý do khiến quỹ đạo kinh tế và chính trị của miền nam không bao giờ thay đổi, cho dù chế độ nô lệ đã bị bãi bỏ và người da màu đã được trao quyền bầu cử, là bởi vì sức mạnh chính trị và sự độc lập kinh tế của người da màu rất mỏng manh. Các chủ đồn điền miền nam đã thua trong thời chiến nhưng đã thắng trong thời bình. Họ vẫn có tổ chức và vẫn sở hữu đất đai. Trong chiến tranh, người ta hứa sẽ cấp cho những người nô lệ được trả tự do 40 mẫu đất và một con la khi chế độ nô lệ được bãi bỏ, và một số người thật sự đã nhận được trong chiến dịch nổi tiếng của tướng William T. Sherman. Nhưng đến năm 1865, tổng thống Andrew Johnson thu hồi lệnh của Sherman và việc tái phân phối đất hằng trông đợi không bao giờ xảy ra. Trong một cuộc tranh luận về vấn đề này trong Quốc hội, nghị sĩ George

https://thuviensach.vn

Washington Julian đã biết trước điều này: “Một đạo luật Quốc hội bãi bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ liệu có giúp ích được gì không nếu như nền tảng nông nghiệp trước đây của giới quyền thế quý tộc vẫn còn nguyên?” Đây là điểm khởi đầu của “thời kỳ cứu rỗi” của miền nam trước đây và sự tồn tại dai dẳng của giới quyền thế có đất ở miền nam.

Nhà xã hội học Jonathan Wiener nghiên cứu sự tồn tại dai dẳng của giới quyền thế chủ đồn điền ở năm địa hạt thuộc vùng trồng bông Black Belt ở nam Alabama. Tìm hiểu các gia đình từ điều tra dân số Hoa Kỳ và xem xét những gia đình có bất động sản trị giá ít nhất 10 nghìn USD, ông nhận thấy rằng trong số 236 thành viên của giới quyền thế chủ đồn điền vào năm 1850, có đến 101 thành viên vẫn duy trì vị thế của họ vào năm 1870. Điều thú vị là, tỷ lệ tồn tại dai dẳng này rất giống với tỷ lệ của thời kỳ trước nội chiến; trong số 236 gia đình chủ đồn điền giàu có nhất vào năm 1850, vẫn có 110 gia đình giữ nguyên hiện trạng sau một thập niên. Tuy nhiên, trong số 25 chủ đồn điền sở hữu đất đai rộng lớn nhất vào năm 1870, có 18 gia đình (72%) từng là những gia đình quyền thế vào năm 1860; có 16 gia đình từng thuộc nhóm quyền thế vào năm 1850. Trong khi hơn 600 nghìn người bị giết trong cuộc nội chiến, giới quyền thế chủ đồn điền chỉ gánh chịu thương vong không đáng kể. Luật lệ, được soạn thảo bởi các chủ đồn điền và dành cho các chủ đồn điền, quy định rằng chủ nô lệ có 20 nô lệ thì được miễn nghĩa vụ quân sự. Khi hàng trăm nghìn người chết để bảo vệ nền kinh tế đồn điền miền nam, nhiều chủ nô lệ lớn và con cái họ vẫn đứng trên sân nhà, bên ngoài cuộc chiến và có thể bảo đảm sự tồn tại dai dẳng của nền kinh tế đồn điền.

Sau khi chiến tranh kết thúc, các chủ đồn điền quyền thế kiểm soát đất đai có thể tái lập sự kiểm soát của họ đối với lực lượng lao động. Mặc dù thể chế kinh tế về chế độ nô lệ đã được bãi bỏ, bằng chứng cho thấy sự tồn tại dai dẳng rõ ràng trong hệ thống kinh tế miền nam dựa vào hoạt động nông nghiệp theo kiểu đồn điền với lao động rẻ mạt. Hệ thống kinh tế này được duy trì thông qua nhiều kênh, bao gồm sự kiểm soát chính trị địa

https://thuviensach.vn

phương và việc sử dụng vũ lực. Hậu quả là, theo cách nói của học giả người Mỹ gốc Phi W.E.B Du Bois, miền nam trở thành "đơn thuần là một doanh trại có vũ trang để đe dọa người da màu".

Năm 1865, lập pháp bang Alabama thông qua Luật Người da màu, một dấu mốc quan trọng hướng tới sự đàn áp lao động da màu. Tương tự như Nghị định 177 ở Guatemala, Luật Người da màu của bang Alabama bao gồm một luật về người không có việc làm thường xuyên và một luật chống lại việc "dụ dỗ" người lao động. Luật được soạn thảo để cấm cản việc lưu chuyển lao động và làm giảm cạnh tranh trên thị trường lao động, đồng thời bảo đảm rằng các chủ đồn điền miền nam vẫn có lao động rẻ mạt một cách đáng tin cậy.

Sau nội chiến là một thời kỳ được gọi là thời kỳ Tái thiết kéo dài từ năm 1865 đến 1877. Các chính khách miền bắc, với sự giúp đỡ của Quân đội Liên minh, thảo ra một số thay đổi xã hội cho miền nam. Nhưng phản ứng mạnh mẽ có hệ thống từ giới quyền thế miền nam dưới chiêu bài hỗ trợ "Những người cứu rỗi" tìm cách cứu giúp miền nam, đã tái lập hệ thống cũ. Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1877, Rutherford Hayes cần sự ủng hộ của miền nam trong cử tri đoàn. Cử tri đoàn này, vẫn còn sử dụng ngày nay, là trọng tâm của việc bầu cử tổng thống gián tiếp theo quy định của Quốc hội. Người dân không trực tiếp bầu ra tổng thống, mà thay vì thế, họ bầu ra các đại cử tri trong cử tri đoàn để thay mặt họ bầu tổng thống. Để đổi lấy sự ủng hộ của họ trong cử tri đoàn, người miền nam yêu cầu binh lính Liên minh phải rút khỏi miền nam và để mặc cho họ tự xoay sở lo liệu lấy. Hayes đồng ý. Với sự ủng hộ của miền nam, Hayes trở thành tổng thống và rút quân khỏi miền nam. Thời kỳ sau năm 1877 được xem là sự hồi sinh thật sự của giới quyền thế chủ đồn điền miền nam sau nội chiến. Sự cứu rỗi miền nam liên quan đến việc ban hành các loại thuế thân mới và việc kiểm tra trình độ biết chữ để được đi bầu, mà điều này thực chất là tước quyền bầu cử một cách có hệ thống đối với người da màu và ngay cả người da trắng nghèo. Các nỗ lực này đã thành công và tạo ra một chế độ đơn đảng

https://thuviensach.vn

dưới thời Đảng Dân chủ, với phần lớn quyền lực chính trị rơi vào tay giới quyền thế chủ đồn điền.

Các đạo luật phân biệt chủng tộc tạo ra những trường học riêng biệt và có thể dự đoán là kém đẳng cấp hơn. Ví dụ như bang Alabama đã soạn thảo lại hiến pháp bang vào năm 1901 để đạt được điều này. Sửng sốt hơn, thậm chí đến ngày nay điều 256 của hiến pháp bang Alabama, tuy không còn thực thi, vẫn cứ quy định:

Nhiệm vụ lập pháp để thiết lập và duy trì hệ thống trường công lập; phân bổ ngân sách giáo dục công lập; các trường học tách riêng cho con em người da trắng và da màu.

Ngành lập pháp sẽ thiết lập, tổ chức và duy trì một hệ thống trường công lập tự do trên khắp bang vì quyền lợi của trẻ em ở đó trong độ tuổi từ 7 đến 21. Ngân sách giáo dục công lập sẽ được phân bổ cho một số địa hạt tỷ lệ với số lượng học sinh trong độ tuổi đi học, và sẽ phân bổ cho những trường trong quận hay thị trấn thuộc các địa hạt để tổ chức các học kỳ có cùng thời gian ở các khu vực và thị trấn, như có thể thực hiện. Các trường học riêng biệt phải được tổ chức cho trẻ em da trắng và da màu, và không trẻ em nào thuộc sắc tộc này được nhận vào trường thuộc sắc tộc khác.

Việc sửa đổi luật để xóa bỏ điều 256 trong hiến pháp bị thua sít sao trong hoạt động lập pháp bang vào năm 2004.

Việc tước quyền công dân, các luật về người không có việc làm thường xuyên như Luật Người da màu của bang Alabama, các luật phân biệt chủng tộc khác nhau, và hành động của tổ chức Ku Klux Klan, thường được giới quyền thế tài trợ và ủng hộ, đã biến miền nam thời kỳ sau nội chiến thành một xã hội phân biệt chủng tộc hữu hiệu, trong đó cuộc sống của người da màu và người da trắng rất khác nhau. Cũng như ở Nam Phi, các luật lệ và thông lệ này nhằm mục đích kiểm soát dân số và lao động da màu.

https://thuviensach.vn

Các chính khách miền nam ở Washington cũng hoạt động nhằm bảo đảm rằng các thể chế chiếm đoạt của miền nam có thể tồn tại dai dẳng. Ví dụ như, họ bảo đảm sao cho không thể thông qua bất kỳ một dự án liên bang hay công trình công cộng nào đe dọa sự kiểm soát của giới quyền thế miền nam đối với lực lượng lao động da màu. Vì thế, miền nam bước vào thế kỷ 20 như một xã hội nông thôn với trình độ học vấn thấp và công nghệ lạc hậu, vẫn tuyển dụng lao động thủ công và sử dụng sức la mà gần như không có sự hỗ trợ của máy móc cơ giới. Mặc dù tỷ lệ dân số thành thị có tăng nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với ở miền bắc. Ví dụ như vào năm 1900, chỉ có 13,5% dân số miền nam được đô thị hóa, so với 60% ở miền đông bắc.

Nhìn chung, các thể chế chiếm đoạt ở miền nam Hoa Kỳ, dựa vào quyền lực của giới quyền thế có đất, nông nghiệp đồn điền và lao động trình độ thấp với tiền lương rẻ mạt, tồn tại dai dẳng sang thế kỷ 20. Các thể chế này chỉ bắt đầu sụp đổ sau Thế chiến thứ hai rồi thật sự sụp đổ sau khi phong trào dân quyền phá hủy nền tảng chính trị của hệ thống. Và chỉ sau khi các thể chế này cáo chung vào thập niên 1950 và 1960 thì miền nam mới bắt đầu quá trình hội tụ nhanh chóng với miền bắc.

Miền nam Hoa Kỳ cho thấy một khía cạnh khác, có sức bền hơn của vòng xoáy đi xuống: cũng như ở Guatemala, giới quyền thế chủ đồn điền miền nam duy trì quyền lực và cơ cấu lại các thể chế kinh tế và chính trị nhằm bảo đảm tính liên tục quyền lực của họ. Nhưng khác với Guatemala, họ đứng trước những thách thức đáng kể sau khi bị đánh bại trong cuộc nội chiến, giúp bãi bỏ chế độ nô lệ và chấm dứt việc cấm đoán người da màu tham gia chính trị theo hiến pháp. Nhưng thua keo này bày keo khác, miễn là giới quyền thế chủ đồn điền vẫn còn kiểm soát diện tích đất đai bạt ngàn và vẫn còn có tổ chức, họ vẫn có thể xây dựng một hệ thống thể chế mới, các chính sách phân biệt chủng tộc thay cho chế độ nô lệ để đạt được cùng một mục tiêu. Vòng xoáy đi xuống hóa ra mạnh hơn so với nhiều người, trong đó có Abraham Lincoln, vẫn tưởng. Vòng xoáy đi xuống là dựa vào

https://thuviensach.vn

các thể chế chính trị chiếm đoạt tạo ra các thể chế kinh tế chiếm đoạt, rồi đến lượt chúng sẽ nâng đỡ cho các thể chế chính trị, vì của cải và quyền lực kinh tế sẽ mua được quyền lực chính trị. Không còn quy định về 40 mẫu đất và một con la, quyền lực kinh tế của giới quyền thế chủ đồn điền miền nam vẫn không suy suyển. Thật đáng tiếc và không có gì đáng ngạc nhiên, ý nghĩa đối với người dân da màu ở miền nam và sự phát triển kinh tế của miền nam vẫn như cũ.

QUY LUẬT SẮT CỦA THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ ĐẦU SỎ

Triều đại Solomon ở Ethiopia kéo dài cho đến khi bị lật đổ trong một vụ đảo chính quân sự vào năm 1974. Vụ đảo chính được lãnh đạo bởi một nhóm sĩ quan quân đội Marxist, được gọi là Derg. Chế độ mà Derg lật đổ cứ như được kết đông lại từ một thế kỷ trước đó, một chế độ không phù hợp niên đại lịch sử. Hoàng đế Haile Selassie bắt đầu một ngày cai trị bằng cách ngự giá đến sân triều trong Đại hoàng cung từng được Hoàng đế Menelik II xây dựng vào cuối thế kỷ 19. Bên ngoài sân triều là đám cận thần chực chờ hoàng thượng giá lâm, cúi rạp người và cố gắng một cách tuyệt vọng để hoàng thượng chú ý. Hoàng thượng sẽ ngồi trên ngai vàng trong ngự phòng. (Selassie là một người nhỏ thó; để cho chân ông không bị lơ lửng trong không trung, phải có một nô tỳ mang đến một chiếc gối đặc biệt bất kỳ khi nào ông muốn chắc chắn có chiếc gối phù hợp để đặt dưới chân. Nô tỳ này có một kho gồm 52 chiếc gối để ứng phó với mọi tình huống.) Selassi chủ trương một hệ thống thể chế chiếm đoạt tuyệt đối và điều hành đất nước như tài sản riêng của ông, ban phát cho những người ưng ý và trung thành, đồng thời trừng phạt tàn khốc những kẻ bất trung. Không có phát triển kinh tế ở Ethiopia dưới thời Solomon.

Thoạt đầu Derg hình thành từ 108 đại diện của các đơn vị quân đội khác nhau trên cả nước. Đại diện của sư đoàn 3 ở tỉnh Harar là một thiếu tá tên Mengistu Haile Mariam. Mặc dù trong tuyên bố ban đầu vào ngày

https://thuviensach.vn

4/7/1974, các sĩ quan Derg tuyên bố trung thành với hoàng đế, chẳng bao lâu sau họ bắt đầu bắt giữ các thành viên chính phủ, kiểm tra xem điều đó sẽ gây ra sự chống đối đến mức nào. Khi họ trở nên tin chắc rằng sự tung hô dành cho chế độ Selassie chỉ là rỗng tuếch, họ chuyển sang chính hoàng đế, bắt giam ông vào ngày 12/9. Sau đó việc hành quyết bắt đầu. Nhiều chính khách chủ chốt trong chế độ cũ nhanh chóng bị giết. Vào tháng 12, Derg tuyên bố Ethiopia là một nhà nước xã hội chủ nghĩa. Selassie chết, có lẽ là bị ám sát, vào ngày 27/8/1975. Năm 1975, Derg bắt đầu quốc hữu hóa tài sản, bao gồm toàn bộ đất đai nông thôn và thành thị cùng với hầu hết các loại tài sản tư nhân. Các hành vi độc tài ngày càng tăng của chế độ làm dấy lên sự chống đối trên khắp đất nước. Các chính sách của hoàng đế Menelik II, người chiến thắng trong trận chiến Adowa mà chúng ta đã thấy trong chương 8, đã hợp nhất những vùng đất rộng lớn của Ethiopia trong quá trình bành trướng thuộc địa của châu Âu vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Những vùng này bao gồm Eritrea và Tigray ở phía bắc và Ogaden ở phía đông. Các phong trào độc lập nhằm phản ứng trước chế độ hà khắc của Derg nổi lên ở Eritrea và Tigray, trong khi quân đội Somalia xâm lăng vùng Ogaden nói tiếng Somalia. Bản thân Derg cũng bắt đầu tan rã và chia rẽ thành các nhóm nhỏ. Thiếu tá Mengistu hóa ra là người tàn nhẫn và mưu mẹo nhất trong số đó. Đến giữa năm 1977, ông đã loại trừ được các đối thủ chính và thực sự giành quyền kiểm soát chế độ, vốn đã được cứu thoát khỏi sự sụp đổ nhờ vào dòng vũ khí và quân đội khổng lồ từ Liên Xô và Cuba vào tháng 11 năm đó.

Năm 1978, nhà nước tổ chức đại lễ quốc gia để kỷ niệm bốn năm ngày lật đổ Haile Selassie. Đến lúc này, Mengistu đã trở thành vị lãnh tụ vô song của Derg. Để làm nơi cư trú mà từ đó ông sẽ cai trị Ethiopia, ông chọn Đại hoàng cung của Selassie, từng bị bỏ trống từ khi chế độ quân chủ bị hủy bỏ. Vào ngày đại lễ, ông ngồi trong một chiếc ghế bành mạ vàng, trông hệt như các vị hoàng đế thời xưa để xem diễu binh. Các chức năng nhà nước giờ đây lại được tổ chức tại Đại hoàng cung, với Mengistu ngự trên ngai vàng cũ của Haile Selassie. Mengistu bắt đầu tự so sánh mình với Hoàng đế

https://thuviensach.vn

Tewodros, người tái lập vương triều Solomon vào giữa thế kỷ 19 sau một thời kỳ suy sụp.

Dawit Wolde Giorgis, một trong các bộ trưởng của ông, nhớ lại trong hồi ký của mình:

Vào lúc bắt đầu cách mạng, tất cả chúng tôi đều nôn nóng bác bỏ mọi thứ liên quan đến quá khứ. Chúng tôi không lái ô-tô hay mặc đồ vét; cà vạt bị xem là tội phạm. Bất kỳ thứ gì làm cho bạn trông có vẻ khá giả hay tư sản, bất kỳ thứ gì bốc mùi giàu có hay tinh tế, đều bị soi mói như một phần của trật tự xã hội cũ. Thế rồi, vào khoảng năm 1978, mọi thứ bắt đầu thay đổi. Dần dần, chủ nghĩa vật chất bắt đầu được chấp nhận, rồi được đòi hỏi. Đồng phục của tất cả các quan chức chính phủ cao cấp và thành viên Hội đồng bộ trưởng đều là trang phục thiết kế từ những hiệu may châu Âu danh tiếng nhất. Chúng tôi có những thứ tốt nhất: nhà to đẹp nhất, ô-tô sang trọng nhất, rượu uýt-ki, sâm-banh và thực phẩm ngon nhất. Đó là sự đảo ngược hoàn toàn so với lý tưởng cách mạng.

Giorgis cũng mô tả sống động sự thay đổi của Mengistu khi ông trở thành người cai trị duy nhất:

Một Mengistu thực sự lộ rõ: đầy căm thù, thô bạo và độc tài… Nhiều người trong chúng tôi từng đút tay túi quần khi nói chuyện với ông như với một người bằng vai phải lứa, giờ đây chúng tôi phải đứng thẳng một cách trang nghiêm, thận trọng tôn kính sự hiện diện của ông. Khi nói với ông, trước kia chúng tôi luôn sử dụng cách xưng hô thân mật “cậu” (ante); giờ đây chúng tôi phải chuyển sang cách gọi trang trọng “ngài” (ersiwo). Ông chuyển sang một văn phòng xa hoa hoành tráng trong Lâu đài Menelik… Ông bắt đầu sử dụng ô-tô của Hoàng đế… Chúng tôi từng dự định làm một cuộc cách mạng về sự công bằng; giờ đây ông đã trở thành một vị hoàng đế mới.

https://thuviensach.vn

Mô thức vòng xoáy đi xuống thể hiện qua sự chuyển tiếp từ Haile Selassie sang Mengistu, hay từ các thống sứ thực dân Anh ở Sierra Leone sang Siaka Stevens, có tính chất cực đoan và kỳ lạ đến mức nó xứng đáng có một tên gọi đặc biệt. Như chúng tôi đã đề cập trong chương 4, nhà xã hội học người Đức Robert Michels gọi đó là quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ. Michels lập luận, lôgic nội tại của các thể chế chính trị đầu sỏ, và trên thực tế là của tất cả các tổ chức tôn ti thứ bậc là, chúng sẽ tự tái sinh chẳng những khi cùng một nhóm người cũ nắm giữ quyền lực, mà ngay cả khi một nhóm khác hoàn toàn mới lên cầm quyền. Điều mà Michels không thấy trước có lẽ là sự đồng cảm với nhận xét của Karl Marx rằng lịch sử lặp lại chính nó - lần đầu tiên như một tấn thảm kịch, lần thứ hai như một định mệnh trớ trêu.

Sau khi giành được độc lập, chẳng những nhiều nhà lãnh đạo ở châu Phi đã chuyển đến ở cùng những dinh thự trước đây, sử dụng cùng những mạng lưới bổ nhiệm như cũ, và triển khai cùng những phương thức thao túng thị trường và khai thác nguồn lực như chế độ thuộc địa và các hoàng đế mà họ thay thế; mà họ còn làm cho mọi việc trở nên tệ hại hơn. Quả thật là định mệnh trớ trêu khi Stevens kiên quyết chống thực dân lại trở nên lo lắng kiểm soát cùng một dân tộc Mende mà người Anh từng tìm cách kiểm soát; khi ông cũng dựa vào chính các vị thủ lĩnh mà người Anh từng trao quyền rồi sử dụng họ để kiểm soát vùng nội địa; khi ông điều hành nền kinh tế theo cùng một cách thức như người Anh, chiếm đoạt của các nhà nông thông qua chính các ủy ban vật giá như vậy, và kiểm soát kim cương bằng một thế lực độc quyền tương tự. Quả thật là định mệnh trớ trêu, một định mệnh buồn, khi Laurent Kabila, người huy động quân đội chống lại chế độ độc tài của Mobutu với cam kết giải phóng dân tộc và chấm dứt sự bóp nghẹt, đàn áp, và tham nhũng làm bần cùng hóa đất nước Zaire của Mobutu, lại thiết lập một chế độ tham nhũng mà có lẽ còn thảm khốc hơn. Thật là trớ trêu khi ông cũng ra sức bắt đầu một hệ thống sùng bái cá nhân theo kiểu Mobutu với sự trợ giúp và tiếp tay của Dominique Sakombi Inongo, nguyên bộ trưởng thông tin của chế độ Mobutu trước đây, và chính

https://thuviensach.vn

chế độ Mobutu cũng tiêu biểu cho mô thức chiếm đoạt từ quần chúng nhân dân từng bắt đầu hơn một thế kỷ trước với Nhà nước tự do Congo của Vua Leopold. Thật là trớ trêu khi sĩ quan quân đội Marxist Mengistu cũng bắt đầu sống trong tòa lâu đài hoàng cung, tự xem mình là hoàng đế, làm giàu cho bản thân và cận thần cũng hệt như Haile Selassie và các hoàng đế khác trước ông.

Đó là một định mệnh trớ trêu, nhưng còn bi thảm hơn so với tấn thảm kịch ban đầu, và không chỉ là những niềm hy vọng bị tan vỡ. Stevens và Kabila, cũng như nhiều kẻ thống trị khác ở châu Phi, bắt đầu giết hại các đối thủ rồi đến những người dân thường vô tội. Mengistu và các chính sách của Derg mang lại nạn đói triền miên trên đất đai phì nhiêu của Ethiopia. Lịch sử tự lặp lại, nhưng dưới một hình thức vô cùng méo mó. Chính nạn đói ở tỉnh Wollo năm 1973 mà Haile Selassie từng dửng dưng bỏ mặc đã có tác động to lớn cuối cùng làm tăng cường sự chống đối chế độ của ông. Nhưng ít ra Selassie cũng chỉ thờ ơ bỏ mặc. Tệ hơn thế, Mengistu còn xem nạn đói là công cụ chính trị giúp làm xói mòn sức mạnh của đối thủ. Lịch sử không chỉ trớ trêu và bi thảm, mà còn độc ác đối với người dân Ethiopia và nhiều nơi ở vùng hạ Sahara châu Phi.

Bản chất của quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ, khía cạnh này của vòng xoáy đi xuống, là ở chỗ, các nhà lãnh đạo mới lật đổ các nhà lãnh đạo cũ với cam kết thay đổi triệt để nhưng không mang lại gì ngoài tình trạng tồi tệ hơn trước. Ở một mức độ nào đó, quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ khó hiểu hơn các hình thức khác của vòng xoáy đi xuống. Có một lôgic rõ ràng về sự tồn tại dai dẳng của các thể chế chiếm đoạt ở miền nam Hoa Kỳ và ở Guatemala. Chính những nhóm người cũ tiếp tục chi phối nền kinh tế và nền chính trị trong nhiều thế kỷ. Thậm chí khi bị thách thức, như các chủ đồn điền miền nam Hoa Kỳ sau nội chiến, quyền lực của họ vẫn nguyên vẹn và họ vẫn có thể duy trì và tái lập một hệ thống thể chế chiếm đoạt tương tự mà từ đó một lần nữa họ lại hưởng lợi. Nhưng làm sao ta hiểu được những người lên cầm quyền nhân danh sự thay đổi cấp tiến mà lại tái

https://thuviensach.vn

lập cùng một hệ thống như cũ? Câu trả lời cho câu hỏi này, một lần nữa, cho thấy rằng vòng xoáy đi xuống mạnh mẽ hơn so với bề ngoài của nó.

Không phải mọi thay đổi cấp tiến xem ra đều thất bại. Cuộc Cách mạng Vinh quang là một thay đổi cấp tiến, và kết quả của nó hóa ra lại là cuộc cách mạng chính trị quan trọng nhất trong hai thiên niên kỷ qua. Cuộc Cách mạng Pháp thậm chí còn cấp tiến hơn, với sự hỗn loạn, bạo lực dữ dội và sự vươn lên của Napoleon Bonaparte, nhưng nó không tái lập thể chế cũ.

Có ba yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho sự vươn lên của các thể chế chính trị dung hợp hơn sau cuộc Cách mạng Vinh quang và Cách mạng Pháp. Thứ nhất là các thương nhân và doanh nhân mới với mong muốn giải thoát sức mạnh của sự phá hủy sáng tạo mà từ đó chính họ sẽ được hưởng lợi; những con người mới này là những thành phần then chốt của liên minh cách mạng và không muốn nhìn thấy sự phát triển của một hệ thống thể chế chiếm đoạt khác sẽ giày xéo họ thêm một lần nữa.

Thứ hai là bản chất của những liên minh rộng rãi đã hình thành trong cả hai trường hợp. Ví dụ, cuộc Cách mạng Vinh quang không phải là một vụ đảo chính bởi một nhóm thiểu số hay một nhóm quyền lợi hạn hẹp cụ thể, mà là một phong trào với sự ủng hộ của các thương nhân, các nhà công nghiệp, giới chủ đất nhỏ, và các nhóm chính trị đa dạng. Điều này nói chung cũng đúng với cuộc Cách mạng Pháp.

Yếu tố thứ ba liên quan đến lịch sử thể chế chính trị của Anh và Pháp từ đó tạo thành nền tảng để các thể chế mới, có tính dung hợp hơn có thể phát triển. Ở cả hai nước đều có truyền thống Quốc hội hay sự chia sẻ quyền lực đã có từ thời Đại hiến chương Magna Carta ở Anh và Hội đồng Quý tộc ở Pháp. Hơn nữa, cả hai cuộc cách mạng đều xảy ra giữa một quá trình vốn đã làm suy yếu phạm vi quyền lực của các chế độ chuyên chế đầy tham vọng. Trong cả hai trường hợp, một hệ thống mới hay một nhóm thiểu số đều không thể dễ dàng giành lấy quyền kiểm soát nhà nước và chiếm đoạt của cải kinh tế hiện hữu, cũng như xây dựng quyền lực chính trị lâu

https://thuviensach.vn

dài và không bị kiểm soát. Sau cuộc Cách mạng Pháp, một nhóm thiểu số dưới sự lãnh đạo của Roberspierre và Saint-Just đã giành quyền kiểm soát, với các hậu quả thảm khốc, nhưng điều này chỉ là nhất thời và không làm sai lệch lộ trình hướng tới các thể chế dung hợp hơn. Tất cả những điều này tương phản với tình hình của những xã hội có lịch sử lâu dài của những thể chế kinh tế và chính trị mang tính chiếm đoạt cao độ và không có sự kiểm soát quyền lực đối với những kẻ cai trị. Các xã hội này không có giới thương nhân hay doanh nhân mới và hùng mạnh, ủng hộ và tài trợ cho việc chống lại chế độ hiện hữu, một phần để bảo đảm các thể chế kinh tế dung hợp hơn; không có những liên minh rộng lớn đặt ra giới hạn đối với quyền lực của từng thành viên; không có các thể chế chính trị cấm những kẻ cai trị mới không được dốc sức chiếm đoạt và lợi dụng quyền lực.

Vì thế, ở Sierra Leone, Ethiopia và Congo, vòng xoáy đi xuống sẽ khó cưỡng lại hơn, và các phong trào hướng tới các thể chế dung hợp hơn ít có khả năng xảy ra hơn. Cũng không có các thể chế lịch sử hay truyền thống để có thể kiểm soát quyền lực của những người đứng đầu nhà nước. Những thể chế này đã từng tồn tại ở một vài nơi của châu Phi, và ở một vài nơi như Botswana, chúng thậm chí còn sống sót qua thời kỳ thuộc địa. Nhưng những thể chế này ít thấy hơn nhiều trong lịch sử Sierra Leone, và trong chừng mực mà chúng có tồn tại, chúng cũng bị bẻ cong bởi sự cai trị gián tiếp. Điều này cũng xảy ra ở các thuộc địa khác của nước Anh ở châu Phi, như Kenya và Nigeria. Những thể chế này chưa từng tồn tại ở vương quốc Ethiopia chuyên chế. Ở Congo, các thể chế bản xứ bị triệt hạ bởi sự cai trị thuộc địa của Bỉ và các chính sách chuyên quyền của Mobutu. Trong tất cả các xã hội này, cũng không có các thương nhân, doanh nhân mới hay các nghiệp chủ ủng hộ chế độ mới và đòi hỏi phải đảm bảo quyền sở hữu và chấm dứt các thể chế chiếm đoạt trước đây. Thật ra, các thể chế kinh tế chiếm đoạt của thời kỳ thuộc địa cũng có nghĩa là không còn tinh thần nghiệp chủ hay hoạt động kinh doanh gì cả.

https://thuviensach.vn

Cộng đồng quốc tế tưởng rằng nền độc lập của châu Phi sau thời kỳ thuộc địa sẽ dẫn đến tăng trưởng kinh tế thông qua một quá trình kế hoạch hóa của nhà nước và mở mang khu vực tư nhân. Nhưng khu vực tư nhân không tồn tại - ngoại trừ ở các vùng nông thôn, vốn không được đại diện trong chính phủ mới và vì thế cũng là con mồi đầu tiên của chính phủ. Có lẽ quan trọng hơn cả, trong hầu hết các trường hợp này đều có lợi ích khổng lồ từ việc thâu tóm quyền lực. Lợi ích này thu hút những kẻ vô liêm sỉ nhất như Stevens, mong muốn độc quyền hóa quyền lực này, và làm lộ rõ những tính cách tồi tệ nhất của họ một khi họ đã nắm quyền lực. Không gì phá vỡ được vòng xoáy đi xuống.

PHẢN HỒI TIÊU CỰC VÀ VÒNG XOÁY ĐI XUỐNG

Các nước giàu đã trở nên giàu có chủ yếu vì họ đã nỗ lực để có thể phát triển các thể chế dung hợp vào một thời điểm nào đó trong 300 năm qua. Các thể chế này tồn tại lâu dài thông qua quá trình của một vòng xoáy đi lên. Ngay cả khi chỉ bắt đầu với một mức độ dung hợp hạn chế và đôi khi mong manh, chúng đã dẫn đến những diễn biến giúp tạo ra một quá trình phản hồi tích cực, dần dần làm tăng tính dung hợp của thể chế. Nước Anh không trở thành một nền dân chủ ngay sau cuộc Cách mạng Vinh quang năm 1688. Vẫn còn phải chờ lâu lắm. Chỉ một phần nhỏ dân số được đại diện chính thức, nhưng điều quan trọng là, đất nước đã có chủ nghĩa đa nguyên. Một khi chủ nghĩa đa nguyên được tôn trọng, sẽ có xu hướng cho các thể chế trở nên dung hợp hơn theo thời gian, ngay cả khi đây là một quá trình chông gai và bấp bênh.

Trong bối cảnh này, nước Anh là điển hình của những vòng xoáy đi lên: các thể chế chính trị dung hợp tạo ra giới hạn đối với việc sử dụng và chiếm đoạt quyền lực. Chúng cũng có xu hướng tạo ra các thể chế kinh tế dung hợp, mà đến lượt mình, các thể chế kinh tế dung hợp giúp duy trì tính liên tục của các thể chế chính trị dung hợp.

https://thuviensach.vn

Trong các thể chế kinh tế dung hợp, của cải không tập trung vào tay một nhóm thiểu số để có thể sử dụng sức mạnh kinh tế nhằm gia tăng quyền lực chính trị một cách không cân xứng. Hơn nữa, trong các thể chế kinh tế dung hợp, lợi ích từ việc nắm giữ quyền lực chính trị cũng có giới hạn hơn, qua đó làm yếu đi các động cơ khuyến khích mọi nhóm và mọi cá nhân mới phất lên và giàu tham vọng, ra sức giành lấy quyền kiểm soát nhà nước. Sự tụ họp các yếu tố này vào một thời điểm quyết định, bao gồm sự tương tác giữa các thể chế hiện hữu, các cơ hội và thách thức mang lại vào thời điểm quyết định, cùng nhau đưa đến sự khởi đầu của các thể chế dung hợp, như trường hợp nước Anh cho thấy. Nhưng một khi đã có các thể chế dung hợp này, ta không còn cần đến sự hội tụ các yếu tố này để chúng tồn tại. Các vòng xoáy đi lên, mặc dù vẫn phụ thuộc vào yếu tố ngẫu nhiên quan trọng, sẽ giúp đảm bảo sự liên tục thể chế và thậm chí còn mở ra một quá trình động học đưa xã hội tiến tới tính dung hợp ngày càng cao hơn.

Trong khi các vòng xoáy đi lên làm cho các thể chế dung hợp tồn tại lâu dài, các vòng xoáy đi xuống tạo ra áp lực vững chắc hướng đến sự tồn tại dai dẳng của các thể chế chiếm đoạt. Lịch sử không phải là định mệnh, và các vòng xoáy đi xuống không phải là không thể phá vỡ như chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn trong chương 14, nhưng chúng dai dẳng. Các vòng xoáy đi xuống tạo ra một quá trình phản hồi tiêu cực mãnh liệt, trong đó các thể chế chính trị chiếm đoạt hun đúc các thể chế kinh tế chiếm đoạt, rồi đến lượt mình, các thể chế kinh tế chiếm đoạt lại tạo thành bệ đỡ cho sự tồn tại dai dẳng của các thể chế chính trị chiếm đoạt. Chúng ta đã thấy điều này rõ ràng nhất trong trường hợp của Guatemala, ở đó cùng một giới quyền thế nắm giữ quyền lực, thoạt đầu là dưới thời thực dân, rồi sau đó là dưới thời độc lập qua hơn bốn thế kỷ; các thể chế chiếm đoạt làm giàu cho giới quyền thế, và của cải của họ tạo thành nền tảng cho sự liên tục thống trị của họ.

Quá trình vòng xoáy đi xuống này cũng thể hiện rõ ràng qua sự tồn tại dai dẳng của nền kinh tế đồn điền ở miền nam Hoa Kỳ, ngoài ra nó còn cho

https://thuviensach.vn

thấy độ bền đáng kể của vòng xoáy đi xuống trước những thách thức. Các chủ đồn điền miền nam Hoa Kỳ mất đi quyền kiểm soát chính thức đối với các thể chế kinh tế và chính trị sau khi bại trận trong cuộc nội chiến. Chế độ nô lệ, vốn là nền tảng của nền kinh tế đồn điền, đã bị bãi bỏ, và người da màu được trao quyền chính trị và kinh tế như người da trắng. Thế nhưng cuộc nội chiến không kết liễu quyền lực chính trị hay nền tảng kinh tế của giới quyền thế chủ đồn điền, và họ vẫn có thể tái cơ cấu hệ thống dưới một chiêu bài khác nhưng vẫn nằm trong sự kiểm soát chính trị địa phương của họ, và để đạt được cùng một mục tiêu: nguồn lao động rẻ mạt dồi dào cho các đồn điền của họ.

Hình thức này của vòng xoáy đi xuống, trong đó các thể chế chiếm đoạt tồn tại dai dẳng vì giới quyền thế kiểm soát và hưởng lợi từ chúng vẫn tồn tại, không phải là hình thức duy nhất. Thoạt nhìn qua, ta thấy một hình thức rắc rối hơn nhưng không kém phần thực tế và không ít tác hại hơn của sự phản hồi tiêu cực đã định hình sự phát triển chính trị và kinh tế ở nhiều nước, và biểu hiện qua kinh nghiệm của các nước châu Phi vùng hạ Sahara, cụ thể như Sierra Leone và Ethiopia. Dưới một hình thức mà nhà xã hội học Robert Michels gọi là quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ, việc lật đổ một chế độ cai trị bằng các thể chế chiếm đoạt sẽ báo hiệu sự xuất hiện của những ông chủ mới sẽ khai thác cùng những thể chế chiếm đoạt độc hại như cũ.

Lôgic của loại vòng xoáy đi xuống này cũng dễ hiểu khi ta nhìn lại sau khi sự việc đã xảy ra: các thể chế chính trị chiếm đoạt gần như không tạo ra sự giới hạn đối với việc sử dụng quyền lực, vì thế, thực chất là không có thể chế nào để giới hạn việc sử dụng và lạm dụng quyền lực của những người đã lật đổ các nhà độc tài trước đây và giành lấy quyền kiểm soát nhà nước; và các thể chế kinh tế chiếm đoạt có nghĩa là sẽ có những lợi nhuận và của cải khổng lồ đạt được chỉ đơn thuần bằng cách kiểm soát quyền lực, tước đoạt tài sản của người khác và thiết lập các thế lực độc quyền.

https://thuviensach.vn

Lẽ dĩ nhiên, quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ không phải là một quy luật thực sự, theo ý nghĩa như các quy luật vật lý. Nó không vẽ ra một lộ trình bất di bất dịch, như cuộc Cách mạng Vinh quang ở Anh hay thời Minh Trị Duy Tân ở Nhật Bản cho thấy.

Một yếu tố then chốt trong các tình huống này, trong đó người ta đã chứng kiến một bước ngoặt hướng tới các thể chế dung hợp, là sự trao quyền cho một liên minh rộng khắp, có thể đứng lên chống lại chủ nghĩa chuyên chế và thay thế các thể chế chuyên chế bằng các thể chế đa nguyên dung hợp hơn. Một cuộc cách mạng của liên minh rộng khắp làm cho sự vươn lên của các thể chế chính trị đa nguyên trở nên khả thi hơn. Ở Sierra Leone và Ethiopia, quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ trở nên có nhiều khả năng xảy ra hơn không chỉ vì các thể chế hiện hữu có tính chiếm đoạt cao độ hơn mà còn vì cả phong trào độc lập ở Sierra Leone và cuộc đảo chính của Derg ở Ethiopia đều không được lãnh đạo bởi những liên minh rộng khắp, mà đúng hơn, bởi các cá nhân và nhóm người mưu cầu quyền lực để họ có thể thực hiện việc chiếm đoạt.

Vẫn còn một khía cạnh khác, thậm chí còn mang tính tàn phá hơn của vòng xoáy đi xuống, như dự đoán qua thảo luận của chúng ta về các thành bang Maya trong chương 5. Khi các thể chế chiếm đoạt tạo ra sự cách biệt giàu nghèo to lớn trong xã hội, cùng với của cải đồ sộ và quyền lực không bị kiểm soát của những người cầm quyền, sẽ có nhiều người mong muốn tranh giành quyền kiểm soát nhà nước và kiểm soát thể chế. Khi đó, các thể chế chiếm đoạt không chỉ lát đường cho chế độ mới, thậm chí còn có tính chiếm đoạt nhiều hơn, mà còn gây ra xâu xé nội bộ và nội chiến liên miên. Các cuộc nội chiến này sẽ gây ra nhiều đau thương hơn cho dân chúng và cũng tàn phá cả mức độ tập trung nhà nước ít ỏi mà các xã hội này từng đạt được. Điều này cũng thường khởi động cho một quá trình dẫn đến tình trạng vô luật pháp, thất bại nhà nước và rối loạn chính trị, phá vỡ mọi hy vọng về thịnh vượng kinh tế, như chương sau sẽ cho thấy.

https://thuviensach.vn

13. TẠI SAO CÁC QUỐC GIA NGÀY NAY THẤT BẠI

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRÚNG SỐ Ở ZIMBABWE

THÁNG 1/2000 Ở HARARE, Zimbabwe, Fallot Chawawa là người dẫn chương trình bốc thăm trúng thưởng xổ số quốc gia do Ngân hàng Zimbabwe (Zimbank) - trong đó nhà nước sở hữu một phần - tổ chức. Xổ số được mở cho mọi khách hàng có từ 5.000 đô-la Zimbabwe trở lên trong tài khoản tính đến tháng 12/1999. Khi Chawawa bốc thăm, ông lặng cả người. Theo phát biểu chính thức của Zimbank: "Người dẫn chương trình Fallot Chawawa không tin vào mắt mình khi tờ vé số trúng giải 100 nghìn đô-la Zimbabwe được trao cho ông và ông thấy tên ngài R.G Mugabe trên đó".

Tổng thống Robert Mugabe, người từng sử dụng trăm phương nghìn kế để thống trị Zimbabwe và cai trị với bàn tay sắt từ năm 1980 đã trúng số trị giá 100 nghìn đô-la Zimbabwe, gấp khoảng năm lần thu nhập bình quân đầu người hằng năm của đất nước. Zimbank xác nhận rằng tên của Mugabe đã được rút ra từ hàng nghìn khách hàng tham gia. Quả là một người may mắn! Khỏi cần phải nói, ông thật sự không cần tiền. Quả thật, chỉ mới đây thôi ông đã tự ban thưởng cho mình và nội các của ông mức tăng lương đến 200%.

Vé số chỉ là một biểu hiện nữa của các thể chế chiếm đoạt ở Zimbabwe. Người ta có thể gọi đây là tham nhũng, nhưng nó chỉ là một triệu chứng của tình trạng khó chịu về thể chế ở Zimbabwe. Sự kiện Mugabe thậm chí có thể trúng số nếu ông muốn, cho ta thấy ông kiểm soát mọi việc ở Zimbabwe đến nhường nào, và cho thế giới một cái nhìn sơ bộ về mức độ chiếm đoạt của các thể chế ở đất nước này.

https://thuviensach.vn

Lý do phổ biến nhất khiến các quốc gia ngày nay thất bại là bởi vì họ có các thể chế chiếm đoạt. Zimbabwe dưới thời Mugabe minh họa sinh động cho các hệ lụy kinh tế và xã hội. Mặc dù số liệu thống kê ở Zimbabwe không đáng tin cậy, ước lượng tốt nhất là thu nhập trên đầu người của Zimbabwe vào năm 2008 chỉ bằng một nửa so với khi đất nước giành độc lập vào năm 1980. Bất kể điều này nghe có vẻ ấn tượng đến mức nào, nó thật ra còn chưa thể hiện hết tình trạng suy sụp về mức sống ở Zimbabwe. Nhà nước đã sụp đổ và gần như không còn cung cấp bất kỳ dịch vụ công cộng cơ bản nào nữa. Những năm 2008-2009, hệ thống y tế xấu đi đã dẫn đến bùng phát dịch tả trên cả nước. Tính đến ngày 10/1/2010, đã có 98.741 ca báo cáo và 4.293 ca tử vong, làm cho nó trở thành nạn dịch tả gây chết người nhiều nhất bùng phát ở châu Phi trong 15 năm qua. Trong thời gian đó, tình trạng thất nghiệp cũng lên đến mức chưa từng thấy. Vào đầu năm 2009, Văn phòng Điều phối các vấn đề nhân đạo của Liên hiệp quốc xác nhận rằng tỷ lệ thất nghiệp đã lên đến mức kinh ngạc là 94%.

Gốc rễ của các thể chế kinh tế và chính trị ở Zimbabwe, cũng như ở nhiều nơi vùng hạ Sahara châu Phi, đã có từ thời thuộc địa. Năm 1890, Công ty Nam Phi thuộc Anh của Cecil Rhodes phái một lực lượng Viễn chinh đến vương quốc Ndebele thời ấy, đóng quân ở Matabeleland và vùng lân cận Mashonaland. Vũ khí tân tiến giúp họ nhanh chóng trấn áp sự kháng cự của người châu Phi, và đến năm 1901, thuộc địa Nam Rhodesia, đặt theo tên của Rhodes, được thành lập ở nơi mà hiện nay là Zimbabwe. Bởi vì vùng này đã trở thành vùng đất nhượng quyền thuộc sở hữu tư nhân của Công ty Nam Phi thuộc Anh, nên Rhodes dự định kiếm tiền ở đó bằng cách thăm dò và khai thác kim loại quý. Các cuộc thăm dò không bao giờ gặt hái được thành công, nhưng vùng đất nông nghiệp trù phú bắt đầu thu hút dân nhập cư da trắng. Những người định cư chẳng mấy chốc đã thôn tính phần lớn đất đai. Năm 1923, họ tự giải phóng khỏi sự cai trị của Công ty Nam Phi thuộc Anh và thuyết phục chính phủ Anh cho họ tự trị. Những gì xảy ra sau đó cũng hệt như những gì đã xảy ra ở Nam Phi khoảng một thập niên trước đây. Năm 1913, Luật Đất đai bản xứ (chương 9) từng tạo ra

https://thuviensach.vn

một nền kinh tế đối ngẫu ở Nam Phi. Rhodesia thông qua những bộ luật tương tự, và được khơi nguồn cảm hứng từ mô hình Nam Phi, chẳng bao lâu sau năm 1923, nhà nước phân biệt chủng tộc của người da trắng ra đời.

Khi các đế quốc thực dân châu Âu sụp đổ vào cuối thập niên 1950 và đầu những năm 1960, giới quyền thế da trắng ở Rhodesia, vốn chỉ chiếm khoảng 5% dân số, dưới sự lãnh đạo của Ian Smith đã tuyên bố độc lập khỏi nước Anh vào năm 1965. Ít có chính phủ nào trên thế giới công nhận nền độc lập của Rhodesia, và Liên hiệp quốc áp đặt sự trừng phạt kinh tế và chính trị đối với nó. Người da màu tổ chức một cuộc chiến tranh du kích từ căn cứ của các nước láng giềng Mozambique và Zambia. Áp lực quốc tế và bạo động từ hai nhóm chính - Liên minh Quốc gia châu Phi Zimbabwe (ZANU) của Mugabe và Liên minh Nhân dân châu Phi Zimbabwe (ZAPU) dưới sự lãnh đạo của Joshua Nkomo - đã dẫn đến sự kết thúc thời kỳ cai trị của người da trắng thông qua đàm phán. Nhà nước Zimbabwe ra đời vào năm 1980.

Sau khi độc lập, Mugabe nhanh chóng thiết lập sự kiểm soát cá nhân. Ông thẳng tay tiêu diệt các đối thủ hoặc thu nạp họ. Những hành động bạo lực tàn khốc nhất đã xảy ra ở Matabeleland, trung tâm đầu não ủng hộ ZAPU, khi có đến 20 nghìn người bị giết vào đầu thập niên 1980. Đến năm 1987, ZAPU được sáp nhập vào ZANU để tạo thành ZANU-PF, và Joshua Nkomo bị loại khỏi chính trường. Mugabe soạn thảo lại hiến pháp mà ông thừa kế như một phần của kết quả đàm phán độc lập, tự xưng làm tổng thống (ông bắt đầu với cương vị thủ tướng), xóa bỏ danh sách cử tri da trắng vốn là một phần của thỏa thuận độc lập, và cuối cùng vào năm 1990, ông tống khứ cả Thượng viện và đưa vào các vị trí trong bộ máy lập pháp mà ông có thể chỉ định. Trên thực tế, một nhà nước đơn đảng dưới sự lãnh đạo của Mugabe đã hình thành.

Sau khi độc lập, Mugabe tiếp quản một hệ thống thể chế kinh tế chiếm đoạt mà chế độ của người da trắng đã tạo ra. Hệ thống này bao gồm các

https://thuviensach.vn

quy định về giá cả và thương mại quốc tế, các ngành công nghiệp do nhà nước điều hành, và các ủy ban vật giá nông sản có tính cưỡng bức. Việc tuyển dụng nhân sự chính phủ mở rộng nhanh chóng, và các vị trí này được dành cho những người ủng hộ ZANU-PF. Sự điều tiết chặt chẽ của chính phủ đối với nền kinh tế phù hợp với giới quyền thế ZANU-PF vì nó cản trở sự vươn lên của một tầng lớp doanh nhân châu Phi độc lập, những người có thể thách thức độc quyền chính trị của giới quyền thế. Điều này rất giống tình huống mà chúng ta đã thấy ở Ghana vào thập niên 1960 trong chương 2. Lẽ dĩ nhiên, thật trớ trêu, điều này cũng làm cho những người da trắng trở thành tầng lớp doanh nhân chủ yếu. Trong thời kỳ này, lợi thế chủ yếu của nền kinh tế da trắng, nhất là lĩnh vực xuất khẩu nông sản năng suất cao, vẫn còn nguyên vẹn không suy suyển. Nhưng điều này chỉ kéo dài cho đến khi Mugabe trở nên không còn được ủng hộ nữa.

Mô hình điều tiết và can thiệp vào thị trường dần dần trở nên không bền vững, và một quá trình thay đổi thể chế với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ quốc tế bắt đầu vào năm 1991 sau một cuộc khủng hoảng ngân sách nghiêm trọng. Kết quả kinh tế xấu đi cuối cùng dẫn đến sự nổi lên của một đối thủ chính trị cạnh tranh khốc liệt với sự cai trị đơn đảng của ZANU-PF: Phong trào Thay đổi dân chủ (MDC). Cuộc bầu cử Quốc hội năm 1995 không hề có tính cạnh tranh. ZANU-PF thắng 81% số phiếu và giành được 118 trong số 120 ghế. 55 đại biểu Quốc hội được bầu mà không có đối thủ. Cuộc bầu cử tổng thống năm sau thậm chí còn cho thấy những dấu hiệu gian lận và bất thường nhiều hơn. Mugabe đắc cử với 93% số phiếu, nhưng hai đối thủ của ông, Abel Muzorewa và Ndabaningi Sithole, đã rút lui trước khi bầu cử, cáo buộc chính phủ áp bức và gian lận.

Sau năm 2000, bất chấp mọi hành động lũng đoạn, việc thâu tóm quyền lực của ZANU-PF suy yếu dần. Đảng chỉ chiếm được 49% số phiếu phổ thông và 63 ghế trong Quốc hội. Tất cả đều bị tranh đoạt bởi MDC, phe đối lập chiếm toàn bộ ghế ở thủ đô Harare. Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2002, Mugabe chiến thắng chỉ với 56% số phiếu. Nhưng cả hai

https://thuviensach.vn

cuộc bầu cử chỉ đem lại thắng lợi cho ZANU-PF nhờ bạo lực và đe dọa, cùng với gian lận bầu cử.

Phản ứng của Mugabe trước nguy cơ đánh mất sự kiểm soát chính trị là tăng cường đàn áp và sử dụng chính sách nhà nước để mua chuộc sự ủng hộ. Ông khởi động một cuộc tấn công toàn lực đối với các chủ sở hữu đất da trắng. Bắt đầu vào năm 2000, ông khuyến khích và ủng hộ hàng loạt việc chiếm dụng và sung công đất đai một cách rộng khắp. Hành động này thường được dẫn đầu bởi các hội cựu chiến binh, các nhóm được cho là bao gồm những người từng chiến đấu trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Một phần đất đai sung công được cấp cho các nhóm này, nhưng phần lớn được cấp cho giới quyền thế ZANU-PF. Tình trạng không bảo đảm quyền sở hữu mà Mugabe và ZANU-PF gây ra đã dẫn đến sự sụp đổ sản lượng và năng suất nông nghiệp. Khi nền kinh tế vỡ vụn, phương án duy nhất còn lại là in tiền để mua chuộc sự ủng hộ, dẫn đến siêu lạm phát. Vào tháng 1/2009, việc sử dụng đồng tiền các nước khác như đồng rand Nam Phi trở nên hợp pháp, và đồng đô-la Zimbabwe biến mất trong lưu thông, chỉ còn là những mảnh giấy vô giá trị.

Những gì xảy ra ở Zimbabwe sau năm 1980 là chuyện thường tình ở vùng hạ Saharra châu Phi thời kỳ sau độc lập. Zimbabwe kế thừa một hệ thống thể chế chính trị và kinh tế có tính chiếm đoạt cao độ vào năm 1980. Trong một thập niên rưỡi đầu tiên, các thể chế này được duy trì tương đối nguyên vẹn. Trong khi các cuộc bầu cử diễn ra, các thể chế chính trị vẫn không hề có tính dung hợp. Các thể chế kinh tế có thay đổi đôi chút; ví dụ như không còn sự kỳ thị công khai chống lại người da màu nữa. Nhưng xét một cách tổng thể, các thể chế vẫn có tính chiếm đoạt, với điểm khác biệt duy nhất là, thay vì Ian Smith và người da trắng thực hiện việc chiếm đoạt, thì giờ đây Robert Mugabe và giới quyền thế ZANU-PF vơ vét đầy túi. Theo thời gian, các thể chế thậm chí còn trở nên có tính chiếm đoạt nhiều hơn, và thu nhập ở Zimbabwe sụp đổ. Thất bại kinh tế và chính trị ở Zimbabwe là một biểu hiện khác của quy luật sắt của thể chế chính trị đầu

https://thuviensach.vn

sỏ - trong trường hợp này, chế độ đàn áp và chiếm đoạt của Ian Smith được thay thế bởi chế độ đàn áp, chiếm đoạt và tham nhũng của Robert Mugabe. Việc trúng số gian lận của Mugabe năm 2000 chỉ đơn thuần là phần nổi của tảng băng thối nát đã được định hình trong lịch sử.

CÁC QUỐC GIA NGÀY NAY THẤT BẠI VÌ các thể chế kinh tế chiếm đoạt của họ không tạo ra động cơ cần thiết để khuyến khích dân chúng tiết kiệm, đầu tư và phát minh đổi mới. Các thể chế chính trị chiếm đoạt nâng đỡ cho các thể chế kinh tế này thông qua việc củng cố quyền lực của những người hưởng lợi từ sự chiếm đoạt. Các thể chế kinh tế và chính trị chiếm đoạt, tuy chi tiết của chúng có thể khác nhau trong các tình huống khác nhau, luôn là nguyên nhân gốc rễ của sự thất bại này. Ví dụ, trong nhiều trường hợp, như ta sẽ thấy ở Argentina, Colombia và Ai Cập, sự thất bại này có hình thức của tình trạng thiếu hoạt động kinh tế, vì các chính khách quá hăng say chiếm đoạt nguồn lực hay dập tắt mọi hoạt động kinh tế độc lập đe dọa chính họ và giới quyền thế kinh tế. Trong một số trường hợp cực đoan, như ở Zimbabwe và Sierra Leone mà ta sẽ thảo luận tiếp theo, các thể chế chiếm đoạt lát đường cho sự thất bại nhà nước hoàn toàn, không chỉ tàn phá luật pháp và trật tự và còn làm triệt tiêu các động cơ kinh tế cơ bản nhất. Hậu quả là sự đình trệ kinh tế, và như thể hiện qua lịch sử gần đây ở Angola, Cameroon, Chad, Cộng hòa dân chủ Congo, Haiti, Liberia, Nepal, Sierra Leone, Sudan và Zimbabwe, nội chiến, những cuộc tản cư quy mô lớn, nạn đói và dịch bệnh làm cho những nước này ngày nay còn nghèo hơn so với thập niên 1960.

CUỘC THẬP TỰ CHINH CỦA TRẺ EM?

Vào ngày 23/3/1991, một nhóm vũ trang dưới sự lãnh đạo của Foday Sankoh vượt biên giới từ Liberia vào Sierra Leone và tấn công thị trấn biên giới phía nam Kailahun. Sankoh vốn là hạ sĩ trong quân đội Sierra Leone, từng bị bắt giam khi tham gia một cuộc đảo chính nhằm lật đổ chính phủ Siaka Stevens vào năm 1971 nhưng đã sớm bị thất bại. Sau khi được phóng

https://thuviensach.vn

thích, cuối cùng ông đã đầu quân vào Libya, tham gia trại huấn luyện của đại tá độc tài Lybia Qaddafi dành cho những người châu Phi tình nguyện. Ở đó, ông gặp Charles Taylor, người vạch ra âm mưu lật đổ chính phủ ở Liberia. Khi Taylor thâm nhập Liberia vào đêm giáng sinh 1989, Sankoh đi cùng ông, và chính Sankoh đã thâm nhập Sierra Leone cùng một nhóm người của Taylor, chủ yếu là người Liberia và Burkina Faso. Họ tự xưng là Mặt trận cách mạng thống nhất (RUF), và tuyên bố sẽ lật đổ chính phủ tham nhũng và bạo ngược của đảng Quốc hội toàn dân (APC).

Như chúng ta đã thấy trong chương trước, Siaka Stevens và đảng APC tiếp quản và tăng cường các thể chế chiếm đoạt từ thời thuộc địa ở Sierra Leone, hệt như Mugabe và đảng ZANU-PF ở Zimbabwe. Năm 1985, khi Stevens, ốm yếu vì bệnh ung thư, đưa Joseph Momoh lên thế chỗ ông, nền kinh tế đang sụp đổ. Dường như không chút châm biếm, Stevens thường sảng khoái trích dẫn câu cách ngôn: “Con bò ăn cỏ ở nơi nó được chăn thả”. Và ở nơi Stevens đã từng ăn, giờ đây Momoh ăn ngấu nghiến. Đường sá đổ nát và các trường học giải tán. Đài truyền hình quốc gia ngưng hoạt động vào năm 1987 khi Bộ Thông tin bán cả máy phát tín hiệu. Và vào năm 1989, đài tiếp sóng cho các khu vực ngoại vi Freetown sụp đổ, chấm dứt việc phát sóng ra ngoài phạm vi thủ đô. Một bài phân tích đăng trên một tờ báo ở thủ đô Freetown năm 1995 viết sự thật:

Vào cuối thời cai trị của Momoh, ông đã ngừng trả lương cho công chức dân sự, giáo viên và ngay cả các thủ lĩnh tối cao. Chính phủ trung ương sụp đổ, và lẽ dĩ nhiên biên giới đất nước bị xâm lược, quân phiến loạn và đủ loại vũ khí tự động rót vào biên giới từ Liberia. NPRC, dân chúng nổi loạn và quân đội nổi loạn đã gây ra tình trạng hỗn loạn mà người ta có thể dự đoán khi chính phủ biến mất. Không ai trong số họ là nguyên nhân gây ra các vấn nạn này, mà đó chỉ là triệu chứng.

Sự sụp đổ của nhà nước dưới thời Momoh, một lần nữa, là hậu quả của vòng xoáy đi xuống, được hình thành từ các thể chế mang tính chiếm

https://thuviensach.vn

đoạt cao độ dưới thời Stevens, có nghĩa là không có gì để ngăn chặn RUF xâm lược biên giới vào năm 1991. Nhà nước không có năng lực để chống lại. Stevens đã triệt hạ quân đội vì sợ quân đội sẽ lật đổ ông. Khi đó, chỉ một nhóm vũ trang tương đối nhỏ cũng có thể dễ dàng gây bạo loạn trên phần lớn đất nước. Họ thậm chí còn có một bản tuyên ngôn gọi là "Con đường đến dân chủ" bắt đầu bằng cách trích dẫn câu nói của nhà trí thức da màu Frantz Fanon: "Từ sự tối tăm tương đối, mỗi thế hệ phải khám phá ra sứ mệnh của mình, hoàn thành hay là phản bội sứ mệnh đó". Phần nói về "Chúng ta chiến đấu vì điều gì?" bắt đầu như sau:

Chúng ta tiếp tục chiến đấu vì chúng ta phát chán phải là nạn nhân muôn đời của tình trạng đói nghèo và suy thoái con người do nhà nước gây ra qua những năm tháng cai trị chuyên quyền và chủ nghĩa quân phiệt. Nhưng chúng ta sẽ kiềm chế và tiếp tục chờ đợi một cách kiên nhẫn ở điểm hẹn của hòa bình. Chúng ta biết sự nghiệp của chúng ta là công lý, và Chúa Trời/Thánh Allah sẽ không bao giờ bỏ rơi chúng ta trong cuộc chiến nhằm tái thiết một đất nước Sierra Leone mới.

Mặc dù Sankoh và các nhà lãnh đạo RUF khác có thể đã bắt đầu bằng cơn phẫn nộ chính trị và mối bất bình của dân chúng đang khốn khổ trong các thể chế chiếm đoạt của đảng APC, tình hình thay đổi nhanh chóng và vượt ra ngoài sự kiểm soát. "Sứ mệnh" của RUF đã dìm đất nước vào nỗi thống khổ cực độ, như chứng thực của một thiếu niên từ Geoma ở miền nam Sierra Leone:

Họ tập hợp chúng tôi lại… Họ chọn một số bạn bè của chúng tôi và giết các bạn ấy, hai người trong số đó. Đó là những bạn có bố là thủ lĩnh, là những người có giày lính và tài sản ở trong nhà. Các bạn ấy bị bắn, không vì lý do nào khác ngoài việc bị buộc tội là chứa chấp binh lính. Các thủ lĩnh cũng bị giết như một thành phần của chính phủ. Họ chọn một người làm thủ lĩnh mới. Họ vẫn nói họ đến để giải phóng chúng tôi khỏi đảng APC.

https://thuviensach.vn

Đến một lúc, họ không chọn người để giết nữa, họ chỉ cứ thế mà xả súng bắn người.

Trong những năm xâm lược đầu tiên, bất kỳ gốc rễ tri thức nào mà RUF có thể có đều bị dập tắt hoàn toàn. Sankoh hành quyết những người chỉ trích hành động hung bạo. Chẳng bao lâu, không còn ai tình nguyện tham gia RUF. Thay vào đó, họ chuyển sang tuyển lính một cách cưỡng bức, nhất là trẻ em. Thật ra, tất cả các bên đều làm điều này, kể cả quân đội. Nếu nội chiến Sierra Leone là một cuộc thập tự chinh để xây dựng một xã hội tốt hơn, thì rốt cuộc đó là một cuộc thập tự chinh của trẻ em. Xung đột gia tăng với những cuộc thảm sát và lạm dụng nhân quyền nghiêm trọng, bao gồm sự cưỡng đoạt ồ ạt, cắt tai và chặt tay. Khi RUF tiếp quản các vùng đất, họ cũng bắt đầu chiếm đoạt về kinh tế. Điều này xảy ra rõ nhất ở các khu khai thác kim cương, nơi họ cưỡng bức dân chúng phải khai thác kim cương, nhưng đồng thời cũng xảy ra phổ biến ở nhiều nơi khác.

RUF không đơn độc trong hành vi tàn bạo, trong các cuộc thảm sát và trong việc tổ chức lao động cưỡng bức. Chính phủ cũng có những hành động tương tự. Tình trạng sụp đổ luật pháp và trật tự khiến cho dân chúng không còn biết ai là binh lính chính phủ và ai là kẻ nổi loạn. Kỷ luật quân đội hoàn toàn biến mất. Khi nội chiến kết thúc vào năm 2001, đã có khoảng 80 nghìn người chết và đất nước bị tàn phá nặng nề. Đường sá, nhà cửa và công trình xây dựng bị hư hại hoàn toàn. Ngày nay, nếu bạn đến Koidu, một vùng khai thác kim cương chính ở miền đông, bạn sẽ thấy những dãy nhà cháy với những vết đạn lỗ chỗ.

Năm 1991, nhà nước ở Sierra Leone đã thất bại hoàn toàn. Ta hãy nghĩ về những gì Vua Shyaam từng bắt đầu với Bushong (chương 5): ông thiết lập các thể chế chiếm đoạt để củng cố quyền lực và chiếm đoạt sản lượng mà phần còn lại của xã hội sản xuất ra. Nhưng ngay cả các thể chế chiếm đoạt với chính quyền trung ương tập trung vào tay ông cũng vẫn còn tiến bộ hơn so với tình trạng không có luật pháp và trật tự, không có chính

https://thuviensach.vn

quyền trung ương hay quyền sở hữu như của xã hội Lele bên kia bờ sông Kasai. Tình trạng thiếu trật tự trị an và thẩm quyền trung ương là số phận của nhiều quốc gia châu Phi trong những thập niên gần đây, một phần là do quá trình tập trung hóa chính trị bị chậm trễ trong lịch sử ở nhiều nơi thuộc vùng Sahara châu Phi, đồng thời vòng xoáy đi xuống của các thể chế chiếm đoạt đã làm đảo ngược quá trình tập trung hóa nhà nước từng tồn tại, dẫn đến sự thất bại của nhà nước.

Sierra Leone suốt 10 năm nội chiến đẫm máu từ năm 1991 đến 2001 là ví dụ điển hình về một nhà nước thất bại. Đất nước này cũng bắt đầu hệt như bất kỳ một quốc gia nào khác bị thất bại bởi các thể chế chiếm đoạt, bất kể phi hiệu quả và xấu xa đến nhường nào. Nhà nước trở nên thất bại không phải vì yếu tố địa lý hay văn hóa, mà do di sản của các thể chế chiếm đoạt, tập trung quyền lực và của cải vào tay những người kiểm soát nhà nước, mở đường cho bạo loạn, xung đột và nội chiến. Các thể chế chiếm đoạt cũng góp phần trực tiếp vào sự thất bại dần dần của nhà nước thông qua việc bỏ bê đầu tư vào các dịch vụ công cộng cơ bản nhất, đúng như như những gì đã xảy ra ở Sierra Leone.

Những thể chế chiếm đoạt đã tước đoạt của cải, làm bần cùng hóa dân chúng và cản trở phát triển kinh tế khá phổ biến ở châu Phi, châu Á và Nam Mỹ. Charles Taylor đã giúp khởi động cuộc nội chiến ở Sierra Leone đồng thời châm ngòi cho sự xung đột man rợ ở Liebria dẫn đến thất bại nhà nước. Mô thức thể chế chiếm đoạt suy sụp thành nội chiến và thất bại nhà nước đã diễn ra ở những nơi khác ở châu Phi; ví dụ như ở Angola, Bờ Biển Ngà, Cộng hòa dân chủ Congo, Mozambique, Cộng hòa Congo, Somalia, Sudan và Uganda. Sự chiếm đoạt lát đường cho xung đột, chẳng khác gì sự xung đột mà các thể chế chiếm đoạt cao độ của các thành bang Maya đã gây ra một nghìn năm trước đây. Xung đột đẩy nhanh sự thất bại của nhà nước. Vì thế, một lý do khác khiến các quốc gia ngày nay thất bại là vì nhà nước của họ đã thất bại. Điều này, đến lượt nó, là hậu quả của những thập niên cai trị trong các thể chế kinh tế và chính trị chiếm đoạt.

https://thuviensach.vn

NHÀ NƯỚC LÀ AI?

Trường hợp của Zimbabwe, Somalia và Sierra Leone, cho dù là điển hình của các nước nghèo ở châu Phi và có lẽ của một vài nước ở châu Á, xem ra có tính chất khá cực đoan. Có chắc là các nước châu Mỹ La-tinh không có những nhà nước thất bại? Có chắc là các tổng thống ở đó không đủ trơ tráo để trúng số?

Ở Colombia, rặng núi Andes hòa dần vào miền bắc với một đồng bằng ven biển mênh mông tiếp giáp biển Caribê. Người Colombia gọi đây là *tierra caliente*, "vùng đất nóng", so với vùng núi Andes mà họ gọi là *tierra fria*, "vùng đất lạnh". Trong 50 năm qua, hầu hết các nhà khoa học chính trị và chính phủ các nước đều xem Colombia là một nền dân chủ. Hoa Kỳ vui vẻ đàm phán hiệp định thương mại tự do với đất nước này và rót đủ loại viện trợ vào đó, nhất là viện trợ quân sự. Sau một chính phủ quân sự chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn và chấm dứt vào năm 1958, các cuộc bầu cử đã được tổ chức thường xuyên, mặc dù đến năm 1974, một hiệp ước đã luân phiên quyền lực chính trị và cương vị tổng thống giữa hai đảng chính trị truyền thống, đảng Bảo thủ và đảng Tự do. Tuy nhiên, hiệp ước này, được gọi là Mặt trận quốc gia, do người dân Colombia thông qua trong một cuộc trưng cầu dân ý và điều đó dường như là có đủ tính dân chủ.

Thế nhưng, trong khi Colombia có một lịch sử bầu cử dân chủ lâu dài, đất nước vẫn không có các thể chế dung hợp. Thay vào đó, trong lịch sử của Colombia đầy rẫy những vụ xâm phạm quyền tự do cơ bản của công dân, những vụ hành quyết không cần tố tụng, bạo lực chống lại dân thường và nội chiến. Đó không phải loại kết quả mà ta trông đợi từ một nền dân chủ. Nội chiến ở Colombia khác với nội chiến ở Sierra Leone, tại đó nhà nước và xã hội sụp đổ và bạo loạn lan tràn. Nhưng nó cũng là nội chiến và còn gây ra nhiều thương vong hơn. Chính sự thống trị của quân đội trong thập niên 1950 một phần là sự phản ứng trước cuộc nội chiến mà tiếng Tây Ban Nha gọi là "La Violencia", nghĩa là bạo lực. Kể từ đó đã có nhiều

https://thuviensach.vn

nhóm nổi dậy, lan tràn khắp các vùng nông thôn, bắt cóc và thảm sát. Để tránh những viễn cảnh không may này ở nông thôn Colombia, bạn phải trả tiền *vacuna*, hiểu sát nghĩa là "tiêm phòng", nghĩa là bạn phải tự tiêm phòng cho mình để không bị bắt cóc hay giết hại bằng cách nộp tiền mỗi tháng cho một nhóm côn đồ có vũ trang.

Không phải mọi nhóm vũ trang ở Colombia đều là cộng sản. Năm 1981, các thành viên của nhóm du kích cộng sản chính ở Colombia, Lực lượng vũ trang cách mạng Colombia (Fuerzas Armadas Revolucionarias de Colombia, hay FARC) bắt cóc một chủ trại bò sữa, Jesus Castaño, ở một thị trấn nhỏ gọi là Amalfi thuộc "vùng đất nóng" miền đông bắc địa phận Atioquia. FARC đòi khoản tiền chuộc 7.500 USD, một số tiền lớn ở nông thôn Colombia. Gia đình ông huy động số tiền bằng cách cầm cố trang trại, nhưng dù vậy, họ chỉ nhận được thi hài người chủ trại bị buộc vào một gốc cây. Thế là quá đủ đối với ba người con trai của Castaño: Carlos, Fidel và Vicente. Họ thành lập một nhóm bán quân sự gọi là Los Tangueros để săn lùng thành viên của FARC và báo thù. Ba anh em có tài tổ chức, rồi chẳng bao lâu nhóm của họ tăng trưởng và bắt đầu tìm thấy quyền lợi chung với các nhóm bán quân sự tương tự từng được gây dựng vì những nguyên nhân tương tự. Người Colombia ở nhiều nơi khốn khổ trong tay của các nhóm du kích cánh tả, và các nhóm bán quân sự cánh hữu ra đời để chống lại. Các nhóm bán quân sự được các chủ sở hữu đất sử dụng nhằm bảo vệ họ chống lại các nhóm du kích, nhưng chính họ cũng tham gia vào các vụ buôn lậu ma túy, tống tiền, bắt cóc và giết hại thường dân.

Năm 1997, các nhóm bán quân sự dưới sự lãnh đạo của anh em Castaño đã xoay sở để thành lập một tổ chức bán quân sự quốc gia gọi là Lực lượng tự vệ thống nhất Colombia (Autodefensas Unidas de Colombia, AUC). AUC bành trướng ra nhiều nơi trên cả nước, nhất là "vùng đất nóng" thuộc địa phận Córdoba, Sucre, Magdalena và César. Năm 2001, lực lượng AUC có lẽ đã lên đến 30 nghìn người có vũ trang, tùy ý hành động và được tổ chức thành các khối khác nhau. Ở Córdoba, nhóm bán quân sự

https://thuviensach.vn

Bloque Catatumbo do Salvatore Mancuso lãnh đạo. Khi sức mạnh tiếp tục gia tăng, AUC ra một quyết định chiến lược là tham gia vào chính trị. Các nhóm bán quân sự và các chính khách tìm hiểu lẫn nhau. Một vài nhà lãnh đạo AUC tổ chức một cuộc họp với các chính khách nổi tiếng ở thị trấn Santa Fé de Ralito ở Córdoba. Một hiệp ước kêu gọi "xây dựng lại đất nước" được ban hành và ký kết bởi các thành viên đứng đầu AUC như "Jorge 40" (biệt hiệu của Rodrigo Tovar Pupo), Adolfo Paz (bí danh của Diego Fernando "Don Berna" Murillo), và Diego Vecino (tên thật là Edwar Cobo Téllez) cùng với các chính khách, bao gồm các thượng nghị sĩ William Montes và Miguel de la Espriella. Vào thời điểm này, AUC đang điều hành những vùng đất rộng lớn của Colombia, và họ dễ dàng bố trí ai sẽ được bầu trong các cuộc bầu cử Quốc hội và Thượng viện. Ví dụ, ở đô thị San Onofre thuộc địa phận Sucre, cuộc bầu cử do lãnh tụ bán quân sự Cadena thu xếp. Một nhân chứng mô tả như sau về những điều đã xảy ra:

Những chiếc xe tải do Cadena phái đến chạy vòng quanh các khu dân cư và các vùng nông thôn San Onofre để bắt người. Theo một số người dân… trong cuộc bầu cử năm 2002, hàng trăm nông dân đã được đưa đến Plan Parejo để họ có thể thấy mặt các ứng cử viên mà họ phải bỏ phiếu bầu trong cuộc bầu cử Quốc hội: Jairo Merlano được bầu vào Thượng viện và Muriel Benito Rebollo được bầu vào Quốc hội.

Cadena bỏ tên của các thành viên hội đồng đô thị vào một chiếc túi, bốc ra hai tên và nói ông sẽ giết họ và những người được chọn ngẫu nhiên khác nếu Muriel không trúng cử.

Sự đe dọa xem ra đã có tác dụng: mỗi ứng cử viên nhận được 40 nghìn phiếu bầu trên toàn thể địa phận Sucre. Người ta không ngạc nhiên khi thấy thị trưởng San Onofre ký kết hiệp ước Santa Fé de Ralito. Có khoảng 1/3 hạ nghị sĩ và thượng nghị sĩ trong cuộc bầu cử năm 2002 trúng cử nhờ vào sự hỗ trợ bán quân sự, và bản đồ 20 trình bày những vùng thuộc sự kiểm soát bán quân sự, cho thấy quyền lực của họ bao trùm rộng lớn đến mức

https://thuviensach.vn

nào. Chính Salvatore Mancuso từng phát biểu trong một cuộc phỏng vấn như sau:

35% Quốc hội được bầu ở những nơi có nhà nước thuộc Lực lượng tự vệ; trong các nhà nước này, chúng tôi là người thu thuế, chúng tôi mang lại công lý, chúng tôi kiểm soát quân đội và lãnh thổ, và tất cả những ai muốn tham gia chính trị phải đến thương lượng với đại diện chính trị của chúng tôi ở đó.

https://thuviensach.vn

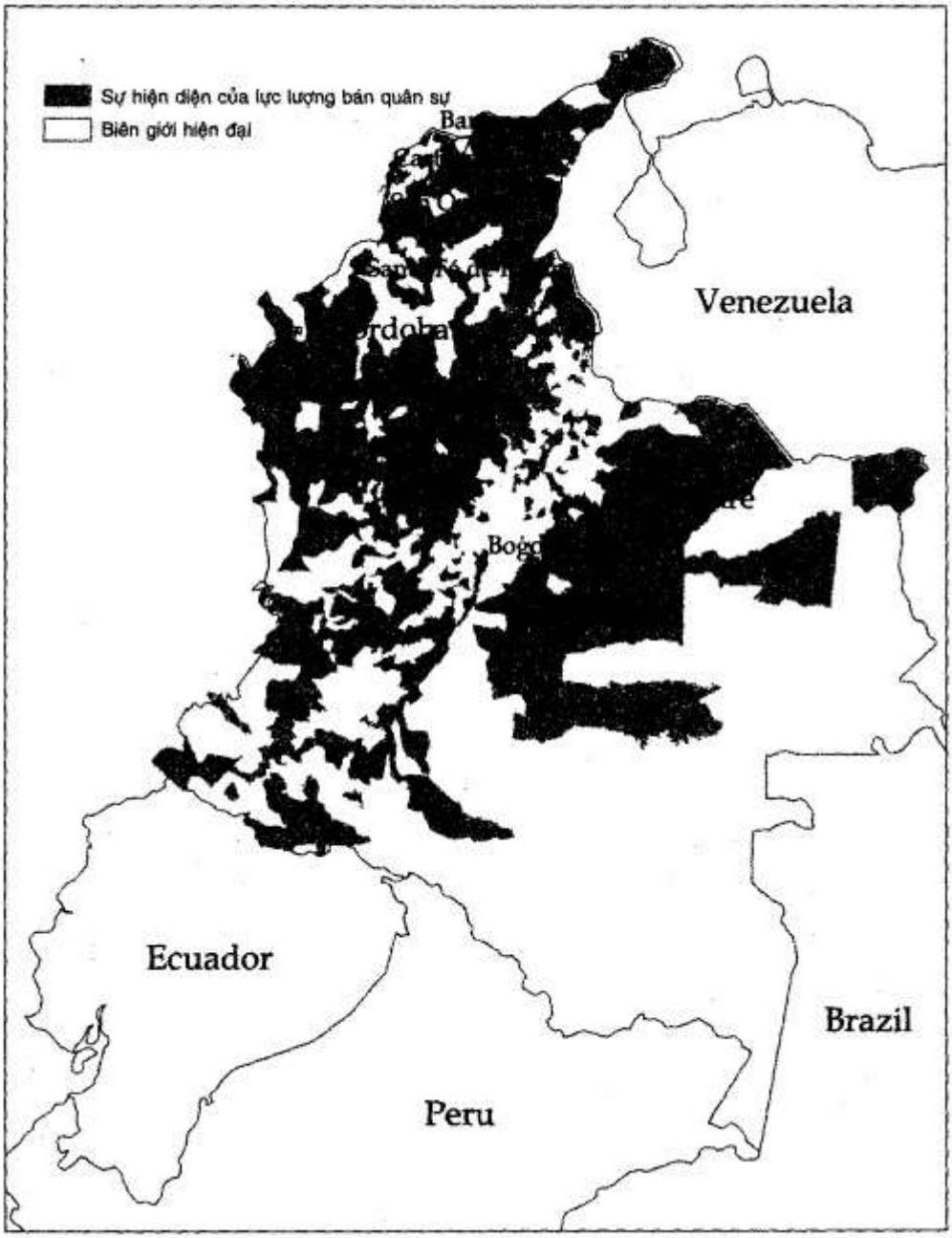

Bản đồ 20: Sự hiện diện của lực lượng bán quân sự ở Colombia, 1997-2005 (p. 494)

Không khó hình dung ảnh hưởng của mức độ kiểm soát bán quân sự về chính trị và xã hội đối với các thể chế kinh tế và chính sách công. Sự bành trướng của AUC không phải là một hiện tượng hòa bình. Họ không chỉ chiến đấu chống lại FARC, mà còn giết hại thường dân vô tội, khủng bố

https://thuviensach.vn

và trục xuất hàng trăm nghìn người ra khỏi nhà mình. Theo Trung tâm giám sát tản cư nội địa (IDMC) thuộc Hội đồng Tị nạn Na Uy, vào đầu năm 2010, có khoảng 10% dân số Colombia, gần 4,5 triệu người, đã phải tản cư đi nơi khác. Như phát biểu của Mancuso cho thấy, Lực lượng bán quân sự cũng thâu tóm chính phủ và tất cả các chức năng nhà nước; chỉ có điều, tiền thuế họ thu là sự chiếm đoạt tư túi. Một hiệp ước lạ thường giữa lãnh tụ bán quân sự Martín Llanos (tên thật là Héctor Germán Buitrago) và các thị trưởng đô thị Tauramena, Aguazul, Maní, Villanueva, Monterrey và Sabanalarga ở địa phận Casanare thuộc miền đông Colombia, liệt kê các quy tắc sau đây mà các thị trưởng phải chấp hành theo lệnh của các "Hội Nông dân bán quân sự Casanare":

9) Dành riêng 50% ngân sách đô thị cho sự quản lý của Hội Nông dân bán quân sự Casanare.

10) Dành riêng 10% của mọi hợp đồng đô thị cho Hội Nông dân bán quân sự Casanare.

11) Hỗ trợ theo lệnh đối với mọi cuộc họp do Hội Nông dân bán quân sự triệu tập.

12) Hội Nông dân bán quân sự được tham gia vào mọi dự án cơ sở hạ tầng.

13) Công nhận đảng chính trị mới do Hội Nông dân bán quân sự thành lập.

14) Thực hiện chương trình cai quản của Hội Nông dân bán quân sự.

Casanare không phải là một địa phận nghèo. Trái lại, đó là nơi có mức thu nhập trên đầu người cao nhất trong các địa phận Colombia nhờ các mỏ dầu, loại tài nguyên hấp dẫn đối với lực lượng bán quân sự. Trên thực tế, sau khi chiếm được quyền lực, lực lượng bán quân sự đã tăng cường chiếm đoạt tài sản một cách có hệ thống. Bản thân Mancuso nghe nói đã tích lũy

https://thuviensach.vn

tài sản ở nông thôn và thành thị trị giá 25 triệu USD. Ước lượng đất đai bị lực lượng bán quân sự chiếm đoạt ở Colombia lên đến 10% diện tích đất nông thôn.

Colombia không phải là trường hợp một nhà nước thất bại sắp sụp đổ. Nhưng đó là một nhà nước không đủ tập quyền và không có thẩm quyền hoàn chỉnh đối với toàn thể lãnh thổ. Mặc dù nhà nước có thể mang lại an ninh và cung cấp dịch vụ công cộng ở những vùng đô thị lớn như Bogotá và Barranquilla, vẫn còn những vùng đất rộng lớn không được cung cấp dịch vụ công và gần như không có luật pháp và trật tự. Thay vào đó, các nhóm khác nhau và dân chúng, như Mancuso, kiểm soát chính trị và nguồn lực. Ở một số nơi, các thể chế kinh tế vận hành khá tốt, nền kinh tế có trình độ vốn nhân lực và kỹ năng kinh doanh cao; ở những nơi khác, các thể chế có tính chiếm đoạt cao độ, thậm chí không cung cấp được một mức độ thẩm quyền nhà nước tối thiểu.

Xem ra thật khó hiểu làm thế nào tình trạng này lại có thể tồn tại trong nhiều thập niên, thậm chí trong nhiều thế kỷ. Nhưng trên thực tế, tình trạng này có một lôgic riêng, như một kiểu vòng xoáy đi xuống. Bạo lực và tình trạng thiếu thể chế nhà nước tập quyền thuộc loại này có quan hệ cộng sinh với những chính khách điều hành các bộ phận chức năng của xã hội. Mối quan hệ cộng sinh này phát sinh do các chính khách lợi dụng tình trạng vô luật pháp ở các vùng ngoại vi của đất nước, đồng thời chính quyền quốc gia để mặc cho các nhóm bán quân sự tự tung tự tác.

Diễn biến này bộc lộ rõ rệt vào thập niên 2000. Năm 2002, Álvaro Uribe đắc cử tổng thống. Uribe có một điểm chung với anh em nhà Castaño: cha ông bị phe FARC giết hại. Uribe vận động một chiến dịch phản đối nỗ lực hòa giải với FARC của chính quyền trước đây. Năm 2002, tỷ lệ phiếu bầu của ông ở những vùng có lực lượng bán quân sự cao hơn 3 điểm phần trăm so với những vùng không có họ. Năm 2006, khi ông tái ứng cử, tỷ lệ phiếu bầu của ông ở những vùng đó cao hơn 11 điểm phần

https://thuviensach.vn

trăm. Nếu Mancuso và các đối tác của ông có thể mang lại phiếu bầu cho Quốc hội và Thượng viện, thì họ cũng có thể làm như thế trong các cuộc bầu cử tổng thống, nhất là đối với một vị tổng thống có cùng thế giới quan và khoan dung đối với họ. Như tuyên bố của Jairo Angarita, cấp phó của Salvatore Mancuso và nguyên lãnh đạo AUC ở Sinú và San Jorge vào tháng 9/2005, ông tự hào ủng hộ "việc tái bầu cử vị tổng thống tốt nhất mà chúng ta từng có".

Sau khi được bầu, các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ của phe bán quân sự sẽ bỏ phiếu cho những gì Uribe muốn, cụ thể là sự thay đổi hiến pháp để ông có thể tái đắc cử vào năm 2006, vốn là điều không được phép trong cuộc bầu cử đầu tiên của ông năm 2002. Đổi lại, tổng thống Uribe ban hành một bộ luật vô cùng khoan dung, cho phép lực lượng bán quân sự phục viên. Phục viên ở đây không có nghĩa là chấm dứt hoạt động bán quân sự, mà chỉ đơn thuần là hoạt động này được hợp pháp hóa trên phần lớn đất nước Colombia và trong nhà nước Colombia, nơi lực lượng bán quân sự đã tiếp quản và được phép duy trì.

Ở Colombia, nhiều khía cạnh của các thể chế kinh tế và chính trị đã trở nên dung hợp hơn theo thời gian. Nhưng các yếu tố chiếm đoạt cốt lõi vẫn tồn tại. Tình trạng vô luật pháp và quyền sở hữu không bảo đảm là dịch bệnh phổ biến ở nhiều nơi trên đất nước, và đây là hậu quả của tình trạng thiếu kiểm soát của nhà nước trung ương ở nhiều nơi, và là hình thức cụ thể của tình trạng thiếu tập trung hóa nhà nước ở Colombia. Nhưng tình trạng này không phải là một kết quả không thể tránh khỏi. Nó là một hệ lụy của sự thay đổi động học phản ánh vòng xoáy đi xuống: các thể chế chính trị ở Colombia không tạo ra động cơ khuyến khích các chính khách cung cấp các dịch vụ công cũng như luật pháp và trật tự cho phần lớn đất nước và không đủ mức độ ràng buộc để ngăn ngừa họ tham gia vào các thỏa thuận ngầm hay công khai với lực lượng bán quân sự và bọn côn đồ.

"EL CORRALITO"

https://thuviensach.vn

Argentina rơi vào khủng hoảng kinh tế vào cuối năm 2001. Trong ba năm, thu nhập giảm mạnh, thất nghiệp gia tăng, và nợ quốc tế trở nên chồng chất. Tình cảnh này xảy ra là do những chính sách đã được chính phủ Carlos Menem ban hành sau năm 1989 nhằm ngăn chặn siêu lạm phát và bình ổn nền kinh tế. Các chính sách đó đã thành công trong một thời gian.

Năm 1991, Menem neo chặt đồng peso Argentina vào đô-la Mỹ. Luật quy định một peso tương đương một đô-la Mỹ. Không có thay đổi gì về tỷ giá hối đoái. Chấm hết. Sự việc dường như khá ổn thỏa. Để làm cho dân chúng tin rằng chính phủ thật sự giữ vững quy định, chính phủ thuyết phục dân chúng mở tài khoản ngân hàng bằng đô-la Mỹ. Đô-la có thể sử dụng trong các cửa hiệu ở thủ đô Buenos Aires và rút từ các máy rút tiền ở khắp nơi trong thành phố. Chính sách này giúp bình ổn nền kinh tế, nhưng có một nhược điểm lớn. Nó làm cho hàng xuất khẩu Argentina trở nên đắt đỏ và hàng nhập khẩu từ nước ngoài trở nên rẻ. Xuất khẩu chựng lại trong khi nhập khẩu gia tăng. Cách duy nhất để chi trả cho hàng nhập khẩu là vay mượn. Đó là một tình huống không bền vững. Khi ngày càng có nhiều người bắt đầu lo lắng về tính không bền vững của đồng peso, họ chuyển sang nắm giữ tài sản trong các tài khoản ngân hàng bằng đô-la. Suy cho cùng, nếu chính phủ xé luật và phá giá đồng peso, họ sẽ an toàn với các tài khoản đô-la, phải không? Họ đã đúng khi lo lắng về đồng peso. Nhưng họ quá lạc quan về đồng đô-la.

Ngày 1/12/2001, chính phủ phong tỏa toàn bộ các tài khoản ngân hàng, thoạt đầu là trong thời gian 90 ngày. Dân chúng chỉ được rút ra một lượng nhỏ tiền mặt trên cơ sở hàng tuần. Thoạt tiên là 250 peso, lúc bấy giờ vẫn còn trị giá 250 USD; rồi đến 300 peso. Nhưng số tiền này chỉ được rút từ tài khoản peso. Không ai được phép rút tiền từ tài khoản đô-la, trừ khi họ đồng ý quy đổi từ đô-la sang peso. Không ai muốn làm điều đó. Argentina gọi tình hình này là El Corralito, nghĩa là “chiếc bẫy nhỏ”: người gửi tiền bị lùa vào một chiếc bẫy thú như những con bò, không chạy đi đâu được. Vào

https://thuviensach.vn

tháng 1, cuối cùng lệnh phá giá được ban hành, và thay vì duy trì tỷ giá một peso ăn một đô-la Mỹ, chẳng bao lâu 4 peso ăn một đô-la. Điều này lẽ ra là sự xác nhận cho những ai tưởng rằng họ nên tiết kiệm bằng đô-la. Nhưng không phải thế, vì khi đó chính phủ bắt buộc phải quy đổi toàn bộ tài khoản ngân hàng bằng đô-la sang peso, nhưng theo tỷ giá cũ 1:1. Những người có tiền tiết kiệm 1.000 USD bất thình lình nhận thấy họ chỉ còn một số tiền peso tương đương với 250 USD. Chính phủ đã chiếm đoạt 3/4 tiền tiết kiệm của dân chúng.

Đối với các nhà kinh tế, Argentina là một đất nước khó hiểu. Để minh họa cho mức độ khó hiểu của đất nước Argentina, nhà kinh tế đoạt giải Nobel Simon Kuznets từng đưa ra nhận xét nổi tiếng rằng trên thế giới có bốn loại quốc gia: phát triển, kém phát triển, Nhật Bản và Argentina. Kuznets nghĩ thế là vì, vào thời điểm Thế chiến thứ nhất, Argentina là một trong những nước giàu nhất trên thế giới. Sau đó đất nước bắt đầu sa sút tương đối so với các nước giàu khác ở Tây Âu và Bắc Mỹ, rồi vào thập niên 1970 chuyển thành suy sụp tuyệt đối. Thoạt nhìn qua, kết quả kinh tế của Argentina thật rắc rối, nhưng lý do dẫn đến sa sút trở nên rõ ràng hơn khi ta xem xét qua lăng kính của các thể chế dung hợp và chiếm đoạt.

Quả đúng là trước năm 1914, Argentina trải qua khoảng 50 năm tăng trưởng kinh tế, nhưng đây là một trường hợp tăng trưởng kinh điển trong các thể chế chiếm đoạt. Thời bấy giờ Argentina được cai trị bởi một nhóm quyền thế thiểu số đầu tư mạnh vào nền kinh tế nông nghiệp xuất khẩu. Nền kinh tế tăng trưởng thông qua xuất khẩu thịt bò, da sống và ngũ cốc vào giữa thời kỳ bùng phát giá thế giới của các nông sản này. Cũng như tất cả các kinh nghiệm tăng trưởng khác trong các thể chế chiếm đoạt, nó không liên quan đến sự phá hủy sáng tạo, không có phát minh đổi mới, và không thể duy trì bền vững. Vào thời điểm Thế chiến thứ nhất, bất ổn chính trị gia tăng và bạo loạn có vũ trang buộc giới quyền thế Argentina phải cố gắng mở rộng hệ thống chính trị, nhưng điều này dẫn đến sự huy động những lực lượng mà họ không thể kiểm soát được, và năm 1930 đã xảy ra

https://thuviensach.vn

vụ đảo chính quân sự đầu tiên. Từ đó đến năm 1983, Argentina không ngừng thay đổi qua lại giữa chế độ độc tài và dân chủ cũng như giữa các thể chế chiếm đoạt khác nhau. Đã có sự đàn áp ồ ạt dưới chế độ cai trị quân sự, lên đến đỉnh điểm vào thập niên 1970 với ít nhất 9.000 người bị hành quyết trái phép. Hàng trăm nghìn người bị bắt giam và tra tấn.

Trong những thời kỳ cai trị dân sự, đã có những cuộc bầu cử như một nền dân chủ. Thế nhưng hệ thống chính trị vẫn không có tính dung hợp. Từ khi Perón lên cầm quyền vào thập niên 1940, đất nước Argentina dân chủ bị thống lĩnh bởi đảng chính trị do ông thành lập, đảng Partido Justicialista, nhưng thường được gọi là "đảng của Perón". Đảng của Perón đắc cử nhờ vào cỗ máy chính trị hùng hậu, giành thắng lợi bằng cách mua chuộc phiếu bầu, phân phát ô dù bảo trợ và tham nhũng, trong đó có các hợp đồng và việc làm trong chính phủ, để đổi lấy sự ủng hộ chính trị. Theo một ý nghĩa nào đó, đây là một nền dân chủ nhưng không có tính đa nguyên. Quyền lực tập trung cao độ trong tay đảng của Perón và gần như họ có thể làm mọi điều mà không bị giới hạn, chí ít trong thời kỳ quân đội chưa lật đổ họ. Như ta đã thấy trên đây (chương 11), nếu Tòa án Tối cao thách thức một chính sách, thì kết cục xấu hơn có thể xảy ra với Tòa án Tối cao.

Vào thập niên 1940, Perón đã ấp ủ phong trào lao động như một cơ sở chính trị. Khi phong trào này suy yếu do sự đàn áp của quân đội vào thập niên 1970 và 1980, đảng của ông chuyển sang mua chuộc phiếu bầu từ những thành phần khác. Các chính sách và thể chế kinh tế được thiết kế để mang lại thu nhập cho những người ủng hộ đảng, chứ không tạo ra một sân chơi bình đẳng. Khi tổng thống Menem đứng trước quy định giới hạn nhiệm kỳ ngăn không cho ông tái tranh cử vào thập niên 1990, điều đó cũng không có tác dụng gì: ông cho viết lại hiến pháp và xóa bỏ quy định giới hạn nhiệm kỳ. Như El Corralito cho thấy, ngay cả khi Argentina có tuyển cử và có chính phủ được bầu cử phổ thông, thì chính phủ vẫn có thể khống chế các quyền sở hữu và chiếm đoạt của người dân mà không bị

https://thuviensach.vn

trừng phạt. Gần như không có sự kiểm soát đối với tổng thống Argentina và giới quyền thế chính trị, và chắc chắn không có chủ nghĩa đa nguyên.

Điều làm Kuznets cảm thấy khó hiểu, và rõ ràng làm cho nhiều người khác đến Buenos Aires cũng cảm thấy khó hiểu, là thành phố dường như rất khác so với Lima, Guatemala hay thậm chí thành phố Mexico. Bạn không thấy người dân bản xứ và bạn không thấy hậu duệ của những người nô lệ xưa kia. Chủ yếu bạn thấy những công trình kiến trúc huy hoàng và nhà cửa tráng lệ vươn lên từ thời hoàng kim tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt. Nhưng ở Buenos Aires, bạn chỉ mới thấy một phần của Argentina. Ví dụ như Menem không phải là người Buenos Aires. Ông chào đời ở Anillaco, tỉnh La Rioja ở vùng núi xa mãi về phía tây bắc Buenos Aires, và ông giữ cương vị thống đốc tỉnh này trong ba năm. Vào thời điểm người Tây Ban Nha chinh phục châu Mỹ, đây là một vùng xa xôi hẻo lánh của đế chế Inca và có mật độ dân cư bản xứ đông đúc (xem bản đồ 1 chương 1). Người Tây Ban Nha xây dựng hệ thống cai trị *encomienda* ở đây, và một nền kinh tế mang tính chiếm đoạt cao độ đã phát triển với hoạt động trồng cây lương thực và chăn nuôi la phục vụ cho các thợ mỏ ở thành phố Potosí phía bắc. Trên thực tế, La Rioja giống như Potosí ở Peru và Bolivia hơn, chứ không giống như Buenos Aires. Vào thế kỷ 19, La Rioja đã sản sinh ra vị thủ lĩnh quân sự nổi tiếng Facundo Quiroga, người cai trị và cát cứ vùng này một cách trái phép, và từ đó kéo quân về Buenos Aires. Sự phát triển các thể chế chính trị Argentina là một câu chuyện về cách thức các tỉnh vùng sâu vùng xa như La Rioja đã đi đến thỏa thuận với Buenos Aires như thế nào. Các thỏa thuận này là một thỏa ước ngừng bắn: các thủ lĩnh cát cứ của La Rioja đồng ý để yên cho Buenos Aires kiếm tiền. Đổi lại, giới quyền thế Buenos Aires sẽ không cải cách thể chế của các "vùng sâu vùng xa". Vì thế, thoạt nhìn qua, Buenos Aires như thể một thế giới riêng biệt so với Peru hay Bolivia, nhưng thật ra nó không khác lắm nếu bạn rời khỏi những đại lộ huy hoàng ở Buenos Aires. Chính sở thích và nền chính trị của các vùng sâu vùng xa biểu hiện trong các thể chế của

https://thuviensach.vn

Argentina là lý do khiến đất nước trải qua một lộ trình thể chế hết sức tương tự như các nước châu Mỹ La-tinh có tính chiếm đoạt khác.

Các nước châu Mỹ La-tinh là một ví dụ điển hình về việc các cuộc bầu cử không mang lại các thể chế chính trị hay kinh tế dung hợp hơn. Ở Colombia, lực lượng bán quân sự có thể quyết định 1/3 kết quả bầu cử quốc gia. Cũng như ở Argentina, ở Venezuela ngày nay, chính phủ bầu cử dân chủ của Hugo Chávez tấn công phe đối lập, truất phế họ khỏi các vị trí trong chính phủ, đóng cửa những tờ báo nào có những bài xã luận mà chính phủ không thích, và sung công tài sản. Trong mọi hành động của Chávez, ông đều có quyền lực nhiều hơn và ít bị giới hạn hơn so với ngài Robert Walpole ở Anh vào thập niên 1720, khi ông không thể kết án John Huntridge theo Đạo luật Đen (chương 11). Nếu sống ở đất nước Venezuela hay Argentina ngày nay thì chắc là số phận của John Huntridge sẽ đen đủi hơn nhiều.

Trên nguyên tắc, nền dân chủ đang vươn lên ở châu Mỹ La-tinh sẽ đối lập hoàn toàn với sự cai trị của giới quyền thế, và trong hành động cũng như trong tuyên truyền, nền dân chủ đó sẽ cố gắng tái phân phối các quyền và các cơ hội ít nhất từ một phần trong giới quyền thế, thế nhưng cội rễ của nó vẫn cắm sâu trong các thể chế chiếm đoạt theo hai cách. Thứ nhất, tình trạng không công bằng tồn tại dai dẳng qua nhiều thế kỷ trong các thể chế chiếm đoạt làm cho các cử tri trong các nền dân chủ mới nổi bỏ phiếu ủng hộ những chính khách có các chính sách cực đoan. Chẳng phải người Argentina ngây thơ và cho rằng Juan Perón hay các chính khách theo đường lối Perón gần đây như Menem hay Kirchner sẽ vị tha và hành động vì lợi ích của họ, hay người Venezuela trông cậy vào sự cứu rỗi của Chávez. Thay vì thế, nhiều người Argentina và Venezuela nhận thấy rằng tất cả các chính khách và các đảng phái khác từ lâu đã không mang đến cho họ tiếng nói, không thể cung cấp các dịch vụ cơ bản nhất như đường sá và giáo dục, và bảo vệ họ trước sự bóc lột của giới quyền thế địa phương. Vì thế, nhiều người Venezuela ngày nay ủng hộ những chính sách mà Chávez

https://thuviensach.vn

đang ban hành ngay cả khi chúng đi kèm với tham nhũng và lãng phí, giống như nhiều người Argentina đã ủng hộ các chính sách của Perón vào thập niên 1940 và 1970. Thứ hai, một lần nữa, chính các thể chế chiếm đoạt nền tảng đã làm cho chính trị trở nên hấp dẫn và thiên lệch về phía những kẻ cơ bắp như Perón và Chávez nhiều hơn so với một hệ thống đảng phái hữu hiệu tạo ra các phương án đáng mong đợi hơn về mặt xã hội. Perón, Chávez và hàng chục kẻ vũ lực khác ở châu Mỹ La-tinh chỉ là một khía cạnh của quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ, và như thể hiện qua tên gọi đó, cội rễ của quy luật sắt này nằm ở chế độ nền tảng do giới quyền thế kiểm soát.

CHỦ NGHĨA CHUYÊN CHẾ MỚI

Tháng 11/2009, chính phủ Bắc Triều Tiên thực hiện một chính sách mà các nhà kinh tế học gọi là cải cách tiền tệ. Các đợt lạm phát nghiêm trọng thường là nguyên nhân của những cuộc cải cách này. Ở Pháp vào tháng 1/1960, chính sách cải cách tiền tệ đã dẫn đến việc lưu hành một đồng franc mới bằng 100 đồng franc cũ. Đồng franc cũ vẫn tiếp tục lưu thông và dân chúng thậm chí vẫn niêm yết giá bằng đồng franc cũ khi việc đổi sang đồng tiền mới đang được tiến hành dần dần. Cuối cùng, đồng franc cũ không còn là phương tiện thanh toán hợp pháp vào tháng 1/2002, khi nước Pháp sử dụng đồng euro. Cải cách của Bắc Triều Tiên nhìn bề ngoài cũng tương tự như vậy. Cũng như nước Pháp năm 1960, chính phủ Bắc Triều Tiên quyết định bỏ bớt hai con số không trong tiền tệ. 100 đồng won cũ, đơn vị tiền tệ của Bắc Triều Tiên, sẽ có giá trị bằng 1 đồng won mới. Các cá nhân được phép đổi tiền cũ lấy tiền mới, nhưng phải thực hiện trong vòng một tuần, chứ không phải trong 42 năm như ở Pháp. Và đây mới là cái bẫy: chính phủ tuyên bố rằng không ai được phép đổi hơn 100 nghìn won, nhưng về sau tăng lên đến 500 nghìn won. 100 nghìn won là vào khoảng 40 USD theo tỷ giá thị trường chợ đen. Chỉ trong khoảnh khắc, chính phủ đã quét sạch một tỷ lệ của cải tư nhân khổng lồ của người dân

https://thuviensach.vn

Bắc Triều Tiên; chúng ta không biết chính xác là bao nhiêu, nhưng có lẽ nhiều hơn so với mức chiếm đoạt của chính phủ Argentina vào năm 2002.

Chính phủ Bắc Triều Tiên là một chính phủ cộng sản chuyên chính, phản đối sở hữu tư nhân và thị trường. Nhưng thật khó kiểm soát thị trường chợ đen, nơi thực hiện các giao dịch bằng tiền mặt. Lẽ dĩ nhiên, các giao dịch cũng liên quan đến một ít ngoại tệ, đặc biệt là đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc, nhưng nhiều giao dịch sử dụng đồng won. Cải cách tiền tệ được soạn thảo nhằm trừng phạt những người sử dụng các thị trường này, và cụ thể hơn, nhằm bảo đảm rằng họ sẽ không trở nên quá giàu có hay đủ hùng mạnh để đe dọa chế độ. Duy trì sự nghèo khó của họ sẽ an toàn hơn. Câu chuyện không chỉ về thị trường chợ đen. Người dân Bắc Triều Tiên cũng giữ tiền tiết kiệm bằng đồng won vì ở Bắc Triều Tiên chỉ có vài ngân hàng, và tất cả đều thuộc sở hữu nhà nước. Thực chất, chính phủ sử dụng cải cách tiền tệ để chiếm đoạt phần lớn tiền tiết kiệm của dân chúng.

Mặc dù chính phủ nói họ xem các thị trường là xấu xa, giới quyền thế Bắc Triều Tiên lại thích những gì thị trường sản xuất ra cho họ. Nhà lãnh đạo Kim Jong-Il có một dinh thự giải trí cao bảy tầng, trong đó trang bị một phòng uống rượu, dàn máy karaoke và một nhà hát mini. Tầng trệt có một hồ bơi khổng lồ với máy tạo sóng, ở đó Kim thích sử dụng một tấm ván nằm lướt sóng có lắp một động cơ nhỏ. Năm 2006 khi Hoa Kỳ áp đặt lệnh trừng phạt đối với Bắc Triều Tiên, họ biết cách làm thế nào để tác động vào đúng chỗ đau nhất. Hoa Kỳ cấm xuất khẩu hơn 60 mặt hàng xa xỉ vào Bắc Triều Tiên, trong đó có thuyền buồm, ca-nô lướt sóng, xe ô-tô đua, xe máy, đầu máy DVD và truyền hình lớn hơn 29 inch. Sẽ không còn khăn quàng lụa, bút máy thiết kế riêng, áo lông thú hay hàng da. Đây chính xác là những mặt hàng mà Kim và giới quyền thế sưu tập. Một học giả sử dụng số liệu bán hàng từ công ty Pháp Hennessy đã ước lượng rằng ngân sách chi tiêu cho rượu cognac hàng năm của Kim trước khi có lệnh trừng phạt vào khoảng 800 nghìn USD một năm.

https://thuviensach.vn

Không thể hiểu được nhiều vùng nghèo nhất trên thế giới vào cuối thế kỷ 20 nếu như không hiểu về chủ nghĩa chuyên chính vô sản của thế kỷ 20. Tầm nhìn của Marx là tầm nhìn về một hệ thống tạo ra thịnh vượng trong bối cảnh nhân văn hơn và không có cách biệt giàu nghèo. Lênin và đảng của ông đã lấy cảm hứng từ Marx, nhưng thực tiễn quá khác biệt so với lý thuyết. Và sự cách biệt giàu nghèo vẫn tồn tại, vì việc đầu tiên mà Lênin và các đồng chí của ông làm là tạo ra một giới quyền thế mới - chính họ, những lãnh đạo của đảng Bôn-sê-vích. Khi làm thế, họ thanh trừng và giết hại không chỉ các thành phần ngoài đảng, mà bất kỳ ai có thể đe dọa quyền lực của họ. Nhưng đó vẫn chưa phải là tấn bi kịch thực sự: bi kịch đầu tiên là với cuộc nội chiến, rồi sau đó là dưới thời hợp tác hóa của Stalin và những đợt thanh trừng quá thường xuyên của ông, có lẽ đã giết hại tới 40 triệu người. Các hậu quả kinh tế và nỗi thống khổ của con người cũng đã xảy ra ở những nơi khác như Campuchia vào thập niên 1970 dưới thời Khmer Đỏ, ở Trung Quốc và ở Bắc Triều Tiên. Chế độ độc tài và lạm dụng nhân quyền ở các nước này không chỉ tạo ra nỗi thống khổ và giết chóc mà còn thiết lập ra các loại thể chế chiếm đoạt khác nhau. Các thể chế kinh tế, dù có hay không có thị trường, đều được thiết kế để chiếm đoạt nguồn lực từ dân chúng, và do căm ghét sở hữu tư nhân, họ thường gây ra nghèo đói chứ không phải thịnh vượng. Trong trường hợp Xô viết, như ta đã thấy trong chương 5, hệ thống kinh tế thoạt đầu mang lại sự tăng trưởng nhanh chóng, nhưng sau đó loạng choạng và dẫn đến đình trệ. Hậu quả còn nặng nề hơn nhiều ở Trung Quốc dưới thời Mao Trạch Đông, ở Campuchia dưới thời Khmer Đỏ, và ở Bắc Triều Tiên, nơi các thể chế kinh tế dẫn đến sụp đổ kinh tế và nạn đói.

Các thể chế kinh tế này được nâng đỡ bởi các thể chế chính trị chiếm đoạt, trong đó toàn bộ quyền lực chính trị được tập trung và không có giới hạn đối với việc sử dụng quyền lực. Mặc dù khác nhau về hình thức, các thể chế chiếm đoạt này đã tác động đến phương kế mưu sinh của dân chúng cũng tương tự như tác động của các thể chế chiếm đoạt ở Zimbabwe và Sierra Leone.

https://thuviensach.vn

VUA SỢI BÔNG

Bông chiếm khoảng 45% kim ngạch xuất khẩu của Uzbekistan, làm cho nó trở thành cây trồng quan trọng nhất từ khi đất nước độc lập vào thời điểm Liên Xô giải tán vào năm 1991. Dưới thời Xô viết, toàn bộ đất trang trại ở Uzbekistan thuộc sự kiểm soát của 2.048 nông trang thuộc sở hữu nhà nước. Sau năm 1991, các nông trang này giải tán và đất đai được phân phối lại. Nhưng điều đó không có nghĩa là nhà nông có thể hoạt động một cách độc lập. Cây bông quá quý giá đối với chính phủ mới của vị tổng thống đầu tiên và duy nhất cho tới giờ, Islam Karimov. Thay vào đó, các quy định được ban hành để ấn định nhà nông có thể trồng những gì và bán với giá bao nhiêu. Bông là mặt hàng xuất khẩu có giá trị, và nhà nông chỉ nhận được một phần nhỏ của giá thị trường thế giới cho cây trồng của họ; chính phủ chiếm phần còn lại. Không ai muốn trồng bông với mức giá họ được nhận, vì thế chính phủ cưỡng bức họ. Giờ đây, mỗi nhà nông phải dành riêng 35% diện tích đất để trồng bông. Điều này gây ra nhiều rắc rối, mà khó khăn về máy móc là một trong những rắc rối đó. Vào thời điểm độc lập, khoảng 40% sản lượng được thu hoạch bằng máy thu hoạch liên hợp. Sau năm 1991, không hề ngạc nhiên, ứng với khuyến khích mà chế độ của tổng thống Karimov tạo ra cho nhà nông, họ không muốn mua sắm hay bảo dưỡng các máy móc này. Nhận thức được vấn đề, Karimov đi đến một giải pháp mà thật ra là một phương án rẻ hơn thay cho máy thu hoạch liên hợp: học sinh phổ thông.

Quả bông bắt đầu chín và sẵn sàng được thu hoạch vào tháng 9, mùa tựu trường của học sinh phổ thông. Karimov ra lệnh cho các thống đốc địa phương gửi các hạn mức cung cấp bông đến các trường học. Vào đầu tháng 9, các trường học vắng bóng khoảng 2,7 triệu học sinh (số liệu năm 2006). Thầy cô giáo, thay vì đi dạy, trở thành những người tuyển dụng lao động. Gulnaz, một bà mẹ của hai em học sinh, giải thích về những điều xảy ra:

https://thuviensach.vn

Đầu mỗi năm học, vào khoảng đầu tháng 9, các lớp học được đình chỉ, và thay vì đến lớp, học sinh được đưa đi thu hoạch bông. Không ai hỏi ý kiến xem phụ huynh có đồng ý hay không. Vào mùa thu hoạch, các em không có ngày nghỉ cuối tuần. Nếu vì lý do nào đó mà một em học sinh ở nhà, thầy cô giáo hay người quản lý sẽ đến nhà và trách cứ phụ huynh. Họ giao kế hoạch cho mỗi em, từ 20 đến 60 kg một ngày tùy vào độ tuổi. Nếu có em nào không hoàn thành kế hoạch này, sáng hôm sau em sẽ bị quở mắng trước cả lớp.

Mùa thu hoạch kéo dài trong hai tháng. Những em học sinh nông thôn may mắn được phân công lao động ở nông trang gần nhà có thể đi bộ hay đi xe buýt đến nơi làm việc. Những em ở xa hay ở thành phố phải ngủ lại ở chuồng gia súc hay nhà kho cùng với máy móc và gia súc. Không có nhà vệ sinh hay nhà bếp. Các em phải mang theo thức ăn trưa.

Người hưởng lợi chính của toàn bộ hệ thống lao động cưỡng bức này là giới quyền thế chính trị, đứng đầu là tổng thống Karimov, vị vua sợi bông Uzbekistan trên thực tế. Người ta có thể cho rằng các em học sinh sẽ được trả công lao động, nhưng đó chỉ là giả thuyết. Năm 2006, khi giá bông thế giới vào khoảng 1,40 USD/kg, các em được trả khoảng 0,03 USD cho hạn mức hàng ngày từ 20-60 kg. Khoảng 75% sản lượng bông hiện nay đang do các em học sinh thu hoạch. Vào mùa xuân, trường học đóng cửa để cuốc đất, giẫy cỏ và cấy cưỡng bức.

Những sự việc này đã xảy ra như thế nào? Uzbekistan, cũng như các nước cộng hòa Xô viết khác, giành độc lập sau khi Liên Xô giải tán và được cho là sẽ phát triển một nền kinh tế thị trường và dân chủ. Tuy nhiên, cũng như nhiều nước cộng hòa Xô viết khác, điều này đã không xảy ra. Tổng thống Karimov, người bắt đầu sự nghiệp chính trị trong Đảng Cộng sản Liên Xô cũ, vươn lên cương vị tổng bí thư Uzbekistan vào khoảnh khắc may mắn năm 1989, ngay khi bức tường Berlin sụp đổ, đã xoay sở để đánh bóng bản thân thành một người theo chủ nghĩa dân tộc. Với sự hỗ trợ quan

https://thuviensach.vn

trọng của lực lượng an ninh, vào tháng 12/1991 ông đắc cử, trở thành vị tổng thống đầu tiên và mãi mãi. Sau khi lên cầm quyền, ông thẳng tay đàn áp các đối thủ chính trị độc lập. Họ hiện bị bắt giam hay đang bị lưu đày. Không có truyền thông tự do ở Uzbekistan và các tổ chức phi chính phủ bị cấm. Đỉnh điểm của sự đàn áp khốc liệt là vào năm 2005, khi có ít nhất khoảng 750 người biểu tình đã bị cảnh sát và quân đội giết hại ở Andijon.

Sử dụng mệnh lệnh của các lực lượng an ninh và kiểm soát toàn bộ phương tiện truyền thông, trước tiên Karimov gia hạn nhiệm kỳ tổng thống của ông thêm 5 năm, thông qua một cuộc trưng cầu dân ý, rồi tái đắc cử tổng thống thêm một nhiệm kỳ 7 năm nữa vào năm 2000, với 91,2% số phiếu. Đối thủ duy nhất của ông tuyên bố rằng mình đã bỏ phiếu cho Karimov! Trong cuộc bầu cử năm 2007, vốn được xem là gian lận, ông lại thắng với 88% số phiếu. Các cuộc bầu cử ở Uzbekistan cũng tương tự như những cuộc bầu cử mà Stalin đã sử dụng để xây dựng những ngày hoàng kim của Liên Xô. Một cuộc bầu cử vào năm 1937 đã được phóng viên Harold Denny của tờ báo *New York Times* tường thuật qua bản dịch từ báo *Pravda* của đảng Cộng sản, nhằm truyền đạt tình trạng căng thẳng và hồi hộp của các cuộc bầu cử Xô viết:

Đã qua nửa đêm. Ngày 12/12, ngày tổng tuyển cử trực tiếp và công bằng đầu tiên của Xô viết Tối cao đã kết thúc. Kết quả bỏ phiếu sắp được công bố.

Ủy ban còn lại một mình trong phòng. Đêm thật yên tĩnh và những ngọn đèn trang nghiêm tỏa sáng. Giữa niềm kỳ vọng mãnh liệt và chăm chú chung, vị chủ tịch thực hiện mọi thủ tục cần thiết trước khi kiểm phiếu - kiểm tra theo danh sách xem có bao nhiêu cử tri và bao nhiêu người đã đi bầu - và kết quả là 100%. Một trăm phần trăm! Cuộc bầu cử nào ở một đất nước nào cho một ứng viên nào mà có 100% người hưởng ứng?

Giờ thì công việc chính bắt đầu. Vị chủ tịch hồi hộp kiểm tra niêm phong trên các thùng phiếu. Sau đó các thành viên ủy ban kiểm tra. Các

https://thuviensach.vn

niêm phong còn nguyên vẹn và được cắt ra. Người ta mở các thùng phiếu.

Đêm thật yên tĩnh. Các thanh tra và những người kiểm phiếu ngồi chăm chú và nghiêm trang.

Giờ là lúc mở các phong bì. Ba thành viên ủy ban cầm lấy kéo. Vị chủ tịch đứng lên. Những người kiểm phiếu đã mở sẵn các quyển sổ ghi chép. Chiếc phong bì đầu tiên được mở ra. Mọi con mắt đổ dồn vào đó. Vị chủ tịch lấy ra hai mảnh giấy - mảnh giấy trắng [cho ứng viên vào Xô viết tối cao Liên bang] và mảnh giấy xanh [cho ứng viên vào Hội đồng Dân tộc] - rồi đọc to và dứt khoát: “Đồng chí Stalin”.

Sự trang nghiêm ngay lập tức bỗng vỡ òa. Mọi người trong phòng nhảy lên và nhiệt liệt tán thưởng lá phiếu đầu tiên của cuộc tổng tuyển cử kín đầu tiên theo Hiến pháp Stalin - lá phiếu với tên của nhà sáng lập Hiến pháp.

Tâm trạng này cũng bộc lộ sự căng thẳng xung quanh những lần tái ứng cử của Karimov, người xem ra là một học trò có năng khiếu của Stalin trong việc đàn áp và kiểm soát chính trị cũng như tổ chức các cuộc bầu cử sánh ngang với các cuộc bầu cử của Stalin về chủ nghĩa siêu thực.

Dưới thời Karimov, Uzbekistan là một đất nước với các thể chế chính trị và kinh tế có tính chiếm đoạt cao độ. Và đó là một nước nghèo. Có đến 1/3 dân số sống trong đói nghèo, và thu nhập bình quân hàng năm vào khoảng 1.000 USD. Nhưng không phải mọi chỉ báo phát triển đều xấu. Căn cứ theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ phổ cập giáo dục là 100%… thế đấy, nhưng có lẽ chỉ ngoại trừ vào mùa thu hoạch bông. Tỷ lệ biết chữ cũng rất cao, mặc dù ngoài việc kiểm soát tất cả các phương tiện truyền thông, chế độ cũng cấm sách vở và kiểm duyệt internet. Trong khi hầu hết dân chúng chỉ được trả vài xu một ngày để thu hoạch bông, gia đình Karimov và các cựu cán bộ cộng sản sau năm 1989 tự đổi mới thành giới quyền thế chính trị và kinh tế mới của Uzbekistan đã trở nên giàu sụ.

https://thuviensach.vn

Quyền lợi kinh tế của gia đình Karimov do con gái ông là Gulnova điều hành, người được kỳ vọng sẽ nối nghiệp cha làm tổng thống. Trong một đất nước bí mật và không công khai thông tin như thế, không ai biết chính xác gia đình Karimov kiểm soát những gì và họ kiếm được bao nhiêu tiền, nhưng kinh nghiệm của Công ty Interspan Hoa Kỳ cho thấy những gì đã xảy ra ở nền kinh tế Uzbekistan trong hai thập niên qua. Bông không phải là hoa màu nông nghiệp duy nhất; nhiều nơi ở Uzbekistan là những vùng đất lý tưởng để trồng chè, và Interspan quyết định đầu tư. Năm 2005, công ty đã chiếm được 30% thị trường địa phương, nhưng sau đó thì gặp rắc rối. Gulnova quyết định rằng ngành chè xem ra có nhiều triển vọng kinh tế. Chẳng bao lâu, nhân sự địa phương của Interspan bắt đầu bị bắt giữ, bị đánh đập và tra tấn. Công ty không thể hoạt động được và đến tháng 8/2006 thì phải rút lui. Tài sản của công ty nhanh chóng được tiếp quản bởi nhóm lợi ích chè đang phát triển mau lẹ của gia đình Karimov, lúc bấy giờ chiếm 67% thị trường, tăng từ mức 2% hai năm trước đó.

Trên nhiều phương diện, Uzbekistan cứ như một di tích của quá khứ, của một thời kỳ đã bị lãng quên. Đó là một đất nước tàn tạ trong chủ nghĩa chuyên chế của một gia đình duy nhất và giới thân hữu vây quanh họ, với một nền kinh tế dựa vào lao động cưỡng bức - trên thực tế là lao động trẻ em cưỡng bức. Chỉ có điều, đó không phải là quá khứ. Đó là một mảnh ghép trong bức tranh hiện nay về những xã hội thất bại trong các thể chế chiếm đoạt, và đáng tiếc thay, nó có nhiều điểm tương đồng với nhiều nước cộng hòa thuộc Xô viết xưa kia, từ Armenia và Azerbaijan đến Kyrgyzstan, Tajikistan và Turkmenistan, và nhắc nhở chúng ta rằng ngay trong thế kỷ 21 này, các thể chế kinh tế và chính trị chiếm đoạt vẫn có một hình thức chiếm đoạt tàn bạo không chút liêm sỉ.

SÂN CHƠI NGHIÊNG HẲN VỀ MỘT PHÍA

Thập niên 1990 là thời kỳ cải cách ở Ai Cập. Từ khi đảo chính quân sự lật đổ chế độ quân chủ vào năm 1984, Ai Cập được điều hành theo

https://thuviensach.vn

đường lối gần như xã hội chủ nghĩa, trong đó chính phủ đóng vai trò trọng tâm trong nền kinh tế. Nhiều lĩnh vực kinh tế được thống lĩnh bởi các doanh nghiệp quốc doanh. Qua nhiều năm, sự tuyên truyền về chủ nghĩa xã hội đã chấm dứt, các thị trường mở cửa và khu vực tư nhân phát triển. Thế nhưng vẫn không có các thị trường dung hợp, mà thị trường chịu sự kiểm soát của nhà nước và một vài doanh nhân có quan hệ với Đảng Dân chủ quốc gia (NDP), đảng chính trị do tổng thống Anwar Sadat sáng lập năm 1978. Các doanh nhân trở nên ngày càng dính líu với đảng nhiều hơn, và đảng trở nên ngày càng có quan hệ với doanh nhân nhiều hơn dưới thời chính phủ Hosni Mubarak. Mubarak, người lên làm tổng thống vào năm 1981 sau khi Anwar Sadat bị ám sát, cùng với đảng NDP cai trị đất nước cho đến khi bị buộc phải thoái vị trong các cuộc nổi dậy của quần chúng và quân đội vào tháng 2/2011, như chúng ta đã thảo luận trong phần mở đầu quyển sách này.

Các doanh nhân chủ chốt đã được bổ nhiệm vào các vị trí chính phủ then chốt trong những lĩnh vực liên quan mật thiết với quyền lợi kinh tế của họ. Rasheed Mohamed Rasheed, nguyên chủ tịch công ty Unilever ở AMET (châu Phi, Trung Đông và Thổ Nhĩ Kỳ), trở thành bộ trưởng ngoại thương và công nghiệp; Mohamed Zoheir Wahid Garana, chủ sở hữu và giám đốc điều hành Công ty Du lịch Garana, một trong những công ty lớn nhất ở Ai Cập, trở thành bộ trưởng du lịch; Amin Ahmed Mohamed Osman Abaza, nhà sáng lập Công ty Thương mại Bông, công ty xuất khẩu bông lớn nhất Ai Cập, trở thành bộ trưởng nông nghiệp.

Trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, các doanh nhân đã thuyết phục chính phủ hạn chế việc thành lập doanh nghiệp thông qua sự điều tiết của nhà nước. Những lĩnh vực này bao gồm truyền thông, sắt thép, ô-tô, nước giải khát có cồn và xi-măng. Mỗi lĩnh vực đều hết sức tập trung với các hàng rào cản trở việc tham gia thị trường để bảo hộ các doanh nhân và doanh nghiệp có quan hệ chính trị. Những doanh nhân lớn có quan hệ với chế độ, như Ahmed Ezz (sắt thép), gia đình Sawiris (truyền thông đa

https://thuviensach.vn

phương tiện, nước giải khát và viễn thông), và Mohamed Nosseir (nước giải khát và viễn thông) không chỉ được nhà nước bảo hộ mà còn có các hợp đồng với chính phủ và các khoản vay ngân hàng lớn mà không cần tài sản thế chấp. Ahmed Ezz vừa là chủ tịch Công ty Thép Ezz lớn nhất trong ngành thép, sản xuất ra 70% sản lượng thép của Ai Cập, vừa là thành viên cao cấp của đảng NDP, chủ tịch Ủy ban Quy hoạch và ngân sách Quốc hội nhân dân, và là bạn bè thân hữu của Gamal Mubarak, một trong những người con trai của tổng thống Mubarak.

Các cuộc cải cách kinh tế thập niên 1990 đã được các tổ chức tài chính quốc tế và các nhà kinh tế thúc đẩy với mục đích tự do hóa thị trường và giảm vai trò của nhà nước trong nền kinh tế. Một cột trụ chính của công cuộc cải cách trong mọi lĩnh vực là việc tư nhân hóa tài sản thuộc sở hữu nhà nước. Tư nhân hóa ở Mexico (chương 1), thay vì làm tăng tính cạnh tranh, chỉ đơn thuần biến các độc quyền thuộc sở hữu nhà nước thành các độc quyền thuộc sở hữu tư nhân, và trong quá trình đó làm giàu cho những doanh nhân có quan hệ chính trị như Carlos Slim. Chính điều này cũng đã xảy ra ở Ai Cập. Các doanh nhân có quan hệ với chế độ đã tác động mạnh đến việc thực hiện chương trình tư nhân hóa Ai Cập theo cách có lợi cho giới quyền thế doanh nhân giàu có, thường được người địa phương gọi là "cá voi". Vào thời điểm bắt đầu chương trình tư nhân hóa, nền kinh tế bị chiếm lĩnh bởi 2/3 những con cá voi này.

Một trong số đó là Ahmed Zayat, người chỉ huy tập đoàn Luxor. Năm 1996, chính phủ quyết định tư nhân hóa công ty nước giải khát Al Ahram (ABC), vốn là một đơn vị sản xuất bia độc quyền ở Ai Cập. Tập đoàn Công ty Tài chính Ai Cập dưới sự lãnh đạo của nhà phát triển bất động sản Farid Saad, cùng với công ty tài chính mạo hiểm đầu tiên ở Ai Cập vào năm 1995 cũng tham gia bỏ thầu. Tập đoàn này bao gồm Fouad Sultan, nguyên bộ trưởng du lịch, Mohamed Nosseir và Mohamed Ragab, các doanh nhân quyền thế khác. Họ có các mối quan hệ tốt, nhưng không đủ mạnh. Giá bỏ thầu 400 triệu bảng Ai Cập của họ bị bác bỏ vì quá thấp. Zayat có quan hệ

https://thuviensach.vn

tốt hơn. Ông không có đủ tiền để mua ABC, vì thế ông tiến hành một kế hoạch tài tình theo kiểu của Carlos Slim. Cổ phần của ABC được phát hành lần đầu trên Thị trường chứng khoán Luân Đôn, và tập đoàn Luxor thu được 74,9% số cổ phần này với giá 68,5 bảng Ai Cập một cổ phần. Ba tháng sau, cổ phần được chia nhỏ làm hai, và tập đoàn Luxor có thể bán tất cả với giá 52,5 bảng/cổ phần, hưởng lợi ròng 36%, và Zayat có thể dùng tiền này để trả tiền mua ABC với giá 231 triệu bảng trong tháng sau. Vào thời điểm đó, ABC đang có lợi nhuận hàng năm vào khoảng 41,3 triệu bảng Ai Cập và có dự trữ tiền mặt là 93 triệu bảng Ai Cập. Thật là một món hời. Năm 1999, công ty ABC vừa tư nhân hóa đã mở rộng thế lực độc quyền từ bia sang rượu thông qua mua công ty độc quyền rượu quốc gia Gianaclis cũng được tư nhân hóa. Gianaclis là một công ty hoạt động rất có lãi nhờ núp đằng sau hàng rào thuế quan lên đến 3.000% đối với rượu nhập khẩu, và có tỷ lệ lợi nhuận gộp là 70% trên doanh số. Năm 2002, công ty độc quyền này đổi chủ khi Zayat bán ABC cho Heineken với giá 1,3 tỉ bảng Ai Cập. Tỷ lệ lợi nhuận là 563% chỉ trong năm năm.

Mohamed Nosseir không phải lúc nào cũng thua. Năm 1993, ông mua Công ty đóng chai El Nasr chuyên độc quyền đóng chai và bán Coca-Cola ở Ai Cập. Mối quan hệ của Nosseir với bộ trưởng doanh nghiệp nhà nước lúc bấy giờ, Atef Ebeid, cho phép ông thực hiện doanh vụ gần như không có cạnh tranh. Hai năm sau, Nosseir bán công ty với giá hơn gấp ba lần giá mua. Một ví dụ khác là về phong trào tham gia của khu vực tư nhân trong ngành điện ảnh của nhà nước vào cuối thập niên 1990. Một lần nữa, các mối quan hệ chính trị ngụ ý rằng chỉ có hai gia đình được phép bỏ thầu và điều hành ngành điện ảnh - một trong hai gia đình đó là gia đình Sawiris.

Ai Cập ngày nay là một nước nghèo, không nghèo đến mức như các nước miền nam thuộc vùng hạ Sahara châu Phi, nhưng vẫn có khoảng 40% dân số rất nghèo và sống với dưới 2 USD một ngày. Trớ trêu thay, như ta đã thấy trên đây (chương 2), vào thế kỷ 19, Ai Cập là nơi có một nỗ lực thành công đầu tiên trong việc thay đổi thể chế và hiện đại hóa kinh tế dưới thời

https://thuviensach.vn

Muhammad Ali, người đã mang lại một thời kỳ tăng trưởng kinh tế mang tính chiếm đoạt trước khi đất nước bị sáp nhập vào Đế quốc Anh. Từ thời thuộc địa Anh, một hệ thống thể chế chiếm đoạt đã nổi lên và được tiếp nối bằng quân đội sau năm 1954. Đã có ít nhiều tăng trưởng kinh tế và đầu tư vào giáo dục, nhưng đa số dân chúng gần như không có các cơ hội kinh tế, trong khi giới quyền thế mới có thể hưởng lợi từ những mối quan hệ với chính phủ.

Một lần nữa, các thể chế kinh tế chiếm đoạt này cũng được nâng đỡ bởi các thể chế chính trị chiếm đoạt. Tổng thống Mubarak dự định bắt đầu một triều đại chính trị, chuẩn bị cho con trai ông là Gamal lên thay ông. Kế hoạch này bị triệt hạ bởi sự sụp đổ chế độ chiếm đoạt của ông vào đầu năm 2011 khi bất ổn và biểu tình lan rộng trong cuộc cách mạng nhân dân "Mùa xuân Ảrập". Trong thời gian Nasser làm tổng thống, đã có những khía cạnh dung hợp của các thể chế kinh tế, nhà nước đã mở rộng hệ thống giáo dục và mang lại những cơ hội chưa từng có trong chế độ cai trị của Vua Farouk trước đây. Nhưng đây là một ví dụ về sự kết hợp không ổn định giữa các thể chế chính trị chiếm đoạt với tính dung hợp của các thể chế kinh tế.

Kết quả không thể tránh khỏi xảy ra dưới thời Mubarak là các thể chế kinh tế trở nên chiếm đoạt hơn, phản ánh sự phân phối quyền lực chính trị trong xã hội. Theo một ý nghĩa nào đó, cuộc cách mạng Mùa xuân Ảrập là phản ứng trước tình trạng này. Điều này không chỉ đúng với Ai Cập mà cả với Tunisia. Ba thập niên tăng trưởng của Tunisia trong các thể chế chính trị chiếm đoạt đã bắt đầu đảo ngược khi tổng thống Ben Ali và gia đình ông bắt đầu làm cho nền kinh tế ngày càng kiệt quệ.

TẠI SAO CÁC QUỐC GIA THẤT BẠI

Các quốc gia thất bại về mặt kinh tế là do các thể chế chiếm đoạt. Các thể chế này duy trì tình trạng nghèo khổ và cản trở những nước này bước vào lộ trình tăng trưởng kinh tế. Đây là thực tế ở các nước châu Phi ngày

https://thuviensach.vn

nay như Zimbabwe và Sierra Leone, ở các quốc gia Nam Mỹ như Colombia và Argentina; các nước châu Á như Bắc Triều Tiên và Uzbekistan, và Trung Đông như Ai Cập. Có những điểm khác biệt rõ rệt giữa các nước này. Một số nước ở vùng nhiệt đới, những nước khác ở vùng ôn đới. Một số nước từng là thuộc địa của Anh; những nước khác là thuộc địa của Nhật Bản, Tây Ban Nha và Nga. Họ có lịch sử, ngôn ngữ và văn hóa rất khác nhau. Điểm chung của họ là các thể chế chiếm đoạt. Trong tất cả các trường hợp này, nền tảng của các thể chế là giới quyền thế, những người thiết kế các thể chế kinh tế nhằm làm giàu cho bản thân họ và duy trì vĩnh viễn quyền lực của họ bằng tổn thất của đại đa số quần chúng trong xã hội. Lịch sử và cơ cấu xã hội khác nhau của các nước này dẫn đến sự khác biệt về bản chất của giới quyền thế và về chi tiết của các thể chế chiếm đoạt. Nhưng lý do khiến các thể chế chiếm đoạt này tồn tại dai dẳng luôn luôn liên quan đến vòng xoáy đi xuống, và tác động của các thể chế này là như nhau trên phương diện làm bần cùng hóa dân chúng, ngay cả khi cường độ của chúng có thể khác nhau.

Ví dụ như ở Zimbabwe, giới quyền thế bao gồm Robert Mugabe và lực lượng nòng cốt của đảng ZANU-PF, những người dẫn đầu cuộc chiến tranh chống thực dân vào thập niên 1970. Ở Bắc Triều Tiên, họ là giới thân hữu xung quanh Kim Jong-Il và Đảng Cộng sản. Ở Uzbekistan, đó là tổng thống Islam Karimov, gia đình và giới thân hữu từ thời Liên Xô đã được cách tân. Các nhóm này rõ ràng là khác nhau, và sự khác biệt này cùng với các chính thể và các nền kinh tế đa dạng mà họ cai quản, có nghĩa là hình thức cụ thể của các thể chế chiếm đoạt thì khác nhau. Lấy ví dụ, vì Bắc Triều Tiên được hình thành từ một cuộc cách mạng cộng sản, nên theo mô hình chính trị đơn đảng. Mặc dù Mugabe đã từng mời quân đội Bắc Triều Tiên đến Zimbabwe vào thập niên 1980 để tiêu diệt phe đối lập ở Matabeleland, mô hình thể chế chính trị chiếm đoạt này không thể áp dụng ở Zimbabwe. Thay vào đó, do con đường vươn đến quyền lực của ông là trong một cuộc chiến tranh chống thực dân, nên Mugabe phải che đậy sự

https://thuviensach.vn

cai trị của ông trong các cuộc bầu cử, mặc dù sau một thời gian ông đã xoay sở để tạo ra một nhà nước độc đảng phù hợp hiến pháp.

Trái lại, Colombia có một lịch sử bầu cử lâu đời, hình thành trong lịch sử như một phương pháp để chia sẻ quyền lực giữa đảng Tự do và đảng Bảo thủ sau khi giành độc lập từ Tây Ban Nha. Giới quyền thế không chỉ khác nhau về bản chất mà cả về số lượng. Ở Uzbekistan, Karimov có thể đánh cắp tàn dư của nhà nước Xô viết, mang lại cho ông một công cụ vững chắc để đàn áp và giết hại các phe phái khác. Ở Colombia, tình trạng thiếu thẩm quyền của nhà nước trung ương ở nhiều nơi, theo lẽ tự nhiên, đã dẫn đến nhiều nhóm quyền thế manh mún hơn - nhiều đến mức đôi khi họ giết hại lẫn nhau. Tuy nhiên, bất chấp các giới quyền thế và thể chế chính trị đa dạng này, các thể chế này thường xoay sở để gia cố và tái tạo quyền lực của giới quyền thế tạo ra chúng. Nhưng đôi khi, tình trạng xâu xé nội bộ mà chúng gây ra có thể dẫn đến sự sụp đổ nhà nước như ở Sierra Leone.

Lịch sử và cơ cấu khác nhau có nghĩa là nhân thân của giới quyền thế và chi tiết của các thể chế chính trị chiếm đoạt cũng khác nhau; và tương tự như vậy, chi tiết của các thể chế kinh tế chiếm đoạt mà giới quyền thế thiết lập cũng khác nhau. Ở Bắc Triều Tiên, công cụ chiếm đoạt cũng như ở Liên bang Xô viết: bãi bỏ sở hữu tư nhân, các nông trang tập thể và công nghiệp sở hữu nhà nước.

Ở Ai Cập, tình hình cũng khá giống chế độ quân sự do đại tá Nasser lập ra sau năm 1952. Nasser sát cánh với Liên Xô dưới thời Chiến tranh lạnh, sung công các dự án đầu tư nước ngoài như kênh đào Suez thuộc sở hữu của Anh, và nhà nước tiếp quản sở hữu phần lớn nền kinh tế. Tuy nhiên, tình hình ở Ai Cập vào thập niên 1950 và 1960 rất khác so với Bắc Triều Tiên vào thập niên 1940. Bắc Triều Tiên dễ dàng thiết lập một nền kinh tế kiểu Liên Xô triệt để hơn vì họ có thể sung công tài sản của người Nhật trước đây và xây dựng theo mô hình kinh tế của cuộc Cách mạng Trung Quốc.

https://thuviensach.vn

Trái lại, Cách mạng Ai Cập là cuộc đảo chính của một nhóm sĩ quan quân đội. Khi Ai Cập chuyển hướng trong thời Chiến tranh lạnh và trở nên ủng hộ phương Tây, quân đội Ai Cập cũng thấy việc chuyển từ cơ chế mệnh lệnh tập trung sang chủ nghĩa tư bản thân hữu như một phương pháp chiếm đoạt tỏ ra tương đối dễ dàng và thiết thực hơn. Thậm chí như vậy, kết quả kinh tế của Ai Cập vẫn tốt hơn so với Bắc Triều Tiên là nhờ vào bản chất chiếm đoạt có giới hạn hơn của các thể chế Ai Cập. Bởi lẽ, do không có sự kiểm soát ngột ngạt như ở Bắc Triều Tiên nên chế độ Ai Cập phải xoa dịu dân chúng theo một phương thức mà chế độ Bắc Triều Tiên không có. Ngoài ra, ngay cả chủ nghĩa tư bản thân hữu cũng tạo ra ít nhiều động cơ khuyến khích đầu tư, chí ít trong số những người được chế độ ưu ái, mà ở Bắc Triều Tiên hoàn toàn không có.

Mặc dù tất cả các chi tiết này đều quan trọng và thú vị, nhưng bài học quan trọng nhất là về bức tranh tổng thể: trong tất cả các trường hợp này, các thể chế chính trị chiếm đoạt đã tạo ra các thể chế kinh tế chiếm đoạt, chuyển giao của cải và quyền lực sang giới quyền thế.

Cường độ chiếm đoạt ở các nước này rõ ràng là khác nhau và gây ra những hệ quả quan trọng đối với sự thịnh vượng. Ví dụ như ở Argentina, hiến pháp và bầu cử dân chủ không có tác dụng thúc đẩy chủ nghĩa đa nguyên, nhưng vẫn vận hành tốt hơn so với ở Colombia. Ít ra nhà nước cũng có thể xác lập độc quyền vũ lực ở Argentina. Phần nào vì thế mà thu nhập trên đầu người ở Argentina cao gấp đôi so với Colombia. Các thể chế chính trị ở cả hai nước này đều có tác dụng khống chế giới quyền thế nhiều hơn so với ở Zimbabwe và Sierra Leone, và vì thế, Zimbabwe và Sierra Leone đều nghèo hơn nhiều so với Argentina và Colombia.

Vòng xoáy đi xuống cũng có nghĩa là ngay cả khi các thể chế chiếm đoạt dẫn đến sự sụp đổ nhà nước như ở Sierra Leone và Zimbabwe, điều này cũng không giúp kết liễu sự cai trị của các thể chế này. Chúng ta đã thấy rằng nội chiến và cách mạng, tuy có thể xảy ra vào những thời điểm

https://thuviensach.vn

quyết định, nhưng không nhất thiết dẫn đến thay đổi thể chế. Các biến cố ở Sierra Leone từ khi nội chiến kết thúc vào năm 2002 minh họa sống động cho khả năng này.

Năm 2007, trong một cuộc bầu cử dân chủ, đảng cũ của Siaka Stevens, đảng APC, quay lại nắm quyền. Mặc dù Ernest Bai Koroma, người đắc cử tổng thống, không liên kết với chính phủ APC cũ, nhưng nhiều người trong nội các của ông thì có quan hệ. Hai trong số những người con trai của Stevens, Bockarie và Jengo, thậm chí còn làm đại sứ ở Hoa Kỳ và Đức. Theo một nghĩa nào đó, đây là một phiên bản thăng trầm hơn so với những gì ta đã thấy ở Colombia. Tình trạng không có thẩm quyền nhà nước tồn tại dai dẳng qua nhiều năm ở nhiều nơi trên cả nước là vì một bộ phận giới quyền thế có lợi khi duy trì tình trạng đó, nhưng các thể chế nhà nước nòng cốt cũng đủ mạnh để ngăn tình trạng mất trật tự này không trở thành rối loạn hoàn toàn. Ở Sierra Leone, một phần do bản chất chiếm đoạt hơn của các thể chế kinh tế và một phần do lịch sử thể chế chính trị mang tính chiếm đoạt cao độ của đất nước, cho nên xã hội chẳng những khốn khổ về mặt kinh tế mà còn bị bít hai đầu, giữa một bên là tình trạng mất trật tự hoàn toàn và bên kia là một kiểu trật tự méo mó nào đó. Tuy nhiên, ảnh hưởng dài hạn vẫn như nhau: nhà nước gần như không có, và các thể chế có tính chiếm đoạt.

Trong tất cả các trường hợp này, đều có một lịch sử thể chế chiếm đoạt lâu dài ít nhất từ thế kỷ 19. Mỗi nước đều rơi vào vòng xoáy đi xuống. Ở Colombia và Argentina, chúng bắt nguồn từ các thể chế cai trị của thực dân Tây Ban Nha (chương 1). Các thể chế của Zimbabwe và Sierra Leone có nguồn gốc từ chế độ thuộc địa Anh được thiết lập vào cuối thế kỷ 19. Ở Sierra Leone, không có người định cư da trắng, các chế độ này được xây dựng trên cơ cấu chiếm đoạt quyền lực chính trị tiền thuộc địa và ngày càng tăng cường. Bản thân các cơ cấu này là kết quả của một vòng xoáy đi xuống lâu dài, với đặc điểm là thiếu sự tập trung hóa chính trị và ảnh hưởng tàn khốc của hoạt động mua bán nô lệ. Ở Zimbabwe, một hình thức mới

https://thuviensach.vn

của các thể chế chiếm đoạt đã được xây dựng, vì Công ty Nam Phi thuộc Anh đã tạo ra một nền kinh tế đối ngẫu. Uzbekistan có thể tiếp quản các thể chế chiếm đoạt của Liên Xô, và cũng như Ai Cập, đã điều chỉnh chúng thành chủ nghĩa tư bản thân hữu. Bản thân các thể chế chiếm đoạt của Liên Xô trên nhiều phương diện là sự kế tục các thể chế thời kỳ Nga hoàng, một lần nữa theo một mô thức dựa vào quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ. Vì các vòng xoáy đi xuống này tồn tại ở những vùng khác nhau trên thế giới trong 250 năm qua, nên tình trạng cách biệt giàu nghèo đã nổi lên và tồn tại dai dẳng.

Giải pháp cho sự thất bại về kinh tế và chính trị của các quốc gia ngày nay là chuyển đổi các thể chế chiếm đoạt thành các thể chế dung hợp. Vòng xoáy đi xuống có nghĩa là điều này sẽ không dễ dàng, nhưng cũng không phải là bất khả thi, và quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ không phải là không thể tránh khỏi. Hoặc là các yếu tố dung hợp sẵn có trong thể chế, hoặc là sự hiện diện của một liên minh rộng lớn dẫn đến đấu tranh chống lại chế độ hiện hữu, hoặc chỉ là bản chất tình cờ của lịch sử, sẽ giúp phá vỡ vòng xoáy đi xuống. Cũng như cuộc nội chiến ở Sierra Leone, cuộc Cách mạng Vinh quang năm 1688 cũng là một cuộc chiến vì quyền lực. Nhưng nó có bản chất rất khác so với cuộc nội chiến ở Sierra Leone. Ta có thể cho rằng, một vài người trong Quốc hội Anh đấu tranh để hạ bệ vua James II sau cuộc Cách mạng Vinh quang đã hình dung chính họ trong vai trò của một nhà cai trị chuyên chế mới, như Oliver Cromwell sau cuộc nội chiến Anh. Nhưng vì Quốc hội có sức mạnh và là một liên minh rộng lớn bao gồm nhiều lợi ích kinh tế khác nhau và các quan điểm khác nhau, cho nên quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ ít có cơ may phát huy tác dụng vào năm 1688. Và điều này được trợ lực bằng thực tế là sự may mắn đã thuộc về Quốc hội chống lại vua James II. Trong chương tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét các ví dụ khác về những nước đã xoay sở để phá vỡ khuôn khổ và chuyển hóa thể chế trở nên tốt hơn, ngay cả sau một lịch sử thể chế chiếm đoạt lâu dài.

https://thuviensach.vn

14. PHÁ KHUÔN

BA VỊ THỦ LĨNH CHÂU PHI

NGÀY 6/9/1895, con tàu *Tantallon Castle* cập bến tại Plymouth ở bờ nam của Vương quốc Anh. Ba vị thủ lĩnh, Khama của Ngwato, Bathoen từ Ngwaketse, và Sebele điều hành Kwena, xuống tàu và bắt chuyến xe lửa tốc hành lúc 8 giờ 10 phút đến ga Paddington, Luân Đôn. Họ đến Anh vì một sứ mạng vĩ đại: cứu tám bang Tswana, bao gồm cả ba bang họ đang cai trị, từ tay Cecil Rhodes. Tám bang này tạo nên Bechuanaland lúc bấy giờ, sau đó trở thành Botswana khi thống nhất vào năm 1966.

Các bộ lạc sinh sống tại Bechuanaland đã buôn bán và trao đổi với người châu Âu trong gần suốt thế kỷ 19. Vào thập niên 1840, nhà truyền giáo người Xcốt-len nổi tiếng David Livingstone đã du ngoạn khắp Bechuanaland và cải đạo cho vua Sechele của Kwena sang Thiên Chúa giáo. Bản dịch đầu tiên của Kinh Thánh sang một ngôn ngữ châu Phi là bằng tiếng Setswana, ngôn ngữ của Tswana. Năm 1885, Vương quốc Anh tuyên bố Bechuanaland thuộc quyền bảo hộ của mình. Dân tộc Tswana hài lòng với sự sắp đặt này, bởi họ nghĩ chính phủ Anh sẽ bảo vệ vùng đất của mình khỏi những cuộc xâm lăng của các quốc gia châu Âu trong tương lai, đặc biệt là khỏi người Boer, bởi dân tộc Tswana và Boer đã từng có xung đột từ cuộc Đại di tản năm 1835, khi hàng nghìn người Boer di tản vào nội địa để chạy trốn chủ nghĩa thực dân Anh. Trong khi đó, người Anh lại muốn nắm quyền kiểm soát vùng diện tích này để ngăn chặn việc bành trướng thuộc địa của người Boer cũng như nguy cơ xâm lược của người Đức, bởi Đức vừa thôn tính vùng đất tây nam châu Phi, mà ngày nay là Namibia. Người Anh cho rằng một cuộc thực dân hóa toàn diện không đáng để thực hiện. Ngài cao ủy Rey tóm tắt tầm nhìn của chính phủ Anh vào năm 1885 rất rõ ràng: “Chúng tôi chỉ quan tâm đến đất nước nằm phía bắc của Molope [Bechuanaland] với vai trò là con đường dẫn vào thuộc

https://thuviensach.vn

địa, vì thế chúng tôi giới hạn chính mình trong phạm vi bảo vệ Bechuanaland khỏi bọn giặc cướp nước và chính quyền nước ngoài và cố gắng thực hiện càng ít sự quản trị hay định cư ở đây càng tốt".

Nhưng đối với người Tswana, mọi chuyện đã thay đổi khi Công ty Nam Phi thuộc Anh của Cecil Rhodes bắt đầu mở rộng lãnh thổ theo hướng bắc của Nam Phi vào năm 1889, chiếm đoạt những vùng đất lớn mà sau này trở thành Bắc và Nam Rhodesia (hiện nay là Zambia và Zimbabwe). Đến năm 1895, khi ba vị lãnh đạo châu Phi đang viếng thăm Luân Đôn, Rhodes đã để mắt tới lãnh thổ phía Tây Nam Rhodesia, tức vùng Bechuanaland. Cả ba đều hiểu rằng nếu để tám bang của Bechuanaland rơi vào tay Rhodes thì số phận của họ sẽ rất thê thảm và phải chịu đựng sự khai thác bóc lột đến tận xương tủy. Tuy việc đối đầu quân sự với Rhodes có vẻ không khả thi, ba ông đã quyết định đứng lên chống lại bằng mọi cách. Giữa hai lựa chọn tệ hại, họ đã có một quyết định đỡ tệ hơn: thà bị người Anh cai quản còn hơn là phải phục tùng sự thôn tính của Rhodes. Với sự giúp đỡ của Hội Truyền giáo Luân Đôn, ba vị lãnh đạo viếng thăm Luân Đôn để thuyết phục Nữ hoàng Victoria và Joseph Chamberlain, Bộ trưởng Thuộc địa bấy giờ, chấp nhận cai trị Bechuanaland và bảo vệ vùng đất khỏi tay Rhodes.

Ngày 11/9/1895, họ có cuộc diện kiến đầu tiên với Chamberlain. Sebele trình bày trước tiên, lần lượt sau đó là Bathoen và Khama. Chamberlain khẳng định sẽ cân nhắc việc sử dụng sự cai quản của Anh để bảo vệ các bộ tộc trước sự đe dọa của Rhodes. Trong thời gian đó, bộ ba đã tiếp tục lên tàu thực hiện hành trình vòng quanh nước Anh để tìm kiếm sự ủng hộ cho quyết định của mình. Họ ghé thăm và diễn thuyết tại Windsor và Reading, gần Luân Đôn; đến Southampton trên bờ Nam; và đến cả Leicester và Birmingham - căn cứ chính trị của Chamberlain ở miền trung nước Anh. Họ hướng lên phía bắc để đến thành phố công nghiệp Yorkshire, đến Sheffield, Leeds, Halifax và Bradford; họ cũng đi về phía tây đến Bristol rồi lên Manchester và Liverpool.

https://thuviensach.vn

Trong lúc đó, tại Nam Phi, Cecil Rhodes đang chuẩn bị cho một một cuộc tấn công vũ trang vào Cộng hòa Boer ở Transvaal, sự kiện mà sau này trở thành chiến dịch càn quét Jameson khét tiếng, bất chấp sự phản đối kịch liệt của Chamberlain. Những vụ việc như thế đã làm Chamberlain cảm thông với các vị thủ lĩnh nhiều hơn. Ngày 6/11, ba vị lãnh đạo quay lại Luân Đôn để gặp Chamberlain một lần nữa và trao đổi với nhau thông qua một thông dịch viên.

Chamberlain: Tôi muốn bàn về vùng đất với các ngài, và về vấn đề đường sắt và bộ luật sẽ được áp dụng trên lãnh thổ của các ngài… Giờ chúng ta hãy xem bản đồ… Chúng tôi sẽ lấy vùng đất cần cho việc xây dựng đường sắt, chỉ thế thôi.

Khama: Tôi cảm thấy rất vui nếu ngài tự mình lấy phần đất đó.

Chamberlain: Vậy tôi sẽ tự mình thực hiện và gửi đến đó những người thân cận của mình để giám sát. Chúng tôi sẽ chỉ lấy những gì mình cần, các ngài cũng sẽ được đền bù xứng đáng cho những gì chúng tôi lấy.

Khama: Tôi muốn biết đường sắt sẽ đi thế nào [tức là đi đâu].

Chamberlain: Nó sẽ đi xuyên qua vùng lãnh thổ của ngài nhưng sẽ có rào chắn bảo vệ, và chúng tôi sẽ không cướp đất.

Khama: Tôi tin là ngài sẽ làm việc này cho bản thân tôi, và đối xử công bằng với tôi trong chuyện này.

Chamberlain: Tôi sẽ để mắt đến quyền lợi của ngài.

Ngày hôm sau, Edward Fairfield từ Văn phòng Thuộc địa, giải thích chi tiết hơn về quyết định dàn xếp của Chamberlain:

Mỗi vị thủ lĩnh, Khama, Sebele và Bathoen, sẽ sở hữu một quốc gia dưới sự bảo vệ của Nữ hoàng. Ngoài ra, Nữ hoàng sẽ chỉ định một nhân

https://thuviensach.vn

viên đến phụ tá cho từng vị. Mỗi thủ lĩnh cũng vẫn cai trị nhân dân của mình y như hiện nay.

Không có gì bất ngờ về phản ứng của Rhodes khi bị ba vị lãnh đạo châu Phi qua mặt. Hắn đánh điện cho một kẻ dưới trướng với thông điệp: "Ta phản đối việc bị ba bộ tộc bản xứ thiếu hiểu biết đánh gục".

Thực chất, ba vị thủ lĩnh châu Phi có một thứ rất giá trị mà họ đã dày công bảo vệ bấy lâu nay khỏi móng vuốt của Rhodes, và sau này tiếp tục bảo vệ nó khỏi luật lệ giả dối của người Anh. Đến thế kỷ thứ 19, các bang Tswana đã xác lập chiều hướng cơ bản về thể chế chính trị của mình. Chiều hướng này bao gồm sự tập trung hóa chính trị và quy trình quyết định tập thể ở một mức độ cao, rất khác so với tiêu chuẩn của người châu Phi sống ở hạ Sahara châu Phi. Đây có thể được hiểu là chủ nghĩa đa nguyên ở mức sơ khai. Tương tự như việc Đại Hiến chương Magna Carta cho phép sự tham gia của giới quý tộc trong việc đưa ra các quyết định chính trị và đặt ra một số giới hạn đối với hành động của nhà vua Anh, thể chế chính trị của Tswana, cụ thể hơn là *kgotla*, cũng khuyến khích việc tham gia chính trị và hạn chế các thủ lĩnh. Nhà nhân chủng học Nam Phi Isaac Schapera miêu tả cách làm việc *kgotla* như sau:

Tất cả mọi vấn đề về chính sách dân tộc đều được soạn thảo hoàn chỉnh trước khi đưa ra cho hội đồng bao gồm những nam giới trưởng thành. Những cuộc họp như thế diễn ra rất thường xuyên… những vấn đề được bàn luận… là những thảo luận về bộ tộc, tranh luận giữa thủ lĩnh và họ hàng của ngài, việc áp đặt thuế, lời hứa về những công việc mới trong cộng đồng, những sắc lệnh mới do thủ lĩnh ban hành… Việc hội đồng bác bỏ mong muốn của thủ lĩnh là lẽ thường. Mọi người đều có thể phát biểu ý kiến nên những cuộc họp giúp người lãnh đạo hiểu được cảm nghĩ của người dân nói chung và cho quần chúng có cơ hội nói lên sự bất bình của họ. Nếu đúng dịp, thủ lĩnh và cố vấn của ngài cũng có thể bị quở trách thậm

https://thuviensach.vn

tệ, bởi vì người dân ít khi sợ trao đổi cởi mở và thẳng thắn suy nghĩ của mình.

Ngoài *kgotla*, cương vị thủ lĩnh Tswana không nhất thiết tuân theo đường lối cha truyền con nối mà là cơ hội dành cho bất cứ người nào có tài và khả năng nổi bật. Nhà nhân chủng học John Comaroff khi nghiên cứu chi tiết về lịch sử chính trị của Rolong, một bang khác của Tswana, đã chỉ ra rằng mặc dù Tswana có những luật lệ quy định rõ ràng cách thức mà chức thủ lĩnh được kế thừa trong gia đình, các luật lệ này, trên thực tế, được đặt ra là để xóa bỏ những thủ lĩnh bất tài và cho phép các ứng viên tài năng trở thành lãnh đạo. Ông cho thấy việc thắng cử chức thủ lĩnh là một thành tựu có được do nỗ lực, nhưng sau đó sẽ được sắp xếp để người thắng cuộc trông giống như là người thừa kế thích hợp. Người Tswana gói gọn ý tưởng này qua một câu nói, cho thấy một nét thoảng qua của nền quân chủ lập hiến: *kgosi ke kgosi ka morafe* (Vua là vua theo ân huệ của dân).

Sau chuyến viếng thăm Luân Đôn, các thủ lĩnh Tswana tiếp tục cố gắng duy trì nền độc lập của mình với Vương quốc Anh và bảo tồn thể chế bản địa. Họ cho phép thi công đường sắt ở Bechuanaland, nhưng hạn chế sự can thiệp của người Anh vào những khía cạnh khác của đời sống kinh tế và chính trị. Cả ba không phản đối việc thi công đường sắt, chắc chắn không phải với những lý do mà vua của Áo-Hung và Nga đã ngăn chặn đường sắt. Tuy nhiên, họ nhận ra rằng đường sắt, cũng như các chính sách khác của Anh, sẽ hạn chế sự phát triển của Bechuanaland, một khi mà vùng đất này vẫn còn bị thực dân thống trị. Lý do của việc này có thể được giải thích qua những kinh nghiệm ban đầu của Quett Masire, tổng thống quốc gia Botswana độc lập từ 1980 đến 1988. Vào những năm 1950, Masire là một chủ trang trại quả cảm, dám nghĩ dám làm; ông phát triển phương pháp trồng trọt mới cho cây lúa miến và tìm được một khách hàng tiềm năng là công ty xay nghiền Vryburg, ở bên kia biên giới với Nam Phi. Ông đến gặp chủ nhà ga xe lửa tại Lobatse, Bechuanaland, và hỏi thuê hai xe tải để vận chuyển nông sản tới Vryburg. Người chủ từ chối. Sau đó ông nhờ một

https://thuviensach.vn

người bạn da trắng can thiệp. Người chủ cuối cùng đồng ý, dù còn e dè, nhưng bắt Masire trả gấp bốn lần giá dành cho người da trắng. Masire rút lui và kết luận: “Không chỉ pháp luật, mà chính những tập quán của người da trắng đã hạn chế người châu Phi sở hữu đất trống hoặc có giấy phép kinh doanh và chính điều đó đã không cho phép người da đen phát triển kinh doanh tại Bechuanaland”.

Nhìn chung, các vị thủ lĩnh, và người Tswana, đã may mắn. Họ ngăn chặn thành công việc Rhodes chiếm đất của mình nhờ vào quá trình phản kháng kịch liệt. Do Bechuanaland vẫn chỉ là “râu ria” đối với người Anh, sự sáng lập của những điều luật gián tiếp ở đây không đi theo một vòng tròn luẩn quẩn như ở Sierra Leone. Tswana cũng tránh được sự bành trướng thực dân vốn đang xảy ra ở Nam Phi, việc đất đai bị biến thành các hồ nước lớn cũng như những công việc lao động chân tay rẻ mạt cho chủ mỏ hay chủ trang trại người da trắng đã không xảy ra. Bước đầu tiên của quá trình thực dân hóa là một miếng ghép then chốt trong hầu hết các xã hội và là một thời kỳ quan trọng ảnh hưởng đến kết quả lâu dài của sự phát triển kinh tế và chính trị. Như chúng ta đã thảo luận trong chương 9, hầu hết các cộng đồng ở vùng châu Phi hạ Sahara, cũng giống như cộng đồng ở Nam Mỹ và Nam Á, đã chứng kiến việc thành lập hoặc tăng cường các thể chế chiếm đoạt trong quá trình thực dân hóa. Trong khi đó, người Tswana cũng tránh được sự cai trị gián tiếp khắc nghiệt và viễn cảnh tồi tệ hơn đã có thể giáng xuống đầu họ nếu như Rhodes thôn tính được vùng đất này. Tuy nhiên, đây không đơn thuần là sự may mắn. Một lần nữa đó là thành quả của sự tương tác giữa các thể chế hiện hành - được định hình bởi sự phân hóa thể chế của người Tswana - với những thời điểm quan trọng mà chủ nghĩa thực dân đem lại. Ba vị thủ lĩnh đã tự tạo ra may mắn cho riêng mình bằng việc chớp lấy thời cơ và đi đến Luân Đôn. Tất nhiên cả ba chỉ có thể làm được điều đó nhờ vào mức độ thẩm quyền hy hữu đối với các thủ lĩnh bộ lạc ở vùng châu Phi hạ Sahara (dựa vào sự tập trung hóa quyền lực chính trị mà các bộ lạc người Tswana đã đạt được) và mức độ chính đáng hiếm có (do thể chế bộ lạc của họ đã có được chút ít tính đa nguyên).

https://thuviensach.vn

Có một thời khắc quyết định khác vào cuối thời kỳ thực dân được coi là cốt lõi hơn đối với sự thành công của người Botswana, giúp cho đất nước này có khả năng phát triển thể chế dung hợp. Vào thời điểm Bechuanaland giành được độc lập vào năm 1966 dưới cái tên Botswana, sự thành công may mắn của ba vị thủ lĩnh Sebele, Bathoen và Khama đã chìm vào quá khứ. Người Anh chỉ đầu tư nhỏ giọt vào Bechuanaland trong thời kỳ can thiệp của mình. Khi giành được độc lập, Botswana trở thành một trong những nước nghèo nhất thế giới, khi cả nước chỉ có tổng cộng 12km đường trải nhựa, 22 sinh viên đã tốt nghiệp đại học và 100 học sinh tốt nghiệp cấp trung học cơ sở. Và tệ nhất, Botswana bị bao vây bởi chế độ thống trị của người da trắng ở Nam Phi, Namibia và Rhodesia, và tất cả đều tỏ ra chống đối ý định để người da đen lãnh đạo các nước Nam Phi độc lập. Ít ai vào thời điểm đó dám nghĩ rằng Botswana sẽ trở thành một quốc gia phát triển. Tuy nhiên chỉ 45 năm sau, Botswana đã nằm trong số những nước phát triển nhanh nhất thế giới. Ngày nay, Botswana có tỷ lệ thu nhập bình quân đầu người cao nhất ở vùng châu Phi hạ Sahara và sánh ngang tầm với những nước Đông Âu thịnh vượng như Estonia và Hungary, và những nước Mỹ La-tinh phồn thịnh nhất, như Costa Rica.

Botswana đã làm thế nào để thoát khỏi chiếc khuôn đúc sẵn? Đó là nhờ việc nhanh chóng phát triển các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp ngay sau khi giành được độc lập. Kể từ thời điểm đó, Botswana đã trở thành một nước dân chủ, tổ chức các cuộc bầu cử thường xuyên và mang tính cạnh tranh, đảm bảo được sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô và khuyến khích sự phát triển của một nền kinh tế thị trường dung hợp. Và tất nhiên, một câu hỏi hóc búa hơn, làm thế nào mà Botswana giữ được một nền dân chủ và các thể chế đa nguyên vững vàng, và lựa chọn thể chế kinh tế dung hợp trong khi hầu hết các nước châu Phi khác đều làm ngược lại? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta phải hiểu được cách thức thời điểm quan trọng, trong trường hợp này là sự kết thúc thống trị của chế độ thực dân, đã tương tác với thể chế hiện hữu của Botswana như thế nào.

https://thuviensach.vn

Ở hầu hết khu vực châu Phi hạ Sahara - ví dụ như Sierra Leone và Zimbabwe - nền độc lập là một cơ hội đã bị bỏ lỡ, thêm vào đó là việc tái thiết lập các thể chế chiếm đoạt đã từng tồn tại trong thời kỳ thực dân. Trong khi đó, giai đoạn đầu của thời kỳ độc lập ở Botswana diễn rất khác biệt, lý do lớn nhất, một lần nữa, chính là vì bối cảnh do các thể chế lịch sử của người Tswana tạo dựng. Trong quá trình này, Botswana đã cho thấy một số điểm tương đồng với nước Anh, khi nước này tới gần thời điểm của cuộc Cách mạng Vinh quang. Nước Anh đã nhanh chóng tập trung hóa chính trị dưới thời Tudor và có được Đại Hiến chương cũng như truyền thống của Quốc hội Anh vốn đã có khả năng chế ngự phần nào quyền lực của nhà vua và đảm bảo một mức độ đa nguyên nhất định. Tương tự, Botswana cũng đã tập trung hóa được toàn bang và thiết lập thể chế bộ lạc mang tính đa nguyên tương đối, thể chế đã vượt qua chế độ thực dân để tồn tại đến tận lúc này. Một liên minh mới và rộng lớn đã được thành lập ở nước Anh, bao gồm những người ủng hộ quyền sở hữu tư nhân như các thương nhân ở Đại Tây Dương, các ông chủ của một số ngành công nghiệp và quý tộc nhỏ có tài kinh doanh. Botswana cũng có liên minh của những thủ lĩnh Tswana và những người có vị thế trong xã hội, tức là những người có gia súc - tài sản lớn nhất của nền kinh tế - để ủng hộ cho việc đảm bảo những quyền có tính chất thủ tục (procedural rights). Ở các bang Tswana, mặc dù đất đai được xem là tài sản công cộng, gia súc lại là tài sản cá nhân, và như vậy có thể nói những thành phần nêu trên ủng hộ quyền sở hữu tư nhân. Và dòng chảy của lịch sử là điều không thể chối bỏ. Ở Anh, kết cục có thể đã khác đi nếu như những người lãnh đạo Quốc hội và vị tân vương lợi dụng cuộc Cách mạng Vinh quang để chiếm lấy quyền lực. Tương tự, mọi chuyện có thể đã khác nếu Botswana không có các nhà lãnh đạo như Seretse Khama hoặc Quett Masire, những người đã chọn con đường bầu cử công khai thay vì lật đổ bộ máy tuyển cử như cách mà một số nhà lãnh đạo khác ở khu vực châu Phi hạ Sahara đã làm sau khi những nước này giành được độc lập.

https://thuviensach.vn

Tswana ở thời điểm giành độc lập đã có truyền thống về thể chế hạn định quyền lực của tù trưởng và đảm bảo trách nhiệm của tù trưởng đối với người dân. Tất nhiên ở châu Phi không chỉ có Tswana có thể chế đó, nhưng điều nổi bật là thể chế này sống sót được qua giai đoạn thuộc địa. Sự thống trị của Anh không còn, Bechuanaland được điều hành từ Mafeking, thuộc Nam Phi, và chỉ trong thời kỳ quá độ sang độc lập những năm 1960 thì những kế hoạch cho thủ đô Gaberone mới được đặt ra. Việc xây dựng thủ đô và các công trình kiến trúc mới không nhằm để xóa bỏ thể chế của người bản địa, mà đã dựa vào nó; trong quá trình xây dựng Gaborone, các *kgotla* mới cũng được lên kế hoạch xây dựng.

Nền độc lập ở Botswana cũng đến một cách tương đối có trật tự. Đảng Dân chủ Botswana (BDP), được thành lập năm 1960 bởi Quett Masire và Seretse Khama, dẫn đầu cuộc đấu tranh giành lại độc lập. Seretse Khama là cháu trai của vua Khama III, trong đó "Seretse" có nghĩa là "đất sét rắn lại với nhau". Có lẽ không có cái tên nào hợp với tính cách của ông hơn thế nữa. Khama đã thừa hưởng chức tù trưởng Ngwato; hầu hết các tù trưởng và những nhóm người đứng đầu của Tswana đều gia nhập Đảng Dân chủ Botswana. Botswana lúc này vẫn chưa có một ủy ban vật giá nào, do nước Anh không mấy quan tâm đến thuộc địa này. Đảng BDP nhanh chóng lập ra Ủy ban Thịt (Meat Commission) của Botswana. Thay vì sung công tài sản của các chủ trang trại và chủ gia súc, Ủy ban Thịt đóng vai trò chính trong việc phát triển nền kinh tế gia súc: cho đóng hàng rào nhằm kiểm soát bệnh tay chân miệng, quảng bá việc xuất khẩu hàng hóa, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế và vận động cho thể chế kinh tế dung hợp.

Mặc dù ban đầu Botswana phát triển dựa trên việc xuất khẩu thịt, mọi việc thay đổi hoàn toàn khi người ta tìm ra kim cương. Việc quản lý tài nguyên thiên nhiên ở Botswana cũng có nhiều khác biệt so với các nước châu Phi khác. Trong giai đoạn thuộc địa, các tù trưởng Tswana ngăn chặn việc khai thác khoáng sản ở Bechuanaland vì họ biết rằng nếu người châu Âu phát hiện ra kim loại hay đá quý, họ sẽ không còn quyền tự trị nữa. Lần

https://thuviensach.vn

khai thác kim cương quy mô lớn đầu tiên diễn ra trên đất Ngwato, quê hương của Seretse Khama. Trước khi công bố cuộc khai thác này, Khama đã đưa ra một sửa đổi trong bộ luật để tài nguyên tìm thấy dưới lòng đất thuộc về quốc gia thay vì bộ lạc. Việc này đảm bảo kim cương tìm thấy ở Botswana sẽ không tạo ra những chênh lệch quá lớn, đồng thời tạo lực đẩy cho quá trình tập trung hóa toàn bang vì nguồn lợi từ việc khai thác kim cương được dùng vào việc xây dựng bộ máy chính quyền trung ương và cơ sở vật chất cũng như để đầu tư cho nền giáo dục. Ở Sierra Leone và nhiều nước châu Phi hạ Sahara khác, kim cương châm ngòi cho mâu thuẫn giữa các băng đảng và các cuộc nội chiến kéo dài: tên gọi "Kim cương máu" ra đời vì sự tàn phá mà những cuộc tranh giành quyền kiểm soát chung mang lại. Nhưng ở Botswana, nguồn lợi từ kim cương được sử dụng vào lợi ích quốc gia.

Thay đổi trong quyền kiểm soát kim cương không phải là chính sách xây dựng nhà nước trung ương duy nhất mà Seretse Khama ban hành. Đạo luật về cương vị tù trưởng năm 1965 được Hội đồng lập pháp thông qua trước khi giành được độc lập, và đạo luật bổ sung về cương vị tù trưởng năm 1970 tiếp tục quá trình tập trung hóa quyền lực chính trị, bảo vệ quyền hạn của trung ương và vị tổng thống đắc cử bằng cách lấy đi quyền phân bổ đất đai của các tù trưởng và cho phép tổng thống có quyền cách chức các tù trưởng nếu cần thiết. Một mặt khác của quá trình tập trung hóa quyền lực chính trị là nỗ lực đẩy mạnh thống nhất đất nước, ví dụ, ban hành luật để đảm bảo rằng trường học chỉ dạy tiếng Setswana và tiếng Anh. Ngày nay Botswana là một đất nước thống nhất hoàn toàn, không có sự chia rẽ về sắc tộc và ngôn ngữ như nhiều nước châu Phi khác. Đây là kết quả của chính sách chỉ cho phép trường học dạy tiếng Anh và tiếng Setswana, ngôn ngữ quốc gia, nhằm giảm thiểu xung đột giữa các bộ lạc và các nhóm khác nhau trong xã hội. Đợt điều tra dân số gần đây nhất có câu hỏi về nguồn gốc dân tộc là vào năm 1946 và đã cho thấy sự đa sắc tộc đáng kể ở Botswana. Ví dụ, ở khu bảo tồn Ngwato, chỉ 20% dân số tự nhận là người Ngwato thuần túy; bên cạnh nhiều tộc người khác nhau của Tswana, ở đó còn có nhiều tộc

https://thuviensach.vn

người không thuộc Tswana và ngôn ngữ của những tộc người này không phải là Setswana. Sự đa dạng về chủng tộc này được điều chỉnh bởi các chính sách của chính phủ hậu độc lập và bằng thể chế dung hợp của các bộ lạc Tswana, giống như cách chính quyền Anh điều chỉnh sự không đồng nhất giữa người Anh và người Welsh ở Anh. Từ khi độc lập, những cuộc điều tra dân số ở Botswana không còn đặt ra câu hỏi về sắc tộc, vì ở Botswana mọi người đều là người Tswana.

Nhờ có Seretse Khama, Quett Masire và Đảng Dân chủ Botswana dẫn dắt đất nước tiến tới thể chế chính trị và kinh tế dung hợp, Botswana đã đạt được tốc độ phát triển cao đáng kể. Việc khai thác được kim cương vào những năm 1970 không dẫn đến nội chiến mà còn mang lại một nền tảng kinh tế vững chắc để đầu tư vào các dịch vụ công. Ngày càng có ít động cơ khiến người dân chống lại hay lật đổ chính quyền. Thể chế chính trị dung hợp mang lại sự ổn định chính trị và hỗ trợ cho chế độ kinh tế dung hợp. Theo mô hình tương tự của vòng xoáy đi lên như đã trình bày ở chương 11, thể chế kinh tế dung hợp đã tăng cường khả năng tồn tại và độ bền vững của thể chế chính trị dung hợp.

Botswana khác biệt vì đã nắm bắt được thời điểm quyết định - thời kỳ độc lập hậu thuộc địa - và thiết lập được thể chế chính trị dung hợp. Đảng Dân chủ Botswana và những yếu nhân lịch sử, trong đó có Khama, đã không thiết lập một chế độ độc tài hay một thể chế chiếm đoạt. Như vậy, đây là kết quả của sự tương tác giữa một thời điểm quyết định và một thể chế hiện hữu. Như đã chỉ ra ở phía trên, khác hẳn với những nơi khác ở khu vực hạ Sahara châu Phi, thể chế bộ lạc của Botswana đã đạt tới một mức độ thành công nhất định trong việc tập trung hóa chính quyền và có được những đặc điểm quan trọng của chủ nghĩa đa nguyên. Ngoài ra, quốc gia này cũng có một nhóm người quyền lực, thành phần sẽ giành được nhiều lợi ích từ quyền sở hữu được đảm bảo.

https://thuviensach.vn

Việc tiến trình lịch sử vận động theo hướng thuận lợi cho Botswana là một điều không kém phần quan trọng. Một điểm cực kỳ may mắn là Seretse Khama và Quett Masire không phải là Siaka Stevens và Robert Mugabe. Khama và Masire đã cống hiến tận tụy và trung thực nhằm xây dựng thể chế dung hợp dựa trên nền tảng là thể chế bộ lạc của người Tswana. Tất cả những điều đó đã giúp Botswana vững bước trên con đường tiến tới thể chế dung hợp, trong khi đa phần các quốc gia còn lại ở khu vực hạ Sahara hoặc đã thất bại hoặc thậm chí chưa từng cố gắng.

SỰ SỤP ĐỔ CỦA THỂ CHẾ CHIẾM ĐOẠT Ở MIỀN NAM

Ngày 1/12/1955. Thành phố Montgomery, Alabama, một lệnh bắt giữ ghi lại thời gian vi phạm là 6 giờ 6 phút tối. Tài xế xe buýt James Drake gọi cho cảnh sát, và sĩ quan Day và Mixon xuất hiện. Họ tường trình lại như sau:

Chúng tôi nhận được cuộc gọi của tài xế xe buýt báo rằng có một người phụ nữ da màu ngồi ở khu vực người da trắng và không chịu dời đi. Chúng tôi… cũng thấy cô ta. Tài xế đã ký lệnh bắt giữ. Rosa Parks (tham chiếu…) vi phạm điều 11 chương 6 trong quy định của thành phố Montgomery.

Hành động ngồi vào khu vực dành cho người da trắng trên tuyến xe buýt đi qua đại lộ Cleveland của Rosa Parks được xem là vi phạm luật Jim Crow của thành phố Alabama. Rosa bị phạt mười đô-la cộng với bốn đô-la án phí. Rosa Parks không phải là một hành khách ngẫu nhiên. Lúc này cô đã là thư ký của Hiệp hội Quốc gia vì sự tiến bộ của người da màu (NAACP) chi nhánh Montgomery, tổ chức lâu đời đấu tranh để thay đổi Hiến pháp miền Nam nước Mỹ. Việc cô bị bắt giữ đã châm ngòi cho một phong trào lớn do Martin Luther King, Jr. lãnh đạo, đó là đợt tẩy chay xe buýt ở Montgomery. Ngày 3/12, King và các vị lãnh tụ da đen khác đã phối

https://thuviensach.vn

hợp để tổ chức tẩy chay xe buýt, thuyết phục tất cả người da đen ngưng sử dụng xe buýt. Phong trào tẩy chay đã thành công và kéo dài đến ngày 20/12/1956. Sự việc này đã khởi đầu cho một quá trình mà kết quả cuối cùng là tòa án tối cao Hoa Kỳ đưa ra phán quyết rằng luật tách riêng khu vực da trắng - da màu trên xe buýt ở Alabama và Montgomery là vi hiến.

Cuộc tẩy chay xe buýt ở Montgomery là một cột mốc quan trọng cho phong trào nhân quyền ở miền Nam Hoa Kỳ. Phong trào này là một phần của một chuỗi các sự kiện và những thay đổi đã phá vỡ khuôn mẫu ở miền Nam và dẫn tới sự thay đổi cơ bản về thể chế. Như ta đã thấy ở chương 12, sau cuộc Nội chiến, các địa chủ miền Nam đã thành công trong việc tái thiết thể chế kinh tế chiếm đoạt. Miền Nam nghèo hơn hẳn so với những phần còn lại của Hoa Kỳ.

Bắt đầu từ những năm 1950 trở đi, thể chế miền Nam dần chuyển sang giai đoạn phát triển nhanh hơn. Thể chế chiếm đoạt bị loại bỏ ở miền Nam Hoa Kỳ cũng khác với thể chế thuộc địa của Botswana thời kỳ tiền độc lập. Thời điểm quyết định mở đầu quá trình sụp đổ của những thể chế này tuy có những điểm khác biệt nhưng vẫn có một số điểm tương đồng. Đầu những năm 1940, những nạn nhân của nạn phân biệt đối xử và thể chế chiếm đoạt như Rosa Parks đã có tính kế hoạch hơn trong quá trình đấu tranh của mình. Cùng lúc đó, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ và chính quyền liên bang bắt đầu có những hành động can thiệp mang tính hệ thống nhằm cải tạo thể chế chiếm đoạt ở miền Nam. Như vậy, một nhân tố chính giúp tạo nên thời điểm quyết định dẫn đến sự thay đổi ở miền Nam là vận động sức mạnh của người da đen địa phương và việc chấm dứt sự thống trị mặc nhiên của tầng lớp quý tộc miền Nam.

Thể chế chính trị miền Nam, trước và sau cuộc Nội chiến, có một lôgic kinh tế rõ ràng và không khác mấy so với chế độ Apartheid ở Nam Phi: tìm nguồn lao động rẻ cho các đồn điền. Nhưng đến những năm 1950, lôgic này đã không còn hấp dẫn như trước. Thứ nhất, người da đen ở miền

https://thuviensach.vn

Nam di cư ồ ạt, một hệ quả của cuộc Đại Suy thoái và Thế chiến thứ hai. Trong những năm 1940 và 1950, con số di cư này trung bình lên đến một trăm nghìn người một năm. Trong khi đó, những tiến bộ về công nghệ được áp dụng dần vào sản xuất nông nghiệp, hạn chế sự phụ thuộc của chủ đồn điền vào lao động rẻ tiền. Công việc lao động chủ yếu trong đồn điền là hái bông. Năm 1950 hầu hết tất cả bông ở miền Nam đều được hái bằng tay. Và quá trình cơ giới hóa việc hái bông đã giảm đi nhu cầu về loại lao động này. Đến năm 1960, ở những bang quan trọng là Alabama, Louisiana và Mississippi, gần một nửa quy trình sản xuất đã được cơ giới hóa. Không chỉ việc giữ chân người da đen ở lại miền Nam trở nên khó hơn, mà bản thân chủ đồn điền cũng không còn cần đến họ nhiều như trước. Vì thế, tầng lớp quý tộc không còn nhiều lý do để đấu tranh nhằm giữ lại thể chế kinh tế chiếm đoạt. Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa là họ sẵn sàng chấp nhận các thay đổi trong hiến pháp. Thay vào đó, mâu thuẫn kéo dài đã diễn ra. Liên minh lạ thường giữa những người da đen miền Nam và thể chế dung hợp liên bang của Hoa Kỳ đã tạo nên một thế lực để chống lại thể chế chiếm đoạt miền Nam và tiến tới sự bình đẳng về nhân quyền và quyền chính trị cho người da đen, cũng như phá bỏ những rào cản phát triển kinh tế ở miền Nam Hoa Kỳ.

Động lực thay đổi quan trọng nhất vẫn là phong trào nhân quyền. Sự kiện dẫn đường là tập hợp sức mạnh của người da đen miền Nam thông qua việc chống đối thể chế chiếm đoạt, yêu cầu quyền của mình, biểu tình và vận động cho các quyền này, như sự kiện ở Montgomery. Người da đen đã không đơn độc bởi miền Nam không phải là một quốc gia riêng biệt, và những yếu nhân ở đây không có quyền lực tự do như ở những nơi như Guatemala. Là một phần của Hoa Kỳ, miền Nam phải tuân theo Hiến pháp Hoa Kỳ và luật pháp liên bang. Mong muốn cải cách miền Nam cuối cùng cũng nhận được sự ủng hộ của cơ quan lập pháp, hành pháp và Tòa án Tối cao Mỹ một phần là do tiếng tăm của phong trào nhân quyền đã vươn ra khỏi miền Nam, nhờ đó huy động được sự hỗ trợ của chính quyền liên bang.

https://thuviensach.vn

Sự can thiệp của chính quyền liên bang trong việc cải cách thể chế bắt đầu với quyết định của Tòa án Tối cao vào năm 1944 rằng việc chỉ cho phép người da trắng bầu cử là vi hiến. Người da đen đã bị tước quyền bầu cử từ những năm 1890 thông qua việc sử dụng thuế bầu cử và những bài kiểm tra trình độ học vấn. Những bài kiểm tra này thường xuyên bị thao túng theo hướng phân biệt đối xử đối với người da đen, trong khi vẫn cho phép người nghèo và người mù chữ da trắng đi bầu cử. Một ví dụ nổi tiếng là đầu những năm 1960, một cử tri da trắng ở Louisiana được đánh giá là biết chữ dù đưa ra câu trả lời "FRDUM FOOF SPETGH" cho câu hỏi về thể chế bang (mà lẽ ra phải là "FREEDOM OF SPEECH" – ND). Quyết định của Tòa án Tối cao năm 1944 là sự động viên mở đầu cho một trận chiến kéo dài nhằm mang lại quyền lợi chính trị cho người da đen. Tòa án cũng hiểu được tầm quan trọng của việc nới lỏng quyền kiểm soát của người da trắng đối với các đảng chính trị.

Quyết định đó được nối tiếp bởi vụ kiện giữa Brown và Bộ Giáo dục năm 1954, khi Tòa án Tối cao cho rằng việc bang bắt buộc có những trường học và các khu vực công cộng khác dành riêng cho người da trắng là vi hiến. Năm 1962, Tòa án Tối cao lại hạ gục một trụ cột khác của độc quyền chính trị của giới quyền thế da trắng: sự bất cân xứng giữa giữa tỷ lệ số đại biểu và tỷ lệ dân số mà các đại biểu này đại diện trong hệ thống lập pháp (legislative malapportionment). Một ủy ban lập pháp bị thiếu cân bằng về tỷ lệ đại biểu - cũng như những "quận rỗng" ở Anh trước khi có Đạo luật cải cách thứ nhất - khi một số vùng có nhiều đại diện hơn mức cho phép so với số dân của vùng đó. Sự thiếu công bằng ở miền Nam thể hiện ở việc khu vực nông thôn - hang ổ của các chủ đồn điền quyền thế miền Nam - có số lượng đại diện vượt trội so với thành thị. Tòa án Tối cao đã chấm dứt việc này vào năm 1962 thông qua quyết định trong vụ kiện Baker và Carr, đưa ra tiêu chuẩn "mỗi người một phiếu".

Tuy nhiên, tất cả những nỗ lực quản lý của Tòa án Tối cao sẽ không thể có ảnh hưởng rộng lớn nếu chúng không được áp dụng. Trong thập niên

https://thuviensach.vn

cuối của thế kỷ 19, điều luật liên quan tới việc thả tự do cho những người da đen ở miền Nam đã không được thực hiện, bởi việc hành pháp địa phương nằm trong tay giới quyền thế miền Nam và Đảng Dân chủ, và bản thân chính quyền liên bang cũng không có vấn đề gì với tình trạng này. Nhưng khi người da đen bắt đầu nổi dậy chống lại giới quyền thế, pháo đài ủng hộ Jim Crow cũng phải sụp đổ, và Đảng Dân chủ được dẫn dắt bởi những thành phần không phải từ miền Nam cũng quay sang chống lại sự phân biệt chủng tộc. Những thành viên vẫn còn ủng hộ tệ phân biệt chủng tộc của Đảng Dân chủ đã lập nên một đảng mới mang tên Đảng Dân chủ về Quyền của Bang (States' Rights Democratic Party) và tham gia tranh cử ở lượt bầu cử tổng thống năm 1948. Strom Thurmond, ứng cử viên của họ, thắng ở bốn bang và giành được 39 phiếu đại cử tri. Tất nhiên, vẫn còn một khoảng cách quá xa giữa kết quả này với quyền lực mà Đảng Dân chủ đã hợp nhất được trong lĩnh vực chính trị toàn quốc và sự thao túng của giới quyền thế đối với đảng này ở miền Nam. Thế nhưng, mục tiêu trọng tâm trong chiến dịch của Strom Thurmond là thách thức khả năng của chính quyền liên bang trong việc can thiệp vào thể chế miền Nam. Ông phát biểu mạnh mẽ về vị thế này của mình: "Kính thưa quý ông, quý bà, tôi muốn nói với quý ông, quý bà rằng chúng ta sẽ không có đủ quân đội để buộc người dân miền Nam phải từ bỏ sự phân biệt chủng tộc và thừa nhận bọn da đen, chấp nhận chúng trong nhà hát, hồ bơi, trong nhà thờ và trong chính ngôi nhà của chúng ta".

Thực tế chứng minh Thurmond đã sai. Sự cai trị của Tòa án Tối cao đồng nghĩa với việc các cơ sở giáo dục ở miền Nam, kể cả Đại học Mississipi ở thành phố Oxford, phải phục vụ cho mọi người và mọi sắc tộc. Năm 1962, sau một thời gian kiện tụng kéo dài, tòa án liên bang đã quyết định trường Đại học Mississipi ở thành phố Oxford phải tiếp nhận James Meredith, một cựu chiến sĩ không quân trẻ da đen. Sự chống đối đối với việc thực hiện quyết định trên được điều khiển bởi những nhóm người thường được gọi là Hội đồng Công dân, vốn được thành lập để chống lại việc kết thúc phân biệt chủng tộc ở miền Nam (trong số này, hội đồng đầu

https://thuviensach.vn

tiên được thành lập tại Indianola thuộc bang Mississippi vào năm 1954). Ngày 13/9, thống đốc bang Ross Barnett đã công khai bác bỏ quyết định mang tính chống phân biệt chủng tộc này của Tòa án Tối cao trên truyền hình và tuyên bố rằng các trường đại học của bang thà đóng cửa còn hơn đồng ý không phân biệt chủng tộc. Cuối cùng, sau rất nhiều thương lượng giữa Barnett với Tổng thống John Kennedy và Tổng chưởng lý Robert Kennedy tại Washington, chính quyền liên bang đã can thiệp mạnh mẽ để phán quyết trên của Tòa án Tối cao được thực hiện. Đích thân cảnh sát Hoa Kỳ sẽ đưa Meredith đến Oxford vào một ngày ấn định trước. Đúng như dự đoán, những người ủng hộ thuyết người da trắng ưu việt bắt đầu tập hợp lại. Ngày 30/9, một ngày trước khi Meredith được đưa vào trường đại học, cảnh sát Hoa Kỳ đã xâm nhập khuôn viên trường và bao vây tòa nhà chính. Khoảng 2.500 người đã tụ tập để biểu tình, và bạo động đã diễn ra. Cảnh sát phải sử dụng hơi cay để giải tán đám đông quá khích nhưng không thành công và xung đột giữa hai bên nhanh chóng xảy ra. Đến 10 giờ tối, quân đội liên bang được lệnh điều động đến thành phố này để tái thiết trật tự. Chẳng bao lâu sau đã có khoảng 20 nghìn binh sĩ và 11 nghìn vệ binh quốc gia xuất hiện ở Oxford. Tổng cộng 300 người đã bị bắt giữ. Meredith quyết định ở lại trường và dưới sự bảo vệ của cảnh sát tòa án liên bang (U.S marshals) và 300 binh sĩ, anh cuối cùng đã tốt nghiệp Đại học Mississipi của thành phố Oxford.

Luật pháp liên bang đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành lại bộ máy nhà nước ở miền Nam. Trong quá trình thông qua Đạo luật đầu tiên về Quyền Dân sự vào năm 1957, Strom Thurmond, lúc đó là thượng nghị sĩ, đã diễn thuyết không ngừng nghỉ trong vòng 24 giờ 18 phút để ngăn chặn, hoặc ít nhất là làm trì hoãn, việc thông qua đạo luật này. Trong bài diễn thuyết của mình, ông đã trích dẫn mọi thứ, từ Bản Tuyên ngôn Độc lập cho đến những cuốn danh bạ điện thoại, nhưng đều vô hiệu. Đạo luật năm 1957 đã được chỉnh sửa và nâng cao thành Đạo luật về Quyền Dân sự năm 1964 nghiêm cấm tất cả mọi điều luật và hủ tục có tính phân biệt chủng tộc ở các bang. Đạo luật về Quyền bầu cử năm 1965 tuyên

https://thuviensach.vn

bố mọi bài kiểm tra học vấn và các loại thuế bắt buộc khi tham gia bầu cử cũng như bất cứ phương pháp nào khác được áp dụng để tước đi quyền bầu cử của người da đen đều bất hợp pháp. Điều này cũng giúp tăng cường sự giám sát của liên bang đối với việc bầu cử ở từng bang.

Tất cả các sự kiện trên đã tác động rất nhiều đến sự thay đổi của nền kinh tế và bộ máy chính trị của miền Nam. Cụ thể, ở bang Mississipi vào năm 1960, chỉ khoảng 5% người da đen có quyền bầu cử. Đến năm 1970 con số này đã tăng lên thành 50%. Tại Alabama và Nam Carolina, con số này cũng tăng dần từ khoảng 10% trong năm 1960 thành 50% vào 1970. Khuynh hướng này đã biến đổi bản chất của bầu cử, ở cả cấp độ địa phương và quốc gia. Quan trọng hơn, sự ủng hộ chính trị của Đảng Dân chủ, đảng chiếm ưu thế, đối với những thể chế chiếm đoạt phân biệt chủng tộc dần bị mai một. Một chuỗi những thay đổi trong thể chế kinh tế đã được rộng lối để tiến hành. Trước khi có sự cải cách thể chế vào những năm 1960, hầu hết người da đen không được phép làm việc trong các nhà máy dệt. Năm 1960, chỉ có khoảng 5% người lao động trong các nhà máy dệt ở miền Nam là người da đen. Đạo luật về Quyền Dân sự đã ngăn chặn sự phân biệt đối xử này. Đến năm 1970, tỷ lệ trên tăng lên 15%; đến năm 1990 là 25%. Phân biệt đối xử về kinh tế giảm dần, cơ hội học hành tăng lên đáng kể và thị trường lao động miền Nam đã ngày càng cạnh tranh hơn. Cùng với thể chế dung hợp là những tiến bộ vượt bậc về kinh tế ở miền Nam. Năm 1940, thu nhập bình quân đầu người ở các bang miền Nam chỉ bằng 50% so với toàn nước Mỹ. Điều này bắt đầu thay đổi vào những năm cuối thập niên 1940 và 1950. Đến năm 1990, khoảng cách trên về cơ bản đã không còn.

Cũng như ở Botswana, điều quan trọng ở miền Nam Hoa Kỳ là sự phát triển song hành của thể chế kinh tế và chính trị dung hợp. Cơ sở của điều này chính là sự xuất hiện song song giữa tình trạng bất mãn ngày càng tăng của người da đen dưới thể chế chiếm đoạt miền Nam với sự lung lay của chế độ độc đảng của Đảng Dân chủ ở đây. Một lần nữa, chúng ta thấy

https://thuviensach.vn

chính thể chế hiện hành giúp hình thành con đường thay đổi. Trong trường hợp này, điều then chốt là thể chế của miền Nam đã xuất hiện trong bối cảnh thể chế dung hợp đã hình thành ở nhiều bang khác của Mỹ. Điều này cho phép người da đen ở miền Nam có thể vận động chính quyền và thể chế liên bang hỗ trợ cho mục đích của mình. Toàn bộ quá trình này còn được tạo điều kiện thuận lợi bởi một thực tế là các thế lực ở miền Nam không sẵn sàng gây hấn thêm nữa khi tình hình kinh tế lúc bấy giờ, với sự di cư ào ạt của cộng đồng da đen và sự cơ giới hóa quy trình sản xuất sợi bông, đã có nhiều thay đổi.

SỰ HỒI SINH Ở TRUNG QUỐC

Dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông, vào năm 1949, Đảng Cộng sản cuối cùng cũng đã lật đổ được chủ nghĩa dân tộc do Tưởng Giới Thạch cầm đầu. Ngày 1/10 năm đó, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập và các thể chế chính trị và kinh tế thiết lập sau đó đều mang tính chiếm đoạt. Kể từ thời điểm đó, không có một tổ chức chính trị nào khác được thành lập. Cho tới khi Mao Trạch Đông qua đời vào năm 1976, ông đã chi phối hoàn toàn Đảng Cộng sản và chính quyền Trung Quốc. Song hành với thể chế chính trị chiếm đoạt và độc tài ấy là các thể chế kinh tế chiếm đoạt. Ngay sau khi cầm quyền, Mao quốc hữu hóa đất đai và bãi bỏ mọi quyền sở hữu. Các địa chủ cũng như các thành phần phản động, chống chính quyền đều bị thanh trừng. Về cơ bản, nền kinh tế thị trường bị bãi bỏ. Dần dần, nông dân được tập hợp thành các công xã. Tiền và lương được thay thế bằng “điểm thưởng” để sử dụng trong trao đổi hàng hóa. Năm 1956, với mục đích gia tăng quyền kiểm soát về chính trị và kinh tế, giấy thông hành trong nước được ban hành rộng rãi, loại bỏ bất kỳ sự di chuyển trái phép nào. Tương tự, công nghiệp cũng bị quốc hữu hóa, và Mao Trạch Đông khởi xướng một nỗ lực đầy tham vọng: khuyến khích sự phát triển leo thang của các ngành công nghiệp thông qua các kế hoạch 5 năm, phỏng theo mô hình của Liên Xô.

https://thuviensach.vn

Cũng giống như mọi thể chế chiếm đoạt, chính quyền Mao Trạch Đông ra sức bòn rút tài nguyên trên chính đất nước rộng lớn mà ông kiểm soát. Tương tự như trường hợp chính quyền Sierra Leone và ủy ban vật giá của họ, Đảng Cộng sản Trung Quốc chiếm thế độc quyền trong việc buôn bán các mặt hàng nông sản như gạo và ngũ cốc, và dùng sự độc quyền này để đánh sưu cao thuế nặng lên nông dân. Các nỗ lực công nghiệp hóa đất nước trở thành cú "Đại nhảy vọt" đầy tai tiếng. Sau đó, vào năm 1958 với sự ra đời của kế hoạch 5 năm, Mao chủ tịch tuyên bố sản lượng thép sẽ tăng gấp đôi dựa vào một nhúm lò luyện kim "sân sau" quy mô nhỏ. Ông mạnh miệng khẳng định trong vòng 15 năm, sản lượng thép của Trung Quốc sẽ ngang ngửa với Anh. Vấn đề duy nhất nằm ở chỗ không hề có một cách thức khả thi nào có thể đạt được những mục tiêu đó. Để theo kịp tiến độ, ngay cả kim loại phế liệu cũng bị đưa vào sử dụng, người dân buộc phải nấu chảy nồi, niêu và ngay cả công cụ làm đồng áng của mình như cuốc cày. Nông dân, đáng lẽ phải trông nom việc đồng áng thì lại phải ra sức luyện thép; cuốc cày bị nung chảy và ra đi cùng với chúng là khả năng nuôi sống bản thân và đất nước của người nông dân. Nạn đói khủng khiếp hoành hành tại các vùng nông thôn. Mặc dù các học giả còn nhiều tranh cãi về vai trò chính sách của Mao Trạch Đông và song song với chúng là tác hại của hạn hán, nhưng không một ai nghi ngờ phong trào Đại Nhảy vọt đóng vai trò chủ chốt trong việc gây ra cái chết của khoảng 20 đến 40 triệu người Trung Quốc. Không ai biết chính xác con số, bởi chính quyền Mao Trạch Động không thu thập số liệu ghi lại sự tàn ác của chế độ. Thu nhập trên đầu người giảm đi 1/4 so với trước.

Đại Nhảy vọt đã làm thay đổi suy nghĩ của Đặng Tiểu Bình - một thành viên thâm niên của Đảng Cộng sản, một vị tướng lừng danh trong suốt cuộc cách mạng và là người lãnh đạo phong trào "Chống cánh hữu", một cuộc thanh trừng trá hình những "kẻ thù của công cuộc đổi mới". Tại một hội nghị ở Quảng Châu thuộc miền nam Trung Quốc vào năm 1961, ông phát biểu rằng: "Mèo đen hay trắng không quan trọng, miễn là bắt được chuột". Chính sách mang tính chất cộng sản hay không không phải là

https://thuviensach.vn

vấn đề; Trung Quốc cần những chính sách khuyến khích sản xuất để có thể nuôi sống người dân.

Tuy nhiên, chỉ ít lâu sau, Đặng Tiểu Bình đã phải lãnh hậu quả cho chính thực tế mà ông vừa nhận ra. Ngày 16/5/1966, Mao Trạch Đông tuyên bố rằng cuộc cải cách đang trong vòng nguy hiểm bởi có những thế lực tư sản đang ngấm ngầm phá hoại chế độ Cộng sản Trung Quốc với ý đồ tái tạo chủ nghĩa tư bản. Do đó, Mao Trạch Đông phát động cuộc Đại Cách mạng Văn hóa Vô sản, còn được gọi là Cách mạng Văn hóa. Cuộc Cách mạng dựa trên 16 điều cốt yếu, trong đó điều thứ nhất như sau:

Mặc dù giai cấp tư sản đã bị đánh bại, chúng vẫn không ngừng tuyên truyền những lối suy nghĩ, văn hóa, phong tục cổ hủ và thói quen của tầng lớp bóc lột để làm suy đồi số đông, thu hút họ và cố gắng để trở lại. Giai cấp vô sản phải làm điều ngược lại: để thay đổi bộ mặt tinh thần của xã hội, họ phải đối đầu trực diện với mọi thách thức của giai cấp tư sản trên mặt trận ý thức hệ và đưa những tư tưởng, văn hóa, phong tục và thói quen mới áp dụng vào thực tiễn. Ở thời điểm hiện tại, mục tiêu của chúng ta là phải đấu tranh chống lại những kẻ đang nắm quyền nhưng lại mang tư tưởng tư sản, phải chỉ trích và phản đối những kẻ phản động đội lốt lãnh đạo giáo dục cũng như hệ tư tưởng của tư sản và mọi tầng lớp bóc lột khác, phải cải cách toàn bộ hệ thống giáo dục, văn học, nghệ thuật và bất kỳ thành phần nào của kiến trúc thượng tầng đang không phù hợp với cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội chủ nghĩa, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự thống nhất và phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Giống như phong trào "Đại nhảy vọt", cuộc Cách mạng Văn hóa cũng nhanh chóng gây thiệt hai nặng nề cho nền kinh tế và cho đời sống nhân dân. Các đơn vị hồng vệ binh được thành lập khắp cả nước mà thành viên là những thanh niên trẻ tuổi và năng nổ của Đảng Cộng sản với nhiệm vụ thanh trừng những kẻ đối nghịch. Vô số người bị giết, giam cầm hoặc đày ải. Trước những băn khoăn về mức độ bạo lực, Mao bình thản: "Gã Hít-le

https://thuviensach.vn

còn dã man hơn thế. Chẳng phải càng dã man càng tốt hơn sao? Càng nhiều người bị giết, cách mạng càng thành công".

Bị gán tội danh thân tư sản mức độ hai, năm 1967, Đặng Tiểu Bình bị tống giam, đến năm 1969 thì bị đày tới tỉnh Giang Tô và cải tạo lao động trong một công xưởng nông thôn. Năm 1974, ông được thả về, và Mao Trạch Đông bị thủ tướng Chu Ân Lai thuyết phục nên đã bổ nhiệm Đặng Tiểu Bình làm phó thủ tướng thứ nhất của Trung Quốc. Năm 1975, ông giám sát việc soạn thảo ba văn kiện quan trọng của đảng mà nếu chúng được ban hành và thực thi thì Trung Quốc đã phát triển theo một đường lối mới. Những văn kiện này kêu gọi cải cách giáo dục đại học, một động cơ cần thiết cho công nghiệp và nông nghiệp, và yêu cầu khai trừ những thành viên cánh tả ra khỏi đảng. Ở thời điểm đó, sức khỏe của Mao đã suy sụp nghiêm trọng và quyền lực rơi vào tay một thành viên cánh tả khác, người mà Đặng Tiểu Bình có ý muốn tước bỏ quyền lực. Giang Thanh, vợ của Mao Trạch Đông, cùng với ba trong số những cộng tác thân cận của bà (thường được biết tới dưới tên gọi "Bè lũ bốn tên") là những người ủng hộ nhiệt tình cho cuộc Cách mạng Văn hóa và sự áp bức mà nó đem lại. Chúng dự định sử dụng cùng phương cách đó để điều hành đất nước dưới chế độ độc tài. Ngày 5/4, một cuộc tuần hành tự phát để vinh danh cuộc đời của Chu Ân Lai tại quảng trường Thiên An Môn bỗng biến thành cuộc biểu tình chống chính phủ. Bè lũ bốn tên đổ trách nhiệm cho Đặng Tiểu Bình khiến ông, một lần nữa, bị tước mọi chức vụ và bị đẩy khỏi chính trường. Thay vì loại bỏ được cánh tả, chính cánh tả lại loại bỏ ông. Sau khi chu Ân Lai qua đời, Mao Trạch Đông chỉ định Hoa Quốc Phong, thay vì Đặng Tiểu Bình, lên làm quyền thủ tướng. Trong cuộc lật đổ quyền lực năm 1976, Hoa đã tích lũy được khá nhiều quyền lực cá nhân.

Đến tháng 9 thì xuất hiện một biến cố quan trọng: Mao Trạch Đông qua đời. Từ trước đến giờ, Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn nằm dưới sự lãnh đạo của Mao. Phong trào Đại Nhảy vọt hay cuộc Cách mạng Văn hóa phần lớn đều bắt nguồn từ ý tưởng và những bước đi ban đầu của ông. Với

https://thuviensach.vn

sự ra đi của Mao Trạch Đông, một cuộc khủng hoảng quyền lực diễn ra, dẫn tới những xung đột giữa các thế lực có tầm nhìn và tư tưởng khác nhau về kết quả của sự thay đổi. Bè lũ bốn tên dự định tiếp tục với chính sách Cách mạng Văn hóa vì đó là cách thức duy nhất củng cố quyền lực của chúng và của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong khi đó, Hoa Quốc Phong mong muốn loại bỏ Cách mạng Văn hóa, tuy nhiên điều đó dường như không dễ dàng bởi chính nhờ nó, ông mới có được thân thế và quyền lực trong đảng. Thế nên Hoa ủng hộ một lối đi mới cân bằng hơn dù vẫn theo tầm nhìn của họ Mao, được gói gọn trong "hai phàm là" ("Two Whatevers") như tờ *Nhân Dân Nhật báo,* cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc đăng tải năm 1977. Hoa lập luận: "Chúng ta quyết tâm duy trì mọi quyết định chính trị của Mao chủ tịch, và một lòng dấn bước trên con đường mà Chủ tịch đã vạch ra".

Giống như Hoa Quốc Phong, Đặng Tiểu Bình cũng không muốn thủ tiêu chế độ cộng sản và thay thế nó bởi thị trường dung hợp. Quyền lực mà ông cũng như một nhóm người khác có được lúc bấy giờ đều do cuộc Cách mạng vô sản mang lại. Tuy nhiên ông và những người ủng hộ tin là hoàn toàn có thể đạt được sự tăng trưởng kinh tế đáng kể mà không ảnh hưởng tới quyền lực chính trị của mình: Họ sở hữu một khuôn mẫu phát triển kinh tế dưới thể chế chiếm đoạt chính trị hoàn toàn vô hại cho quyền lực của họ, bởi vì người dân Trung Hoa lúc bấy giờ đang chỉ có một khát khao cháy bỏng là cải thiện đời sống, và cũng bởi vì những kẻ đối nghịch đáng kể của đảng đều đã bị loại trừ hoàn toàn dưới thời Mao Trạch Đông với cuộc Cách mạng Văn hóa. Để đạt được điều này, họ phải loại bỏ không chỉ cuộc Cách mạng Văn hóa mà cả phần lớn thể chế do họ Mao để lại. Họ nhận ra rằng chỉ có những động thái đáng kể tiến đến thể chế kinh tế dung hợp mới có thể tạo ra tăng trưởng kinh tế cần thiết. Thế nên họ mong muốn cải cách kinh tế và củng cố vai trò của các động cơ và sức mạnh thị trường. Họ cũng có tham vọng mở rộng phạm vi của quyền sở hữu cá nhân và giảm bớt vai trò của Đảng Cộng sản trong xã hội cũng như trong quản lý chính quyền, loại bỏ những khái niệm như đấu tranh giai cấp. Bè phái của Đặng Tiểu

https://thuviensach.vn

Bình vô cùng niềm nở trước các nguồn đầu tư nước ngoài và giao thương quốc tế, hy vọng theo đuổi một chính sách tích cực hơn trong việc hội nhập kinh tế toàn cầu. Dù vậy, vẫn tồn tại những giới hạn: việc gây dựng một thể chế kinh tế dung hợp thật sự và giảm bớt tối đa sự kìm kẹp đối với nền kinh tế không phải là những con đường bằng phẳng.

Quyền lực của Hoa Quốc Phong và cách ông sử dụng nó để chống lại Bè lũ bốn tên là một bước ngoặt lớn cho Trung Quốc. Trong vòng một tháng sau cái chết của Mao Trạch Đông, Hoa đã khuấy động một cuộc đảo chính chống lại Bè lũ bốn tên, khiến chúng bị tống giam. Tháng 3/1977, Hoa phục chức cho Đặng Tiểu Bình. Dòng chảy lịch sử và những sự kiện quan trọng tiếp theo đã giúp Đặng qua mặt Hoa trên chiếu bài chính trị. Đặng Tiểu Bình khuyến khích công chúng phê phán Cách mạng Văn hóa và đưa những người từng bị đày ải trong thời kỳ đó lên nắm giữ những chức vụ quan trọng trong Đảng Cộng sản. Việc không thể lên án Cách mạng Văn hóa đã làm suy yếu quyền lực của Hoa Quốc Phong. So với Đặng, Hoa cũng chỉ là một kẻ đến sau, thiếu vây cánh và những mối quan hệ vững chắc mà Đặng đã gây dựng được trong suốt một thời gian dài. Trong một loạt bài phát biểu sau đó, Đặng đã ra sức chỉ trích chính sách của Hoa. Tháng 9/1978, Đặng công khai công kích “hai phàm là”, bày tỏ ý kiến về việc thay vì để những lời nói của Mao Trạch Đông quyết định chính sách thì cách tiếp cận đúng đắn nhất lúc bấy giờ là “tìm kiếm chân lý trong thực tế”.

Một cách khôn ngoan, Đặng đã đè nặng áp lực công chúng lên vai Hoa, thể hiện rõ nhất trong phong trào Bức tường Dân chủ năm 1978, khi người dân viết ra những bức xúc về đất nước lên một bức tường ở Bắc Kinh. Tháng 7/1978, Hồ Kiều Mộc, một trong những người thuộc phe ủng hộ Đặng Tiểu Bình, đã trình bày một vài nguyên tắc cơ bản trong việc cải cách kinh tế, trong đó có những lưu ý về việc cần phải được trao khả năng chủ động và quyền hành lớn hơn cho các xí nghiệp để họ có thể tự đưa ra những quyết định sản xuất. Giá cả phải phản ảnh cung- cầu thay vì do nhà

https://thuviensach.vn

nước bao cấp, và việc kiểm soát của quốc gia đối với nền kinh tế nói chung cần phải được tháo gỡ. Đây là những gợi ý hết sức cấp tiến nhưng hợp thời do ảnh hưởng của Đặng đang lên. Tháng 11 và 12/1978, Hội nghị Trung ương III của Đại hội đảng lần thứ XI đã mang đến sự đột phá. Bất chấp sự phản đối của Hoa Quốc Phong, mục tiêu của đảng được xác định không phải là đấu tranh giai cấp mà là hiện đại hóa nền kinh tế. Đại hội đã tuyên bố một vài thử nghiệm thăm dò như một "hệ thống khoán hộ" tại một số tỉnh; thực chất đây là nỗ lực đẩy lùi nông nghiệp tập thể và đưa khuyến khích kinh tế vào trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong vòng một năm sau đó, Ủy ban Trung ương được xác nhận là tâm điểm của khái niệm "chân lý từ thực tế" và tuyên bố cuộc Cách mạng Văn hóa là một đại họa thật sự cho người dân Trung Quốc. Trong thời kỳ này, Đặng Tiểu Bình đã củng cố quyền lực thông qua việc bổ nhiệm những người ủng hộ mình vào các vị trí quan trọng trong đảng, quân đội và chính quyền. Tuy vẫn phải cẩn trọng trong từng bước đi chống lại những người ủng hộ Hoa Quốc Phong trong Ủy ban Trung ương, ông cũng đã tạo được một nền tảng quyền lực vững chắc. Đến năm 1980, Hoa buộc phải từ chức, và Triệu Tử Dương lên thay. Năm 1982, Hoa rời khỏi Ủy ban Trung ương. Chưa dừng lại ở đó, tại Đại hội đảng lần thứ XII năm 1982, và ngay sau đó tại Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc vào tháng 8/1985, Đặng Tiểu Bình gần như đã hoàn tất việc cải tổ bộ máy lãnh đạo đảng và Bộ Chính trị với những con người trẻ tuổi và có tư tưởng cấp tiến. Nếu so sánh giữa năm 1980 đến 1985, thì đã có 21 trong số 26 thành viên của Bộ Chính trị, 8 trong số 11 thành viên của Ban bí thư của Đảng Cộng sản, và 10 trong số 18 phó thủ tướng đã bị thay thế.

Lúc bấy giờ Đặng Tiểu Bình và các nhà cải cách đã hoàn tất cuộc cách mạng chính trị và nắm quyền kiểm soát toàn bộ đất nước. Tiếp theo đó, họ phát động một chuỗi thay đổi trong thể chế kinh tế, trước tiên là trong nông nghiệp. Cho đến năm 1983, hệ thống trách nhiệm hộ gia đình (khoán hộ), phỏng theo ý tưởng của Hồ Kiều Mộc với mong muốn đem lại những động cơ kinh tế cho nông dân, đã được áp dụng rộng rãi. Năm 1985 việc bắt buộc mua bán lương thực trong nước bị bãi bỏ, thay vào đó là một hệ thống

https://thuviensach.vn

bao gồm những khế ước mang tính tự nguyện hơn. Quyền kiểm soát của nhà nước lên giá thành các mặt hàng nông nghiệp ngày được nới lỏng. Ở thành thị, các tập đoàn nhà nước được giao thêm quyền tự trị, và 14 "thành phố mở" được xác lập, thu hút nhiều nguồn đầu tư nước ngoài.

Nền kinh tế ở nông thôn phát triển trước nhất. Việc áp dụng những chính sách khích lệ đã làm năng suất nông nghiệp tăng cao đáng kể. Năm 1984, sản lượng lương thực đã cao hơn 1/3 so với năm 1978, mặc dù số lượng người tham gia sản xuất ít hơn. Nhiều người đã làm việc trong các ngành công nghiệp nông thôn mới, gọi nôm na là các xí nghiệp hương trấn. Tuy nằm ngoài kế hoạch công nghiệp hóa đất nước, những điều này đều được phép phát triển sau năm 1979, thời điểm mà Trung Quốc chấp thuận cho các công ty mới được tham gia thị trường và cạnh tranh với các công ty nhà nước. Dần dần các chính sách khuyến khích kinh tế cũng được đưa vào lĩnh vực công nghiệp, mà cụ thể là len lỏi vào hoạt động của các công ty nhà nước, mặc dù tại thời điểm này chưa hề có một dấu hiệu nào của sự tư hữu hóa, điều mà phải đến giữa thập niên 1990 mới xuất hiện.

Việc loại bỏ những thể chế kinh tế có tính chiếm đoạt và thay bằng những thể chế có tính dung hợp hơn đã đem lại sự hồi sinh cho Trung Quốc. Những bước khởi đầu tích cực trên thị trường nông nghiệp và công nghiệp mà theo sau là nguồn đầu tư nước ngoài và kỹ thuật đã đưa Trung Quốc lên con đường phát triển kinh tế vượt bậc. Như chúng ta sẽ bàn luận kỹ hơn ở chương kế tiếp, đây vẫn là sự phát triển diễn ra trong khuôn khổ của thể chế chính trị chiếm đoạt, cho dù thể chế chính trị này không hà khắc như những thể chế dưới thời Cách mạng Văn hóa và các thể chế kinh tế đã phần nào trở nên khá dung hợp. Tuy nhiên những điều này không làm lu mờ tính cấp tiến trong những biến đổi của thể chế kinh tế. Ngay cả khi không thay đổi về thể chế chính trị thì Trung Quốc cũng đã phá vỡ khuôn mẫu. Tương tự như Botswana và miền Nam nước Mỹ, những biến đổi trọng yếu diễn ra ở thời điểm quyết định - trong trường hợp của Trung Quốc là cái chết của Mao Trạch Đông. Chúng diễn ra một cách ngẫu nhiên,

https://thuviensach.vn

thậm chí là rất ngẫu nhiên, vì không có gì là tất yếu trong việc Bè lũ bốn tên bị mất hết quyền lực; và nếu như Bè lũ bốn tên vẫn còn nắm quyền, Trung Quốc chắc chắn sẽ không bao giờ chứng kiến một sự tăng trưởng kinh tế vượt bậc trong vòng 30 năm trở lại đây. Trong khi đó, sự tàn phá khủng khiếp và những nỗi đau mà người dân phải chịu từ cuộc Đại Nhảy vọt và Cách mạng Văn hóa đã hình thành những đòi hỏi rất bức thiết về thay đổi và cải cách; chính những đòi hỏi này là yếu tố quan trọng giúp Đặng Tiểu Bình và đồng minh giành chiến thắng trên mặt trận chính trị.

CŨNG GIỐNG NHƯ cuộc Cách mạng Vinh quang ở Anh, cuộc Cách mạng Pháp và Minh Trị Duy Tân ở Nhật, Botswana, Trung Quốc và miền Nam nước Mỹ là những ví dụ điển hình cho việc lịch sử không phải là tiền định. Mặc cho sự tồn tại của vòng xoáy đi xuống, các thể chế chiếm đoạt vẫn sẽ được thay thế bằng những thể chế dung hợp. Chỉ có điều là việc đó không hề dễ dàng. Để một quốc gia có thể vươn tới thể chế dung hợp cần phải có một sự tổng hợp các yếu tố, mà cụ thể là thời điểm quyết định cùng với một liên minh rộng lớn những cá nhân đang khát khao sự thay đổi hoặc là các thể chế thích hợp hiện hành. Và tất nhiên, một điều quan trọng không kém là sự may mắn, bởi bánh xe lịch sử luôn quay đều một cách ngẫu nhiên.

https://thuviensach.vn

15. TÌM HIỂU SỰ THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ

CÓ SỰ KHÁC BIỆT LỚN về mức sống giữa các khu vực khác nhau trên thế giới. Ngay cả những công dân nghèo nhất của Hoa Kỳ cũng có mức thu nhập và thụ hưởng những điều kiện chăm sóc y tế, giáo dục, dịch vụ công cộng, các cơ hội kinh tế và xã hội cao hơn rất nhiều so với đại đa số những người dân sống ở vùng hạ Sahara châu Phi, Nam Á và Trung Mỹ. Sự tương phản giữa Nam và Bắc Triều Tiên, giữa hai miền của thành phố Nogales, hay giữa Hoa Kỳ và Mexico nhắc nhở chúng ta rằng sự khác biệt giàu nghèo là một hiện tượng mới xảy ra gần đây. 500 năm về trước, Mexico, quê hương của nhà nước Aztec, chắc chắn giàu hơn so với các chính thể phương bắc. Mãi đến tận thế kỷ 19, Hoa Kỳ mới vượt qua được Mexico. Trong khi đó, sự chênh lệch về mức sống giữa hai bên bờ rào của Nogales thậm chí còn gần đây hơn nữa. Giữa Nam và Bắc Triều Tiên cũng không hề có sự khác biệt về kinh tế cũng như về xã hội và văn hóa trước khi đất nước bị chia cắt ở vĩ tuyến 38 sau Thế chiến thứ hai. Tương tự như vậy, phần lớn những khác biệt kinh tế chúng ta quan sát được ngày hôm nay chỉ mới xuất hiện trong vòng 200 năm trở lại đây.

Phải chăng đây là những kết cục tất yếu? Có phải việc Tây Âu, Hoa Kỳ và Nhật Bản sẽ trở nên thịnh vượng hơn rất nhiều so với vùng hạ Sahara châu Phi, châu Mỹ La-tinh và Trung Quốc trong vòng 200 năm trở lại đây là điều đã được lịch sử, địa lý, văn hóa hay dân tộc định sẵn? Có phải sự kiện Cách mạng công nghiệp nổ ra ở Anh trong thế kỷ 18, sau đó lan sang Tây Âu và các thuộc địa của châu Âu ở Bắc Mỹ và châu Úc là điều không thể tránh khỏi? Liệu một giả định trái ngược với thực tế, rằng Peru chứ không phải Anh là chiếc nôi của Cách mạng Vinh quang và Cách

https://thuviensach.vn

mạng công nghiệp, sau đó biến Tây Âu thành thuộc địa và biến người da trắng thành nô lệ, là điều có thể xảy ra hay chỉ là giả tưởng lịch sử?

Để trả lời, mà thực ra cũng là để hiểu lý do mà những câu hỏi trên được đặt ra, chúng ta cần có một lý thuyết giúp giải thích tại sao một số quốc gia rất thịnh vượng trong khi những quốc gia khác lại thất bại và đói nghèo. Lý thuyết này cần phải phân định cả những yếu tố tạo ra hay trì hoãn sự thịnh vượng lẫn nguồn gốc lịch sử của những yếu tố này, và cuốn sách này nhắm tới việc đề xuất một lý thuyết như vậy. Bất cứ một hiện tượng xã hội phức tạp nào, chẳng hạn như nguồn gốc của các quỹ đạo kinh tế và chính trị khác nhau của hàng trăm chính thể trên thế giới, đều thường có nhiều nguyên nhân. Do đó, đa số các nhà khoa học xã hội tránh xa những lý thuyết chỉ dựa vào một nguyên nhân duy nhất, đơn giản và phổ quát. Thay vào đó, họ tìm kiếm những cách lý giải khác nhau cho những kết quả trông có vẻ giống nhau vào các thời điểm và các khu vực khác nhau. Tuy vậy, ở đây chúng tôi đưa ra một lý thuyết đơn giản và sử dụng nó để giải thích các đường nét chính trong quá trình phát triển kinh tế và chính trị trên thế giới kể từ cuộc Cách mạng Thời kỳ Đồ đá mới. Sự lựa chọn này không phải bắt nguồn từ một niềm tin ngây thơ vào sự tồn tại của một lý thuyết có thể giúp giải thích tất cả mọi thứ, mà được thúc đẩy bởi niềm tin vào một lý thuyết giúp chúng ta tập trung vào sự tương đồng, chấp nhận bỏ qua hoặc phải trừu tượng hóa nhiều chi tiết khá thú vị. Khi đó, một lý thuyết thành công không phải là đi vào tái tạo các chi tiết, mà mang lại những cách lý giải hữu ích và có cơ sở thực nghiệm cho hàng loạt quá trình trong khi vẫn làm sáng tỏ các yếu tố chủ chốt.

Lý thuyết của chúng tôi cố gắng đạt được mục tiêu này trên hai cấp độ. Cấp độ đầu tiên là sự phân biệt giữa các thể chế kinh tế và chính trị có tính chiếm đoạt và có tính dung hợp. Cấp độ thứ hai là giải thích lý do khiến các thể chế dung hợp chỉ xuất hiện ở một số nơi trên thế giới mà không xuất hiện ở những nơi khác. Như vậy, trong khi ở cấp độ đầu tiên, lý thuyết của chúng tôi mang lại sự diễn giải về lịch sử từ góc độ thể chế, thì ở

https://thuviensach.vn

cấp độ thứ hai, lý thuyết này giải thích về cách thức lịch sử đã định hình quỹ đạo thể chế của các quốc gia như thế nào.

Mối liên kết giữa thịnh vượng với các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp đóng vai trò trung tâm trong lý thuyết của chúng tôi. Các thể chế kinh tế dung hợp luôn tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự tăng trưởng kinh tế so với các thể chế kinh tế chiếm đoạt, bởi các thể chế dung hợp thực thi tốt quyền sở hữu, tạo ra sân chơi bình đẳng và khuyến khích đầu tư vào công nghệ và kỹ năng mới giúp tăng trưởng kinh tế. Trong khi đó, các thể chế kinh tế chiếm đoạt được cấu trúc sao cho một nhóm thiểu số có thể chiếm đoạt nguồn lực từ nhiều người, đồng thời không bảo vệ quyền sở hữu hay không tạo ra khuyến khích đối với hoạt động kinh tế. Đến lượt chúng, các thể chế kinh tế dung hợp lại được hỗ trợ bởi, và hỗ trợ cho, các thể chế chính trị dung hợp; đó là những thể chế phân bổ quyền lực chính trị hết sức rộng rãi trên nguyên tắc đa nguyên và có thể đạt được một mức độ tập trung chính trị nhất định để thiết lập luật pháp và trật tự, làm nền tảng vững chắc cho các quyền sở hữu chắc chắn và cho nền kinh tế thị trường dung hợp. Tương tự, các thể chế kinh tế chiếm đoạt liên kết chặt chẽ với các thể chế chính trị chiếm đoạt, tập trung quyền lực vào tay một số ít người; và những người này sẽ có động cơ duy trì và phát triển các thể chế kinh tế chiếm đoạt phục vụ lợi ích riêng, đồng thời sử dụng nguồn lực chiếm đoạt được để củng cố quyền lực mà họ nắm giữ.

Những xu hướng này không có nghĩa là các thể chế kinh tế và chính trị chiếm đoạt không nhất quán với tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, nếu các yếu tố khác không đổi, thì giới quyền thế ở khắp mọi nơi đều muốn khuyến khích tăng trưởng càng nhiều để có thể chiếm đoạt nhiều hơn. Thông thường, những thể chế chiếm đoạt sau khi đã đạt được một mức độ tập trung chính trị tối thiểu nào đó sẽ có thể tạo ra một mức tăng trưởng nhất định. Tuy vậy, điều quan trọng là sự tăng trưởng dưới thể chế chiếm đoạt khó duy trì lâu dài bởi hai lý do chính. Trước hết, tăng trưởng kinh tế bền vững đòi hỏi sự phát minh đổi mới, mà đổi mới thì luôn đi kèm với sự phá

https://thuviensach.vn

hủy sáng tạo, nghĩa là thay thế cái cũ bằng cái mới trong lĩnh vực kinh tế, nhưng đồng thời làm những mối quan hệ quyền lực đã được thiết lập trên chính trường trở nên mất ổn định. Do giới quyền thế thống trị trong các thể chế chiếm đoạt luôn lo sợ sự phá hủy sáng tạo nên họ sẽ chống lại nó, và như vậy, bất kỳ sự tăng trưởng nào nảy mầm trong các thể chế chiếm đoạt cuối cùng cũng sẽ không tồn tại lâu dài. Thứ hai, việc những người thống trị trong các thể chế chiếm đoạt có khả năng hưởng lợi to lớn bằng tổn thất của các thành phần còn lại trong xã hội đồng nghĩa với việc đây là một quyền lực chính trị mà ai cũng thèm muốn, vì thế, các nhóm và các cá nhân sẽ đấu đá lẫn nhau để tranh giành quyền lợi đó. Kết quả là luôn có những áp lực mạnh mẽ thúc đẩy những xã hội theo thể chế chiếm đoạt hướng tới tình trạng bất ổn chính trị. Sự liên kết chặt chẽ giữa các thể chế kinh tế chiếm đoạt và các thể chế chính trị chiếm đoạt tạo ra một vòng xoáy đi xuống: một khi các thể chế chiếm đoạt đã được thiết lập thì sẽ có xu hướng tiếp tục tồn tại và duy trì. Tương tự như vậy, có một vòng xoáy đi lên giữa các thể chế kinh tế dung hợp và các thể chế chính trị dung hợp. Tuy nhiên, không có vòng xoáy nào là tuyệt đối. Trên thực tế, một vài quốc gia ngày nay sống trong các thể chế dung hợp là vì cho dù các thể chế chiếm đoạt từng thịnh hành trong lịch sử đất nước họ, một vài xã hội đã phá vỡ khuôn mẫu và chuyển hóa sang các thể chế dung hợp. Chúng tôi cho rằng sự chuyển hóa này mang tính lịch sử, nhưng không phải do lịch sử định sẵn. Sự thay đổi to lớn về thể chế, điều kiện tiên quyết cho những thay đổi về kinh tế, diễn ra do sự tương tác giữa những thể chế hiện có và những thời điểm quyết định. Thời điểm quyết định chính là những sự kiện lớn phá vỡ thế cân bằng kinh tế - chính trị trong một hay nhiều xã hội, chẳng hạn như nạn dịch hạch (có lẽ đã cướp đi sinh mạng của một nửa dân số ở nhiều vùng trên khắp châu Âu vào thế kỷ 14); hay việc khai thông Con đường thương mại Đại Tây Dương (đã tạo ra những cơ hội lợi nhuận béo bở cho nhiều quốc gia Tây Âu); hay cuộc Cách mạng công nghiệp, mang lại tiềm năng thay đổi nhanh chóng cấu trúc các nền kinh tế trên thế giới, nhưng đồng thời cũng gây ra sự phá hủy.

https://thuviensach.vn

Những khác biệt về thể chế hiện có trong các xã hội ngày nay là kết quả của những thay đổi thể chế trong quá khứ. Vậy thì tại sao con đường thay đổi thể chế giữa xã hội này với xã hội khác lại có sự khác biệt? Câu trả lời nằm ở sự phân hóa thể chế. Cũng hệt như gien di truyền của các cộng đồng cá thể biệt lập sẽ dần dần trở nên trôi giạt ra xa nhau do sự đột biến ngẫu nhiên trong quá trình tiến hóa hay phân hóa gien, hai xã hội tương đồng cũng sẽ trôi giạt ra xa nhau về mặt thể chế, dẫu rằng quá trình này diễn ra tương đối chậm. Xung đột về thu nhập và quyền lực, và sâu xa hơn là xung đột về thể chế, vốn xảy ra triền miên trong mọi xã hội. Sự xung đột này thường có một kết quả ngẫu nhiên, ngay cả khi nó xảy ra trong một sân chơi không bình đẳng. Kết quả của sự xung đột này dẫn đến sự trôi giạt thể chế. Nhưng đây không nhất thiết là một quá trình có tính chất tích lũy. Nói cách khác, không thể suy luận rằng những khác biệt nho nhỏ xuất hiện vào một thời điểm nào đó nhất thiết sẽ lớn dần theo thời gian. Trái lại, như thảo luận trong chương 6 về nước Anh thời kỳ La Mã chiếm đóng cho thấy, những thay đổi nhỏ thường xuất hiện, biến mất, rồi sau đó sẽ xuất hiện trở lại. Tuy vậy, khi thời điểm quyết định đã điểm, những khác biệt nho nhỏ vốn là kết quả của quá trình trôi giạt thể chế có thể sẽ trở nên quan trọng, dẫn tới sự phân hóa triệt để giữa những xã hội tương đồng.

Trong hai chương 7 và 8, chúng ta đã thấy rằng mặc dù giữa Anh, Pháp và Tây Ban Nha có nhiều điểm tương đồng, nhưng thời điểm quyết định của việc khai thông Con đường thương mại Đại Tây Dương đã có tác động chuyển hóa nước Anh nhiều nhất trong ba quốc gia này. Đó là do những khác biệt nhỏ - cụ thể là, do những diễn biến phát triển trong thế kỷ 15 và 16, Hoàng gia Anh đã không có khả năng kiểm soát hết các hoạt động thương mại hải ngoại, bởi hầu hết các hoạt động này là độc quyền của Hoàng gia Pháp và Tây Ban Nha. Kết quả là ở Pháp và Tây Ban Nha, kẻ hưởng lợi nhiều nhất từ Con đường thương mại Đại Tây Dương và quá trình bành trướng thuộc địa chính là hoàng gia và các nhóm liên kết với hoàng gia, trong khi ở nước Anh, chính những thành phần chống đối triều đình mới là người hưởng lợi từ các cơ hội kinh tế được mở ra vào thời điểm

https://thuviensach.vn

quyết định này. Mặc dù sự trôi giạt thể chế chỉ dẫn đến những khác biệt nhỏ nhặt, nhưng sự tác động qua lại giữa sự trôi giạt này với các thời điểm quyết định sẽ dẫn đến sự phân hóa thể chế; rồi sau đó, chính sự phân hóa thể chế sẽ tạo ra những khác biệt thể chế to lớn hơn, và bản thân những khác biệt to lớn ấy sẽ bị ảnh hưởng bởi thời điểm quyết định tiếp theo.

Lịch sử là yếu tố then chốt, vì chính quá trình lịch sử, thông qua sự trôi giạt thể chế, đã tạo ra những điểm khác biệt có thể có ảnh hưởng quyết định vào những thời điểm quyết định. Các thời điểm quyết định này là các bước ngoặt lịch sử. Và các vòng xoáy đi lên hay đi xuống thôi thúc chúng ta phải nghiên cứu lịch sử để tìm hiểu bản chất của những khác biệt về thể chế hình thành trong lịch sử. Tuy vậy, giả thuyết của chúng tôi không ngụ ý sự tiền định về mặt lịch sử hay bất cứ một thuyết tiền định nào. Đó cũng là lý do mà câu trả lời của chúng tôi cho câu hỏi đặt ra ở đầu chương này là "Không": Việc Peru nghèo hơn Tây Âu và Hoa Kỳ không phải là một tất yếu lịch sử.

Ngay từ đầu, trái với các giả thuyết về văn hóa và địa lý, Peru không buộc phải mang thân phận đói nghèo do các yếu tố văn hóa và địa lý của đất nước. Theo lý thuyết của chúng tôi, Peru nghèo hơn nhiều so với Tây Âu và Hoa Kỳ ngày nay là do các thể chế của họ, và để hiểu lý do, chúng ta cần tìm hiểu lịch sử quá trình phát triển thể chế ở Peru. Như đã trình bày trong chương 2, cách đây 500 năm, Đế chế Inca, tức Peru ngày nay, thịnh vượng hơn, có công nghệ phát triển tinh xảo hơn và sự tập trung chính trị cao hơn so với các xã hội khác nhỏ hơn ở Bắc Mỹ. Bước ngoặt nằm ở sự khác biệt về phương thức thuộc địa hóa vùng này và sự tương phản với phương thức thuộc địa hóa Bắc Mỹ. Đây không phải là kết quả của một quá trình do lịch sử định sẵn, mà là kết quả ngẫu nhiên của những diễn biến phát triển thể chế cốt yếu vào những thời điểm quyết định. Có ít nhất ba yếu tố biết đâu đã có thể làm thay đổi quỹ đạo này và dẫn đến những mô thức rất khác biệt về sau.

https://thuviensach.vn

Yếu tố đầu tiên là những khác biệt về thể chế tại châu Mỹ vào thế kỷ 15 đã giúp định hình cách thức thuộc địa hóa ở các khu vực thuộc châu lục này. Bắc Mỹ đi theo một con đường thể chế khác với Peru, bởi vì trước khi xảy ra quá trình thuộc địa hóa, dân cư Bắc Mỹ vốn rất thưa thớt và đã thu hút được nhiều người định cư từ châu Âu; những người này sau đó đã thành công khi vùng lên chống lại giới quyền thế mà các chính thể như Hoàng gia Anh và Công ty Virginia từng cố gắng thiết lập. Ngược lại, những kẻ chinh phục từ Tây Ban Nha đã tìm thấy ở Peru một nhà nước tập quyền mang tính chiếm đoạt mà họ có thể tiếp quản, và một lực lượng lao động dồi dào để làm việc trong các hầm mỏ và đồn điền. Mặt khác, cũng không có sự tiền định nào về mặt địa lý về vị thế các nước ở châu Mỹ vào thời điểm người châu Âu đặt chân đến nơi này. Cũng hệt như sự xuất hiện một nhà nước tập quyền dưới sự lãnh đạo của Vua Shyaam trong bộ tộc Bushong là kết quả của sự đổi mới thể chế to lớn hay thậm chí là một cuộc cách mạng chính trị (như ta đã thấy trong chương 5), nền văn minh Inca ở Peru và dân số rất đông ở đây cũng hình thành từ những đổi mới to lớn về thể chế. Thay vì thế, sự đổi mới thể chế này biết đâu đã có thể xảy ra ở Bắc Mỹ tại những vùng như Thung lũng Mississippi hay thậm chí miền đông bắc Hoa Kỳ. Và nếu vậy, biết đâu những người di cư từ châu Âu đã có thể tìm thấy những vùng đất hoang vắng ở dãy núi Andes và các nhà nước tập quyền ở Bắc Mỹ, và vai trò của Peru và Hoa Kỳ biết đâu đã có thể đảo ngược cho nhau. Khi đó, người châu Âu có thể đến sinh sống ở những vùng xung quanh Peru, và mâu thuẫn giữa số đông người di cư và thiểu số quý tộc có thể tạo ra những thể chế dung hợp tại đây thay vì tại Bắc Mỹ. Như thế, biết đâu con đường phát triển kinh tế sau đó đã có thể khác đi.

Thứ hai, đế chế Inca lẽ ra đã có thể chống lại thực dân châu Âu giống như Nhật Bản đã làm khi những con tàu của Commodore Perry đến Vịnh Edo. Mặc dù tính chiếm đoạt của Đế chế Inca mạnh hơn so với gia tộc Tokugawa ở Nhật Bản, và điều này chắc chắn đã làm cho một cuộc cách mạng chính trị giống như Minh Trị Duy Tân ít có khả năng xảy ra ở Peru hơn, nhưng việc người Inca bị chế ngự hoàn toàn dưới sự thống trị của châu

https://thuviensach.vn

Âu không phải là một tất yếu lịch sử. Giá như họ có thể phản kháng và thậm chí hiện đại hóa thể chế của mình để chống trả các mối đe dọa, thì biết đâu toàn bộ lịch sử của Tân Thế giới và cùng với nó là toàn bộ lịch sử nhân loại, có thể đã khác đi.

Yếu tố thứ ba, và cũng là yếu tố triệt để nhất, là không có sự tiền định nào về lịch sử, địa lý hay văn hóa, cho rằng chỉ có người châu Âu mới có thể đi xâm chiếm thế giới. Người Trung Quốc hay thậm chí người Inca cũng hoàn toàn có thể làm được điều đó. Tất nhiên, giả thuyết đó không thể xảy ra khi ta nhìn lại thế giới trong bối cảnh thế kỷ 15: Tây Âu đã vượt lên trước châu Mỹ trong khi Trung Quốc lại trở nên hướng nội. Tuy nhiên, bản thân châu Âu của thế kỷ 15 là kết quả của một quá trình trôi giạt thể chế ngẫu nhiên được đánh dấu bởi nhiều thời điểm quyết định, và không có điều gì trong quá trình đó là tất yếu. Các cường quốc Tây Âu không chắc có thể vươn lên dẫn đầu và chinh phục thế giới nếu không nhờ những bước ngoặt lịch sử quan trọng. Các bước ngoặt này bao gồm lộ trình cụ thể mà chủ nghĩa phong kiến đã đi qua, và trong quá trình đó đã thủ tiêu chế độ nô lệ và làm suy yếu quyền lực của nhà vua; sự phát triển của những thành phố độc lập và tự chủ về tài chính vào những thế kỷ đầu tiên của thiên niên kỷ thứ nhất tại châu Âu; việc các hoàng đế châu Âu không bị đe dọa bởi hoạt động giao thương hải ngoại và vì thế họ không chủ trương bế quan tỏa cảng như triều đại nhà Minh ở Trung Quốc; và nạn dịch hạch làm lung lay nền móng của trật tự xã hội phong kiến. Nếu những sự kiện trên xảy ra một cách khác hơn, thì chắc có lẽ ngày nay chúng ta sẽ sống trong một thế giới khác, trong đó Peru biết đâu còn lớn mạnh hơn cả Tây Âu và Hoa Kỳ.

LẼ TỰ NHIÊN, một giả thuyết mà trong đó những khác biệt nhỏ nhặt và tính ngẫu nhiên đều đóng vai trò quan trọng thì chỉ có khả năng dự đoán hạn chế. Vào thế kỷ 15 hay ngay cả thế kỷ 16, ấy là còn chưa nói đến nhiều thế kỷ sau khi Đế quốc La Mã sụp đổ, gần như không ai có thể dự đoán rằng sự đột phá to lớn hướng tới các thể chế dung hợp lại diễn ra ở Anh. Chỉ có quá trình trôi giạt thể chế cụ thể và bản chất của thời điểm quyết

https://thuviensach.vn

định hình thành từ sự mở mang thương mại Đại Tây Dương mới làm cho điều này có thể xảy ra. Ngay giữa thời kỳ Cách mạng Văn hóa những năm 1970 ở Trung Quốc, hẳn không ai tin rằng chẳng bao lâu sau Trung Quốc sẽ bước vào một con đường thay đổi triệt để về thể chế kinh tế và tiếp đến là một quỹ đạo tăng trưởng chớp nhoáng. Tương tự, chúng ta cũng không thể dự đoán một cách chắc chắn vị thế của các nước rồi sẽ ra sao sau 500 năm. Tuy nhiên, đây không phải là nhược điểm trong lý thuyết của chúng tôi. Những dẫn chứng lịch sử chúng tôi vừa trình bày cho đến giờ cho thấy rằng bất cứ giả thuyết nào dựa trên sự tiền định về lịch sử - dựa vào địa lý, văn hóa hay ngay cả các yếu tố lịch sử - đều bất cập. Những khác biệt nhỏ và tính ngẫu nhiên không chỉ là một phần trong lý thuyết của chúng tôi, mà còn là một phần bản chất của lịch sử.

Ngay cả khi không dễ gì dự đoán chính xác xã hội nào sẽ trở nên thịnh vượng hơn so với những xã hội khác, xuyên suốt quyển sách này, ta đã thấy giả thuyết của chúng tôi giải thích tương đối rõ ràng những khác biệt lớn về sự thịnh vượng và đói nghèo ở các quốc gia trên thế giới. Trong phần còn lại của chương này, chúng ta sẽ thấy lý thuyết này có khả năng đem lại những nguyên tắc giúp xác định xã hội nào sẽ có nhiều khả năng đạt được tăng trưởng kinh tế hơn trong vài thập niên tới.

Đầu tiên, các vòng xoáy đi lên và vòng xoáy đi xuống đồng nghĩa với sự kéo dài và tồn tại dai dẳng của thể chế. Không có gì phải nghi ngờ về việc trong vòng 50 hay 100 năm nữa, Hoa Kỳ và Tây Âu, với các thể chế chính trị và kinh tế dung hợp, sẽ giàu có hơn rất nhiều so với vùng hạ Sahara châu Phi, Trung Đông, Trung Mỹ hay Đông Nam Á. Tuy vậy, trong phạm vi diễn biến chung này vẫn sẽ có những thay đổi lớn về thể chế trong thế kỷ tới, với một vài quốc gia sẽ phá vỡ khuôn mẫu và chuyển từ nghèo nàn sang giàu có.

Những quốc gia không có sự tập trung chính trị như Somalia và Afghanistan, hay những quốc gia đang trải qua tình trạng sụp đổ nhà nước -

https://thuviensach.vn

như Haiti mấy thập niên vừa qua, vốn dĩ nhà nước đã sụp đổ từ lâu trước khi trận động đất lớn năm 2010 tàn phá cơ sở hạ tầng của quốc gia này - không chắc có thể đạt được tăng trưởng trong các thể chế chính trị chiếm đoạt, và cũng không thể thực hiện được những thay đổi to lớn hướng tới các thể chế dung hợp. Ngược lại, những quốc gia có khả năng phát triển trong vài thập niên tới (mặc dù họ có thể đang có các thể chế chiếm đoạt), là những nơi có sự tập trung chính trị ở một mức độ nhất định. Ở vùng hạ Sahara châu Phi, những nước này bao gồm Burundi, Ethiopia, Rwanda, vốn dĩ là những nước có lịch sử nhà nước tập quyền lâu đời, và Tanzania, đất nước vừa xoay sở để đạt được sự tập trung chính trị. Ở châu Mỹ La-tinh, những nước này bao gồm Brazil, Chilê và Mexico, vốn dĩ là những nước không chỉ đạt được sự tập trung chính trị mà còn có những bước tiến mạnh mẽ hướng tới một chủ nghĩa đa nguyên non trẻ. Theo lý thuyết của chúng tôi thì Colombia không chắc sẽ duy trì được tăng trưởng kinh tế bền vững.

Lý thuyết của chúng tôi cũng cho thấy rằng sự tăng trưởng trong các thể chế chính trị chiếm đoạt như ở Trung Quốc không phải là sự tăng trưởng bền vững, và nhiều khả năng sẽ trở nên kiệt sức. Ngoài những trường hợp này, các quốc gia có những yếu tố không chắc chắn khó dự đoán. Chẳng hạn như Cuba có thể chuyển sang các thể chế dung hợp và trải qua sự chuyển đổi kinh tế rất ngoạn mục, nhưng cũng có thể sẽ tiếp tục duy trì các thể chế kinh tế và chính trị chiếm đoạt. Điều này cũng đúng với Bắc Triều Tiên và Myanmar ở châu Á. Vì thế, mặc dù lý thuyết của chúng tôi mang lại những công cụ cần thiết để suy xét sự thay đổi thể chế và các hệ quả tương ứng, nhưng bản chất của sự thay đổi này - tức vai trò của những khác biệt nhỏ và tính ngẫu nhiên - chắc chắn sẽ gây khó khăn cho việc đưa ra những phán đoán chính xác.

Việc rút ra các kiến nghị chính sách dựa vào cách giải thích tổng quát về nguồn gốc của thịnh vượng và nghèo đói như thế này thậm chí còn đòi hỏi chúng ta phải thận trọng hơn. Tác động của những thời điểm quyết định phụ thuộc vào các thể chế hiện có; và cũng tương tự như vậy, phản ứng của

https://thuviensach.vn

xã hội đối với cùng một sự can thiệp chính sách cũng phụ thuộc vào các thể chế đang tồn tại. Đương nhiên, lý thuyết của chúng tôi tập trung vào biện pháp cần thiết để một quốc gia có thể đạt được sự thịnh vượng: chuyển đổi từ các thể chế chiếm đoạt sang các thể chế dung hợp. Tuy nhiên, ta cũng thấy rõ ràng ngay từ đầu là không có một công thức dễ dàng cho sự chuyển đổi ấy. Trước hết, hiện tượng "vòng xoáy đi xuống" ngụ ý rằng thay đổi thể chế là một việc hết sức khó khăn. Nói cụ thể hơn, các thể chế chiếm đoạt có thể tái sinh dưới nhiều chiêu bài khác nhau, như chúng ta đã thấy với quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ trong chương 12. Việc lật đổ thể chế chiếm đoạt của tổng thống Mubarak vào tháng 2/2011 không giúp đảm bảo rằng Ai Cập sẽ bước vào con đường tiến tới các thể chế dung hợp. Thay vì thế, các thể chế chiếm đoạt biết đâu cũng có thể tái sinh bất chấp những phong trào dân chủ mạnh mẽ và tràn trề hy vọng. Kế đến, tính ngẫu nhiên hay sự tình cờ của lịch sử khiến ta không thể biết được liệu sự tương tác cụ thể giữa những khác biệt thể chế hiện có với những thời điểm quyết định sẽ dẫn đến những thể chế chiếm đoạt hơn hay dung hợp hơn, vì thế sẽ là mạo muội khi đưa ra những kiến nghị chính sách tổng quát để khuyến khích thay đổi hướng tới các thể chế dung hợp. Tuy vậy, lý thuyết của chúng tôi vẫn hữu ích trong việc phân tích chính sách, vì nó giúp nhận ra những quyết định chính sách sai lầm bắt nguồn từ các giả thuyết sai lạc hoặc từ nhận thức bất cập về cách thức diễn ra sự thay đổi thể chế. Trong vấn đề này, cũng như trong hầu hết mọi vấn đề, việc tránh phạm phải những sai lầm nghiêm trọng nhất cũng không kém phần quan trọng, thậm chí còn thực tế hơn, so với nỗ lực tìm ra giải pháp đơn giản. Có lẽ điều này sẽ thể hiện rõ ràng nhất khi ta xem xét những kiến nghị chính sách hiện tại khuyến khích sự "tăng trưởng độc đoán" dựa vào kinh nghiệm tăng trưởng thành công của Trung Quốc trong vài thập niên trở lại đây. Chúng tôi cũng sẽ giải thích tại sao các kiến nghị chính sách này đang gây lầm đường lạc lối và tại sao sự tăng trưởng của Trung Quốc chỉ là một hình thức khác của sự tăng trưởng trong các thể chế chính trị chiếm đoạt vốn không thể chuyển hóa thành sự phát triển kinh tế bền vững.

https://thuviensach.vn

SỨC HÚT MÃNH LIỆT CỦA SỰ TĂNG TRƯỞNG ĐỘC ĐOÁN

Đại Quốc Phương sớm nhận ra sự bùng nổ đô thị sắp tới của Trung Quốc ngay từ đầu. Vào những năm 1990, xa lộ, trung tâm thương mại, khu dân cư và những tòa nhà chọc trời bắt đầu xuất hiện khắp nơi tại Trung Quốc, và ông Phương cho rằng sự tăng trưởng này sẽ tăng tốc trong thập kỷ tiếp theo. Ông lý luận rằng công ty Sắt Thép Jinagsu Tieben của mình có thể thâu tóm một thị trường lớn với vai trò một nhà sản xuất giá rẻ, đặc biệt khi so với các nhà máy thép quốc doanh hoạt động phi hiệu quả. Ông bắt đầu lên kế hoạch xây dựng một công ty thép khổng lồ thực thụ, và bắt đầu thực hiện vào năm 2003 với sự hỗ trợ của các lãnh đạo đảng địa phương ở Thường Châu. Tuy nhiên, đến tháng 3/2004, dự án của ông bị dừng lại theo mệnh lệnh của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Bắc Kinh, và ông bị bắt với những lý do không bao giờ được tuyên bố rõ ràng. Chính quyền có lẽ đã nghĩ rằng họ sẽ tìm được những bằng chứng buộc tội nào đó trong hồ sơ của ông Phương. Trong biến cố đó, ông bị cầm tù và chịu án treo năm năm, rồi bị cáo buộc với một tội danh nhẹ vào năm 2009. Cái tội thật sự của ông, như mọi người ngầm hiểu, là đã khởi động một dự án lớn có thể cạnh tranh với các công ty quốc doanh và đã tiến hành mà không được các viên chức cấp cao trong Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua. Hiển nhiên đây là bài học mà những người khác có thể học hỏi từ trường hợp của Đại Quốc Phương.

Phản ứng của Bắc Kinh đối với những doanh nhân như ông Phương không phải là chuyện lạ. Trần Vân, một trong những đồng chí thân cận nhất của Đặng Tiểu Bình và có lẽ là người đứng sau những cuộc cải cách thị trường đầu tiên, đã đúc kết quan điểm của hầu hết các cán bộ đảng bằng phép so sánh nền kinh tế với một "con chim trong lồng": Nền kinh tế Trung Quốc là con chim; chiếc lồng, tức là sự quản lý của đảng, phải được nới rộng để chim khỏe mạnh và năng động hơn, nhưng không được mở cửa

https://thuviensach.vn

lồng hay tháo bỏ nó, vì như vậy chim sẽ bay mất. Giang Trạch Dân, ngay sau khi trở thành Tổng Bí thư, vị trí quyền lực nhất ở Trung Quốc vào năm 1989, đã đi xa hơn nữa và đúc kết sự hoài nghi của đảng đối với các nghiệp chủ thông qua mô tả họ là "những kẻ mua bán tự làm chủ, và là những kẻ lừa bịp, chuyên gian lận, biển thủ, hối lộ và trốn thuế". Trong suốt những năm 1990, ngay cả khi nguồn vốn đầu tư nước ngoài đang đổ vào Trung Quốc và các doanh nghiệp quốc doanh cũng được khích lệ mở rộng đầu tư, các nghiệp chủ tư nhân luôn được chào đón với sự nghi ngại, và nhiều nghiệp chủ đã bị sung công tài sản hay thậm chí bị bỏ tù. Quan điểm của Giang Trạch Dân về các nghiệp chủ tư nhân tuy đã giảm tương đối nhưng vẫn còn rất phổ biến ở Trung Quốc. Theo lời của một nhà kinh tế học Trung Quốc: "Các doanh nghiệp quốc doanh lớn có thể tham gia vào những dự án khổng lồ. Nhưng khi đến lượt những công ty tư nhân muốn tham gia, nhất là khi họ cạnh tranh với nhà nước, rắc rối từ khắp nơi sẽ đổ về".

Mặc dù nhiều công ty tư nhân đang hoạt động có lãi ở Trung Quốc, song nhiều yếu tố trong nền kinh tế vẫn đang chịu sự quản lý và bảo hộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Phóng viên Richard McGrogor cho hay trên bàn của mỗi người đứng đầu một công ty quốc doanh lớn tại Trung Quốc đều có một chiếc điện thoại màu đỏ. Mỗi khi chiếc điện thoại này reo, tức là đảng đang chỉ đạo công ty cần phải làm gì, đầu tư ở đâu và với mục tiêu nào. Các công ty khổng lồ này vẫn chịu sự chỉ đạo của đảng, thể hiện rõ nhất ở việc đảng có thể quyết định điều chuyển nhân sự điều hành cao cấp, sa thải hay thăng chức họ mà không cần giải thích.

Những mẩu chuyện này tất nhiên không phủ nhận rằng Trung Quốc đã có những bước tiến mạnh dạn hướng tới các thể chế dung hợp, đặt nền tảng cho tỷ lệ tăng trưởng vượt bậc trong 30 năm qua. Phần lớn các nghiệp chủ đã có sự đảm bảo chắc chắn nào đó, ít ra là vì họ tranh thủ sự hậu thuẫn của các cán bộ địa phương và giới quyền thế trong đảng ở Bắc Kinh. Phần lớn các doanh nghiệp quốc doanh đều mưu cầu lợi nhuận và cạnh tranh trên các thị trường quốc tế. Trung Quốc đã "thay da đổi thịt" kể từ thời Mao Trạch

https://thuviensach.vn

Đông. Như chúng ta đã thấy trong chương trước, sở dĩ Trung Quốc có thể tăng trưởng trước hết là vì dưới thời Đặng Tiểu Bình, đất nước đã có những cuộc cải cách triệt để từ bỏ các thể chế kinh tế chiếm đoạt nhất và hướng tới các thể chế kinh tế dung hợp. Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng vì các thể chế kinh tế đã bước vào một lộ trình để trở nên ngày càng có tính dung hợp nhiều hơn, cho dù với một nhịp độ chậm chạp. Trung Quốc cũng được hưởng lợi từ một lực lượng lao động dồi dào, giá rẻ, cũng như sự tiếp cận với các thị trường, vốn và công nghệ nước ngoài.

Mặc dù các thể chế kinh tế Trung Quốc ngày nay đã có tính dung hợp hơn nhiều so với 30 năm trước, kinh nghiệm của Trung Quốc vẫn là một ví dụ điển hình về sự tăng trưởng trong các thể chế chính trị chiếm đoạt. Tuy gần đây đã chú trọng vào phát minh đổi mới và khoa học công nghệ, nhưng sự tăng trưởng của Trung Quốc dựa trên cơ sở tiếp thu những công nghệ hiện có và đầu tư nhanh chóng, chứ không phải dựa trên sự phá hủy sáng tạo. Một khía cạnh quan trọng của vấn đề này là quyền sở hữu không được đảm bảo hoàn toàn. Thỉnh thoảng vẫn có những trường hợp như Đại Quốc Phương, một số nghiệp chủ bị tịch thu và sung công tài sản. Sự lưu chuyển lao động bị quản lý chặt chẽ, và quyền sở hữu cơ bản nhất của con người, quyền tự do bán sức lao động, vẫn không được tôn trọng. Bằng chứng cho thấy các thể chế kinh tế ở đây vẫn chưa hoàn toàn có tính dung hợp thể hiện qua việc có rất ít doanh nhân “dám” tham gia vào một hoạt động nào đó mà không có sự hậu thuẫn của cán bộ đảng ở địa phương, hay quan trọng hơn là của Bắc Kinh. Mối liên hệ giữa doanh nghiệp và đảng mang lại lợi nhuận béo bở cho cả hai. Những doanh nghiệp được đảng nâng đỡ nhận được các hợp đồng với những điều khoản thuận lợi, có thể di dời dân chúng để thu hồi đất đai của họ, và có thể vi phạm luật pháp mà không sợ bị khép tội. Những ai cản trở đường lối kế hoạch kinh doanh này sẽ bị vùi dập, thậm chí có thể bị bỏ tù hay bị giết.

Sức mạnh của Đảng Cộng sản Trung Quốc và các thể chế chiếm đoạt ở đây nhắc ta nhớ lại nhiều điểm tương đồng giữa sự tăng trưởng của Xô

https://thuviensach.vn

viết vào những năm 1950, 1960 và sự tăng trưởng của Trung Quốc ngày nay, dẫu rằng vẫn có những khác biệt đáng chú ý. Liên bang Xô viết từng tăng trưởng trong các thể chế kinh tế chiếm đoạt và các thể chế chính trị chiếm đoạt vì họ đã dùng vũ lực để tập trung nguồn lực vào hoạt động công nghiệp trong một cơ cấu mệnh lệnh tập trung, đặc biệt là chạy đua vũ trang và công nghiệp nặng. Sự tăng trưởng này có thể xảy ra một phần là do họ vẫn đang có một khoảng cách công nghệ so với thế giới để có thể đuổi kịp. Nói cách khác, sự tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt diễn ra dễ dàng hơn khi không cần có sự phá hủy sáng tạo. Các thể chế kinh tế Trung Quốc chắc chắn là có tính dung hợp nhiều hơn so với Liên bang Xô viết, nhưng các thể chế chính trị Trung Quốc vẫn mang tính chiếm đoạt. Đảng Cộng sản Trung Quốc nắm giữ toàn bộ quyền lực ở đất nước này và kiểm soát toàn bộ bộ máy nhà nước, các lực lượng vũ trang, phương tiện truyền thông và phần lớn nền kinh tế. Người dân Trung Quốc có rất ít tự do chính trị và rất ít khi tham gia vào quá trình chính trị.

Nhiều người lâu nay vẫn tin rằng sự tăng trưởng ở Trung Quốc sẽ mang lại dân chủ và chế độ đa nguyên. Sự kiện Thiên An Môn năm 1989 từng mang đến một cảm giác thực tế là sẽ dẫn đến mở cửa nhiều hơn và ngay cả sự sụp đổ chế độ. Thế nhưng, xe tăng đã được điều động đến tấn công những người biểu tình, và thay vì là một cuộc cách mạng trong hòa bình, giờ đây sử sách gọi đó là “cuộc thảm sát ở Quảng trường Thiên An Môn”. Trên nhiều phương diện, các thể chế chính trị ở Trung Quốc trở nên có tính chiếm đoạt nhiều hơn sau sự kiện này; những nhà cải cách như Triệu Tử Dương, Tổng Bí thư Đảng lúc bấy giờ, người từng ủng hộ các sinh viên ở Quảng trường Thiên An Môn, đã bị khai trừ, và đảng đã kiểm soát chặt chẽ các quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. Triệu Tử Dương bị giam lỏng tại gia trong hơn 15 năm, và toàn bộ hồ sơ công luận của ông dần dần bị xóa bỏ, để ông thậm chí không thể trở thành một hình tượng cho những người ủng hộ thay đổi chính trị.

https://thuviensach.vn

Ngày nay, sự kiểm soát đối với các phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm mạng internet, lên đến mức nghiêm ngặt chưa từng thấy. Sự kiểm soát này chủ yếu thông qua hiện tượng tự kiểm duyệt của chính những người công bố thông tin trên internet: Mọi người biết rằng họ không được nhắc tới Triệu Tử Dương hay Lưu Hiểu Ba, nhà phê bình chính phủ đã đấu tranh cho dân chủ, người hiện nay vẫn mòn mỏi trong nhà tù mặc dù đã được trao giải Nobel Hòa bình. Ngoài việc tự kiểm duyệt, việc kiểm soát internet còn được hỗ trợ bởi một hệ thống kiểm soát có khả năng theo dõi các cuộc đối thoại và truyền thông, đóng cửa các trang web và tòa báo, hay thậm chí chặn bất cứ một tin tức riêng lẻ nào trên internet. Tất cả sự kiểm soát này đã được biết đến công khai khi tin tức về hành vi tham nhũng của con trai Tổng Bí thư Hồ cẩm Đào cầm quyền từ năm 2002, bị tiết lộ vào năm 2009. Hệ thống kiểm soát của đảng lập tức hành động và không những đã chặn được các nguồn tin từ Trung Quốc đăng tải vụ việc mà còn xoay sở để chặn tin một cách chọn lọc trên các trang web của tờ *New York Times* và *Financial Times*.

Do sự kiểm soát của đảng đối với các thể chế kinh tế, cho nên mức độ phá hủy sáng tạo bị hạn chế nghiêm trọng, và tình hình sẽ tiếp tục như vậy cho đến khi người ta cải cách triệt để các thể chế chính trị hiện tại. Tương tự như Liên Xô, sự tăng trưởng của Trung Quốc trong các thể chế chính trị chiếm đoạt trở nên thuận lợi hơn là do đất nước vẫn còn phải thu hẹp khoảng cách công nghệ so với các nước phát triển. Thu nhập bình quân đầu người ở Trung Quốc vẫn chỉ bằng một phần nhỏ so với Mỹ và Tây Âu. Tất nhiên, sự tăng trưởng của Trung Quốc đa dạng hơn nhiều so với sự tăng trưởng của Liên Xô, vì nó không chỉ dựa vào chạy đua vũ trang và công nghiệp nặng, và các nghiệp chủ Trung Quốc thể hiện nhiều tài năng khéo léo. Dầu sao đi nữa, sự tăng trưởng này sẽ trở nên hụt hơi, trừ khi các thể chế chính trị chiếm đoạt nhường bước cho các thể chế dung hợp. Chừng nào mà các thể chế chính trị vẫn còn mang tính chiếm đoạt, thì sự tăng trưởng vẫn còn bị kìm hãm, hệt như các trường hợp tương tự khác.

https://thuviensach.vn

Trải nghiệm của Trung Quốc làm phát sinh một vài câu hỏi thú vị về sự tăng trưởng tương lai của Trung Quốc và quan trọng hơn là về tính đáng mong đợi và khả năng tồn tại lâu dài của sự tăng trưởng độc đoán. Sự tăng trưởng độc đoán này đã trở thành một phương án chọn lựa khác, thay thế cho "đồng thuận Washington" vốn nhấn mạnh vào tầm quan trọng của thị trường và tự do hóa thương mại cũng như các hình thức cải cách thể chế nhất định để kích hoạt tăng trưởng kinh tế ở những vùng kém phát triển trên thế giới. Tuy rằng phần nào sức hấp dẫn của sự tăng trưởng độc đoán thể hiện qua phản ứng đáp trả đối với "Đồng thuận Washington", thế nhưng có lẽ sức hút mạnh mẽ hơn của nó - hiển nhiên là đối với những kẻ thống trị theo đuổi các thể chế chiếm đoạt - là việc nó giúp họ có toàn quyền duy trì và thậm chí củng cố quyền lực và hợp pháp hóa sự chiếm đoạt của mình.

Như lý thuyết của chúng tôi nhấn mạnh, sự tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt vẫn có thể xảy ra, đặc biệt là đối với những xã hội đã ít nhiều trải qua tình trạng tập trung hóa nhà nước, và thậm chí có rất nhiều khả năng xảy ra ở nhiều quốc gia, từ Campuchia và Việt Nam cho đến Burundi, Ethiopia và Rwanda. Nhưng lý thuyết của chúng tôi cũng hàm ý rằng mọi ví dụ điển hình về sự tăng trưởng trong các thể chế chính trị chiếm đoạt đều không bền vững.

Đối với trường hợp Trung Quốc, quá trình tăng trưởng dựa trên việc đuổi kịp thế giới tiên tiến, nhập khẩu công nghệ nước ngoài, và xuất khẩu hàng công nghiệp chế tạo cấp thấp có thể sẽ còn tiếp tục trong một thời gian. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của Trung Quốc có thể sẽ đi đến hồi kết, cụ thể là khi Trung Quốc đạt đến mức sống của một đất nước có thu nhập trung bình. Xem ra tình huống có nhiều khả năng xảy ra nhất là, bộ máy chính trị và giới quyền thế kinh tế với quyền lực ngày càng tăng ở Trung Quốc sẽ xoay sở để duy trì sự thâu tóm quyền lực chặt chẽ của mình trong vài thập kỷ tới. Trong trường hợp đó, lịch sử và giả thuyết của chúng tôi cho thấy sự tăng trưởng dựa trên phá hủy sáng tạo và phát minh đổi mới thực thụ sẽ không xuất hiện, và tỷ lệ tăng trưởng chóng mặt hiện tại của

https://thuviensach.vn

Trung Quốc sẽ dần dần tan biến. Nhưng viễn cảnh này không hề được định trước và Trung Quốc vẫn có thể tránh được nếu đất nước chuyển đổi sang các thể chế chính trị dung hợp trước khi sự tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt hiện tại chạm phải giới hạn của nó. Tuy vậy, như chúng ta sẽ thấy trong phần sau, gần như không có lý do gì để hy vọng rằng sẽ có một sự chuyển đổi sang thể chế chính trị dung hợp hơn hay hy vọng rằng việc đó sẽ tự động diễn ra một cách êm thấm.

Ngay trong nội bộ đảng cũng đã xuất hiện nhiều tiếng nói e ngại về những hiểm nguy trên con đường trước mắt và gợi ý về sự cần thiết phải có cuộc cải cách chính trị (mà theo ngôn ngữ của chúng tôi là sự chuyển đổi sang các thể chế chính trị dung hợp). Vị thủ tướng đầy quyền lực ôn Gia Bảo gần đây đã cảnh báo rằng nếu không có cải cách chính trị, tăng trưởng kinh tế sẽ bị kìm hãm. Chúng tôi cho rằng những phân tích của ông là một điềm báo trước, mặc dù vẫn có vài người nghi ngờ lòng chân thành của ông. Tuy nhiên, nhiều người ở phương Tây không đồng ý với những phát biểu của ông. Đối với họ, Trung Quốc mở một ra một hướng đi mới tiến tới sự tăng trưởng kinh tế bền vững dưới chế độ độc tài hơn là trong các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp. Nhưng họ đã sai. Chúng ta đã thấy gốc rễ căn bản nhất của thành công mà Trung Quốc đạt được: Sự thay đổi triệt để các thể chế kinh tế từ các thể chế cứng nhắc sang những thể chế có khả năng tạo ra động cơ khuyến khích cho sự gia tăng năng suất và thương mại. Nhìn từ góc độ này, thành công của Trung Quốc về cơ bản không có gì khác so với những nước đã xoay sở để chuyển từ thể chế kinh tế chiếm đoạt sang thể chế kinh tế dung hợp, dù diễn ra dưới thể chế chính trị chiếm đoạt, như trong trường hợp Trung Quốc. Vì thế, Trung Quốc đạt được tăng trưởng kinh tế không phải nhờ vào các thể chế chính trị chiếm đoạt, mà đúng ra là đã tăng trưởng bất chấp những thể chế đó: kinh nghiệm tăng trưởng thành công của Trung Quốc trong ba thập niên vừa qua là do sự thay đổi triệt để, từ bỏ các thể chế kinh tế chiếm đoạt và chuyển sang các thể chế kinh tế dung hợp hơn, một quá trình khó khăn do sự hiện diện của thể chế chính trị chiếm đoạt và độc đoán cao độ.

https://thuviensach.vn

CÓ NHỮNG NGƯỜI ỦNG HỘ tăng trưởng độc đoán thông qua công nhận bản chất không đáng mong đợi của kiểu tăng trưởng này, nhưng cho rằng đây chỉ là giai đoạn quá độ. Ý tưởng này đưa chúng ta quay lại với những lý thuyết kinh điển trong chính trị - xã hội học: lý thuyết hiện đại hóa của Seymour Martin Lipset. Lý thuyết hiện đại hóa cho rằng trong quá trình tăng trưởng, mọi xã hội đều tiến tới một trạng thái hiện đại, phát triển và văn minh hơn, đặc biệt là tiến tới một nền dân chủ. Những người ủng hộ lý thuyết hiện đại hóa cũng cho rằng, tương tự như sự hình thành nền dân chủ, các thể chế dung hợp sẽ xuất hiện như một sản phẩm phụ của quá trình tăng trưởng. Hơn nữa, mặc dù dân chủ không đồng nhất với các thể chế chính trị dung hợp, nhưng việc tuyển cử thường xuyên và sự cạnh tranh chính trị tự do vẫn có thể dẫn đến sự phát triển các thể chế chính trị dung hợp. Những phiên bản khác nhau của lý thuyết hiện đại hóa cũng cho rằng một lực lượng lao động có trình độ cao sẽ tự động sinh ra một nền dân chủ và những thể chế tốt hơn. Trong một phiên bản của lý thuyết này nhưng phần nào có tính chống chủ nghĩa hiện đại, cây bút Thomas Friedman của tờ *New York Times* đã lập luận sâu xa hơn rằng khi một quốc gia đã có đủ các nhà hàng thức ăn nhanh McDonald, thì tất yếu sẽ xuất hiện nền dân chủ và các thể chế dung hợp. Tất cả những điều này đã vẽ nên một bức tranh đầy lạc quan. Hơn 60 năm qua, hầu hết các nước, ngay cả những nước có các thể chế chiếm đoạt, đều đạt được ít nhiều tăng trưởng, và hầu hết đều trải qua sự gia tăng trình độ học vấn của lực lượng lao động. Như vậy, khi thu nhập và trình độ dân trí tiếp tục gia tăng, thì bằng cách này hay cách khác, tất cả những điều tốt đẹp như dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận và quyền sở hữu đảm bảo cũng sẽ tự động xuất hiện.

Lý thuyết hiện đại hóa được nhiều người ủng hộ, cả trong và ngoài giới học thuật. Chẳng hạn như thái độ của Mỹ đối với Trung Quốc gần đây đã được định hình bởi lý thuyết này. Tổng thống Mỹ George H.W Bush từng tổng kết nội dung chính sách của Mỹ đối với nền dân chủ Trung Quốc là: “Hãy tự do giao thương với Trung Quốc và rồi thời gian sẽ đứng về phía chúng ta”. Ý tưởng ở đây là: theo dự đoán của lý thuyết hiện đại hóa, khi

https://thuviensach.vn

Trung Quốc tự do giao thương với phương Tây, đất nước sẽ tăng trưởng, và sự tăng trưởng đó sẽ dẫn đến nền dân chủ cùng với những thể chế tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, sự gia tăng nhanh chóng hoạt động thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc từ giữa những năm 1980 đã không giúp ích gì nhiều cho nền dân chủ của Trung Quốc, và thậm chí sự hội nhập gần gũi hơn có thể xảy ra trong thập niên tới xem ra cũng chỉ mang lại kết quả như vậy mà thôi.

Tương tự, thái độ của nhiều người về tương lai của xã hội Iraq và nền dân chủ nơi đây sau sự xâm nhập của Mỹ cũng trở nên lạc quan hơn nhờ vào thuyết hiện đại hóa. Dù nền kinh tế dưới thời Saddam Hussein chẳng khác nào một thảm họa, đến năm 2002 Iraq không còn nghèo như nhiều nước ở khu vực hạ Sahara châu Phi, trình độ dân trí của người dân Iraq cũng tương đối cao, vì thế người ta tưởng rằng nơi đây sẽ là một mảnh đất màu mỡ cho sự phát triển dân chủ và các quyền tự do dân sự, và có lẽ cả chế độ đa nguyên. Để rồi khi rối loạn và nội chiến bao trùm lên xã hội Iraq, niềm hy vọng này nhanh chóng tan biến.

Lý thuyết hiện đại hóa vừa sai lầm vừa không hữu ích để ta suy nghĩ về cách thức đối phó với vấn đề thể chế chiếm đoạt ở những quốc gia thất bại. Bằng chứng lớn nhất ủng hộ cho lý thuyết hiện đại hóa là hiện tượng những quốc gia giàu có là những nước có chế độ dân chủ, tôn trọng nhân quyền và dân quyền, có các thị trường vận hành trôi chảy và nói chung có các thể chế kinh tế dung hợp. Tuy nhiên, nếu gắn kết hai việc này và dùng nó làm bằng chứng cho thuyết hiện đại hóa thì đã bỏ qua ảnh hưởng to lớn của các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp đối với tăng trưởng kinh tế. Như chúng tôi lập luận xuyên suốt quyển sách này, chính những quốc gia có các thể chế dung hợp mới có thể phát triển suốt 300 năm qua và ngày nay trở nên tương đối giàu có. Nếu nhìn sự việc dưới một góc độ khác, chúng ta sẽ thấy rõ ràng là, trong khi những quốc gia đã và đang xây dựng các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp suốt mấy thế kỷ qua đã đạt được sự tăng trưởng kinh tế bền vững, thì những nhà nước chuyên chế với tốc độ tăng trưởng còn nhanh hơn thế trong 60 đến 100 năm qua vẫn không trở

https://thuviensach.vn

nên dân chủ hơn, trái với những gì lý thuyết hiện đại hóa của Lipset dự đoán. Và điều này chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt sở dĩ đạt được là do nó không nhất thiết hay không tự động đưa đến sự diệt vong của chính các thể chế chiếm đoạt này. Thật vậy, tăng trưởng đã xảy ra là do những người đang kiểm soát các thể chế chiếm đoạt xem tăng trưởng kinh tế không phải là mối đe dọa mà là sự củng cố chế độ của họ, như những gì Đảng Cộng sản Trung Quốc đã làm từ những năm 1980. Cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi sự tăng trưởng đạt được nhờ vào sự gia tăng giá trị tài nguyên thiên nhiên như ở Gabon, Nga, Ảrập Xê-Út và Venezuela không thể dẫn đến sự chuyển đổi căn bản từ các chế độ độc tài này chuyển sang các thể chế dung hợp.

Lý thuyết hiện đại hóa còn bị phủ nhận bởi nhiều chứng cứ lịch sử. Nhiều quốc gia tương đối thịnh vượng đã khuất phục trước chế độ độc tài và các thể chế chiếm đoạt. Cả Đức và Nhật đều từng là những đất nước giàu có nhất và có nền công nghiệp hiện đại nhất thế giới vào nửa đầu thế kỷ 20, và người dân có trình độ văn hóa tương đối cao. Tuy nhiên, điều này không hề ngăn cản sự xuất hiện của Đức Quốc Xã hay một chế độ độc tài quân sự dốc sức bành trướng lãnh thổ thông qua chiến tranh ở Nhật - làm cho cả các thể chế kinh tế lẫn chính trị đều biến đổi hoàn toàn thành các thể chế chiếm đoạt. Argentina cũng từng là một trong những quốc gia giàu nhất thế giới vào thế kỷ 19, chẳng kém gì nước Anh hay thậm chí còn giàu hơn, bởi vì nước này được hưởng lợi từ sự bùng phát tài nguyên thiên nhiên thế giới. Dân chúng nước này cũng có trình độ học vấn cao nhất châu Mỹ La-tinh. Thế nhưng nền dân chủ và chế độ đa nguyên ở đây không hề khá hơn so với những nơi khác ở châu Mỹ La-tinh. Hết cuộc đảo chính này đến cuộc đảo chính khác diễn ra, và như ta đã thấy trong chương 11, ngay cả những nhà lãnh đạo được bầu cử một cách dân chủ cũng trở thành những kẻ độc tài tàn bạo. Thậm chí gần đây hơn, cũng gần như không có chút tiến bộ nào hướng tới các thể chế kinh tế dung hợp, và như ta đã thảo luận trong chương 13, chính quyền Argentina vào thế kỷ 21 này vẫn còn có thể tịch biên tài sản của dân chúng mà không bị trừng phạt.

https://thuviensach.vn

Tất cả những điều này làm sáng tỏ một số vấn đề quan trọng. Thứ nhất, sự tăng trưởng trong các thể chế chính trị chiếm đoạt và độc đoán ở Trung Quốc, tuy có thể sẽ tiếp tục trong một khoảng thời gian nữa, nhưng không thể nào kéo theo sự tăng trưởng bền vững, được nâng đỡ bằng các thể chế kinh tế dung hợp thực thụ và sự phá hủy sáng tạo. Thứ hai, trái với lập luận của lý thuyết hiện đại hóa, chúng ta không nên tin rằng sự tăng trưởng độc đoán sẽ mang lại nền dân chủ hay các thể chế chính trị dung hợp. Trung Quốc, Nga và một vài nhà nước độc tài khác hiện nay đang tăng trưởng nhưng có thể sẽ vấp phải giới hạn của sự tăng trưởng chiếm đoạt trước khi họ kịp chuyển đổi các thể chế chính trị theo chiều hướng dung hợp hơn - hay nói đúng ra là trước khi giới quyền thế ở các nước này mong muốn thay đổi hay sự chống đối quyết liệt buộc họ phải thay đổi. Thứ ba, sự tăng trưởng độc đoán chẳng những không đáng mong đợi mà còn không thể tồn tại trong dài hạn, và vì thế không nên nhận được sự ủng hộ từ cộng đồng quốc tế như một tấm gương điển hình cho các quốc gia ở Mỹ La-tinh, châu Á và vùng hạ Sahara châu Phi noi theo, ngay cả khi đây là một con đường mà nhiều quốc gia sẽ chọn chỉ vì đôi khi nó nhất quán với quyền lợi của giới quyền thế kinh tế và chính trị cầm quyền.

BẠN KHÔNG THỂ THIẾT KẾ SỰ THỊNH VƯỢNG

Không như lý thuyết mà chúng tôi vừa trình bày trong quyển sách này, giả thuyết vô minh mang lại một giải pháp tức thời cho vấn đề đói nghèo: Nếu như do thiếu hiểu biết mà chúng ta vướng vào cảnh đói nghèo, thì việc truyền đạt thông tin và khai sáng cho những người cầm quyền và các nhà hoạch định chính sách sẽ giúp chúng ta thoát khỏi tình trạng này, và chúng ta sẽ có thể “thiết kế” sự thịnh vượng trên khắp thế giới bằng cách đưa ra những lời khuyên đúng đắn và thuyết phục các chính khách về những chính sách kinh tế tốt. Trong chương 2, khi thảo luận về giả thuyết vô minh, chúng tôi đã chỉ ra lý do tại sao câu chuyện thực tế về thủ tướng Ghana

https://thuviensach.vn

Kofi Busia vào đầu thập niên 1970 là bằng chứng cho thấy rào cản lớn nhất đối với việc ban hành và thực thi những chính sách giúp giảm thất bại thị trường và khuyến khích tăng trưởng kinh tế không phải là do tình trạng thiếu hiểu biết của các chính khách, mà do những động cơ và ràng buộc họ phải đối mặt từ các thể chế kinh tế và chính trị trong xã hội. Thế mà giả thuyết vô minh vẫn thịnh hành trong giới hoạch định chính sách phương Tây, vốn tập trung vào cách thức thiết kế sự thịnh vượng mà gần như không kể gì đến những yếu tố khác.

Có hai trường phái khác nhau về những nỗ lực nhằm tạo ra sự thịnh vượng. Trường phái thứ nhất, thường được ủng hộ bởi các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), cho rằng đói nghèo tồn tại là do những chính sách và thể chế kinh tế sai lầm, và do đó đề xuất một danh sách các giải pháp để cải thiện và thuyết phục các nước nghèo áp dụng (*Đồng thuận Washington* cũng tạo ra một danh sách như vậy). Những giải pháp cải thiện này tập trung vào những điều hợp lý như sự ổn định kinh tế vĩ mô và các mục tiêu kinh tế vĩ mô có vẻ hấp dẫn như giảm quy mô khu vực kinh tế nhà nước, tỷ giá hối đoái linh hoạt và tự do hóa tài khoản vốn. Các giải pháp cải thiện này đồng thời cũng tập trung vào những mục tiêu kinh tế vi mô hơn như tư nhân hóa, cải thiện hiệu quả của việc cung ứng dịch vụ công và có lẽ cả những kiến nghị về việc làm sao để cải thiện hoạt động của chính nhà nước bằng các biện pháp chống tham nhũng. Mặc dù tự bản thân những cải cách này đều rất hợp lý, nhưng phương pháp của các tổ chức quốc tế ở Washington, Luân Đôn, Paris và những nơi khác vẫn nhìn từ một góc độ sai lầm là không công nhận vai trò của các thể chế chính trị và sự ràng buộc của chúng đối với việc hoạch định chính sách. Nỗ lực của các tổ chức quốc tế giúp các nước nghèo áp dụng những biện pháp trên để thiết kế sự tăng trưởng kinh tế đều không thành công bởi vì người ta không xét đến nguyên nhân tại sao ngay từ đầu đã tồn tại những chính sách và thể chế sai lầm, mà chỉ cho rằng do các nhà lãnh đạo của các nước nghèo thiếu hiểu biết. Hậu quả là những chính sách này không được ban hành và thực hiện, hay chỉ được thực hiện trên danh nghĩa.

https://thuviensach.vn

Ví dụ, nhiều nền kinh tế trên thế giới, chủ yếu là ở châu Mỹ La-tinh trong những năm 1980 và 1990, đã tiến hành những công cuộc cải cách như trên nhưng vẫn trì trệ. Trên thực tế, những cuộc cải cách như vậy đã bị áp đặt ở các quốc gia này trong khi không có thay đổi nào về chính trị. Vì thế, ngay cả khi đã tiến hành cải cách, ý định ban đầu vẫn bị biến chất, hoặc các chính trị gia sẽ tìm cách khác để làm giảm sức ảnh hưởng của nó. Thử lấy một ví dụ minh họa là việc "thực hiện" một trong những kiến nghị chính của các tổ chức quốc tế với mục đích đạt được sự ổn định kinh tế vĩ mô: Sự độc lập của ngân hàng trung ương. Kiến nghị này hoặc chỉ được thực hiện trên lý thuyết chứ không phải trong thực tế, hoặc bị xói mòn bởi việc sử dụng những công cụ chính sách khác. Trên nguyên tắc, điều này thật dễ hiểu. Nhiều chính khách trên thế giới đang chi tiêu nhiều hơn so với mức thu ngân sách từ thuế và sau đó buộc các ngân hàng trung ương phải in tiền để bù đắp thâm hụt ngân sách. Tình trạng lạm phát xảy ra sau đó sẽ gây ra bất ổn và bấp bênh. Theo lý thuyết, những ngân hàng trung ương độc lập, như ngân hàng Bundesbank ở Đức, có thể chống lại các áp lực chính trị và ngăn chặn lạm phát. Tổng thống Zimbabwe Mugabe đã quyết định nghe theo lời khuyên từ cộng đồng quốc tế: ông tuyên bố ngân hàng trung ương Zimbabwe độc lập vào năm 1995. Trước đó, lạm phát ở Zimbabwe ở mức 20%. Năm 2002, tỷ lệ lạm phát lên đến 140%; năm 2003 là 600%; năm 2007 là 66.000%; và năm 2008 là 230 triệu %! Lẽ dĩ nhiên, ở một đất nước mà chính tổng thống là người trúng xổ số (chương 13), chẳng lạ gì việc thông qua luật pháp về sự độc lập của ngân hàng trung ương là vô nghĩa. Thống đốc ngân hàng trung ương Zimbabwe chắc cũng biết rằng người giữ chức vụ như ông ở Sierra Leone đã "ngã" từ tầng thượng tòa nhà ngân hàng trung ương chỉ vì dám bất đồng quan điểm với Siaka Stevens (chương 12). Dù có độc lập hay không, tuân theo yêu cầu của tổng chống là lựa chọn sáng suốt để đảm bảo sức khỏe cá nhân, dù có thể gây nguy hại cho nền kinh tế. Không phải tất cả các quốc gia đều giống như Zimbabwe. Ở Argentina và Colombia, các ngân hàng trung ương cũng bắt đầu hoạt động độc lập từ những năm 1990, và đã thực sự giúp giảm lạm phát. Nhưng vì tình hình chính trị ở cả hai nước này đều không hề thay đổi, nên giới quyền

https://thuviensach.vn

thế chính trị có thể tìm nhiều phương kế khác để mua bán phiếu bầu, duy trì quyền lợi, đồng thời tự ban thưởng cho bản thân và phe cánh của họ. Bởi vì họ không thể in tiền cho mục đích này nữa, họ phải sử dụng cách khác. Ở cả hai nước này, sự độc lập của ngân hàng trung ương đã diễn ra cùng với sự bùng nổ chi tiêu của chính phủ, chủ yếu là từ nguồn vốn vay mượn.

Trường phái thứ hai về vấn đề thiết kế sự thịnh vượng hiện đang được ưa chuộng hơn nhiều. Trường phái này công nhận rằng không có những biện pháp dứt khoát dễ dàng để đưa một đất nước từ đói nghèo lên thịnh vượng trong một sớm một chiều. Thay vào đó, trường phái này cho rằng người ta có thể khắc phục các "thất bại thị trường vi mô" bằng những chính sách đúng đắn, và sự thịnh vượng sẽ sinh sôi nếu các nhà hoạch định chính sách tận dụng những cơ hội này. Những cơ hội này, một lần nữa, lại có thể đạt được nhờ sự giúp đỡ và tầm nhìn của các nhà kinh tế và những người khác. Theo trường phái này, những thất bại thị trường nho nhỏ tồn tại khắp nơi ở các nước nghèo - chẳng hạn như trong hệ thống giáo dục, dịch vụ y tế và cách thức tổ chức thị trường. Điều này đúng một cách hiển nhiên. Nhưng vấn đề là những bất cập đó có thể chỉ là phần nổi của tảng băng, chỉ là triệu chứng của những vấn đề có nguồn gốc sâu xa hơn trong một xã hội vận hành theo các thể chế chiếm đoạt. Không phải vì tình cờ mà các nước nghèo có những chính sách kinh tế vĩ mô sai lầm, và tương tự như vậy, hệ thống giáo dục của họ không tốt chẳng phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Những thất bại thị trường này xem ra không phải đơn thuần do tình trạng thiếu hiểu biết. Chính các nhà hoạch định chính sách và quan chức nhà nước, những người được cho là nên hành động theo những lời khuyên đầy thiện ý, xem ra mới là một phần của vấn đề, và nhiều nỗ lực cứu vãn những bất cập này có thể đã bị phản tác dụng chính là do những người chịu trách nhiệm đã không đấu tranh với các nguyên nhân thể chế của vấn nạn đói nghèo ngay từ đầu.

Những vấn đề trên được minh họa qua dự định cải thiện dịch vụ y tế ở bang Rajasthan Ấn Độ của tổ chức phi chính phủ Seva Mandir. Việc cung

https://thuviensach.vn

ứng dịch vụ y tế ở Ấn Độ là câu chuyện về tình trạng phi hiệu quả và thất bại thâm căn cố đế. Chí ít trên lý thuyết, dịch vụ y tế công cộng cần phải phổ cập và rẻ, đồng thời nhân viên y tế nhìn chung phải có trình độ. Nhưng ngay cả những người Ấn Độ nghèo nhất cũng không sử dụng phương tiện y tế công cộng, mà thay vào đó, họ chọn các nhà cung cấp dịch vụ y tế tư nhân đắt đỏ hơn, không được kiểm soát, và thậm chí đôi khi còn không đáp ứng được nhu cầu. Điều này không phải là vô lý: Dân chúng không thể nhận được bất kỳ sự chăm sóc y tế nào từ các cơ sở của chính phủ, nơi các nhân viên vắng mặt thường xuyên. Thật vậy, nếu một ngươi Ấn Độ đến một cơ sở y tế công cộng, chẳng những không có nhân viên y tế, mà người ấy thậm chí còn không thể vào bên trong bởi vì những cơ sở y tế này gần như lúc nào cũng đóng cửa.

Năm 2006, Seva Mandir cùng một nhóm nhà kinh tế đã thiết kế một kế hoạch nhằm khuyến khích nhân viên y tế làm việc ở quận Udaipur bang Rajasthan. Ý tưởng rất đơn giản: Seva Mandir triển khai sử dụng hệ thống máy chấm công để ghi nhận ngày và giờ làm việc của tất cả các nhân viên y tế tại bệnh viện. Các nhân viên y tế sẽ được đóng dấu vào thẻ chấm công của họ ba lần một ngày để đảm bảo họ đã đến đúng giờ, làm việc tại cơ sở và ra về đúng giờ. Nếu kế hoạch này thành công, và giúp tăng cung cấp dịch vụ y tế công cộng cả về chất lượng và số lượng, thì đây sẽ là một ví dụ điển hình minh họa cho lý thuyết cho rằng chúng ta có những giải pháp dễ dàng cho mọi vấn đề phát triển.

Trên thực tế, biện pháp can thiệp này cho thấy một kết quả rất khác. Ngay sau khi kế hoạch được thực hiện, số lượng nhân viên y tế đến làm việc tăng vọt. Nhưng điều này không tồn tại được bao lâu. Trong vòng hơn một năm, giới chức quản lý y tế địa phương đã cố tình vô hiệu hóa kế hoạch khuyến khích của Seva Mandir. Tình trạng vắng mặt quay trở về mức độ thông thường, nhưng số lượng những “ngày nghỉ ngoại lệ” tăng vọt, nghĩa là nhân viên y tế thật ra không có mặt ở bệnh viện nhưng điều này được giới chức quản lý y tế địa phương chính thức chấp thuận. Cũng

https://thuviensach.vn

có sự tăng vọt hiện tượng "trục trặc máy móc" do hệ thống chấm công bị hư hỏng. Nhưng Seva Mandir không thể thay thế các máy chấm công này vì giới chức quản lý y tế địa phương không hợp tác.

Buộc các nhân viên y tế phải sử dụng thẻ chấm công ba lần một ngày không phải là một ý tưởng mới. Thật vậy, biện pháp này đã được áp dụng trong các ngành công nghiệp trên khắp thế giới, thậm chí ở cả Ấn Độ, và đối với các nhà quản lý y tế, lẽ ra đây phải là một giải pháp tiềm năng cho vấn đề này. Như vậy, xem ra chẳng phải do không hiểu biết về kế hoạch khuyến khích này mà người ta không sử dụng nó ngay từ đầu. Những gì xảy ra trong chương trình đã xác minh nhận định này. Giới quản lý y tế đã phá hoại chương trình vì họ đồng lõa với các nhân viên y tế và chính họ cũng dính líu trong vấn nạn thường xuyên vắng mặt này. Họ không muốn có một dự án ép buộc các nhân viên y tế phải đi làm nếu không sẽ cắt giảm lương.

Câu chuyện trên cho thấy một phiên bản thu nhỏ của những khó khăn lớn phải đối mặt khi muốn thực hiện những thay đổi có ý nghĩa trong khi nguyên nhân gốc rễ của vấn đề nằm ở yếu tố thể chế. Trong trường hợp này, không phải các chính khách tham nhũng hay các doanh nghiệp có thế lực đã làm xói mòn cải cách thể chế, mà đúng ra, chính giới chức quản lý y tế và các nhân viên y tế đã phá hoại kế hoạch khuyến khích làm việc của Seva Mandir và của các nhà kinh tế phát triển. Điều này cho thấy, việc cho rằng nhiều thất bại thị trường vi mô có thể được khắc phục dễ dàng xem ra chỉ là ảo tưởng: Chính cơ cấu thể chế, nguồn gốc dẫn đến thất bại thị trường, sẽ ngăn cản việc thực hiện các giải pháp cải thiện động cơ khuyến khích ở cấp độ vi mô. Nếu không giải quyết nguyên nhân gốc rễ của vấn đề - các thể chế chiếm đoạt và nền chính trị duy trì các thể chế đó - thì nỗ lực thiết kế sự thịnh vượng xem ra không thể gặt hái thành công.

THẤT BẠI CỦA VIỆN TRỢ NƯỚC NGOÀI

https://thuviensach.vn

Sau sự kiện khủng bố của Al Qaeda ngày 11/9/2001, quân đội Mỹ đã nhanh chóng lật đổ chế độ đàn áp của Taliban ở Afghanistan. Hiệp ước Bonn tháng 12/2001 giữa các nhà lãnh đạo lực lượng du kích Hồi giáo trước đây từng hợp tác với lực lượng Hoa Kỳ và các thành viên then chốt của cộng đồng Afghanistan lưu vong, trong đó có Hamid Karzai, đã lên kế hoạch xây dựng một nhà nước dân chủ. Bước đi đầu tiên là cuộc họp quốc hội toàn dân Loya Jirga, qua đó bầu chọn Karzai làm người đứng đầu chính phủ lâm thời. Mọi việc bắt đầu khởi sắc tại Afghanistan. Phần đông người dân ở đây hy vọng có thể thoát khỏi Taliban. Cộng đồng quốc tế cho rằng tất cả những gì quốc gia này cần là một dòng viện trợ dồi dào. Đại diện của Liên hiệp quốc và một vài tổ chức phi chính phủ hàng đầu nhanh chóng được biệt phái đến thủ đô Kabul.

Ứng với sự thất bại của viện trợ nước ngoài dành cho các nước nghèo và các nhà nước thất bại suốt 50 năm qua, mọi diễn biến sau đó không phải là điều bất ngờ. Mà dù có bất ngờ hay không thì những thủ tục thông thường vẫn diễn ra. Các nhân viên viện trợ cùng với đoàn tùy tùng của họ bắt đầu xuất hiện với chuyên cơ riêng, các tổ chức phi chính phủ đủ loại đổ về để thực hiện các chương trình hành động của họ, và các cuộc họp cấp cao được tổ chức giữa chính phủ và các đại biểu quốc tế. Hàng tỉ đô-la được rót vào Afghanistan. Nhưng rất ít trong số đó được sử dụng để xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học và các dịch vụ công cộng thiết yếu cho sự phát triển các thể chế dung hợp hay thậm chí cho việc tái lập trật tự an ninh xã hội. Trong khi phần lớn cơ sở hạ tầng vẫn còn đổ nát, phần thứ nhất trong số tiền viện trợ được dùng để thuê một hãng hàng không chuyên chở các viên chức quốc tế và Liên hiệp quốc. Điều tiếp theo họ cần là tài xế và thông dịch viên, do đó họ đã thuê một vài viên chức nói tiếng Anh và những giáo viên còn lại ở các trường học Afghanistan để làm tài xế và tháp tùng họ, với tiền lương gấp nhiều lần so với mức lương hiện hành ở Afghanistan. Khi một vài viên chức có kỹ năng được bố trí vào các công việc phục vụ cộng đồng viện trợ nước ngoài, thì dòng viện trợ nước ngoài,

https://thuviensach.vn

thay vì được dùng để xây dựng cơ sở hạ tầng ở Afghanistan, bắt đầu làm xói mòn nhà nước Afghanistan mà họ dự định xây dựng và kiện toàn.

Dân làng ở một vùng hẻo lánh thuộc thung lũng miền trung Afghanistan nghe thông báo qua đài về kế hoạch đầu tư hàng triệu đô-la để phục hồi nơi cư trú cho họ ở vùng này. Sau một thời gian dài, một vài xà nhà bằng gỗ được chuyển tới trên những chiếc xe tải thuộc tập đoàn vận tải của Ismail Khan, nguyên thủ lĩnh quân sự nổi tiếng và là thành viên chính phủ Afghanistan. Nhưng những xà nhà này quá to không thể sử dụng vào việc gì, nên dân làng chỉ có một phương án sử dụng duy nhất: dùng làm củi đun. Vậy chuyện gì đã xảy ra cho hàng triệu đô-la đã được hứa trao cho dân làng? Trong số tiền viện trợ cam kết, có 20% đã được chi trả cho các văn phòng của Liên hiệp quốc tại Geneva. Phần còn lại được khoán cho một tổ chức phi chính phủ. Tổ chức này sử dụng 20% số tiền cho các văn phòng của mình ở Brussels, và cứ thế tiếp tục có thêm ba tầng lớp tổ chức nữa, mỗi lớp lấy 20% số tiền còn lại. Số tiền ít ỏi cuối cùng đến tay người dân Afghanistan được dùng để mua gỗ từ miền tây Iran, trong đó phần lớn là để thanh toán chi phí vận chuyển đã được thổi phồng lên của tập đoàn vận chuyển của Ismail Khan. Bản thân việc những khúc gỗ to quá khổ vẫn tới được tay dân làng cũng đã là một phép màu.

Những gì xảy ra ở thung lũng miền trung Afghanistan không phải là một sự kiện cá biệt. Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng chỉ khoảng 10% hay nhiều nhất là 20% số tiền viện trợ thực sự đến đúng mục tiêu. Có hàng tá cuộc điều tra gian lận đang diễn ra về những vụ cáo buộc cán bộ Liên hiệp quốc và quan chức địa phương bòn rút tiền viện trợ. Nhưng hầu hết sự lãng phí do viện trợ nước ngoài gây ra không phải là gian lận, mà chỉ là tình trạng thiếu năng lực và thậm chí tồi tệ hơn: đó chỉ là công việc như lệ thường đối với các tổ chức viện trợ.

Thực tế viện trợ ở Afghanistan thật ra có lẽ là một trường hợp thành công so với nhiều nước khác. Trong suốt năm thập niên vừa qua, hàng trăm

https://thuviensach.vn

tỉ đô-la đã được trao cho chính phủ các nước trên khắp thế giới dưới hình thức viện trợ "phát triển", và phần lớn đều bị hao hụt trong các chi phí quản lý và tham nhũng, hệt như ở Afghanistan. Tồi tệ hơn, phần lớn tiền viện trợ đã đến tay những kẻ độc tài như Mobutu, lệ thuộc vào viện trợ nước ngoài từ các nhà tài trợ phương Tây để mua chuộc sự ủng hộ từ khách hàng nhằm củng cố chế độ và làm giàu cho bản thân. Bức tranh ở hầu hết những nơi khác trong khu vực hạ Sahara châu Phi cũng tương tự. Viện trợ nhân đạo vì mục đích cứu trợ tạm thời trong thời kỳ khủng hoảng như gần đây dành cho Haiti và Pakistan xem ra đã hữu ích hơn, dù rằng quá trình phân phát viện trợ cũng vướng phải những vấn đề tương tự.

Bất chấp thành tích quá khứ không tốt đẹp của viện trợ "phát triển", viện trợ nước ngoài vẫn là một trong những chính sách được ưa chuộng nhất mà chính phủ các nước phương Tây, các tổ chức quốc tế như Liên hiệp quốc, và các tổ chức phi chính phủ đủ loại thường kiến nghị như một phương thức đấu tranh chống đói nghèo trên thế giới. Và đương nhiên, cái vòng thất bại lẩn quẩn của viện trợ nước ngoài này sẽ lặp đi lặp lại mãi. Quan niệm cho rằng phương Tây giàu có nên cung cấp "viện trợ phát triển" để giải quyết vấn đề đói nghèo ở vùng hạ Sahara châu Phi, vùng Caribê, Trung Mỹ và Nam Á xuất phát từ nhận thức sai lạc về nguyên nhân của đói nghèo. Những nước như Afghanistan sở dĩ nghèo là do các thể chế chiếm đoạt ở đó dẫn đến tình trạng thiếu quyền sở hữu, không có luật pháp và trật tự, không có các hệ thống pháp lý vận hành trôi chảy cùng với sự thống trị bóp nghẹt của giới quyền thế quốc gia và địa phương đối với đời sống kinh tế và chính trị. Vấn nạn thể chế cũng có nghĩa là viện trợ sẽ không có tác dụng, vì tiền viện trợ này sẽ bị tham ô và không thể đến đúng nơi cần đến. Trong tình huống xấu nhất, tiền viện trợ thậm chí còn được dùng để xây dựng chính cái thể chế vốn là gốc rễ của các vấn nạn xã hội. Vì thế, muốn phát triển kinh tế bền vững thì cần có các thể chế dung hợp, và việc cung cấp viện trợ cho những chế độ duy trì các thể chế chiếm đoạt không phải là giải pháp. Tuy nhiên, điều này không phủ nhận kết quả tốt đẹp của những chương trình viện trợ cụ thể, thậm chí còn vượt lên trên viện trợ nhân đạo,

https://thuviensach.vn

giúp xây dựng trường học ở những nơi chưa từng có trường học trước đây và giúp trả lương cho giáo viên mà nếu không họ sẽ làm việc mà không có lương. Trong khi phần lớn tiền viện trợ rót vào Kabul gần như không giúp ích gì để cải thiện đời sống người dân thường Afghanistan, thì vẫn có những thành công đáng kể trong việc xây trường học, nhất là dành cho các bé gái, vốn dĩ hoàn toàn không được đi học dưới chế độ Taliban và ngay cả trước đó.

Một giải pháp mới gần đây đã trở nên phổ biến - một phần dựa vào nhận thức rằng các thể chế có liên quan đến sự thịnh vượng và thậm chí liên quan đến việc phân phát viện trợ - là việc đặt điều kiện để nhận viện trợ. Theo quan điểm này, viện trợ chỉ được tiếp tục nếu chính phủ nước nhận viện trợ đáp ứng được các điều kiện nhất định - chẳng hạn như tự do hóa thị trường hay tiến tới chế độ dân chủ. Chính quyền George W. Bush đã thực hiện những biện pháp đáng kể theo đường lối viện trợ có điều kiện này thông qua chương trình Đánh giá Thách thức Thiên niên kỷ (Millennium Challenge Accounts); chương trình này chỉ cung cấp viện trợ tương lai tùy thuộc vào sự cải thiện định lượng trong một vài bình diện phát triển kinh tế và chính trị. Thế nhưng tác dụng của viện trợ có điều kiện xem ra cũng không tốt hơn viện trợ vô điều kiện. Những nước không đáp ứng được điều kiện vẫn nhận được viện trợ nhiều hệt như những nước đáp ứng được điều kiện. Lý do rất đơn giản: họ là những nước có nhu cầu bức thiết hơn về viện trợ phát triển hay viện trợ nhân đạo. Và ta có thể dự đoán rằng, viện trợ có điều kiện gần như cũng không ảnh hưởng đến thể chế của một quốc gia. Xét cho cùng, hẳn sẽ vô cùng ngạc nhiên nếu những người như Siaka Stevens ở Sierra Leone hay Mobutu ở Congo lại đột ngột từ bỏ các thể chế chiếm đoạt mà họ phụ thuộc vào đó chỉ để nhận thêm chút ít viện trợ nước ngoài. Ngay cả ở vùng hạ Sahara châu Phi, nơi viện trợ chiếm một phần đáng kể trong ngân sách nhà nước của nhiều quốc gia, và thậm chí sau khi thực hiện chương trình Đánh giá Thách thức Thiên niên kỷ làm tăng mức độ đặt điều kiện, thì số tiền viện trợ nước ngoài tăng thêm mà một nhà độc tài có thể thu được bằng cách hy sinh quyền lực riêng của mình vẫn rất nhỏ

https://thuviensach.vn

và chẳng đáng để gây rủi ro cho sự thống trị đất nước lâu dài hay cho chính sinh mệnh của ông ta.

Nhưng tất cả điều này không có nghĩa là viện trợ nước ngoài, ngoại trừ viện trợ nhân đạo, đều nên chấm dứt. Cắt viện trợ là việc không thực tế và có thể mang lại thêm nhiều nỗi khổ nhân sinh. Không thực tế bởi vì người dân các nước phương Tây cảm thấy có tội và ray rứt băn khoăn trước các thảm họa kinh tế và nỗi khổ nhân sinh trên khắp thế giới, và viện trợ nước ngoài giúp họ tin rằng người ta đang hành động để giải quyết những vấn nạn đó. Ngay cả khi hành động này không thật sự hữu hiệu, thì mong muốn hành động vẫn cứ tiếp tục, và vì thế viện trợ nước ngoài sẽ vẫn còn tiếp diễn. Các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ cũng sẽ không ngừng kêu gọi và huy động nguồn lực để bảo đảm tính liên tục của hiện trạng. Đồng thời, thật là nhẫn tâm khi cắt viện trợ đối với những quốc gia bần cùng khốn khổ nhất. Đúng là phần lớn tiền viện trợ sẽ bị hao hụt. Nhưng nếu ứng với mỗi đồng đô-la viện trợ chỉ có 10 xu được chuyển tới tay những thân phận khốn cùng nhất thế giới, thì 10 xu ấy vẫn nhiều hơn so với những gì họ từng có để xoa dịu tình trạng đói nghèo bĩ cực nhất, và vẫn là có còn hơn không.

Có hai bài học quan trọng ở đây. Thứ nhất, viện trợ nước ngoài không phải là một biện pháp hữu hiệu để giải quyết sự thất bại của các nước trên thế giới ngày nay. Hoàn toàn không phải. Các nước này cần có các thể chế kinh tế và chính trị dung hợp để phá vỡ vòng xoáy đi xuống. Viện trợ nước ngoài gần như không làm được gì trên phương diện này, và chắc chắn không làm được gì ứng với phương thức tổ chức viện trợ hiện nay. Việc nhận ra được gốc rễ của sự cách biệt giàu nghèo và đói nghèo trên thế giới là vô cùng quan trọng để ta không nuôi hy vọng vào những lời hứa suông. Vì gốc rễ vấn đề nằm ở thể chế, nên viện trợ nước ngoài không thể giúp thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong khuôn khổ thể chế hiện hành ở các nước nhận viện trợ. Thứ hai, vì việc phát triển thể chế kinh tế và chính trị dung hợp là then chốt, việc sử dụng dòng viện trợ hiện nay ít nhất một phần

https://thuviensach.vn

để giúp tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển này sẽ rất hữu ích. Như chúng ta đã thấy, ở đây viện trợ có điều kiện không phải là giải pháp. Thay vào đó, viễn cảnh tốt đẹp hơn là hãy thiết kế viện trợ nước ngoài sao cho khi sử dụng và quản lý thực hiện, viện trợ sẽ giúp đưa các nhóm và các nhà lãnh đạo vốn bị loại ra khỏi vai trò quyền lực được tham gia vào quá trình ra quyết định, đồng thời trao quyền cho nhiều thành phần dân số đa dạng.

TRAO QUYỀN

Ngày 12/5/1978 tưởng như là một ngày bình thường ở nhà máy xe tải Scânia thuộc thành phố São Bernardo, bang São Paulo, Brazil. Nhưng hôm ấy các công nhân đều bồn chồn. Biểu tình đã bị cấm ở Brazil từ năm 1964 khi quân đội lật đổ chính quyền dân chủ của tổng thống João Goulart. Nhưng tin tức vừa lộ ra rằng chính phủ đã sửa đổi số liệu lạm phát quốc gia nhằm làm cho mức tăng chi phí sinh hoạt được ước lượng thấp hơn thực tế. Khi ca sáng bắt đầu lúc 7 giờ, người lao động đã buông dụng cụ xuống. Lúc 8 giờ, nhà tổ chức công đoàn ở nhà máy Gilson Menezes gọi cho công đoàn. Chủ tịch Công đoàn nhà máy São Bernardo Metatworkers là một nhà hoạt động 33 tuổi tên Luiz Inácio Lula da Silva (gọi tắt là “Lula”). Đến trưa, Lula đã có mặt ở nhà máy. Khi công ty yêu cầu ông thuyết phục người lao động trở lại làm việc, ông từ chối.

Cuộc biểu tình Scânia đã châm ngòi cho làn sóng biểu tình diễn ra sau đó trên khắp đất nước Brazil. Thoạt nhìn qua thì đây là vấn đề về tiền lương, nhưng như Lula nhận xét sau đó:

Tôi nghĩ chúng ta không thể tách biệt giữa các yếu tố kinh tế và chính trị… Cuộc biểu tình này là về tiền lương, nhưng trong khi đấu tranh cho đồng lương, tầng lớp lao động đã giành thắng lợi trên chính trường.

Sự hồi sinh của các phong trào đấu tranh của người lao động Brazil chỉ là một phần nhỏ trong các phản ứng xã hội bao quát hơn đối với 15 năm thống trị quân sự. Nhà trí thức cánh tả Fernando Henrique Cardoso, giống

https://thuviensach.vn

như Lula, trở thành tổng thống Brazil sau khi tái lập nền dân chủ, đã lập luận vào năm 1973 rằng nền dân chủ sẽ được xây dựng ở Brazil bởi nhiều nhóm xã hội chống đối chế độ độc tài quân sự đang hợp lực với nhau. Ông nói rằng điều cần thiết là "tái lập một xã hội dân sự… các hiệp hội chuyên môn, công đoàn, nhà thờ, các tổ chức sinh viên, các nhóm nghiên cứu, các nhóm tranh luận và các phong trào xã hội" - nói cách khác, một liên minh đa thành phần với mục tiêu tái lập nền dân chủ và thay đổi xã hội Brazil.

Sự kiện nhà máy Scânia là điềm báo trước cho sự ra đời của liên minh này. Cuối năm 1978, Lula phổ biến ý tưởng về việc thành lập một đảng chính trị mới, Đảng Công nhân. Tuy nhiên, đây không chỉ là đảng của những người hoạt động công đoàn. Ông nhấn mạnh rằng đây là đảng của tất cả những người làm công ăn lương và người nghèo nói chung. Ở đây, nỗ lực của các nhà lãnh đạo công đoàn nhằm xây dựng nền tảng chính trị đã bắt đầu kết hợp với nhiều phong trào xã hội đang trỗi dậy. Ngày 18/8/1979, một cuộc họp được tổ chức tại São Paulo bàn về việc thành lập Đảng Công nhân, với sự có mặt của các nhà chính trị đối lập, các lãnh đạo công đoàn, sinh viên, trí thức và đại diện cho 100 phong trào xã hội đa dạng được tổ chức vào thập niên 1970 trên khắp đất nước Brazil. Đảng Công nhân, ra đời tại nhà hàng São Judas Tadeo ở São Bernardo vào tháng 10/1979, trở thành đại diện cho tất cả các thành phần đa dạng này.

Đảng nhanh chóng hưởng lợi từ sự mở cửa chính trị mà phe quân đội đang miễn cưỡng thực hiện. Trong cuộc bầu cử địa phương năm 1982, đảng ra tranh cử lần đầu tiên và giành chiến thắng trong hai cuộc đua tranh chức thị trưởng. Xuyên suốt những năm 1980, khi nền dân chủ dần dần được tái lập ở Brazil, Đảng Công nhân bắt đầu tiếp quản các chính quyền địa phương ngày càng nhiều hơn. Đến năm 1988, Đảng Công nhân đã kiểm soát chính quyền ở 36 đô thị, bao gồm những thành phố lớn như São Paulo và Porto Alegre. Năm 1989, trong cuộc bầu cử tổng thống tự do lần đầu tiên từ sau đảo chính quân sự, Lula thắng 16% số phiếu trong đợt đầu trên

https://thuviensach.vn

cương vị ứng cử viên của Đảng Công nhân. Trong đợt sau với Fernando Collor, ông thắng 44%.

Khi việc tiếp quản các chính quyền địa phương bắt đầu tăng tốc trong thập niên 1990, Đảng Công nhân cũng bắt đầu bước vào mối quan hệ cộng sinh với nhiều phong trào xã hội địa phương. Ở thành phố Porto Alegre, nội các đầu tiên của Đảng Công nhân sau năm 1988 đã tiến hành cơ chế "dự toán ngân sách phổ thông"; đây là một cơ chế cho phép những người dân thường tham gia vào quá trình dự toán các khoản mục ưu tiên chỉ tiêu của ngân sách thành phố. Cơ chế này tạo ra một hệ thống hiện đã trở thành mẫu mực thế giới về trách nhiệm giải trình và sự đáp ứng của chính quyền địa phương, và được thực hiện song hành với những cải thiện to lớn trong việc cung ứng dịch vụ công và chất lượng sống trong thành phố. Cơ cấu quản lý nhà nước thành công của Đảng Công nhân ở cấp độ địa phương đã được nhân rộng thành sự huy động chính trị rộng lớn hơn và thành công ở cấp độ quốc gia. Mặc dù Lula thua Fernando Henrique Cardoso trong các cuộc tranh cử tổng thống năm 1994 và 1998, ông được bầu làm tổng thống Brazil năm 2002. Đảng Công nhân vẫn tiếp tục cầm quyền kể từ bấy giờ.

Việc hình thành một liên minh nhiều thành phần ở Brazil như một hệ quả của sự kết hợp các phong trào xã hội đa dạng và lao động có tổ chức đã ảnh hưởng ngoạn mục đến nền kinh tế nước này. Từ năm 1990, nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng, tỷ lệ đói nghèo giảm từ 45% xuống 30% vào năm 2006. Cách biệt giàu nghèo từng tăng nhanh dưới chế độ quân sự giờ đã giảm mạnh, nhất là sau khi Đảng Công nhân lên cầm quyền, và giáo dục mở rộng, với số năm đi học bình quân của dân chúng tăng từ sáu năm vào năm 1995 lên tám năm vào năm 2006. Ngày nay Brazil là thành viên của khối BRIC (gồm Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc), và là quốc gia châu Mỹ La-tinh đầu tiên thật sự có tiếng nói trên trường quốc tế.

SỰ VƯƠN LÊN CỦA BRAZIL từ những năm 1970 không phải nhờ vào công lao của các nhà kinh tế từ các tổ chức quốc tế đã dìu dắt hướng

https://thuviensach.vn

dẫn các nhà hoạch định chính sách nước này về cách thức soạn thảo những chính sách tốt hơn hay tránh né thất bại thị trường; đồng thời cũng không phải nhờ vào dòng viện trợ nước ngoài hay là kết quả tự nhiên của quá trình hiện đại hóa. Nói đúng ra, sự vươn lên của Brazil là thành tựu của nhiều thành phần xã hội đa dạng dũng cảm xây dựng các thể chế chính trị dung hợp. Cuối cùng, các thể chế này dẫn đến các thể chế kinh tế dung hợp hơn. Cũng giống như nước Anh vào thế kỷ 17, sự chuyển hóa của Brazil bắt đầu bằng sự ra đời của các thể chế chính trị dung hợp. Tuy nhiên, làm thế nào để xã hội xây dựng được các thể chế chính trị dung hợp?

Như chúng ta đã thấy, lịch sử đầy ắp ví dụ về những phong trào cải cách song cuối cùng phải chịu khuất phục trước quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ và thay thế các thể chế chiếm đoạt này bằng những thể chế khác thậm chí còn tồi tệ hơn. Chúng ta đã thấy nước Anh năm 1688, nước Pháp năm 1789, và Nhật Bản trong cuộc cách mạng Minh Trị Duy Tân năm 1868 từng bắt đầu quá trình xây dựng các thể chế chính trị dung hợp bằng một cuộc cách mạng chính trị. Nhưng các cuộc cách mạng chính trị thường gian khổ và gây ra đổ vỡ tàn phá, và không phải chắc chắn sẽ thành công. Cuộc Cách mạng Bôn- sê-vích ở Nga từng rao giảng về mục tiêu là thay thế hệ thống kinh tế bóc lột của Nga hoàng bằng một hệ thống công bằng và hiệu quả hơn, mang lại tự do và thịnh vượng cho hàng triệu người dân nước Nga. Than ôi, kết quả thì ngược lại, và thay thế cho những thể chế mà Bôn-sê-vích đã lật đổ là những thể chế thậm chí còn chiếm đoạt hơn và đàn áp hơn. Nhiều cuộc cải cách từ trên xuống dưới ở những nước không theo chế độ cộng sản cũng không khả dĩ hơn. Nasser thề thốt sẽ xây dựng một xã hội công bằng hiện đại ở Ai Cập, nhưng chỉ dẫn đến chế độ tham nhũng của Hosni Mubarak, như đã thấy trong chương 13. Robert Mugabe được nhiều người xem là một chiến sĩ cách mạng đấu tranh cho tự do, có công lật đổ chế độ Rhodes phân biệt chủng tộc và mang tính chiếm đoạt cao độ của Ian Smith. Nhưng thể chế ở Zimbabwe vẫn không hề trở nên bớt tính chiếm đoạt, và tình hình kinh tế nơi đây còn tệ hơn so với trước khi độc lập.

https://thuviensach.vn

Điểm chung của những cuộc cách mạng chính trị thành công trong việc lát đường cho các thể chế dung hợp hơn và sự thay đổi thể chế dần dần ở Bắc Mỹ, ở Anh vào thế kỷ 19, và ở Botswana sau khi độc lập - đồng thời cũng dẫn đến sự củng cố đáng kể các thể chế chính trị dung hợp - là ở chỗ, các cuộc cách mạng này đã thành công trong việc trao quyền cho nhiều thành phần đa dạng trong xã hội. Muốn có chủ nghĩa đa nguyên, nền tảng của các thể chế chính trị dung hợp, thì quyền lực chính trị phải được phân phối rộng rãi trong xã hội, và nếu bắt đầu từ thể chế chiếm đoạt vốn chỉ tập trung quyền lực vào tay một số ít người, thì cần phải có một quá trình trao quyền. Như đã nhấn mạnh trong chương 7, điều này chính là yếu tố làm nên sự khác biệt giữa cuộc Cách mạng Vinh quang so với việc lật đổ giới quyền thế này rồi thay bằng một giới quyền thế khác. Trong trường hợp cuộc Cách mạng Vinh quang, cội rễ của chủ nghĩa đa nguyên nằm ở việc lật đổ vua James II bằng một cuộc cách mạng chính trị dưới sự lãnh đạo của một liên minh rộng lớn bao gồm các thương nhân, các nhà công nghiệp, giới chủ đất nhỏ, và ngay cả nhiều thành viên của giới quý tộc Anh không liên kết với nhà vua. Như ta đã thấy, cuộc Cách mạng Vinh quang được tạo điều kiện thuận lợi thông qua việc huy động và trao quyền cho một liên minh rộng lớn, và quan trọng hơn, điều này đến lượt nó đã dẫn đến sự trao quyền hơn nữa cho nhiều thành phần hơn trong xã hội so với trước đây - cho dù rõ ràng những thành phần này vẫn chưa phải là toàn bộ xã hội, và phải mất hơn 200 năm nữa, nước Anh mới trở thành một nền dân chủ thực thụ. Những yếu tố dẫn đến sự ra đời của các thể chế dung hợp ở các thuộc địa Bắc Mỹ cũng tương tự, như ta đã thấy trong chương 1. Một lần nữa, con đường bắt đầu từ Virginia, Carolina, Maryland và Massachusetts, rồi dẫn đến Tuyên ngôn Độc lập cùng với sự kiện toàn các thể chế chính trị dung hợp ở Hoa Kỳ là con đường trao quyền cho các thành phần xã hội ngày càng rộng lớn hơn.

Cuộc cách mạng tư sản Pháp cũng là một ví dụ về việc trao quyền cho nhiều thành phần trong xã hội vươn lên chống lại chế độ cũ ở Pháp và xoay sở lát đường cho một hệ thống chính trị đa nguyên hơn. Nhưng Cách mạng

https://thuviensach.vn

Pháp, nhất là thời kỳ Khủng bố dưới sự cầm đầu của Robespierre, một thời kỳ đàn áp và giết chóc, cũng cho ta thấy rằng quá trình trao quyền cũng có nhiều cạm bẫy. Tuy nhiên, cuối cùng rồi Robespierre và nhóm nòng cốt Robin của ông cũng bị hạ bệ, và di sản quan trọng nhất từ cuộc Cách mạng Pháp không phải là những cỗ máy chém mà là công cuộc cải cách sâu rộng mà cách mạng đã tiến hành ở Pháp và các nơi khác ở châu Âu.

Có nhiều điểm tương đồng giữa các quá trình trao quyền lịch sử này với những sự kiện diễn ra ở Brazil bắt đầu từ thập niên 1970. Mặc dù cội rễ của Đảng Công nhân là phong trào công đoàn, ngay từ những ngày đầu, các nhà lãnh đạo như Lula cùng với giới trí thức và các chính khách đối lập ủng hộ Đảng, đã ra sức nhân rộng đảng thành một liên minh rộng lớn. Xung lực này bắt đầu hòa cùng các phong trào xã hội trên khắp đất nước, khi đảng tiếp quản các chính quyền địa phương, khuyến khích sự tham gia dân sự và tạo thành một kiểu cách mạng trong quản lý nhà nước trên cả nước. Trái với nước Anh thế kỷ 17 hay nước Pháp đầu thế kỷ 18, ở Brazil không có một cuộc cách mạng triệt để châm ngòi cho quá trình thay đổi thể chế chính trị trong một cuộc đột kích lật đổ chế độ. Nhưng quá trình trao quyền bắt nguồn từ các nhà máy ở São Bernardo đã phát huy tác dụng một phần vì quá trình này đã chuyển hóa thành sự thay đổi chính trị cơ bản ở tầm vóc quốc gia - chẳng hạn như sự quá độ từ chế độ độc tài quân sự thành một nền dân chủ. Quan trọng hơn, ở Brazil, quá trình trao quyền diễn ra ở cấp độ cơ sở giúp đảm bảo rằng sự quá độ lên một nền dân chủ sẽ tương ứng với phong trào tiến tới các thể chế chính trị dung hợp, và đó là yếu tố chính dẫn đến sự ra đời của một chính quyền tận lực cung cấp dịch vụ công, mở rộng giáo dục, và một sân chơi bình đẳng thực sự. Như chúng ta đã thấy, nền dân chủ không đảm bảo sẽ có chế độ đa nguyên, được minh họa rõ rệt qua sự tương phản giữa thể chế đa nguyên ở Brazil với kinh nghiệm của Venezuela. Venezuela cũng quá độ lên một nền dân chủ sau năm 1958, nhưng điều này xảy ra mà không có sự trao quyền ở cấp độ cơ sở và không giúp phân phối quyền lực chính trị đa nguyên. Thay vào đó, hệ thống chính trị đầy tham nhũng, các mạng lưới ô dù bảo trợ và xung đột tồn tại dai dẳng

https://thuviensach.vn

ở Venezuela, và phần nào cũng vì thế mà khi cử tri đi bầu, họ thậm chí sẵn lòng bỏ phiếu cho những người có tiềm năng trở nên chuyên quyền như Hugo Chávez, có thể vì họ nghĩ rằng chỉ có ông ta mới có khả năng chống lại giới quyền thế kỳ cựu ở Venezuela. Hậu quả là, Venezuela vẫn mỏi mòn trong các thể chế chiếm đoạt trong khi Brazil đã phá vỡ khuôn khổ này.

VẬY TA CÓ THỂ LÀM GÌ để khởi động hay đơn thuần là tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình trao quyền và phát triển các thể chế chính trị dung hợp? Câu trả lời thành thật nhất là: Không có công thức nào để xây dựng các thể chế này. Theo lẽ tự nhiên, có một vài yếu tố hiển nhiên giúp thúc đẩy quá trình trao quyền. Những yếu tố này bao gồm một mức độ trật tự xã hội tập trung nhất định để cho các phong trào đấu tranh thách thức chế độ hiện hữu đừng bị biến chất thành tình trạng vô luật pháp; một vài thể chế chính trị hiện hữu ấp ủ đôi chút chủ nghĩa đa nguyên, như các thể chế chính trị truyền thống ở Botswana, để có thể thiết lập và duy trì các liên minh đa dạng; và sự hiện diện của các tổ chức xã hội dân sự có khả năng phối hợp nhu cầu của người dân sao cho giới quyền thế hiện hữu không thể dễ dàng dập tắt các phong trào đấu tranh hay không bị một nhóm người khác sử dụng làm phương tiện giành lấy quyền kiểm soát các thể chế chiếm đoạt hiện hữu. Nhưng đa số những yếu tố này đã định trước trong lịch sử và chỉ thay đổi một cách chậm chạp. Trường hợp Brazil cho thấy các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức đảng liên quan có thể được xây dựng từ cơ sở đi lên, nhưng quá trình này diễn ra chậm chạp và người ta vẫn chưa rõ mức độ thành công như thế nào trong những tình huống khác nhau.

Có một yếu tố khác, hay một tập hợp những yếu tố khác, có thể đóng vai trò chuyển hóa trong quá trình trao quyền: các phương tiện truyền thông đại chúng. Việc trao quyền trong xã hội rộng lớn thường rất khó điều phối và duy trì nếu không có thông tin rộng rãi về việc liệu những người đang cầm quyền có lạm dụng quyền hạn về chính trị và kinh tế hay không. Chương 11 đã cho thấy vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng trong việc thông tin cho người dân và phối hợp các nhu cầu chống lại

https://thuviensach.vn

những thế lực kìm hãm thể chế dung hợp ở Mỹ. Các phương tiện truyền thông cũng đóng vai trò then chốt trong việc biến sự trao quyền cho các thành phần xã hội đa dạng thành công cuộc cải cách chính trị bền bỉ, như thảo luận trong chương 11, cụ thể là trong bối cảnh dân chủ hóa ở nước Anh.

Truyền đơn và sách báo giúp truyền đạt tin tức và vận động dân chúng đóng vai trò quan trọng trong cuộc Cách mạng Vinh quang ở Anh, cuộc Cách mạng Pháp và trong quá trình tiến tới nền dân chủ ở Anh thế kỷ 19. Tương tự, các phương tiện truyền thông, đặc biệt là các hình thức mới dựa vào tiến bộ trong ngành thông tin và công nghệ truyền thông như blog, chat, Facebook và Twitter, đóng vai trò trọng tâm trong cuộc đấu tranh của Iran chống lại cuộc tuyển cử gian lận của Ahmadinejad năm 2009 và sự đàn áp sau đó. Chúng xem ra cũng đang đóng vai trò trọng tâm trong cuộc cách mạng nhân dân Mùa xuân Ảrập diễn ra giữa lúc chúng tôi đang viết bản thảo quyển sách này.

Các chế độ độc tài thường ý thức được tầm quan trọng của tự do báo chí và cố gắng hết sức chống lại nó. Sự cai trị của Alberto Fujimori ở Peru là một ví dụ minh họa cực đoan về điều này. Mặc dù thoạt đầu được bầu cử một cách dân chủ, nhưng Fujimori đã sớm thiết lập nên một chế độ độc tài ở Peru, nâng lên thành một cuộc đảo chính trong khi vẫn còn đang cầm quyền vào năm 1992. Sau đó, mặc dù vẫn tiếp tục tổ chức bầu cử, nhưng Fujimori đã xây dựng một bộ máy tham nhũng và cai trị bằng đàn áp và hối lộ. Ông dựa vào trợ thủ đắc lực là Valdimiro Montesinos, người đứng đầu sở mật vụ Peru. Montesinos vốn là một người có tổ chức, ông lưu trữ hồ sơ về những khoản tiền nội các chính phủ đã trả cho những cá nhân khác nhau để mua chuộc lòng trung thành của họ, thậm chí còn quay phim ghi hình hoạt động hối lộ thực tế. Việc làm này có lôgic của nó: Đó không chỉ đơn thuần là lưu trữ hồ sơ, mà những bằng chứng này giúp bảo đảm rằng những kẻ tòng phạm đã được ghi nhận và sẽ được xem là có tội như Fujimori và Montesinos. Sau khi chế độ sụp đổ, những tài liệu này rơi vào tay phóng

https://thuviensach.vn

viên và chính quyền. Những khoản tiền này phơi bày giá trị của phương tiện truyền thông đối với một chế độ độc tài. Một chánh án Tòa án Tối cao có giá từ 5.000 đến 10.000 đô-la một tháng, và các chính khách cùng đảng hoặc khác đảng cũng được trả những khoản tương tự. Nhưng khi dính dáng đến báo chí và truyền hình, số tiền này lên đến hàng triệu đô-la. Fujimori và Montesinos đã có lần trả 9 triệu đô-la và một lần khác là hơn 10 triệu đô-la nhằm kiểm soát các đài truyền hình. Họ trả hơn 1 triệu đô-la cho một tờ báo chính thống, và từ 3.000 đến 8.000 đô-la cho một số tờ báo khác ứng với mỗi bản tin nóng sốt. Fujimori và Montesinos cho rằng kiểm soát các phương tiện truyền thông còn quan trọng hơn việc kiểm soát các chính khách và quan tòa. Một trong những tay sai của Montesinos, tướng Bello, đã đúc kết vấn đề này trong một đoạn video như sau: “Nếu chúng ta không kiểm soát các đài truyền hình thì chúng ta sẽ không làm được gì cả”.

Các thể chế chiếm đoạt ở Trung Quốc hiện nay cũng phụ thuộc vào việc kiểm soát các phương tiện truyền thông của chính quyền. Và như chúng ta đã thấy, việc kiểm soát này ngày càng trở nên tinh vi một cách đáng sợ. Như một nhà bình luận Trung Quốc đúc kết: “Để duy trì vai trò lãnh đạo của đảng trong cải cách chính trị, phải tuân theo ba nguyên tắc: Đảng kiểm soát các lực lượng vũ trang; Đảng kiểm soát cán bộ; và Đảng kiểm soát thông tin”.

Nhưng tất nhiên tự do báo chí và các công nghệ truyền thông hiện đại chỉ có thể hỗ trợ ở một mức độ nào đó thông qua việc cung cấp thông tin và phối hợp các nhu cầu và hành động của những người đấu tranh cho thể chế chính trị dung hợp. Vai trò của phương tiện truyền thông chỉ có thể mang lại sự thay đổi có ý nghĩa khi các thành phần xã hội đa dạng được huy động và tổ chức nhằm tạo ra sự thay đổi chính trị; và điều này được thực hiện không phải vì lý do bè phái hay để giành lấy quyền kiểm soát các thể chế chiếm đoạt, mà là để chuyển hóa các thể chế chiếm đoạt trở nên dung hợp hơn. Quá trình đó có thể diễn ra hay không, và có thể mở ra sự trao quyền nhiều hơn cũng như cải cách chính trị bền bỉ hay không: điều này phụ

https://thuviensach.vn

thuộc vào lịch sử thể chế kinh tế và chính trị, vào những khác biệt tuy nhỏ nhặt nhưng quan trọng cũng như vào chính lộ trình ngẫu nhiên của lịch sử.

https://thuviensach.vn

LỜI CẢM ƠN

QUYỂN SÁCH NÀY là kết quả của 15 năm ròng rã hợp tác nghiên cứu, và trong suốt quá trình đó, chúng tôi đã tích lũy nhiều món nợ thực tế và tinh thần. Món nợ lớn nhất là đối với Simon Johnson, cộng sự lâu năm và đồng tác giả của nhiều bài báo khoa học then chốt giúp định hình nhận thức của chúng tôi về phát triển kinh tế so sánh.

Các đồng tác giả khác cùng làm việc với chúng tôi trong các dự án nghiên cứu liên quan cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển các quan điểm của chúng tôi, và chúng tôi muốn đặc biệt cảm ơn Philippe Aghion, Jean-Marie Baland, María Angélica Bautista, Davide Cantoni, Isaías Chaves, Jonathan Conning, Melissa Dell, Georgy Egorov, Leopoldo Fergusson, Camilo García-Jimeno, Tarek Hassan, Sebastián Mazzuca, Jeffrey Nugent, Neil Parsons, Steve Pincus, Pablo Querubín, Rafael Santos, Konstantin Sonin, Davide Ticchi, Ragnar Torvik, Juan Fernando Vargas, Thierry Verdier, Andrea Vindigni, Alex Wolitzky, Pierre Yared và Fabrizio Zilibotti.

Nhiều người khác đóng vai trò rất quan trọng trong việc khuyến khích, thách thức và phê bình chúng tôi qua nhiều năm. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn Lee Alston, Abhijit Banerjee, Robert Bates, Timothy Besley, John Coatsworth, Jared Diamond, Richard Easterlin, Stanley Engerman, Peter Evans, Jeff Frieden, Peter Gourevitch, Stephen Haber, Mark Harrison, Elhanan Helpman, Peter Lindert, Karl Ove Moene, Dani Rodrik và Barry Weingast.

Có hai người đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc định hình các quan điểm và khuyến khích nghiên cứu của chúng tôi, và chúng tôi muốn nhân dịp này bày tỏ lòng biết ơn chân thành cũng như món nợ tinh thần đối với họ: Joel Mokyr và Ken Sokoloff, những người chẳng may đã qua đời

https://thuviensach.vn

trước khi quyển sách này được viết xong, cả hai chúng tôi đều vô cùng thương tiếc Ken.

Chúng tôi cũng vô vàn biết ơn các học giả đã tham dự hội nghị mà chúng tôi đã tổ chức vào tháng 2/2010 về phiên bản đầu tiên của bản thảo quyển sách này ở Viện Khoa học Xã hội Định lượng (Institute for Quantitative Social Science) thuộc Đại học Harvard. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn những người đồng tổ chức, Jim Alt và Ken Shepsle, cũng như những người đã thảo luận với chúng tôi trong hội nghị: Robert Allen, Abhijit Banerjee, Robert Bates, Stanley Engerman, Claudia Goldin, Elhanan Helpman, Joel Mokyr, Ian Morris, Şevket Pamuk, Steve Pincus và Peter Temin. Chúng tôi cũng xin cảm ơn Melissa Dell, Jesús Fernández-Villaverde, Sándor László, Suresh Naidu, Roger Owen, Dan Trefler, Michael Walton và Noam Yuchtman, những người đã đóng góp những nhận xét sâu rộng trong hội nghị và vào nhiều dịp khác.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn Charles Mann, Leandro Prados de la Escosura và David Webster về những lời khuyên chuyên môn.

Trong phần lớn quá trình nghiên cứu và viết quyển sách này, chúng tôi đều là thành viên của chương trình *Thể chế, tổ chức và tăng trưởng* thuộc Viện Nghiên cứu tiên tiến Canada (CIFAR). Chúng tôi đã trình bày nghiên cứu liên quan đến quyển sách này nhiều lần trong các cuộc họp ở CIFAR và tận hưởng sự hỗ trợ của tổ chức tuyệt vời này cũng như các học giả mà tổ chức đã tập hợp được.

Chúng tôi cũng nhận được những nhận xét từ hàng trăm người tham dự các cuộc hội thảo và hội nghị về những tư liệu triển khai trong quyển sách này, và chúng tôi xin cáo lỗi vì không thể tri ân thỏa đáng về những đề xuất, ý tưởng hay nhận thức mà chúng tôi có được từ những buổi thuyết trình và thảo luận này.

https://thuviensach.vn

Chúng tôi cũng rất biết ơn María Angélica Bautista, Melissa Dell và Leander Heldring về sự trợ giúp nghiên cứu xuất sắc của họ trong dự án này.

Cuối cùng, nhưng chắc chắn không kém phần quan trọng, chúng tôi vô cùng may mắn có được người biên tập tuyệt vời, sáng suốt và cực kỳ hỗ trợ, John Mahaney. Những nhận xét và góp ý của John đã cải thiện đáng kể quyển sách của chúng tôi, và sự hỗ trợ cũng như lòng nhiệt thành của anh dành cho dự án đã giúp cho một năm rưỡi sau cùng trở nên dễ chịu và đỡ vất vả hơn nhiều so với lẽ thường.

https://thuviensach.vn

TÀI LIỆU VÀ NGUỒN TRA CỨU

LỜI NÓI ĐẦU

Quan điểm của Mohamed ElBaradei có thể được tìm thấy trên trang twitter.com/#!/ElBaradei.

Trích dẫn của Mossab El Shami và Noha Hamed được lấy từ Yahoo! News ngày 6/2/2011, trên trang news.yahoo.com/s/yblog_exclusive/20110206/ts_yblog_exclusive/egyptian-voices-from-tahrir-square.

Về 12 nhu cầu tức thời đăng trên blog của Wael Khalil, tìm đọc trên trang alethonews.wordpress.com/2011/02/27/egypt-reviewing-the-demands/.

Reda Metwaly được trích dẫn trên trang Al Jazeera, ngày 1/2/2011, english.aljazeera.net/news/middleeast/2011/02/2011212597913527.html.

CHƯƠNG 1: RẤT GẦN NHAU MÀ RẤT KHÁC NHAU

Thảo luận rất hay về cuộc thám hiểm của người Tây Ban Nha đến Rio de La Plata được trình bày trong cuốn sách của Rock (1992), chương 1. Về việc khám phá và thuộc địa hóa Guaraní, tìm đọc tài liệu của Ganson (2003). Trích dẫn từ de Sahagún được lấy từ nghiên cứu của de Sahagún (1975), trang 47-49. Nghiên cứu của Gibson (1963) là công trình cơ bản về việc chinh phục Mexico của người Tây Ban Nha và các thể chế mà họ đã thiết kế. Trích dẫn từ de las Casas được lấy từ nghiên cứu của de las Casas (1992) lần lượt trong các trang 39, 117-18, và 107.

https://thuviensach.vn

Về Pizarro ở Peru, tìm đọc sách của Hemming (1983). Các chương từ 1-6 trình bày sự gặp gỡ ở Cajamarca, chặng đường xuôi về miền nam và việc thâu tóm thủ đô Cuzco của Đế chế Inca. Tìm đọc sách của Hemming (1983), chương 20, về de Toledo. Nghiên cứu của Bakewell (1984) cho ta nhận thức tổng quan về sự vận hành của hệ thống *mita* ở thành phố Potosí, và nghiên cứu của Dell (2010) trình bày bằng chứng thống kê cho thấy hệ thống này đã có ảnh hưởng tồn tại lâu dài theo thời gian như thế nào.

Trích dẫn từ Arthur Young được lấy từ nghiên cứu của Sheridan (1973), trang 8. Có nhiều quyển sách hay, mô tả lịch sử ban đầu của Jamestown: chẳng hạn như sách của Price (2003) và Kupperman (2007). Nghiên cứu của chúng tôi chịu ảnh hưởng mạnh của Morgan (1975) và Galenson (1996). Trích dẫn từ Anas Todkill được lấy từ trang 38 sách của Todkill (1885). Trích dẫn từ John Smith được lấy từ sách của Price (2003), trang 77 (“Victuals…”), trang 93 (“If your king…”), và trang 96 (“When you send…”). Hiến chương Maryland, Hiến pháp cơ bản của Carolina, và các hiến pháp thuộc địa khác được đăng trên internet bởi Dự án Avalon của trường Đại học Yale, trên trang avalon.law.yale.edu/17th_century.

Chương 14 trong sách của Bakewell (2009) thảo luận về nền độc lập và hiến pháp của Mexico. Tìm đọc nghiên cứu của Stevens (1991) và Knight (2011) về tình trạng bất ổn và các đời tổng thống sau khi giành độc lập. Tài liệu hội thảo của Coatsworth (1978) trình bày bằng chứng về sự sa sút kinh tế ở Mexico sau khi độc lập. Haber (2010) trình bày phép so sánh sự phát triển ngân hàng ở Mexico và Hoa Kỳ. Nghiên cứu của Sokoloff (1988) và Sokoloff và Khan (1990) cung cấp bằng chứng về nguồn gốc xuất thân của những nhà phát minh ở Hoa Kỳ đã xin cấp bằng phát minh. Tìm đọc nghiên cứu của Israel (2000) về tiểu sử Thomas Edison. Haber, Maurer và Razo (2003) đề xuất cách lý giải về mặt kinh tế chính trị đối với chế độ của Porfirio Díaz phù hợp với tinh thần thảo luận của chúng tôi. Haber, Klein, Maurer và Middlebrook (2008) triển khai cách lý giải về kinh tế chính trị Mexico này trong bối cảnh thế kỷ 20. Về việc phân bổ đất đai

https://thuviensach.vn

biên giới khác nhau ở Nam Mỹ và châu Mỹ La-tinh, tìm đọc nghiên cứu của Nugent và Robinson (2010) và García-Jimeno và Robinson (2011). Hu-DeHart (1984) thảo luận về việc trục xuất người Yaqui trong chương 6. Về cơ đồ của Carlos Slim và sự hình thành của nó, tìm đọc nghiên cứu của Relea (2007) và Martinez (2002).

Lý giải của chúng tôi về phát triển kinh tế tương đối của châu Mỹ là dựa vào nghiên cứu trước đây của chúng tôi với Simon Johnson, đặc biệt là trong nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson và Robinson (2001, 2002), đồng thời chịu ảnh hưởng mạnh bởi nghiên cứu của Coatsworth (1978, 2008) và Engerman và Sokoloff (1997).

CHƯƠNG 2: NHỮNG LÝ THUYẾT KHÔNG THUYẾT PHỤC

Quan điểm của Jared Diamond về sự cách biệt giàu nghèo trên thế giới được trình bày trong quyển sách của ông, *Guns, Germs và Steel* (Súng, vi trùng và thép) (1997). Sachs (2006) trình bày phiên bản riêng của ông về thuyết tiền định địa lý. Các quan điểm về văn hóa phổ biến rộng rãi trong tư liệu học thuật nhưng chưa bao giờ được tập hợp trong một công trình nghiên cứu. Weber (2002) lập luận rằng chính phong trào cải đạo sang Tin lành là nguyên nhân khiến châu Âu có cuộc Cách mạng công nghiệp. Landes (1999) đề xuất rằng người Bắc Âu đã phát triển một hệ thống thái độ văn hóa độc đáo khiến họ làm việc chăm chỉ, tiết kiệm và có tinh thần đổi mới. Quyển sách do Harrison và Huntington (2000) chủ biên cho thấy một nhận định thuyết phục về tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế tương đối. Quan niệm cho rằng có một kiểu văn hóa Anh ưu việt hay hệ thống thể chế Anh ưu việt rất phổ biến và được dùng để giải thích cho sự phát triển phi thường của Mỹ (Fisher, 1989) cũng như mô thức phát triển tương đối nói chung (La Porta, Lopez-de-Silanes và Shleifer, 2008). Các nghiên cứu của Banfield (1958) và Putnam, Leonardi và Nanetti (1994) là những cách lý giải rất có ảnh hưởng về một khía cạnh của văn

https://thuviensach.vn

hóa, hay "văn hóa xã hội" như cách gọi của họ, đã làm cho miền nam nước Ý nghèo như thế nào. Tìm đọc về cách thức sử dụng khái niệm văn hóa của các nhà kinh tế trong khảo sát của Guiso, Sapienza và Zingales (2006). Tabellini (2010) xem xét mối tương quan giữa mức độ tin cậy lẫn nhau của người dân Tây Âu và mức thu nhập trên đầu người hàng năm. Nunn và Wantchekon (2010) cho thấy tình trạng thiếu tin cậy và nguồn vốn xã hội ở châu Phi tương quan như thế nào với cường độ mua bán nô lệ trong lịch sử.

Lịch sử Kongo được trình bày trong nghiên cứu của Hilton (1985) và Thornton (1983). Về sự trì trệ lịch sử của công nghệ châu Phi, tìm đọc nghiên cứu của Goody (1971), Law (1980), và Austen và Headrick (1983).

Định nghĩa về kinh tế học theo đề xuất của Robbins được lấy từ nghiên cứu của Robbins (1935), trang 16.

Trích dẫn từ Abba Lerner được lấy từ nghiên cứu của Lerner (1972) trang 259. Ý tưởng cho rằng tình trạng thiếu hiểu biết giải thích cho sự phát triển tương đối thể hiện ngầm ẩn trong nhiều phân tích kinh tế về sự phát triển kinh tế và cải cách chính sách: ví dụ như nghiên cứu của Williamson (1990); Perkins, Radelet và Lindauer (2006); và Aghion và Howitt (2009). Một phiên bản đầy sức thuyết phục gần đây của quan niệm này được triển khai trong nghiên cứu của Banerjee và Duflo (2011).

Acemoğlu, Johnson và Robinson (2001, 2002) trình bày phân tích thống kê về vai trò tương đối của thể chế, địa lý và văn hóa, cho thấy rằng các thể chế chiếm ưu thế hơn so với hai yếu tố còn lại trong việc giải thích sự khác biệt về thu nhập trên đầu người ngày nay.

CHƯƠNG 3: TẠO RA THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO

https://thuviensach.vn

Phần mô tả cuộc hội ngộ giữa Hwang Pyŏng-Wŏn và em trai ông dựa vào cuộc phỏng vấn Hwang của James A. Foley như tường thuật trong nghiên cứu của Foley (2003), trang 197-203.

Khái niệm về "các thể chế chiếm đoạt" (extractive institutions) xuất phát từ nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson và Robinson (2001). Thuật ngữ "các thể chế dung hợp" (inclusive institutions) là do Tim Besley đề xuất. Thuật ngữ "những kẻ thua cuộc về kinh tế" (economic losers) và sự phân biệt với những kẻ thua cuộc về chính trị (political losers) có nguồn gốc từ nghiên cứu của Acemoğlu và Robinson (2000b). Dữ liệu về Barbados được lấy từ nghiên cứu của Dunn (1969). Thảo luận của chúng tôi về nền kinh tế Xô viết là dựa vào nghiên cứu của Nove (1992) và Davies (1998). Allen (2003) trình bày một cách lý giải khác và tích cực hơn về lịch sử kinh tế Xô viết.

Trong tư liệu nghiên cứu khoa học xã hội, có nhiều nghiên cứu liên quan đến lý thuyết và lập luận của chúng tôi. Tìm đọc nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson và Robinson (2005b) trình bày tổng quan về tư liệu nghiên cứu này và đóng góp của chúng tôi trong đó. Quan điểm thể chế về sự phát triển tương đối được xây dựng trên một số công trình nghiên cứu quan trọng. Đặc biệt đáng kể là nghiên cứu của North; tìm đọc North và Thomas (1973), North (1982), North và Weingast (1989), và North, Wallis và Weingast (2009). Olson (1984) cũng trình bày một cách giải thích rất có ảnh hưởng về khía cạnh kinh tế chính trị của tăng trưởng kinh tế. Sách của Mokyr (1990) là một quyển sách căn bản, liên hệ những kẻ thua cuộc về kinh tế với sự thay đổi công nghệ tương đối trong lịch sử thế giới. Khái niệm những kẻ thua cuộc về kinh tế rất phổ biến trong khoa học xã hội như một cách giải thích về lý do khiến các kết quả chính sách và thể chế hiệu quả không xảy ra. Chúng tôi có cách giải thích khác, vốn dựa vào nghiên cứu của Robinson (1998) và Acemoğlu và Robinson (2000b, 2006b), trong đó nhấn mạnh vào ý tưởng cho rằng rào cản quan trọng nhất đối với sự vươn lên của các thể chế dung hợp là nỗi lo sợ của giới quyền thế rằng họ

https://thuviensach.vn

sẽ mất đi quyền lực chính trị. Jones (2003) trình bày một lịch sử so sánh phong phú, nhấn mạnh vào các chủ đề tương tự, và công trình nghiên cứu quan trọng của Engerman và Sokoloff (1997) về châu Mỹ cũng tập trung vào các ý tưởng này. Cách lý giải về kinh tế chính trị đối với tình trạng kém phát triển của châu Phi đã được triển khai trong các nghiên cứu có nhiều ảnh hưởng sâu xa của Bates (1981, 1983, 1989), và chúng tôi chịu ảnh hưởng mạnh của các nghiên cứu này. Các nghiên cứu có ảnh hưởng của Dalton (1965) và Killick (1978) nhấn mạnh vào vai trò của chính trị trong sự phát triển của châu Phi và đặc biệt là về nỗi lo sợ mất quyền lực chính trị đã ảnh hưởng như thế nào đến chính sách kinh tế. Khái niệm những kẻ thua cuộc về chính trị trước đó vẫn ngầm thể hiện trong các nghiên cứu lý thuyết về kinh tế chính trị, như nghiên cứu của Besley và Coate (1998), và Bourguignon và Verdier (2000). Vai trò của sự tập trung chính trị và các thể chế nhà nước trong sự phát triển đã được các nhà xã hội học lịch sử nhấn mạnh nhiều nhất sau nghiên cứu của Max Weber. Nổi bật là các nghiên cứu của Mann (1986, 1993), Migdal (1988) và Evans (1995). Ở châu Phi, nghiên cứu về quan hệ giữa nhà nước và phát triển đã được chú trọng trong nghiên cứu của Herbst (2000) và Bates (2001). Các nhà kinh tế gần đây bắt đầu đóng góp vào tư liệu nghiên cứu này; ví dụ như Acemoğlu (2005), và Besley và Persson (2011). Cuối cùng, Johnson (1982), Haggard (1990), Wade (1990) và Amsden (1992) nhấn mạnh rằng chính khía cạnh kinh tế chính trị cụ thể của các quốc gia Đông Á đã giúp họ thành công đến thế về mặt kinh tế. Finley (1965) trình bày một lập luận có ảnh hưởng sâu xa rằng chế độ nô lệ là nguyên nhân gây ra tình trạng thiếu năng động về công nghệ trong thế giới cổ đại.

Ý tưởng cho rằng tăng trưởng trong các thể chế chiếm đoạt vẫn có thể xảy ra nhưng cũng có thể trở nên kiệt sức được nhấn mạnh trong nghiên cứu của Acemoğlu (2008).

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 4: NHỮNG KHÁC BIỆT NHỎ VÀ NHỮNG THỜI ĐIỂM QUYẾT ĐỊNH

Benedictow (2004) trình bày tổng quan định nghĩa về Nạn dịch hạch, cho dù đánh giá của ông về số người tử vong trong nạn dịch vẫn gây nhiều tranh cãi. Trích dẫn từ Boccaccio và Ralph xứ Shrewsbury được lấy từ nghiên cứu của Horrox (1994). Hatcher (2008) giải thích một cách thuyết phục về việc đề phòng và sự xuất hiện nạn dịch ở Anh. Nội dung Luật Lao động có sẵn trực tuyến từ Dự án Avalon, trên trang avalon.law.yale.edu/medieval/statlab.asp.

Các nghiên cứu căn bản về tác động của Nạn dịch hạch đối với sự phân hóa của Đông và Tây Âu bao gồm nghiên cứu của North và Thomas (1973) và đặc biệt là của Brenner (1976), phân tích tác động của phân phối quyền lực chính trị ban đầu đối với hậu quả của nạn dịch đã ảnh hưởng mạnh đến tư duy của chúng tôi. Tìm đọc nghiên cứu của DuPlessis (1997) về Thời kỳ Nông nô thứ hai ở Đông Âu. Conning (2010), và Acemoğlu và Wolitzky (2011) đã triển khai luận điểm của Brenner. Trích dẫn từ James Watt được lấy từ nghiên cứu của Robinson (1964), trang 223-24.

Trong nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson và Robinson (2005a), đầu tiên chúng tôi trình bày lập luận rằng chính sự tương tác giữa hoạt động thương mại Đại Tây Dương và các khác biệt thể chế ban đầu đã dẫn đến sự phân hóa thể chế ở nước Anh rồi cuối cùng dẫn đến cuộc Cách mạng công nghiệp. Khái niệm về quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ là của Michels (1962). Khái niệm về thời điểm quan trọng là do Lipset và Rokkan (1967) triển khai lần đầu tiên.

Về vai trò của thể chế trong sự phát triển dài hạn của Đế chế Ottoman, các nghiên cứu nền tảng là của Owen (1981), Owen và Pamuk (1999) và Pamuk (2006).

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 5: “TÔI Đ Ã NHÌN THẤY TƯƠNG LAI, VÀ NÓ ĐANG CHẠY TỐT”

Về sứ mệnh của Steffens đối với nước Nga và trao đổi của ông với Baruch, tìm đọc tác phẩm của Steffens (1931), chương 18, trang 790-802. Về số người chết đói vào những năm 1930, chúng tôi sử dụng số liệu trong nghiên cứu của Davies và Wheatcroft (2004). Về số liệu điều tra dân số năm 1937, tìm đọc nghiên cứu của Wheatcroft và Davies (1994a, 1994b). Bản chất phát minh đổi mới trong nền kinh tế Xô viết được nghiên cứu trong công trình của Berliner (1976). Thảo luận của chúng tôi về thực tế vận hành của chủ nghĩa Stalin và đặc biệt là kế hoạch hóa kinh tế, là dựa vào nghiên cứu của Gregory và Harrison (2005). Về cách thức các tác giả của các quyển sách giáo khoa kinh tế Hoa Kỳ vẫn tiếp tục nhìn nhận một cách sai lầm về tăng trưởng kinh tế Xô viết, tìm đọc nghiên cứu của Levy và Peart (2009).

Thảo luận và lý giải của chúng tôi về hai bộ tộc Lele và Bushong là dựa vào nghiên cứu của Douglas (1962, 1963) và Vansina (1978).

Về khái niệm Mùa hạ dài, tìm đọc nghiên cứu của Fagan (2003). Tài liệu giới thiệu dễ đọc về người Natufian và các địa điểm khảo cổ mà chúng tôi đề cập có thể được tìm thấy trong nghiên cứu của Mithen (2006) và Barker (2006). Một nghiên cứu có ảnh hưởng sâu xa về Abu Hureyra là nghiên cứu của Moore, Hillman và Legge (2000), trong đó chứng minh đời sống định cư ổn định và sự đổi mới thể chế xảy ra trước khi loài người canh tác nông nghiệp. Tìm đọc nghiên cứu của Smith (1998) trình bày tổng quan bằng chứng cho thấy đời sống an cư xảy ra trước khi lạc nghiệp, và tìm đọc nghiên cứu của Bar-Yosef và Belfer-Cohen (1992) về trường hợp người Natufian. Cách tiếp cận của chúng tôi về Thời kỳ Đồ đá mới được khơi nguồn cảm hứng từ nghiên cứu của Sahlins (1972), trong đó cũng có giai thoại về Yir Yoront.

https://thuviensach.vn

Thảo luận của chúng tôi về lịch sử Maya dựa vào nghiên cứu của Martin và Grube (2000) và Webster (2002). Việc xây dựng lại lịch sử dân tộc Copán xuất phát từ nghiên cứu của Webster, Freter và Gonlin (2000). Số lượng đài kỷ niệm có ghi niên đại được lấy từ nghiên cứu của Sidrys và Berger (1979).

CHƯƠNG 6: PHÂN HÓA THỂ CHẾ

Thảo luận về trường hợp Venice là phỏng theo nghiên cứu của Puga và Trefler (2010), và các chương 8 và 9 trong sách của Lane (1973).

Tư liệu về La Mã có trong bất kỳ sách sử chuẩn mực nào. Lý giải của chúng tôi về các thể chế kinh tế La Mã phỏng theo Finlay (1999) và Bang (2008). Giải thích về sự suy tàn của La Mã dựa vào nghiên cứu của Ward-Perkins (2006) và Goldsworthy (2009). Về sự thay đổi thể chế vào thời kỳ cuối của Đế quốc La Mã, tìm đọc nghiên cứu của Jones (1964). Các giai thoại về Tiberius và Hadrian được lấy từ nghiên cứu của Finley (1999).

Bằng chứng về những con tàu đắm được sử dụng lần đầu tiên trong nghiên cứu của Hopkins (1980). Tìm đọc nghiên cứu của De Callataǿ (2005) và Jongman (2007) trình bày tổng quan về điều này và Dự án Lõi băng Greenland.

Tài liệu về Vindolanda sẵn có trực tuyến trên trang vindolanda.csad.ox.ac.uk/. Trích dẫn mà chúng tôi sử dụng được lấy từ TVII Pub. no.: 343.

Thảo luận về những yếu tố dẫn đến sự suy tàn của nước Anh thuộc La Mã là phỏng theo nghiên cứu của Cleary (1989), chương 4; Faulkner (2000), chương 7; Dark (1994), chương 2.

Về Aksum, tìm đọc nghiên cứu của Munro-Hay (1991). Một nghiên cứu có ảnh hưởng sâu xa về chủ nghĩa phong kiến châu Âu và nguồn gốc

https://thuviensach.vn

của nó là nghiên cứu của Bloch (1961); tìm đọc nghiên cứu của Crummey (2000) về chủ nghĩa phong kiến Ethiopia. Phillipson (1998) so sánh giữa sự sụp đổ của Aksum và sự sụp đổ của Đế quốc La Mã.

CHƯƠNG 7: BƯỚC NGOẶT THỂ CHẾ

Câu chuyện về cỗ máy của Lee và cuộc diện kiến Nữ hoàng Elizabeth I sẵn có trên trang calverton.homestead.com/willlee.html.

Allen (2009b) trình bày số liệu về tiền công thực thông qua sử dụng Chiếu chỉ Diocletian về Giá tối đa.

Lập luận của chúng tôi về nguyên nhân của Cách mạng công nghiệp chịu ảnh hưởng mạnh của các lập luận trình bày trong nghiên cứu của North và Thomas (1973), North và Weingast (1989), Brenner (1993), Pincus (2009), và Pincus và Robinson (2010). Đến lượt họ, các học giả này đã lấy cảm hứng từ giải thích của Marx trước đó về sự thay đổi thể chế của nước Anh và sự vươn lên của chủ nghĩa tư bản; tìm đọc nghiên cứu của Dobb (1963) và Hill (1961, 1980). Tìm đọc thêm luận án của Tawney (1941) về cách thức dự án xây dựng nhà nước của Vua Henry VIII đã làm thay đổi cơ cấu xã hội nước Anh như thế nào.

Nội dung Đại hiến chương Magna Carta sẵn có trực tuyến trên trang web của Dự án Avalon, avalon.law.yale.edu/medieval/magframe.asp.

Nghiên cứu của Elton (1953) là một công trình có ảnh hưởng sâu xa về sự phát triển thể chế nhà nước dưới thời Vua Henry VIII, và Neale (1971) liên hệ các thể chế này với sự tiến hóa của Quốc hội.

Về cuộc Khởi nghĩa Nông dân, tìm đọc nghiên cứu của Hilton (2003). Trích dẫn từ Hill về các độc quyền là từ nghiên cứu của Hill (1961), trang 25. Về thời kỳ “cai trị cá nhân” của Charles I, chúng tôi phỏng theo nghiên cứu của Sharp (1992). Bằng chứng về cách thức các nhóm và các vùng

https://thuviensach.vn

khác nhau ủng hộ hay chống đối Quốc hội được lấy từ nghiên cứu của Brunton và Pennington (1954), Hill (1961) và Stone (2001). Nghiên cứu của Pincus (2009) là công trình cơ bản về cuộc Cách mạng Vinh quang, trong đó thảo luận những thay đổi cụ thể về chính sách và thể chế kinh tế; ví dụ, việc bãi bỏ Thuế lò sưởi và sự ra đời của Ngân hàng Anh. Tìm đọc thêm nghiên cứu Pincus và Robinson (2010). Pettigrew (2007, 2009) thảo luận về việc tấn công các đơn vị độc quyền, bao gồm Công ty Châu Phi Hoàng gia, và số liệu của chúng tôi về các đơn kiến nghị xuất phát từ các bài báo của ông. Knights (2010) nhấn mạnh tầm quan trọng chính trị của việc đệ đơn kiến nghị. Thông tin của chúng tôi về Ngân hàng của Hoare được lấy từ nghiên cứu của Temin và Voth (2008).

Thông tin về giám sát viên Cowperthwaite và hệ thống thuế hàng hóa nội địa xuất phát từ nghiên cứu của Brewer (1988).

Phần tổng quan lịch sử kinh tế của cuộc Cách mạng công nghiệp dựa vào nghiên cứu của Mantoux (1961), Daunton (1995), Allen (2009a) và Mokyr (1990, 2009); các tác giả này trình bày chi tiết về các nhà phát minh nổi tiếng và những phát minh mà chúng tôi đã thảo luận. Câu chuyện về gia đình Baldwyn có nguồn gốc từ nghiên cứu của Bogart và Richardson (2009, 2011), những người nhấn mạnh mối quan hệ giữa cuộc Cách mạng Vinh quang, việc tái tổ chức các quyền sở hữu, và việc xây dựng đường sá và kênh đào. Về Luật Calico và Luật Manchester, tìm đọc nghiên cứu của O’Brien, Griffiths và Hunt (1991), vốn là nguồn gốc của các đoạn trích dẫn về luật pháp. Về sự chi phối của những con người mới trong ngành, tìm đọc nghiên cứu của Daunton (1995), chương 7, và Crouzet (1985).

Thảo luận của chúng tôi về lý do khiến các thay đổi thể chế to lớn diễn ra trước tiên ở Anh là dựa vào nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson và Robinson (2005a) và Brenner (1976). Số liệu về các thương nhân độc lập và sở thích chính trị của họ được lấy từ nghiên cứu của Zahedieh (2010).

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 8: KHÔNG PHẢI TRÊN LÃNH ĐỊA CỦA CHÚNG TA

Về việc phản đối máy in ở Đế chế Ottoman, tìm đọc nghiên cứu của Savage-Smith (2003) trang 656-59. Tỷ lệ biết chữ tương đối trong lịch sử xuất phát từ nghiên cứu của Easterlin (1981).

Thảo luận về các thể chế chính trị của Tây Ban Nha phỏng theo nghiên cứu của Thompson (1994a, 1994b). Tìm đọc bằng chứng về sự sa sút kinh tế của Tây Ban Nha trong thời kỳ này trong nghiên cứu Nogal và Prados de la Escosura (2007).

Thảo luận về các yếu tố cản trở phát triển kinh tế ở Áo-Hung phỏng theo nghiên cứu của Blum (1943), Freudenberger (1967) và Gross (1973). Trích dẫn từ Maria Theresa xuất phát từ nghiên cứu của Freudenberger, trang 495. Tất cả các trích dẫn khác từ Count Hartig và Francis I đều lấy từ nghiên cứu của Blum. Câu trả lời của Francis đối với phái đoàn Tyrol được trích từ nghiên cứu của Jászi (1929), trang 80-81. Nhận xét của Friedrich von Gentz đối với Robert Owen cũng được trích từ nghiên cứu của Jászi (1929), trang 80. Thực tế gia tộc Rothschild ở Áo được thảo luận trong chương 2 sách của Corti (1928).

Phân tích về nước Nga được phỏng theo nghiên cứu của Gerschenkron (1970). Trích dẫn từ Kropotkin được lấy từ trang 60 ấn bản năm 2009 của quyển sách này. Việc chuyện trò giữa Nicholas và Mikhail được trích từ nghiên cứu của Saunders (1992), trang 117. Trích dẫn của Kankrin về đường sắt là trong nghiên cứu của Owen (1991), trang 15-16.

Diễn văn của Nicholas trước các nhà sản xuất công nghiệp được trình bày lại từ nghiên cứu của Pintner (1967), trang 100.

https://thuviensach.vn

Đoạn trích từ A.A Zakrevskii lấy từ nghiên cứu của Pintner (1967), trang 235.

Về Đô đốc Trịnh Hòa, tìm đọc nghiên cứu của Dreyer (2007). Lịch sử kinh tế của Trung Quốc hiện đại được mô tả trong nghiên cứu của Myers và Wang (2002). Trích dẫn từ Đường Trần được lấy từ nghiên cứu của Myers và Wang, trang 564-65.

Tìm đọc tổng quan lịch sử Ethiopia trong nghiên cứu của Zewde (2002). Dữ liệu về tính chiếm đoạt của Ethiopia trong lịch sử xuất phát từ nghiên cứu của Pankhurst (1961), cũng như toàn bộ trích dẫn mà chúng tôi trình bày lại ở đây.

Phần mô tả thể chế và lịch sử Somalia được phỏng theo nghiên cứu của Lewis (1961, 2002). Luật *heer* của dòng họ Hassan Ugaas được trình bày lại từ trang 177 trong sách của Lewis (1961); phần mô tả của chúng tôi về mối hận thù truyền kiếp xuất phát từ chương 8 trong sách của Lewis (1961), trong đó ông cũng tường thuật nhiều ví dụ khác, về Vương quốc Taqali và chữ viết, tìm đọc nghiên cứu của Ewald (1988).

CHƯƠNG 9: ĐẢO NGƯỢC SỰ PHÁT TRIỂN

Thảo luận của chúng tôi về việc thôn tính Ambon và Banda của Công ty Đông Ấn thuộc Hà Lan và ảnh hưởng tiêu cực của Công ty đối với sự phát triển ở Đông Nam Á phỏng theo nghiên cứu của Hanna (1978) và đặc biệt là của Reid (1993), chương 5. Trích dẫn từ Reid về Tomé Pires xuất phát từ trang 271; yếu tố Hà Lan ở Maguindanao, trang 299; quốc vương Hồi giáo Maguindanao, trang 299-300. Số liệu về tác động của Công ty Đông Ấn thuộc Hà Lan đối với giá gia vị xuất phát từ nghiên cứu của O’Rourke và Williamson (2002).

Phần tổng quan định nghĩa về chế độ nô lệ trong xã hội châu Phi và tác động của việc mua bán nô lệ dựa vào nghiên cứu của Lovejoy (2000).

https://thuviensach.vn

Lovejoy, trang 47, bảng 31, trình bày các giá trị ước lượng nhất trí về mức độ mua bán nô lệ. Nunn (2008) trình bày các giá trị ước lượng định lượng đầu tiên về tác động của việc mua bán nô lệ đối với các thể chế kinh tế châu Phi và tăng trưởng kinh tế. Số liệu về nhập khẩu súng và thuốc súng được lấy từ nghiên cứu của Inikori (1977). Chứng thực của Francis Moore được trích từ nghiên cứu của Lovejoy (2000), trang 89-90. Nghiên cứu của Law (1977) là một nghiên cứu có ảnh hưởng sâu xa về sự bành trướng nhà nước Oyo. Các giá trị ước lượng tác động của việc mua bán nô lệ đối với dân số châu Phi được lấy từ nghiên cứu của Manning (1990). Lovejoy (2000), chương 8, các tham luận trong nghiên cứu của Law (1995), và quyển sách quan trọng của Austin (2005) là cơ sở cho thảo luận phân tích của chúng tôi về thời kỳ "thương mại hợp pháp". Số liệu về tỷ lệ người Phi là nô lệ ở châu Phi xuất phát từ nghiên cứu của Lovejoy (2000), ví dụ như trang 192, bảng 9.2.

Số liệu về lao động ở Liberia xuất phát từ nghiên cứu của Clower, Dalton, Harwitz và Walters (1966).

Lewis (1954) đã phát triển ý tưởng về nền kinh tế đối ngẫu. Fergusson (2010) triển khai một mô hình toán học về nền kinh tế đối ngẫu. Quan niệm cho đây là sự ra đời của chủ nghĩa thuộc địa đã được đề xuất lần đầu tiên trong một tập hợp các bài tham luận có ảnh hưởng sâu xa do Palmer và Parsons (1977) chủ biên. Thảo luận của chúng tôi về Nam Phi là dựa vào nghiên cứu của Bundy (1979) và Feinstein (2005).

Hội truyền giáo Moravia được trích từ nghiên cứu của Bundy (1979), trang 46, và John Hemming được trích từ nghiên cứu của Bundy, trang 72. Việc mở rộng sở hữu đất đai ở Griqualand East được phỏng từ nghiên cứu của Bundy, trang 89; các kỳ tích của Stephen Sonjica được lấy từ nghiên cứu của Bundy, trang 94; trích dẫn từ Matthew Blyth được lấy từ trang 97; và trích dẫn từ một nhà quan sát châu Âu ở Fingoland 1884 được lấy từ nghiên cứu của Bundy, trang 100-101. George Albu, được trích từ nghiên

https://thuviensach.vn

cứu của Feinstein (2005), trang 63; bộ trưởng nội vụ được trích từ nghiên cứu của Feinstein, trang 45; và Verwoerd được trích từ nghiên cứu của Feinstein, trang 159. Số liệu về tiền công thực của thợ mỏ vàng châu Phi được lấy từ trang 66 sách của Wilson (1972). G. Findlay được trích từ nghiên cứu của Bundy (1979), trang 242.

Quan niệm cho rằng sự phát triển của các nước giàu ở phương Tây là hình ảnh phản chiếu của tình trạng kém phát triển ở phần còn lại của thế giới lần đầu tiên được triển khai trong nghiên cứu của Wallertsein (1974-2011), cho dù ông nhấn mạnh vào những cơ chế rất khác với cơ chế của chúng tôi.

CHƯƠNG 10: TRUYỀN BÁ SỰ THỊNH VƯỢNG

Chương này chủ yếu dựa vào các nghiên cứu trước đây của chúng tôi với Simon Johnson và Davide Cantoni: Acemoğlu, Johnson và Robinson (2002) và Acemoğlu, Cantoni, Johnson và Robinson (2010, 2011).

Thảo luận của chúng tôi về sự phát triển thể chế ban đầu ở Úc phỏng theo nghiên cứu có ảnh hưởng sâu xa của Hirst (1983, 1988, 2003) và Neal (1991). Nhờ vào trường Luật thuộc Đại học Macquarie ở Úc, bản gốc trát lệnh ban hành cho quan tòa Collins sẵn có trên trang www.law.mq.edu.au/scnsw/html/Cable%20v%20Sinclair,%201788.htm .

Đoạn mô tả những người ủng hộ Wentworth của Macarthur được trích từ nghiên cứu của Melboume (1963), trang 131-32.

Thảo luận về nguồn gốc gia tộc Rothschild phỏng theo nghiên cứu của Ferguson (1998); nhận xét của Mayer Rothschild với con trai ông được trình bày lại từ nghiên cứu của Ferguson, trang 76.

https://thuviensach.vn

Thảo luận về tác động của người Pháp đối với các thể chế châu Âu được lấy từ nghiên cứu của Acemoğlu, Cantoni, Johnson và Robinson (2010, 2011) và các tài liệu tham khảo ở đây. Tìm đọc nghiên cứu của Doyle (2002) trình bày tư liệu tổng quan tiêu chuẩn về Cách mạng Pháp. Thông tin về thuế phí phong kiến ở Nassau-Usingen được lấy từ nghiên cứu của Lenger (2004), trang 96. Ogilivie (2011) trình bày tổng quan tác động lịch sử của phường hội đối với sự phát triển châu Âu.

Tìm đọc luận bàn về cuộc đời của Ōkubo Toshimichi trong nghiên cứu của Iwata (1964). Kế hoạch tám điểm của Sakamoto Ryūma được trình bày lại từ nghiên cứu của Jansen (2000), trang 310.

CHƯƠNG 11: VÒNG XOÁY ĐI LÊN

Thảo luận về Đạo luật Đen phỏng theo nghiên cứu của Thompson (1975). Tường thuật ngày 27/6 của Baptist Nunn được lấy từ nghiên cứu của Thompson (1975), trang 65-66. Các trích dẫn khác lấy từ các đoạn trong nghiên cứu của Thompson về tinh thần thượng tôn pháp luật, trang 258-69, vốn rất đáng đọc toàn bộ.

Cách tiếp cận của chúng tôi về dân chủ hóa ở Anh là dựa vào nghiên cứu của Acemoğlu và Robinson (2000a, 2001 và 2006a). Phát biểu của Earl Grey được trích từ nghiên cứu của Evans (1996), trang 223. Nhận xét của Stephens về nền dân chủ được trích từ nghiên cứu của Briggs (1959), trang 34. Trích dẫn của Thompson được lấy từ nghiên cứu của Thompson (1975), trang 269.

Có thể tìm đọc toàn bộ nội dung Hiến chương Nhân dân trong nghiên cứu của Cole và Filson (1951) và trên trang web.bham.ac.uk/1848/document/peoplech.htm.

Trích dẫn từ Burke được lấy từ nghiên cứu của Burke (1790/1969), trang 152.

https://thuviensach.vn

Lindert (2004, 2009) trình bày một cách giải thích có ảnh hưởng sâu xa về sự tiến hóa đồng thời của dân chủ và chính sách công trong 200 năm qua.

Nghiên cứu của Keyssar (2009) là một công trình có ảnh hưởng sâu xa, trình bày sự tiến hóa của các quyền chính trị ở Hoa Kỳ. Vanderbilt được trích từ nghiên cứu của Josephson (1934), trang 15. Nội dung phát biểu của Roosevelt có trên trang www.theodore-roosevelt.com/sotu1.html.

Trích dẫn từ Woodrow Wilson được lấy từ nghiên cứu của Wilson (1913), trang 286.

Nội dung bài diễn văn toàn dân phát qua đài phát thanh của Tổng thống Roosevelt có thể được tìm thấy trên trang miller-center.org/scripps/archive/speeches/detail/3309.

Số liệu về nhiệm kỳ tương đối của các thẩm phán tòa án tối cao ở Argentina và Hoa Kỳ được trình bày trong nghiên cứu của Iaryczower, Spiller và Tommasi (2002). Helmke (2004) thảo luận lịch sử tòa án ở Argentina và trích dẫn thẩm phán Carlos Fayt.

CHƯƠNG 12: VÒNG XOÁY ĐI XUỐNG

Chương này chủ yếu dựa vào nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm của chúng tôi về sự tồn tại dai dẳng của thể chế, cụ thể là nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson và Robinson (2005b) và Acemoğlu và Robinson (2008a). Heath (1972), và Kelley và Klein (1980) đã áp dụng xuất sắc quy luật sắt của thể chế chính trị đầu sỏ cho cuộc Cách mạng Bolivia năm 1952.

Trích dẫn từ tài liệu Quốc hội Anh được trình bày lại từ trang 15 tài liệu của Hạ nghị viện Anh (House of Commons, 1904). Lịch sử chính trị ban đầu của Sierra Leone sau độc lập được tường thuật trong nghiên cứu của Cartwright (1970). Mặc dù có những cách giải thích khác nhau về lý do

https://thuviensach.vn

Siaka Stevens nhổ bật đường sắt, lý do nổi bật là ông làm điều này nhằm cô lập Mendeland. Về điều này, chúng tôi theo quan điểm của Abraham và Sesay (1993), trang 120; Richards (1996), trang 42-43; và Davies (2007), trang 684-85. Reno (1995, 2003) có những thảo luận hay nhất về chế độ của Stevens. Số liệu về các ủy ban vật giá nông nghiệp lấy từ nghiên cứu của Davies (2007). Về việc ám sát Sam Bangura bằng cách ném qua cửa sổ, tìm đọc nghiên cứu của Reno (1995), trang 137-41. Jackson (2004), trang 63, và Keen (2005), trang 17, thảo luận về các chữ viết tắt ISU và SSD.

Nghiên cứu của Bates (1981) là một phân tích có ảnh hưởng sâu xa về cách thức các ủy ban vật giá đã tàn phá sản lượng nông nghiệp ở châu Phi sau độc lập như thế nào; tìm đọc nghiên cứu của Goldstein và Udry (2009) về mối quan hệ chính trị với các thủ lĩnh quyết định quyền sở hữu đất đai như thế nào ở Ghana.

Về mối quan hệ giữa các chính khách vào năm 1993 và những kẻ chinh phục, tìm đọc nghiên cứu của Dosal (1995), chương 1, và Casaús Arzú (2007). Thảo luận về chính sách phường hội thương nhân (Consulado de Comercio) phỏng theo nghiên cứu của Woodward (1966). Trích dẫn từ tổng thống Barrios được lấy từ nghiên cứu của McCreery (1994), trang 187-88. Thảo luận về chế độ của Jorge Ubico phỏng theo nghiên cứu của Grieb (1979).

Thảo luận về tình trạng kém phát triển của miền nam nước Mỹ dựa vào nghiên cứu của Acemoğlu và Robinson (2008b). Tìm đọc nghiên cứu của Wright (1978) về sự phát triển trước nội chiến của nền kinh tế nô lệ, và nghiên cứu của Bateman và Weiss (1981) về sự yếu kém của công nghiệp. Fogel và Engerman (1974) đưa ra một cách lý giải khác và gây nhiều tranh cãi. Wright (1986) và Ransom và Sutch (2001) trình bày tổng quan mức độ thay đổi thật sự của nền kinh tế miền nam sau năm 1865. Đại biểu Quốc hội George Washington Julian được trích dẫn trong nghiên cứu của Wiener

https://thuviensach.vn

(1978), trang 6. Quyển sách này cũng bao gồm phân tích về sự tồn tại dai dẳng của giới quyền thế chủ đất miền nam sau nội chiến. Naidu (2009) xem xét tác động của việc ban hành thuế thân và kiểm tra tình trạng biết chữ vào thập niên 1890 ở các bang miền nam. Trích dẫn từ W.E.B Du Bois được lấy từ sách của ông, Du Bois (1903), trang 88. Điều 256 Hiến pháp Alabama có thể được tìm thấy trên trang www.legislature.state.al.us/CodeOfAlabama/Constitution/ 1901/CA-245806.htm.

Alston và Ferrie (1999) thảo luận cách thức các chính khách miền nam ngăn chặn luật pháp liên bang mà họ cho là sẽ làm nền kinh tế miền nam đổ vỡ. Woodward (1955) trình bày tổng quan về sự ra đời của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc chống người da màu.

Tổng quan về cách mạng Ethiopia được trình bày trong nghiên cứu của Halliday và Molyneux (1981). Về những chiếc gối của hoàng đế, tìm đọc nghiên cứu của Kapuscinski (1983). Trích dẫn từ Dawit Wolde Giorgis được lấy từ nghiên cứu của Dawit Wolde Giorgis (1989), trang 49 và 48.

CHƯƠNG 13: TẠI SAO CÁC QUỐC GIA NGÀY NAY THẤT BẠI

Tìm đọc tường thuật của BBC về việc trúng số của Mugabe, bao gồm phát biểu chính thức của Ngân hàng Zimbank, trên trang news.bbc.co.uk/2/hi/africa/621895.stm.

Thảo luận của chúng tôi về sự cai trị của người da trắng ở Rhodesia phỏng theo nghiên cứu của Palmer (1977) và Alexander (2006). Meredith (2007) trình bày tổng quan về chính trị Zimbabwe gần đây hơn.

Thảo luận về nội chiến ở Sierra Leone phỏng theo nghiên cứu của Richards (1996), Ủy ban Tín nhiệm và hòa giải (Truth và Reconciliation

https://thuviensach.vn

Commission, 2004) và Keen (2005). Phân tích đăng tải trong một tờ báo ở thành phố thủ đô Freetown vào 1995 được trích dẫn từ nghiên cứu của Keen (2005), trang 34. Nội dung "Con đường đến dân chủ" của RUF có thể được tìm thấy trên trang www.sierra-leone.org/AFRC-RUF/footpaths.html.

Trích dẫn từ thiếu niên ở Geoma được lấy từ nghiên cứu của Keen (2005), trang 42.

Thảo luận về chế độ bán quân sự Colombia dựa vào nghiên cứu của Acemoğlu, Robinson và Santos (2010) và Chaves và Robinson (2010); đến lượt chúng, các nghiên cứu này chủ yếu dựa vào nghiên cứu sâu rộng của các học giả Colombia, cụ thể là Romero (2003), các tham luận trong nghiên cứu của Romero (2007) và López (2010). Nghiên cứu của León (2009) trình bày một thảo luận dễ đọc và cân đối về bản chất các cuộc xung đột đương thời ở Colombia. Một nguồn cơ bản khác là trang web của tuần báo *Semana*, www.verdadabierta.com/. Toàn bộ trích dẫn lấy từ nghiên cứu của Acemoğlu, Robinson và Santos (2010). Thỏa thuận giữa Martin Llanos và các thị trưởng ở Casanare sẵn có bằng tiếng Tây Ban Nha trên trang www.verdadabierta.com/victimarios/los-jefes/714-perfil-hector-german-buitrago-alias-martin-llanos .

Nguồn gốc và hệ lụy của "chiếc bẫy nhỏ" (El Corralito) được trình bày trong một loạt bài báo đăng trên tạp chí *The Economist*, sẵn có trên trang www.economist.com/search/apachesolr_search/corralito.

Về vai trò của các vùng sâu vùng xa trong sự phát triển Argentina, tìm đọc nghiên cứu của Sawers (1996).

Hassig và Oh (2009) trình bày một cách giải thích quý giá và xuất sắc về cuộc sống ở Bắc Triều Tiên. Chương 22 mô tả cuộc sống xa hoa của giới lãnh đạo. Các chương 3 và 4 trình bày thực tế mà đa số dân chúng phải đương đầu. Có thể tìm đọc tường thuật của đài BBC về cải cách tiền tệ trên trang news.bbc.co.uk/2/hi/8500017.stm.

https://thuviensach.vn

Về tòa dinh thự giải trí và tiêu thụ rượu brandy, tìm đọc chương 12 trong sách của Post (2004).

Thảo luận về lao động trẻ em và sử dụng lao động trẻ em để thu hoạch bông ở Uzbeksitan phỏng theo nghiên cứu của Kandiyoti (2008), sẵn có trên trang www.soas.ac.uk/cccac/events/cotton-sector-in-central-asia-2005/file49842.pdf . Trích dẫn từ Gulnaz lấy từ trang 20 sách của Kandiyoti. Về cuộc nổi dậy ở Andijon, tìm đọc International Crisis Group (2005). Mô tả về cuộc bầu cử Joseph Stalin ở Liên Xô được trình bày lại từ nghiên cứu của Denny (1937).

Phân tích về "chủ nghĩa tư bản thân hữu" ở Ai Cập dựa vào nghiên cứu của Sfakianakis (2004).

CHƯƠNG 14: PHÁ KHUÔN

Giải thích của chúng tôi về Botswana dựa vào nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson và Robinson (2003); Robinson và Parsons (2006); và Leith (2005). Schapera (1970), và Parsons, Henderson và Tlou (1995) đã có những công trình nghiên cứu cơ bản. Cao ủy Rey được trích từ nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson và Robinson (2003), trang 96. Thảo luận về chuyến tham quan của ba vị lãnh tụ đến Anh phỏng theo nghiên cứu của Parsons (1998), và toàn bộ các đoạn trích liên quan đến sự kiện này được lấy từ quyển sách của ông: Chamberlain, trang 206-7; Fairfield, trang 209; và Rhodes, trang 223. Schapera được trích từ nghiên cứu của Schapera (1940), trang 72. Trích dẫn từ Quett Masire xuất phát từ nghiên cứu của Masire (2006), trang 43. Về thành phần dân tộc của các bộ lạc Tswana, tìm đọc nghiên cứu của Schapera (1952).

Thảo luận của chúng tôi về sự thay đổi ở miền nam nước Mỹ dựa vào nghiên cứu của Acemoğlu và Robinson (2008b). Về sự di dời của dân chúng từ miền nam Hoa Kỳ, tìm đọc nghiên cứu của Wright (1999); về cơ giới hóa thu hoạch bông: Heinicke (1994). "FRDUM FOOF SPETGH"

https://thuviensach.vn

được trích từ nghiên cứu của Mickey (2008), trang 50. Bài diễn văn của Thurmond năm 1948 được lấy từ trang www.slate.com/id/2075151/, trên trang này bạn cũng có thể nghe bản ghi âm. Về James Meredith và Oxford, Mississippi, tìm đọc nghiên cứu của Doyle (2001). Tìm đọc nghiên cứu của Wright (1999) về tác động của việc ban hành luật dân quyền đối với việc bỏ phiếu của người da màu ở miền nam.

Về bản chất và chính trị học về sự chuyển đổi chính trị của Trung Quốc sau khi Mao Trạch Đông qua đời, tìm đọc nghiên cứu của Harding (1987), và MacFarquhar và Schoenhals (2008). Trích dẫn của Đặng Tiểu Bình về mèo trắng, mèo đen là từ Harding, trang 58. Điểm thứ nhất của Cách mạng Văn hóa là từ nghiên cứu của Schoenhals (1996), trang 33; Mao về Hitler là từ nghiên cứu của MacFarquhar và Schoenhals, trang 102; Hoa về "Hai phàm là" ("Two Whatevers") là từ nghiên cứu của Harding, trang 56.

CHƯƠNG 15: TÌM HIỂU SỰ THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO

Tìm đọc chuyện về Đại Quốc Phương trong sách của McGregor (2010), trang 219-26. Chuyện chiếc điện thoại đỏ cũng xuất phát từ sách của McGregor, chương 1. Về sự kiểm soát truyền thông của đảng, tìm đọc sách của Pan (2008), chương 9, và McGregor (2010), trang 64-69 và 235-62. Trích dẫn về thái độ của đảng đối với các nghiệp chủ là từ sách của McGregor (2010), trang 200-201 và 223. Tìm đọc nhận xét của Ôn Gia Bảo về cải cách chính trị ở Trung Quốc trên trang www.guardian.co.uk/world/2010/aug/29/wen-jiabao-china-reform .

Giả thuyết hiện đại hóa được trình bày rõ ràng khúc chiết trong nghiên cứu của Lipset (1959). Bằng chứng chống lại giả thuyết này được thảo luận chi tiết trong nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson, Robinson và Yared

https://thuviensach.vn

(2008, 2009). Trích dẫn của George H.W Bush là từ trang news.bbc.co.uk/2/hi/business/752224.stm.

Thảo luận về hoạt động của các tổ chức phi chính phủ và viện trợ nước ngoài ở Afghanistan sau tháng 12/2001 dựa vào nghiên cứu của Ghani và Lockhart (2008). Tìm đọc thêm nghiên cứu của Reinikka và Svensson (2004) và Easterly (2006) về các vấn đề khó khăn của viện trợ nước ngoài.

Thảo luận về các vấn đề cải cách kinh tế vĩ mô và lạm phát ở Zimbabwe xuất phát từ nghiên cứu của Acemoğlu, Johnson, Robinson và Querubín (2008). Thảo luận về Seva Mandir dựa vào nghiên cứu của Banerjee, Duflo và Glennerster (2008).

Thông tin về Đảng công nhân ở Brazil được trình bày trong nghiên cứu của Keck (1992); tìm đọc về cuộc đình công của Scânia trong chương 4. Trích dẫn từ Cardoso là từ nghiên cứu của Keck, trang 44-45; trích dẫn từ Lula là từ nghiên cứu của Keck, trang 65.

Thảo luận về nỗ lực của Fujimori và Montesinos để kiểm soát phương tiện truyền thông là từ nghiên cứu của McMillan và Zoido (2004), và trích dẫn về sự kiểm soát của Đảng Cộng sản Trung Quốc là từ nghiên cứu của McGregor (2010), trang 69.

https://thuviensach.vn

NGUỒN GỐC CÁC BẢN ĐỒ

Bản đồ 1: Đế chế Inca và hệ thống đường sá phỏng theo tài liệu của John V. Murra (1984), "Andean Societies before 1532," (Các xã hội Andean trước năm 1532) trong sách do Leslie Bethell chủ biên, *The Cambridge History of Latin America*, (Lịch sử Châu Mỹ La-tinh) tập 1 (New York: Cambridge University Press). Bản đồ địa bàn hoạt động của hệ thống cai trị *mita* được lấy từ nghiên cứu của Melissa Dell (2010), "The Persistent Effects of Peru's Mining Mita" (Ảnh hưởng dai dẳng của hệ thống *mita* khai thác khoáng sản của Peru), Econometrica 78:6, 1863-1903.

Bản đồ 2: Được vẽ theo dữ liệu của Miriam Bruhn và Francisco Gallego (2010), "The Good, the Bad and the Ugly: Do They Matter for Economic Development?" (Điều tốt, điều xấu và điều xấu xa: Liệu chúng có quan trọng đối với phát triển kinh tế?) sắp xuất bản trong *Review of Economics and Statistics*.

Bản đồ 3: Được vẽ theo dữ liệu trong World Development Indicators (Các chỉ báo phát triển thế giới) (2008), Ngân hàng Thế giới.

Bản đồ 4: Bản đồ về số lợn rừng được phỏng theo W.L.R Oliver; I.L Brisbin, Jr.; và S. Takahashi (1993), "The Eurasian Wild Pig (*Sus scrofa*)" (Lợn rừng Á-Âu) trong sách do W.L.R Oliver chủ biên, *Pigs, Peccaries and Hippos: Status Survey and Action Plan* (Lợn, lợn cỏ và hà mã): Điều tra hiện trạng và kế hoạch hành động) (Gland, Switzerland: IUCN), trang 112-21. Thú hoang được phỏng theo bản đồ bò rừng châu Âu từ nghiên cứu của Cis van Vuure (2005), *Retracing the Aurochs* (Theo dấu bò rừng châu Âu) (Sofia: Pensoft Publishers), trang 41.

Bản đồ 5: Phỏng theo tài liệu của Daniel Zohary và Maria Hopf (2001), *The Domestication of Plants in the Old World* (Khai hóa thực vật ở Cựu thế giới), ấn bản lần thứ ba (New York: Oxford University Press), bản

https://thuviensach.vn

đồ 4 về lúa mì, trang 56; bản đồ 5 về lúa mạch, trang 55. Bản đồ phân phối lúa phỏng theo tài liệu của Te-Tzu Chang (1976), "The Origin, Evolution, Cultivation, Dissemination and Diversification of Asian and African Rices" (Nguồn gốc, tiến hóa, canh tác, phổ biến và đa dạng hóa lúa gạo châu Á và châu Phi) *Euphytica* 25, 425-41, hình 2, trang 433.

Bản đồ 6: Vương quốc Kuba dựa vào tài liệu của Jan Vansina (1978), *The Children of Woot* (Trẻ em Woot) (Madison: University of Wisconsin Press), bản đồ 2, trang 8. Kongo dựa vào tài liệu của Jan Vansina (1995), "Equatorial Africa Before the Nineteenth Century" (Châu Phi xích đạo trước thế kỷ 19) trong sách của Philip Curtin, Steven Feierman, Leonard Thompson và Jan Vansina, *African History: From Earliest Times to Independence* (Lịch sử châu Phi: Từ xa xưa cho đến khi độc lập) (New York: Longman), bản đồ 8.4, trang 228.

Bản đồ 7: Được vẽ theo dữ liệu trong Hệ thống quét hình nghiệp vụ của Chương trình Vệ tinh khí tượng quốc phòng (Defense Meteorological Satellite Program's Operational Linescan System, DMSP-OLS), báo cáo hình ảnh trái đất vào ban đêm từ 20:00 đến 21:30 giờ địa phương từ độ cao 830 km (http://www.ngdc.noaa.gov/dmsp/sensors/ols.html).

Bản đồ 8: Xây dựng từ dữ liệu trong nghiên cứu của Jerome Blum (1998), *The End of the Old Order in Rural Europe* (Sự cáo chung của trật tự cũ ở nông thôn châu Âu) (Princeton: Princeton University Press).

Bản đồ 9: Phỏng theo các bản đồ trong nghiên cứu của Colin Martin và Geoffrey Parker (1988), *The Spanish Armada* (Đoàn tàu Armada của Tây Ban Nha) (London: Hamilton), trang i-ii, 243.

Bản đồ 10: Phỏng theo Simon Martin và Nikolai Gribe (2000), *Chronicle of the Maya Kings và Queens: Deciphering the Dynasties of the Ancient Maya* (Biên niên sử về các vị vua và hoàng hậu Maya: Giải mã các triều đại Maya cổ đại) (London: Thames và Hudson), trang 21.

https://thuviensach.vn

Bản đồ 11: Phỏng theo Mark A. Kishlansky, Patrick Geary và Patricia O'Brien (1991), *Civilization in the West* (Nền văn minh ở phương Tây) (New York: HarperCollins Publishers), trang 151.

Bản đồ 12: Các bộ tộc Somalia phỏng theo Ioan M. Lewis (2002), *A Modern History of Somalia* (Lịch sử Somalia hiện đại) (Oxford: James Currey), bản đồ "Dân tộc Somalia và phân phối bộ tộc năm 2002"; bản đồ Aksum phỏng theo Kevin Shillington (1995), *History of Africa* (Lịch sử châu Phi) ấn bản lần thứ hai (New York: St. Martin's Press), bản đồ 5.4, trang 69.

Bản đồ 13: J.R Walton (1998), "Changing Patterns of Trade và Interaction Since 1500" (Thay đổi mô thức thương mại và tương tác từ năm 1500) trong sách do R.A Butlin và R.A Dodgshon chủ biên, *An Historical Geography of Europe* (Địa lý lịch sử châu Âu) (Oxford: Oxford University Press), hình 15.2, trang 326.

Bản đồ 14: Phỏng theo Anthony Reid (1988), *Southeast Asia in the Age of Commerce, 1450-1680: Volume 1, The Land Below the Winds* (Đông Nam Á trong kỷ nguyên thương mại, 1450-1680: tập 1, Vùng đất dưới gió) (New Haven: Yale University Press), bản đồ 2, trang 9.

Bản đồ 15: Được vẽ từ dữ liệu trong nghiên cứu của Nathan Nunn (2008), "The Long Term Effects of Africa's Slave Trades" (Ảnh hưởng dài hạn của hoạt động mua bán nô lệ châu Phi) *Quarterly Journal of Economics* 123, số 1, 139-76.

Bản đồ 16: Các bản đồ dựa vào các bản đồ sau đây: về Nam Phi, A.J Christopher (2001), *The Atlas of Changing South Africa* (Bản đồ Nam Phi đang thay đổi) (London: Routledge), hình 1.19, trang 31; về Zimbabwe, Robin Palmer (1977), *Land and Racial Domination in Rhodesia* (Đất đai và sự thống lĩnh theo chủng tộc ở Rhodesia) (Berkeley: University of Califomia Press), bản đồ 5, trang 245.

https://thuviensach.vn

Bản đồ 17: Phỏng theo Alexander Grab (2003), *Napoleon and the Transformation of Europe* (Napoleon và sự chuyển hóa của châu Âu) (London: Palgrave Macmillan), bản đồ 1, trang 17; bản đồ 2, trang 91.

Bản đồ 18: Được vẽ theo dữ liệu từ Điều tra dân số Hoa Kỳ 1840, tải xuống từ Hệ thống thông tin địa lý lịch sử quốc gia http://www.nhgis.org/.

Bản đồ 19: Được vẽ theo dữ liệu từ Điều tra dân số Hoa Kỳ 1880, tải xuống từ Hệ thống thông tin địa lý lịch sử quốc gia http://www.nhgis.org/.

Bản đồ 20: Daron Acemoğlu, James A. Robinson và Rafael J. Santos (2010), "The Monopoly of Violence: Evidence from Colombia" (Độc quyền vũ lực: Bằng chứng từ Colombia) trên trang http://scholar.harvard.edu/files/jrobinson/files/monopoly_of_violence.pdf

PHẦN HÌNH ẢNH

(P.313)

Phía bắc hàng rào: Nogales, Arizona, Hoa Kỳ

Jim West/imagebroker.net/Photolibrary

Phía nam hàng rào: Nogales, Sonora, Mexico

Jim West/age totostock/Photolibrary

https://thuviensach.vn

Table of Contents

THÔNG TIN EBOOK
DỰ ÁN HẠNH PHÚC
TRUY TÌM CĂN NGUYÊN THỊNH VƯỢNG
GIỚI THIỆU
ĐỀ MỤC
LỜI NHÀ XUẤT BẢN
LỜI TỰA CHO BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT NAM
LỜI KHEN NGỢI DÀNH CHO Tại sao các quốc gia thất bại
LỜI NÓI ĐẦU
1. RẤT GẦN NHAU MÀ RẤT KHÁC NHAU
    KINH TẾ HỌC VỀ RIO GRANDE
    SỰ RA ĐỜI CỦA BUENOS AIRES
    TỪ CAJAMARCA…
    …CHO ĐẾN JAMESTOWN
    CÂU CHUYỆN VỀ HAI BẢN HIẾN PHÁP
    CÓ MỘT Ý TƯỞNG, THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ KIẾM MỘT KHOẢN VAY
    SỰ THAY ĐỔI BỊ CHI PHỐI BỞI QUÁ KHỨ
    TRỞ THÀNH TỈ PHÚ
    HƯỚNG TỚI MỘT LÝ THUYẾT VỀ CÁCH BIỆT GIÀU NGHÈO TRÊN THẾ GIỚI
2. NHỮNG LÝ THUYẾT KHÔNG THUYẾT PHỤC
    VỊ THẾ CỦA CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI
    GIẢ THUYẾT ĐỊA LÝ
    GIẢ THUYẾT VĂN HÓA
    GIẢ THUYẾT VÔ MINH
3. TẠO RA THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO
    KINH TẾ HỌC VỀ VĨ TUYẾN 38

https://thuviensach.vn

CÁC THỂ CHẾ KINH TẾ CHIẾM ĐOẠT VÀ DUNG HỢP
ĐỘNG CƠ CỦA THỊNH VƯỢNG
CÁC THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ CHIẾM ĐOẠT VÀ DUNG HỢP
TẠI SAO KHÔNG LUÔN LUÔN CHỌN SỰ THỊNH VƯỢNG?
NỖI KHỔ TRIỀN MIÊN CỦA CONGO
TĂNG TRƯỞNG TRONG CÁC THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ CHIẾM ĐOẠT
4. NHỮNG KHÁC BIỆT NHỎ VÀ NHỮNG THỜI ĐIỂM QUYẾT ĐỊNH: SỨC NẶNG CỦA LỊCH SỬ
THẾ GIỚI MÀ DỊCH BỆNH TẠO RA
TẠO RA CÁC THỂ CHẾ DUNG HỢP
NHỮNG KHÁC BIỆT NHỎ NHẶT CÓ Ý NGHĨA
LỘ TRÌNH NGẪU NHIÊN CỦA LỊCH SỬ
TÌM HIỂU VỊ THẾ CÁC NƯỚC
5. “TÔI ĐÃ NHÌN THẤY TƯƠNG LAI, VÀ NÓ ĐANG CHẠY TỐT”: TĂNG TRƯỞNG TRONG CÁC THỂ CHẾ CHIẾM ĐOẠT
TÔI ĐÃ NHÌN THẤY TƯƠNG LAI
BÊN BỜ SÔNG KASAI
MÙA HẠ DÀI
SỰ CHIẾM ĐOẠT KHÔNG ỔN ĐỊNH
ĐIỀU GÌ ĐÃ TRỞ NÊN SAI LẦM?
6. PHÂN HÓA THỂ CHẾ
VENICE ĐÃ TRỞ THÀNH VIỆN BẢO TÀNG NHƯ THẾ NÀO
LA MÃ MỘT THỜI HOÀNG KIM…
…LA MÃ MỘT THỜI SUY TÀN
KHÔNG CÒN AI VIẾT THƯ TỪ VINDOLANDA
CÁC LỘ TRÌNH PHÂN HÓA
NHỮNG HỆ QUẢ CỦA SỰ TĂNG TRƯỞNG BAN ĐẦU
7. BƯỚC NGOẶT THỂ CHẾ
RẮC RỐI VỚI VỚ
XUNG ĐỘT CHÍNH TRỊ LUÔN HIỆN HỮU
CÁCH MẠNG VINH QUANG

https://thuviensach.vn

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP
TẠI SAO LẠI XẢY RA Ở ANH?
8. KHÔNG PHẢI TRÊN LÃNH ĐỊA CỦA CHÚNG TA: CÁC RÀO CẢN PHÁT TRIỂN
LỆNH CẤM IN
SỰ KHÁC BIỆT NHỎ NHẶT CÓ Ý NGHĨA
NỖI LO SỢ VỀ CÔNG NGHIỆP
BẾ QUAN TỎA CẢNG
CHỦ NGHĨA CHUYÊN CHẾ CỦA PRESTER JOHN
DÒNG DÕI CỦA SAMAALE
TÌNH TRẠNG LẠC HẬU KÉO DÀI
9. ĐẢO NGƯỢC SỰ PHÁT TRIỂN
GIA VỊ VÀ DIỆT CHỦNG
MỘT THỂ CHẾ HẾT SỨC QUEN THUỘC
TẠO DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỐI NGẪU
SỰ PHÁT TRIỂN BỊ ĐẢO NGƯỢC
10. TRUYỀN BÁ SỰ THỊNH V ƯỢNG
TRỘM CẮP CŨNG CÓ DANH DỰ
PHÁ VỠ CÁC RÀO CẢN: CUỘC CÁCH MẠNG PHÁP
CÁCH MẠNG LAN TRUYỀN
ĐI TÌM SỰ HIỆN ĐẠI
NGUỒN GỐC CỦA SỰ CÁCH BIỆT GIÀU NGHÈO TRÊN THẾ GIỚI
11. VÒNG XOÁY ĐI LÊN
ĐẠO LUẬT ĐEN (BLACK ACT)
CON ĐƯỜNG DÂN CHỦ GIAN TRUÂN
TẤN CÔNG ĐỘC QUYỀN
THAY MÁU TÒA ÁN
PHẢN HỒI TÍCH CỰC VÀ VÒNG XOÁY ĐI LÊN
12. VÒNG XOÁY ĐI XUỐNG
BẠN KHÔNG THỂ ĐÁP TÀU HỎA ĐẾN BO ĐƯỢC NỮA
TỪ ENCOMIENDA ĐẾN THÂU TÓM ĐẤT ĐAI

https://thuviensach.vn

TỪ CHẾ ĐỘ NÔ LỆ ĐẾN PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC
QUY LUẬT SẮT CỦA THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ ĐẦU SỎ
PHẢN HỒI TIÊU CỰC VÀ VÒNG XOÁY ĐI XUỐNG
13. TẠI SAO CÁC QUỐC GIA NGÀY NAY THẤT BẠI
LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRÚNG SỐ Ở ZIMBABWE
CUỘC THẬP TỰ CHINH CỦA TRẺ EM?
NHÀ NƯỚC LÀ AI?
“EL CORRALITO”
CHỦ NGHĨA CHUYÊN CHẾ MỚI
VUA SỢI BÔNG
SÂN CHƠI NGHIÊNG HẲN VỀ MỘT PHÍA
TẠI SAO CÁC QUỐC GIA THẤT BẠI
14. PHÁ KHUÔN
BA VỊ THỦ LĨNH CHÂU PHI
SỰ SỤP ĐỔ CỦA THỂ CHẾ CHIẾM ĐOẠT Ở MIỀN NAM
SỰ HỒI SINH Ở TRUNG QUỐC
15. TÌM HIỂU SỰ THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO
NGUỒN GỐC LỊCH SỬ
SỨC HÚT MÃNH LIỆT CỦA SỰ TĂNG TRƯỞNG ĐỘC ĐOÁN
BẠN KHÔNG THỂ THIẾT KẾ SỰ THỊNH VƯỢNG
THẤT BẠI CỦA VIỆN TRỢ NƯỚC NGOÀI
TRAO QUYỀN
LỜI CẢM ƠN
TÀI LIỆU VÀ NGUỒN TRA CỨU
CHƯƠNG 1: RẤT GẦN NHAU MÀ RẤT KHÁC NHAU
CHƯƠNG 2: NHỮNG LÝ THUYẾT KHÔNG THUYẾT PHỤC
CHƯƠNG 3: TẠO RA THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO
CHƯƠNG 4: NHỮNG KHÁC BIỆT NHỎ VÀ NHỮNG THỜI ĐIỂM QUYẾT ĐỊNH
CHƯƠNG 5: “TÔI Đ Ã NHÌN THẤY TƯƠNG LAI, VÀ NÓ ĐANG CHẠY TỐT”
CHƯƠNG 6: PHÂN HÓA THỂ CHẾ

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 7: BƯỚC NGOẶT THỂ CHẾ
CHƯƠNG 8: KHÔNG PHẢI TRÊN LÃNH ĐỊA CỦA CHÚNG TA
CHƯƠNG 9: ĐẢO NGƯỢC SỰ PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG 10: TRUYỀN BÁ SỰ THỊNH VƯỢNG
CHƯƠNG 11: VÒNG XOÁY ĐI LÊN
CHƯƠNG 12: VÒNG XOÁY ĐI XUỐNG
CHƯƠNG 13: TẠI SAO CÁC QUỐC GIA NGÀY NAY THẤT BẠI
CHƯƠNG 14: PHÁ KHUÔN
CHƯƠNG 15: TÌM HIỂU SỰ THỊNH VƯỢNG VÀ ĐÓI NGHÈO
NGUỒN GỐC CÁC BẢN ĐỒ

https://thuviensach.vn